

# LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI

WILL & ARIEL DURANT

PHẦN XI

## VĂN MINH THỜI ĐẠI NAPOLEÓN

*The Age of Napoleon*



TẬP 1

## ĐẠI CÁCH MẠNG PHÁP

Bùi Xuân Linh dịch



NHÀ XUẤT BẢN  
KHOA HỌC XÃ HỘI

**IRED**  
INSTITUTE OF EDUCATION

# ĐẠI CÁCH MẠNG PHÁP

## THE STORY OF CIVILIZATION (11 Volumes)

Copyright © 1975 by Will Durant and Ariel Durant

All rights reserved.

Published by arrangement with the original Publisher,  
Simon & Schuster, Inc.

### ĐẠI CÁCH MẠNG PHÁP

Được dịch từ Book 1, “*THE FRENCH REVOLUTION*” của Volume XI,  
*THE AGE OF NAPOLEON*, thuộc Bộ *THE STORY OF CIVILIZATION*

Viện Giáo Dục IRED nắm giữ quyền biên dịch, xuất bản và phát hành ấn bản  
tiếng Việt của Bộ sách **Lịch sử Văn minh Thế giới** (gồm 11 Volumes)  
của tác giả Will & Ariel Durant theo Hợp đồng nhượng quyền  
giữa Simon and Schuster và Viện Giáo Dục IRED.

Bản quyền tác phẩm (gồm 11 Phần/11 Volumes) đã được bảo hộ.  
Bất cứ sự xuất bản, phát hành, sao chép hay trích dẫn nào từ bộ sách này  
mà không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Viện Giáo Dục IRED đều là  
bất hợp pháp và vi phạm Luật Xuất bản Việt Nam, Luật Bản quyền Quốc tế  
và Công ước Bảo hộ Quyền sở hữu trí tuệ Berne.

**LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI**  
WILL & ARIEL DURANT

PHẦN XI  
**VĂN MINH THỜI ĐẠI NAPOLEON**  
*The Age of Napoleon*

TẬP 1  
**ĐẠI CÁCH MẠNG PHÁP**

Bùi Xuân Linh dịch



NHÀ XUẤT BẢN  
KHOA HỌC XÃ HỘI

**IREĐ**  
INSTITUTE OF EDUCATION

# Mục lục

<b>Đôi lời chia sẻ từ IRED Books</b>	<b>viii</b>
<b>Đôi lời từ dịch giả</b>	<b>xi</b>
<b>Danh mục hình ảnh</b>	<b>xv</b>
<b>Tỷ giá các loại tiền tệ</b>	<b>xvi</b>
<b>Chương 1: Bối cảnh cuộc cách mạng: 1774–1789</b>	<b>1</b>
I. Dân tộc Pháp	1
II. Chính quyền	14
<b>Chương 2: Quốc hội 4.5.1789 – 30.9.1791</b>	<b>22</b>
I. Hội nghị Quốc dân đại biểu	22
II. Ngục Bastille	32
III. Marat bước vào sân khấu: 1789	37
IV. Từ bỏ các đặc quyền: 4–5.8.1789	40
V. Tiến về Versailles: 5.10.1789	46
VI. Bản hiến pháp cách mạng: 1790	51
VII. Mirabeau trả món nợ của mình: 2.4.1791	60
VIII. Đến Varennes: 20.6.1791	64
<b>Chương 3: Quốc hội Lập pháp 1.10.1791 – 20.9.1792</b>	<b>68</b>
I. Các nhân vật của vở kịch	68
II. Chiến tranh: 1792	75
III. Danton	83
IV. Cuộc tàn sát: 2–6.9.1792	88
<b>Chương 4: Quốc ước Hội nghị: 21.9.1792 – 26.10.1795</b>	<b>97</b>
I. Nền cộng hòa mới	97
II. Cuộc cách mạng thứ nhì: 1793	108
III. Marat rời sân khấu: 13.7.1793	117
IV. “Siêu ủy ban”: 1793	121

V. Thời thống trị của khủng bố: 17.9.1793 đến 28.7.1794	128
1. Những vị thần khát máu	128
2. Thời kỳ Khủng bố tại các tỉnh	139
3. Cuộc chiến chống tôn giáo	146
4. Cách mạng ăn thịt những đứa con của nó	151
VI. Những người Nhiệt nguyệt [Thermidoriens]: 29.7.1794 – 26.10.1795	170
<b>Chương 5: Chấp chính ban: 2.11.1795 – 9.11.1799</b>	<b>179</b>
I. Chính phủ mới	179
II. Chàng thanh niên Napoléon: 1769–1795	184
III. Joséphine de Beauharnais	195
IV. Con lốc Ý: 27.3.1796 – 5.12.1797	198
V. Cuộc đảo chính ngày 18 Fructidor: 4.9.1797	216
VI. Giấc mộng Đông phương: 19.5.1798 – 8.10.1799	222
VII. Thời suy tàn của Chấp chính ban: 4.9.1797 – 9.11.1799	233
VIII. Napoléon nắm quyền: Ngày 18 Brumaire (9.11.1799)	242
<b>Chương 6: Đời sống dưới thời Cách mạng 1789–1799</b>	<b>252</b>
I. Những giai cấp mới	252
II. Nền đạo đức mới	261
1. Đạo đức và pháp luật	261
2. Đạo đức về tình dục	266
III. Phong tục	271
IV. Âm nhạc và kịch nghệ	276
V. Các nghệ sĩ tạo hình	282
VI. Khoa học và triết học	287
VII. Sách và tác giả	294
VIII. Phụ nhân Staël và Cách mạng	298
IX. Một vài cảm nghĩ	309
<b>Chú thích</b>	<b>318</b>
<b>Thư mục tham khảo</b>	<b>328</b>
<b>Bảng dẫn</b>	<b>345</b>

## Đôi lời chia sẻ từ IRED Books

Quý vị đang cầm trên tay một trong những tập sách nằm trong bộ “biên niên sử” đồ sộ về các nền văn minh trải dài trong suốt 2.500 năm lịch sử của nhân loại: “LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI - THE STORY OF CIVILIZATION” - một trong những bộ sách về lịch sử các nền văn minh thành công nhất và phổ biến nhất từ trước đến nay trên thế giới!

Hầu như ai trong chúng ta cũng muốn trở thành con người văn minh, gia đình nào cũng muốn trở thành gia đình văn minh, tổ chức nào cũng muốn trở thành tổ chức văn minh, đất nước nào cũng muốn trở thành quốc gia văn minh.

Nhưng thế nào là “*văn minh*”, và làm sao chúng ta có thể tìm hiểu và học hỏi từ các nền văn minh trên thế giới từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây một cách nhanh nhất và trọn vẹn nhất để làm giàu văn minh của chính mình, gia đình mình, tổ chức mình và dân tộc mình?

Lời đáp nằm ở Bộ sách LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI - THE STORY OF CIVILIZATION của tác giả Will & Ariel Durant mà IRED Books đã kỳ công mua bản quyền, tổ chức biên dịch, chú giải và lần đầu tiên xuất bản trọn bộ tại Việt Nam. Bộ sách này đặc biệt không chỉ được viết cho giới nghiên cứu, học thuật hay giới thức giả, mà còn được viết cho độc giả *đại chúng* nhằm giúp đông đảo mọi người có thể tiếp cận với các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử nhân loại.

Để hoàn tất bộ *The Story of Civilization* bao gồm 11 Phần này (mỗi Phần gồm 4-5 Tập sách), tác giả Will Durant & Ariel Durant đã dồn mọi tâm sức và làm việc miệt mài suốt gần nửa thế kỷ (từ 1929 đến 1975) để tạo nên một thể loại mới mà họ gọi là “lịch sử tích hợp” (integral history) thông qua ngòi bút “kể chuyện” bậc thầy, nhằm thể hiện một cách sinh động nhất những gì đã góp phần vào việc hình thành, phát triển và cả sự suy tàn của các nền văn minh.

Chúng ta không nhất thiết phải đọc từ đầu đến cuối theo thứ tự từng Phần hay từng Tập hay từng Chương của Bộ sách này, mà người đọc có thể dễ dàng chọn đọc để tìm hiểu bất kỳ giai đoạn lịch sử hay bất kỳ nền văn minh nào trong Bộ sách mà mình quan tâm, như thể đây một cuốn “*từ điển văn minh*” đầy những trải nghiệm mang lại cho chúng ta những hiểu biết cô đọng về các nền văn minh trải dài trong lịch sử nhân loại.

Chính vì thế, công trình truyền đời này đã dễ dàng đi vào lòng người đọc trên khắp thế giới và mang trong mình tính kinh điển & bất hủ của nó, bởi lẽ hiếm có ai dành trọn cuộc đời mình như ông bà Durant để làm ra bộ sách lịch sử văn minh đồ sộ như vậy. Xuyên suốt chiều dài 2.500 năm lịch sử, bộ sách mô tả văn minh của từng thời đại khác nhau, thể hiện một quan niệm tiến bộ và hài hòa về cách đọc và cách hiểu lịch sử, với đầy đủ các khía cạnh không chỉ bao gồm các cuộc chiến tranh, diễn biến chính trị, tiểu sử của những vĩ nhân hay những tội đồ, mà còn cả văn hoá, nghệ thuật, triết học, tôn giáo, và cả sự trỗi dậy của thông tin đại chúng.

Do đó, chúng ta có thể gọi bộ LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI này là một trong những bộ ghi chép về lịch sử văn minh thành công nhất và phổ biến đại chúng nhất từ trước đến nay. Phần 10 của bộ sách này đã được trao giải Pulitzer năm 1968 về thể loại phi hư cấu; sau đó tác giả bộ sách đã được Tổng thống Gerald Ford trao huân chương cao quý nhất của Chính phủ Mỹ dành cho cá nhân, Huân chương Tự do của Tổng thống năm 1977.

Bộ “Lịch sử Văn minh Thế giới” đã thành công ngoài sức tưởng tượng, đã được dịch ra nhiều ngôn ngữ, xuất bản ở nhiều nước trên thế giới và là bộ sách không thể thiếu ở vô số các thư viện lớn nhỏ trên khắp toàn cầu. Và nay, Bộ sách đã được IRED Books hoàn tất việc mua bản quyền, tổ chức dịch thuật và chú giải trọn bộ bằng Tiếng Việt dành riêng cho độc giả Việt Nam để có thể cùng được trải nghiệm “biên niên sử” này của nhân loại. Có thể nói, việc dịch bộ sách này ra tiếng nước mình chính là mong muốn của nhiều quốc gia để góp phần giúp người dân nâng cao kiến thức và cảm thức về các nền văn minh quan trọng nhất trong lịch sử nhân loại, từ đó rút ra bài học quý giá cho chính mình và cho cả dân tộc mình.

Nếu bạn đang cầm trên tay tập sách này, thì có thể nói rằng bạn đang cầm trên tay một “mảnh ghép bất biến” của lịch sử. Nếu sưu tầm đầy đủ 11 Phần của cả Bộ sách này, thì có thể nói rằng bạn đọc đang chứa cả một “kho tàng lịch sử văn minh nhân loại” trong tủ sách nhà mình. Bởi lẽ, tất cả mọi thứ đều có thể thay đổi, nhưng lịch sử thì không. Chính vì thế, dù không thể tránh khỏi những khuyết thiếu nhất định, nhưng bộ sách này vẫn sẽ trường tồn về mặt giá trị và sống mãi theo thời gian

T/M IRED Books  
GIẢN TƯ TRUNG

## Đôi lời từ dịch giả

Cho đến nay, chắc độc giả Việt Nam không còn xa lạ lắm với tên tuổi của Will Durant và phu nhân của ông là Ariel Durant, cũng như bộ LỊCH SỬ VĂN MINH mà hai ông bà là đồng tác giả.<sup>i</sup> Trước năm 1975, cuốn Câu chuyện Triết học nổi tiếng của Will Durant đã được Viện Đại học Vạn Hạnh xuất bản. Về bộ LỊCH SỬ VĂN MINH, học giả Nguyễn Hiến Lê đã giới thiệu với người đọc qua bản lược dịch một số chương chọn lọc của Phần I: *Di sản Phương Đông* và in thành vài cuốn riêng rẽ: *Lịch sử Văn minh Ấn Độ*, *Lịch sử Văn minh Trung Quốc* ... Theo lời Nguyễn Hiến Lê thì “Tác phẩm lớn quá,<sup>ii</sup> số độc giả nước mình còn ít, dù có người kiên tâm dịch trọn thì cũng không có nhà nào xuất bản nổi.”

Đến nay sau gần năm mươi năm, đất nước thống nhất, dân số phát triển và số người đọc tăng cao, điều kiện thứ nhất coi như thỏa mãn; chỉ còn chờ tâm huyết, thực lực, và sự kiên trì của một nhà xuất bản để đứng ra tổ chức việc dịch thuật và ấn loát trọn vẹn công trình vĩ đại và đầy tính nhân bản này. Và may mắn thay, với IRED Books (thuộc Viện Giáo Dục IRED), những điều kiện thuận lợi cho sự xuất hiện đầy đủ của bộ sách đã được thỏa mãn.

---

i Trong 11 tập của bộ sử thì sáu tập đầu Will Durant đứng tên tác giả, từ tập thứ bảy trở đi hai Ông Bà ký tên chung: Will và Ariel Durant.

ii Nguyên tác tiếng Anh gồm 11 Phần in thành 11 tập khổ lớn, mỗi tập trên dưới 1.000 trang. Bản dịch tiếng Pháp của nhà Rencontre, Thụy Sĩ, gồm 32 cuốn.

Trong đợt ra mắt lần đầu này, IRED Books sẽ giới thiệu Phần cuối,<sup>i</sup> tức Phần XI của bộ sách: *Văn minh thời đại Napoléon* mà chúng tôi chia làm bốn tập:

1. Đại Cách mạng Pháp
2. Triều đại Napoléon
3. Văn minh Anh quốc, 1789 - 1812
4. Âu lục và Thời đại Napoléon

Cách trình bày của các tác giả tiện lợi ở chỗ người đọc có thể đọc theo chiều dọc một mạch từ tập 1 đến tập 4 để tìm hiểu về châu Âu vào thời của Napoléon, hoặc tách riêng từng tập để đọc theo chiều ngang như cách mà chúng tôi giới thiệu ở trên, trong đó mỗi tập là một chủ đề được trình bày đầy đủ, có lớp lang. Tương tự, nhìn trong tổng thể 11 phần của bộ sử, người đọc cũng thấy mình có quyền lấy ra phần nào đáng quan tâm nhất, thích thú nhất, để đọc trước, như một tác phẩm hoàn chỉnh.

Nói về Cách mạng Pháp, có lẽ hầu hết chúng ta đều liên tưởng đến khí thế sôi nổi, những kỳ vọng mà nó gợi lên, những sự tàn bạo trong quá trình diễn tiến; cũng như những thành quả về các mặt chính trị, xã hội, văn hoá và ảnh hưởng của nó đối với cả thế giới kể từ khi ra đời năm 1789. Từ hơn hai trăm năm nay, bất cứ cuộc cách mạng nào trên thế giới nhằm lật đổ chế độ quân chủ và phong kiến, hoặc mang màu sắc đấu tranh giai cấp, cũng làm người ta nghĩ đến Cách mạng Pháp.

---

i Mặc dù có ý định viết đến tận thế kỷ XX, Ông Bà Durant đã phải nói lời từ biệt ở cuối Phần X: Thời đại Rousseau (in năm 1967) vì không đủ thời gian. Tuy nhiên sau đó họ đã xuất bản thêm một Phần nữa, Phần XI: Văn minh thời đại Napoléon, vào năm 1975. Ngoài ra Ông Bà còn để lại nhiều ghi chép cho Phần XII: Thời đại Darwin và dàn ý cho Phần XIII: Thời đại Einstein, mà nếu được xuất bản sẽ kéo dài bộ sách đến tận năm 1945.

Chúng tôi xin mượn lời của các Giáo sư Crane Brinton và Robert Lee Wolff (cùng ở Trường Đại học Harvard) và John B. Christopher (Trường Đại học Rochester) khi nói về cuộc Cách mạng Pháp trong bộ *Văn minh Tây phương*<sup>i</sup> mà chúng tôi lấy làm tâm đắc:

Không một cuộc cách mạng vĩ đại nào trong thời cận kim, kể cả cuộc Cách mạng Hoa Kỳ, đã xảy ra trong bầu không khí tung bừng như vậy cả. Dù có tư tưởng tự do, ngày nay không ai có thể nghĩ về cách mạng với một cảm tình như vậy. Những cuộc cách mạng của thế kỷ XX đã không mở màn một thế giới tốt đẹp cho tất cả nhân loại. Chúng đều thoát thai từ những thất bại và tuyệt vọng ... như nước Đức ... hay tại những quốc gia “thuộc địa” chậm tiến phải đương đầu với các trở lực để bước kịp những cường quốc tiên tiến “đế quốc”. Trái lại, cuộc Cách mạng Pháp bùng nổ tại một trong những quốc gia tiến bộ nhất bấy giờ, vào thời bình, và trong bầu không khí tin tưởng và hy vọng.

[Đây là]... Một phong trào đầy tính cách truyền giáo lan rộng như một sách phúc âm lôi cuốn nhiều tín đồ, dù chỉ là những nhóm thiểu số, tại mọi nước Tây phương.

... Ngoài ra, cuộc Cách mạng Pháp còn quan trọng đối với các nhà sử học và xã hội học muốn tìm một số định luật tổng quát của cách mạng. Từ đó đến nay, mọi nhà cách mạng như đảng Carbonari ở Ý đầu thế kỷ XIX, hay Lenin và Trotsky đầu thế kỷ XX, và Ben Bella ở Algérie mới đây... đều đã nghiên cứu Cách mạng Pháp rất kỹ lưỡng. Những người tìm hiểu cách mạng khác nhau đã tìm thấy ở Cách mạng Pháp một cái mẫu mực gần như điển hình hay cổ điển, với vô số tài liệu, văn kiện lịch

---

i Crane Brinton et al, Văn minh Tây phương, bản dịch của Nguyễn Văn Lương. Bộ Văn hoá Giáo dục & Thanh niên xuất bản, Sài gòn, 1974.

sử có đầu có đuôi rõ ràng, có tiến trình, có động lực, có tăng trưởng, dễ mô tả và phân tích. So với những biến cố thời nay, cuộc Cách mạng Pháp hầu như quá xa xưa nhưng thực ra thì không xa lạ gì lắm đối với những tình cảm, những thành kiến, những lý tưởng của chúng ta. Thực ra, cuộc Cách mạng Pháp vẫn còn tiếp diễn, và vì vậy khó mà xét một cách hoàn toàn khách quan được.

Giai đoạn lịch sử đầy hứng khởi, đau thương và huy hoàng này chỉ có mười năm nhưng chứa đầy các nhân vật và sự kiện quan trọng cùng những liên hệ đến lịch sử, văn hoá cổ đại thời Hy - La được thể hiện qua ngòi bút tài hoa nhưng súc tích của Ông Bà Durant. Do đó, để tiện việc tra cứu của bạn đọc, chúng tôi đã đưa vào một số cước chú. Ngoài ra, trong nguyên tác có chứa nhiều tiếng Pháp. Trường hợp này chúng tôi không đưa xuống cước chú mà chuyển sang tiếng Việt ngay bên cạnh và đặt trong ngoặc vuông.

Như thường lệ, chúng tôi xin hoan nghênh góp ý của bạn đọc về mọi sai sót chắc không sao tránh khỏi để hoàn thiện cuốn sách thêm nữa trong lần tái bản.

Tháng Chín 2019  
*Dịch giả* BÙI XUÂN LINH

## Danh mục hình ảnh

Hình 1.	Đẳng cấp tăng lũy và quý tộc cưỡi trên lưng đẳng cấp thứ ba	12
Hình 2.	Chân dung Louis XVI trong lễ phục đẳng quang	17
Hình 3.	Robespierre	24
Hình 4.	Mirabeau	28
Hình 5.	Cảnh chiếm ngục Bastille và bắt Launay	35
Hình 6.	Khai mạc Hội nghị Quốc dân đại biểu ngày 5.5.1789 ở Versailles	42
Hình 7.	Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền	47
Hình 8.	La Fayette	50
Hình 9.	Talleyrand	54
Hình 10.	Tờ tín phiếu 500 livre	56
Hình 11.	Tượng Mirabeau ở Pháp đình Aix-en-Provence	63
Hình 12.	Bà Roland	74
Hình 13.	Tượng Danton	85
Hình 14.	Cuộc hành hình vua Louis XVI	109
Hình 15.	Marat bị ám sát	120
Hình 16.	Lazare Nicolas Marguerite Carnot	123
Hình 17.	Hoàng hậu Marie-Antoinette	135
Hình 18.	Lễ hội Đấng tối cao	161
Hình 19.	Saint-Just	167
Hình 20.	Paul Barras	181
Hình 21.	Tượng <i>La Venere vincitrice</i>	188
Hình 22.	Joséphine trong lễ phục đẳng quang	196
Hình 23.	Napoléon Bonaparte trên cầu tại Arcole	213
Hình 24.	Tướng Bonaparte ở Hội đồng Năm trăm người	251
Hình 25.	Tranh “Lời thề của các chàng trai nhà Horatius”	281
Hình 26.	Tượng Lavoisier	289
Hình 27.	André Chénier	297
Hình 28.	Phu nhân Staël	301

## Tỷ giá các loại tiền tệ

Không có công thức nào để tính tỷ giá các loại tiền tệ: Cách đây hai trăm năm, các đồng tiền có cùng tên gọi như ngày nay thường có giá cao hơn bây giờ nhiều, nhưng cũng có khi thấp hơn. Trong lịch sử, đồng tiền luôn bị lạm phát, dù đây chỉ là một phương cách quen thuộc nhằm trả các món nợ của chính phủ qua những đợt giảm giá tiền tệ được lập đi lập lại; nhưng khái niệm cho rằng trong quá khứ hàng hoá rẻ hơn ngày nay có lẽ xuất phát từ lòng yêu mến một thời xa xưa; về mặt lao động bỏ ra để kiếm tiền mua chúng thì thường là mắc hơn. Nói chung, với nhiều ngoại lệ và sai biệt giữa các quốc gia, chúng ta có thể tính tỷ giá của một số tiền tệ châu Âu vào năm 1789 với đồng đô la Mỹ vào năm 1970 như sau:

Crown,	6,25\$
Lira,	1,25\$
Ducat,	12,50\$
Livre,	1,25\$
Florin,	2,50\$
Louis d'or,	25,00\$
Franc,	1,25\$
Mark,	1,25\$
Groschen,	14 cent
Pound,	25,00\$
Guilder,	5,25\$
Shilling,	1,25\$
Guinea,	26,25\$
Sou,	5 cents
Gulden,	5,00\$
Thaler,	5,25\$
Kreuzer,	1/2 cent

## Chương 1

# Bối cảnh cuộc cách mạng: 1774 - 1789

### I. Dân tộc Pháp

Pháp là quốc gia phồn vinh và đông dân nhất châu Âu. Vào năm 1780 nước Nga có 24 triệu dân, Ý 17 triệu, Tây Ban Nha (TBN) 10 triệu, Anh 9 triệu, Phổ 8,6 triệu, Áo 7,9 triệu, Ireland 4 triệu, Bỉ 2,2 triệu, Bồ Đào Nha 2,1 triệu, Thụy Điển 2 triệu, Hà Lan 1,9 triệu, Thụy Sĩ 1,4 triệu, Đan Mạch 800.000, Na Uy 700.000, Pháp 25 triệu.<sup>1</sup> Paris là thành phố lớn nhất châu Âu, với khoảng 650.000 dân, những người được giáo dục tốt nhất và dễ bị kích động nhất châu Âu.

Người dân Pháp được chia thành ba hạng, hay đẳng cấp [*état* – giới]: tầng lữ, khoảng 130.000 người;<sup>2</sup> quý tộc, khoảng 400.000; và đẳng cấp thứ ba, bao gồm mọi người còn lại. Cuộc Cách mạng là nỗ lực của đẳng cấp thứ ba vốn đang trỗi dậy về mặt kinh tế nhưng lại chịu nhiều thiệt thòi về mặt chính trị này nhằm đạt được quyền lực chính trị tương xứng với sự thịnh vượng ngày càng phát triển của họ. Mỗi đẳng cấp lại chia thành những phân nhóm hay những tầng lớp, khiến cho gần như ai cũng được hưởng sự nể trọng của những người dưới mình.

Đẳng cấp giàu có nhất là những người trong hệ thống chức sắc của giáo hội – các hồng y, tổng giám mục, giám mục, và tu viện trưởng; các cha xứ và cha phó ở thôn quê nằm trong số những người nghèo nhất. Ở đây yếu tố kinh tế đã vượt qua những lẫn ranh của giáo điều và trong cuộc Cách mạng, giới tầng lữ cấp dưới đã sát cánh với những người

bình dân chống lại bề trên của chính họ. Đời sống tu hành đã mất đi sức hấp dẫn, số tu sĩ Bénédictine<sup>i</sup> đã giảm từ 6.434 người vào năm 1770 xuống còn 4.300 người vào năm 1790; chín dòng tu đã bị giải tán vào năm 1780 và vào năm 1773 Dòng Tên bị giải thể. Tôn giáo nói chung đã suy tàn trong các đô thị của Pháp; tại nhiều thành phố các nhà thờ bị trống đến một nửa; và trong giới nông dân những phong tục ngoại giáo và những điều mê tín cổ xưa cạnh tranh gay gắt với những giáo điều và nghi lễ của Giáo hội Công giáo.<sup>3</sup> Tuy nhiên, các nữ tu sĩ vẫn còn cống hiến tích cực cho hoạt động giáo dục và chăm sóc bệnh nhân, họ được cả người giàu lẫn người nghèo kính trọng. Ngay cả trong thời đại hoài nghi và thực dụng ấy vẫn có hàng ngàn phụ nữ, trẻ em, và đàn ông tìm cách giảm bớt những điều bất hạnh của cuộc sống bằng lòng mộ đạo, nuôi dưỡng trí tưởng tượng của họ bằng những câu chuyện kể về các vị thánh, phá vỡ sự tiếp nối tẻ nhạt của những chuỗi ngày vất vả bằng việc hành lễ tôn giáo và nghỉ ngơi, và tìm thấy trong những hy vọng tôn giáo một niềm an ủi cho sự thất bại và một nơi trú ẩn tránh khỏi nỗi hoang mang và tuyệt vọng.

Nhà nước ủng hộ Giáo hội vì các chính khách thường đồng ý rằng giới tăng lữ đem lại cho họ sự giúp đỡ không thể thiếu trong việc duy trì trật tự xã hội. Theo quan điểm của họ, sự bất bình đẳng tự nhiên về khả năng thiên phú giữa con người với nhau khiến cho sự bất bình đẳng trong việc phân chia của cải trở nên không thể tránh được. Vì sự an toàn của các giai cấp đang sở hữu của cải, có vẻ như điều quan trọng là phải duy trì một giới tăng lữ để cung cấp cho người nghèo những lời khuyên về thái độ khiêm tốn ôn hòa và mong đợi một Thiên đường như một sự đền bù. Điều rất có ý nghĩa đối với nước Pháp là gia đình, được củng cố thêm bởi tôn

---

i Dòng tu này do thánh Benedetto da Norcia (người Ý) sáng lập. Người Pháp gọi ông là *Thánh Benoît* và gọi tu sĩ theo dòng này là *Bénédictine*. Ở Việt Nam, tên gọi của dòng này được dịch thành *Biển Đức*.

giáo, vẫn còn là nền tảng cho sự ổn định quốc gia qua bao thăng trầm của nhà nước. Ngoài ra, sự phục tùng còn được khuyến khích bởi niềm tin vào quyền thiêng liêng của các vị vua – nguồn gốc thần thánh của việc bổ nhiệm và quyền lực của họ; giới tăng lữ khắc sâu niềm tin này và các vị vua cảm thấy huyền thoại này là một trợ giúp quý báu cho sự an toàn cá nhân của họ, cũng như cho việc cai trị được trật tự. Do đó họ để cho giới tăng lữ Công giáo đảm đương hầu hết mọi hình thức giáo dục công cộng; và khi sự phát triển của đạo Tin Lành ở Pháp đe dọa làm suy yếu uy quyền và ích lợi của Giáo hội quốc gia, các tín đồ Tin Lành ở Pháp [Huguenot] đã bị trục xuất một cách tàn nhẫn.

Biết ơn vì những sự giúp ích này, nhà nước cho phép Giáo hội được thu thuế thập phân<sup>i</sup> và những lợi tức khác từ mỗi giáo khu, và quản lý việc lập di chúc – tức là khuyến khích những kẻ tội lỗi đang hấp hối mua những chứng từ nhận nợ mà họ có thể thu lại được ở thượng giới, đổi lấy việc để lại tài sản dưới trần này cho Giáo hội. Chính quyền miễn thuế cho giới tăng lữ và tự hài lòng với việc thỉnh thoảng nhận được một khoản cống nạp (*don gratuit*) đáng kể từ Giáo hội. Được hưởng nhiều đặc quyền, Giáo hội ở Pháp tích lũy những lãnh địa lớn mà một số người ước tính chiếm khoảng 1/5 lãnh thổ;<sup>4</sup> và cai quản chúng như những vùng đất phong kiến, thu các nghĩa vụ phong kiến. Giáo hội biến những món đóng góp của các tín đồ thành vật trang trí bằng vàng và bạc, cũng giống như những đồ châu báu của hoàng gia, vốn là những công cụ bảo đảm được thánh hóa và không thể xúc phạm nhằm chống lại tình trạng lạm phát đã ăn sâu vào lịch sử.

---

i Thuế thập phân [*Pháp*, dime; *Anh*, tithe]: Một tập tục có từ thời Cựu ước và được Giáo hội Công giáo áp dụng, buộc mỗi người đóng 10% thu nhập của mình cho những mục đích tôn giáo. Số tiền (hoặc giá trị tương đương bằng hoa màu, gia súc ...) được dùng để chu cấp cho các tu sĩ, xây dựng hoặc bảo trì nhà thờ, hoặc cứu giúp người nghèo.

Nhiều linh mục giáo xứ, do bị thuế thập phân tước mất thu nhập, đã phải làm việc cực nhọc trong cảnh nghèo khó nhưng đầy đức hạnh, trong khi nhiều giám mục sống trong cảnh thanh lịch huy hoàng và các tổng giám mục cao quý thì bỏ mặc giáo phận của mình để quanh quẩn bên triều đình của nhà vua. Do chính phủ Pháp đã tiến gần đến tình trạng phá sản, trong khi Giáo hội Pháp (theo ước tính của Talleyrand) được hưởng một lợi tức hàng năm tới 150 triệu livre,<sup>i</sup> đẳng cấp thứ ba đang oằn lưng với cảnh sưu cao thuế nặng tự hỏi tại sao Giáo hội không bị buộc chia sẻ của cải của mình với nhà nước. Vào lúc nền văn học vô tín ngưỡng lan tràn, hàng ngàn công dân thuộc giai cấp trung lưu và hàng trăm nhà quý tộc đã rũ bỏ đức tin Thiên Chúa giáo, sẵn sàng đứng nhìn với vẻ bình thản khôn ngoan những cảnh tượng Cách mạng cướp bóc kho cất giấu của cải thiêng liêng, được bảo vệ cẩn mật.

Giới quý tộc mơ hồ ý thức được rằng họ đã sống lâu hơn nhiều chức năng vốn là lý do tồn tại của họ. Bộ phận đáng tự hào nhất trong tầng lớp quý tộc, quý tộc bảo kiếm [*noblesse d'épée*], đã từng giữ vai trò như người bảo vệ về quân sự, người điều khiển về kinh tế và người đứng đầu trong lĩnh vực tư pháp của các cộng đồng nông nghiệp; nhưng phần lớn những công việc này đã bị thay thế bởi chính sách trung ương tập quyền và nền hành chính dưới quyền của Richelieu và Louis XIV; nhiều lãnh chúa giờ đây sống trong triều và bỏ bê lãnh địa của mình; và trang phục sang trọng, cách cư xử trang nhã và sự tử tế<sup>5</sup> nói chung của họ, vào năm 1789, dường như không đủ là lý do để sở hữu một phần tư đất đai và thu nghĩa vụ phong kiến.

Những gia đình cổ xưa hơn trong số họ tự gọi mình là *la noblesse de race* [quý tộc dòng dõi], vạch ra nguồn gốc của

---

<sup>i</sup> Một livre hay một franc ở Pháp năm 1789 tương đương với khoảng 1,25 USD tại Mỹ năm 1970 (Durant).

họ từ những người Frank<sup>i</sup> thuộc tộc German đã chinh phục và đặt tên lại cho xứ Gaul<sup>ii</sup> từ thế kỷ V; năm 1789 Camille Desmoulins dùng niềm kiêu hãnh này để chống lại chính họ như những kẻ xâm lược nước ngoài khi ông ta kêu gọi Cách mạng như một sự báo thù chủng tộc đã bị trì hoãn quá lâu. Thật sự khoảng 95% quý tộc Pháp ngày càng mang tính thị dân và chịu ảnh hưởng của người Celts,<sup>iii</sup> sau khi kết hợp đất đai và tước vị của họ với tài sản mới có và những bộ óc lạnh lợi của giai cấp trung lưu.

Một bộ phận đang lên của giới quý tộc – *noblesse de robe*, quý tộc áo choàng – gồm khoảng 4.000 gia đình mà người đứng đầu được bổ nhiệm vào những chức vụ tư pháp hay hành chính; những ai giữ các chức vụ này sẽ tự động được ban cho tước hiệu quý tộc. Do hầu hết các chức vụ này được nhà vua hay các bộ trưởng của ông bán để tăng thêm thu nhập cho nhà nước, nên nhiều người trong số những kẻ mua quan bán tước cảm thấy họ có quyền lấy lại khoản chi phí đã bỏ ra bằng cách vui vẻ chấp nhận những khoản hối lộ;<sup>6</sup> “tính dễ mua chuộc nơi công đường” trở thành “phổ biến một cách bất thường ở Pháp”,<sup>7</sup> và là một trong hàng trăm lý do để bất mãn với chế độ đang hấp hối. Một số các chức vụ và cấp bậc này mang tính thế tập, và vì số người giữ các chức tước này

- 
- i Frank: Một bộ phận của dân tộc German, từng xâm chiếm phía tây đế quốc La Mã từ thế kỷ thứ V. Chiếm lĩnh các khu vực mà ngày nay là miền Bắc nước Pháp, Bỉ, và miền tây nước Đức, người Frank đã thiết lập nên vương quốc hùng mạnh nhất ở Tây Âu trong khoảng thời gian đầu thời Trung cổ. Chữ France (Francia) phát sinh từ tên Frank này của họ.
  - ii Gaul: Miền đất người Gauls cổ cư ngụ, bao gồm nước Pháp, một phần nước Bỉ, Tây Đức và Bắc Ý ngày nay.
  - iii Celt: Một bộ phận của dân tộc Ấn-Âu trong thời kỳ đầu, phân tán hầu khắp châu Âu từ thiên niên kỷ II trCN đến thế kỷ I trCN. Các bộ lạc và nhóm người của họ sau cùng ở rải rác từ quần đảo Anh và bắc TBN đến tận phía đông ở Transylvania, bờ Biển Đen, và Galatia ở Anatolia, một phần bị sáp nhập vào đế quốc La Mã thành người Britons, Gauls, Boii, Galatians, và Celtiberians.

ngày càng đông, đặc biệt trong các đại pháp viện [*parlement*], tức toà án, của nhiều địa phương, lòng kiêu hãnh và quyền lực của họ đã lên cao tới mức vào năm 1787 Đại pháp viện Paris khẳng định mình có quyền phủ quyết những sắc lệnh của nhà vua. Nếu nói về thời gian, cuộc Cách mạng đã bắt đầu từ chỗ gần trên đỉnh cao nhất.

\* \* \*

Trong tập sách nhỏ *Qu'est-ce que le Tiers état?* [Đẳng cấp thứ ba là gì?] xuất bản vào tháng Một năm 1789, Tu viện trưởng Emmanuel-Joseph Sieyès đã hỏi và trả lời ba câu hỏi: Đẳng cấp thứ ba là gì? Là mọi thứ. Cho đến nay nó đã là gì? Không là gì cả. Nó muốn trở thành cái gì? Một thứ gì đó,<sup>8</sup> hoặc, như Chamfort cải chính, *tout*— mọi thứ. Nó gần như là mọi thứ. Nó bao gồm giới thị dân, hoặc trung lưu, với 100.000 gia đình<sup>9</sup> và những tầng lớp trong đó – các chủ ngân hàng, người môi giới, chủ xí nghiệp, thương gia, quản trị gia, luật sư, bác sĩ, nhà khoa học, giáo sư, nghệ sĩ, văn sĩ, ký giả, báo chí (“đẳng cấp” thứ tư, hay quyền lực thứ tư); và đám *menu peuple*, “thứ dân” (đôi khi được gọi là “dân chúng”), bao gồm giới vô sản và những tiểu thương thành thị, các công nhân vận tải đường bộ hay đường thủy, và giới nông dân.

Các giai cấp trung lưu lớp trên nắm giữ và quản lý một lực lượng đang nổi lên và lan rộng: quyền lực của đồng tiền lưu động và các hình thức tư bản khác trong cuộc cạnh tranh lẫn lút, ngày càng lan rộng, đối với quyền lực của đất đai vốn không thay đổi hay một tín ngưỡng đang suy tàn. Họ đầu cơ vào các thị trường chứng khoán ở Paris, London, và Amsterdam, và, như ước tính của Necker, kiểm soát một nửa lượng tiền của châu Âu.<sup>10</sup> Họ cung cấp tài chính cho chính phủ Pháp bằng các khoản cho vay, và đe dọa lật đổ nó nếu các khoản vay và lệ phí của họ không được thanh toán đúng hạn. Họ sở hữu hoặc quản lý ngành công nghiệp khai mỏ và luyện

kim đang phát triển nhanh chóng ở phía bắc nước Pháp, công nghiệp dệt ở Lyon, Troyes, Abbeville, Lille, và Rouen, các xưởng sắt và muối ở Lorraine, các nhà máy xà phòng ở Marseilles, các xưởng thuộc da ở Paris. Họ quản lý nền công nghiệp tư bản chủ nghĩa vốn đang thay thế các xưởng thủ công và các phường hội của quá khứ, họ chào đón học thuyết của phái Trọng nông<sup>11</sup> cho rằng hoạt động kinh doanh tự do sẽ có tính kích thích và sinh lợi hơn quy định truyền thống của nhà nước đối với công nghiệp và thương mại. Họ tài trợ và tổ chức quá trình biến đổi của các nguyên liệu thô thành các hàng hóa thành phẩm, và vận chuyển chúng từ nơi sản xuất đến người tiêu thụ, kiếm lợi nhuận ở cả hai đầu. Họ hưởng lợi từ 50.000 km đường giao thông vào loại tốt nhất châu Âu, nhưng họ lên án các loại lệ phí đánh vào việc sử dụng đường sá và kênh đào của nước Pháp, và các hệ thống đo lường khác nhau mà mỗi tỉnh, do lòng ganh tị nhau, vẫn cố duy trì. Họ kiểm soát nền thương mại đang làm giàu cho Bordeaux, Marseilles, và Nantes; họ thành lập những công ty chứng khoán khổng lồ như Compagnie des Indes và Compagnie des Eaux; họ mở rộng thị trường từ thành thị ra khắp thế giới; và thông qua công cuộc mậu dịch này, họ phát triển cho nước Pháp một đế quốc hải ngoại chỉ đứng thứ nhì sau đế quốc của Anh. Họ cảm thấy rằng họ, chứ không phải giới quý tộc, là những người tạo nên sự thịnh vượng ngày càng phát triển của Pháp, và họ quyết định chia sẻ một cách bình đẳng với giới quý tộc và giới tăng lữ những sự ưu đãi và bổ dụng trong chính quyền, địa vị trước pháp luật và trong triều đình, cũng như trong việc tiếp cận mọi đặc quyền và sự trọng đãi của xã hội Pháp. Khi Manon Roland, người phụ nữ tao nhã, có học thức và đầy tài năng nhưng thuộc giai cấp tư sản, được mời đến thăm một phụ nữ quý tộc và được yêu cầu ăn với đám gia nhân của bà này thay vì ngồi cùng bàn với các vị khách quý tộc, bà đã cất cao tiếng kêu phản kháng đi vào những con tim của giai cấp trung lưu.<sup>12</sup> Những sự

phần uất và những khát vọng như thế đã nằm trong tư tưởng của họ khi họ hưởng ứng khẩu hiệu của cách mạng: “Tự do, bình đẳng, bác ái”; họ không có ý muốn nó áp dụng theo chiều hướng từ dưới lên cũng như từ trên xuống, nhưng nó đạt được mục đích cần thiết cho đến khi được xem xét lại. Trong khi đó giới thị dân trở thành lực lượng hùng mạnh nhất đang tiến đến cách mạng.

Chính họ là những người ngồi đầy các rạp hát và hoan nghênh những lời châm biếm giới quý tộc của Beaumarchais. Chính họ, thậm chí còn nhiều hơn cả những nhà quý tộc, đã tham gia vào các chi hội của Hội Tam điểm để hoạt động cho tự do sinh sống và tư tưởng; chính họ là những người đã đọc Voltaire và thích thú tài năng dí dỏm mang tính xói mòn [tôn giáo] của ông, và đồng ý với Gibbon rằng mọi tôn giáo đều đối trá như nhau đối với triết gia và có ích như nhau đối với chính khách. Họ thán ngưỡng mộ chủ nghĩa duy vật của Holbach và Helvétius; nó có thể không hoàn toàn đúng đối với những bí ẩn của đời sống và tinh thần, nhưng là một vũ khí thuận tiện để chống lại một giáo hội đang kiểm soát phần lớn các linh hồn, và một nửa tài sản, của nước Pháp. Họ đồng ý với Diderot rằng gần như mọi thứ trong chế độ hiện hữu đều vô lý – dù họ mỉm cười trước lòng khát khao xứ Tahiti của ông. Họ không thích Rousseau, vốn có mùi xã hội chủ nghĩa và thấm đẫm đức tin; nhưng họ, hơn tất cả tầng lớp nào khác trong xã hội Pháp, đã cảm nhận và lan truyền ảnh hưởng của văn học và triết học.

Thông thường các *philosophe*<sup>i</sup> có thái độ ôn hòa về chính trị. Họ chấp nhận chế độ quân chủ và không lấy làm bức tức vì những món quà của vua chúa; họ trông cậy vào những “quân vương chuyên chế được khai sáng” như Friedrich II

---

i *philosophe* [Pháp, triết gia]: Chỉ chung các nhà văn, nhà khoa học hoặc tư tưởng Pháp ở thế kỷ XVIII mặc dù quan điểm cá nhân khác biệt nhưng đều tin chắc vào ưu thế của lý trí con người như: Voltaire, Montesquieu, Diderot, Condillac...

của nước Phổ, hoàng đế Joseph II của Áo, thậm chí nữ hoàng Yekaterina II của Nga, hơn là những đám quần chúng thất học và dễ xúc động, giữ vai trò công trình sư của cuộc cải cách. Họ đặt niềm tin vào lý trí, dù biết những giới hạn và tính dễ uốn nắn của nó. Họ đập đổ sự kiểm duyệt tư tưởng của Giáo hội và nhà nước, họ khai sáng và mở rộng cả triệu bộ óc; thậm chí họ chuẩn bị cho những chiến thắng của khoa học trong thế kỷ XIX – với Lavoisier, Laplace, và Lamarck – giữa sự náo động của cách mạng và chiến tranh.

Rousseau tự tách mình ra khỏi các *philosophe*. Ông tôn trọng lý trí, nhưng đề cao tình cảm và một đức tin đem lại cảm hứng và niềm an ủi; bài “Profession de foi du vicaire savoyard” [Lời tuyên xưng đức tin của cha xứ Savoia] của ông cung cấp một quan điểm về tôn giáo cho Robespierre và việc ông nhấn mạnh vào một tín ngưỡng quốc gia đồng nhất đã cho phép Ủy ban An ninh Công cộng liệt tội bất đồng quan điểm chính trị – ít nhất trong thời chiến – vào án tử hình. Phái Jacobin của Cách mạng chấp nhận học thuyết của cuốn *Du Contrat Social* [*Khế ước Xã hội*]: rằng con người tự bản chất là tốt, họ chỉ trở nên xấu do chịu tác động của những thể chế thối nát và luật lệ bất công; rằng con người sinh ra tự do và trở thành nô lệ trong một nền văn minh nhân tạo. Khi nắm quyền, các lãnh đạo của Cách mạng chấp nhận ý tưởng của Rousseau rằng công dân, qua việc tiếp nhận sự bảo vệ của nhà nước, cũng hàm ý cam kết tuân lệnh nó. Mallet du Pan viết: “Năm 1788 tôi đã nghe Marat đọc và nhận xét *Du Contrat Social* trên các đường phố công cộng, trong sự hoan nghênh của một cử tọa sôi nổi nhiệt tình.”<sup>13</sup> Trong cuộc Cách mạng, quan điểm về quyền tối thượng của nhân dân của Rousseau đã trở thành quyền tối thượng của nhà nước, rồi của Ủy ban An ninh Công cộng, rồi của một người.

Từ “dân chúng”, trong thuật ngữ của Cách mạng, có nghĩa là những nông dân và công nhân thành thị. Ngay cả tại các thành thị, công nhân nhà máy cũng chỉ là một

thiếu số trong dân cư; tình cảnh ở đây không phải là một chuỗi các nhà máy mà đúng hơn là một nhóm hỗn tạp lộn xộn gồm những người bán thịt, thợ làm bánh, thợ nấu bia, người bán tạp phẩm, đầu bếp, người bán hàng rong, thợ cắt tóc, chủ hiệu, chủ quán trọ, người buôn rượu vang, thợ mộc, thợ nề, thợ sơn nhà, thợ trát vữa, thợ cắt kính, thợ làm ngói, thợ đóng giày, thợ may, thợ nhuộm, công nhân quét dọn, thợ rèn, người hầu, thợ đóng bàn ghế, thợ làm yên cương, thợ đóng bánh xe, thợ kim hoàn, thợ làm dao kéo, thợ dệt, thợ thuộc da, thợ in, người bán sách, gái giang hồ, và quân trộm cắp. Những người công nhân này mặc quần dài đến mắt cá thay vì quần ống túm dài đến đầu gối [*culottes*] và bít tất dài của các giai cấp thượng lưu; do đó họ được đặt tên là dân “sansculottes” [không mặc quần cụt], và theo đúng nghĩa của từ này họ đã đóng một vai trò đầy kịch tính trong cuộc Cách mạng. Việc vàng và bạc từ Tân thế giới đổ tràn về, cũng như tiền giấy được phát hành liên tục, đã làm giá cả tại khắp nơi ở châu Âu gia tăng. Ở Pháp, từ năm 1741 đến 1789, giá cả đã tăng 65%, trong khi lương chỉ tăng 22%.<sup>14</sup> Ở Lyon năm 1787 có 30.000 người sống nhờ tiền cứu trợ; ở Paris năm 1791 có 100.000 gia đình được liệt vào hạng nghèo khổ. Các liên đoàn lao động nhằm tạo tác động kinh tế bị cấm; các vụ đình công cũng bị cấm, nhưng vẫn thường xảy ra. Khi Cách mạng càng đến gần, các công nhân càng ở trong trạng thái thất vọng và nổi loạn. Cho họ những khẩu súng và một người lãnh đạo, họ sẽ chiếm ngục Bastille, tràn ngập điện Tuileries và truất phế nhà vua.

Vào năm 1789, các nông dân Pháp có lẽ khăm khá hơn một thế kỷ trước đó, khi La Bruyère, trong khi cường điệu để nhấn mạnh một chủ đề, đã nhầm lẫn họ với những con vật.<sup>15</sup> Họ khá giả hơn hầu hết các nông dân khác của Âu lục, có lẽ chỉ ngoại trừ nông dân ở miền bắc nước Ý. Khoảng 1/3 đất canh tác thuộc về những người chủ là nông dân; 1/3 được những người chủ trong giới quý tộc, tăng lữ, hay tư sản

cho các tá điền hay người lính canh thuê; phần còn lại được những người làm thuê cày cấy dưới sự giám sát của người chủ đất hay cai điền của họ. Ngày càng có nhiều chủ đất – bản thân họ cũng bị tác động bởi chi phí gia tăng và cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn – cho rào những “mảnh đất công” mà trước đây nông dân được tự do thả gia súc hay hái củi lại, để trồng trọt hoặc chăn thả súc vật.

Mọi nông dân được giao đất, ngoại trừ một ít người thuộc hạng “allodial” [được miễn các bốn phận], đều phải chịu nghĩa vụ phong kiến. Họ bị ràng buộc bằng kế ước hàng năm phải làm việc cho lãnh chúa – người chủ của thái ấp – nhiều ngày lao động không công [*corvée*] để giúp canh tác đất đai và sửa chữa đường sá của ông ta; và họ phải trả cho ông ta một khoản lệ phí mỗi khi sử dụng những con đường này. Hàng năm họ phải nộp cho ông một loại tô vừa phải bằng nông phẩm hay tiền mặt. Nếu họ bán ruộng đất của mình, ông ta được quyền thu 10% hay 15% giá mua.<sup>16</sup> Họ phải trả tiền nếu câu cá trên sông hồ hoặc chăn thả súc vật trên đồng cỏ của ông ta. Họ nợ ông ta một khoản phí mỗi khi sử dụng nhà máy xay, lò nướng bánh, máy ép rượu hay ép dầu của ông ta. Vì những khoản phí này được quy định cố định trong các hợp đồng, nhưng lại bị mất giá do lạm phát, nên ông chủ cảm thấy mình có quyền bòn rút họ bằng những biện pháp nghiêm ngặt khi vật giá tăng<sup>17</sup>.

Để ủng hộ Giáo hội vốn ban phước cho mùa màng của họ, dạy dỗ con cái họ thành những đứa trẻ biết vâng lời và ngoan đạo, và làm cho cuộc sống của họ có phẩm giá bằng những phép bí tích, hàng năm nông dân đóng góp cho Giáo hội một khoản thuế thập phân – thường dưới 10% – trên sản phẩm của mình. Nặng hơn thuế thập phân hay nghĩa vụ phong kiến là những thứ thuế do nhà nước bắt nông dân phải đóng: thuế thân trên mỗi đầu người [*capitation*], thuế *vingtième* hay 1/20 lợi tức hàng năm của anh ta, một thứ thuế mua hàng [*aide*] đánh trên mỗi lần mua các mặt hàng bằng vàng

hoặc bạc, các sản phẩm bằng kim loại, rượu, giấy, v.v... và thuế muối [*gabelle*], vốn yêu cầu anh ta mỗi năm phải mua một lượng muối bắt buộc của chính phủ theo giá do chính phủ quy định. Vì giới quý tộc và giới tăng lữ tìm được những phương cách hợp pháp hay bất hợp pháp để tránh nhiều loại thuế như vậy – và vì, vào những đợt tuyển quân trong thời chiến, các thanh niên con nhà khá giả có thể trả tiền cho những người thay thế để chết thay họ – nên phần lớn gánh nặng ủng hộ nhà nước và Giáo hội, trong thời chiến cũng như thời bình, đè lên vai giới nông dân.



Hình 1: Đẳng cấp tăng lữ và quý tộc cưỡi trên lưng đẳng cấp thứ ba  
(Biếm họa 1789)

Những loại thuế này, cùng với thuế thập phân và thuế phong kiến, có thể chịu được khi mùa màng tốt đẹp, nhưng chúng mang lại cảnh cơ cực khi mùa màng trở nên tẻ hại, và một năm lao động cật lực trở thành công cốc do những thiệt hại gây ra bởi chiến tranh hay sự thất thường của thời tiết. Lúc ấy nhiều chủ đất là nông dân phải bán đi mảnh đất hay sức lao động của họ, hay cả hai, cho những kẻ đầu cơ đất đai may mắn hơn.

Năm 1788 là một năm với những thiên tai tàn nhẫn. Một trận hạn hán nghiêm trọng bóp chết mùa màng; một đợt giông mưa đá, quét từ Normandie đến Champagne, tàn phá 300 km vùng đất thường rất phì nhiêu; mùa đông năm 1788–1789 thì khắc nghiệt nhất trong 80 năm trước đó; hàng ngàn cây ăn trái chết rụi. Mùa xuân 1789 tuôn ra những cơn lũ thảm khốc; mùa hè mang nạn đói đến hầu hết các tỉnh. Nhà nước, Giáo hội và các cơ quan từ thiện tư nhân cố gắng tìm thức ăn cho những người sắp chết đói; chỉ một số ít người chết vì đói, nhưng hàng triệu người đã đi gần đến chỗ không còn xoay xở vào đâu được. Caen, Rouen, Orléans, Nancy, Lyon chứng kiến cảnh những nhóm người đói chọi nhau đánh nhau như súc vật để giành lấy những trái bắp; Marseilles nhìn 8.000 người đói khát trước cổng thành của mình, đe dọa xâm chiếm và cướp phá thành phố. Tại Paris, khu St. Antoine nơi giai cấp thợ thuyền sinh sống có tới 30.000 người cùng khổ cần được cứu tế.<sup>18</sup> Trong khi ấy một hiệp ước nói lỏng thương mại với Anh (1786) khiến nước Pháp bị ngập trong sản phẩm công nghiệp, làm giảm giá các mặt hàng nội địa và khiến cho hàng ngàn người lao động Pháp lâm vào cảnh thất nghiệp – 25.000 người ở Lyon, 46.000 ở Amiens, 80.000 ở Paris.<sup>19</sup> Tháng Ba 1789, nông dân không chịu đóng thuế nữa, làm gia tăng mối lo sợ cảnh phá sản của đất nước.

Trong lúc đi du lịch qua các tỉnh ở Pháp vào tháng Bảy 1789, Arthur Young đã gặp một bà nông dân than phiền về những thứ thuế và nghĩa vụ phong kiến luôn khiến bà ở bên

bờ vực cảnh cơ cực. Nhưng, bà nói thêm, bà biết được rằng “có điều gì đó sắp được một số con người vĩ đại thực hiện để giúp những người nghèo khổ như vậy... vì các thứ thuế và nghĩa vụ đang vắt kiệt chúng tôi.”<sup>20</sup> Họ nghe nói rằng Louis XVI là một người tốt, hăng hái sửa đổi những sự lạm dụng và bảo vệ người nghèo. Họ nhìn về Versailles lòng đầy hy vọng và cầu nguyện cho Nhà vua được sống lâu.

## II. Chính quyền

Ông ta là người tốt, nhưng hầu như không phải là một ông vua tốt. Ông không mong mình sẽ cai trị, nhưng cái chết sớm của cha ông (1765) khiến ông trở thành hoàng thái tử và cái chết muộn màng của ông nội ông là Louis XV (1774) khiến ông, vào tuổi 20, trở thành chúa tể của nước Pháp. Ông không ham cai trị con người; ông có biệt tài đối với các dụng cụ, và là một thợ khóa hảo hạng. Ông thích săn bắn hơn là trị vì; ông xem những ngày không bắn được con nai nào là ngày uổng phí; trong khoảng từ năm 1774 đến 1789 ông đã đuổi giết được 1.274 con nai, và hạ được 189.251 con mồi nhỏ hơn; thế nhưng ông luôn miễn cưỡng khi phải ra lệnh giết chết một con người; và có lẽ ông mất ngai vàng vì đã ra lệnh cho quân Cẩm vệ người Thụy Sĩ không được nổ súng vào ngày 10.8. 1792. Sau khi đi săn về ông ăn đầy cái bụng mà sức chứa ngày càng tăng thêm. Ông trở nên béo mập nhưng mạnh mẽ, với sức mạnh hiền lành của một người khổng lồ sợ nghiền nát người ta với vòng tay ôm chặt của mình. Marie Antoinette nhận xét chồng mình rất đúng, “Hoàng thượng không phải là kẻ hèn nhát; ngài có thừa lòng can đảm thụ động, nhưng bị áp đảo bởi tính nhút nhát vụng về và hoài nghi chính mình... Ngài sợ phải chỉ huy... Ngài sống như một đứa trẻ, và luôn cảm thấy không thoải mái dưới mắt của Louis XV, cho đến năm hăm một. Sự câu thúc này đã củng cố thêm tính nhút nhát của ngài.”<sup>21</sup>

Tình yêu của ông dành cho hoàng hậu là một phần làm tổn hại đến thanh danh của ông. Bà xinh đẹp và uy nghi, làm đẹp cho triều đình ông bằng nét quyến rũ và tính vui vẻ của bà, và bà tha thứ cho ông tội đã chậm trễ trong việc động phòng. Bao quy đầu của ông bị hẹp khiến việc giao hợp đau đớn không chịu nổi; ông cố gắng hết sức, trong bảy năm, từ chối một cuộc tiểu phẫu đơn giản để có thể giải quyết vấn đề của mình; rồi, vào năm 1777, anh của Hoàng hậu là Hoàng đế Joseph II của nước Áo đã thuyết phục được ông nhượng bộ trước mũi dao và chẳng bao lâu mọi chuyện trở nên rất êm đẹp. Có lẽ một ý thức tội lỗi vì đã thường khêu gợi nhưng rồi không thể thỏa mãn người bạn tình của ông đã khiến ông tỏ ra quá khoan dung đối với trò cờ bạc và tử áo xa hoa quá mức của bà, những chuyến đi thường xuyên đến Paris của bà để xem biểu diễn nhạc kịch vốn làm ông chán ngấy, tình bạn lý tưởng với Bá tước von Fersen hay tình bạn đồng tính với Phu nhân Vương tước Lamballe của bà. Ông khiến cho triều thần thích thú và tổ tiên xấu hổ, vì đã tận tụy một cách lộ liễu với vợ mình. Ông tặng bà những món trang sức đắt tiền, nhưng bà và nước Pháp muốn một đứa con. Khi những đứa trẻ ra đời, bà tỏ ra là một người mẹ tốt, đau khổ với những lúc đau ốm của chúng và tiết chế gần như mọi lỗi lầm của bà, ngoại trừ niềm kiêu hãnh (bà xuất thân từ dòng dõi con vua cháu chúa đích thực) và việc liên tiếp can dự vào chuyện quốc sự. Ở đây bà có một số lý do bào chữa, vì Louis ít khi có thể lựa chọn hay theo đuổi một đường lối, và thường phải chờ đợi Hoàng hậu rồi mới quyết định; một số triều thần ước sao ông có được óc quyết đoán và tinh thần sẵn sàng chỉ huy của bà.

Nhà vua làm mọi thứ có thể để giải quyết những cơn khủng hoảng đặt lên vai ông do thời tiết, nạn đói, những vụ bạo loạn vì bánh mì, cuộc nổi loạn chống lại các thứ thuế, những đòi hỏi của giới quý tộc và đại pháp viện, những chi phí của triều đình và bộ máy hành chính, và sự thâm hụt ngày càng tăng của ngân khố. Trong hai năm (1774–1776) ông

cho phép Turgot áp dụng lý thuyết Trọng nông, cho rằng tự do kinh doanh và cạnh tranh, và sự chỉ huy không bị cản trở của thị trường – của lực cung và cầu – đối với đồng lương của người lao động và giá cả hàng hóa, sẽ khiến nền kinh tế Pháp hưng thịnh và mang lại thu nhập bổ sung cho nhà nước. Dân chúng Paris, quen nghĩ về chính phủ như người bảo vệ duy nhất của họ chống lại những kẻ tham lam thao túng thị trường, đã chống lại những biện pháp của Turgot, nổi loạn, và hân hoan khi ông này bị mất chức.

Sau vài tháng do dự và hỗn loạn, Đức vua cho triệu Jacques Necker, một nhà tài chính người Thụy Sĩ theo đạo Tin Lành cư ngụ ở Paris, và bổ dụng làm Bộ trưởng Ngân khố (1777–1781). Dưới sự lãnh đạo của con người ngoại quốc và ngoại giáo này, Louis đã thực hiện một chương trình can đảm bao gồm những cải cách nho nhỏ. Ông cho phép thành lập những hội đồng dân cử ở địa phương và cấp tỉnh có chức năng phục vụ như tiếng nói của cử tri nhằm lấp đi khoảng cách giữa nhân dân và chính quyền. Ông làm cho giới quý tộc choáng váng khi lên án hình thức *corvée* [lao dịch] và khi tuyên bố, trong một bản công bố (1780), rằng “Những thứ thuế đánh lên thành phần nghèo nhất của các thần dân của trẫm đã gia tăng rất nhiều so với các thành phần còn lại, theo tỷ lệ.”<sup>22</sup> Ông trả tự do cho người nông nô cuối cùng trên lãnh địa của mình, nhưng phản đối lời thúc giục của Necker yêu cầu đẳng cấp quý tộc và tầng lớp cũng có một biện pháp tương tự. Ông thiết lập những hiệu cầm đồ để cho người nghèo vay tiền với lãi suất 3%. Ông cấm sử dụng biện pháp tra tấn khi thẩm tra các nhân chứng hay can phạm. Ông đề nghị bãi bỏ những hầm ngục ở Vincennes và san bằng ngục Bastille như những hạng mục trong một chương trình cải cách nhà tù. Dù có lòng mộ đạo và đức tin chính thống, ông vẫn cho phép tín đồ Tin Lành và Do Thái giáo có được một mức độ tự do tôn giáo đáng kể. Ông từ chối trừng phạt tự do tư tưởng và cho phép những kẻ viết sách mỏng ở Paris móc mỉa ông là anh

chồng bị cầm tù, vợ ông là một ả điếm và những đứa con ông là lũ con hoang. Ông cầm chính quyền của ông do thám thư từ riêng tư của công dân.



Hình 2: Chân dung Louis XVI trong lễ phục đăng quang  
(Antoine François Callet, 1779)

Với sự ủng hộ nhiệt tình của Beaumarchais và các triết gia, bất chấp những phản đối của Necker (là người tiên đoán rằng một cuộc phiêu lưu như vậy sẽ hoàn tất việc phá sản

nước Pháp), Louis gửi viện trợ vật chất và tài chính lên tới 240 triệu USD giúp các thuộc địa Mỹ trong cuộc đấu tranh giành độc lập của họ. Chính một hạm đội của Pháp và những tiểu đoàn của Hầu tước La Fayette và Rochambeau đã giúp Washington cho Cornwallis vào tròng ở Yorktown, buộc ông ta phải đầu hàng và thế là đưa cuộc chiến đến hồi kết thúc. Nhưng những ý tưởng dân chủ đã quét tràn qua Đại Tây Dương và vào nước Pháp, bộ Ngân khố chao đảo dưới những gánh nợ mới, Necker bị bãi nhiệm (1781), và giới thị dân nắm giữ trái phiếu quốc gia kêu la ầm ĩ đòi chính quyền kiểm soát tài chính.

Trong khi đó Đại Pháp viện Paris nhấn mạnh đến đòi hỏi của họ về sự kèm chế nền quân chủ thông qua quyền phủ quyết những chỉ dụ của Đức vua; và Louis-Philippe-Joseph, Công tước Orléans – là anh em họ của Đức vua, hậu duệ trực tiếp của một người em của Louis XIV – gần như công khai vạch kế hoạch giành lấy ngai vàng. Thông qua Choderlos de Laclos và những tay chân khác, ông ta vun tiền cùng những lời hứa cho các chính khách, những người viết sách mỏng, các diễn giả, và gái điếm. Ông mở tung các tiện nghi, sân nhà, và những khu vườn trong cung điện Palais-Royal của mình cho người ủng hộ; các quán cà phê, quán rượu, tiệm sách và câu lạc bộ chơi bài mọc lên để phục vụ cho đám đông ngày đêm tụ tập ở đây; tin tức từ Versailles được những người đưa tin đặc biệt cấp tốc mang đến đây; những tập sách mỏng sinh ra ở đây hàng giờ; những bài diễn văn vang lên từ những bục diễn thuyết, những chiếc bàn và những chiếc ghế; những âm mưu được sắp đặt để lật đổ Đức vua.

Lo lắng tới mức tuyệt vọng, Louis cho triệu hồi Necker về Bộ Tài chính (1788). Theo sự thúc giục của Necker, và như một phương sách cuối cùng và nguy hiểm có thể cứu vãn hay lật đổ ngai vàng của mình, ngày 8.8. 1788 ông ban hành một lời kêu gọi gửi đến các cộng đồng của nước Pháp để họ bầu ra và gửi đến Versailles những người lãnh đạo thuộc các đảng

cấp quý tộc, tăng lữ, và bình dân để thành lập (như đã từng được thực hiện lần cuối cùng trước đây vào năm 1614) một Quốc gia nghị hội – hay Hội nghị Quốc dân đại biểu để cố vấn và hậu thuẫn ông giải quyết những vấn đề của vương quốc.

Có một số đặc điểm đáng chú ý trong lời kêu gọi lịch sử gửi đến quốc dân này của một chính quyền mà trong gần hai thế kỷ bề ngoài có vẻ chỉ nghĩ đến dân chúng như những người cung cấp thực phẩm, đóng thuế, và như một công vật thường kỳ dâng lên Thần Chiến tranh. Thứ nhất, Đức vua, cũng theo lời thúc giục của Necker, và vượt qua những lời phản đối của giới quý tộc, công bố rằng tại hội nghị sắp tới đẳng cấp thứ ba sẽ có số lượng đại biểu và số phiếu biểu quyết tương đương với tổng số hai đẳng cấp kia cộng lại. Thứ nhì, việc bầu cử sẽ là bước tiến sát nhất tới một cuộc phổ thông đầu phiếu dành cho người trưởng thành từng được tổ chức ở Pháp: Mọi người nam tuổi từ 27 trở lên, năm trước đã từng đóng thuế cho nhà nước dù ít đến đâu chẳng nữa, đều đủ tư cách đi bầu các hội đồng địa phương mà rồi sẽ chọn ra các đại biểu đại diện cho vùng của họ ở Paris. Thứ ba, Đức vua thêm vào lời kêu gọi của mình một yêu cầu gửi đến mọi hội đồng bầu cử rằng họ phải nộp cho ông các *cahier*, hay bản điều trần, chỉ rõ những vấn đề và nhu cầu của mỗi giai cấp trong từng địa phương, cùng những đề nghị sửa chữa và cải cách. Trong ký ức của người Pháp, trước đây chưa từng có bất cứ vị vua nào của họ đi hỏi xin lời khuyên của thần dân mình.

Trong số 615 *cahier* do các đại biểu gửi lên Đức vua, 545 bản vẫn còn tồn tại. Gần như tất cả chúng đều diễn tả lòng trung thành của họ đối với Đức vua và thậm chí cảm tình đối với ông như một người rõ ràng có thiện ý; nhưng gần như tất cả đều đề nghị rằng ông nên chia sẻ các vấn đề cũng như quyền lực của mình với một hội đồng được bầu lên vốn sẽ cùng ông tạo nên một chế độ quân chủ lập hiến. Không có bản nào đề cập đến quyền thiêng liêng của các vị vua. Tất cả đều đòi hỏi việc xét xử phải do bồi thẩm đoàn, sự riêng tư của

thư từ, giảm bớt thuế má, và cải cách pháp luật. Các *cahier* của giới quý tộc đặt điều kiện rằng trong Hội nghị Quốc dân đại biểu sắp tới, mỗi đẳng cấp phải ngồi và bỏ phiếu riêng rẽ và không biện pháp nào có thể trở thành luật trừ khi được cả ba đẳng cấp chấp thuận. Các *cahier* của giới tăng lữ kêu gọi chấm dứt sự khoan dung tôn giáo và cho phép Giáo hội độc quyền kiểm soát giáo dục một cách toàn diện. Các *cahier* của đẳng cấp thứ ba phản ánh, với sự nhấn mạnh ở mức độ khác nhau, những yêu cầu của nông dân về việc giảm thuế, bãi bỏ chế độ nông nô và nghĩa vụ phong kiến, phổ cập giáo dục miễn phí, bảo vệ các nông trại khỏi bị tổn hại bởi những chuyến đi săn và súc vật của các lãnh chúa; và những hy vọng của giới trung lưu đối với những nghề nghiệp được mở ra cho tài năng bất kể dòng dõi xuất thân, bãi bỏ lệ phí cầu đường, mở rộng việc đánh thuế đến giới quý tộc và tăng lữ; một số bản còn đề nghị Đức vua nên giải quyết thâm hụt ngân khố bằng cách tịch thu và phát mại tài sản của Giáo hội. Những giai đoạn đầu của cuộc Cách mạng đã được phác họa trong các *cahier* này.

\* \* \*

Trong lời kêu gọi khiêm tốn này của một vị vua gửi đến các công dân của mình có một sự thiên vị đáng ghi nhận. Trong khi ở ngoài Paris bất cứ người nam nào đã đóng một thứ thuế cũng có quyền đi bầu, thì ở Paris chỉ những người đã đóng một loại thuế thân 6 livre hoặc hơn nữa mới có quyền này. Có lẽ Đức vua và các cố vấn của ông đã ngần ngại không muốn để cho 500.000 người *sansculottes* được chọn lựa những người đại diện cho trí thông minh xuất sắc nhất của thủ đô trong Hội nghị Quốc dân đại biểu; vấn đề dân chủ trong việc chất lượng so với số lượng, trong việc có được trí tuệ bằng cách đếm số phiếu, đã xuất hiện ở đây vào thời điểm giao thừa của cuộc Cách mạng mà vào năm 1793 sẽ tuyên bố

là vì nền dân chủ. Như thế những người *sansculottes* bị đặt ra ngoài vở kịch hợp pháp, và bị đưa đến chỗ cảm thấy rằng chỉ qua sức mạnh mãnh liệt của số đông của mình họ mới có thể bày tỏ phần ước số của họ trong ý chí phổ quát. Họ sẽ được nghe thấy, họ sẽ trả được mối thù. Năm 1789 họ sẽ chiếm ngục Bastille; năm 1792 họ sẽ truất phế Đức vua; năm 1793 họ sẽ là chính quyền của nước Pháp.

## **Chương 2**

### **Quốc hội 4.5.1789 – 30.9.1791**

#### **I. Hội nghị Quốc dân đại biểu**

Vào ngày 4 tháng Năm, 621 đại biểu của đẳng cấp thứ ba, vận đồ đen theo kiểu thị dân, theo sau là 285 nhà quý tộc đội mũ gắn lông chim trong y phục đầy đặn ten và vàng, rồi tiếp sau là 308 đại biểu của giới tăng lữ – các vị giáo chủ của họ nổi bật với những chiếc áo choàng nhung – rồi đến các vị bộ trưởng của Đức vua và gia đình của ông, rồi đến Louis XVI và Marie Antoinette, tất cả được binh lính hộ tống và đầy hứng khởi bởi những lá cờ và ban nhạc, diễu hành đến nơi hội họp đã được chỉ định, Hôtel des Menus Plaisirs [Dinh Khán tiết], cách hoàng cung ở Versailles một quãng ngắn. Một đám đông hạnh phúc và tự hào đi dọc theo đoàn diễu hành; vài người khóc vì vui mừng và hy vọng,<sup>1</sup> nhìn thấy trong sự hợp nhất hiển nhiên của các tầng lớp đối nghịch nhau một sự hứa hẹn cho cảnh hòa hợp và công lý dưới quyền một vị vua nhân từ.

Louis đọc diễn văn trước các đại biểu được tập hợp lại với lời thú nhận về tình trạng gần như phá sản mà ông cho là do “một cuộc chiến tranh tốn kém nhưng đáng vinh dự”; ông yêu cầu họ nghĩ ra và tán thành những biện pháp mới nhằm gia tăng thu nhập. Necker nối tiếp với những con số thống kê trong ba giờ, khiến cho ngay cả cách mạng cũng trở nên tê ngất. Ngày hôm sau sự hợp nhất phai nhạt dần; giới tăng lữ họp trong một sảnh nhỏ hơn ở kế bên, các nhà quý tộc trong một sảnh khác; họ cảm thấy mỗi tầng lớp nên thảo luận kỹ lưỡng và biểu quyết riêng rẽ, như trong Hội nghị

Quốc dân đại biểu lần trước, cách đó 175 năm; và không có đề nghị nào được trở thành luật nếu không có sự tán thành của mỗi đẳng cấp và của Đức vua. Để những lá phiếu riêng lẻ của các đại biểu dự hội nghị quyết định các vấn đề sẽ là giao nộp mọi thứ cho đẳng cấp thứ ba; người ta đã thấy rõ là nhiều tu sĩ nghèo sẽ đứng về phe của giới bình dân, và một số nhà quý tộc – như La Fayette, Philippe d'Orléans và Công tước La Rochefoucauld-Liancourt – đã áp ủ một cách nguy hiểm những ý kiến mang tính tự do.

Sau đó là một cuộc chiến cân não kéo dài. Đẳng cấp thứ ba có thể chờ đợi, vì những thứ thuế mới cần họ tán thành để được công chúng chấp thuận, và Đức vua đang lo lắng chờ đợi các thứ thuế này. Tuổi trẻ, sức sống, tài hùng biện, và tính quả quyết đang ở cùng với những đại biểu bình dân. Honoré-Gabriel-Victor Riqueti, Bá tước Mirabeau, đã đem lại cho họ kinh nghiệm và lòng can đảm của ông, sức mạnh của tinh thần và tiếng nói của ông; Pierre-Samuel du Pont de Nemours hiến cho họ kiến thức về lý thuyết kinh tế Trọng nông; Jean-Joseph Mounier và Antoine Barnave mang đến cho họ chiến thuật và kiến thức pháp lý; Jean Bailly, nhà thiên văn học nổi tiếng, làm dịu những cuộc tranh luận kích động của họ bằng sự phán đoán bình tĩnh; và Maximilien de Robespierre phát biểu với niềm say mê bền bỉ của một người sẽ không bao giờ im tiếng cho đến khi đạt được điều ông ta muốn.

Sinh tại Arras năm 1758, Robespierre ở thời điểm này chỉ còn sống thêm được năm năm, nhưng trong phần lớn thời gian ấy ông sẽ hoạt động ở gần hoặc tại trung tâm của các biến cố. Mẹ ông mất khi ông được bảy tuổi; cha ông biến mất ở Đức; bốn đứa trẻ mồ côi được những người bà con nuôi dưỡng. Là một sinh viên đứng đắn và háo hức, Maximilien đã giành được một học bổng tại trường Collège Louis-le-Grand ở Paris, tốt nghiệp ngành luật, hành nghề ở Arras, và nổi tiếng vì sự ủng hộ tích cực cho những chương trình cải cách nên được ở trong số những người được tỉnh Artois gửi đi tham dự Hội nghị Quốc dân đại biểu.



Hình 3: Robespierre (họa sĩ khuyết danh, khoảng 1790)

Ông không có được những lợi thế ngoại hình để tăng cường cho tài hùng biện của mình. Ông chỉ cao có 1,60 m – nhượng bộ duy nhất của ông cho sự ngắn gọn. Mặt ông rộng và bẹt, bị rỗ hoa vì bệnh đậu mùa; đôi mắt ông yếu và phải mang kính, có màu xanh lam pha chút xanh lục là nguyên do khiến Carlyle gọi ông là “Robespierre màu lục-lam.” Ông phát biểu bênh vực cho chế độ dân chủ, và biện hộ cho quyền đi bầu của đàn ông đến tuổi trưởng thành, dù cảnh báo rằng điều này có thể khiến mẫu số chung nhỏ nhất trở thành quy luật và tiêu chuẩn của tất cả. Ông sống giản dị như một người

vô sản, nhưng không bắt chước những người *sansculottes* mặc quần dài; ông ăn mặc chỉnh tề với áo đuôi tôm màu xanh sẫm, quần ngắn tới đầu gối, và vớ dài bằng lụa; và ít khi ra khỏi nhà mà không ăn mặc tươm tất và rắc phấn lên mái tóc. Ông ở chung phòng với người thợ mộc tên Maurice Duplay ở đường St. Honoré; ăn ở bàn của gia đình ông này và xoay xở sống với đồng lương đại biểu 18 franc một ngày. Từ bàn chân đất ấy chẳng mấy chốc ông đã lay chuyển phần lớn Paris, sau đó là phần lớn nước Pháp. Ông nói về đức hạnh quá nhiều, nhưng cũng thực hành nó. Nghiêm nghị và cứng rắn nơi công cộng, trong những mối quan hệ riêng tư ông tỏ ra “rộng lượng, có lòng trắc ẩn, và luôn sẵn lòng phục vụ”; theo lời Filippo Buonarrotti, người biết ông rất rõ.<sup>2</sup> Ông dường như hoàn toàn không bị lay động trước những vẻ quyến rũ của phụ nữ; ông dành tình cảm của mình cho người em trai Augustin và Saint-Just; nhưng không ai từng đặt vấn đề nghi ngờ phẩm cách tình dục của ông. Tiền bạc không thể hối lộ được ông. Khi trong cuộc triển lãm tranh hàng năm vào năm 1791, một họa sĩ trưng bày một bức chân dung của ông với dòng chữ “Người không thể mua chuộc được,”<sup>3</sup> dường như không ai phản bác danh xưng này. Ông nghĩ về đức hạnh theo nghĩa của Montesquieu, như một cơ sở không thể thiếu được của một nền cộng hoà thành công; nếu không có những cử tri và viên chức không thể mua chuộc được, nền dân chủ chỉ là một sự giả vờ. Ông tin tưởng, cũng như Rousseau, rằng mọi con người tự bản chất là tốt, rằng “ý chí phổ quát” nên là luật lệ của quốc gia, và bất cứ kẻ nào kháng kháng chống lại ý chí phổ quát sẽ bị kết án tử hình không chút băn khoăn. Ông đồng ý với Rousseau rằng một số hình thức của đức tin tôn giáo cần thiết cho sự bình an tâm hồn, trật tự xã hội, và sự an ninh và tồn tại của quốc gia.

Dường như không phải gần đến cuối đời ông mới hoài nghi sự đồng nhất hoàn toàn giữa óc phán đoán của ông và ý chí của nhân dân. Trí tuệ của ông yếu hơn ý chí; phần lớn

các ý tưởng của ông là vay mượn từ sách vở, hoặc những khẩu hiệu tràn ngập trong bầu không khí cách mạng. Ông đã chết quá trẻ để có thể thu thập đủ kinh nghiệm về cuộc đời, hay kiến thức của lịch sử, để kiểm tra lại những khái niệm trừu tượng hoặc được nhiều người ưa thích của mình với nhận thức kiên nhẫn hay quan điểm vô tư. Ông đau khổ dữ dội vì nhược điểm chung của chúng ta – nhìn đâu ông cũng thấy cái bản ngã của mình. Ông bị thuyết phục bởi chính lời nói của mình. Ông trở nên chắc chắn một cách nguy hiểm và tự phụ một cách lộ bịch. “Con người ấy”, Mirabeau nói, “sẽ đi xa; ông ta tin tưởng tất cả những gì mình nói”.<sup>4</sup> Ông đã đi tới máy chém.

Tại Quốc hội, trong khoảng thời gian hai năm rưỡi của cơ quan này, Robespierre đã đọc khoảng năm trăm bài diễn văn,<sup>5</sup> thường là quá dài để thuyết phục các đại biểu và làm dấy lên quá nhiều tranh cãi để đạt được hiệu quả hùng biện; nhưng quần chúng nhân dân ở Paris, khi được biết nội dung chính của chúng, đã yêu thích ông vì những bài diễn văn này. Ông chống đối sự phân biệt chủng tộc hay tôn giáo, đề nghị giải phóng người da đen,<sup>6</sup> và cho đến những tháng cuối đời, trở thành người lãnh đạo được ưa chuộng và người bảo vệ của nhân dân. Ông chấp nhận chế độ tư hữu, nhưng muốn phổ cập quyền sở hữu ở quy mô nhỏ làm nền tảng kinh tế cho một chế độ dân chủ vững chắc. Ông gọi sự bất bình đẳng về tài sản là “một cái xấu cần thiết và không thể chữa được”,<sup>7</sup> bắt rễ từ sự bất bình đẳng tự nhiên trong năng lực của con người. Trong thời kỳ này ông ủng hộ việc duy trì chế độ quân chủ, được giới hạn một cách hợp lý. Ông nghĩ, một nỗ lực lật đổ Louis XVI sẽ dẫn đến cảnh hỗn loạn và đổ máu vốn sau cùng sẽ đi đến một chế độ độc tài còn chuyên chế hơn cả một ông vua.<sup>8</sup>

Gần như mọi đại biểu đều lắng nghe nhà diễn giả trẻ một cách sốt ruột ngoại trừ Mirabeau, là người tôn trọng sự chuẩn bị kỹ lưỡng và trình bày các luận cứ của Robespierre.

Ở một nơi khác<sup>9</sup> chúng ta đã thấy Mirabeau lớn lên một cách đau khổ với một người cha lỗi lạc nhưng thô lỗ, say sưa hấp thụ mọi ảnh hưởng có sẵn của cuộc đời trong việc đi du lịch, những cuộc phiêu lưu và tội lỗi; nhìn thấy tính dễ bị cảm dỗ của con người, sự bất công, nghèo khó và đau khổ trong cả chục thành phố; bị Đức vua bỏ tù theo yêu cầu của cha ông, bêu riếu các kẻ thù của mình trong những tập sách mỏng đầy phỉ báng hoặc những lời kêu gọi sôi nổi; và cuối cùng, trong một thắng lợi kếp và vẻ vang, được đăng cấp thứ ba bầu vào Quốc dân đại biểu tại cả Marseilles và Aix-en-Provence, ông đến Paris như một trong số những người nổi tiếng, hăng hái và bị nghi ngờ nhất trong một đất nước nơi khủng hoảng tạo nên thiên tài, điều thật hiếm thấy trong lịch sử trước đây. Toàn thể giới học thức ở Paris chào mừng ông; những cái đầu hiện ra nơi cửa sổ để xem chiếc xe ông đi qua; phụ nữ bị kích động bởi tiếng đồn về những chuyện tình ái của ông và bị mê hoặc cũng như kinh tởm bởi những vết sẹo và những chỗ bị biến dạng trên khuôn mặt ông. Các đại biểu lắng nghe lời hùng biện của ông như bị mê hoặc, mặc dù họ nghi ngờ giai cấp, đạo đức, và mục đích của ông. Họ đã nghe ông sống quá mức thu nhập của mình, uống rượu quá mức vừa phải, và không nằm ngoài việc bán tài hùng biện của mình để giảm bớt các món nợ; nhưng họ biết rằng ông mẫn nhiếc giai cấp của mình để bảo vệ cho người bình dân, họ ngưỡng mộ lòng can đảm của ông, và không chắc có khi nào còn được nhìn thấy một ngọn núi lửa tràn đầy năng lượng như thế nữa không.

Trong những ngày cuồng nhiệt sôi nổi này, có nhiều lời hùng biện và thủ đoạn chính trị hơn là những gì Dinh Khánh tiết có thể kham nổi, và chúng tràn ngập trên báo chí, những tập sách mỏng, tranh cổ động, và những câu lạc bộ. Một số đại biểu từ Bretagne thành lập Câu lạc bộ Breton; chẳng bao lâu sau câu lạc bộ mở rộng tư cách hội viên cho những đại biểu khác và cho những ai sử dụng cái lưỡi hay ngòi bút. Sieyès, Robespierre, và Mirabeau sử dụng nó như một ủy ban

thăm dò và nơi thử nghiệm các ý tưởng và kế hoạch của họ; đây là hình thức đầu tiên của cái tổ chức hùng mạnh mà sau này sẽ được gọi là phái Jacobin. Các chi nhánh của Hội Tam điểm cũng hoạt động tích cực và thường có xu hướng quân chủ lập hiến; nhưng không có bằng cứ về một âm mưu bí mật của Hội Tam điểm.<sup>10</sup>



Hình 4: Mirabeau (Joseph Boze, 1789)

Có lẽ chính tại Câu lạc bộ Breton, Sieyès và những người khác đã hoạch định chiến thuật, theo đó giới quý tộc và tầng lớp nên phối hợp thống nhất hành động với đẳng cấp thứ ba. Sieyès nhắc nhở người bình dân rằng họ chiếm 24 trong số 25 triệu người ở Pháp; tại sao họ còn chần chừ mãi việc lên tiếng vì nước Pháp? Ngày 16 tháng Sáu, ông đề nghị với các

đại biểu tại Dinh Khánh tiết rằng họ nên gửi một lời mời tối hậu cho các tầng lớp khác tham gia cùng họ, và rằng, nếu các tầng lớp này từ chối, các đại biểu của đẳng cấp thứ ba sẽ tự tuyên bố là những người đại diện cho quốc gia Pháp, và tiến hành công việc lập pháp. Mirabeau phản đối rằng Quốc dân đại biểu đã được Đức vua triệu tập, lệ thuộc ông về mặt pháp lý, và có thể bị ông giải tán một cách hợp pháp; lần đầu tiên ông bị la ó không cho nói. Sau một đêm tranh cãi và đấu đá nhau bằng chân tay, vấn đề được đưa ra biểu quyết là: “Hội nghị này có nên tự tuyên bố là Quốc hội không?” Kết quả có 490 phiếu thuận, 90 phiếu chống. Các đại biểu cam kết sẽ trung thành với một chính phủ lập hiến. Về mặt chính trị cuộc Cách mạng đã bắt đầu vào ngày 17.6. 1789.

Hai ngày sau, đẳng cấp tăng lữ, sau khi họp riêng rẽ, đã biểu quyết với tỷ lệ 149 chống 137 phiếu, sáp nhập với đẳng cấp thứ ba. Giới tăng lữ lớp dưới đã chia sẻ số phận của họ với giới bình dân mà họ đã biết rõ và đã phụng sự. Bị choáng trước vụ đào ngũ này, các chức sắc trong Giáo hội liên kết với giới quý tộc trong một lời kêu gọi Đức vua ngăn chặn sự kết hợp của các đẳng cấp, nếu cần thiết thì giải tán các đẳng cấp. Chiều tối ngày 19 tháng Sáu, Louis đáp lại bằng cách hạ lệnh đóng cửa Dinh Khánh tiết ngay lập tức để chuẩn bị chỗ ngồi cho ba tầng lớp trong một “phiên họp với Đức vua” sẽ được tổ chức vào ngày 22 tháng Sáu. Khi các đại biểu của đẳng cấp thứ ba xuất hiện vào ngày 20 họ thấy cửa bị khoá. Tin rằng Đức vua có ý định giải tán mình, họ tụ tập trong một sân quần vợt gần đó [Salle du Jeu de Paume – Phòng chơi bóng]. Jean-Joseph Mounier đề nghị với 577 đại biểu đang tụ họp ở đây rằng mỗi người nên ký vào lời tuyên thệ “sẽ không bao giờ chia tách, và sẽ gặp nhau ở bất cứ nơi nào tình thế đòi hỏi, cho đến khi một bản hiến pháp được thiết lập một cách chắc chắn”. Tất cả, chỉ trừ một đại biểu, đã tuyên thệ, trong một cảnh tượng lịch sử mà không lâu sau đó Jacques-Louis

David đã mô tả trong một trong số những họa phẩm chủ yếu của thời đại ấy. Từ lúc ấy Quốc hội cũng là Quốc hội Lập hiến.

Bị hoãn lại một ngày, phiên họp với Đức vua khai mạc hôm 23 tháng Sáu. Ngỏ lời trước một cử tọa được họp nhất, Đức vua đã cho một phụ tá đọc, trước sự có mặt của ông, bản công bố phản ánh lòng xác tín của ông rằng nếu không có sự bảo vệ của giới quý tộc và Giáo hội, ông sẽ chỉ còn là kẻ bất lực về chính trị. Ông bác bỏ yêu sách của Đảng cấp Thứ ba muốn trở thành [tiếng nói của] quốc gia như là điều bất hợp pháp. Ông đồng ý chấm dứt hình thức *corvée*, *lettres de cachet* [các mật chỉ], phí cầu đường nội bộ, và mọi vết tích của chế độ nông nô tại nước Pháp; nhưng sẽ phủ quyết bất cứ đề nghị nào làm tổn hại đến “những quyền hợp hiến và cổ xưa... về tư hữu, hay những đặc quyền đáng kính của hai đẳng cấp đầu”. Ông hứa sẽ áp dụng việc đánh thuế bình đẳng nếu hai đẳng cấp trên đồng ý. Những vấn đề liên quan đến tôn giáo hay Giáo hội phải có sự chấp thuận của đẳng cấp tăng lữ. Và ông kết thúc với lời tái khẳng định về chế độ quân chủ tuyệt đối:

Nếu, do một định mệnh mà trăm không thể lường trước được, các khanh bỏ rơi trăm trong công cuộc vĩ đại này, thì một mình trăm sẽ chăm lo cho hạnh phúc của thần dân mình. Một mình trăm sẽ tự xem mình như là người đại diện thực sự của họ... các khanh hãy lưu ý rằng không có kế hoạch nào của các khanh có thể trở nên hợp pháp nếu không có sự phê chuẩn đặc biệt của trăm... Trăm ra lệnh cho các khanh giải tán ngay lập tức và sáng ngày mai có mặt tại phòng họp dành riêng cho đẳng cấp của mình.<sup>11</sup>

Đức vua, đa số quý tộc, và một thiểu số tăng lữ rời phòng họp. Hầu tước Brézé, vị quan lễ tân, thông báo ý chí của nhà vua là tất cả mọi người cần ra khỏi phòng. Bailly, Chủ tịch Quốc hội, đáp lại rằng Quốc hội không thể chấp nhận một mệnh lệnh như vậy, và Mirabeau gầm lên với Brézé: “Ông hãy

về bảo với những ai cử ông đến đây là chúng tôi có mặt ở đây do ý chí của nhân dân, và sẽ chỉ rời khỏi chỗ ngồi của mình nếu bị ép buộc bằng vũ lực.”<sup>12</sup> Không hoàn toàn đúng như vậy, vì họ đã đến đây do lời mời của Đức vua, nhưng các đại biểu thể hiện chiều hướng của vấn đề bằng cách la lên: “Đó là ý chí của Quốc hội.” Khi quân lính của đội Cận vệ Versailles cố tiến vào hội trường, một nhóm các nhà quý tộc có tư tưởng tự do, trong đó có La Fayette, đã án ngữ lối vào bằng những thanh gươm tuốt trần. Khi được hỏi nên làm gì, Đức vua đã trả lời một cách mệt mỏi: “Cứ để họ ở lại.”

Ngày 25 tháng Sáu, Công tước Orléans dẫn đầu 47 nhà quý tộc đến gia nhập Quốc hội; họ được chào đón nồng nhiệt, làm tinh thần phấn khởi vang vọng khắp Hoàng cung [Palais-Royal] và chung quanh nơi này. Những người lính của đội Vệ binh Pháp kết thân với đám đông cách mạng. Trong cùng ngày này, thủ đô cũng có cuộc cách mạng hòa bình của mình: 407 người vốn được các khu phố ở Paris lựa chọn để tuyển lựa các đại biểu cho Paris gặp nhau tại Tòa Thị chính và chỉ định một hội đồng thành phố mới; hội đồng hoàng gia, thiếu sự hậu thuẫn của quân đội, đã từ chức một cách êm thấm. Ngày 27 tháng Sáu, Đức vua, thuận theo Necker cũng như hoàn cảnh, hạ lệnh cho các đảng cấp bên trên đến họp với Quốc hội đang đặc trưng. Các nhà quý tộc đến, nhưng từ chối tham gia bỏ phiếu, và không lâu sau đó lui về với lãnh địa của mình.

Ngày 1 tháng Bảy, Louis gọi 10 trung đoàn, phần lớn gồm lính người Đức và Thụy Sĩ, đến giúp mình. Đến ngày 10 tháng Bảy, 6.000 binh lính dưới quyền Thống chế Broglie chiếm Versailles, và 10.000 binh lính dưới quyền Nam tước Besenval được bố trí khắp Paris. Giữa cơn rối loạn và kinh hãi, Quốc hội tiếp tục xem xét bản điều trần đã được đệ trình ngày 9 tháng Bảy về một hiến pháp mới. Mirabeau khẩn khoản xin các đại biểu duy trì Đức vua như bức tường ngăn cản rối loạn xã hội và sự cai trị của đám đông hỗn tạp.

Ông mô tả Louis XVI như người có tấm lòng tốt và những ý định bao dung, đôi khi nhầm lẫn vì các cố vấn thiển cận. Và ông nêu một câu hỏi mang tính tiên tri:

Những người này có nghiên cứu, trong lịch sử các dân tộc, các cuộc cách mạng đã bắt đầu và được tiến hành như thế nào không? Họ có quan sát được do hàng loạt những hoàn cảnh quyết định nào mà những người khôn ngoan nhất đã bị đẩy xa quá những giới hạn của sự chùng mực, và do những thôi thúc kinh khủng nào mà một dân tộc nổi điên bị xô đẩy đến những hành động quá khích mà chỉ cần nghĩ đến họ đã rùng mình ghê tởm?<sup>13</sup>

Các đại biểu nghe theo lời khuyên của ông, vì chính họ cũng cảm thấy những làn sóng lan ra từ các vỉa hè của Paris. Nhưng thay vì đưa ra các nhượng bộ quan trọng để có được lòng trung thành phải chăng của đẳng cấp thứ ba, Louis đã xúc phạm cả những người cấp tiến lẫn tự do bằng cách sa thải Necker lần thứ hai (11 tháng Bảy), thay thế ông này bằng người bạn của Hoàng hậu là Nam tước Breteuil, một người không thỏa hiệp, và hôm sau (12 tháng Bảy) bổ nhiệm chiến binh Broglie làm Bộ trưởng Chiến tranh. Tình thế thật gay go.

## II. Ngục Bastille

Ngày 12 tháng Bảy, Camille Desmoulins, một người tốt nghiệp từ trường Dòng Tên, nhảy lên một chiếc bàn ở bên ngoài quán Café de Foy gần Palais-Royal, tổ cáo việc [Đức vua] thải hời Necker và gọi quân đội nước ngoài đến. “Bọn Đức sẽ tiến vào Paris tối nay để tàn sát dân cư”, ông kêu lên, và kêu gọi những người đang nghe ông nói hãy tự vũ trang. Họ đã làm vậy, vì hội đồng thành phố mới đã kháng cự yếu ớt khi họ xông vào Tòa Thị chính và trưng dụng các vũ khí chứa trong đó. Những người nổi loạn có vũ trang giờ đây đi diễu hành trên các đường phố, giương cao các pho tượng bán thân của

Necker và Công tước Orléans, và gắn lên mũ phù hiệu màu xanh lục. Khi mọi người biết rằng đây cũng là màu đồng phục của những người hầu và lính bảo vệ của Bá tước Artois (em của Đức vua) vốn bị oán ghét, phù hiệu màu xanh được thay thế bằng các màu đỏ, trắng, và xanh lam – những màu của quốc gia.

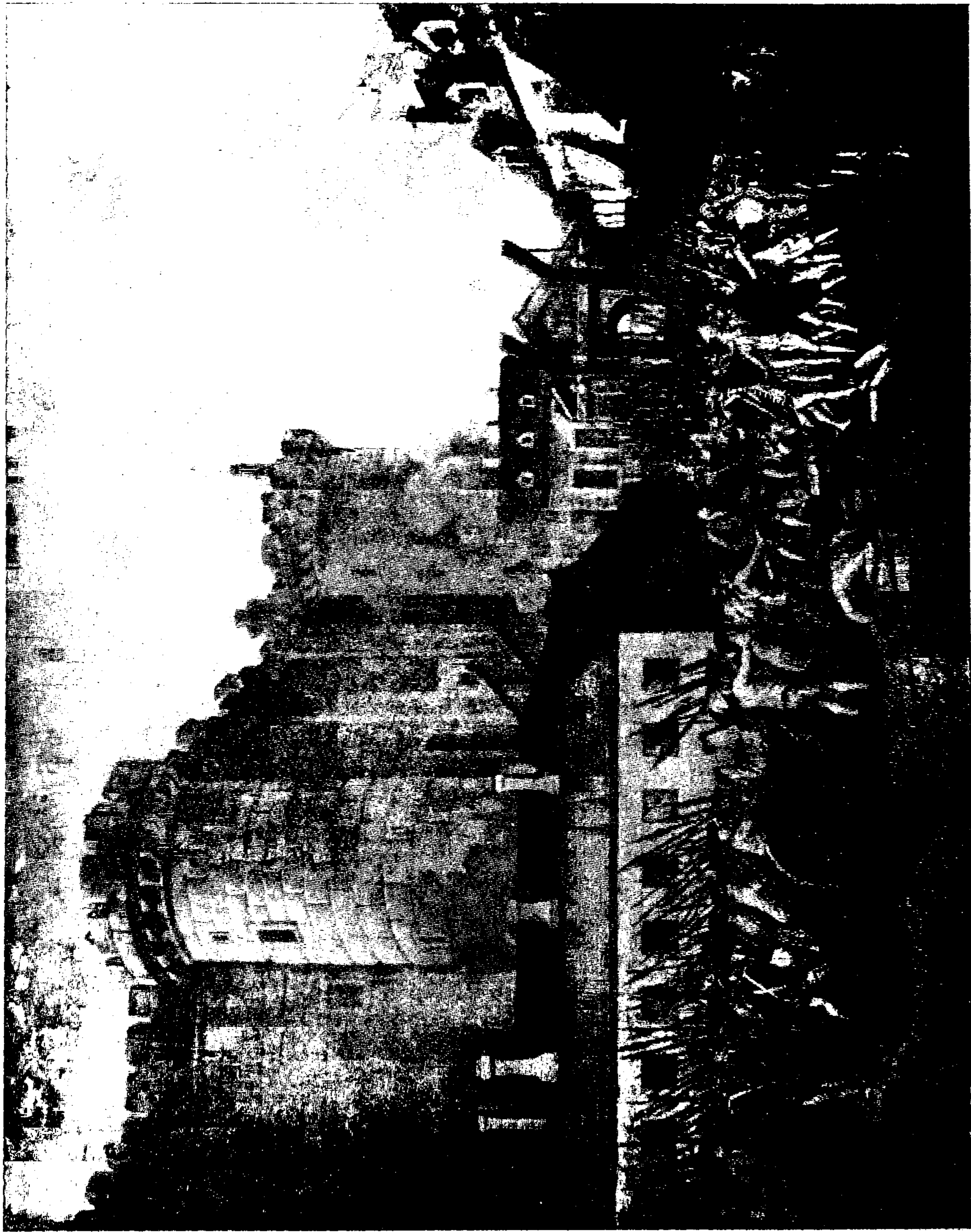
Lo sợ xảy ra bạo động bừa bãi, cảnh phá hủy tài sản, và sự hoảng loạn về tài chính, các chủ ngân hàng đóng cửa thị trường chứng khoán Paris, giới trung lưu thành lập lực lượng dân quân của riêng mình, vốn sẽ trở thành lực lượng Vệ binh Quốc gia dưới quyền La Fayette. Tuy nhiên, một số người thuộc giới tư sản, để bảo vệ cho Quốc hội giờ đây đã chắc chắn thuộc về giai cấp trung lưu, đã đóng góp tiền tài trợ cho cuộc kháng cự của dân chúng chống lại một chế độ quân chủ chuyên chế và cho việc chuyển hướng được tình cảm của quân Vệ binh Pháp từ chỗ bảo hoàng sang dân chủ.<sup>14</sup> Ngày 13 tháng Bảy, đám đông tụ tập trở lại, lần này đông đúc hơn nhờ những thành viên mới từ những kẻ vô lại và những kẻ sống tại các khu ổ chuột. Họ xâm chiếm Hôtel des Invalides [Bệnh viện Thương binh], cướp lấy 28.000 khẩu súng hỏa mai và một số đại bác. Besenval, do lo ngại quân lính của ông có thể bắn vào dân chúng, đã giữ họ án binh bất động ở ngoại ô. Đám quần chúng có vũ trang giờ đây kiểm soát thủ đô.

Họ sẽ làm gì với quyền lực của mình? Nhiều người gợi ý tấn công ngục Bastille. Tòa pháo đài cũ này ở phía đông Paris, kể từ năm 1370 đã được xây dần theo năm tháng để tổng giam những nạn nhân quan trọng vốn khiến cho hoàng gia hoặc giới quý tộc giận dữ, thường là bằng những mật chỉ của vua. Dưới thời Louis XVI có rất ít tù nhân ở đây; giờ chỉ còn bảy người. Bản thân Louis hiếm khi ban hành một *lettre de cachet*, và năm 1784 ông yêu cầu một kiến trúc sư trình cho ông kế hoạch phá hủy cái thành lũy ảm đạm này.<sup>15</sup> Nhưng dân chúng không biết chuyện này. Họ nghĩ nó là một ngục tối cầm giữ các nạn nhân của một chế độ chuyên chế tàn bạo.

Tuy nhiên những người nổi loạn có vẻ không có ý định phá hủy nó khi, sau một đêm nghỉ ngơi, họ cùng kéo về đây vào ngày 14 tháng Bảy mà rồi sẽ trở thành ngày quốc khánh của nước Pháp. Mục đích của họ là yêu cầu viên quản ngục cho họ vào để chiếm hữu thuốc súng và các vũ khí tương truyền được tích lũy sau những bức tường thành. Cho đến giờ họ chỉ tìm thấy được một ít thuốc súng, nếu không có thêm thì những khẩu hỏa mai và đại bác của họ sẽ không bảo vệ được gì khi Besenval đem quân vào đối phó với họ. Tuy nhiên, những bức tường này – dày 9m và cao đến 30m, được bảo vệ bởi những ngọn tháp có trang bị các khẩu pháo và xung quanh là hào nước rộng 24m – khiến người ta phải thận trọng. Các thành viên của hội đồng thành phố mới, mới tham gia vào đám đông, đề nghị tìm một giải pháp hòa bình với quan quản ngục.

Ông tên là Bernard-René Jordan, Hầu tước Launay, một người như chúng ta được bảo đảm, thừa hưởng một nền giáo dục thượng lưu và tính tình hòa nhã.<sup>16</sup> Ông lịch sự tiếp đón đoàn đại biểu. Họ đề nghị bảo đảm là những người nổi loạn sẽ cư xử ôn hòa nếu ông cho di chuyển các khẩu đại bác ra khỏi các lỗ châu mai và ra lệnh cho 114 binh sĩ của ông ngưng bắn. Ông đồng ý và khoản đãi các vị khách một bữa ăn trưa. Một ủy ban khác cũng nhận được lời cam kết tương tự, nhưng những người bao vây la lên là họ muốn có đạn dược, chứ không phải những lời nói.

Trong khi hai bên đang đàm phán, một số công nhân lanh trí leo lên các chỗ điều khiển và hạ hai chiếc cầu kéo xuống. Những kẻ tấn công hăng hái ulla lên hai chiếc cầu này và tiến vào sân; Launay ra lệnh cho họ quay lại; họ từ chối; binh sĩ của ông bắn vào họ. Lực lượng tấn công đang bị đánh bại thì bỗng đâu Vệ binh Pháp mang đến năm khẩu đại bác và bắt đầu phá hủy các bức tường. Dưới sự che chở của hỏa lực này, đám đông tràn vào nhà ngục và đánh cận chiến với các binh sĩ; 98 người tấn công và một người bên phía bảo vệ bị giết,



Hình 5: Cảnh chiếm ngục Bastille và bắt Launay (họa sĩ khuyết danh)

nhưng số lượng cũng như cơn giận dữ của đám đông ngày càng tăng. Hầu tước Launay xin đầu hàng nếu người của ông được phép ra đi an toàn cùng vũ khí của họ. Các thủ lĩnh của đám đông từ chối. Ông đầu hàng. Phe chiến thắng giết thêm sáu binh sĩ, giải thoát cho bảy tù nhân, chiếm lấy đạn dược và các vũ khí, bắt giữ Launay và đặc thăng diễu hành tiến về Tòa Thị chính. Trên đường đi, một số người trong đám đông, do giận dữ vì những thương vong mà đoàn người của họ phải chịu, đã đánh đập nhà quý tộc đang hoang mang này [tức Launay] đến chết, cắt lấy đầu của ông và giương cao nó lên trên một chiếc cọc. Jacques de Flesselles, *prévôt des marchands* [quan chức do thương nhân bầu, tương đương thị trưởng sau này] của Paris từng chỉ sai chỗ cất vũ khí cho các cử tri, cũng bị giết chết tại Quảng trường Grève và chiếc đầu của ông được thêm vào đám diễu hành.

Ngày 15 tháng Bảy, cử tri của các hội đồng khu phố bầu Bailly làm Thị trưởng Paris, chọn La Fayette làm chỉ huy của một đội Vệ binh Quốc gia mới, những người cách mạng cực đoan bắt đầu phá hủy ngục Bastille, từng viên đá một. Đức vua, kinh ngạc và sợ hãi, đến Quốc hội và thông báo ông đã giải tán các quân sĩ bao vây Versailles và Paris. Ngày 16 tháng Bảy, một hội nghị các nhà quý tộc khuyên ông nên ra đi dưới sự bảo vệ của các trung đoàn đang khởi hành, và tìm nơi ẩn náu tại một tỉnh lỵ hay triều đình nước ngoài. Marie Antoinette nhiệt tình ủng hộ đề nghị này và thu thập nữ trang cùng những đồ châu báu khác của bà để chuẩn bị cho chuyến đi.<sup>17</sup> Thay vào đó, ngày 17, Đức vua cho triệu hồi Necker, trước sự hân hoan của cả cộng đồng tài chính lẫn giới bình dân. Ngày 18, Đức vua xa giá đến Paris, viếng thăm Tòa Thị chính, biểu thị sự chấp thuận hội đồng và chính thể mới bằng cách gắn lên mũ mình phù hiệu màu đỏ-trắng-xanh của Cách mạng. Quay về Versailles, ông ôm hôn vợ, em gái, và các con mình, bảo với họ: “Sung sướng làm sao khi không còn đổ máu thêm nữa, và trăm thề sẽ không có một giọt máu Pháp

nào bị đổ ra bởi lệnh của trẫm.”<sup>18</sup> Em trai của ông là Bá tước Artois, mang theo vợ và cô nhân tình của mình,<sup>19</sup> đã dẫn đầu nhóm *émigré* [dân di tản] đầu tiên ra khỏi nước Pháp.

### III. Marat bước vào sân khấu: 1789

Việc chiếm ngục Bastille không chỉ là một hành vi mang tính tượng trưng và một đòn đánh vào chính thể chuyên chế; nó còn cứu Quốc hội khỏi bị khuất phục bởi đội quân của Đức vua ở Versailles và cứu chính quyền mới ở Paris khỏi sự thống trị của các binh sĩ đang bao vây. Một cách hoàn toàn không cố ý, nó đã bảo toàn cuộc Cách mạng tự sản; nhưng nó đã trao vũ khí và đạn dược cho dân chúng thủ đô, cho phép quyền lực của giới vô sản lớn mạnh thêm nữa.

Nó đã mang lại lòng can đảm mới mẻ và thêm nhiều độc giả cho những tờ báo vốn đang khích động người dân Paris hơn nữa. Ngoài những tờ báo như *Gazette de France*, *Mercure de France*, và *Journal de Paris* ra đời đã lâu và giữ được sự ổn định, giờ đây còn có những tờ mới ra mắt như *Les Révolutions de Paris* của Loustalot (17.7.1789), *Le Patriote français* của Brissot (28 tháng Bảy), *L'Ami du peuple* của Marat (12 tháng Chín), *Révolutions de France* của Desmoulins (28 tháng Mười Một), v.v... Thêm vào đó là hàng chục tập sách mỏng ra đời mỗi ngày, tạo nên cảnh hỗn loạn trong bầu không khí tự do báo chí, tôn xưng những thần tượng mới, đả phá những tên tuổi cũ. Chúng ta có thể tưởng tượng ra nội dung của chúng bằng cách ghi nhận sự nảy sinh của từ *libel* [sự phỉ báng] từ tên gọi *libelles* – những tập sách mỏng – của chúng.

Jean-Paul Marat là người cấp tiến, táo bạo, tàn nhẫn, và có quyền lực nhất trong số những tác giả mới. Sinh ngày 24.5.1743 tại Neuchâtel, Thụy Sĩ, mẹ là người Thụy Sĩ còn cha là người Sardegna [*Anh*, Sardinia], ông không bao giờ ngừng ngưỡng mộ một người đồng hương lưu vong khác – Rousseau. Ông học y khoa tại Bordeaux và Paris, gặt hái được

thành công khiếm tốn khi hành nghề ở London (1765 - 1777). Những câu chuyện sau này được kể lại về những tội ác và những điều vô lý ông đã gây ra ở đây có lẽ chỉ là những điều thêu dệt của các kẻ thù trong bối cảnh phóng túng bừa bãi của báo chí thời bấy giờ.<sup>20</sup> Ông nhận văn bằng danh dự của Trường Đại học St. Andrews – mặc dù đây là nơi như Samuel Johnson đã chỉ ra, đã “giàu lên nhờ các bằng cấp”.<sup>21</sup> Marat viết bằng tiếng Anh và xuất bản ở London cuốn *The Chains of Slavery* [1774; Những xiềng xích của chế độ nô lệ], một tác phẩm tố cáo nẩy lửa các chính phủ Âu châu như những âm mưu của các nhà vua, lãnh chúa, và giới tăng lữ nhằm lừa dối dân chúng và giữ họ trong cảnh phục tòng. Ông quay về Pháp năm 1777, phục vụ với tư cách bác sĩ thú y trong các chuồng ngựa của Bá tước Artois, và thăng tiến thành bác sĩ của đội Cận vệ của Bá tước. Ông nổi tiếng ít nhiều như một chuyên gia về phổi và mắt. Ông xuất bản những luận văn về điện, ánh sáng, quang học, và lửa; một số được dịch sang tiếng Đức. Marat nghĩ các luận văn sẽ giúp ông được kết nạp làm hội viên của Viện Hàn lâm Khoa học, nhưng việc ông chỉ trích Newton làm cho các viện sĩ đâm nghi ngờ.

Ông là người có lòng kiêu hãnh mãnh liệt, bị cản trở bởi một chuỗi những cơn đau ốm khiến ông dễ bị kích thích đến mức có những đam mê mạnh mẽ. Da ông sần sùi vì một chứng viêm da không chữa khỏi được, do đó ông tìm cách nhất thời giảm bớt đau đớn bằng cách ngồi và viết trong một bồn tắm đầy nước ấm.<sup>22</sup> Đầu ông quá lớn so với chiều cao 1,52 m của ông, và một mắt của ông nằm cao hơn mắt kia. Do đó cũng dễ hiểu tại sao ông hay tìm đến cảnh cô đơn vắng vẻ. Các bác sĩ thường xuyên trích máu cho ông để giảm bớt những cơn đau; và trong những quãng thời gian xen kẽ bình tĩnh hơn ông lại lấy máu người khác. Ông làm việc với cường

---

i Johnson chơi chữ khi viết câu này, *growing richer by degrees*, vì *by degrees* có nghĩa là *từng bước một*, hoặc *dần dần*, nhưng *degree* còn có nghĩa là *bằng cấp*.

độ của một tham vọng đang ám ảnh. “Tôi chỉ dành hai trong số hăm bốn giờ để ngủ... Trong hơn ba năm tôi không có lấy mười lăm phút giải trí.”<sup>23</sup> Năm 1793, có lẽ bị ảnh hưởng bởi lối sống ở trong nhà quá nhiều, phổi ông bị nhiễm bệnh, và, điều mà Charlotte Corday<sup>i</sup> không biết, ông cảm thấy mình không còn sống được bao lâu nữa.

Tính khí của ông bị ảnh hưởng của những chứng đau ốm này. Thói kiêu căng hợm hĩnh như một cách bù đắp, tính khí thất thường, ảo tưởng của ông về sự vĩ đại, những phản đối hung dữ của ông đối với Necker, La Fayette, và Lavoisier, những lời điên cuồng hô hào bạo lực của quần chúng bình dân, tất cả đã che lấp mất những đức tính can đảm, cần mẫn, và sự tận tụy của ông. Sự thành công của tờ báo của ông không chỉ nhờ sự khoa đại gây phấn khích trong lời văn, mà còn nhờ nhiều hơn vào sự ủng hộ nhiệt thành, liên tục, không thể mua chuộc được của ông đối với giới vô sản không có quyền bầu cử.

Tuy nhiên ông không đánh giá quá cao trí thông minh của quần chúng. Ông nhìn thấy sự hỗn loạn tăng lên, và ông còn tạo ra thêm nữa; nhưng, ít nhất trong lúc này, ông không cố vũ cho một chế độ dân chủ mà là một nền độc tài dựa trên việc bãi miễn [các đại biểu Quốc hội], nổi loạn, hoặc ám sát, như vào thời của chế độ cộng hòa ở La Mã. Ông hàm ý rằng chính ông có thể sẽ là một nhà độc tài tốt.<sup>24</sup> Đôi khi ông nghĩ chính quyền nên được điều hành bởi những người có tài sản, vì họ có quyền lợi nhiều nhất trong sự thịnh vượng của mọi người.<sup>25</sup> Ông xem việc tập trung của cải là điều tự nhiên, nhưng đề nghị bù đắp việc này bằng cách thuyết giảng về sự đồi bại của thói xa hoa và quyền thiêng liêng của cái đói và cái nghèo. “Không có gì thừa mứa mà lại thuộc về chúng ta một cách hợp pháp chừng nào mà người khác còn sống trong cảnh thiếu thốn... Phần lớn tài sản của giới tăng lữ nên được phân

---

i Người phụ nữ sát hại Marat ngày 13.7.1793 ngay trong bồn tắm của ông ta.

phát cho người nghèo, và khắp nơi nên lập những trường công miễn phí.”<sup>26</sup> “Xã hội mang nợ những thành viên nào của nó vốn không có tài sản, và lao động của họ không đem lại thu nhập đủ sống, không đủ cho họ ăn, ở, mặc một cách thích hợp, không có cái dự trữ để phòng khi ốm đau hay tuổi già, và để nuôi dưỡng con cái. Những kẻ ngộp mình trong cảnh giàu sang phải cung cấp những thứ cần thiết cho những ai thiếu thốn trong cuộc sống”; nếu không người nghèo sẽ có quyền dùng đến sức mạnh chiếm lấy bất cứ thứ gì họ cần.<sup>27</sup>

Đa số thành viên của các hội nghị nối tiếp nhau ngò vực và sợ Marat, nhưng đám đông *sansculottes* mà ông đang sống chung lại tha thứ cho những lỗi lầm vì triết lý này của ông và liều mạng che giấu ông khi ông bị cảnh sát truy lùng. Hẳn ông đã có những phẩm chất đáng yêu, vì người vợ trong hôn nhân thực tế của ông đã hết lòng ở lại với ông cho đến khi ông mất.

#### IV. Từ bỏ các đặc quyền: 4–5.8.1789

“Quốc gia này,” Gouverneur Morris<sup>i</sup> viết từ Pháp ngày 31.7. 1789, “hiện đang ở gần tình trạng vô chính phủ tới mức mà xã hội có thể tiếp cận được mà không tan rã.”<sup>28</sup> Các thương gia ngoài chợ đã biến tình trạng khan hiếm lương thực thành lợi nhuận bằng cách tăng giá; các sà lan chở lương thực đến các thành phố bị tấn công và cướp bóc trên đường đi; tình trạng rối loạn và mất an ninh gây gián đoạn cho việc vận chuyển. Paris đang phải đối phó với sự hoành hành của bọn tội phạm. Miền quê phải chịu nạn trộm cướp tới mức ở nhiều tỉnh các nông dân tự vũ trang trong thời “Đại kinh hãi”<sup>ii</sup> của họ

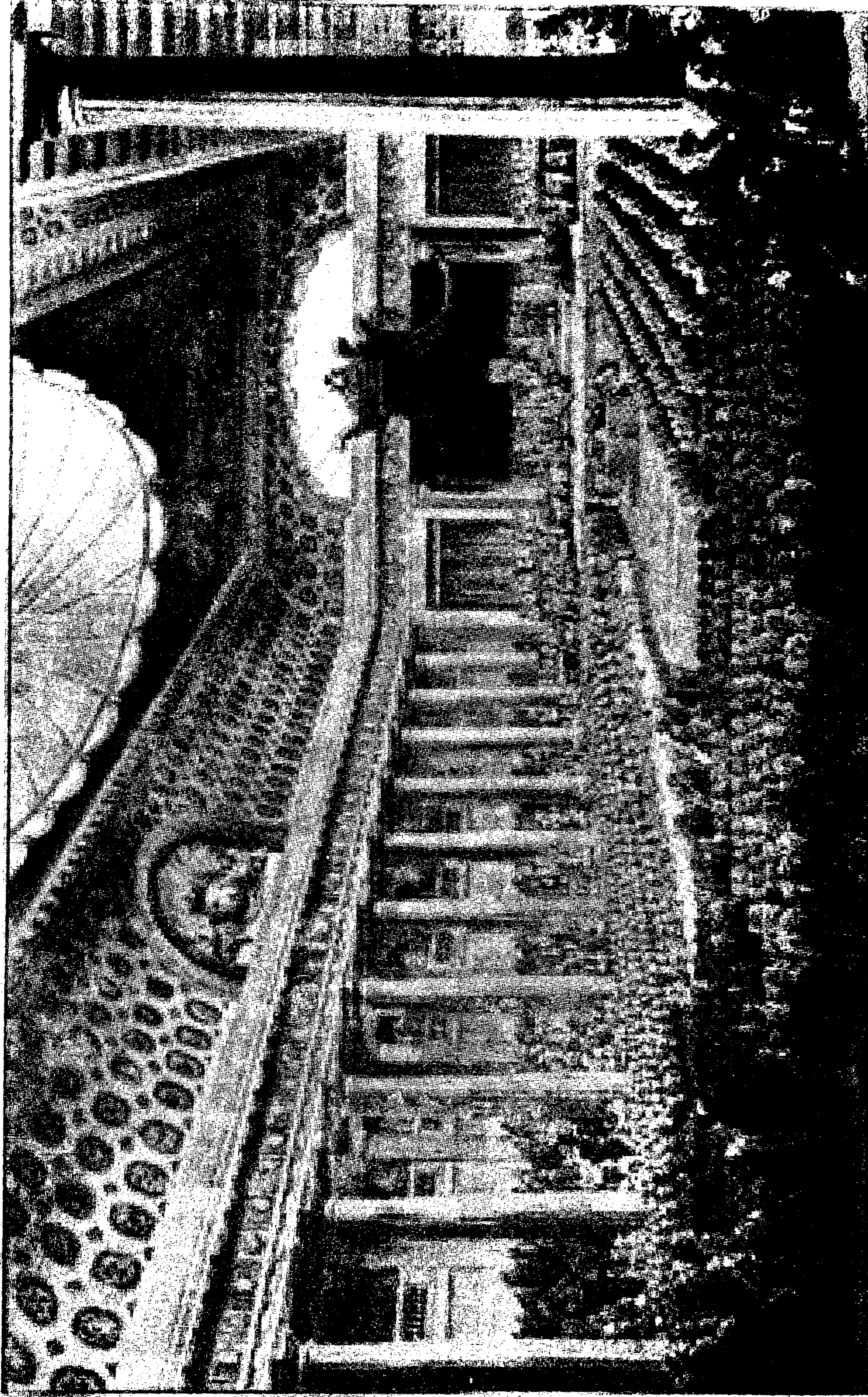
---

i Tên riêng của ông này, Gouverneur, lấy từ họ của mẹ ông, Sarah Gouverneur, một người gốc Pháp. Trong thời gian này, ông là Công sứ đặc mệnh toàn quyền của Mỹ tại Pháp. Ông thuộc lớp Tổ phụ lập quốc của Mỹ, người chủ trì soạn thảo phần “Lời nói đầu” cho Hiến pháp Mỹ, và là thượng nghị sĩ đại diện New York từ 1800 đến 1803.

ii Đại kinh hãi (Grande Peur): giai đoạn bạo loạn từ 20.7. 1789 đến 6.8.1789

đối với lũ người vô pháp luật này; trong sáu tháng các nông dân hoảng sợ đã kiếm được cho mình 400.000 khẩu súng. Khi “Đại kinh hãi” lắng xuống, nông dân quyết định dùng vũ khí của mình chống lại các viên chức thu thuế, bọn buôn bán độc quyền, và các lãnh chúa phong kiến. Vũ trang bằng súng hoả mai, chĩa hất cỏ, và lưỡi hái, họ tấn công các lâu đài, đòi được xem những giấy nhượng đất hay chứng thư sở hữu tài sản vốn được cho là đã thừa nhận các quyền và nghĩa vụ mà lãnh chúa được hưởng; nếu được cho xem giấy tờ đó, họ đốt chúng ngay; nếu kháng cự, họ đốt lâu đài; trong nhiều trường hợp gia chủ bị giết ngay tại chỗ. Tiến trình này bắt đầu vào tháng Bảy 1789 và đã lan đến khắp mọi địa phương của nước Pháp. Tại một số nơi những người nổi loạn mang những tấm bảng tuyên bố rằng Đức vua đã ủy nhiệm cho họ được toàn quyền tại địa phương của mình.<sup>29</sup> Thường khi trong cơn cuồng nộ việc phá hủy được tiến hành một cách bừa bãi; nên nông dân sống trên đất của Tu viện Murbach đã đốt cháy thư viện, cướp đi những chén đĩa và đồ vải lanh, mở nút các thùng rượu, uống thoả thuê và để phần còn lại chảy xuống cống rãnh. Tại tám xã, cư dân xâm chiếm các tu viện, lấy đi các chứng thư sở hữu tài sản và giải thích với các cha cố rằng giới tu sĩ giờ đây ở dưới quyền của nhân dân. Một bản báo cáo gửi Quốc hội cho biết, “Tại Franche-Comté, gần 40 tòa lâu đài và dinh thự của các lãnh chúa đã bị cướp phá hay đốt cháy, tại Langres ba trong năm toà, tại Dauphiné 27 toà, tại quận Viennois tất cả các tu viện;... vô số các vụ sát hại các lãnh chúa hay thị dân giàu có.”<sup>30</sup> Viên chức quận huyện nào cố ngăn cản những nông dân nổi loạn này đều bị cách chức; một số còn bị chặt đầu. Các nhà quý tộc rời bỏ nhà cửa và tìm nơi khác trú ẩn, nhưng hầu như khắp nơi họ đều gặp phải cảnh tượng “vô chính phủ tự phát” như nhau. Một làn sóng di tản thứ hai bắt đầu.

Vào đêm 4.8. 1789, một đại biểu báo cáo với Quốc hội ở Versailles: “Thư từ khắp các tỉnh gửi về cho thấy mọi loại



Hình 6: Khai mạc Hội nghị Quốc dân đại biểu ngày 5.5. 1789 ở Versailles (Isidore Stanislas Helman & Charles Monnet)

tài sản đều biến thành mồi ngon cho bạo động mang tính tội phạm nhất; khắp nơi các lâu đài đang bị đốt cháy, các tu viện nữ bị phá hủy, và nông trại bị bỏ mặc cho nạn cướp phá. Các thứ thuế và nghĩa vụ phong kiến không còn nữa, luật lệ không còn sức mạnh, và các quan toà không còn quyền hành gì.”<sup>31</sup> Các nhà quý tộc còn lại nhận thấy rằng cách mạng, mà họ hy vọng chỉ giới hạn ở Paris và có thể dịu đi với những nhượng bộ nho nhỏ, giờ đây đã lan tràn khắp nước và nghĩa vụ phong kiến không thể duy trì được nữa. Tử tước Noailles đề nghị “Mọi nghĩa vụ phong kiến sẽ có thể chuộc bù... bằng cách trả một khoản tiền hoặc hoán đổi theo một sự định giá công bằng... Những công việc lao dịch cho lãnh chúa, thân phận nông nô, và những hình thức nô lệ cá nhân khác sẽ bị bãi bỏ mà không bồi thường”; và, để chấm dứt các miễn trừ vì lý do giai cấp, “thuế má sẽ được đánh lên mọi cá nhân trong vương quốc theo tỷ lệ với thu nhập của mỗi người.”

Noailles vốn nghèo nên có thể chịu đựng được các biện pháp này, nhưng Công tước Aiguillon, một trong số những nhà quý tộc giàu nhất, cũng ủng hộ đề nghị và đưa ra lời thú nhận đáng giật mình: “Cuối cùng thì nhân dân đang cố gắng tháo bỏ cái ách đã quàng lên họ trong nhiều thế kỷ qua; và chúng ta phải thú nhận điều ấy – mặc dù cuộc nổi dậy này phải bị lên án... Người ta có thể tìm thấy một lời biện hộ cho việc này trong những khốn khổ mà nhân dân là những nạn nhân.”<sup>32</sup> Lời thú nhận này đã làm cho các nhà quý tộc có tư tưởng tự do cảm động và ủng hộ nhiệt tình; họ tập hợp lại với nhau để tiến tới tuyên bố từ bỏ những đặc quyền đáng chất vấn của họ; và sau nhiều giờ hăng hái từ bỏ, đến 2 giờ sáng ngày 5 tháng Tám, Quốc hội tuyên bố giải phóng cho nông dân. Sau đó một vài điều khoản thận trọng được thêm vào, yêu cầu các nông dân phải trả, theo định kỳ, một loại phí để bồi thường cho vài loại nghĩa vụ nào đó; nhưng sự chống đối nhắm vào các khoản chi trả này khiến việc thu tiền không thể thực hiện được, và mang lại kết thúc thật sự của hệ thống

phong kiến. Chữ ký của Đức vua đối với “công cuộc từ bỏ vĩ đại” được yêu cầu bởi Điều XVI, tuyên bố rằng ông ta, do đó, là “Người phục hưng tự do của nước Pháp.”<sup>33</sup>

Làn sóng tình cảm nhân đạo kéo dài đủ để tạo ra một tài liệu mang tầm vóc lịch sử khác – một bản Tuyên ngôn về Nhân quyền và Dân quyền (27.8. 1789). Văn bản này được đề nghị bởi La Fayette, người mà những ấn tượng về bản Tuyên ngôn độc lập và các luật dân quyền được nhiều tiểu bang của Mỹ công bố hãy còn sống động trong tâm trí. Các nhà quý tộc trẻ tuổi trong Quốc hội có thể ủng hộ khái niệm bình đẳng vì họ đã phải chịu nhiều thiệt thòi do những đặc quyền thừa kế của người con trai cả, và vài người như Mirabeau đã phải chịu đựng cảnh tù tội độc đoán. Các đại biểu thị dân phản uất vì sự độc quyền dành cho giới quý tộc trong xã hội, và sự độc chiếm của những người thuộc giới này đối với những chức vụ cao trong lĩnh vực dân sự cũng như quân sự. Hầu hết các đại biểu đã đọc Rousseau khi ông viết về ý chí phổ quát và chấp nhận học thuyết của triết gia này cho rằng theo luật tự nhiên, những quyền cơ bản thuộc về mọi con người. Do đó ít có sự chống đối khi mở đầu bản hiến pháp mới với một bản tuyên ngôn có vẻ như bổ sung cho cuộc cách mạng. Một số điều khoản nên được nhắc lại:

Điều 1. Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và vẫn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi...

Điều 2. Mục đích của mọi liên kết chính trị là bảo vệ các quyền tự nhiên và bất khả xâm phạm của con người. Những quyền này là tự do, sở hữu, an ninh, và chống lại sự áp bức...

Điều 4. Tự do chủ yếu nằm trong quyền làm bất cứ điều gì mà không gây tổn hại cho người khác; do đó, việc thực thi các quyền tự nhiên của mỗi người không bị giới hạn gì cả ngoại trừ những giới hạn nhằm bảo đảm những thành viên khác trong xã hội được hưởng các quyền tương tự. Những giới hạn này chỉ có thể được quy định bởi luật pháp...

Điều 6. Luật pháp là sự thể hiện của ý chí phổ quát. Mỗi công dân đều có quyền tham gia, trực tiếp hay qua người đại diện, vào sự hình thành nên luật pháp... Mọi công dân, bình đẳng trước con mắt của luật pháp, cũng có quyền ngang nhau trong việc tham gia vào tất cả các địa vị cao và tất cả các chức vụ và công việc công cộng, tùy theo khả năng của họ...

Điều 7. Không ai có thể bị kết tội, bắt giữ hay giam cầm ngoại trừ trong những trường hợp, và theo những thủ tục, được quy định bởi luật pháp...

Điều 9. Bởi vì mọi người đều được coi là vô tội cho đến khi bị tuyên bố là có tội, nên khi cần thiết phải bắt giữ, mọi hành vi tàn nhẫn không cần thiết để bắt giữ người đó sẽ bị luật pháp nghiêm trị.

Điều 10. Không ai phải bị đối xử tàn tệ vì quan điểm của mình, gồm cả các quan điểm tôn giáo, miễn là việc trình bày các quan điểm đó không làm rối loạn nền trật tự công cộng do luật pháp thiết lập.

Điều 11. Tự do trao đổi các ý tưởng và quan điểm là một trong những quyền quý giá nhất của con người. Do đó, mọi công dân đều có thể nói, viết, và ấn hành ý tưởng và quan điểm của mình một cách tự do; nhưng sẽ phải chịu trách nhiệm về những sự lạm dụng quyền tự do này theo quy định của luật pháp...

Điều 17. Vì tài sản là một quyền thiêng liêng và bất khả xâm phạm, không ai có thể bị tước đoạt nó; trừ khi điều đó, được quyết định một cách hợp pháp, rõ ràng cần thiết cho cộng đồng, và chỉ với điều kiện rằng trước đó người chủ tài sản được bồi thường một cách công bằng.<sup>34</sup>

Ngay cả trong lời khẳng định các lý tưởng dân chủ này vẫn còn một số khuyết điểm. Chế độ nô lệ được phép tiếp tục tại các thuộc địa Pháp thuộc vùng Caribe cho đến khi Quốc ước hội nghị bãi bỏ vào năm 1794. Hiến pháp mới dành quyền bỏ phiếu và tư cách tham gia vào các cơ quan công quyền cho những người đã trả một khoản thuế tối thiểu được quy định.

Các quyền dân sự vẫn còn bị cấm đối với các diễn viên, tín đồ Tin Lành, và người Do Thái. Louis XVI từ chối phê chuẩn bản tuyên ngôn với lý do nó sẽ khuấy động thêm nữa cảnh bất an và rối loạn. Nhưng rồi quần chúng Paris sẽ buộc ông phải đồng ý.

## **V. Tiến về Versailles: 5.10.1789**

Trong suốt tháng Tám và tháng Chín những cuộc bạo loạn đã xảy ra ở Paris. Bánh mì lại thiếu; các bà nội trợ phải giành giật nhau tại các cửa hàng bán bánh. Trong một vụ náo loạn như vậy một người bán bánh mì và một viên chức thành phố đã bị đám đông dân chúng giận dữ giết chết. Marat kêu gọi một cuộc diễu hành đến Quốc hội và hoàng cung ở Versailles:

Khi sự an toàn công cộng bị lâm nguy, nhân dân phải giành lấy quyền lực từ tay của những người được họ trao phó... Hãy tổng giam mù đàn bà người Áo [Hoàng hậu] và tên em chồng của mù ta [Artois] vào tù... Hãy bắt giữ các bộ trưởng và đám thuộc cấp của chúng và xiềng chúng lại... Hãy bảo đảm bắt được tên Thị trưởng [con người tội nghiệp, tử tế, hay mơ màng Bailly] và thuộc cấp của y; hãy canh chừng viên tướng [La Fayette] và bắt giữ ban tham mưu của hắn... Kẻ thừa kế ngai vàng không có quyền ăn tối trong khi các bạn thiếu bánh mì. Hãy tổ chức những đội vũ trang. Hãy diễu hành đến Quốc hội và đòi bánh mì ngay lập tức... Hãy đòi hỏi sao cho người nghèo trong nước có được một tương lai bảo đảm từ thu nhập của quốc gia. Nếu các bạn bị từ chối, hãy gia nhập quân đội, chiếm lấy đất đai, cũng như vàng bạc được chôn giấu bởi những kẻ vô lại vốn đã buộc các bạn phải chấp nhận chúng để khỏi chết đói, và chia cho mọi người trong các bạn. Những tên bộ trưởng và bộ hạ hãy cút đi. Thời cơ đã đến!<sup>35</sup>

Kinh hãi vì những luận điệu của báo chí, cũng như tình trạng rối loạn ở Paris, và bởi những cuộc biểu tình của quần chúng ở Versailles, Louis quay lại với lời khuyên của các bộ trưởng



Hình 7: Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền  
(Jean-Jacques-François Le Barbier, 1789)

của mình – đưa binh sĩ chưa bị tiêm nhiễm tư tưởng cách mạng đến để bảo vệ ông, gia đình ông, và triều đình. Vào cuối tháng Chín ông truyền lệnh đến Douai cho gọi Trung đoàn Flandre về. Họ đến, và vào ngày 1 tháng Mười, đội Cận vệ của Đức vua chào mừng họ bằng một bữa tiệc ở nhà hát opéra của hoàng cung. Khi Louis và Marie Antoinette xuất hiện, các binh sĩ, ngà say vì men rượu cũng như vì sự hiện diện của quân vương, hoan hô một cách điên cuồng. Chẳng bao lâu sau họ thay thế các biểu tượng tam tài của quốc gia trên đồng phục của mình bằng các phù hiệu của Hoàng hậu – màu trắng và đen. Một bản báo cáo cho biết các màu bị vất bỏ [xanh, trắng, đỏ], mà giờ đây đã thân thiết với Cách mạng, sau đó bị những bàn chân khiêu vũ giẫm đạp lên.<sup>36</sup> (Bà Campan, thị nữ thứ nhất của Hoàng hậu và là một nhân chứng trong bữa tiệc, đã phủ nhận chi tiết này.<sup>37</sup>)

Câu chuyện được thổi phồng khi bay đến Paris, và được nhấn mạnh thêm với một báo cáo cho biết có một đạo quân đang tập hợp gần Metz với ý đồ tiến về Versailles để giải tán Quốc hội. Mirabeau và các đại biểu khác kịch liệt lên án mối đe dọa quân sự mới này. Marat, Loustalot, và các nhà báo khác yêu cầu dân chúng nên buộc cả hoàng gia và Quốc hội chuyển về Paris, nơi họ có thể nằm dưới con mắt cảnh giác của quần chúng. Ngày 5 tháng Mười, những phụ nữ buôn bán ngoài chợ của thành phố, do là những người đầu tiên biết chuyện khan hiếm thực phẩm, đã dẫn đầu trong việc thành lập một nhóm người đi bộ về Versailles, cách đó gần 15 km. Trên đường đi họ kêu gọi đàn ông cũng như đàn bà hãy tham gia cùng; mấy ngàn người đã đi theo. Đây không phải là một đám rước bi thảm hay ử rũ; một tính cách hài hước đầy sức sống của người Pháp đã thêm gia vị vào cuộc diễu hành. “Chúng ta sẽ bắt anh chàng bán bánh mì và vợ anh ta về,” họ kêu lên, “và chúng ta sẽ hưởng cái thú nghe Mirabeau nói.”<sup>38</sup>

Khi đến được Versailles dưới cơn mưa tầm tã, họ tụ tập theo hàng ngũ tùy tiện, khoảng tám ngàn người, trước

những chiếc cổng cao và hàng rào cọc sắt của hoàng cung, yêu cầu được gặp Đức vua. Một phái đoàn đến gặp Quốc hội và khẳng khái đòi các đại biểu phải đi tìm bánh mì cho đám đông. Mounier, lúc ấy đang giữ chức chủ tịch, đi cùng với một người trong phái đoàn là cô nàng xinh đẹp Louison Chabry, đến gặp Louis. Cô quá choáng ngợp khi nhìn thấy long nhan và chỉ có thể kêu lên: “Bánh mì”, rồi ngã xuống bất tỉnh. Khi tỉnh lại, cô được Louis hứa sẽ tìm bánh mì cho đám đông đang chịu cảnh ươn ướt át và đói bên ngoài. Khi kiêu từ, cô tìm cách hôn bàn tay ông, nhưng ông đã ôm hôn cô như một người cha. Trong lúc ấy nhiều người đẹp Paris hấp dẫn trà trộn với các binh sĩ Flandre và thuyết phục họ rằng đàn ông hào hoa phong nhã không bắn vào các phụ nữ không một tấc sắt trong tay. Nhiều binh sĩ đưa các mỹ nhân ngư [sirens] đang đói vào doanh trại của mình, cho họ ăn và sưởi ấm. Vào lúc 11 giờ đêm hôm ấy, La Fayette đến cùng 15.000 binh sĩ của đội Vệ binh Quốc gia. Ông được Đức vua tiếp đón và cam kết sẽ bảo vệ cho Ngài. Nhưng ông về phe với Necker, khuyên Đức vua nên chấp nhận lời yêu cầu của dân chúng, cùng với Hoàng hậu dọn về sống ở Paris. Rồi, kiệt sức, ông lui về lâu đài Hôtel de Noailles.

Sáng sớm ngày 6 tháng Mười, đám đông mệt mỏi, giận dữ tràn qua cánh cổng tình cờ hé mở và đổ vào sân cung điện, và một số đàn ông có võ trang xông lên cầu thang, tiến đến căn phòng nơi Hoàng hậu đang ngủ. Trên người chỉ có chiếc váy lót, tay bông Thái tử, bà chạy trốn sang phòng của Đức vua. Các binh sĩ canh giữ cung điện chống cự lại cuộc xâm chiếm và ba người trong số họ bị giết. La Fayette, đến trễ nhưng được việc, trấn an vụ náo loạn bằng những lời bảo đảm [sẽ thuyết phục Đức vua] chấp thuận. Đức vua ra trước ban công và hứa sẽ dời về Paris. Đám đông la lên: “Hoàng thượng vạn tuế!”, nhưng yêu cầu Hoàng hậu xuất hiện. Bà xuất hiện và không lùi bước khi một người trong đám đông tụ tập chìa khẩu súng hỏa mai về phía bà. Vũ khí của anh ta bị những

người đứng gần giật xuống. La Fayette tiến đến bên Marie Antoinette, hôn lên tay bà trong một cử chỉ tỏ lòng trung thành. Đám đông giờ đã dịu bớt nguyên sẽ yêu mến Hoàng hậu nếu bà chịu đến ở tại thủ đô.



Hình 8: La Fayette (Joseph-Désiré Court, 1791)

Gần đến trưa, một đám diễu hành chưa từng có trong lịch sử được hình thành: Đi đầu là đoàn Vệ binh Quốc gia và đội Cận vệ hoàng gia; rồi một chiếc xe ngựa chở Đức vua, em gái

của ông là Phu nhân Élisabeth,<sup>i</sup> Hoàng hậu và hai con; tiếp theo là một hàng dài những chiếc xe chở những bao bột mì; rồi đến những người dân Paris đặc thăng, vài phụ nữ ngồi vắt vẻo trên nòng súng đại bác, một số người đàn ông giương cao những chiếc cọc bên trên là đầu của những người lính canh giữ cung điện bị giết chết; đến Sèvres họ ngừng lại để rắc phấn và uốn tóc quần cho những chiếc đầu này.<sup>39</sup> Hoàng hậu không chắc rằng bà vẫn toàn mạng khi về đến Paris, nhưng đêm đó bà và những người còn lại của gia đình Đức vua đã ngủ trên những chiếc giường được dọn vội vàng trong điện Tuileries, nơi các vị vua Pháp đã ngủ trước khi vụ khởi loạn Fronde làm cho thủ đô trở nên đáng ghét đối với Vua Louis XIV. Ít ngày sau Quốc hội cũng về theo và được bố trí nơi làm việc trong nhà hát của cung cung điện này.

Một lần nữa dân chúng Paris đã đảm đương cuộc Cách mạng bằng cách buộc Đức vua phải làm theo ý mình. Giờ đây, trong cảnh lệ thuộc vào các thần dân của mình, ông chấp nhận bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền như một *fait accompli* [sự đã rồi]. Một làn sóng di tản thứ ba bắt đầu.

## VI. Bản hiến pháp cách mạng: 1790

Rảnh tay vì không còn bị Đức vua chống đối nữa, nhưng vẫn cảm thấy không thoải mái dưới sự giám sát của thủ đô, Quốc hội bèn tiến hành soạn thảo bản hiến pháp nhằm định rõ và hợp pháp hóa những thành tựu của Cách mạng.

Đầu tiên là có nên giữ lại vương quyền hay không? Họ đã giữ lại, và cho phép được kế thừa, vì e rằng cho đến lúc những tình cảm về tính chính thống và lòng trung thành có thể được chuyển từ Đức vua sang quốc gia, hào quang quyền rũ của vị quân vương sẽ cần thiết đối với trật tự xã hội; và quyền chuyển giao ngôi vua sẽ giúp tránh được những cuộc

---

<sup>i</sup> Ở Việt Nam, em gái của vua được gọi là Hoàng muội.

chiến tranh kế vị và những âm mưu vốn lúc đó đang âm ỉ trong chốn cung đình. Nhưng quyền lực của Đức vua cần phải được giới hạn nghiêm ngặt. Hàng năm Quốc hội sẽ biểu quyết một bảng “hoàng gia phí” quy định những khoản chi tiêu của Đức vua; bất cứ khoản chi nào khác cũng phải được đệ trình cho cơ quan lập pháp xem xét. Nếu rời khỏi vương quốc mà không có sự cho phép của Quốc hội, ông có thể bị truất phế, như chẳng bao lâu nữa ông sẽ thấy. Ông có quyền lựa chọn và thải hồi các bộ trưởng, nhưng mỗi bộ trưởng phải đệ trình báo cáo hàng tháng về việc sử dụng ngân sách được phân bổ cho mình và có thể bị truy tố ra trước một toà án cấp cao vào bất cứ lúc nào. Đức vua là tư lệnh Lục quân và Hải quân, nhưng không có quyền tuyên chiến, hay ký kết một hiệp ước, mà không có sự đồng ý trước của cơ quan lập pháp. Ông có quyền phủ quyết các dự luật được đệ trình lên cho ông; nhưng nếu được cơ quan lập pháp thông qua ba lần liên tiếp thì bản dự luật bị phủ quyết này cũng sẽ trở thành luật.

Liệu cơ quan lập pháp, với quyền lực tối cao như vậy, có nên gồm hai viện như ở Anh và Mỹ không? Một thượng viện có thể kìm hãm những hành động vội vã, nhưng cũng có thể trở thành một pháo đài của những nhà quý tộc hay những ông già. Quốc hội bác bỏ điều này, và, như một biện pháp phòng ngừa thêm nữa, tuyên bố chấm dứt quyền thừa kế mọi đặc quyền và tước hiệu, ngoại trừ quyền của Đức vua. Cơ quan lập pháp sẽ chỉ được bầu ra bởi những “công dân tích cực” – những nam giới trưởng thành, có tài sản, đóng một số tiền tương đương với ba ngày làm việc cho các loại thuế trực thu. Quy định này bao gồm các nông dân giàu có, nhưng sẽ loại trừ những người lao động làm thuê, diễn viên, và dân vô sản; những người này được liệt vào hạng “công dân thụ động”, vì họ có thể dễ dàng bị thao túng bởi những ông chủ hay ký giả để trở thành công cụ phản động hoặc bạo lực. Theo sự sắp xếp này, có 4.298.360 đàn ông Pháp (trong tổng số 25

triệu dân) được hưởng quyền bầu cử tại nước Pháp vào năm 1791; ba triệu đàn ông trưởng thành khác không được đi bầu. Quốc hội thị dân, vì lo sợ đám quần chúng ở thủ đô, đã xác nhận tính chất tư sản của cuộc Cách mạng.

Do những mục đích hành chính và bầu cử, hiến pháp chia nước Pháp ra thành 83 *département* [tỉnh], mỗi tỉnh được chia thành nhiều *commune* [xã, công xã, thị xã] (43.360). Lần đầu tiên nước Pháp trở thành một quốc gia thống nhất, không có những địa phương có đặc quyền hay những khoản phí giao thông nội địa, tất cả đều tuân theo một hệ thống pháp luật và đo lường. Các hình phạt đều do luật định, và không còn tùy theo ý muốn của pháp quan nữa. Các hình thức tra tấn, gông cùm, đóng dấu bằng sắt nung [lên vai tội nhân] bị bãi bỏ, nhưng án tử hình vẫn được giữ lại, điều khiến Robespierre bất mãn trong hiện tại nhưng sẽ thuận tiện cho ông trong tương lai. Những người bị buộc tội có thể chọn được xử với một bồi thẩm đoàn gồm các “công dân tích cực” được chọn bằng cách rút thăm, và chỉ cần có được ba [phiếu chống] trong tổng số mười hai phiếu của bồi thẩm đoàn là đủ để tuyên bố trắng án. Các vụ kiện dân sự sẽ được các thẩm phán quyết định. Các đại pháp viện cũ, vốn đã sinh ra giới quý tộc thứ hai, được thay thế bởi một bộ máy tư pháp mới do các hội đồng bầu cử bổ nhiệm. Một tòa án tối cao được chọn bằng cách bốc thăm từ những tòa án cấp dưới, mỗi *département* có hai tòa.

Hai vấn đề trọng đại và liên quan nhau vẫn còn tồn tại: làm sao để tránh phá sản, và làm sao điều chỉnh những mối quan hệ giữa Giáo hội và nhà nước. Các thứ thuế không đủ để tài trợ cho chính phủ, trong khi Giáo hội sở hữu những tài sản đáng thèm muốn mà không bị đánh thuế. Phải nhờ đến Charles-Maurice de Talleyrand-Périgord, vị giám mục xứ Autun vừa được bổ nhiệm, đề nghị giải pháp giải quyết vấn đề này (11.10. 1789): Hãy dùng tài sản của Giáo hội để trả những món nợ quốc gia.



Hình 9: Talleyrand (François Gérard, 1808)

Talleyrand là một trong số những nhân vật hai mặt *hấp dẫn* trong lịch sử. Ông xuất thân từ một gia đình lâu đời nổi bật nhờ binh nghiệp, và ông có lẽ cũng đã theo đuổi một sự nghiệp tương tự nếu không bị trật khớp bàn chân vĩnh viễn do một lần bị ngã vào năm lên bốn; ông phải đi khắp khiêng qua cuộc đời này, nhưng đã xoay xở để vượt qua mọi chướng ngại. Cha mẹ ông giao phó ông cho Giáo hội. Trong chủng

viện ông đọc Voltaire và Montesquieu, và có một cô nhân tình ở bên mình. Có vẻ như ông đã bị trục xuất (1775), nhưng vào năm ấy ông (mới 21 tuổi) được Louis XVI giao cho Tu viện St. Denis ở Reims. Ông được tấn phong linh mục năm 1779, và qua ngày hôm sau trở thành phụ tá cho người chú của ông, Tổng giám mục Reims. Ông tiếp tục ve vãn các phụ nữ quyền quý, có con với một người trong số đó, sau này là sĩ quan dưới trướng Napoléon. Năm 1788, Talleyrand được bổ làm giám mục xứ Autun mặc cho những lời phản đối của người mẹ ngoan đạo, vốn biết con mình chẳng có mấy đức tin. Tuy nhiên ông đã soạn một chương trình cải cách để đệ trình trước Hội nghị Quốc dân đại biểu và chương trình này gây được ấn tượng mạnh với giới tăng lữ đến độ họ cử ông làm đại biểu cho họ.<sup>40</sup>

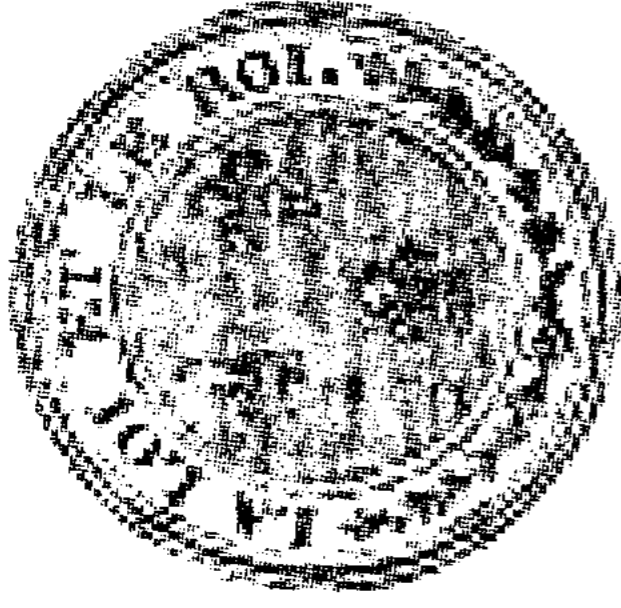
Mặc dù bị các đại biểu thuộc đảng cấp tăng lữ chống đối dữ dội, ngày 2.11. 1789 Quốc hội đã biểu quyết, với 508 phiếu thuận và 346 phiếu chống, quốc hữu hóa tài sản của Giáo hội, lúc ấy được định giá khoảng ba tỉ franc.<sup>41</sup> Quốc hội cam kết chính phủ sẽ “cung cấp theo cách thức phù hợp các khoản chi phí dành cho việc thờ phụng công cộng, chu cấp cho các linh mục, và cứu trợ người nghèo.” Ngày 19 tháng Mười Hai, Quốc hội cho phép một *Caisse de l'Extraordinaire* [Quỹ đặc biệt] được bán lượng “assignat” [tín phiếu] trị giá 400 triệu franc – những tờ phiếu này cho phép người nắm giữ được sở hữu một số lượng được nêu rõ trong tài sản của Giáo hội, cộng với lãi suất 5% cho đến khi việc mua bán được thực hiện. Với số tiền thu được từ các tín phiếu, chính phủ đã trả các món nợ khẩn cấp nhất và như vậy bảo đảm được sự ủng hộ của cộng đồng tài chính đối với chế độ mới. Nhưng những người mua tín phiếu nhận thấy khó thực hiện được các thương vụ một cách thoả mãn; họ dùng chúng như một thứ tiền tệ; và vì nhà nước ngày càng phát hành nhiều tín phiếu và lạm phát tiếp tục, chúng bị mất giá, trừ khi dùng để đóng thuế vì Ngân khố buộc phải nhận chúng theo mệnh giá được ghi. Như thế

ARRENT DE LA EMISSION DU 23 SEPTEMBRE 1790.



# DOMANIAUX NATIONAUX

Hypothèques au remboursement des ASSURETÉS  
par le décret de l'ASSEMBLÉE NATIONALE  
des 16 et 17 Avril 1790. mentionné par le Roi.



## ASSIGNAT DE Cinq Cents liv.

Il sera payé au Porteur la somme de cinq cents livres à la Caisse de l'Extinction  
auant, conformément aux décrets des 16 et 17 Avril et 29 Septembre 1790.

38 08 37 1/2

Demour.



Hình 10: Tờ tín phiếu 500 livre

hết năm này sang năm khác, đến lượt Ngân khố thấy mình bị những khoản lỗ vượt qua số thu nhập.

Sau khi đã vượt sông Rubicon,<sup>i</sup> ngày 13.2. 1790, Quốc hội tịch thu các tu viện, phát những khoản trợ cấp cho các tu sĩ bị trục xuất;<sup>42</sup> các nữ tu sĩ được để yên, vì họ làm những công việc được đánh giá cao trong giáo dục và từ thiện. Ngày 12 tháng Bảy, một “Hiến chương Giáo sĩ” được ban hành, quy định các tu sĩ như những viên chức ăn lương của nhà nước, và công nhận Công giáo là quốc giáo. Các tín đồ Tin Lành và Do Thái giáo được tự do thờ phụng trong các cuộc hội họp riêng của mình, nhưng không có sự ủng hộ của chính phủ. Các giám mục Công giáo sẽ được lựa chọn bởi các hội đồng bầu cử của các tỉnh; và trong cuộc bầu cử này, các cử tri ngoài Công giáo – như các tín đồ Tin Lành, Do Thái, hay những người theo thuyết bất khả tri – được tự do tham gia.<sup>43</sup> Mọi tu sĩ được yêu cầu phải cam kết tuân thủ hiến chương mới này trước khi nhận bất cứ khoản trợ cấp nào của nhà nước. Trong số 134 giám mục ở Pháp, có tới 130 người từ chối tuyên thệ. Trong số 70.000 tu sĩ ở các giáo khu, có 46.000 người từ chối.<sup>44</sup> Đại đa số dân chúng ngả về phe các tu sĩ không tuyên thệ và tẩy chay các buổi lễ của các tu sĩ tuyên thệ. Cuộc khủng hoảng ngày càng tăng giữa Giáo hội bảo thủ, được dân chúng ủng hộ, và các hội đồng vốn chủ yếu theo thuyết bất khả tri và được giới trung lưu ủng hộ, trở thành nhân tố chính trong cơn thoái trào của Cách mạng. Chủ yếu vì điều luật không được lòng dân này mà Đức vua từ chối ký ban hành bản hiến pháp mới.

Những người khác cũng có những lý do để bác bỏ nó. Robespierre dẫn đầu một nhóm nhỏ nhưng cương quyết phản đối rằng việc hạn chế quyền bầu cử căn cứ vào tài sản

---

i Rubicon: Con sông nhỏ nằm giữa Ý và xứ Gaul xưa. Viện Nguyên lão La Mã đã cấm các tướng lĩnh cầm quân không được vượt qua sông này vào đất Ý để tránh đảo chính, nhưng sau đó Caesar vẫn vượt qua. Nên thành ngữ *vượt sông Rubicon* có nghĩa là thực hiện một quyết định quan trọng và chấp nhận những hậu quả của nó.

của người chủ là vi phạm bản Tuyên ngôn Nhân quyền, và là một sỉ nhục đầy khiêu khích đối với giới vô sản Paris từng cứu Quốc hội khỏi bị các đạo quân của Đức vua đàn áp. Giới nông dân đồng ý với giới thị dân, phần uất vì sự bãi bỏ những quy định của chính phủ vốn trong chừng mực nào đó đã bảo vệ cho người sản xuất cũng như người tiêu thụ khỏi bị lâm vào cảnh “thị trường tự do” bị thao túng bởi những kẻ phân phối.

Tuy nhiên Quốc hội cảm thấy, cũng đúng một phần, rằng bản hiến pháp là một tài liệu quan trọng, đem lại cho cuộc Cách mạng đang đắc thắng một hình thức đáng tin cậy và hợp pháp. Các đại biểu thuộc giai cấp trung lưu, giờ đây là lực lượng quan trọng nhất, cho rằng những người bình dân – mà phần lớn hầy còn mù chữ – chưa đủ khả năng tham gia, một cách cân xứng với dân số của họ, vào các cuộc thảo luận và các quyết định của chính phủ. Ngoài ra, khi giờ đây giới quý tộc đã bỏ chạy, không phải đến lượt giới tư sản đứng ra điều hành một nhà nước ngày càng lệ thuộc vào một nền kinh tế đang phát triển mạnh mẽ và được quản lý một cách khôn ngoan sao? Vì vậy Quốc hội công bố Pháp là một nước quân chủ lập hiến, bất chấp những sự do dự của Đức vua; và vào ngày 5.6. 1790, Quốc hội mời 83 tỉnh gửi Vệ binh Quốc gia đã gia nhập liên minh của họ tham gia cùng dân chúng Paris và chính phủ Pháp tại khu Champ-de-Mars để ngợi ca – nhân dịp kỷ niệm tròn một năm ngày chiếm ngục Bastille – Cách mạng thành công. Khi lời mời này và nhiệt tình ngày càng lan rộng, ngày 19 tháng Sáu, có 36 người nước ngoài do một người Hà Lan giàu có, được lịch sử ghi nhận là “Anacharsis Cloots”,<sup>i</sup> dẫn đầu đã đến Quốc hội xin được vinh dự làm công dân nước Pháp và được nhận vào Ngày hội Liên minh như là “đại sứ của nhân loại”. Yêu cầu của họ được chấp thuận.

---

<sup>i</sup> Nam tước Jean-Baptiste du Val-de-Grâce có biệt danh này theo tên một nhân vật trong cuốn truyện thịnh hành lúc bấy giờ của Tu viện trưởng Barthélemy. (Durant).

Nhưng khu Champ-de-Mars nhấp nhô cần được san bằng để tổ chức ngày hội: một khu vực dài 900 m, rộng 300 m cần được san phẳng và đắp cao lên để chứa 300.000 đàn ông, đàn bà, và trẻ con; và cần đắp một gò đất trung tâm để đặt bàn thờ cho Đức vua, các ông hoàng, giáo chủ, đại biểu, và thường dân lên thề nguyện trung thành với quốc gia giờ đây đã tái sinh một cách hợp pháp. Thế nhưng chỉ còn có 15 ngày để thay đổi mặt bằng. Giờ đây ai có thể [viết được những gì] sánh với mười bốn trang giấy<sup>45</sup> trong đó Carlyle kể lại chuyện dân chúng Paris, đàn ông cũng như đàn bà, già cũng như trẻ, đã đến đây với cuộc, thuồng, xe cút kít và bài hát – “Ça ira!” [Sẽ ổn thôi!] – đã san lấp khu đất rộng ấy, xây những nền đất cao, và Bàn thờ Tổ quốc? Ngày nay ai trong chúng ta dám viết với âm vang lộng lẫy của những điệu kèn hoa mỹ và trạng thái xuất thần mang tính tiên tri như vậy – đặc biệt là khi gần phân nửa bản thảo của chúng ta đã bị một cô giúp việc khinh suất đốt cháy, chúng ta phải gộp nhặt và đánh bóng lại những viên ngọc quý rải rác của mình? Hẳn là trong con người Scotland khắc khổ ấy đã có một ngọn lửa âm ỉ để có thể vẫn vượt qua được một tai họa khủng khiếp như vậy!<sup>i</sup>

Như thế, trong tuần lễ trước ngày lễ mới, binh lính từ mọi miền nước Pháp kéo về Paris, và đôi khi đội Vệ binh Quốc gia Paris phải ra khỏi thành phố nhiều dặm để đón chào và hộ tống họ. Ngày 14.7. 1790, tất cả tiến về khu Champ-de-Mars trong một cuộc diễu hành uy nghi lộng lẫy, năm mươi ngàn con người,<sup>46</sup> cờ tung bay, nhạc rộn ràng, cổ họng khản đặc vì những bài ca đầy sức sống, và 300.000 người dân Paris đầy phấn khởi nhập đoàn cùng với họ. Giám mục Talleyrand-Périgord, lúc này chưa bị rút phép thông công, cử hành thánh lễ. Hai trăm tổng giám mục, giám mục, và linh mục bước lên

---

i Tác giả muốn nhắc đến chuyện tập đầu trong bộ *The French Revolution: A History* (Cách mạng Pháp: Một thiên sử) nổi tiếng, gồm 3 tập, của Thomas Carlyle (người Scotland) vốn bị một cô giúp việc vô ý đốt cháy khiến ông này sau đó phải gom góp các phần còn sót để viết lại.

bàn thờ và đọc lời tuyên thệ, Đức vua cũng cam kết sẽ hết lòng tuân theo luật pháp mới và cả đám đông hô to, “*Vive le Roi!*” [Hoàng thượng vạn tuế]. Khi tiếng đại bác vang lên chào mừng, hàng ngàn người dân Paris không thể tham dự buổi lễ đã giơ tay hướng về Champ-de-Mars và tuyên thệ. Trong hầu hết các tỉnh ly, những buổi lễ tương tự cũng được tổ chức, với rượu vang và thức ăn được chia sẻ cho nhau, các giáo sĩ Công giáo và Tin Lành ôm hôn nhau như những tín đồ Thiên Chúa. Làm sao mọi người Pháp có thể nghi ngờ một thời đại vinh quang mới đang bắt đầu?

## **VII. Mirabeau trả món nợ của mình: 2.4. 1791**

Ít nhất một người đàn ông đã hoài nghi, và một người đàn bà. Đối với Louis và Hoàng hậu của ông, điện Tuileries dường như là một nhà kính trong đó nhất cử nhất động của họ đều phải lệ thuộc vào sự tán đồng trong im lặng hay chỉ trích dai dẳng của công chúng. Ngày 31.8. 1790, một trung đoàn lính Thụy Sĩ đang phục vụ Đức vua ở Nancy đã nổi loạn vì bị chậm trả lương và vì sự bạo ngược của các sĩ quan. Một số lính nổi loạn bị Vệ binh Quốc gia bắn gục, một số bị gửi đi lao động khổ sai và một số bị treo cổ. Nghe chuyện này, một đám đông bốn mươi ngàn dân Paris đã tụ tập lại trước hoàng cung đầy vẻ đe dọa, lên án La Fayette, trách cứ Đức vua vì “vụ tàn sát ở Nancy”, và đòi các bộ trưởng của ông từ chức. Necker lảng lảng ra đi (18.9. 1790), về sống với gia đình ở Coppet bên hồ Genève. La Fayette khuyên Đức vua nên trấn an Paris bằng cách chấp thuận bản hiến pháp.<sup>47</sup> Tuy nhiên Hoàng hậu, do nghi ngờ vị tướng này âm mưu thế chỗ của bà như một quyền lực phía sau ngai vàng, đã thể hiện mối ác cảm rõ ràng của bà khiến ông từ bỏ triều đình và nhường công việc cứu vãn nền quân chủ lại cho Mirabeau.<sup>48</sup>

Mirabeau đang sẵn lòng. Ông ta đang cần tiền để trang trải cho lối sống hoang đàng của mình; ông cảm thấy một

liên minh giữa Đức vua và Quốc hội là giải pháp thay thế duy nhất cho nền cai trị của các thủ lĩnh đám đông; và không có gì mâu thuẫn khi theo đuổi chính sách này và đồng thời lại làm đầy túi tiền của mình. Mãi từ ngày 28.9. 1789, ông đã viết cho bạn mình là La Marck:<sup>i</sup> “Tất cả đã mất hết. Đức vua và Hoàng hậu sẽ bị tổng khứ, và anh sẽ thấy quần chúng đặc thắng trên những thân xác tro troi của họ.”<sup>49</sup> Và vào ngày 7 tháng Mười, cũng viết cho người bạn này: “Nếu anh có chút ảnh hưởng nào với Đức vua hay Hoàng hậu, hãy thuyết phục họ rằng họ và nước Pháp sẽ không còn nữa nếu hoàng gia không chịu rời Paris. Tôi đang bận rộn với một kế hoạch để khiến họ ra đi.”<sup>50</sup> Louis bác bỏ kế hoạch, nhưng đồng ý tài trợ cho Mirabeau để ông này biện hộ cho nền quân chủ. Đầu tháng Năm 1790, nhà vua đồng ý trả những món nợ của con người phiêu lưu trứ danh này, cấp cho ông ta 1.000\$ mỗi tháng, và sẽ thưởng ông ta 192.000\$ nếu ông ta hòa giải được Quốc hội với Đức vua.<sup>51</sup> Vào tháng Tám, Hoàng hậu có cuộc gặp riêng với ông tại vườn của bà ở St. Cloud. Hào quang của bậc mẫu nghi vĩ đại đến nỗi con rồng phiến loạn run rẩy với lòng tận tụy khi hôn tay bà. Ông nói với những người thân cận của mình một cách đê mê ngây ngất: “Anh không biết được Hoàng hậu đâu. Sức mạnh tinh thần của bà thật phi thường. Bà can đảm như một người đàn ông.”<sup>52</sup>

Ông tự xem mình “được trả tiền nhưng không bị mua chuộc”; theo La Marck “ông ta chấp nhận việc được trả tiền để giữ những ý kiến riêng của mình.”<sup>53</sup> Ông không có ý định bảo vệ cho chế độ chuyên chế; trái lại, bản tuyên bố mà ông ta đệ trình lên các bộ trưởng của Đức vua là một chương trình hòa giải quyền tự do cho công chúng với quyền hành của nhà vua: “Tấn công cuộc Cách mạng sẽ là việc bắn quá xa mục tiêu, vì một phong trào vốn khiến cho một dân tộc vĩ đại tự ban cho mình những luật lệ tốt hơn thì xứng đáng được

i Bá tước Auguste de La Marck (1753-1833), chứ không phải nhà sinh vật học Jean-Baptiste de Monet, Hiệp sĩ de Lamarck (1744-1829) (Durant).

ủng hộ... Cả tinh thần của cuộc Cách mạng lẫn nhiều yếu tố trong bản hiến pháp của nó phải được chấp nhận.... Tôi xem tất cả những tác động của cuộc Cách mạng... như những cuộc chinh phục không thể đảo ngược tới mức không có cơn biến động đột ngột nào, trừ việc chia cắt vương quốc ra, có thể hủy hoại chúng.”<sup>54</sup>

Ông nỗ lực với lòng tận tâm và những khoản hối lộ để cứu vãn những tàn dư của uy quyền nhà vua. Quốc hội nghi ngờ tính chất dễ bị mua chuộc của ông nhưng lại nể trọng thiên tài của ông. Ngày 4.1. 1791, Quốc hội chọn ông làm chủ tịch trong một nhiệm kỳ thông thường là hai tuần. Ông làm mọi người sửng sốt bởi tình hình trật tự trong việc quản lý cũng như sự công bằng vô tư trong các quyết định của ông. Ông làm việc suốt ngày, tiệc tùng suốt đêm, và làm cho mình mệt lử vì phụ nữ. Ngày 25 tháng Ba, ông chiêu đãi hai cô vũ công của rạp Opéra. Sáng hôm sau ruột ông quặn đau dữ dội. Ông dự họp Quốc hội ngày 27, nhưng phải quay về phòng, kiệt sức và run rẩy. Tin tức về bệnh tình của ông lan ra khắp Paris; các rạp hát đóng cửa để tỏ lòng kính trọng ông; nhà ông bị bao vây bởi những người đến hỏi thăm tình trạng của ông; một thanh niên đề nghị hiến máu để truyền cho ông.<sup>55</sup> Talleyrand bảo ông: “Thật khó mà đến được chỗ anh; một nửa Paris đang thường xuyên có mặt bên ngoài cửa nhà anh.”<sup>56</sup> Mirabeau chết ngày 2.4. 1791 sau nhiều cơn đau đớn.

Ngày 3 tháng Tư, một phái đoàn đại diện cho các cử tri Paris yêu cầu Quốc hội biến Nhà thờ St. Geneviève thành một điện thờ và lăng mộ của các anh hùng nước Pháp, và rằng điện Panthéon (“của tất cả các vị thần”) này, như người ta gọi chẳng bao lâu sau đó, sẽ mang phía trước dòng chữ được khắc sâu “*Aux grands hommes la Patrie reconnaissante*” (Cho những con người vĩ đại mà Tổ quốc tri ân). Yêu cầu được thực hiện, và Mirabeau được chôn ở đây ngày 4 tháng Tư sau điều mà Michelet cho là “đám tang đông đảo và được lòng dân nhất từng có trên thế giới;”<sup>57</sup> vị sử gia này ước lượng



Hình 11: Tượng Mirabeau ở Pháp đình Aix-en-Provence

đám đông gồm khoảng từ ba đến bốn trăm ngàn người – trên những con đường hay cành cây, bên cửa sổ hay trên mái nhà; toàn thể Quốc hội ngoại trừ Pétion (là người nắm được bằng chứng bí mật về việc Mirabeau nhận tiền của Đức vua); toàn thể Câu lạc bộ Jacobin; hai mươi ngàn Vệ binh Quốc gia. “Người ta có thể nghĩ là họ đang di chuyển tro cốt của

Voltaire – của một trong những người bất tử.”<sup>58</sup> Ngày 10.8. 1792, người ta tìm thấy trong các giấy tờ của Đức vua đã sụp đổ các bằng chứng về việc trả tiền cho Mirabeau, và ngày 22.9. 1794, Quốc ước hội nghị ra lệnh dời di hài của người anh hùng đã bị nhơ nhuốc ra khỏi điện Panthéon.

### **VIII. Đến Varennes: 20.6. 1791**

Đức vua, không muốn để cho giới quý tộc, giới tăng lữ và chế độ quân chủ hoàn toàn bị tước đoạt hết quyền lực cổ xưa của họ, và tin chắc rằng một dân tộc có tính cách cá nhân chủ nghĩa và dễ bốc đồng như dân tộc Pháp sẽ không tuân theo luật lệ nào và không cho phép những sự kềm chế nào, vốn không được thời gian ủng hộ và ngấm sâu, nên đã bám víu một cách đầy hy vọng vào chút quyền hành còn sót lại, và chống lại những lời thúc giục mỗi ngày của các nhà quý tộc và của Hoàng hậu rằng ông nên trốn khỏi Paris, thậm chí ra khỏi nước Pháp luôn, rồi quay về với một đạo quân người Pháp hay nước ngoài, đủ mạnh để khôi phục ngai vàng cho ông. Ngày 21.1. 1791, ông ký bản Hiến chương Giáo sĩ, nhưng cảm thấy mình đang phản bội đức tin đã từng là nơi nương náu quý báu để đối phó với những sự chán ngán trong đời. Ông vô cùng choáng váng khi thấy Quốc hội quyết định (30.5. 1791) chuyển di hài của Voltaire vào điện Panthéon. Ông dường như không thể chịu đựng nổi việc kẻ vô thần số một của thế kỷ lại được đặc thăng đưa vào nằm với những nghi lễ trọng thể ở một nơi mà chỉ mới hôm qua còn là một nhà thờ được thánh hóa. Cuối cùng ông đồng ý với Hoàng hậu chuẩn bị cuộc chạy trốn vượt biên giới. Người bạn tận tụy của bà, Bá tước Axel von Fersen, huy động tiền bạc cho cuộc đào thoát, và sắp xếp các chi tiết. Đức vua, chắc chắn là con người hào hoa phong nhã, trong khi có lẽ không phải là kẻ bị cảm sùng, nhiệt tình cảm ơn ông ta.<sup>59</sup>

Cả thế giới biết chuyện này: Đức vua và Hoàng hậu hóa trang thành ông bà Korff, cùng với con cái và đám tùy tùng lén lút rời điện Tuileries vào nửa đêm 20 rạng 21.6.1791, và đi cả ngày hôm sau, vừa mừng vừa sợ, vượt được 240 km, đến Varennes gần biên giới với nơi hiện nay là nước Bỉ (lúc bấy giờ là xứ Hà Lan thuộc Áo) như thế nào; rồi họ bị chặn lại ở đấy và bị bắt bởi những người nông dân vũ trang bằng những cái chĩa và dùi cui do Jean-Baptiste Drouet, viên trưởng phòng bưu điện ở Ste. Menehould, dẫn đầu, ra sao. Ông này gửi thư xin ý kiến Quốc hội. Chẳng bao lâu sau, Barnave và Pétion đến với câu trả lời: Hãy đưa các tù nhân về lại Paris bình yên vô sự. Thế là bắt đầu cuộc hành trình trở về kéo dài ba ngày, do sáu ngàn Vệ binh Quốc gia thông dong dẫn đầu. Trên đường về, Barnave ngồi trong xa giá đối diện với Hoàng hậu; ông đã được đào tạo theo phong cách hiệp sĩ còn sót lại của thời Chế độ cũ [tức chế độ trước Cách mạng] và cảm nhận được sức mê hoặc của người đẹp hoàng gia trong cảnh hiểm nguy. Ông tự hỏi số phận bà rồi sẽ ra sao và số phận của những đứa con mà bà đang bảo bọc nữa. Lúc về đến Paris ông đã trở thành kẻ nô lệ của bà.

Nhờ những nỗ lực của ông cũng như những sự cân nhắc thận trọng khác, Quốc hội đã bác bỏ lời kêu gọi của những người *sansculottes* muốn phế truất Đức vua ngay lập tức. Ai biết tình trạng vô chính phủ nào sẽ nổi tiếp sau đó? Chẳng lẽ Quốc hội thị dân, và mọi của cải, sẽ bị phó mặc cho đám quần chúng Paris không có quyền bầu cử định đoạt sao? Do đó người ta tung tin Đức vua đã không chạy trốn mà bị bắt cóc; ông ta phải được phép giữ lại cái đầu của mình ít nhất trong một khoảng thời gian, cũng như chiếc vương miện của ông trong chừng mực tối đa mà luật lệ mới cho phép. Các lãnh tụ cấp tiến phản đối; các câu lạc bộ và báo chí kêu gọi dân chúng tụ tập tại khu Champ-de-Mars. Ngày 17.7. 1791, năm mươi ngàn người đến, và sáu ngàn người ký tên vào bản thỉnh nguyện yêu cầu Đức vua thoái vị.<sup>60</sup> Quốc hội ra lệnh cho

La Fayette và đội Vệ binh Quốc gia giải tán những người nổi loạn; đám người này từ chối và vài người trong số họ ném đá vào Vệ binh. Các binh sĩ giận dữ bắn trả và giết chết 50 đàn ông và đàn bà. Thế là chấm dứt tình hữu nghị đại đồng mà một năm trước người ta đã cam kết ở đây. Marat, bị trục xuất và bị cảnh sát săn đuổi, phải sống trong những hầm rượu ẩm ướt, kêu gọi một cuộc cách mạng mới. La Fayette, do không còn được lòng dân, đã quay ra mặt trận và nóng lòng chờ đợi một cơ hội thoát ra khỏi cảnh hỗn loạn ngày một gia tăng của nước Pháp.

Đức vua, biết ơn về việc được hoãn thi hành án tử hình, đã đến Quốc hội ngày 13.9. 1791 trong nghi thức đơn giản và chính thức phê chuẩn bản hiến pháp mới. Quay về nơi cung điện hoang vắng với vị Hoàng hậu lẻ loi của mình, ông cảm thấy suy sụp và bật khóc, xin bà tha thứ cho ông tội đã đưa bà từ chốn hạnh phúc ở thành Wien đến nỗi ô nhục vì thất bại và sự kinh hãi ngày càng tăng của cảnh tù đày này.

Vì đã gần cuối tháng, Quốc hội chuẩn bị kết thúc những công việc nặng nhọc của mình. Có lẽ các đại biểu đã mỏi mệt và cảm thấy họ đã làm đủ cho một cuộc đời. Và thật vậy, từ quan điểm của họ, họ đã hoàn thành được nhiều việc. Họ đã điều khiển sự sụp đổ của hệ thống phong kiến; bãi bỏ các đặc quyền mang tính thừa kế, cứu dân chúng khỏi chính thể quân chủ chuyên chế và một giai cấp quý tộc ngạo mạn, ăn không ngồi rồi; thiết lập quyền bình đẳng trước pháp luật, và chấm dứt cảnh bắt giam mà không xét xử. Họ đã tổ chức lại hệ thống hành chính cấp tỉnh và địa phương. Họ đã trừng phạt Giáo hội vốn một thời đứng độc lập và hay chỉ trích bằng cách sung công tài sản của Giáo hội và tuyên bố tự do tư tưởng và thờ phụng; họ đã trả thù cho Jean Calas<sup>i</sup> và Voltaire. Họ đã

---

i Jean Calas (1698 –1762): Một thương gia ở Toulouse, nạn nhân của một vụ án thiên vị do ông là tín đồ Tin Lành trong một xã hội chính thức theo Công giáo. Ông trở thành một nạn nhân của sự bất khoan dung về tôn giáo.

thích thú nhìn thấy những nhà quý tộc phản động di tản và đặt giai cấp trung lưu lớp trên vào địa vị điều hành nhà nước. Và họ đã thể hiện các thay đổi này trong một bản hiến pháp được Đức vua cùng đại đa số dân chúng chuẩn thuận, như một hứa hẹn về hòa bình và sự đoàn kết quốc gia.

Quốc hội và Quốc hội Lập hiến hoàn tất thành tích của mình với việc chuẩn bị cho cuộc bầu cử một Quốc hội Lập pháp để biến hiến pháp thành những luật lệ cụ thể và đáp ứng một cách thận trọng những vấn đề trong tương lai. Robespierre, với hy vọng rằng một cuộc tuyển cử mới sẽ đem lại những con người tiêu biểu hơn đến với quyền lực, đã thuyết phục các đại biểu đồng sự rằng họ không nên ứng cử vào cơ quan lập pháp mới. Rồi vào ngày 30.9.1791, “hội nghị chính trị đáng ghi nhớ nhất”<sup>61</sup> tuyên bố tự giải tán.

## Chương 3

# Quốc hội Lập pháp 1.10.1791 – 20.9.1792

### I. Các nhân vật của vở kịch

Các cuộc tuyển cử để bầu ra hội nghị cách mạng thứ hai được các ký giả sốt sắng theo dõi và các câu lạc bộ giám sát chặt chẽ. Do chế độ kiểm duyệt báo chí đã hầu như biến mất, các ký giả giờ đây giành được ảnh hưởng mới đối với chính sách công. Brissot, Loustalot, Marat, Desmoulins, Fréron, Laclos – mỗi người giờ đây có một tạp chí để làm diễn đàn của mình. Năm 1790, chỉ riêng Paris đã có tới 133 tờ báo, ngoài ra còn hàng trăm tờ ở các tỉnh. Hầu hết báo chí đều theo một đường lối cấp tiến. Mirabeau đã bảo với Đức vua rằng nếu muốn giữ lấy cái đầu hoặc ngai vàng của mình, ông phải mua chuộc một số ký giả được dân chúng ưa chuộng. Napoléon nói: “Giai cấp quý tộc cũ đã có thể sống sót nếu nó biết đủ để trở thành ông chủ của những thứ được in ra... Đại bác ra đời đã giết chết chế độ phong kiến; mực in sẽ giết chết chế độ hiện đại.”<sup>1</sup>

Các câu lạc bộ cũng có tác động gần giống như báo chí. Câu lạc bộ Breton, sau khi đã theo Đức vua và Quốc hội [từ Versailles] về Paris, đã tự đặt tên lại thành Société des Amis de la Constitution [Hội những người bạn của Hiến pháp] và thuê nhà ăn của một tu viện thuộc dòng tu Jacobin trước đây gần điện Tuileries làm nơi hội họp. Về sau họ mở rộng nơi này thành thư viện, thậm chí thành nhà in.<sup>2</sup> Phái Jacobin, như lịch sử sau này gọi, ban đầu gồm toàn những đại biểu, nhưng chẳng bao lâu sau họ phát triển số lượng thành viên bằng cách kết nạp những nhân vật nổi tiếng trong các lĩnh

vực khoa học, văn chương, chính trị, hoặc kinh doanh. Chính tại đây các đại biểu cũ như Robespierre, do tự tránh tranh cử vào Quốc hội mới, đã tìm thấy một điểm tựa quyền lực mới. Hội phí thì cao, và cho đến năm 1793, phần lớn các hội viên đến từ giai cấp trung lưu.<sup>3</sup>

Ảnh hưởng của phái Jacobin được tăng lên gấp bội nhờ việc tổ chức các câu lạc bộ chi nhánh tại nhiều xã của Pháp, và sự chấp nhận nói chung của các chi nhánh này đối với sự lãnh đạo của câu lạc bộ trung ương trên các vấn đề về học thuyết và chiến thuật. Vào năm 1794 có khoảng 6.800 câu lạc bộ Jacobin với số hội viên tổng cộng lên tới nửa triệu.<sup>4</sup> Họ tạo nên một thiểu số có tổ chức trong một đám đông quần chúng vô tổ chức. Khi các chính sách của họ được báo chí hậu thuẫn, ảnh hưởng của họ chỉ đứng sau các công xã vốn kiểm soát các trung đoàn địa phương của đội Vệ binh Quốc gia thông qua các hội đồng thị xã và các khu vực bầu cử. Khi tất cả các lực lượng này hòa hợp với nhau, Quốc hội phải làm theo mệnh lệnh của họ hay đối mặt với một đám quần chúng bất kham, nếu không phải là một cuộc nổi dậy có vũ trang.

Năm 1791, một người Anh ở Paris kể lại rằng “các câu lạc bộ nhan nhản trên mọi đường phố.”<sup>5</sup> Có những hội văn học, những hiệp hội thể thao, những chi nhánh Hội Tam điểm, những buổi họp của công nhân. Nhận thấy những người Jacobin quá xa hoa và tư sản, một số lãnh tụ cấp tiến đã thành lập vào năm 1790 một tổ chức mang tên Société des Amis des droits de l’homme et du citoyen [Hội những người bạn của nhân quyền và dân quyền], mà chẳng mấy chốc được dân Paris gọi là Câu lạc bộ Cordelier, vì họ thường hội họp trong tu viện trước đây của các tu sĩ Cordelier (Franciscan); nơi này cung cấp một diễn đàn cho Marat, Hébert, Desmoulins, và Danton. Nhận thấy phái Jacobin quá cực đoan, La Fayette, Bailly, Talleyrand, Lavoisier, André và Marie-Joseph de Chénier, và Du Pont de Nemours thành lập Club de 1789 [Hội 1789], bắt đầu họp thường xuyên từ năm 1790 tại Palais-

Royal [Hoàng cung] để ủng hộ cho chế độ quân chủ đang lung lay. Một nhóm bảo hoàng khác, do Antoine Barnave và Alexandre de Lameth dẫn đầu, thành lập một câu lạc bộ được lịch sử gọi ngắn gọn là nhóm Feuillant, do thường họp hành trong tu viện Couvent des Feuillants của các tu sĩ dòng Cistercian. Đây là một dấu hiệu của việc thể tục hóa nhanh chóng đời sống Paris khi nhiều tu viện bỏ hoang giờ đây trở thành những trung tâm kích động chính trị.

Các chủ trương đối nghịch nhau của các câu lạc bộ đã thể hiện trong những cuộc bầu cử mà kết quả chỉ đến một cách chậm chạp, từ tháng Sáu đến tháng Chín 1791, qua những lá phiếu bầu cho Quốc hội mới. Những người bảo hoàng, ôn hòa tới mức khoan dung do giáo dục và cảnh sung túc nhân nhả, dựa trên sự thuyết phục và mua chuộc để kiếm phiếu. Những người Jacobin và Cordelier, được chày búa và đường phố tôi luyện, cho thêm vũ lực vào khoản mua chuộc. Diễn dịch luật pháp theo nghĩa đen, họ không cho những người từ chối tuyên thệ trung thành với hiến pháp đi bỏ phiếu; do đó đại đa số tín đồ Công giáo tự động bị loại. Các đám đông được tổ chức để tấn công bất ngờ và giải tán những cuộc hội họp của phe bảo hoàng, như ở Grenoble. Trong một số thành phố như Bordeaux, chính quyền thành phố cấm tất cả những cuộc hội họp của các câu lạc bộ, ngoại trừ của những người Jacobin. Tại một thị trấn, phe Jacobin và những người theo họ đã đốt một thùng phiếu bị nghi chứa đựng đa số phiếu bầu cho phe bảo thủ.<sup>6</sup>

Mặc dù những vụ vi phạm dân chủ như vậy, cuộc tuyển cử vẫn gởi được vào Quốc hội Lập pháp một thiểu số quan trọng chủ trương bảo tồn chế độ quân chủ. Có 264 đại biểu “Feuillant” chiếm cánh phải của phòng họp, do đó những người bảo thủ ở khắp nơi được gọi tên là “cánh Hữu”. Thêm 136 đại biểu tự nhận mình là những người Jacobin hay Cordelier ngồi bên cánh trái trên những dãy ghế cao được gọi là *Montagne*; chẳng bao lâu sau họ được gọi là nhóm

Montagnard [nhóm Núi]. Ở giữa là 355 đại biểu từ chối không chịu để bị gán vào phe nào; họ sẽ được gọi là nhóm Plaine [Đồng bằng]. Trong tổng số 755 đại biểu, có 400 người là luật sư, phù hợp với nhiệm vụ của một cơ quan lập pháp. Giờ đây các luật sư kế nghiệp giới tăng lữ để điều khiển quốc gia. Hầu hết các đại biểu xuất thân từ giai cấp trung lưu. Cách mạng vẫn còn là một ngày hội của thị dân.

Cho đến 20.6. 1792, nhóm mạnh nhất trong cơ quan lập pháp là của những người mà sau này sẽ được gọi tên theo tỉnh Gironde. Họ không phải là một đảng có tổ chức (nhóm Núi cũng vậy), nhưng hầu hết đến từ những vùng có công nghiệp hoặc thương mại phát triển – Caen, Nantes, Lyon, Limoges, Marseilles, Bordeaux. Cư dân của những trung tâm thịnh vượng này đã quen với một mức độ tự quản đáng kể. Họ kiểm soát phần lớn tiền tệ, thương mại, ngoại thương của vương quốc; và Bordeaux, thủ phủ của Gironde, kiêu hãnh nhớ lại là mình đã từng nuôi dưỡng hai tác giả Montaigne và Montesquieu. Hầu hết những người Girondin chủ chốt là thành viên của Câu lạc bộ Jacobin và họ đồng ý với phần lớn những người Jacobin khác trong việc chống lại chế độ quân chủ và Giáo hội; nhưng họ bức tức vì việc Paris và đám quần chúng của nó cai trị cả nước Pháp, để thay thế, họ đề nghị một chế độ cộng hòa liên bang gồm các tỉnh được tự trị phần lớn.

Hầu tước Condorcet là lý thuyết gia, triết gia, chuyên gia giáo dục, tài chính và xã hội không tưởng [utopia] của họ; chúng ta đã bàn về tác giả này từ trước.<sup>i</sup> Diễn giả tài năng của họ là Pierre Vergniaud: Ông sinh ở Limoges, cha là một doanh nhân; rời chủng viện, học luật, hành nghề ở Bordeaux và từ đó được bầu vào Quốc hội Lập pháp, nơi ông liên tục được bầu làm chủ tịch. Một người còn có ảnh hưởng hơn nữa là Jacques-Pierre Brissot, quê ở Chartres, có khí chất nào đó của một kẻ phiêu lưu, thử qua nhiều nghề nghiệp, khí hậu, và

---

i Xin xem trong Will & Ariel Durant, *Rousseau and Revolution*. (Durant)

quy tắc đạo đức ở châu Âu và châu Mỹ, bị giam một thời gian ngắn trong ngục Bastille (1784), thành lập (1788) Société des noirs amis [Hội những người bạn của người da đen] và tích cực vận động giải phóng nô lệ. Là đại biểu của Paris tại Quốc hội, ông phụ trách việc đối ngoại và dẫn đất nước vào chiến tranh. Condorcet giới thiệu ông ta và Vergniaud với Phu nhân Staël; họ trở thành những vị khách tận tụy tại khách thính của bà và giúp cho người tình của bà, Bá tước Narbonne-Lara, được Louis XVI bổ nhiệm làm Bộ trưởng Chiến tranh.<sup>7</sup> Trong một thời gian dài, những người Girondin được gọi là những *Brissotin* [người theo Brissot].

Lịch sử nhớ đến Jean-Marie Roland de La Platière nhiều hơn, chủ yếu vì ông cưới một phụ nữ sáng chói, là người đã mang đến cho ông những ý tưởng và phong cách, lừa dối ông, tán dương ký ức về ông, và tôn vinh bước chân lên máy chém của mình bằng một câu nói nổi tiếng và có lẽ đi vào huyền thoại. Khi Jeanne-Manon Phlipon, 25 tuổi, gặp Jean-Marie ở Rouen năm 1779, thì ông đã 45 tuổi, đầu chớm hói và hơi mệt mỏi vì công việc kinh doanh cũng như trầm tư triết lý. Ông có một nụ cười dịu dàng của người cha và thuyết giảng một thứ chủ nghĩa khắc kỷ cao thượng làm nàng say mê. Nàng đã quen thuộc với những tác phẩm cổ điển và những anh hùng thời cổ; nàng đã đọc Plútarchos<sup>i</sup> [*Anh*, Plutarch] từ năm tám tuổi, đôi khi thay thế cuốn sách cầu nguyện bằng tác phẩm của ông này lúc ở trong nhà thờ; “Plútarchos đã chuẩn bị cho tôi trở thành con người có tư tưởng cộng hoà.”<sup>8</sup>

Nàng là một đứa trẻ can đảm. “Trong hai hay ba lần bị cha tôi đặt lên đùi và dùng roi quất, tôi đã cắn vào bắp đùi của ông”<sup>9</sup>, và nàng không bao giờ mất đi ảnh hưởng của

---

i Plútarchos (46-119): Nhà văn Hy Lạp có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển của các thể loại tiểu luận, tiểu sử, và lịch sử tại châu Âu từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX. Hai tác phẩm quan trọng của ông là *Bíoi parallèloi* (*Những cuộc đời song hành*) và *Ethikà* (*Đạo đức*).

mình.<sup>i</sup> Nhưng nàng cũng đọc về đời của các vị thánh, và, một cách tiên tri, mong mỗi được tử vì đạo. Nàng cảm nhận cái đẹp và vẻ long trọng cảm động của nghi lễ Công giáo, vẫn giữ lòng kính trọng đối với tôn giáo và một vài dấu vết của tín điều Thiên Chúa giáo, thậm chí sau khi đã thưởng thức Voltaire, Diderot, Holbach, và Alembert. Nàng không thích Rousseau lắm; nàng quá cứng rắn để cảm nhận tính đa cảm của ông. Thay vào đó nàng yêu Brutus (người nào cũng được), cả hai Cato, và cả hai Gracchus;<sup>ii</sup> nàng và những người Girondin mượn những lý tưởng chính trị từ những nhân vật này. Nàng cũng đọc những lá thư của Phu nhân Sévigné, vì nàng mong viết được thứ văn xuôi hoàn hảo như bà này.

Nàng có nhiều người theo đuổi, nhưng quá ý thức về tài năng của mình để có thể chấp nhận một người yêu tầm thường. Có lẽ, vào năm 25 tuổi, nàng nghĩ tốt nhất là nên thỏa hiệp. Nàng tìm thấy ở Roland “một tinh thần mạnh mẽ,

---

i Tác giả chơi chữ khi viết câu này, *She never lost her bite*, vì *bite* có nghĩa là “cú cắn” được gợi ra từ giai thoại trên, nhưng nó còn có nghĩa là *ảnh hưởng* hoặc *thực chất* do xuất phát từ tục ngữ *the bark will lose its bite*, hàm ý rằng tiếng sủa sẽ mất đi cú cắn kèm theo nếu con chó cứ sủa mãi, nên từ đó *bark* có nghĩa bóng là *hình thức bên ngoài* và *bite* hàm ý *thực chất/ ảnh hưởng bên trong*.

ii Có hai Brutus: Lucius Junius Brutus, nhân vật huyền thoại, sau khi đã đuổi vị vua cuối cùng của La Mã, trở thành một trong hai Tổng tài đầu tiên của chế độ Cộng hòa (509 trCN); và Marcus Junius Brutus, chính trị gia La Mã (85–42 trCN), âm mưu cùng Cassius ám sát Caesar rồi tự sát sau khi bị Antonius và Octavius đánh bại.

Hai Cato là Marcus Porcius Cato, thường được gọi là Cato Già (234–149 trCN), thành viên Viện Nguyên lão và sử gia đầu tiên của La Mã. Người kia là Marcus Porcius Cato Uticensis (95–46 trCN); thường được gọi là Cato Trẻ, cháu gọi Cato Già bằng ông cố; chính trị gia vào cuối thời Cộng hòa La Mã. Có tài hùng biện, kiên trì chống Caesar và nổi tiếng thanh liêm.

Hai anh em Gracchus là Tiberius và Gaius, cùng giữ chức Quan bảo dân La Mã vào cuối thế kỷ II trCN. Hai người cố gắng thực hiện cải cách ruộng đất, đạt được một số thành công ban đầu và bị những kẻ chống cải cách giết chết.



Hình 12: Bà Roland (họa sĩ khuyết danh)

tính trung thực không thể bị mua chuộc, kiến thức, và khiếu thẩm mỹ... Vẻ nghiêm trang của ông làm cho tôi cảm thấy như ông không biết đến tình dục.”<sup>10</sup> Sau đám cưới (1780), họ sống ở Lyon mà theo lời nàng là “một thành phố được xây dựng và nằm ở một vị trí tuyệt vời, thịnh vượng với công cuộc thương mại và sản xuất,... nổi tiếng vì sự giàu có đến nỗi ngay cả Hoàng đế Joseph cũng phải ghen tị.”<sup>11</sup> Tháng Hai 1791,

Roland được cử đi Paris để bảo vệ quyền lợi kinh doanh của Lyon trước các Ủy ban của Quốc hội Lập hiến. Ông tham dự những buổi họp của Câu lạc bộ Jacobin và nảy sinh một tình bạn thân thiết với Brissot. Năm 1791, ông thuyết phục vợ chuyển đến Paris với mình.

Tại đây nàng dần phát triển từ địa vị thư ký lên cố vấn của ông; nàng không chỉ phác thảo những bản báo cáo của ông với một vẻ thanh nhã cho thấy tâm hồn và sự khéo léo của nàng, mà dường như còn hướng dẫn đường lối hành động chính trị của ông. Ngày 10.3. 1792, nhờ ảnh hưởng của Brissot, ông được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Nội vụ của Đức vua. Trong lúc ấy Manon mở một khách thính nơi Brissot, Pétion, Condorcet, Buzot, và những thành viên Girondin khác thường xuyên gặp nhau để trình bày một cách có hệ thống những kế hoạch của họ.<sup>12</sup> Nàng cung cấp cho họ thức ăn và những lời khuyên, ban cho Buzot tình yêu bí mật của nàng; và nàng theo sau hoặc đi trước họ đến cái chết một cách can đảm.

## II. Chiến tranh: 1792

Đó là thời kỳ nguy ngập đối với Cách mạng. Những người *émigré* vào năm 1791 đã tập hợp được hai vạn quân ở Koblenz và đang có nhiều tiến triển trong việc kêu gọi giúp đỡ. Vua Friedrich Wilhelm II của Phổ nghe theo, vì nghĩ ông có thể lợi dụng cơ hội này để mở rộng vương quốc của mình dọc theo sông Rhein [*Anh*, Rhine]. Hoàng đế Joseph II của Đế quốc La Mã Thần thánh có lẽ đã đến giúp em gái mình, nhưng dân chúng của ông cũng đang nổi loạn, và bản thân ông theo cách nào đó cũng là một nhà cách mạng và ông đang hấp hối. Em trai ông là Leopold II, người kế vị ông năm 1790, không muốn có chiến tranh, nhưng cũng công bố cùng Vua Phổ một bản “Tuyên ngôn Pillnitz” (27.8. 1791) với lời lẽ thận trọng, mời gọi các vương quyền khác hợp sức cùng họ trong nỗ lực phục hồi ở nước Pháp “một hình thức chính quyền quân chủ vốn

sẽ cùng lúc phù hợp với quyền lợi của các quốc vương và góp phần phát triển an sinh của dân tộc Pháp”.

Thật lạ lùng, cả phe bảo hoàng lẫn phe cộng hòa đều ủng hộ chiến tranh. Hoàng hậu đã nhiều lần thúc giục các anh em hoàng đế của bà đến cứu giúp mình; và Đức vua đã công khai yêu cầu các nhà cai trị của Phổ, Nga, Tây Ban Nha, Thụy Điển, và Áo-Hung tập hợp một đạo quân để phục hồi vương quyền ở Pháp.<sup>13</sup> Ngày 7.2.1792, Áo và Phổ ký kết một liên minh quân sự chống lại Pháp; Áo đang thèm muốn xứ Vlaanderen [*Anh*, Flanders], còn Phổ xứ Alsace. Ngày 1 tháng Ba, Leopold II mất, con ông là Franz II kế vị. Ông này rất muốn loại hình trận đánh được ủy nhiệm và cũng muốn tìm vinh quang cá nhân. Tại Pháp, La Fayette ủng hộ chiến tranh với hy vọng sẽ trở thành vị tổng tư lệnh, nhờ đó ở vào vị trí có thể ra lệnh cho cả Đức vua và Quốc hội. Tướng Dumouriez, Bộ trưởng Ngoại giao, ủng hộ chiến tranh với mong đợi là Hà Lan sẽ đón chào ông như người giải phóng họ khỏi nước Áo và có thể tưởng thưởng cho ông một chiếc vương miện nho nhỏ. Vì chưa có chế độ cưỡng bách tòng quân, giới nông dân và giới vô sản giờ đây chấp nhận chiến tranh như một tai họa cần thiết vì sự trở về mà không bị cản trở của giới *émigré* sẽ phục hồi và có lẽ, do lòng báo thù, còn làm tăng thêm những bất công của Chế độ cũ. Những người Girondin ủng hộ chiến tranh vì họ dự trù Áo và Phổ sẽ tấn công Pháp và phản công chính là cách phòng vệ tốt nhất. Robespierre phản đối chiến tranh với lý lẽ rằng dân vô sản sẽ đổ máu vì nó và giai cấp trung lưu sẽ bỏ túi mọi thành quả thu được. Brissot át tiếng của ông: “Đã đến thời điểm”, ông ta la lên, “cho một cuộc thập tự chinh mới, một cuộc thập tự chinh vì tự do cho mọi người.”<sup>14</sup> Ngày 20.4.1792, Quốc hội Lập pháp, với chỉ có bảy phiếu chống, tuyên chiến với một mình nước Áo, hy vọng chia rẽ các đồng minh. Như thế bắt đầu 23 năm Chiến tranh Cách mạng và chiến tranh thời Napoléon. Ngày 26 tháng Tư, Rouget de Lisle sáng tác bài “La Marseillaise” ở Strasbourg.

Nhưng những người Girondin đã không liệu trước tình trạng của Quân đội Pháp. Tại mặt trận phía đông Pháp có tới một trăm ngàn quân, chống lại với chỉ 45.000 quân Áo; nhưng binh lính Pháp được chỉ huy bởi các sĩ quan đào tạo dưới Chế độ cũ. Khi Tướng Dumouriez ra lệnh cho các sĩ quan này dẫn binh sĩ của họ giao chiến, họ trả lời rằng các quân tình nguyện của họ chưa được chuẩn bị về vũ khí cũng như kỷ luật để đối mặt với các binh lính đã được huấn luyện. Tuy nhiên, khi lệnh tiến công được lặp lại, nhiều sĩ quan đã từ chức và ba sư đoàn kỵ binh chạy sang hàng ngũ quân thù. La Fayette gửi cho viên thống đốc Áo ở Brussels một đề nghị rằng ông sẽ dẫn Vệ binh Quốc gia của mình về Paris và phục hồi vương quyền cho Đức vua nếu nước Áo đồng ý không tiến vào lãnh thổ Pháp. Lời đề nghị này không có kết quả gì, ngoại trừ việc về sau La Fayette bị buộc tội phản quốc (20.8.1792) khiến ông phải đào thoát sang phía kẻ thù.

Tình hình đi đến chỗ khủng hoảng khi Quốc hội Lập pháp gửi cho nội các chính phủ mà đa số là những người theo phái Girondin các dự luật để chờ Đức vua phê chuẩn về việc lập một doanh trại quân đội để phòng thủ xung quanh Paris, và việc ngưng trợ cấp cho các nam nữ tu sĩ không tuyên thệ. Đức vua, trong cơn hoang mang bối rối, không chỉ từ chối phê chuẩn, mà còn thải hồi tất cả các bộ trưởng, ngoại trừ Dumouriez, là người cũng sẽ sớm từ chức để chỉ huy mặt trận Bỉ. Khi tin tức về những hành động phủ quyết này lan truyền khắp Paris, nó được hiểu như một dấu hiệu cho thấy Louis đang mong đợi một đạo quân, người Pháp hay nước ngoài, trong nay mai sẽ tiến về Paris và kết liễu Cách mạng. Người ta lập những kế hoạch điên cuồng để di tản thủ đô, và thành lập một đạo quân cách mạng mới ở bờ bên kia sông Loire. Các nhà lãnh đạo phái Girondin truyền đi khắp các khu phố lời kêu gọi một cuộc biểu tình khổng lồ trước điện Tuileries.

Do đó, ngày 20.6.1792, một đám đông cuồng nhiệt gồm cả đàn ông và đàn bà – những người yêu nước, những tên

côn đồ lưu manh, những kẻ phiêu lưu, những môn đệ nhiệt thành của Robespierre, Brissot, hay Marat – đã ủa vào sân điện Tuileries, la hét lên những lời đòi hỏi, chửi bới, và khẳng khái đòi gặp “*Monsieur et Madame Veto*.” [Ông và Bà phủ quyết]. Đức vua ra lệnh cho đội thị vệ để cho một số người vào. Khoảng năm mươi người đi vào, tay vung vẩy nhiều vũ khí khác nhau. Louis đứng sau một chiếc bàn, lắng nghe thỉnh nguyện của họ – rút lại lời phủ quyết của ông. Ông trả lời rằng đây không phải là địa điểm và hoàn cảnh phù hợp để xem xét những vấn đề phức tạp như thế. Trong suốt ba giờ ông lắng nghe những lý lẽ, những lời cầu xin, và đe dọa. Một kẻ phản loạn hét lên: “Tôi yêu cầu ông phê vào chiếu chỉ chống lại các tu sĩ;... Hoặc ông phê chuẩn hoặc ông sẽ chết!” Một người khác chĩa mũi gươm vào Louis, nhưng ông không tỏ vẻ nao núng. Có người đưa tặng ông chiếc mũ màu đỏ; ông vui vẻ đội lên đầu. Những kẻ xâm lấn hét lên: “*Vive la nation! Vive la liberté!*” [Quốc gia vạn tuế! Tự do vạn tuế!] và cuối cùng “*Vive le Roi!*” [Hoàng thượng vạn tuế!]. Những người thỉnh nguyện ra về, và kể lại rằng họ đã làm cho Đức vua khiếp vía. Đám đông, không thoả mãn nhưng mệt mỏi, tan biến trở lại vào trong lòng thành phố. Sắc lệnh chống các giáo sĩ không tuyên thệ được thực thi mặc dù bị phủ quyết. Nhưng Quốc hội, nóng lòng muốn tách lìa khỏi dân chúng, đã đón tiếp Đức vua nồng hậu khi đáp lại lời mời của Quốc hội, ông đến để chuẩn nhận lời cam kết trung thành của họ.<sup>15</sup>

Những người cấp tiến không thích thú sự hòa giải long trọng của giới thị dân với chế độ quân chủ. Họ nghi ngờ sự thành thật của Đức vua và oán giận sự sẵn sàng của Quốc hội trong việc dừng cuộc Cách mạng lại khi mà giai cấp trung lưu đã củng cố những thành quả kinh tế và chính trị của mình. Robespierre và Marat dần dần xoay chuyển Câu lạc bộ Jacobin từ những tình cảm thị dân sang mối đồng cảm đối với quần chúng rộng lớn hơn. Giới vô sản tại các thành phố

công nghiệp tiến dần đến chỗ hợp tác với những công nhân Paris. Khi Quốc hội yêu cầu mỗi tỉnh gửi một chi đội của Liên đoàn Vệ binh Quốc gia về tham gia lễ kỷ niệm năm thứ ba ngày ngục Bastille sụp đổ, các *Fédérés*<sup>i</sup> này phần lớn được chọn bởi các công xã của thành phố và ủng hộ những chính sách cấp tiến. Một trung đoàn phản loạn đặc biệt, gồm 516 binh lính, xuất phát từ Marseilles ngày 5 tháng Bảy, nguyện phế truất Đức vua. Trên hành trình xuyên nước Pháp họ đã hát vang bài ca do Rouget de Lisle sáng tác, và chính từ họ mà bài hát được mang cái tên ngoài dự kiến của tác giả, “La Marseillaise”.<sup>ii</sup>

Phái đoàn Marseille và nhiều phái đoàn *Fédéré* khác đến Paris sau ngày 14 tháng Bảy, nhưng được Công xã Paris yêu cầu hoãn ngày quay về, vì có thể sẽ cần đến họ. Công xã – văn phòng trung tâm của các đại biểu từ 48 “khu phố”<sup>iii</sup> của thành phố – giờ đây bị các thủ lĩnh có lập trường cấp tiến thống trị, và ngày qua ngày, từ các văn phòng của nó ở Toà Thị chính, thay thế các viên chức thành phố trong vai trò chính quyền của thủ đô.

Ngày 28 tháng Bảy, thành phố lại đi từ chỗ sung sướng đến lo sợ và giận dữ khi được biết bản tuyên bố của Công tước Braunschweig [*Anh*, Brunswick] từ Koblenz:

- 
- i Fédéré: tên gọi chỉ những đại biểu từ các xã hoặc tỉnh thành nằm trong các liên minh (fédération) vốn tạo thành cấu trúc chính trị mới sau Cách mạng nhưng thực chất họ chỉ là những người lính, hoặc dân quân, tình nguyện. Chúng tôi sẽ không dịch tên gọi này.
  - ii “La Marseillaise” được Quốc ước hội nghị chấp thuận làm quốc ca vào ngày 14.7. 1795. Bài hát bị Napoléon và Louis XVIII bãi bỏ, được phục hồi năm 1830, bị Napoléon III cấm và cuối cùng được chấp thuận vào năm 1879. (Durant)
  - iii Khu phố (section): Theo Sắc lệnh ngày 21.5. 1790 của Quốc hội Lập hiến, Paris được chia thành 48 khu phố. Các đơn vị hành chính này tồn tại đến 1810 thì bị thay thế bởi cách phân chia cũ thời Louis XVI gồm 21 khu (quartier).

Được sự trao phó của Hoàng đế [nước Áo] và Vua nước Phổ trong việc chỉ huy các đạo quân thống nhất mà các ngài đã tập hợp dọc theo biên giới nước Pháp, ta muốn thông báo cho các cư dân của vương quốc ấy biết các lý do đã quyết định chính sách của hai bậc quân vương và những mục đích mà các Ngài đang nhắm tới.

Sau khi tự ý vi phạm các quyền của các hoàng thân Đức tại vùng Alsace Lorraine, gây xáo trộn và phá đổ trật tự tốt đẹp và chính quyền hợp pháp trong nội bộ của vương quốc,... những kẻ đã cướp đoạt chính quyền cuối cùng cũng đã hoàn tất công việc của họ bằng cách tuyên bố một cuộc chiến tranh phi nghĩa chống lại Hoàng đế và tấn công các tỉnh của Ngài trong vùng Niederlande [Các xứ thấp]...

Ngoài các quyền lợi quan trọng này cũng cần nói thêm một vấn đề ta quan tâm, ấy là, chấm dứt tình trạng vô chính phủ trong nội bộ nước Pháp, chặn đứng những cuộc tấn công vào ngai vàng và bàn thờ,... phục hồi cho Đức vua sự an ninh và tự do, những thứ giờ này ngài bị tước mất, và đặt ngài vào một vị trí có thể một lần nữa thực thi thẩm quyền hợp pháp vốn thuộc về ngài một cách chính đáng.

Tin chắc rằng cùng khối dân chúng tỉnh táo của nước Pháp ghê tởm những hành động thái quá của bè lũ thống trị họ, và rằng đa số nhân dân đang nóng lòng mong mỗi thời điểm mà họ có thể công khai tuyên bố chống lại những việc làm gớm ghiếc của những kẻ áp bức họ, Hoàng đế [Áo] và Đức vua Phổ yêu cầu và mời họ quay về với con đường của lẽ phải, công lý và hòa bình không chút chậm trễ. Theo đúng các quan điểm này, ta tuyên bố:

1. Rằng... hai triều đình đồng minh không theo đuổi mục tiêu nào khác hơn là an sinh của nước Pháp, và không có ý định làm giàu bằng những cuộc chinh phục...

7. Các cư dân tại các thị trấn và làng mạc nào dám chống lại binh lính của Hoàng đế và Đức vua và bắn vào họ... sẽ bị trừng

phạt ngay tức khắc theo những luật lệ nghiêm khắc nhất của chiến tranh và nhà của chúng sẽ bị... tiêu hủy...

8. Yêu cầu thành phố Paris và mọi cư dân của thành phố quy phục Đức vua [Louis XVI] ngay tức thì và không chậm trễ... Hoàng đế [Áo] và Đức vua [Phổ] tuyên bố rằng nếu lâu đài Tuileries bị đột nhập bằng vũ lực hay bị tấn công, nếu Đức vua, Hoàng hậu và hoàng gia bị xúc phạm bằng bạo lực dù chỉ một mảy may, nếu tự do và sự an toàn của họ không được bảo đảm ngay lập tức, các ngài sẽ giáng một đòn báo thù không thể nào quên được bằng cách giao thành phố Paris cho quân đội tàn phá và hủy diệt hoàn toàn...

Vì những lý do này, ta yêu cầu và khuyên nhủ, theo cách khẩn trương nhất, toàn thể dân chúng của vương quốc [Pháp] không được chống đối những cuộc di chuyển và hành quân của các binh sĩ mà ta chỉ huy, mà trái lại, dành cho họ đường đi thông suốt ở mọi nơi và giúp đỡ... họ bằng tất cả thiện chí...

Ban hành tại tổng hành dinh ở Koblenz, ngày 25.7. 1792.

KARL WILHELM FERDINAND,  
CÔNG TƯỚNG BRAUNSCHWEIG-LÜNEBURG<sup>16</sup>

Tám đoạn văn ảm đạm ấy (có lẽ được những người *émigré* muốn báo thù hiến cho vị Công tước tốt bụng<sup>17</sup>) là một thách thức buộc Quốc hội, Công xã và nhân dân Paris phải từ bỏ Cách mạng hoặc phải chống lại những kẻ xâm lược bằng mọi phương tiện và mọi giá. Ngày 29.7. 1792, Robespierre, trong lúc diễn thuyết tại Câu lạc bộ Jacobin, đã thách thức Công tước Braunschweig bằng cách yêu cầu lật đổ chế độ quân chủ và thiết lập một chế độ cộng hòa với quyền phổ thông đầu phiếu cho tất cả đàn ông. Ngày 30 tháng Bảy, các *Fédérés* từ Marseilles, lúc này vẫn còn ở Paris, đã cùng các phân đội địa phương cam kết yểm trợ việc phế truất Đức vua. Ngày 4 tháng Tám và những ngày sau đó từng khu phố nổi tiếp

nhau gửi thông báo đến Quốc hội cho biết họ không còn công nhận một ông vua; và vào ngày 6 tháng Tám một thư thỉnh nguyện được trình lên các đại biểu, bày tỏ nguyện vọng rằng Louis nên bị phế truất. Quốc hội không hành động. Ngày 9 tháng Tám, Marat cho công bố một lời kêu gọi dân chúng xâm chiếm điện Tuileries, bắt Đức vua và gia đình ông ta, và tất cả các viên chức bảo hoàng, như là “những kẻ phản bội mà dân tộc... trước hết phải hy sinh vì phúc lợi của nhân dân”.<sup>18</sup> Đêm hôm ấy Công xã và các khu phố rung chuông kêu gọi dân chúng tụ tập quanh điện Tuileries vào sáng hôm sau.

Một số người đến sớm từ 3 giờ sáng. Đến 7 giờ, 25 khu phố đã gửi số người được phân theo định mức của mình đến với súng hỏa mai, giáo mác, và gươm; 800 quân *Fédéré* cũng gia nhập; chẳng bao lâu số người lên đến 9.000. Cung điện được bảo vệ bởi 900 lính Thụy Sĩ và 200 quân thị vệ khác. Hy vọng ngăn cản được bạo động, Louis đã dẫn đầu gia đình mình từ các căn phòng ngủ của hoàng gia đến nhà hát của cung điện, nơi Quốc hội đang nhóm họp trong cảnh hỗn loạn. “Trăm đến đây”, ông nói, “để ngăn ngừa một tội ác kinh khủng.”<sup>19</sup> Những kẻ nổi loạn được cho vào sân. Tại chân cầu thang dẫn lên phòng ngủ của Đức vua, quân thị vệ Thụy Sĩ ngăn không cho họ lên. Đám đông xô đẩy họ để xông lên. Quân thị vệ nổ súng, giết chết khoảng một trăm, hay nhiều hơn nữa, đàn ông và đàn bà. Đức vua ra lệnh cho lính Thụy Sĩ ngưng bắn và rút lui. Họ tuân lệnh, nhưng đám đông do các binh sĩ từ Marseilles dẫn đầu đã áp đảo họ. Đa số các lính thị vệ Thụy Sĩ bị giết chết, nhiều người bị bắt; 50 người bị dẫn về Tòa Thị chính và bị xử tử<sup>20</sup>. Những người hầu, kể cả những người nấu bếp, đã bị tàn sát trong một cuộc tắm máu điên cuồng. Các binh sĩ từ Marseilles hát bài “La Marseillaise” với sự phụ họa của âm thanh từ cây đàn clavico của Hoàng hậu; một cô gái giang hồ mỗi một năm nghỉ trên chiếc giường của Hoàng hậu. Bàn ghế bị đốt cháy, hầm rượu bị cướp phá

và chảy lênh láng. Trong các sân của quảng trường Carrousel ở bên cạnh, đám đông vui mừng phóng hỏa chín trăm toà nhà và bắn vào những người lính cứu hỏa đến dập tắt ngọn lửa.<sup>21</sup> Một số người chiến thắng diễu hành với những lá cờ làm từ những bộ đồng phục màu đỏ của quân thị vệ Thụy Sĩ – trường hợp đầu tiên được ghi nhận cho việc lá cờ đỏ được sử dụng như biểu tượng của cách mạng.<sup>22</sup>

Quốc hội cố gắng cứu hoàng gia, nhưng việc đám đông tràn ngập giết chết nhiều đại biểu khiến cho những người còn lại giao nộp những người tị nạn hoàng gia này cho Công xã định đoạt. Công xã giam họ dưới sự canh gác cẩn mật tại Temple, một tu viện cũ kiên cố của các Hiệp sĩ dòng Đền.<sup>i</sup> Louis đầu hàng không chống cự, đau lòng cho người vợ giờ đây tóc đã bạc trắng và đứa con trai đau yếu đang nhẫn nại chờ đợi kết cục.

### III. Danton

Trong những tuần lễ rối loạn này, các đại biểu thuộc cánh Hữu đã hầu như ngừng tham gia những buổi họp của Quốc hội; sau ngày 10 tháng Tám chỉ còn 285 trong tổng số 745 đại biểu ban đầu. Cơ quan lập pháp với số người ít ỏi còn lại này đã biểu quyết thay thế Đức vua và các cố vấn của ông bằng một Hội đồng Hành pháp lâm thời. Đa số phiếu bầu chọn Georges Danton làm lãnh đạo Hội đồng với tư cách Bộ trưởng Tư pháp, Roland làm Bộ trưởng Nội vụ, Joseph Servan làm Bộ trưởng Chiến tranh. Việc chọn Danton là một phần trong cố gắng làm dịu bớt những người dân Paris, vì ông rất được lòng họ. Ngoài ra, vào lúc bấy giờ ông là người

---

i Hiệp sĩ dòng Đền (Knights Templar): Một trong những dòng tu quân đội Thiên Chúa giáo nổi tiếng nhất của ngày xưa, được thành lập từ sau cuộc thập tự chinh thứ nhất năm 1096 để bảo vệ người Âu đi hành hương tới Yerushalayim [*Anh*, Jerusalem]. Dòng tu này tồn tại khoảng 2 thế kỷ trong thời Trung cổ.

có khả năng nhất và có cá tính mạnh mẽ nhất trong phong trào cách mạng.

Ông được 33 tuổi, và sẽ chết vào năm 35; cách mạng là đặc quyền của tuổi trẻ. Sinh tại Arcis-sur-Aube thuộc miền Champagne, ông theo bước cha mình vào ngành luật. Là một luật sư phát đạt ở Paris, nhưng ông chọn sống trong cùng tòa nhà với bạn mình là Camille Desmoulins, trong quận Cordeliers của giai cấp thợ thuyền; chẳng bao lâu sau họ trở nên nổi bật tại Câu lạc bộ Cordeliers. Mũi và mũi của ông bị biến dạng vì một tai nạn hồi nhỏ và da ông lốm đốm đỏ vì bệnh đậu mùa; nhưng ít ai nhớ lại những điều này khi chạm trán với dáng người cao lớn và cái đầu đồ sộ của ông, hay cảm thấy sức mạnh của tư tưởng sắc bén và cương quyết của ông, hay nghe lời nói dữ dội – thường là báng bố – của ông vang lên như sấm tại một buổi họp cách mạng, một câu lạc bộ Jacobin, hay một đám đông vô sản.

Tính cách của ông không cục súc hoặc hống hách như khuôn mặt hay tiếng nói của ông. Ông có thể tỏ ra thô lỗ và nhìn bề ngoài thì không có tình cảm trong phán đoán – như trong việc tán đồng những vụ Tàn sát tháng Chín – nhưng ông có một sự dịu dàng tiềm ẩn bên trong và không nham hiểm; ông sẵn sàng cho đi và mau chóng tha thứ. Các trợ lý của ông thường ngạc nhiên khi thấy ông hủy bỏ những mệnh lệnh khắc nghiệt của chính mình, hay bảo vệ nạn nhân của những chỉ thị nghiêm khắc do ông đưa ra. Chẳng bao lâu nữa ông sẽ mất mạng vì dám gợi ý rằng thời kỳ Khủng bố đã đi quá xa, và đã tới lúc khoan dung. Không như con người điều độ Robespierre, ông ưa thích tính khôi hài kiểu Rabelais, những thú vui trần tục, bài bạc và những phụ nữ xinh đẹp. Ông làm ra tiền và mượn tiền, mua một căn nhà xinh đẹp ở Arcis, và những thửa đất lớn của Giáo hội. Người ta tự hỏi làm sao ông kiếm được những khoản tiền cần thiết; nhiều người nghi ông nhận hối lộ để bảo vệ Đức vua. Bằng chứng chống lại ông thì có đầy;<sup>23</sup> nhưng ông

cam kết đi theo những biện pháp tiến bộ nhất của Cách mạng, và dường như chưa bao giờ phản bội bất cứ quyền lợi quan trọng nào của nó. Ông lấy tiền của Nhà vua và làm việc cho giai cấp vô sản. Thậm chí như vậy, ông biết rằng chế độ độc tài vô sản là một sự mâu thuẫn về mặt từ ngữ và chỉ có thể là một khoảnh khắc trong dòng thời gian chính trị.



Hình 13: Tượng Danton (Edmond Desca, 1903) bằng đồng ở Quảng trường Jean-Jaurès tại Tarbes, Pháp

Ông đã học quá nhiều để có thể là một con người không tưởng. Thư viện của ông (mà ông hy vọng sẽ về hưu sớm để sống với nó) gồm 571 cuốn sách bằng tiếng Pháp, 72 cuốn bằng tiếng Anh, 52 cuốn bằng tiếng Ý; ông có thể đọc tiếng Anh và tiếng Ý dễ dàng. Ông có 91 cuốn của Voltaire, 16 cuốn của Rousseau, và tất cả các tập *Encyclopédie* [Bách khoa từ điển] của Diderot.<sup>24</sup> Ông là người vô thần, nhưng có một số cảm tình đối với những sự quan tâm mà tôn giáo dành cho người nghèo. Những gì ông nói vào năm 1790 cũng giống như lời lẽ của Musset một thế hệ sau đó:<sup>25</sup>

Về phần tôi, tôi nhìn nhận chỉ biết có một Thượng đế – vị Thượng đế của toàn thể thế giới và của công lý... Người nông phu trên cánh đồng làm tăng thêm ý niệm này... vì tuổi trẻ, tuổi trưởng thành, và tuổi già của ông ta đều nhờ vào vị linh mục mới có được những khoảnh khắc hạnh phúc nhỏ bé... Hãy để ông ta yên ổn với những ảo tưởng của mình. Hãy dạy cho ông ta nếu bạn muốn,... nhưng đừng để những con người nghèo khổ sợ rằng họ có thể đánh mất một thứ vốn ràng buộc họ với cuộc đời.<sup>26</sup>

Là một nhà lãnh đạo, ông hy sinh mọi thứ cho mục đích tối hậu là giữ cho Cách mạng khỏi bị tấn công từ ngoại bang và cảnh hỗn loạn trong nước. Vì những mục đích này ông sẵn lòng hợp tác với bất kỳ ai – với Robespierre, Marat, Đức vua, phái Girondin; nhưng Robespierre ganh tị với ông, Marat tố cáo ông, Đức vua ngờ vực ông, còn phái Girondin kinh hoàng vì khuôn mặt và giọng nói của ông, và run rẩy dưới vẻ khinh miệt của ông. Không ai trong số họ hiểu được ông: Ông chuẩn bị chiến tranh nhưng thương thuyết hòa bình; ông gầm lên như một con sư tử nhưng nói về lòng khoan thứ; ông chiến đấu cho Cách mạng nhưng giúp đỡ một số người bảo hoàng trốn khỏi nước Pháp.<sup>27</sup>

Là bộ trưởng tư pháp, ông miệt mài làm việc để đoàn kết mọi tầng lớp cách mạng chống lại những kẻ xâm lăng. Ông

nhận trách nhiệm về cuộc nổi dậy của dân chúng ngày 10 tháng Tám; chiến tranh cần đến những tinh thần cuồng nhiệt này; chúng sẽ tạo nên những người lính hăng hái. Nhưng ông làm nản lòng những người đang cố gắng một cách hấp tấp ủng hộ những cuộc cách mạng chống lại các vua chúa nước ngoài; điều này sẽ kết hợp tất cả các vua chúa lại trong một thái độ thù địch chống lại nước Pháp. Ông chống lại đề nghị của phe Girondin muốn chính phủ và Quốc hội rút lui về bên kia sông Loire, vì một sự triệt thoái như vậy sẽ làm tiêu tan tinh thần của dân chúng. Không còn thời gian để ngồi bàn thảo; đã tới lúc phải hành động, phải xây dựng những đạo quân mới và củng cố tinh thần họ bằng lòng can đảm và tự tin. Ngày 2.9. 1792, trong một bài diễn văn sôi nổi, ông đã phát biểu một câu khiến cho cả nước Pháp đứng dậy và ngân vang lanh lảnh trong suốt một thế kỷ náo động. Các lực lượng Áo-Phổ đã tiến vào đất Pháp và đang chiến thắng hết trận này đến trận khác. Paris đang lơ lửng giữa việc đáp trả kiên quyết và một sự sợ hãi vì mất tinh thần. Danton, phát biểu nhân danh Hội đồng Hành pháp, đã đến trước Quốc hội để thức tỉnh lòng can đảm và hành động của các đại biểu và của cả dân tộc:

Thật là một điều hài lòng cho chính phủ của một nhà nước tự do khi thông báo với mọi người rằng đất nước của họ đã được cứu vãn. Mọi người đều phấn khích, nhiệt tình, rùng rục ý chí tham gia vào cuộc chiến đấu... Một phần nhân dân chúng ta sẽ bảo vệ các biên giới, một phần khác sẽ đào và vũ trang các hào lũy chung quanh thành phố, phần thứ ba, với những chiếc giáo, sẽ bảo vệ bên trong các thành phố của chúng ta... Chúng ta đòi những ai từ chối đóng góp công sức, hay cung cấp vũ khí, phải bị xử tử...

Hội chuông báo động chúng ta sẽ gióng lên không phải là dấu hiệu báo nguy; nó ra lệnh tấn công vào những kẻ thù của nước

Pháp. Để chiến thắng chúng ta phải đương đầu, đương đầu nữa, đương đầu mãi – và ta sẽ cứu được nước Pháp! [*De l'audace, encore de l'audace, toujours l'audace – et la France est sauvée!*]

Đó là một bài diễn văn lịch sử hùng hồn, nhưng vào cùng ngày hôm ấy giai đoạn bi thảm nhất của cuộc Cách mạng bắt đầu.

#### **IV. Cuộc tàn sát: 2–6.9. 1792**

Cơn sốt xúc cảm vốn đạt đến đỉnh điểm ngày 2 tháng Chín có sức nóng bắt nguồn sâu xa từ sự xung đột ngày càng tăng giữa tôn giáo với nhà nước, và nỗ lực đem sự tôn thờ nhà nước thay thế cho tôn giáo. Quốc hội Lập hiến đã chấp nhận Công giáo là tôn giáo chính thức và cam kết trả lương cho các tu sĩ như những viên chức ăn lương của chính phủ. Nhưng những người cấp tiến chiếm ưu thế trong Công xã Paris thấy không có lý do gì để chính phủ phải tài trợ cho sự truyền bá cái mà họ xem một cách khinh miệt như là một huyền thoại Đông phương vốn đã liên minh với chế độ phong kiến và quân chủ bao lâu nay. Những quan điểm này nhận được sự tán đồng trong các câu lạc bộ và cuối cùng trong Quốc hội Lập pháp. Kết quả là một loạt những biện pháp khiến cho tình trạng thù địch giữa Giáo hội và nhà nước trở thành một mối đe dọa thường xuyên đối với Cách mạng.

Vài giờ sau cuộc truất phế Đức vua, Công xã gửi cho các khu phố một danh sách các tu sĩ bị nghi có tư tưởng và mục đích phản cách mạng. Bao nhiêu tu sĩ thuộc loại này mà họ có thể bắt được đã bị đưa đến nhiều nhà ngục khác nhau, nơi chẳng bao lâu sau đó họ đóng vai trò chủ yếu trong những cuộc tàn sát. Ngày 11 tháng Tám, Quốc hội chấm dứt mọi sự kiểm soát của Giáo hội đối với giáo dục. Ngày 12 tháng Tám, Công xã cấm mặc lễ phục tôn giáo nơi công cộng. Ngày 18 tháng Tám, Quốc hội nhắc lại lệnh cấm trên bằng một nghị

định có hiệu lực trên cả nước và kèm chế hoạt động của tất cả các dòng tu tôn giáo còn tồn tại. Ngày 28 tháng Tám, Quốc hội yêu cầu trục xuất tất cả các tu sĩ không chịu tuyên thệ trung thành với Hiến chương Giáo sĩ; họ được cho thời hạn nửa tháng để rời nước Pháp. Khoảng 25.000 tu sĩ chạy sang các nước khác, củng cố thêm cho lời tuyên truyền của những người *émigré*. Vì cho đến giờ các tu sĩ vẫn là người giữ sổ đăng ký việc khai sinh, kết hôn, khai tử, Quốc hội phải chuyển chức năng này cho các nhà cầm quyền thế tục. Do đa số dân chúng khăng khăng đòi cử hành long trọng các sự kiện này bằng những buổi lễ ban phước, nên nỗ lực loại bỏ các lễ lạt cổ xưa đã khơi rộng thêm mối bất đồng giữa lòng mộ đạo của dân chúng và chủ nghĩa thế tục của nhà nước.<sup>28</sup> Công xã, phe Jacobin, phái Girondin và nhóm Núi đều nhất trí hy vọng rằng sự tận hiến cho nền cộng hòa non trẻ sẽ trở thành một tôn giáo của dân tộc; rằng Tự do, Bình đẳng và Bác ái sẽ thay thế Cha, Con và Thánh thần; và rằng việc xúc tiến Tam vị nhất thể mới có thể tạo nên mục đích quan trọng hơn cả của trật tự xã hội và là sự thử nghiệm cuối cùng của giá trị đạo đức.

Lễ khai mạc chính thức nền cộng hòa mới được hoãn lại đến ngày 22 tháng Chín, ngày đầu tiên của năm mới. Trong khi đó một số người theo thuyết vị lai gửi thỉnh nguyện thư lên Quốc hội yêu cầu, như một cử chỉ đối với những giấc mơ của họ về nền dân chủ toàn cầu, rằng “tư cách công dân Pháp sẽ được ban cho tất cả các triết gia ngoại quốc đã can đảm ủng hộ chính nghĩa tự do và xứng đáng được nhân loại trân trọng.” Ngày 26 tháng Tám, Quốc hội đáp lại bằng cách ban quyền công dân Pháp cho Joseph Priestley, Jeremy Bentham, William Wilberforce, Anacharsis Cloots, Johann Pestalozzi, Thaddeus Kosciuszko, Friedrich Schiller, George Washington, Thomas Paine, James Madison, và Alexander

Hamilton.<sup>29</sup> Alexander von Humboldt<sup>i</sup> đến nước Pháp, như ông nói, “để thở không khí tự do và chứng kiến cảnh công chúng hài tội chế độ chuyên chế”.<sup>30</sup> Tôn giáo mới dường như đang vươn rộng các cành nhánh của mình sau khi bén rễ.

Ngày 2 tháng Chín, nền cộng hòa khoác những bộ đồ đẹp nhất của nó, và thể hiện lòng tận hiến theo nhiều cách khác nhau. Nam giới ở tuổi thanh niên và trung niên tập trung tại các điểm tuyển mộ để tình nguyện phục vụ trong Quân đội. Phụ nữ may cho họ những chiếc áo ấm chan chứa tình yêu thương và kiên trì chuẩn bị bông băng cho các thương binh tương lai. Đàn ông, đàn bà, trẻ con đến trụ sở của khu phố mình ở để hiến tặng vũ khí, đồ trang sức, tiền bạc cho chiến

---

i Joseph Priestley (1733-1804): Nhà khoa học, tu sĩ và văn sĩ Anh có lập trường ủng hộ Cách mạng Mỹ và Pháp.

Jeremy Bentham (1748-1832): Triết gia Anh có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng thế kỷ XIX.

William Wilberforce (1759-1833): Chính trị gia Anh nổi tiếng trong những chiến dịch thành công nhằm chấm dứt việc buôn bán nô lệ hoặc làm cho chủ nghĩa nô lệ trở nên bất hợp pháp trên toàn Đế quốc Anh.

Anacharsis Cloots (1755 –1794): Nhà quý tộc Phổ, một khuôn mặt nổi bật trong Cách mạng Pháp.

Johann Pestalozzi (1746 –1827): Nhà sư phạm và cải cách giáo dục nổi tiếng người Thụy Sĩ.

Thaddeus Kosciusko (1746 –1817): Kỹ sư công binh người Ba Lan, sau trở thành anh hùng quốc gia tại Ba Lan, Belarus, và Mỹ.

Friedrich Schiller (1759 – 1805): Thi sĩ, triết gia, sử gia và nhà viết kịch người Đức.

George Washington (1732-1799): Tổng thống đầu tiên của Mỹ (1789-1797), người chỉ huy quân đội đến chỗ chiến thắng trong cuộc Cách mạng Mỹ.

Thomas Paine (1737-1809): Người Mỹ gốc Anh; nhà hoạt động chính trị, triết gia, lý thuyết gia về chính trị và cũng là một nhà cách mạng.

James Madison (1751-1836): Tổng thống thứ tư và một trong những vị Quốc phụ dựng nước của Mỹ.

Alexander Hamilton (c. 1757-1804): Một trong các Quốc phụ dựng nước của Mỹ, từng chiến đấu trong cuộc Cách mạng Pháp.

Alexander von Humboldt (1769 - 1859): Nhà khoa học và nhà thám hiểm nổi tiếng của Phổ.

tranh. Các bà mẹ nhận những đứa trẻ sống phụ thuộc vào những binh sĩ hay nữ y tá sắp ra tiền tuyến làm con nuôi. Một số người đàn ông đến các nhà tù giết các tu sĩ và những kẻ thù của đức tin mới.

\* \* \*

Kể từ khi có bản tuyên cáo của Công tước Braunschweig (25.7.1792), các nhà lãnh đạo Cách mạng đã hành xử theo cách con người hay làm khi bị đe dọa. Ngày 11 tháng Tám, các viên chức ở Toà Thị chính gửi một bức thư lạ lùng cho Antoine Santerre, lúc đó là chỉ huy quân sự của các khu vực: “Chúng tôi được biết người ta đang lập kế hoạch đi đến các nhà tù Paris và bắt đi tất cả các tù nhân, để thực thi công lý một cách nhanh chóng đối với họ. Chúng tôi cầu xin ngài mở rộng sự giám sát của mình đến các nhà tù Châtelet, Conciergerie, và La Force” – ba trung tâm tạm giam chính ở Paris.<sup>31</sup> Chúng ta không biết Santerre đã hiểu bức thư này như thế nào. Ngày 14 tháng Tám, Quốc hội lập ra một “toà án đặc biệt” để xét xử tất cả những kẻ thù của Cách mạng. Nhưng các phán quyết của toà án này không làm Marat hài lòng chút nào. Ngày 19 tháng Tám, trên tờ *Ami du peuple* [Bạn dân] của mình ông nói với các độc giả: “Cách giải quyết khôn ngoan nhất và tốt nhất để theo đuổi là vũ trang đi đến Abbaye,<sup>i</sup> lôi bọn phản bội ra, đặc biệt là những tên sĩ quan Thụy Sĩ<sup>ii</sup> và đồng lõa của chúng và giết chết hết chúng đi. Thật là điên rồ đại dốt khi xét xử chúng!”<sup>32</sup> Xúc động vì lòng nhiệt thành này, Công xã cử Marat làm biên tập viên chính thức, chỉ định cho ông một chỗ ngồi trong phòng họp và bổ sung ông vào Ủy ban Giám sát của mình.<sup>33</sup>

Nếu quần chúng nghe theo Marat và hết sức làm theo ông, ấy là vì chính họ cũng đang giận dữ và trong cơn chấn động

i Một nhà tù khác. (Durant)

ii Của đội thị vệ Hoàng gia. (Durant)

bởi lòng căm thù cũng như sợ hãi. Ngày 19 tháng Tám, quân Phổ do Vua Friedrich Wilhelm II và Công tước Braunschweig cầm đầu vượt qua biên giới, theo sau là một lực lượng nhỏ của những người *émigré* nguyện trả thù tất cả những người cách mạng. Ngày 23 tháng Tám, quân xâm lược chiếm được pháo đài Longwy, được cho là với sự thông đồng của các sĩ quan quý tộc bên trong. Ngày 2 tháng Chín, họ đến Verdun và một bản báo cáo hấp tấp đến được Paris sáng hôm ấy cho biết chiến lũy được cho là bất khả xâm nhập ấy đã thất thủ (nó thất thủ vào chiều hôm đó); giờ đây con đường tiến về Paris rộng mở cho kẻ thù, vì không có đạo quân nào của Pháp trên đường ấy để ngăn chặn chúng. Số phận của thủ đô dường như tùy họ định đoạt; Công tước Braunschweig hy vọng sớm được ăn tối ở Paris.<sup>34</sup>

Trong khi đó cuộc cách mạng phản Cách mạng đã đột ngột nổ ra tại những miền nằm cách xa nhau của nước Pháp như Vendée và Dauphiné; và ngay chính Paris cũng chứa chấp hàng ngàn người có cảm tình với vị Vua bị phế truất. Từ ngày 1 tháng Chín, một tập sách mỏng được lưu hành đã cảnh báo rằng có một âm mưu nhằm giải thoát các tù nhân và khiến họ tàn sát tất cả những người làm cách mạng.<sup>35</sup> Quốc hội và Công xã đang kêu gọi tất cả những người đàn ông còn khỏe mạnh gia nhập quân đội để chặn bước tiến của quân thù. Làm sao những người đàn ông này có thể để vợ con họ ở lại phó mặc cho dòng thác những kẻ bảo hoàng, những tu sĩ cũng như bọn tội phạm tràn ra từ các nhà ngục Paris? Một số khu phố đề ra một nghị quyết là tất cả các tu sĩ và kẻ tình nghi phải bị giết trước khi những người tình nguyện lên đường.<sup>36</sup>

Khoảng 2 giờ chiều ngày Chủ nhật, 2 tháng Chín, sáu chiếc xe ngựa chở các tu sĩ không tuyên thệ tiến đến gần nhà ngục Abbaye. Một đám đông la hét phản đối họ. Một người đàn ông nhảy lên bậc lên xuống của một chiếc xe. Một tu sĩ dùng gậy đánh anh ta. Đám đông, mỗi lúc một đông hơn, chửi rủa và tấn công các tù nhân khi họ bước xuống xe ở cổng; các

lính canh áp tải cũng tham gia tấn công họ; tất cả 30 người đều bị giết. Bị phấn khích do cảnh tượng đổ máu và cảm giác an toàn khi giết người một cách ẩn danh, đám đông ủa đến nữ Tu viện Carmelite và giết các tu sĩ đang bị giam ở đó. Vào buổi chiều tối, sau một lúc nghỉ ngơi, đám đông mà giờ đây đã hùng hậu hơn với những tên tội phạm và côn đồ, cùng các binh lính *Fédéré* hăng hái từ Marseille, Avignon và Bretagne, quay lại ngục Abbaye, buộc tất cả các tù nhân ra ngoài để ngồi nghe một bản phán xử chóng vánh, rồi đẩy phần lớn bọn họ – mọi lính Thụy Sĩ, tu sĩ, kẻ bảo hoàng, hay người hầu cũ của Đức vua hay Hoàng hậu – chạy giữa hai hàng người vốn kết liễu họ bằng gươm, dao, giáo, và dùi cui.<sup>i</sup>

Ban đầu những kẻ hành hình còn mẩu mực; không có chuyện trộm cắp – những vật giá trị lấy từ nạn nhân được giao lại cho chính quyền Công xã; về sau những người lao động mệt mỏi giữ những chiến lợi phẩm đó lại xem như họ có quyền được hưởng. Đối với một ngày công, mỗi người nhận được sáu franc, ba bữa ăn và rượu uống tùy thích. Vài người tỏ vẻ dịu dàng; họ khen ngợi những người được xá tội và hộ tống những nhân vật xuất sắc trong số đó về nhà.<sup>37</sup> Một số đặc biệt hung ác; họ kéo dài sự đau đớn của tội nhân để làm trò vui cho các khán giả; và một kẻ nhiệt tình sau khi rút lưỡi gươm ra khỏi ngực của Tướng Laleu đã cho tay vào vết thương giật trái tim ra, và đưa lên miệng mình như thể sắp ăn nó<sup>38</sup> – một thói tục phổ biến trong thời dã man. Khi mỗi mệt, mỗi kẻ giết người nghỉ một lát, tọng rượu vào và lại tiếp tục công việc cho đến khi tất cả các tù nhân trong nhà tù Abbaye đã đi qua khoảng sân bên đường để tới được tự do hoặc cái chết.

Ngày 3 tháng Chín, các quan tòa và đao phủ chuyển đến

---

i Ở đây Durant dùng chữ *gaultlet*: đó là hình phạt thông thường trong quân đội nhưng vào thời điểm này, tù nhân phải chạy giữa hai hàng đao phủ đứng dọc hai bên với đủ thứ vũ khí để giết họ. Ai chạy qua được hai hàng người ấy mà chưa chết thì có thể được tự do.

các nhà ngục khác – La Force và La Conciergerie. Tại đây, với những nhân công và nạn nhân mới, cuộc tàn sát tiếp diễn. Có một mệnh phụ nổi tiếng, Phu nhân Vương tước Lamballe, một thời rất giàu có và xinh đẹp, được Marie Antoinette yêu quý. Bà đã tham gia vào các âm mưu cứu gia đình Đức vua. Giờ đây, ở tuổi 43, bà bị chặt đầu và phanh thây. Tim bà bị móc ra khỏi cơ thể và bị một người cộng hòa nhiệt thành ăn tươi nuốt sống;<sup>39</sup> đầu bà bị cắm vào một ngọn giáo và đưa đi diễu hành bên dưới cửa sổ của ngục thất Hoàng hậu tại Temple.<sup>40</sup>

Ngày 4 tháng Chín, cuộc tàn sát chuyển đến các nhà ngục Tour St. Bernard, St. Firmin, Châtelet, Salpêtrière; tại đây, các phụ nữ trẻ bị hãm hiếp thay thế cho giết chóc. Trong số các bệnh nhân ở Bicêtre, một bệnh viện tâm thần, có 43 thanh thiếu niên tuổi từ 17 đến 19, phần lớn được cha mẹ đưa đến để chữa bệnh; tất cả đều bị giết.<sup>41</sup>

Cuộc tàn sát ở Paris còn tiếp diễn hai ngày nữa, cho đến khi tổng số nạn nhân lên đến con số nào đó trong khoảng từ 1.247<sup>42</sup> đến 1.368 người.<sup>43</sup> Dân chúng bất đồng ý kiến khi đánh giá biến cố này: những người Công giáo và bảo hoàng vô cùng kinh hãi, nhưng những người cách mạng biện luận rằng sự đáp trả mãnh liệt này được biện hộ bởi các mối đe dọa của Công tước Braunschweig và những đòi hỏi của chiến tranh. Pétion, Thị trưởng mới của Paris, đã đón tiếp các đao phủ như những người yêu nước làm việc vất vả và mở tiệc rượu thết đãi họ.<sup>44</sup> Quốc hội Lập pháp cử một số thành viên đến Abbaye để khuyên người ta phải tuân thủ đúng quy trình pháp lý; họ trở về báo cáo rằng không thể ngăn cuộc tàn sát; cuối cùng các lãnh đạo của Quốc hội – phái Girondin cũng như nhóm Núi – đồng ý rằng thái độ an toàn nhất là tán đồng.<sup>45</sup> Công xã gửi các đại biểu đến để chia sẻ công việc của các quan tòa ngẫu hứng. Billaud-Varenne, phó biện lý của Công xã, đã tham gia cảnh tượng ở Abbaye và khen ngợi những kẻ giết người: “Các bạn công dân, các bạn đang tiêu

diệt những kẻ thù của mình; các bạn đang thực thi bốn phận của mình.”<sup>46</sup> Marat hãnh diện nhận lời khen ngợi cho toàn thể hoạt động này. Tại phiên toà xử Charlotte Corday một năm sau đó, khi được hỏi tại sao giết Marat, cô ta đã trả lời: “Vì chính ông ta là người đã gây ra những vụ tàn sát hồi tháng Chín.” Khi được yêu cầu trưng bằng chứng, cô ta đã trả lời: “Tôi không thể trưng ra bằng chứng nào cho quý vị; đó là ý kiến của cả nước Pháp.”<sup>47</sup>

Khi Danton được yêu cầu ngưng cuộc chém giết, ông nhún vai; “không thể được,” ông biện luận; và ông hỏi: “Tại sao tôi phải lo nghĩ vì những tên bảo hoàng và thầy tu ấy, vốn là những kẻ chỉ chờ đợi bọn ngoại bang đến để tàn sát chúng ta?... Chúng ta phải làm cho kẻ thù sợ hãi.”<sup>48</sup> Nhưng ông đã bí mật đưa ra khỏi các nhà tù không chỉ một người bạn của mình mà thậm chí vài kẻ thù của cá nhân ông nữa.<sup>49</sup> Khi một thành viên của Hội đồng Hành pháp phản đối những vụ giết chóc Danton bảo ông ta: “Xin ngồi xuống đi. Việc đó là cần thiết.”<sup>50</sup> Và khi trả lời một thanh niên hỏi ông, “Làm sao ông không cho như thế là kinh khủng?” ông trả lời: “Anh còn quá trẻ để hiểu những chuyện này... Một dòng sông máu phải chảy giữa dân Paris và những người *émigré*.”<sup>51</sup> Những người dân Paris, ông nghĩ, giờ đây đã nguyện trung thành với Cách mạng. Và những người lính tình nguyện đang lên đường đối mặt với kẻ thù giờ đây biết rằng họ không thể mong đợi lòng nhân từ nếu họ đầu hàng. Dù thế nào đi nữa họ cũng sắp chiến đấu để bảo vệ mạng sống của mình.

\* \* \*

Ngày 2 tháng Chín cũng là ngày Quốc hội Lập pháp, do cảm thấy chiều hướng các biến cố đã hủy hoại bản hiến pháp mà họ được bầu lên để thực hiện, đã biểu quyết kêu gọi một cuộc bầu cử toàn quốc nhằm bầu lên một Hội nghị Quốc ước. Hội nghị này sẽ soạn thảo một bản hiến pháp mới, phù hợp

với hoàn cảnh mới của nước Pháp và những nhu cầu đang nảy sinh của chiến tranh. Và bởi vì nông dân, giới vô sản, cũng như thị dân đang được kêu gọi đứng lên bảo vệ một đất nước được gọi là đất nước của họ, nên dường như không thể chấp nhận chuyện bất cứ ai trong số này, dù có đóng thuế hay không đóng thuế, bị gạt ra khỏi cuộc bầu cử. Như thế, Robespierre đã đạt được chiến thắng quan trọng đầu tiên của mình: Quốc ước hội nghị mà trong đó ông là một khuôn mặt chủ yếu đã được bầu theo lối phổ thông đầu phiếu dành cho nam công dân.

Ngày 20 tháng Chín, Quốc hội Lập pháp kết thúc phiên họp cuối cùng của mình mà không biết rằng vào cùng ngày ấy, ở một ngôi làng có tên là Valmy nằm giữa Verdun và Paris, một đạo quân Pháp do Dumouriez và François-Christophe Kellermann chỉ huy đã đụng độ các binh lính nhà nghề của Phổ và Áo dưới quyền Công tước Braunschweig và đã giao chiến ở thế hòa – thực ra là thắng, vì sau trận đánh Vua Phổ ra lệnh cho các trung đoàn tơi tả của mình bỏ Verdun và Longwy, rút lui ra khỏi đất Pháp. Friedrich Wilhelm II không đủ sức quan tâm đến nước Pháp xa xôi khi mà giờ đây ông phải cạnh tranh với các nước láng giềng là Nga và Áo để xem ai giành được phần lớn nhất trong việc chia cắt Ba Lan. Ngoài ra, binh sĩ của ông đang phải nhọc nhãi chịu đựng bệnh tiêu chảy do những chùm nho của xứ Champagne gây ra.<sup>52</sup>

Chính tại trận đánh này mà Goethe, lúc ấy có mặt trong ban tham mưu của Công tước Sachsen-Weimar [*Anh*, Saxe-Weimar], theo lời kể lại, đã đưa ra nhận xét này: “Từ hôm nay và từ chỗ này bắt đầu một thời kỳ mới trong lịch sử thế giới.”<sup>53</sup>

## **Chương 4**

### **Quốc ước Hội nghị: 21.9.1792 – 26.10.1795**

#### **I. Nền cộng hòa mới**

Cuộc bầu cử quốc hội thứ ba này, vốn sẽ chứng kiến đỉnh điểm cũng như sự suy tàn của Cách mạng, đã bị những người Jacobin thao túng, thậm chí còn tinh vi hơn cả cuộc bầu cử năm 1791. Tiến trình bầu cử diễn ra một cách gián tiếp với sự tính toán cẩn thận: Những người có quyền bỏ phiếu chọn ra các cử tri; các cử tri này sẽ họp tại ủy ban bầu cử và chọn ra các đại biểu đại diện cho quận bầu cử của họ tại Quốc ước hội nghị. Cả hai đợt bầu cử đều được biểu quyết bằng miệng và diễn ra công khai; tại mỗi giai đoạn người đi bầu đều có nguy cơ bị tổn thương nếu làm trái ý các lãnh đạo địa phương.<sup>1</sup> Tại các thành phố những người bảo thủ không chịu đi bầu; “số người vắng mặt chiếm áp đảo;”<sup>2</sup> trong số 7 triệu người có quyền đi bầu, 6,3 triệu đã không bỏ phiếu.<sup>3</sup> Tại Paris, cuộc bầu cử bắt đầu vào ngày 2 tháng Chín và tiếp tục nhiều ngày sau đó, trong khi tại các công nhà ngục, những vụ tàn sát gửi đi tín hiệu ám chỉ nên bầu như thế nào để sống sót. Tại nhiều quận bầu cử, các tín đồ Công giáo không chịu đi bầu; do đó quận Vendée vốn có lập trường bảo hoàng mạnh mẽ đã bầu ra chín đại biểu, trong số này sáu người sẽ bỏ phiếu chấp thuận việc xử tử Đức vua.<sup>4</sup> Tại Paris, hội nghị bầu cử diễn ra tại Câu lạc bộ Jacobin, với kết quả là toàn thể 24 đại biểu được chọn làm đại diện thủ đô đều là những người cộng hòa kiên định và là ủng hộ viên của Công xã: Danton, Robespierre, Marat, Desmoulins, Billaud-Varenne, Collot d’Herbois, Fréron, David

(họa sĩ)... Tại các tỉnh, những người Girondin cũng có những trò xảo trá riêng của họ; do đó Brissot, Roland, Condorcet, Pétion, Gaudet, Barbaroux, và Buzot đã giành được quyền để phục vụ và để chết. Trong số những người nước ngoài được bầu có Priestley, Cloots, và Paine. Công tước Orléans, đã đổi tên thành Công dân Philippe Égalité [Philippe Bình đẳng], được chọn đại diện cho một khu phố cấp tiến ở Paris.

Khi nhóm họp ở điện Tuileries ngày 21.9. 1792, Quốc ước hội nghị có 750 thành viên. Chỉ trừ hai người, tất cả còn lại đều thuộc giai cấp trung lưu; hai người là công nhân; hầu hết là luật sư. Có 180 người thuộc phe Gironde được tổ chức, có học thức, và có khả năng hùng biện, đóng vai trò chủ đạo trong việc lập pháp. Trên cơ sở không có mối nguy xâm lược trong hiện tại, họ nói lỏng các luật lệ chống lại những người tình nghi, các *émigré*, và các tu sĩ, cũng như việc kiểm soát kinh tế trong thời chiến. Chẳng mấy chốc lại có lời than phiền về việc đầu cơ trục lợi và thao túng giá cả. Nhằm đề bẹp một phong trào do một số người cấp tiến chủ trương muốn tịch thu những điền trang rộng lớn để chia cho dân chúng, vào ngày đầu tiên của Quốc ước hội nghị, phái Gironde đã thực hiện biện pháp tuyên bố tính bất khả xâm phạm của tài sản do tư nhân sở hữu. Cảm thấy đã an tâm, phái Gironde đồng ý với các phái Núi và Đồng bằng về việc tuyên bố nền Đệ nhất Cộng hòa Pháp vào ngày 22.9. 1792.

Vào cùng ngày đó, Quốc ước hội nghị ban hành nghị định với nội dung là, sau một năm điều chỉnh, lịch Thiên Chúa giáo sẽ được thay thế bởi Lịch Cách mạng tại nước Pháp và các thuộc địa của mình. Theo đó, các năm sẽ được đặt tên là I (từ 22.9. 1792 đến 21.9. 1793), II, III... và các tháng sẽ được gọi tên theo thời tiết đặc thù của chúng: Vendémiaire [Bồ nguyệt - tháng Hái nho], Brumaire [Vụ nguyệt - tháng Sương mù], và Frimaire [Sương nguyệt - tháng Sương giá], cho mùa thu; Nivôse [Tuyết nguyệt - tháng Băng tuyết], Pluviôse [Vũ nguyệt - tháng Mưa], và Ventôse [Phong nguyệt - tháng Gió],

cho mùa đông; Germinal [Nha nguyệt - tháng Nảy mầm], Floréal [Hoa nguyệt - tháng Hoa], và Prairial [Thảo nguyệt - tháng Đồng cỏ], cho mùa xuân; và Messidor [Sắc nguyệt - tháng Gặt hái], Thermidor [Nhiệt nguyệt - tháng Nóng], và Fructidor [Quả nguyệt - tháng Trái cây], cho mùa hè.

Mỗi tháng được chia làm ba *décade* [tuần mười ngày]; mỗi *décade* sẽ chấm dứt vào ngày *décadi*, là ngày nghỉ thay thế cho ngày Chủ nhật. Năm ngày còn lại trong năm, gọi là *sans-culottides*, là những ngày lễ hội của cả nước. Quốc ước hội nghị hy vọng bộ lịch này sẽ nhắc nhở người Pháp rằng không phải các vị thánh của tôn giáo và các mùa, mà chính trái đất và những công việc lao động mới mang lại kết quả. Tự nhiên sẽ thay thế Thượng đế. Bộ lịch mới được bắt đầu sử dụng vào ngày 24.11. 1793, và chết vào cuối năm 1805 Anno Domini [Công nguyên].

Phái Girondin và nhóm Núi đồng ý về quyền tư hữu, chế độ cộng hòa và cuộc chiến chống Thiên Chúa giáo; nhưng ở nhiều vấn đề khác, họ khác biệt tới mức có thể giết nhau. Những người Girondin phần uất vì ưu thế vượt trội về mặt địa lý của Paris – các đại biểu và dân chúng của thủ đô – đối với những biện pháp ảnh hưởng đến toàn nước Pháp; nhóm Núi oán giận ảnh hưởng của các thương gia và triệu phú trong việc quyết định lá phiếu của những người Girondin. Danton (người đã nhận được 638 phiếu bầu trong tổng số khoảng 700 phiếu của khu phố của mình) đã từ bỏ địa vị bộ trưởng tư pháp để làm công việc đoàn kết phái Gironde với nhóm Núi trong một chính sách tìm kiếm hòa bình với Phổ và Áo. Nhưng những người Girondin nghi kỵ ông như là thần tượng của thủ đô Paris cấp tiến và yêu cầu cung cấp hồ sơ về các khoản chi khi ông làm bộ trưởng. Việc giải trình các khoản tiền đã tiêu của ông không làm họ hài lòng (ông là người tin tưởng rất nhiều vào các khoản tiền hối lộ), cũng như không thể giải thích ông đã lấy tiền ở đâu để mua ba căn nhà ở trong hoặc gần Paris và một điền sản lớn ở tỉnh Aube;

rõ ràng rằng ông đã có một cuộc sống huy hoàng. Gọi những kẻ tra hỏi ông là phường bội bạc, ông từ bỏ nỗ lực nhằm hòa giải trong nước cũng như ngoài nước, và kết đồng minh với Robespierre.

Dù chỉ đứng sau Danton về mặt được lòng dân tại các khu vực bầu cử, nhưng Robespierre vẫn chỉ là một khuôn mặt thứ yếu trong số các đại biểu. Trong cuộc bỏ phiếu kín của họ để bầu chủ tịch Quốc ước hội nghị, ông chỉ nhận được sáu phiếu, Roland 235 phiếu. Đối với phần lớn các đại biểu, ông là một kẻ giáo điều giỏi về những cái chung chung và đầu óc tầm thường, một kẻ cơ hội chủ nghĩa thận trọng đang kiên nhẫn chờ đợi mọi kẽ hở để thâm tóm thêm quyền lực. Nhưng tính cách kiên định làm nền tảng cho các đề xuất của ông dần dần đã giúp ông gia tăng ảnh hưởng. Ông đã tránh không can dự trực tiếp vào cuộc tấn công điện Tuileries hay vụ Tàn sát tháng Chín, nhưng đã chấp nhận chúng như là cách đưa sự sợ hãi của dân chúng vào những chính sách của giai cấp tư sản. Ngay từ đầu ông đã bênh vực chủ trương phổ thông đầu phiếu cho nam giới đến tuổi trưởng thành – mặc dù trong thực tế ông đã nhắm mắt làm ngơ cho việc ngăn chặn những người bảo hoàng và tín đồ Công giáo đi bầu. Ông đã bảo vệ thể chế quyền tư hữu và làm thối chí những kẻ bị lâm vào cảnh nghèo khổ đang kêu gọi tịch thu tài sản rồi phân chia lại. Tuy nhiên, ông đã đề nghị đánh thuế thừa kế và các loại thuế khác để “giảm bớt sự bất bình đẳng thái quá về sự giàu có bằng những biện pháp nhẹ nhàng nhưng hiệu quả.”<sup>5</sup> Trong khi đó ông chờ đợi thời cơ, để mặc các đối thủ kiệt sức vì đam mê và những trò quá khích. Dường như ông tin chắc rằng một ngày nào đó ông sẽ thống trị – và tiên đoán rằng một ngày nào đó ông sẽ bị giết.<sup>6</sup> “Ông ta biết, cũng như tất cả những người này đều biết, rằng hầu như ông ta giữ được mạng mình trong tay từng giờ một.”<sup>7</sup>

Không phải Robespierre hoặc Danton mà chính Marat mới hoàn toàn bênh vực giai cấp vô sản. Ngày 25 tháng Chín, để

kỷ niệm nền cộng hòa mới, ông ta đổi tên tạp chí của mình thành *Journal de la République française* [Tạp chí Cộng hòa Pháp]. Giờ đây ông đã 49 tuổi (Robespierre 34, Danton 33). Ông chỉ còn sống không đầy một năm nữa, nhưng đã dành trọn thời gian đó để thực hiện một chiến dịch không khoan nhượng chống lại những người Girondin như những kẻ thù của nhân dân, những tay sai của lớp tư sản thương mại đang nổi lên vốn có vẻ quyết tâm biến Cách mạng thành cánh tay chính trị của một nền kinh tế “tự do kinh doanh”. Những lời chỉ trích kịch liệt của ông vang dội khắp Paris, khuấy động các khu phố bầu cử nổi loạn và tạo ra một sự thù địch hầu như đồng loạt ở Quốc ước hội nghị. Những người Girondin tố cáo cái mà họ gọi là “chế độ tam đầu chế” của Danton, Robespierre, và Marat, nhưng Danton không thừa nhận ông và Robespierre né tránh ông; ông ngồi với phe Núi, nhưng thường không có bạn và cô độc. Ngày 25.9.1792, Vergniaud và những người khác đọc cho Quốc ước hội nghị nghe các tài liệu cho thấy Marat đã kêu gọi thành lập một chế độ độc tài và khơi ra những cuộc tàn sát. Khi “người bảo vệ nhân dân” ốm yếu đứng lên để tự biện hộ, ông ta bị tấn công dồn dập bởi những tiếng la ó “Ngồi xuống!”. “Dường như”, ông nói, “tôi có một số đông kẻ thù cá nhân trong cái hội nghị này” “Tất cả chúng tôi!”, những người Girondin la lên. Marat tiếp tục lặp lại yêu cầu của ông về một chế độ độc tài theo kiểu La Mã nhưng có giới hạn và nhìn nhận mình có kích động bạo lực, nhưng thanh minh rằng Danton và Robespierre không hề tham gia các kế hoạch của ông. Một đại biểu đề nghị bắt ông ta và đưa ra xét xử về tội phản quốc; lời đề nghị không được chấp thuận. Marat móc một khẩu súng lục từ trong túi ra, chĩa vào đầu mình và tuyên bố: “Nếu việc buộc tội tôi được chấp thuận, tôi đã bắn nát óc mình dưới chân diễn đàn.”<sup>8</sup>

Những người Girondin – vốn đã đưa nước Pháp vào chiến tranh – trở nên mạnh hơn trong những tháng này nhờ các chiến thắng của quân đội Pháp và sự mở rộng quyền lực của

nước Pháp cũng như của các ý tưởng cách mạng. Ngày 21.9. 1792, Tướng Anne-Pierre de Montesquiou-Fezensac dẫn đầu lực lượng của mình chinh phục xứ Savoia (bấy giờ là một phần của vương quốc Sardegna) một cách dễ dàng. “Bước tiến của đạo quân tôi”, ông báo cáo cho Quốc ước hội, “là một cuộc khải hoàn; tại nông thôn cũng như thành thị dân chúng ra khỏi nhà để đón chúng tôi; phù hiệu tam tài được đeo khắp nơi”<sup>9</sup>. Ngày 27 tháng Chín, một đạo quân khác của Pháp tiến vào Nizza [*Anh & Pháp*, Nice] không gặp kháng cự; ngày 29 tháng Chín họ chiếm Villefranche. Ngày 27 tháng Mười Một, theo yêu cầu của các nhà lãnh đạo địa phương, Savoia được sáp nhập vào nước Pháp [và được gọi là Savoie].

Cuộc chinh phục miền Rheinland khó khăn hơn. Ngày 25 tháng Chín, Tướng Adam-Philippe de Custine dẫn các binh sĩ tình nguyện của mình chiếm được Speyer, bắt ba ngàn tù binh. Ngày 5 tháng Mười ông tiến vào Worms; ngày 19 tháng Mười, Mainz; ngày 21 tháng Mười, Frankfurt-am-Main. Để giành lấy Bỉ (một thuộc quốc của Áo) về cho Cách mạng, Dumouriez đã đánh một trong những trận đánh quan trọng của cuộc chiến tranh ở Jemappes (ngày 6 tháng Mười Một). Quân Áo, sau một hồi lâu kháng cự, đã rút lui, để lại bốn ngàn xác trên chiến trường. Brussel thất thủ ngày 14 tháng Mười Một, Lidje [*Anh*, Liège] ngày 24, Antwerpen [*Anh*, Antwerp] ngày 30; tại các thành phố này quân đội Pháp được chào đón như những người đi giải phóng. Thay vì tuân lệnh Quốc ước hội nghị di chuyển về phương nam để kết hợp lực lượng của mình với lực lượng của Custine, Dumouriez lần nữa ở Bỉ và làm giàu bằng cách thông đồng với những người đầu cơ trong việc cung cấp quân lương. Bị khiển trách, ông dọa từ chức. Danton được phái đến để xoa dịu ông ta. Danton thành công, nhưng bị buộc tội liên đới trách nhiệm khi Dumouriez đào thoát (5.4. 1793) sang hàng ngũ kẻ thù.

Say sưa với các chiến thắng này, các nhà lãnh đạo Quốc ước hội nghị chấp nhận và thực hiện hai chính sách bổ sung:

bành trướng nước Pháp ra đến các “biên giới tự nhiên” – sông Rhin [*Đức, Rhein*], rặng Alpes, rặng Pyrénées [*Tây Ban Nha, Pirineos*], và các biển – và thu phục dân chúng ở miền biên giới bằng cách hứa cung cấp viện trợ quân sự cho họ trong việc đạt được tự do về kinh tế và chính trị. Do đó có sắc lệnh tảo bạo ngày 15.12. 1792:

Kể từ lúc này quốc gia Pháp tuyên bố quyền tối thượng của nhân dân [trong tất cả các vùng hợp tác], bãi bỏ tất cả các nhà cầm quyền dân sự và quân sự đã cai trị các bạn cho đến nay, và tất cả các loại thuế mà các bạn phải gánh chịu, dưới bất kỳ hình thức nào; bãi bỏ thuế thập phân, chế độ phong kiến,... chế độ nông nô...; quốc gia Pháp cũng tuyên bố bãi bỏ tất cả các đoàn thể quý tộc và tăng lữ, và tất cả các đặc quyền và biệt đãi ngược với sự bình đẳng. Kể từ lúc này, các bạn là những người anh em và bạn bè, tất cả đều là những công dân, bình đẳng về quyền lợi, tất cả như nhau đều được mời ra để cai trị, phục vụ, và bảo vệ đất nước của các bạn.<sup>10</sup>

Bản “Sắc lệnh về tình hữu nghị” này đã mang lại cho nước cộng hòa non trẻ những vấn đề lộn xộn. Khi các lãnh thổ bị chinh phục (“được giải phóng”) bị đánh thuế để cấp dưỡng cho sự chiếm đóng của người Pháp, họ than phiền rằng một ông chủ với thuế má của mình đã bị thay thế bởi một ông chủ và thuế má khác. Khi hệ thống giáo phẩm trong nhà thờ ở Bỉ, Lidje, và miền Rheinland, vốn từ lâu đã quen với việc nắm quyền hay chia sẻ quyền cai trị, cảm thấy bị thách thức cả về mặt thần học lẫn quyền lực, đã liên kết nhau xuyên biên giới và tín ngưỡng, để đẩy lùi và nếu có thể thì hủy diệt Cách mạng Pháp. Ngày 16.11. 1792, nhằm tranh thủ cảm tình của các thương gia Antwerpen về với Pháp, Quốc ước hội nghị ra sắc lệnh mở sông Scheldt cho mọi người được lưu thông – trong khi Hòa ước Westfalen [*Anh, Westphalia*] (1648) chỉ dành riêng cho người Hà Lan – Hà Lan chuẩn bị kháng cự.

Các vua chúa châu Âu xem lời hứa của Quốc ước hội nghị như một lời tuyên chiến chống lại mọi vị vua và lãnh chúa phong kiến. Đệ nhất Liên minh chống lại nước Pháp bắt đầu thành hình.

Quốc ước hội nghị quyết định đốt tất cả các cây cầu sau lưng mình bằng cách mang Louis XVI ra xử về tội mưu phản. Kể từ ngày 10 tháng Tám, nhà tù Temple là nơi giam giữ bán nhân đạo phần lớn hoàng gia: Đức vua, 38 tuổi; Hoàng hậu, 37; em gái ông, “Phu nhân Élisabeth”, 28; con gái ông, Marie-Thérèse, 14; và con trai ông, Thái tử Louis-Charles, 7 tuổi. Những người Girondin đã làm tất cả có thể để hoãn lại vụ xử, vì họ biết các bằng chứng sẽ buộc phải đưa đến chỗ kết án và hành quyết, và điều này sẽ khiến cho sự tấn công của các cường quốc vào Pháp mạnh mẽ thêm. Danton đồng ý với họ, nhưng một khuôn mặt mới trên chính trường là Louis-Antoine Saint-Just, 25 tuổi, đã tạo sự chú ý của Quốc ước hội nghị bằng lời kêu gọi sôi nổi về việc thí quân: “Louis đã chống lại nhân dân và đã thất bại. Ông ta là một kẻ dã man, một tù nhân chiến tranh ngoại quốc; các ngài đã thấy những kế hoạch phản bội của ông ta... Ông ta là kẻ sát nhân ở Bastille, ở Nancy, ở Champ-de-Mars,... ở Tuileries. Có kẻ thù nào, tên ngoại nhân nào đã gây cho các ngài nhiều tổn hại hơn?”<sup>11</sup> Lời lẽ tấn công này có thể đã khiến cho người biết suy xét tạm ngưng, nhưng vào ngày 20 tháng Mười Một, một chiếc hộp sắt được tìm thấy trong một bức tường phòng ngủ của Đức vua ở điện Tuileries và được mang đến Quốc ước hội nghị bởi Roland, người mạnh mẽ ủng hộ việc buộc tội mưu phản. Chiếc hộp chứa đựng 625 tài liệu bí mật, cho thấy những việc làm ám muội của Nhà vua với La Fayette, Mirabeau, Talleyrand, Barnave, nhiều *émigré* và các nhà báo bảo thủ. Rõ ràng là Louis, mặc dù khẳng định lòng trung thành với Hiến pháp, đã âm mưu đánh bại Cách mạng. Quốc ước hội nghị ra lệnh lấy một tấm mạng che lên bức

tượng của Mirabeau; những người Jacobin đập nát một bức tượng kỷ niệm Mirabeau trong câu lạc bộ của họ. Barnave bị bắt ở Grenoble; La Fayette chạy trốn ra đạo quân của mình; Talleyrand, bao giờ cũng vậy, trốn thoát được. Ngày 2 tháng Mười Hai, một số đại biểu từ các khu vực bầu cử xuất hiện trước Quốc ước hội nghị và yêu cầu xét xử Đức vua ngay lập tức. Chẳng bao lâu Công xã Paris cũng gửi những lời thỉnh nguyện với cùng mục đích. Ngày 3 tháng Mười Hai, Robespierre gia nhập những người kêu gọi. Marat truyền đi một bản kiến nghị, yêu cầu mọi sự biểu quyết trong vụ xử phải được thực hiện bằng lời nói và ở nơi công cộng— điều này sẽ phò mặc những người thuộc phái Girondin đang do dự cho những *sansculottes* quá khích tại các hành lang [ở Quốc ước hội nghị] hay ngoài đường phố định đoạt.

Việc xử án bắt đầu vào ngày 11.12. 1792, trước sự tham gia đông đủ của các đại biểu Quốc ước hội nghị. Theo Sébastien Mercier, một đại biểu: “phía sau lưng phòng xử được biến thành các lô, như trong rạp hát, nơi đó các quý bà trong những bộ xiêm y quyến rũ nhất đang ăn kem cùng với những trái cam và uống những ly rượu mùi... Người ta có thể nhìn thấy những người xếp chỗ... đang dẫn đường cho các cô nhân tình của Công tước Orléans.”<sup>12</sup> Người ta cho Đức vua xem một số trong các giấy tờ được tìm thấy trong chiếc hộp; ông phủ nhận chữ ký của mình và nói không hề biết đến cái hộp này. Ông trả lời các câu hỏi bằng cách viện cớ trí nhớ lầm lẫn hay đẩy trách nhiệm cho các bộ trưởng của ông. Ông xin được hoãn vụ xử lại bốn ngày để có thể thuê luật sư. Chrétien de Malesherbes, người đã bảo vệ cho các triết gia và bộ *Encyclopédie* dưới triều Louis XV, xin được biện hộ cho Đức vua. Louis buồn bã chấp nhận, bảo rằng: “Sự hy sinh của anh còn vĩ đại hơn nữa vì anh đang liều mạng sống của mình, dù cho anh không thể cứu được mạng của ta.”<sup>13</sup> (Malesherbes bị chém đầu vào tháng Tư 1794). Trong lúc đó đại diện của

các cường quốc bên ngoài đề nghị mua một số lá phiếu cho Đức vua. Danton đồng ý phục vụ như một đại lý mua hàng; nhưng số tiền đòi hỏi vượt quá mức mà các vị quân vương chịu bỏ ra.<sup>14</sup>

Ngày 26 tháng Mười Hai, Romain de Sèze trình bày lời biện hộ. Ông biện luận rằng Hiến pháp không ban quyền cho các đại biểu xét xử Đức vua; việc ông ta chiến đấu giữ mạng sống của mình là nằm trong những quyền làm người của ông ta. Ông ta đã là một trong những người rộng lượng và nhân đạo nhất và một trong những nhà cai trị có tư tưởng tự do nhất từng ngồi trên ngai vàng nước Pháp. Chẳng lẽ các vị đại biểu đã quên mất nhiều cải cách của ông ta? Chẳng lẽ ông đã không mở màn cho cuộc Cách mạng bằng cách triệu tập Hội nghị Quốc dân đại biểu và mời mọi người Pháp kể cho ông hay những sai lầm và mong muốn của họ? Các công tố viên đáp lại rằng Đức vua đã thương lượng với các cường quốc bên ngoài để đánh bại Cách mạng. Tại sao phải tạo ra một ngoại lệ chỉ vì người có tội phản bội được thừa kế ngai vàng? Chừng nào mà ông ta còn sống, các âm mưu sẽ được sắp đặt để phục hồi những quyền lực trước thời Cách mạng cho ông. Sẽ là việc tốt khi nêu một tấm gương cho tất cả các ông vua soi vào trước khi phản bội những hy vọng của dân tộc họ.

Việc biểu quyết về tội của Đức vua bắt đầu vào ngày 15.1.1793. Trong tổng số 749 thành viên có 683 người, kể cả người anh em họ của vua là Philippe d'Orléans, tuyên bố kết tội.<sup>15</sup> Một bản kiến nghị muốn trình lời tuyên án này cho nhân dân Pháp để phê chuẩn hoặc bác bỏ thông qua các hội nghị cấp cơ sở [của các cử tri được bầu ra] bị Robespierre, Marat, và Saint-Just chống đối, và bị đánh bại bởi tỷ lệ 424 phiếu chống lại 287 phiếu. “Một lời kêu gọi dân chúng”, Saint-Just nói, “Sẽ không phải là sự nhắc nhở chế độ quân chủ hay sao?” Từ lâu Robespierre đã hô hào chế độ dân chủ và quyền phổ thông đầu phiếu cho nam giới, nhưng giờ đây ông do dự không muốn tin tưởng vào việc này. “Đức hạnh”, ông nói (có nghĩa

là lòng nhiệt thành với chế độ cộng hòa), “đã luôn nằm trong bộ phận thiểu số trên đời này.”<sup>16</sup>

Vào ngày 16 tháng Một, khi câu hỏi cuối cùng được đặt ra, “Louis XVI, Vua của dân Pháp, phải chịu bản án như thế nào?” cả hai phe nhóm đã xung đột thành bạo động trên đường phố. Tại đó cũng như trong các hành lang, đám đông đòi phải tuyên án tử, và đe dọa mạng sống của bất cứ ai biểu quyết cho hình phạt nào nhẹ hơn. Có những đại biểu, tối hôm trước còn nguyện sẽ không bao giờ yêu cầu hành quyết Đức vua, giờ đây lo sợ cho chính tính mạng của mình, đã biểu quyết án tử hình. Danton chịu thua. Paine cương quyết. Philippe d’Orléans, sẵn sàng kể tặc người anh họ mình, biểu quyết trừ khử ông ta. Marat biểu quyết “xử tử trong vòng 24 giờ”. Robespierre, người luôn chống lại tội tử hình, giờ đây biện luận rằng một ông vua còn sống sẽ là mối nguy hiểm cho chế độ cộng hòa.<sup>17</sup> Condorcet kêu gọi bãi bỏ án tử hình bây giờ và mãi mãi. Brissot cảnh báo rằng một phán quyết tử hình sẽ khiến tất cả các vua chúa của châu Âu khai chiến với nước Pháp. Vài đại biểu thêm vào lời nhận xét khi biểu quyết: Paganel nói: “Chết! – một ông vua chỉ có ích khi chết đi”; Millaud nói: “Hôm nay, nếu thần chết không có, phải tạo ra ông ta” – vang vọng lời của Voltaire về Thượng đế.<sup>i</sup> Duchâtel, đang hấp hối, cho người đưa mình đến tòa án, biểu quyết chống lại việc tử hình Louis, rồi chết.<sup>18</sup> Kết quả sau cùng được đếm là 361 ủng hộ án tử hình, 334 ủng hộ việc giảm tội.

Ngày 20 tháng Một, một cựu thành viên của đội Cận vệ quân đã giết chết Louis-Michel Lepeletier de Saint-Fargeau, người đã biểu quyết án tử hình. Ngày 21 tháng Một, một chiếc xe ngựa bốn bánh vây quanh bởi một đội hộ tống vũ trang, chạy dọc theo các đường phố có Vệ binh Quốc gia sắp thành hàng, đưa Louis XVI đến Quảng trường Cách mạng

---

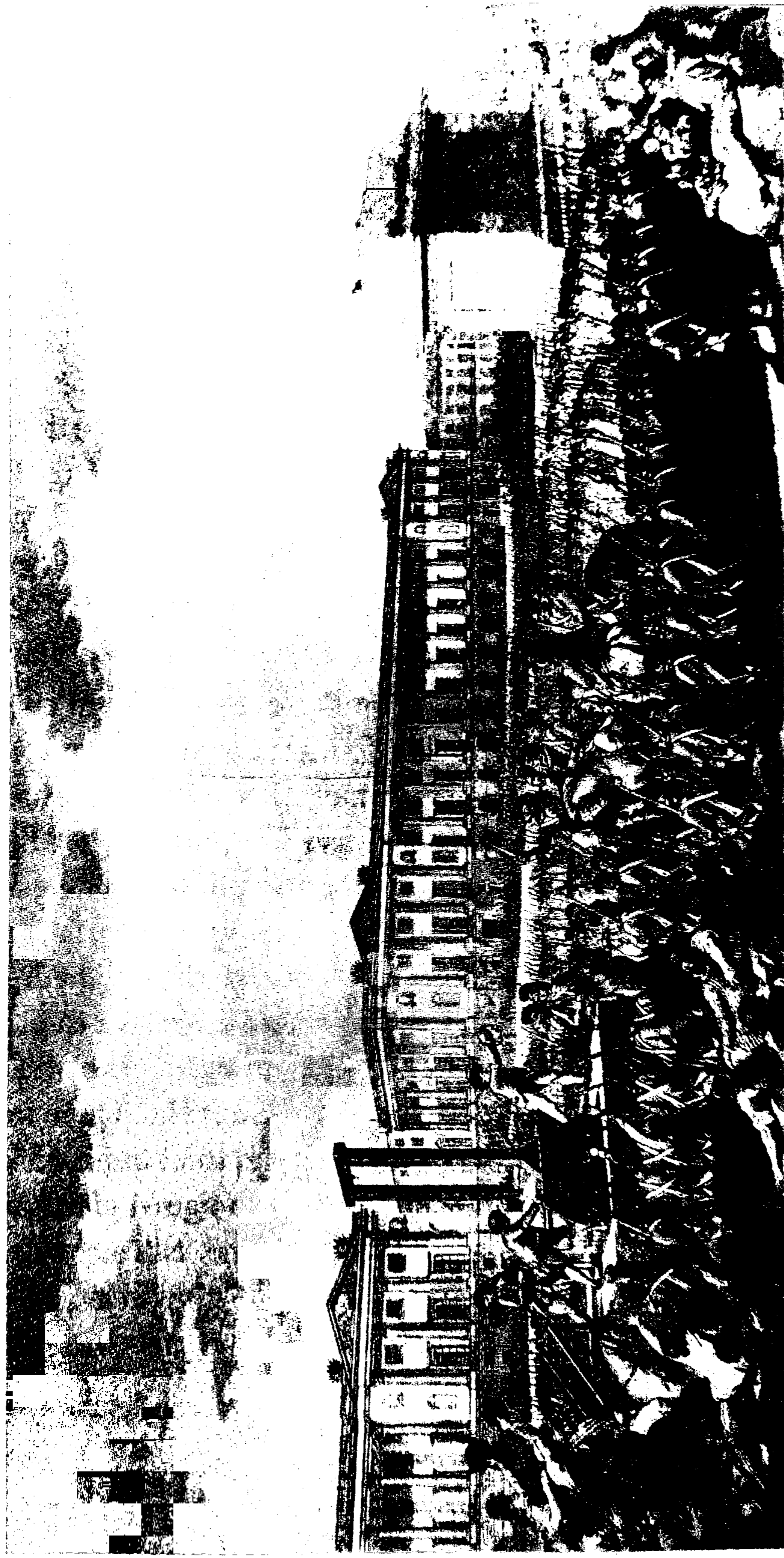
i Nguyên văn lời của Voltaire: “Si Dieu n’existait pas, il faudrait l’inventer.” (Nếu không có Thượng đế, phải tạo ra ông ta).

(ngày nay là Place de la Concorde - Quảng trường Đoàn kết). Đứng trước máy chém ông cố nói với đám đông: “Hỡi các thần dân Pháp, ta chết vô tội. Chính từ nơi đoạn đầu đài, vào lúc gần đi gặp Thượng đế mà ta nói với các người như vậy. Ta tha thứ cho những kẻ thù của mình. Ta muốn rằng nước Pháp...” nhưng vào lúc ấy Santerre, chỉ huy Vệ binh Quốc gia Paris, kêu lên: “*Tambours!*” [Trống!] và những chiếc trống đã lấn át những lời còn lại. Dân chúng đứng nhìn trong sự im lặng ủ rũ khi lưỡi dao nặng nề rơi xuống, cắt qua thịt xương. “Ngày hôm ấy”, một người được mục kích sau này kể lại, “mọi người bước đi chậm chậm, và chúng tôi hầu như không dám nhìn nhau.”<sup>19</sup>

## II. Cuộc cách mạng thứ nhì: 1793

Việc hành quyết Đức vua là một chiến thắng cho nhóm Núi, cho Công xã, và cho chính sách chủ chiến. Nó đoàn kết “những kẻ thí quân” lại trong một gấn bó sinh tử với Cách mạng, vì họ sẽ là những nạn nhân được chọn lọc của một cuộc phục hưng dòng họ Bourbon. Nó khiến cho những người Girondin bị chia rẽ và tuyệt vọng. Họ đã chia rẽ khi biểu quyết; giờ đây họ đi giữa Paris lòng lo sợ cho mạng sống của mình và mong có được cảnh hòa bình và trật tự ở các tỉnh. Roland, đau yếu và vỡ mộng, từ nhiệm khỏi Hội đồng Hành pháp ngay hôm sau ngày hành quyết Đức vua. Hòa bình, những tưởng là điều có thể do Áo và Phổ đang miệt mài với việc chia cắt Ba Lan, giờ đây trở nên không thể có được do các vua chúa Âu châu giận dữ vì một trong các người anh em của họ bị chém đầu.

Tại Anh, Thủ tướng William Pitt, người đã nghĩ đến việc khai chiến với Pháp, nhận thấy hầu như mọi sự chống đối chính sách này đã biến mất khỏi Nghị viện và khỏi một công chúng đang lấy làm sửng sốt bởi các tin tức cho thấy chính bản thân nhà vua cũng bị đặt nằm dưới máy chém – cứ như chính họ, qua các tổ tiên của mình, đã không hề vung lưỡi rìu



Hình 14: Cuộc hành hình Louis XVI (Isidore-Stanislas Helman & Antoine-Jean Duclos khắc theo tranh của Charles Monnet, 1794)

vào cổ Charles I.<sup>i</sup> Dĩ nhiên, lý do thật sự của Pitt là việc nước Pháp làm bá chủ Antwerpen sẽ cho kẻ thù cũ của nước Anh chìa khóa đi vào sông Rhein – con đường giao thương chủ yếu của Anh với Trung Âu. Mỗi nguy hiểm ấy càng gia tăng khi, vào ngày 15.12. 1792, Quốc ước hội nghị ban hành sắc lệnh sáp nhập Bỉ vào nước Pháp. Giờ đây con đường được mở rộng cho việc kiểm soát của Pháp đối với Hà Lan và miền Rheinland; toàn bộ thung lũng giàu có và đông đúc dân cư ấy có thể bị đóng cửa đối với một nước Anh sống nhờ xuất khẩu các sản phẩm của một nền công nghiệp đang bành trướng. Ngày 24.1. 1793, Pitt trục xuất đại sứ Pháp; ngày 1 tháng Hai, Quốc ước hội nghị tuyên chiến với cả Anh và Hà Lan. Ngày 7 tháng Ba, Tây Ban Nha nhập bọn với họ và Đệ nhất Liên minh – gồm Phổ, Áo, Sardegna, Anh, Hà Lan, Tây Ban Nha – bắt đầu giai đoạn thứ hai trong nỗ lực kèm chế cuộc Cách mạng.

Một loạt các thảm họa đã khiến Quốc ước hội nghị chậm nhận ra những khó khăn phải đối mặt. Các đạo quân Cách mạng đã nghỉ ngơi sau những chiến thắng ban đầu; hàng ngàn quân tình nguyện xuất ngũ sau khi phục vụ hết thời hạn đăng ký; tổng số binh lính ở mặt trận phía đông đã giảm từ 400.000 xuống còn có 225.000 và số quân còn lại này, do sự thiếu khả năng và tham lam của những nhà thầu mà Dumouriez đã bảo vệ và bòn rút, được nuôi dưỡng và trang bị rất thiếu thốn. Các tướng lĩnh liên tục làm ngơ trước những chỉ thị do chính phủ gửi đến. Ngày 24 tháng Hai, Quốc ước hội nghị phải viện đến chế độ cưỡng bách tòng quân để lập ra những đạo quân mới, nhưng ưu đãi cho người giàu bằng cách cho phép họ thuê người khác thay thế. Những vụ nổi loạn chống lại chính sách cưỡng bách tòng quân nổ ra tại nhiều tỉnh. Ở Vendée, sự bất mãn đối với lệnh cưỡng bách tòng quân và tình trạng thực phẩm khan hiếm, đắt đỏ, kết hợp với sự tức giận những điều luật chống Công giáo làm

---

i Charles I (1600 – 1649): Vua của England, Scotland, và Ireland từ năm 1625 đến lúc bị kết tội phản bội và xử tử vào năm 1649.

cho cuộc nổi loạn lan tràn tới mức chính phủ phải điều một đạo quân từ mặt trận về để kiểm soát tình hình. Ngày 16 tháng Hai, Dumouriez dẫn hai vạn quân xâm chiếm Hà Lan; những trung đoàn ông để lại như một đơn vị đồn trú ở Bỉ bị một lực lượng của Áo dưới quyền chỉ huy của Vương tước Sachsen-Coburg đánh úp và tiêu diệt. Chính Dumouriez cũng bị đánh bại ở Neerwinden (ngày 18 tháng Ba) và vào ngày 5 tháng Tư ông đào ngũ sang phía Áo cùng 1.000 quân. Trong tháng này, các đại biểu của Anh, Phổ, và Áo đã gặp nhau và đưa ra những kế hoạch khuất phục nước Pháp.

Các khó khăn trong nước cộng với những thất bại ở nước ngoài đe dọa làm sụp đổ chính phủ Pháp. Mặc dù chính phủ đã tịch thu các tài sản của Giáo hội và những người *émigré*, các tín phiếu mới mất giá hầu như sau mỗi đêm. Được đánh giá ở mức 47% so với mệnh giá vào tháng Tư 1793, ba tháng sau chúng rơi xuống còn 33%.<sup>20</sup> Những loại thuế mới bị phản đối rộng rãi tới mức chi phí dùng cho công tác thu thuế hầu như tương đương với tiền thuế thu được. Những công trái bắt buộc (tính đến 20 – 25.5. 1793) bóc lột giai cấp tư sản đang lên. Khi giai cấp này dùng những người Girondin để bảo vệ quyền lợi của mình trong chính phủ, nó càng đào sâu thêm sự xung đột giữa phái này và nhóm Núi trong Quốc ước hội nghị. Danton, Robespierre, và Marat đã lôi kéo Câu lạc bộ Jacobin từ các chính sách tư sản ban đầu của nó sang những ý tưởng cấp tiến hơn. Công xã, giờ đây do Pierre Chaumette và Jacques Hébert lãnh đạo, sử dụng tờ báo hung hăng của Hébert, tờ *Père Duchesne*, để khích động thành phố và dồn dập yêu cầu Quốc ước hội nghị đánh thuế đảm phụ lên người giàu. Ngày này qua ngày khác, Marat khai chiến với phái Girondin như những kẻ bảo vệ cho người giàu có. Tháng Hai 1793, Jacques Roux và Jean Varlet dẫn đầu một nhóm gồm những người vô sản “Enragés” [giận dữ, hung hăng] tấn công vào việc giá bánh mì tăng cao và nhấn mạnh rằng Quốc ước hội nghị nên định ra mức giá tối đa cho các

nhu yếu phẩm. Bị rối trí bởi một núi các vấn đề, Quốc ước hội nghị giao lại công việc năm 1793 cho các ủy ban. Những quyết định của các ủy ban này sẽ được họ chấp thuận với sự tranh luận tối thiểu.

Phần lớn các ủy ban này được giao cho những lĩnh vực hoạt động và quy định đặc thù: nông nghiệp, công nghiệp và thương mại, kế toán, tài chính, giáo dục, phúc lợi, hay thuộc địa. Thường được điều hành bởi các nhà chuyên môn, các ủy ban đã làm được rất nhiều việc, thậm chí giữa cơn khủng hoảng đang gia tăng. Họ dự thảo một bản hiến pháp mới và để lại một di sản lập pháp có tính cách xây dựng giúp cho Bonaparte tạo thành bộ Luật Napoléon.

Để bảo vệ chống lại các đặc vụ nước ngoài, âm mưu lật đổ trong nước, và các tội về chính trị, Quốc ước hội nghị bổ nhiệm một Ủy ban An ninh Tổng quát (10.3. 1793) như một nha cảnh sát quốc gia, với quyền hành tuyệt đối về mặt thực tế, có thể khám nhà mà không báo trước và bắt giữ bất cứ ai bị nghi ngờ phản bội hay phạm tội ác. Các ủy ban giám sát bổ sung cũng được thành lập tại các công xã và các khu vực của các thành phố.

Cũng vào ngày 10 tháng Ba, Quốc ước hội nghị thành lập một Tòa án Cách mạng để xét xử những kẻ tình nghi được đưa tới. Những người này được phép có luật sư biện hộ, nhưng phán quyết của các bồi thẩm sẽ không bị chống án hay xét lại. Ngày 5 tháng Tư, Quốc ước hội nghị bổ nhiệm Antoine-Quentin Fouquier-Tinville làm công tố viên chính trước Tòa án. Đây là một luật sư nổi tiếng với tài điều tra và thẩm tra một cách tàn nhẫn, nhưng đôi lúc cũng có thể có những tình cảm nhân đạo.<sup>21</sup> Tuy nhiên, chúng ta chỉ nhìn thấy ông qua một bản chạm khắc với khuôn mặt như điều hâu và chiếc mũi như một thanh kiếm. Ngày 6 tháng Tư, Tòa án bắt đầu xét xử tại Palais de Justice [Pháp đình]. Vì chiến tranh vẫn tiếp diễn, và số người được gửi đến để xét xử trở nên đông đảo tới mức không quản lý nổi, nên Tòa án ngày

càng rút ngắn các thủ tục pháp lý và có xu hướng sớm tuyên án là có tội đối với hầu hết các trường hợp do Ủy ban An ninh Công cộng gửi đến.

Ủy ban An ninh Công cộng [Comité de Salut Public] được thành lập ngày 6.4. 1793, thay thế cho Hội đồng Hành pháp và trở thành cánh tay phải của nhà nước. Đó là một nội các chiến tranh; nó phải được xem không như một nội các dân sự thừa nhận những kìm chế của hiến pháp, mà như một cơ quan được cho phép lãnh đạo và chỉ huy một cách hợp pháp một quốc gia đang chiến đấu để sống còn. Quyền hành của cơ quan này chỉ bị giới hạn bởi trách nhiệm trước Quốc ước hội nghị; những quyết định của nó phải được đệ trình lên Quốc ước hội nghị, vốn trong hầu hết mọi trường hợp đều biến chúng thành các sắc lệnh. Ủy ban An ninh Công cộng kiểm soát chính sách ngoại giao, các đạo quân và các tướng lĩnh, các công chức dân sự, các ủy ban về tôn giáo và nghệ thuật, sở mật vụ của nhà nước. Cơ quan này có thể mở xem các thư từ tư cũng như công; sử dụng những quỹ bí mật và thông qua các “đại diện công tác” của mình, và kiểm soát chuyện sống chết ở các tỉnh. Cơ quan này họp trong các phòng của Pavillon de Flore [Lầu Flore] nằm giữa điện Tuileries và sông Seine, và tụ họp lại để bàn bạc chung quanh một “chiếc bàn xanh lục” vốn trong suốt một năm là trụ sở của chính phủ Pháp.

Là người đứng đầu cơ quan này cho đến ngày 10 tháng Bảy, lần thứ hai Danton được chọn để lãnh đạo quốc gia trong cơn nguy cấp. Ông lập tức bắt đầu bằng cách thuyết phục các đồng nghiệp của mình, rồi đến Quốc ước hội nghị, rằng chính phủ nên công khai từ chối bất cứ ý định muốn xen vào chuyện nội bộ của bất cứ quốc gia nào khác.<sup>22</sup> Theo lời ông thúc giục, và trước sự phản đối của Robespierre, Quốc ước hội nghị gửi đi các sáng kiến hòa bình đến từng nước trong Liên minh. Ông thuyết phục Công tước Braunschweig ngưng tiến quân, và thành công trong việc dàn xếp một liên minh với Thụy Điển.<sup>23</sup> Ông cố gắng lần nữa dàn hòa nhóm Núi với phái Girondin, nhưng những khác biệt giữa hai bên đã quá sâu.

Marat tấn công dữ dội hơn vào phái Girondin với sự mãnh liệt ngày càng tăng khiến họ tìm cách đạt được một sắc lệnh của Quốc ước hội nghị đưa ông ra xử trước Tòa án Cách mạng về tội hô hào sát hại và độc tài. Tại phiên toà xét xử ông, một đám đông những *sansculottes* tụ tập trong Pháp đình và những đường phố kế bên, nguyện “trả thù cho bất cứ sự phung hại nào gây ra cho người bảo vệ yếu đuối của họ”. Khi những người bồi thẩm sợ hãi tha cho ông ta, họ kiêu ông một cách đắc thắng trên vai và đưa đến Quốc ước hội nghị. Tại đây họ đe dọa trả thù những ai buộc tội ông. Từ đấy ông được đưa đi qua đám đông reo mừng đến Câu lạc bộ Jacobin, nơi ông được tôn lên ngồi trên ghế chủ tọa.<sup>24</sup> Ông tiếp tục chiến dịch của mình, đòi loại những người Girondin ra khỏi Quốc ước hội nghị như những kẻ phản bội Cách mạng.

Ông đạt được một chiến thắng tạm thời khi Quốc ước hội nghị, chịu tác động của những phản đối và cảnh báo của phái Girondin, ban hành một giá tối đa cho các loại ngũ cốc trong từng giai đoạn của quy trình đi từ người sản xuất đến người tiêu thụ và ra lệnh cho các nhân viên chính phủ trưng thu tất cả nông sản của người trồng trọt cần thiết cho việc đáp ứng nhu cầu của nhân dân.<sup>25</sup> Ngày 29 tháng Chín, các biện pháp này được mở rộng thành một mức “tối đa chung”, quy định giá cả của mọi hàng hóa cơ bản.<sup>26</sup> Cuộc chiến muôn thuở giữa người sản xuất và người tiêu thụ giờ đây được làm nổi bật lên; nông dân nổi loạn chống lại việc trưng thu hoa màu của họ;<sup>27</sup> sức sản xuất sụt giảm vì người ta cảm thấy động cơ lợi nhuận bị ngăn chặn vì những luật lệ mới; một “thị trường chợ đen” phát triển, cung cấp với giá cao cho những ai có khả năng trả tiền. Những ngôi chợ tuân theo chỉ thị về giá cả tối đa không còn ngũ cốc và bánh mì; những cuộc nổi loạn vì đói lại lan tràn khắp các đường phố.

Những người Girondin, oán giận cay đắng việc quần chúng thuộc tầng lớp dưới ở Paris làm áp lực lên Quốc ước hội nghị, kêu gọi các cử tri trung lưu của họ ở các tỉnh cứu

giúp mình khỏi sự chuyên chế của đám bình dân. Ngày 4.5.1793, Vergniaud viết cho các cử tri của mình ở Bordeaux: “Tôi kêu gọi các bạn hãy đến ngay diễn đàn để bảo vệ chúng tôi, nếu còn thời gian, để bảo thù cho tự do bằng cách diệt trừ những kẻ chuyên chế”;<sup>28</sup> và Barbaroux cũng viết những lời tương tự gửi cho những người ủng hộ mình ở Marseilles. Tại đó và tại Lyon những người thuộc phe thiểu số tư sản đã liên kết với những nhà quý tộc cũ để trục xuất các thị trưởng thuộc phe cấp tiến.

Ngày 18 tháng Năm, các đại biểu Girondin đã thuyết phục Quốc ước hội nghị bổ nhiệm một ủy ban để xem xét các hoạt động của Công xã Paris và các khu phố của họ trong mưu toan tác động tới quy trình lập pháp. Toàn thể các thành viên của ủy ban là người Girondin. Ngày 24 tháng Năm, Quốc ước hội nghị ra lệnh bắt giữ Hébert và Varlet như là những kẻ khích động quần chúng; có 16 khu phố của Công xã đồng thanh yêu cầu thả họ ra; Quốc ước hội nghị từ chối. Ngày 26 tháng Năm, tại Câu lạc bộ Jacobin, Robespierre thúc giục các công dân nổi loạn: “Khi nhân dân bị áp bức, khi họ không biết tựa vào đâu ngoài chính bản thân mình, kẻ nào không kêu gọi họ nổi dậy sẽ là một kẻ hèn nhát. Khi mọi luật pháp bị vi phạm, khi chủ nghĩa chuyên chế lên đến cực điểm, khi thiện ý và sự đứng đắn bị chà đạp dưới chân, nhân dân phải đứng lên khởi nghĩa. Giờ phút ấy đã đến.”<sup>29</sup> Ngày 27 tháng Năm, tại Quốc ước hội nghị, Marat yêu cầu bãi bỏ ủy ban “vì thù địch với tự do và có xu hướng khiêu khích nhân dân nổi dậy, là chuyện xảy ra đến nơi, do quý vị đã cầu thả để cho hàng hóa lên giá thái quá”. Đêm ấy nhóm Núi đạt được việc thông qua biện pháp bãi bỏ ủy ban; các tù nhân được trả tự do; nhưng ngày 28 tháng Năm, những người Girondin tái lập ủy ban với số phiếu 279 chống 238. Ngày 30 tháng Năm, Danton liên kết với Robespierre và Marat kêu gọi “lòng hăng hái cách mạng”.

Ngày 31 tháng Năm, các khu phố vang lên tiếng chuông kêu gọi công dân nổi dậy. Họ tập hợp tại Tòa Đô chính,

thành lập một hội đồng khởi nghĩa và đạt được sự ủng hộ của Vệ binh Quốc gia Paris dưới quyền của vị chỉ huy cấp tiến Hanriot. Được bảo vệ bởi những người này cùng một đám đông ngày càng tăng, hội đồng mới thành lập tiến vào hội trường của Quốc ước hội nghị và yêu cầu những người Girondin phải bị buộc tội trước Tòa án Cách mạng; rằng giá bánh mì phải được quy định là ba xu một pound [0,453 kg] trên khắp nước Pháp; rằng khoản tiền thâm hụt phát sinh sẽ được trang trải bằng một thứ thuế đánh lên người giàu; và rằng quyền bỏ phiếu tạm thời được dành riêng cho những người *sansculottes*.<sup>30</sup> Quốc ước hội nghị chỉ chấp nhận giải tán lần thứ hai cái ủy ban bị oán ghét. Các bên lâm chiến rút lui để nghỉ đêm.

Quay lại Quốc ước hội nghị ngày 1 tháng Sáu, hội đồng kêu gọi bắt giữ Roland, người bị đám đông *sansculottes* đồng hóa với các quyền lợi của giới tư sản. Ông chạy trốn về miền Nam, tìm sự che chở nơi những người dân hiếu khách. Bà Roland nán lại sau, dự tính biện hộ cho ông trước Quốc ước hội nghị. Bà bị bắt và bị tổng giam vào ngục Abbaye và sẽ không bao giờ gặp lại chồng. Ngày 2 tháng Sáu, một đám đông 80.000 người gồm cả đàn ông và đàn bà, nhiều người có vũ trang, bao vây hội trường Quốc ước hội nghị và các Vệ binh chĩa họng súng đại bác vào tòa nhà. Hội đồng thông báo cho các đại biểu rằng không ai trong số họ được phép rời đi cho đến khi tất cả các đòi hỏi của hội đồng được thỏa mãn. Marat đứng trên một bục cao, gọi to tên của những người Girondin mà ông đề nghị nên bắt giữ. Một số đại biểu cố xoay xở thoát khỏi các Vệ binh và đám đông, chạy trốn về các tỉnh; 22 người bị quản thúc tại gia ở Paris. Từ hôm ấy đến ngày 26.6. 1794, Quốc ước hội nghị trở thành kẻ đày tớ ngoan ngoãn của nhóm Núi, Ủy ban An ninh Công cộng, và quần chúng Paris. Cuộc Cách mạng thứ hai đã đánh bại giai cấp tư sản và đã thiết lập, *pro tem*,<sup>i</sup> chế độ độc tài vô sản.

---

i *Latinh*, tạm thời lúc này.

Những người chiến thắng đặt ra trật tự mới bằng cách giao cho Hérault de Séchelle và Saint-Just trình bày rõ ràng chính xác một bản hiến pháp mới vốn đã được ra lệnh soạn thảo từ ngày 11.10. 1792. Bản hiến pháp phục hồi quyền phổ thông đầu phiếu cho nam công dân đến tuổi trưởng thành và thêm vào quyền cho mọi công dân được sống, được giáo dục, và được nổi dậy khởi nghĩa. Nó giới hạn các quyền sở hữu bằng cách chiếu cố đến quyền lợi công cộng. Nó tuyên bố tự do thờ phụng tôn giáo, độ lượng nhìn nhận một Đấng Tối cao và tuyên bố đạo đức là đức tin không thể thiếu của xã hội. Carlyle, người không thể nuốt nổi chế độ dân chủ, gọi nó là “bản hiến pháp dân chủ nhất từng được ghi vào mặt giấy”.<sup>31</sup> Nó được chấp thuận bởi Quốc ước hội nghị (4.6. 1793) và được phê chuẩn bởi cuộc biểu quyết của một phần tư số cử tri, 1.801.918 chống 11.610. Bản Hiến pháp 1793 này chỉ nằm trên giấy, vì ngày 10 tháng Bảy, Quốc ước hội nghị tái lập Ủy ban An ninh Công cộng như một quyền lực cai trị, đứng trên mọi hiến pháp, cho đến khi hòa bình trở lại.

### **III. Marat rời sân khấu: 13.7.1793**

Ba trong số những người Girondin tị nạn – Pétion, Barbaroux, và Buzot – tìm được nơi ẩn náu ở Caen, một thành trì ở phía bắc của lực lượng liên minh chống đối sự thống trị của Paris đối với chính phủ quốc gia. Họ diễn thuyết, tố cáo đám đông *sansculottes* và nhất là Marat, tổ chức những cuộc tuần hành phản đối, và dự định lập một đạo quân tiến về Paris.

Charlotte Corday nằm trong số những thánh giả nồng nhiệt nhất của họ. Là hậu duệ của nhà soạn kịch Pierre Corneille, sinh ra trong một gia đình quý tộc sa sút và bảo hoàng mạnh mẽ, nàng được giáo dục trong một tu viện và làm nữ tu sĩ hai năm. Bằng cách nào đó nàng đã tìm được cơ hội để đọc các tác phẩm của Plútarchos, Rousseau, thậm chí của Voltaire; nàng đánh mất đức tin và rung động vì những anh hùng thời cổ La Mã. Nàng kinh tởm khi hay tin Đức vua bị đưa

lên máy chém và lấy làm tức giận vì những lời Marat tuôn ra chửi rủa những người Girondin. Ngày 20.6. 1792, nàng đến thăm Barbaroux, lúc ấy 26 tuổi và đẹp trai đến nỗi Bà Roland ví chàng với *inamorato*<sup>i</sup> Antínoos của Hoàng đế Hadrianus. Charlotte chưa đầy 25 tuổi, nhưng nàng đang có những chuyện khác hơn là tình yêu trong đầu. Tất cả những gì nàng hỏi là một bức thư giới thiệu đến một đại biểu, người có thể dàn xếp để nàng được phép dự một buổi họp của Quốc ước hội nghị. Barbaroux đưa cho nàng một bức thư giới thiệu với Lauze Duperret. Ngày 9 tháng Bảy, nàng khởi hành đi Paris bằng xe ngựa trạm. Đến nơi ngày 11 tháng Bảy, nàng mua một con dao làm bếp có lưỡi dài 15 cm. Nàng định vào phòng họp của Quốc ước hội nghị và giết Marat ngay trên ghế ngồi, nhưng được biết Marat đang bị bệnh phải nằm nhà. Nàng tìm được địa chỉ của ông, đến nơi, nhưng bị ngăn không cho vào; Ngài đang trong bồn tắm. Nàng quay về phòng mình.

Giờ đây bồn tắm là bàn làm việc ưa thích của Marat. Căn bệnh của ông, có vẻ như là một dạng của bệnh tràng nhạc [scrofula], nặng hơn trước. Ông thấy được giảm nhẹ khi ngâm mình trong nước ấm có pha thêm các khoáng chất và được liệu đến thắt lưng. Một chiếc khăn tắm ẩm ướt vắt trên vai và một chiếc khăn sắc sỡ dầm nước giẫm buộc trên đầu ông. Trên một tấm ván bắc ngang bồn tắm ông để giấy, bút và mực và tại đây, ngày qua ngày, ông viết những tài liệu cho tập nhật ký của mình.<sup>32</sup> Ông được chăm sóc bởi người em gái là Albertine và, từ năm 1790, bởi Simonne Évrard. Cô này bắt đầu làm việc với tư cách người hầu và đến năm 1792 trở thành người vợ trong hôn nhân thực tế của ông. Ông cưới nàng mà không có lễ ban phước của giáo sĩ, “trước Đấng Tối cao, trong ngôi đền rộng lớn của Tự nhiên”.<sup>33</sup>

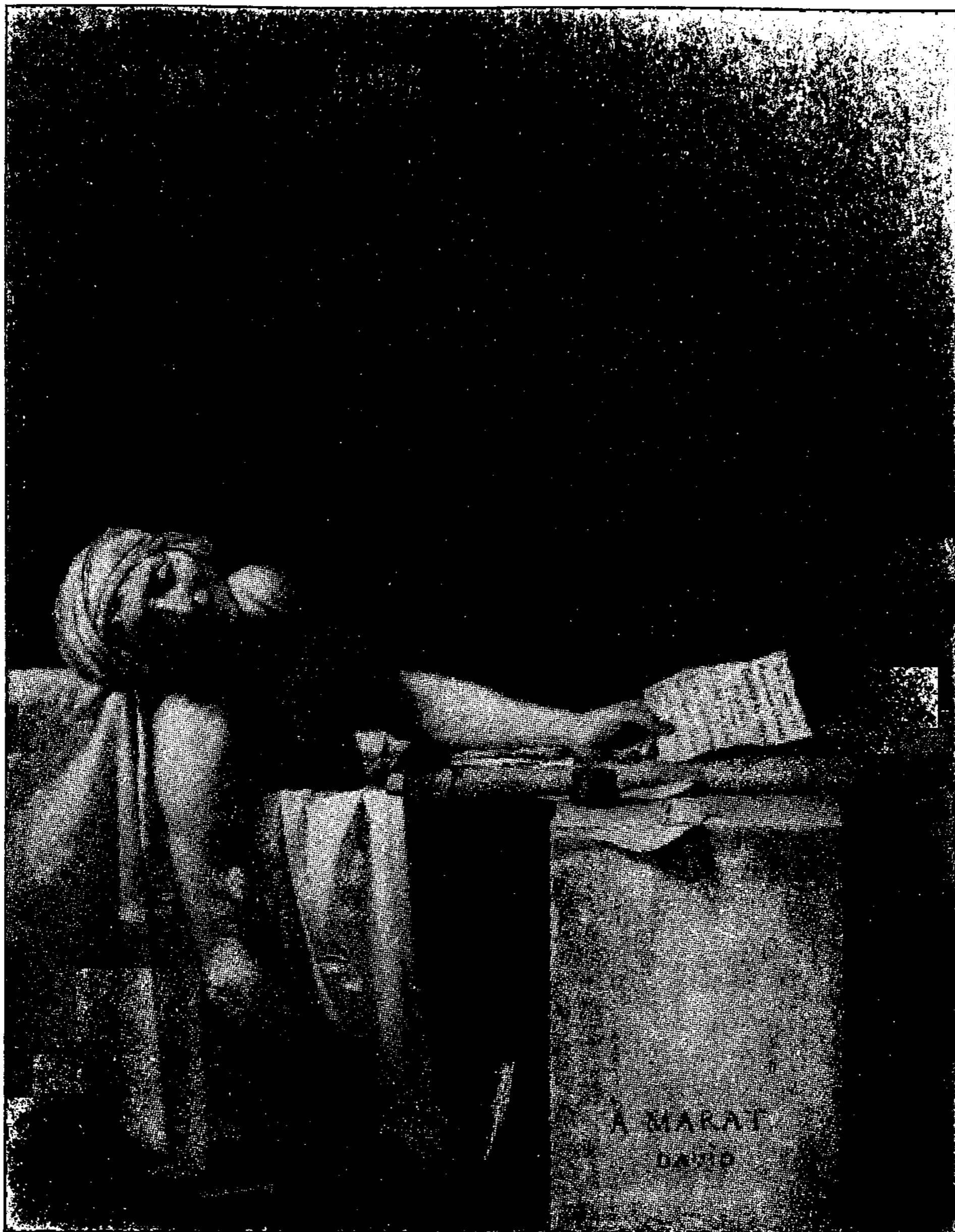
Từ phòng mình, Charlotte gửi một bức thư cho Marat xin được hội kiến. “Tôi đến từ Caen. Tình yêu của ông đối với dân tộc hân phải làm cho ông nóng lòng muốn biết những âm

---

i Ý, người yêu, người tình nam giới

mưu đang được bày đặt ở đây. Mong được ông phúc đáp.”<sup>34</sup> Nàng không thể chờ. Tối ngày 13 tháng Bảy, nàng lại đến trước nhà ông gõ cửa. Nàng lại bị từ chối, nhưng Marat, nghe được giọng nàng, gọi vọng ra bảo để nàng vào. Ông tiếp nàng lịch sự và mời nàng ngồi. Nàng mang chiếc ghế tựa đến ngồi sát ông. “Chuyện gì đang xảy ra ở Caen?”, ông hỏi (hoặc theo lời sau này nàng kể lại cuộc đối thoại lạ lùng của họ). “Mười tám đại biểu Quốc ước hội nghị”, nàng trả lời, “thống trị ở đó trong cảnh xung đột với các viên chức của tỉnh”. “Tên họ là gì?” Nàng kể tên họ; ông viết lại và đưa ra lời phán quyết: “Chúng sẽ sớm bị chém đầu.” Tối đây nàng rút dao ra và đâm vào ngực ông mạnh đến nỗi xuyên thấu động mạch chủ; máu trào ra từ vết thương. Ông gọi to cho Simone: “*À moi, ma chère amie, à moi!*” [Cứu anh với, em yêu, cứu anh với!]. Simone đến và ông chết trong tay nàng. Charlotte chạy vội ra khỏi phòng, nhưng bị một người đàn ông cầm một chiếc ghế tựa đánh ngã xuống và chặn lại. Người ta gọi cảnh sát đến và mang nàng đi. “Tôi đã làm bốn phận của mình”, nàng nói, “hãy để họ làm bốn phận của họ.”<sup>35</sup>

Chắc hẳn Marat phải có một số phẩm chất tốt đẹp mới có thể làm cho hai người phụ nữ đối nghịch nhau cùng thương yêu ông trong sự hòa hợp. Em gái ông đã dành những năm còn lại của mình để thánh hóa ký ức về ông. Từng là một bác sĩ phát đạt, lúc chết đi ông không để lại gì ngoài vài bản thảo khoa học và 25 xu.<sup>36</sup> Ông đã là một người cuồng tín, nhưng là một người tận tụy đầy cuồng tín cho đám đông quần chúng mà tự nhiên và lịch sử đã bỏ quên. Câu lạc bộ Cordelier bảo tồn trái tim của ông như một thánh tích, và hàng ngàn người đến chiêm ngưỡng nó với sự “tôn sùng ngạt thở”.<sup>37</sup> Ngày 16 tháng Bảy, tất cả các đại biểu còn lại, cùng nhiều đàn ông và đàn bà từ các khu phố cách mạng, đi theo linh cữu của ông đến nơi được chôn cất trong những khu vườn của Tu viện Cordeliers. Bức tượng của ông, do David tạc, được dựng trong phòng họp của Quốc ước hội nghị; và ngày 21.9. 1794, di hài của ông được đưa đến điện Panthéon.



Hình 15: Marat bị ám sát (Jacques-Louis David, 1793)

Phiên toà xử Charlotte rất ngắn ngủi. Nàng nhìn nhận việc làm của mình, nhưng không nhận tội. Nàng bảo mình chỉ báo thù cho những nạn nhân của những cuộc Tàn sát tháng Chín và những mục đích khác khiến nàng căm hận Marat: “Tôi giết một người để cứu một trăm ngàn người.”<sup>38</sup> Trong một bức thư gửi Barbaroux nàng quả quyết một cách thẳng thắn rằng “cứu cánh biện minh cho phương tiện.”<sup>39</sup> Chỉ ít giờ sau khi bị kết án, nàng bị hành quyết tại Place de la Révolution [Quảng trường Cách mạng]. Nàng kiêu hãnh đón nhận những lời nguyên rủa của đám đông tham dự và từ chối lời đề nghị giúp đỡ của một linh mục muốn làm lễ rửa tội cho mình.<sup>40</sup>

Nàng chết trước khi nhận ra hành vi của mình đã gây tai hại đến mức nào cho những người Girondin mà nàng nghĩ là đã phục vụ. Vergniaud, khi lên tiếng cho họ, đã nhận ra điều đó, và tha thứ cho nàng: “Cô ấy đã giết chúng tôi, nhưng cô ấy đã dạy chúng tôi nên chết như thế nào.”<sup>41</sup>

#### **IV. “Siêu ủy ban”: 1793**

Quốc ước hội nghị đã dành cho mình quyền hàng tháng duyệt xét lại tư cách thành viên của Ủy ban An ninh Công cộng. Ngày 10 tháng Bảy, khi thấy chính sách hòa bình – trong cũng như ngoài nước – của Danton thất bại, họ cách chức ông; rồi đến ngày 25 tháng Bảy, cứ như là để tỏ lòng tôn trọng ông, họ bầu ông làm chủ tịch của mình với nhiệm kỳ nửa tháng theo thông lệ. Người vợ đầu của ông đã mất hồi tháng Hai, để lại cho ông hai đứa con nhỏ. Ngày 17 tháng Sáu, ông cưới một cô gái 16 tuổi; vào thời điểm ngày 10 tháng Bảy, ông đang vui hưởng cuộc sống gia đình.

Ngày 27 tháng Bảy, Robespierre được bổ nhiệm vào Ủy ban. Danton không hề quan tâm đến ông ta. “Con người ấy”, Danton bảo, “không có đủ trí thông minh để luộc một quả trứng.”<sup>42</sup> Thế nhưng vào ngày 1 tháng Tám, ông thúc giục Quốc ước hội nghị ban cho Ủy ban quyền hành tuyệt đối. Có lẽ trong một phản ứng hối tiếc vì lời khuyên này, ông đã nhận xét với Desmoulins khi họ nhìn cảnh mặt trời lặn nhuộm đỏ sông Seine: “dòng sông đang trôi đầy máu.” Ngày 6 tháng Chín, Quốc ước hội nghị đề nghị tái bổ nhiệm ông vào Ủy ban; ông từ chối.<sup>43</sup> Mệt mỏi và đau yếu, ngày 12 tháng Mười, ông rời Paris về nghỉ ngơi tại ngôi nhà ông đã mua ở quê nhà Arcis-sur-Aube, nằm trong thung lũng sông Marne. Ngày 21 tháng Mười Một, khi ông quay lại, dòng sông Seine lênh láng máu.

Trong mùa hè ấy “Siêu Ủy ban”, như người ta bắt đầu gọi, đã mang lấy hình dáng lịch sử của nó. Giờ đây nó gồm 12 người:

tất cả đều thuộc giai cấp trung lưu, tất cả đều có trình độ giáo dục cao và có thu nhập tốt, tất cả đều quen thuộc với các triết gia và với Rousseau. Tám người trong số họ là luật sư, hai người là kỹ sư, chỉ một người trong bọn, Collot d'Herbois, là đã từng làm việc với đôi bàn tay của mình. Một chế độ độc tài vô sản không bao giờ là của những người vô sản. Chúng ta hãy điểm qua danh sách:

1. Bertrand Barère, 38 tuổi, ngoài những nhiệm vụ khác còn phụ trách trình và bảo vệ trước Quốc ước hội các quyết định do Ủy ban đặt được, biến chúng thành những sắc lệnh. Nhả nhận và có sức thuyết phục, ông biến những bản án chết người thành bài văn hùng biện và những con số thống kê thành thơ ca. Ông giúp cho vài kẻ thù sống sót, thay đổi theo làn gió chính trị và sống đến tuổi 86, đủ lâu để biết được sự vô thường của các chính phủ và các ý tưởng.

2. Jean-Nicolas Billaud-Varenne, 37 tuổi, biện luận rằng Giáo hội Công giáo là kẻ thù nguy hiểm nhất của Cách mạng và cần phải bị tiêu diệt. Ông giữ liên lạc và hòa hợp với các khu phố và với Công xã, theo đuổi các chính sách không thoả hiệp của mình với tính cố chấp dai dẳng khiến cho thậm chí các đồng sự trong Ủy ban cũng sợ ông. Phụ trách quan hệ và giao dịch thư từ với các địa phương, đứng đầu bộ máy hành chính mới và trở thành “thành viên quyền lực nhất của Ủy ban” trong một thời gian.<sup>44</sup>

3. Lazare Carnot, 40 tuổi, đã nổi tiếng là một nhà toán học và một kỹ sư công binh, phụ trách quân đội Pháp, vạch ra các chiến dịch, chỉ thị và khếp vào kỷ luật các tướng lĩnh, được mọi người kính trọng vì khả năng và tính liêm khiết. Ông là người duy nhất trong Ủy ban được ngưỡng mộ trên khắp nước Pháp ngày nay.

4. Jean-Marie Collot d'Herbois, 43 tuổi; trước đây là một diễn viên. Ông đã chịu những kìm hãm vốn đè nặng lên nghề sân khấu trước Cách mạng; không bao giờ tha thứ cho giai cấp tư sản vì đã đóng các cánh cửa trước mặt ông, hay Giáo hội



L. N. M. CARNOT.

*Né à Nolay (en Bourgogne) le 13 mai 1753.*

*Mort à Maydebourg en 1823.*

*Galerie Universelle*

*Publié par Blaisot.*

Hình 16: Lazare Nicolas Marguerite Carnot (1753 – 1823)

vì đã rút phép thông công ông, với lý do nghề nghiệp. Ông trở thành người nghiêm khắc nhất trong nhóm Mười hai khi giao thiệp với “giới quý tộc của các con buôn” và đã có lần đề nghị, như một biện pháp tiết kiệm, rằng các nhà tù Paris – vốn đầy rẫy những kẻ tình nghi, bọn đầu cơ tích trữ, và những tên trục lợi – nên bị đặt mình cho nổ tung.<sup>45</sup>

5. Georges Couthon, 38 tuổi, bị bệnh viêm màng não làm cho tàn tật đến nỗi đi đâu cũng phải được khiêng trong một chiếc ghế. Ông quy bệnh tật của mình cho việc dâm dục quá độ thời trẻ, nhưng được người vợ tôn sùng. Là người có tấm lòng tử tế và ý chí sắt đá, ông nổi bật do sự cai trị nhân đạo các địa phương quan trọng trong thời kỳ Khủng bố.

6. Marie-Jean Hérault de Séchelles, 34 tuổi, dường như bị lúng túng và lỗi nhịp giữa các *Duodecemvir*.<sup>i</sup> Ông là một người thuộc giới quý tộc áo choàng, một luật sư giàu có, được biết đến do phong cách thanh lịch và óc sắc sảo theo kiểu Voltaire. Khi cảm thấy làn sóng cách mạng dâng lên, ông tham gia cuộc tấn công ngục Bastille, soạn phần lớn bản Hiến pháp 1793, và phục vụ như một người thi hành nghiêm ngặt các chính sách của Ủy ban tại Alsace. Ông sống phong lưu, và bao một cô nhân tình dòng dõi quý tộc, cho đến khi lưỡi máy chém rơi xuống ông ngày 5.4. 1794.

7. Robert Lindet, 47 tuổi, phụ trách sản xuất và phân phối lương thực trong một nền kinh tế ngày càng bị kiểm soát, và đạt được những thành quả kỳ diệu về công tác hậu cần trong việc lo ăn mặc cho các đạo quân.

8. Claude-Antoine Prieur-Duvernois, còn được gọi là “Prieur de la Côte d’Or” [Prieur tỉnh Côte d’Or], 30 tuổi, cũng đạt được những phép lạ tương tự khi cung cấp đạn dược và quân nhu cho quân đội.

9. Pierre-Louis “Prieur de la Marne” [Prieur tỉnh Marne], 37 tuổi, tiêu tốn năng lực dữ dội của mình để đưa xứ Bretagne Công giáo và bảo hoàng về với Cách mạng một cách thành công.

10. André-Jeanbon Saint-André, 44 tuổi, dòng dõi Tin Lành và học ở Dòng Tên, trở thành thuyền trưởng của một thương thuyền, rồi một mục sư Tin Lành. Ông chỉ huy Hải quân Pháp ở Brest và dẫn đầu lực lượng này giao chiến với một hạm đội Anh.

---

<sup>i</sup> *Latinh*, quan tòa La Mã, thành viên trong đoàn 12 người.

11. Louis-Antoine Saint-Just, 26 tuổi, là khuôn mặt trẻ nhất và lạ lùng nhất trong Nhóm Mười hai, nặng giáo điều, bất khuất, và dữ dội nhất, *l'enfant terrible* [đứa con nổi loạn] của Thời kỳ Khủng bố. Được người mẹ góa nuôi dưỡng ở Picardie, được ngưỡng mộ và nuông chiều, chàng say đắm chính mình, bác bỏ mọi nguyên tắc, bỏ trốn lên Paris với những món đồ bằng bạc của mẹ, tiêu pha chúng cho những cô gái giang hồ,<sup>46</sup> bị bắt giam một thời gian ngắn, học luật, và viết một trường ca gọi tình gồm 20 khúc, tán dương hành động hăm hiếp, đặc biệt đối với các nữ tu sĩ, và ca tụng lạc thú như một thứ quyền thiêng liêng.<sup>47</sup> Đầu tiên chàng tìm thấy trong Cách mạng một sự biện minh rõ ràng cho chủ nghĩa khoái lạc của mình, nhưng những lý tưởng của nó khiến chàng đề cao chủ nghĩa cá nhân của mình lên thành một *virtus*<sup>i</sup> La Mã vốn sẽ hy sinh mọi thứ để khiến các lý tưởng này trở thành hiện thực.<sup>48</sup> Chàng biến đổi mình từ một người theo chủ nghĩa khoái lạc thành một môn đồ của phái khắc kỷ, nhưng vẫn còn là một kẻ lãng mạn cho đến tận cùng. “Vào cái ngày ấy”, chàng viết, “khi tôi thấy chắc chắn rằng ta không thể đem lại cho dân tộc Pháp những phương cách ôn hoà, mạnh mẽ, và hợp lý, kiên định chống lại chuyên chế và bất công, lúc ấy tôi sẽ tự đâm vào ngực mình.”<sup>49</sup> Trong *Republican Institutions* (1791),<sup>ii</sup> chàng biện luận rằng việc tập trung của cải là một điều nhạo báng đối với quyền tự do và bình đẳng về chính trị cũng như pháp lý. Tài sản của tư nhân phải bị giới hạn và phân tán; chính phủ nên dựa trên nền tảng những người chủ nông dân và những thợ thủ công độc lập; chính phủ phải

---

i *Latinh*, đạo đức, giá trị, sức mạnh, nam tính...

ii Không rõ bản tiếng Anh được Durant sử dụng ở trên được dịch từ tác phẩm nào của Saint-Just. Ông ta chỉ có một tác phẩm xuất bản năm 1791 là *L'Esprit de la Révolution et de la Constitution de France* (Tinh thần của Cách mạng và Hiến pháp của Pháp), trong khi nhiều ý được Durant dẫn trong đoạn này lại lấy từ *Fragments sur les institutions républicaines* (Những đoạn văn rời về các định chế cộng hòa) được xuất bản năm 1800, sau khi Saint-Just mất.

cung cấp công tác cứu trợ và giáo dục phổ cập. Các luật lệ nên ít, dễ hiểu, và ngắn gọn; “luật lệ dài dòng là tai họa cho nhân dân.”<sup>50</sup> Sau tuổi lên năm, mọi bé trai phải được nhà nước nuôi dưỡng trong sự đơn giản khổ hạnh và thanh đạm, sống bằng rau quả và được huấn luyện để sẵn sàng chiến đấu. Chế độ dân chủ thì tốt, nhưng trong thời chiến nó nên nhường lại cho chế độ độc tài.<sup>51</sup> Được bầu vào Ủy ban ngày 10.5. 1793, Saint-Just chuyên chú làm việc cật lực; chàng bác bỏ những lời đồn đoán cho rằng chàng có một cô nhân tình bằng cách biện luận rằng mình quá bận rộn không còn thời giờ cho những thú vui như vậy. Chàng thanh niên ngang ngạnh và dễ bị kích động trở thành một người giữ kỷ luật nghiêm khắc, một nhà tổ chức tài ba, một vị tướng can trường và chiến thắng. Đắc thắng trở về Paris, chàng được chọn làm Chủ tịch Quốc ước hội nghị (19.2.1794). Kiêu hãnh và tự tin, lấn lướt người khác, nhưng chàng khiêm tốn chấp nhận quyền lãnh đạo của Robespierre, bảo vệ ông ta trong cơn thất bại và – lúc mới 26 tuổi và 11 tháng – theo ông ta về cõi chết.

12. Robespierre không hoàn toàn thay thế Danton trong vai trò bộ óc chủ đạo hoặc ý chí của Ủy ban Mười hai người; Carnot, Billaud, Collot quá cứng đầu khó mà điều khiển; Robespierre không bao giờ trở thành nhà độc tài. Ông làm việc bằng sự nghiên cứu kiên nhẫn và chiến thuật quanh co hơn là ra mệnh lệnh rõ ràng. Ông duy trì sự yêu mến của đám đông *sansculottes* bằng cách sống giản dị với giới bình dân, tán dương đám đông quần chúng và bảo vệ các quyền lợi của họ. Ngày 4.4. 1793, ông trình lên Quốc ước hội nghị một bản “Dự thảo tuyên ngôn về nhân quyền và dân quyền”:<sup>i</sup>

---

i Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền (1793) được soạn thảo như phần nhập đề cho bản Hiến pháp năm I, được Quốc ước hội nghị biểu quyết ngày 24.6. 1793. Có tính cách dân chủ hơn bản Tuyên ngôn năm 1789, Tuyên ngôn lần này thêm vào một số quyền mới và điều chỉnh một số quyền cũ về giáo dục, quyền được giúp đỡ, làm việc, và khởi nghĩa chống áp bức.

Xã hội có bốn phận cung cấp sinh kế cho tất cả thành viên, hoặc bằng cách cung cấp việc làm cho họ hoặc bằng cách bảo đảm phương tiện sinh sống cho những người không thể làm việc... Việc giúp đỡ tuyệt đối cần thiết cho những ai thiếu những thứ thiết yếu là món nợ của những người có của cải dư thừa... Buộc việc phản kháng chống lại áp bức phải tùy thuộc vào những hình thức pháp lý là thủ đoạn cuối cùng của chế độ chuyên chế... Mọi thể chế không thừa nhận rằng nhân dân là tốt, và các quan toà là dễ mua chuộc, đều xấu xa đòi bại... Người dân của tất cả các quốc gia đều là anh em.<sup>52</sup>

Nhìn chung, 12 con người này không phải là những kẻ sát nhân đơn thuần như những ai hiểu biết hời hợt có thể miêu tả. Đúng là họ đã quá dễ dàng bắt chước truyền thống bạo lực truyền xuống cho họ từ những cuộc chiến tranh tôn giáo và cuộc Tàn sát đêm trước ngày lễ Thánh Barthélemy (1572);<sup>i</sup> phần lớn bọn họ đã học cách hành quyết kẻ thù của mình không chút băn khoăn, đôi khi còn lấy làm thỏa mãn về mặt đạo đức; nhưng họ cho đấy là do những nhu cầu và tục lệ của chiến tranh. Bản thân họ cũng khó tránh khỏi những bất hạnh này; bất cứ ai trong bọn họ cũng có thể bị chất vắn, truất phế, và đưa lên máy chém; nhiều người đã kết thúc như vậy. Vào bất cứ lúc nào họ cũng hứng chịu sự nổi dậy của dân chúng Paris, hoặc Vệ binh Quốc gia, hoặc một tướng lĩnh nhiều tham vọng; bất cứ một vụ thất trận quan trọng nào ở tiền tuyến hoặc tại một tỉnh nổi loạn cũng có thể xô ngã họ. Trong khi đó họ ngày đêm miệt mài làm những công việc khác nhau của mình: Từ 8 giờ sáng đến trưa ngồi ở văn phòng hay các tiểu ban; từ 1 đến 4 giờ chiều tham gia buổi họp của Quốc ước hội nghị; từ 8 giờ tối cho đến khuya tham khảo ý kiến hoặc thảo luận quanh chiếc bàn màu xanh

---

i Cuộc Tàn sát đêm trước ngày lễ Thánh Barthélemy (ngày 24–25.8. 1572): Vụ tàn sát những người Tin Lành Pháp ở Paris do Catherine de Médicis chủ mưu và thực hiện bởi các nhà quý tộc và dân chúng theo Công giáo.

lục trong phòng họp. Khi họ nhận nhiệm vụ, nước Pháp tảo tơi vì nội chiến do chủ nghĩa tư bản nổi lên ở Lyon, những cuộc nổi dậy của phái Girondin ở miền Nam, những vụ nổi loạn của Công giáo và phe bảo hoàng ở miền Tây; quốc gia bị đe dọa bởi những đạo quân ở phía Đông Bắc, phía Đông và phía Tây Nam; bị đánh bại trên đất liền cũng như trên biển, và mọi cửa khẩu đều bị phong tỏa. Khi Siêu Ủy ban sụp đổ, nước Pháp bị chế độ độc tài và khủng bố dồn ép thành một khối hợp nhất về mặt chính trị; một lớp tướng trẻ mới, được huấn luyện bài bản, và đôi khi được Carnot và Saint-Just dẫn ra trận, đã đẩy lùi quân thù trong những chiến thắng quyết định; và nước Pháp, một mình chống lại hầu như toàn thể châu Âu, đã trỗi dậy một cách đặc thắng trước mọi thứ ngoại trừ chính nó.

## **V. Thời thống trị của khủng bố: 17.9.1793 đến 28.7.1794**

### **1. Những vị thần khát máu**

Thời kỳ Khủng bố vừa là một tâm trạng tái diễn nhiều lần, vừa là một thời điểm cụ thể. Một cách chính xác, thời kỳ này bắt đầu từ ngày ban hành Luật về những kẻ tình nghi, 17.9.1793, đến khi hành hình Robespierre, 28.7.1794. Trước đó đã có đợt Khủng bố tháng Chín 1792; sau đó sẽ có đợt “Khủng bố trắng” vào tháng Năm 1795; và một đợt khủng bố khác sau khi Napoléon bị hạ bệ.

Những nguyên nhân của thời kỳ Khủng bố nổi tiếng này là mối nguy hiểm từ bên ngoài và tình trạng rối loạn từ ở trong nước, dẫn đến sự sợ hãi và rối loạn của quần chúng, sinh ra tình trạng thiết quân luật. Đế nhất Liên minh đã tái chiếm Mainz (ngày 23 tháng Bảy), xâm chiếm Alsace, và đã tiến vào Valenciennes, cách Paris 100 dặm; quân Tây Ban Nha đã chiếm Perpignan và Bayonne. Các đạo quân Pháp hiện đang rối loạn, các tướng lĩnh Pháp làm ngơ trước mệnh lệnh của chính phủ.

Ngày 29 tháng Tám, những người bảo hoàng Pháp giao nộp cho Anh một hạm đội Pháp, cùng một căn cứ và công xưởng hải quân quý giá ở Toulon. Nước Anh làm bá chủ biển cả và có thể ung dung chiếm đoạt các thuộc địa của Pháp trên ba châu lục. Các nước Đồng minh chiến thắng tranh cãi nhau về việc chia cắt nước Pháp, và phục hồi các quyền phong kiến trên đường tiến quân.<sup>53</sup>

Ở trong nước, Cách mạng dường như tan rã. Xứ Vendée rực cháy với sức nóng phản cách mạng; những quân nổi loạn Công giáo đã đánh bại các lực lượng chính phủ ở Vihiers (ngày 18 tháng Bảy). Các nhà quý tộc, dù ở trong nước hay là các *émigré*, đang lập kế hoạch phục hồi một cách tự tin. Lyon, Bourges, Nîmes, Marseilles, Bordeaux, Nantes, Brest rơi vào tay phe nổi loạn Girondin. Đấu tranh giai cấp nổi lên giữa người giàu và người nghèo.

Bản thân kinh tế cũng là một chiến trường. Những chính sách kiểm soát giá cả thiết lập vào ngày 4 tháng Năm và 29 tháng Chín bị thất bại dưới tài xoay xở khéo léo của lòng tham. Dân nghèo thành thị ủng hộ chính sách giá tối đa; nông dân và thương gia chống đối nó và dần dần từ chối trồng trọt hay phân phối những thực phẩm mà giá cả bị hạn chế. Các cửa tiệm ở thành phố, ngày càng nhận được ít sản phẩm từ chợ hay miền quê, chỉ có thể thoả mãn một số ít người đứng trước nhất trong những hàng người ngày ngày xếp hàng trước cửa tiệm. Mối lo sợ nạn đói lan tràn khắp Paris và các tỉnh. Tại Paris, Senlis, Amiens, Rouen quần chúng đi gần đến chỗ lật đổ chính quyền trong những cuộc phản đối nạn khan hiếm thực phẩm. Ngày 25 tháng Sáu, Jacques Roux dẫn đầu nhóm *Enragés* [những kẻ giận dữ, hung hăng] của mình đến Quốc ước hội nghị và yêu cầu tất cả những kẻ trục lợi – trong số đó bao gồm cả vài đại biểu – phải bị bắt và bắt họ phải nộp ra những của cải mới kiểm được.

Chế độ của các người không phải là chế độ dân chủ, vì các người cho phép những kẻ giàu có. Chính những kẻ giàu đã

gặt hái những thành quả của Cách mạng trong bốn năm qua; chính giới quý tộc con buôn, còn kinh khủng hơn cả bọn quý tộc, áp bức chúng ta. Ta thấy chúng bóc lột vô giới hạn, vì giá hàng hóa đang gia tăng đến mức kinh khủng. Đã tới lúc cuộc đấu tranh sống mái giữa những kẻ trục lợi và công nhân tới hồi kết cục... Phải chăng của cải của bọn bất lương thiêng liêng hơn sinh mạng con người? Các nhu yếu phẩm trong đời sống phải có sẵn để các cơ quan chính phủ phân phối, cũng giống như các lực lượng vũ trang được họ tùy ý sử dụng. [Việc thu một khoản thuế lớn từ người giàu cũng không đủ, chừng nào mà hệ thống không thay đổi, vì] ngày hôm sau giới tư bản và giới thương gia sẽ thu được một khoản tiền tương tự từ những người *sansculottes*... nếu những sự độc quyền và quyền được bóc lột chưa bị thủ tiêu.<sup>54</sup>

Trong những lời lẽ ít có hơi hướng cộng sản hơn, Jacques Hébert tố cáo những người tư sản phản bội lại Cách mạng và thúc giục công nhân nắm lấy quyền hành từ một chính quyền lơ là hoặc hèn nhát. Ngày 30 tháng Tám, một đại biểu công bố lời nói mầu nhiệm: Hãy lấy khủng bố làm ưu tiên hàng đầu.<sup>55</sup> Ngày 5 tháng Chín, một đám đông từ các khu phố, trong lúc hô hào “hãy chiến đấu chống bọn bạo chúa, bọn tích trữ, và bọn quý tộc” đã diễu hành đến tổng hành dinh của Công xã tại Tòa Thị chính. Vị Thị trưởng, Jean-Guillaume Pache, và vị biện lý của thành phố, Pierre Chaumette, đến Quốc ước hội nghị cùng phái đoàn của họ và lên tiếng yêu cầu một đạo quân cách mạng đi vòng quanh nước Pháp cùng cái máy chém di động, bắt tất cả những người Girondin và buộc mọi nông dân giao nộp sản phẩm đang tích trữ của mình, nếu không sẽ bị chém đầu ngay tại chỗ.<sup>56</sup>

Chính trong không khí của ngoại xâm và một cuộc cách mạng trong lòng Cách mạng mà Ủy ban An ninh Công cộng đã xây dựng và chỉ đạo các đạo quân đưa nước Pháp đi đến chiến thắng, và bộ máy khủng bố đã nỗ lực biến một quốc gia đang quần trí đi đến chỗ đoàn kết.

Ngày 23 tháng Tám, dựa trên những kế hoạch táo bạo của Carnot và Barère, Quốc ước hội nghị ban hành một lệnh tổng động viên chưa hề có trong lịch sử nước Pháp:

Từ nay cho đến khi các kẻ thù bị đẩy lùi ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa, tất cả công dân Pháp được trưng dụng thường xuyên để phục vụ quân đội. Thanh niên sẽ lên đường chiến đấu, đàn ông có gia đình sẽ rèn vũ khí và vận chuyển lương thực, phụ nữ sẽ may lều và quân phục, và phục vụ trong các bệnh viện, người già sẽ được đưa đến những nơi công cộng để khích lệ lòng can đảm của binh lính, giảng về lòng căm thù các vua chúa và sự đoàn kết quốc gia.

Tất cả nam giới độc thân tuổi từ 18 đến 25 được gọi nhập ngũ thành những tiểu đoàn dưới các biểu ngữ mang dòng chữ: “*Le peuple français debout contre les tyrants!*” [Nhân dân Pháp đứng lên chống lại những tên bạo chúa!].

Chẳng bao lâu Paris biến thành một xưởng vũ khí rộn ràng. Những khu vườn ở điện Tuileries và Luxembourg bị bao phủ bởi các công xưởng sản xuất, ngoài những trang thiết bị khác, khoảng 650 khẩu súng hỏa mai mỗi ngày. Nạn thất nghiệp biến mất. Các vũ khí, kim loại, quần áo dư của cá nhân được trưng dụng; hàng ngàn nhà máy được tiếp quản. Tư bản cũng như lao động bị cưỡng bách trưng dụng; một khoản vay một tỉ livre được vắt ra từ những người khá giả. Những nhà thầu được chỉ bảo nên sản xuất cái gì; giá cả được ấn định bởi chính phủ. Chỉ trong sớm chiều, nước Pháp biến thành một nhà nước toàn trị. Đồng, sắt, nitrat kali, bồ tạc [kali cacbonat], soda, lưu huỳnh, trước đây lệ thuộc một phần vào nhập khẩu, giờ phải được tìm kiếm, khai thác từ lòng đất của một nước Pháp bị phong tỏa trên mọi biên giới và ở tất cả các cảng. Thật may mắn là nhà hoá học vĩ đại Lavoisier (chẳng bao lâu nữa sẽ bị chém) vào năm 1775 đã cải thiện chất lượng và gia tăng sản lượng của thuốc súng; quân đội Pháp có thuốc súng tốt hơn kẻ thù. Các nhà khoa

học như Monge, Berthollet, và Fourcroy được yêu cầu tìm những nguồn cung cấp các nguyên liệu cần thiết, hoặc phát minh ra những chất thay thế; họ là những người đứng đầu lĩnh vực của mình trong thời đại bấy giờ và đã phục vụ xuất sắc tổ quốc của mình.

Vào cuối tháng Chín, nước Pháp đã có 500.000 quân dưới cờ. Trang bị của họ hầu còn thiếu thốn, kỷ luật yếu, tinh thần do dự; chỉ có các vị thánh mới nhiệt tình với cái chết. Giờ đây lần đầu tiên việc tuyên truyền trở thành một ngành kinh doanh của nhà nước, hầu như một ngành độc quyền. Jean-Baptiste Bourchotte, Bộ trưởng Chiến tranh, trả tiền cho các tờ báo để trình bày tình cảnh của đất nước, và bảo đảm rằng các tờ báo ấy được lưu truyền trong các trại quân vốn là nơi ít có cái gì khác để đọc. Các thành viên hay đại diện của Ủy ban đi ra mặt trận để hô hào binh sĩ và theo dõi các tướng lĩnh. Trong cuộc giao tranh quan trọng đầu tiên của chiến dịch mới – ở Hondschoote ngày 6–8 tháng Chín, chống lại một lực lượng của Anh và Áo – chính Debrel, một ủy viên của Ủy ban, đã chuyển bại thành thắng sau khi Tướng Houchard đề nghị triệt thoái. Vì lý do này cũng như những sai lầm khác, người lính già đã bị đưa lên máy chém ngày 14.11.1793. Hai mươi hai vị tướng khác, hầu hết thuộc *Ancien Régime* [Chế độ cũ], đã bị bỏ tù vì những sai lầm ngớ ngẩn, hoặc do ác cảm, hoặc do chênh mảng những chỉ thị của Ủy ban. Những người trẻ hơn, được nuôi dưỡng trong thời Cách mạng, thay vào vị trí của họ – những người như Hoche, Pichegru, Jourdan, Moreau, vốn đã gan dạ áp dụng chính sách tấn công liên tục của Carnot. Ngày 16 tháng Mười, tại Wattignies, khi 50.000 tân binh của Pháp đối mặt với 65.000 quân Áo, Carnot, 40 tuổi, đã mang trên vai một khẩu hỏa mai cùng với những người lính của Jourdan tiến vào trận đánh. Chiến thắng không mang tính quyết định, nhưng nâng cao tinh thần của các đạo quân Cách mạng và củng cố uy quyền của Ủy ban.

Ngày 17 tháng Chín, Quốc ước hội nghị ngoan ngoãn thông qua Luật về những kẻ tình nghi, cho phép Ủy ban hay

các đặc vụ của nó quyền bắt mà không cảnh báo trước bất cứ *émigré* nào quay về, bất cứ bà con nào của một *émigré*, bất cứ viên chức nào bị đình chỉ mà chưa được phục hồi, bất cứ ai tỏ dấu hiệu chống đối Cách mạng hay chiến tranh. Đây là một bộ luật hà khắc, khiến cho tất cả ngoại trừ những người cách mạng đã được công khai thừa nhận – do đó hầu hết là những người Công giáo và tư sản – phải sống trong cảnh thường xuyên lo sợ bị bắt, thậm chí bị giết chết. Ủy ban biện minh rằng nó cần thiết để duy trì ít nhất một sự đoàn kết bề ngoài trong một cuộc chiến tranh có tính chất sống còn của quốc gia. Một số *émigré* đồng ý với hội đồng Mười hai người rằng sợ hãi và khủng bố là những công cụ chính đáng của chính quyền trong những tình huống nguy ngập. Bá tước Montmorin, cựu Bộ trưởng Ngoại giao dưới triều Louis XVI, đã viết vào năm 1792: “Tôi tin rằng cần phải trừng phạt những người dân Paris bằng chính sách khủng bố.” Bá tước Flachslander biện luận rằng cuộc kháng chiến chống quân Liên minh của nước Pháp sẽ “tiếp tục cho tới khi Quốc ước hội nghị bị tàn sát”. Một thư ký của Vua Phổ nhận xét về những người *émigré*: “Ngôn ngữ của họ thật khủng khiếp. Nếu chúng ta sẵn sàng bỏ mặc đồng bào của họ cho họ báo thù, chẳng bao lâu nước Pháp sẽ không hơn gì một nghĩa địa rợn người.”<sup>57</sup>

Quốc ước hội nghị đứng trước một lựa chọn giữa khủng bố và lòng nhân từ trong trường hợp của Hoàng hậu. Đặt qua một bên sự hoang phí quá độ của bà trước đây, việc bà xen vào chuyện quốc sự, hoặc sự chán ghét công khai của bà đối với quần chúng Paris (những tội lỗi không đáng bị chém đầu), bà chắc chắn đã thông đồng với những người *émigré* và chính phủ nước ngoài trong một cố gắng ngăn chặn Cách mạng và phục hồi chế độ quân chủ Pháp. Trong những việc này bà cảm thấy mình đang sử dụng nhân quyền để tự vệ; còn những người buộc tội bà nghĩ rằng bà đã vi phạm những luật lệ được các đại biểu của quốc gia thông qua và đã phạm

tội phản quốc. Có vẻ như bà đã tiết lộ cho những kẻ thù của nước Pháp những cuộc thảo luận mật của Hội đồng hoàng gia, thậm chí những kế hoạch hành quân của các đạo quân Cách mạng.

Bà đã có với Louis XVI bốn người con: một con gái, Marie Thérèse, giờ đây 15 tuổi; một con trai đã chết hồi còn nhỏ; một con trai, đã chết năm 1789; một con trai thứ ba, Louis-Charles, giờ lên tám, mà bà xem như sẽ là Louis XVII. Được con gái và cô em chồng [hoàng muội] Élisabeth giúp đỡ, bà lo lắng và rồi tuyệt vọng trông chừng đứa con trai đang bị cảnh ngục tù làm cho sức khoẻ và tinh thần suy sụp. Tháng Ba 1793, người ta đề nghị với bà một kế hoạch vượt ngục; bà từ chối vì buộc phải bỏ con trai lại.<sup>58</sup> Khi chính phủ biết được âm mưu đã bị bác bỏ này, họ tách rời Thái tử khỏi người mẹ mặc cho bà phản đối và cô lập cậu bé khỏi những người bà con. Ngày 2.8. 1793, sau một năm bị cầm tù ở Temple, Hoàng hậu, con gái, và em chồng của bà bị chuyển đến một phòng ở Conciergerie – một phần của Pháp đình trước đây là nơi ở của người quản lý tòa nhà. Tại đây “Goá phụ Capet”, như người ta gọi bà, được đối xử tử tế hơn trước, thậm chí có một linh mục đến thăm và làm lễ trong phòng giam của bà. Sau đó, cũng trong tháng Tám, bà đồng ý thực hiện một âm mưu vượt ngục khác; âm mưu thất bại; rồi bà bị chuyển sang một căn phòng khác dưới sự canh giữ nghiêm ngặt.

Ngày 2 tháng Chín, Ủy ban họp để quyết định số phận của bà. Vài đại biểu muốn để bà sống như một vật cầm cố, sẽ được giao cho nước Áo để đổi lấy một nền hòa bình có thể chấp nhận được. Barère và Saint-André kêu gọi hành quyết bà như một biện pháp để đoàn kết những người ký tên vào bản án trong một mối ràng buộc bằng máu. Hébert, người của Công xã, nói với Ủy ban Mười hai người: “Tôi đã nhân danh các ngài hứa dâng cái đầu của Antoinette cho những người *sansculottes* vốn đang la hét ầm ĩ đòi có nó và đó là những người mà nếu không có sự ủng hộ của họ các ngài sẽ

không còn sống... Tôi sẽ đi và tự tay chặt cái đầu đó nếu phải chờ đợi lâu hơn nữa.”<sup>59</sup>



Hình 17: Hoàng Hậu Marie-Antoinette (Élisabeth Vigée Le Brun, 1785)

Ngày 12 tháng Mười, Hoàng hậu chịu một cuộc thẩm tra sơ bộ rất lâu; và ngày 14 và 15 bà bị xét xử trước Tòa án Cách mạng, với Fouquier -Tinville làm chánh ủy viên công tố. Ngày đầu tiên bà bị thẩm vấn từ 8 giờ sáng đến 4 giờ chiều, và từ 5 giờ chiều đến 11 giờ đêm; và ngày thứ hai từ 9 giờ sáng đến 3 giờ chiều. Bà bị buộc tội đã chuyển hàng triệu franc từ Ngân khố Pháp sang cho anh bà là Hoàng đế Joseph II của nước Áo

và yêu cầu các lực lượng ngoại bang xâm lược nước Pháp; và người ta gợi ý, thêm vào đó, bà đã cố “làm đôi bại” con trai của mình về mặt tình dục. Duy chỉ có lời cáo buộc sau cùng này làm bà tức tối; bà đáp lại: “Tự nhiên từ chối trả lời một lời buộc tội chống lại một người mẹ như vậy. Tôi khẩn khoản kêu gọi toàn thể các bà mẹ ở đây.” Cử tọa xúc động trước hình ảnh người phụ nữ này, người mà sắc đẹp và tính cách vui vẻ, trẻ trung đã từng là đề tài cho những câu chuyện khắp châu Âu, giờ đây tóc bạc trắng ở tuổi 38, trùm trong bộ áo để tang cho chồng, chiến đấu một cách can đảm và đầy phẩm giá để giành sự sống, chống lại những người đàn ông rõ ràng đang quyết tâm bẻ gãy tinh thần của bà bằng một cơn thử thách kéo dài tàn nhẫn về cả thể xác lẫn tinh thần. Khi kết thúc phiên tòa bà bị lòa mắt vì mệt mỏi, phải có người giúp để đưa về phòng giam. Tại đây bà được biết lời tuyên án là tử hình.

Giờ đây trong cảnh ngục tù cô đơn, bà viết một lá thư gửi Phu nhân Élisabeth, nhờ bà này chuyển cho con trai và con gái bà những lời di huấn Đức vua để lại cho chúng. “Con trai tôi”, bà viết, “không bao giờ được quên những lời cuối cùng của cha nó, những lời mà tôi lặp lại một cách rõ ràng cho nó: ‘Đừng bao giờ tìm cách báo thù cho cái chết của ta.’”<sup>60</sup> Bức thư đã không được chuyển cho Phu nhân Élisabeth; nó bị Fouquier-Tinville chặn lại. Ông này đưa cho Robespierre. Sau khi Robespierre chết, người ta tìm thấy bức thư này trong số những giấy tờ bí mật của ông.

Buổi sáng ngày 16.10. 1793, đao phủ Henri Sanson bước vào phòng giam, buộc hai tay bà ra sau lưng và cắt tóc nơi cổ bà. Bà được đưa đi trên một chiếc xe dọc theo con đường có lính đứng dàn hàng, đi qua những đám đông thù nghịch và châm chọc, đến Quảng trường Cách mạng. Đến trưa, Sanson giương cao cái đầu bị chặt lìa của bà ra trước đám đông.

\* \* \*

Sau khi đã bước một bước dài, Toà án Cách mạng giờ đây ban hành án tử hình với tốc độ mỗi ngày bảy bản.<sup>61</sup> Tất cả những nhà quý tộc có thể kiếm được đều bị bắt, và nhiều người bị hành quyết. Hai mươi bốn người Girondin vốn bị canh giữ từ ngày 2 tháng Sáu bị đưa ra xét xử ngày 24 tháng Mười. Tài hùng biện của Vergniaud và Brissot cũng không giúp gì cho họ. Tất cả được ban cho một cái chết nhanh chóng và sớm sửa. Một người trong bọn họ, Valazé, đã tự đâm mình khi rời khỏi tòa án; xác chết của ông được đặt giữa các tội nhân và được mang đến đoạn đầu đài, nơi nó chờ đến lượt mình dưới lưỡi dao vô tình. “Cách mạng”, Verginaud nói, “cũng giống như Saturn,<sup>i</sup> nó ăn thịt những đứa con của chính mình.”<sup>62</sup>

Hãy xem tâm trạng phần nộ và sợ hãi mà những biến cố này đã mang lại cho Manon Roland, giờ đây đang đón chờ số phận của mình ở Conciergerie, nơi đã trở thành bậc cấp bước lên máy chém. Cảnh ở tù của nàng cũng có vài điều thú vị. Bạn bè mang đến cho nàng sách và hoa; nàng sưu tập trong phòng giam của mình một tủ sách nhỏ tập trung quanh Plútarchos và Tacitus.<sup>ii</sup> Niềm an ủi lớn hơn đối với nàng là miệt mài viết lại những hồi ức, gọi chúng là *Appel à l'impartiale posterité* [Lời kêu gọi gửi đến hậu thế công minh] – cứ như thể hậu thế sẽ không bị chia rẽ. Khi kể lại thời tuổi trẻ của mình, hoài niệm về những *tempi felici*<sup>iii</sup> làm cho nàng thấy những ngày tháng hiện nay cay đắng hơn. Như thế hôm 28.8. 1793, nàng viết:

Tôi cảm thấy quyết tâm theo đuổi những hồi ức này đang từ bỏ tôi. Những cảnh tượng khốn khổ của quê hương giày vò tôi;

---

i Saturn là tên La Mã của thần Cronus trong thần thoại Hy Lạp. Do sợ bị con mình cướp ngôi, Cronus đã ăn thịt từng đứa một khi vừa ra đời. Một người con là Zeus thoát được, sau này truất ngôi và dày chôn thân cha mình.

ii Tacitus (56 –117): Nghị viên Viện Nguyên lão và sử gia La Mã. Một trong các sử gia La Mã trứ danh nhất. Văn ông nổi tiếng ngắn gọn và súc tích.

iii Ý, những thời gian hạnh phúc

một bóng tối ảm đạm thấm vào hồn tôi, làm tê cóng trí tưởng tượng của tôi. Nước Pháp đã trở thành một đồi Golgotha<sup>i</sup> đầy cảnh tàn sát, một đấu trường của những điều khủng khiếp, nơi những đứa con của nó xâu xé và hủy diệt nhau... Không bao giờ lịch sử có thể vẽ lại những thời khắc kinh khiếp này, hay những con quái vật trút tràn lan những hành động dã man của họ vào đó... Làm sao La Mã hay Babylon sánh được với Paris?<sup>63</sup>

Đoán trước sẽ sớm đến lượt mình, nàng viết vào tập bản thảo lời vĩnh biệt gửi đến người chồng và người tình của mình hiện vẫn chưa thoát ra khỏi những cạm bẫy đang giăng ra chờ họ:

Hỡi các anh, mong sao số phận tốt lành sẽ đưa các anh đến Mỹ, nơi nung nấu duy nhất của tự do.<sup>ii</sup> Và anh, người chồng và người bạn của tôi, bị suy sụp vì tuổi già đến sớm, khó nhọc trốn tránh những kẻ sát nhân, tôi có được gặp lại anh không?... Tôi phải còn chứng kiến cảnh hoang tàn của quê hương mình, sự suy đồi của đồng bào mình, bao lâu nữa?<sup>64</sup>

Cũng không lâu. Ngày 8.11. 1793, trước Tòa án Cách mạng, nàng bị buộc tội đồng loã với Roland trong việc bị cho là sử dụng sai công quỹ và tội đã gửi những lá thư từ trong tù ra khuyến khích Barbaroux và Buzot, lúc ấy đang khích động nổi loạn chống lại sự kiểm soát Quốc ước hội nghị của những người Jacobin. Khi nàng phát biểu tự biện hộ, các khán giả được lựa chọn cẩn thận đã lên án nàng là kẻ phản bội. Nàng bị tuyên bố có tội và bị đưa lên máy chém vào cùng ngày tại Quảng trường Cách mạng. Một lời truyền tụng không chắc chắn lắm đã kể lại, khi nhìn bức tượng thần Tự do mà David đã dựng trên quảng trường hoành tráng này, nàng đã kêu lên: “Ôi Tự do, người ta đã phạm biết bao là tội ác nhân danh người!”<sup>65</sup>

---

i Tên tiếng Anh và Pháp cho ngọn đồi Gagultâ gần Yerushalayim [*Anh*, Jerusalem] nơi Giêsu bị đóng đinh.

ii Năm năm sau Quốc hội Mỹ thông qua các Đạo luật về ngoại kiều và nổi loạn, hạn chế nghiêm ngặt việc công khai phê bình chính phủ. (Durant)

Một đoàn những nhà cách mạng đã đi theo nàng. Ngày 10 tháng Mười Một đến lượt vị Thị trưởng - nhà thiên văn học Bailly, người đã đưa cái phù hiệu màu đỏ cho Đức vua, và đã hạ lệnh cho Vệ binh Quốc gia bắn vào những người kiến nghị không đúng lúc tại Champ-de-Mars. Ngày 12 tháng Mười Một, lưỡi máy chém đã đuổi kịp Philippe Égalité; ông không hiểu tại sao nhóm Núi lại muốn trừ khử một đồng minh rất trung thành; nhưng ông mang dòng máu các vị vua trong người và rất ham muốn cái ngai vàng; ai biết khi nào lòng ham muốn ấy sẽ làm cho ông ta điên lên? Rồi, ngày 29 tháng Mười Một, Antoine Barnave, người đã cố bảo vệ và khuyên nhủ Hoàng hậu. Rồi các vị tướng như Custine, Houchard, Biron...

Ngày 16 tháng Mười Một, Roland, sau khi cảm ơn những người bạn đã liều mạng bảo vệ ông, bước ra đi dạo một mình, ngồi xuống bên một gốc cây và viết một bức thư già biệt ngắn: “Không phải sự sợ hãi mà là sự tức giận đã khiến tôi rời khỏi nơi trú ẩn, khi biết vợ tôi đã bị giết chết. Tôi không muốn sống lâu hơn trên một cõi trần đã bị tội ác làm ô nhiễm.”<sup>66</sup> Rồi ông đâm mạnh thanh gươm vào người mình. Condorcet, sau khi đã viết một bài tụng ca tán dương sự tiến bộ, đã uống thuốc độc (28.3. 1794). Barbaroux tự bắn vào mình, nhưng sống sót, và bị đưa lên máy chém (ngày 15 tháng Sáu). Pétion và Buzot, bị các nhân viên của chính phủ săn đuổi, đã tự sát trong một cánh đồng gần Bordeaux. Thi thể của họ được phát hiện ngày 18 tháng Sáu, một nửa đã bị chó sói ăn thịt.

## 2. Thời kỳ Khủng bố tại các tỉnh

Cũng còn có những người Girondin khác, trên vai vẫn còn cái đầu. Tại vài tỉnh, như Bordeaux và Lyon, họ đã chiếm thế thượng phong. Những người Jacobin cảm thấy họ phải bị quét sạch, nếu muốn chiến thắng phong trào đòi tự trị cho các tỉnh của họ và muốn nước Pháp là một, hoàn toàn theo Jacobin. Vì điều này và những mục đích khác, Ủy ban An ninh Công cộng phái về các tỉnh những “đại diện công tác” và cho

họ, tùy theo tình hình, quyền hành hầu như tuyệt đối tại địa phương được phân công. Họ có thể truất phế những viên chức được bầu lên, bổ nhiệm những người khác, bắt những người tình nghi, buộc đàn ông đi quân dịch, đánh thuế, cưỡng chế việc kiểm soát giá cả, bóp nặn những khoản vay, trưng dụng các sản vật, quần áo, hay nguyên liệu, và dựng lên hoặc phê chuẩn các ủy ban an ninh công cộng địa phương để phục vụ như những cơ sở đại diện cho Siêu Ủy ban ở Paris. Các đại diện công tác đã hoàn thành được những phép lạ trong việc tổ chức quân sự và cách mạng, thông thường ở giữa một môi trường thù địch và ác cảm. Họ đàn áp sự chống đối một cách không thương xót, đôi khi với lòng nhiệt thành quá trớn.

Người thành công nhất trong số họ là Saint-Just. Ngày 17.10. 1793, chàng cùng với Joseph Le Bas (vốn hoan hỉ để cho chàng hướng dẫn) được phái đi cứu tỉnh Alsace khỏi một cuộc xâm lăng của quân Áo vốn đang nhanh chóng chinh phục một lãnh thổ bẩm sinh đầy tính cách Đức trong ngôn ngữ, văn học, và lối sống. Tập đoàn quân sông Rhin<sup>i</sup> của Pháp đã bị đẩy lùi ở Strasbourg và đang trong tình trạng chủ bại và nổi loạn. Saint-Just được biết binh lính đã bị đối xử một cách độc đoán, chỉ huy tồi và có lẽ bị phản bội bởi các sĩ quan không ham mê Cách mạng cho lắm. Chàng cho xử tử bảy người trước toàn thể đạo quân tập hợp lại. Chàng lắng nghe những lời kêu ca và giải quyết chúng với sự cương quyết thường thấy. Chàng trưng dụng của giới nhà giàu toàn bộ những thứ như giày, áo bành tô, áo khoác ngoài, mũ và nặn ra được chín triệu livre từ 193 công dân giàu nhất. Các viên chức bất tài hay thờ ơ bị cho nghỉ; những kẻ ăn hối lộ bị kết án xử bắn. Khi đạo quân Pháp gặp lại quân Áo, những kẻ xâm lược bị đẩy ra khỏi Alsace và tỉnh này được thu hồi về cho nước Pháp. Saint-Just quay về Paris, hăm hở làm những việc khác và hầu như quên mất mình đã đính hôn với người em gái của Le Bas.

---

<sup>i</sup> *Armée du Rhin*, được thành lập vào 14.12. 1791

Joseph Le Bon đã sống không xứng tầm với tên tuổi của ông vốn là đại diện của Ủy ban. Được các ông chủ cảnh báo phải coi chừng “lòng nhân đạo giả dối và sai lầm”, vị cựu cha xứ mắt xanh lơ nghĩ sẽ làm họ vui lòng bằng cách “cắt cụt” 150 thân hào của làng Cambrai trong sáu tuần và 392 người ở Arras. Thư ký của ông báo cáo rằng Le Bon đã giết người “trong một loại cơn sốt” và, khi về nhà, bắt chước những bộ dạng méo mó trên mặt người hấp hối để làm vui cho vợ mình.<sup>67</sup> Năm 1795, chính ông cũng bị cắt cụt.

Tháng Bảy 1793, Jean-Baptiste Carrier được cử đi dẹp cuộc nổi dậy của người Công giáo ở Vendée và bình định xứ Nantes. Hérault de Séchelles là người thuộc Ủy ban giải thích cho ông: “Chúng ta có thể trở nên nhân đạo khi nắm chắc được chiến thắng.”<sup>68</sup> Carrier thấy mình được truyền đầy cảm hứng. Trong một giây lát nhiệt thành mang tính sinh thái học, ông tuyên bố rằng nước Pháp không thể nuôi ăn số dân đang tăng nhanh chóng của nó và cần phải chữa sự thái quá này bằng cách giết toàn thể các nhà quý tộc, tu sĩ, thương gia, và quan tòa. Tại Nantes ông phản đối việc xử án vì mất thời gian. Tất cả những kẻ tình nghi này (ông ra lệnh cho viên thẩm phán) “phải bị loại trừ trong vài giờ, hoặc ta sẽ đem anh và các đồng nghiệp của anh ra bắn.”<sup>69</sup> Vì những nhà tù tại Nantes đông đúc tới mức hầu như ngạt thở vì những người bị bắt và bị kết án, và vì thiếu thực phẩm, ông ra lệnh cho các phụ tá của mình chất đầy lên các sà lan, và tàu bè khác 1.500 người đàn ông, đàn bà, và trẻ con – ưu tiên cho các linh mục – và đánh đắm những con tàu này giữa sông Loire bằng cách đục thủng đáy. Với cách này và những biện pháp khác ông đã giết chết 4.000 kẻ có thể gây phiền phức trong bốn tháng.<sup>70</sup> Ông tự biện minh bằng điều dường như đối với ông là những quy luật của chiến tranh. Những người dân ở Vendée đang làm loạn và mỗi người trong số họ có thể vẫn còn là kẻ thù của Cách mạng cho đến lúc chết. “Chúng ta thà biến nước Pháp thành một nghĩa địa”, ông nguyện, “nếu không phục

sinh được nó theo cách riêng của chúng ta.”<sup>71</sup> Ủy ban phải kìm chế lòng nhiệt thành của ông bằng cách dọa sẽ bắt ông. Ông không nao núng; bất luận thế nào, ông nói, “tất cả chúng ta sẽ lên máy chém, lần lượt từng người.” Tháng Mười Một 1794, ông được triệu ra trước Tòa án Cách mạng và ngày 16 tháng Mười Hai ông đã minh họa cho lời tiên tri của mình.

Stanislas Fréron (con trai của kẻ thù yêu thích nhất của Voltaire) và những đặc vụ khác của Ủy ban đã nhuộm đỏ sông Rhône và sông Var bằng máu của những kẻ không chịu thay đổi: 120 ở Marseilles, 282 ở Toulon, 332 ở Orange.<sup>72</sup> Trái lại, Georges Couthon là hiện thân của lòng nhân từ trong sứ mạng tập hợp các tân binh cho Quân đội ở tỉnh Puy-de-Dôme. Tại Clermont-Ferrand ông tổ chức lại các ngành công nghiệp theo hướng tập trung sản xuất tiếp liệu cho các trung đoàn mới. Khi các công dân thấy ông sử dụng quyền hành của mình một cách công bằng và nhân đạo, họ trở nên yêu thích ông tới mức thay phiên nhau khiêng ông đi trong chiếc ghế. Trong sứ mạng của ông, không một ai bị hành quyết bởi “công lý cách mạng”.<sup>73</sup>

Joseph Fouché, đã có thời là giáo sư tiếng Latinh và vật lý, giờ đây 34 tuổi, chưa phải là “người có năng lực nhất mà tôi từng gặp”<sup>74</sup> của Balzac. Ông dường như được tạo ra cho những mưu đồ: dáng người gầy gò, mặt xương, môi mím chặt, mắt và mũi sắc, điều độ, bí mật, im lặng, cứng rắn. Ông sẽ sánh ngang với Talleyrand trong việc thay hình đổi dạng nhanh chóng và sống sót nhờ sự ma mãnh. Nhìn bên ngoài, ông là một người đàn ông mẫu mực của gia đình, nhún nhường trong cư xử cũng như táo bạo trong tư tưởng. Năm 1792, ông được bầu vào Quốc ước hội nghị từ đơn vị Nantes. Mới đầu ông ngồi chung và biểu quyết giống những người Girondin; rồi, khi thấy trước sự sụp đổ của họ và ưu thế của Paris, ông chuyển sang khu Núi và phát hành một tập sách mỏng kêu gọi Cách mạng nên chuyển hướng từ giai đoạn tư sản sang vô sản. Để thúc đẩy chiến tranh, ông

biện luận, chính phủ nên “lấy mọi thứ vượt ngoài nhu cầu của một công dân”; vì “tài sản dư thừa là một sự vi phạm hiển nhiên và không thể biện minh các quyền của nhân dân”. Tất cả vàng bạc phải bị tịch thu cho đến khi chiến tranh chấm dứt. “Chúng tôi sẽ nhấn tâm trong việc hành xử đầy đủ quyền hành được giao phó cho mình. Thời của những biện pháp nửa vờ... đã qua... Hãy giúp chúng tôi tung những cú đấm dữ dội”<sup>75</sup>. Là đại diện công tác tại vùng Loire Inférieure và đặc biệt tại Nevers và Moulins, Fouché khai chiến với quyền tư hữu. Bằng cách trưng dụng tiền bạc, kim loại quý, vũ khí, áo quần, và thực phẩm, ông đã có thể trang bị cho 10.000 binh sĩ mà ông tuyển mộ. Ông lục soát các nhà thờ để tìm chén, chân nến, bình đựng bánh thánh bằng vàng hoặc bạc và gửi chúng về Quốc ước hội nghị. Ủy ban thấy không có lợi gì khi kiểm tra sự nhiệt tình của ông và xem ông chỉ là người giúp cho Collot d’Herbois trong việc khiến Lyon phục hồi lòng tin vào Cách mạng.

Lyon gần như là thủ đô của chủ nghĩa tư bản Pháp. Trong số 130.000 người ở đây có những nhà tài chính có quan hệ trên toàn nước Pháp, những thương gia có chi nhánh khắp châu Âu, những ông chủ công nghiệp kiểm soát cả trăm nhà máy và một bộ phận rộng lớn những người vô sản đang lắng nghe một cách ganh tỵ việc giai cấp của họ ở Paris đã giành được chính quyền như thế nào. Đầu năm 1793, dưới sự lãnh đạo của viên cựu linh mục Marie-Joseph Chalier, họ đã đạt được một thành công tương tự. Nhưng tôn giáo đã chứng tỏ mạnh hơn giai cấp. Ít nhất một nửa số công nhân vẫn còn theo Công giáo và oán giận chính sách chống Thiên Chúa giáo của phái Jacobin. Khi phe tư sản huy động các lực lượng khác nhau của mình chống lại chế độ độc tài vô sản, các công nhân đã chia rẽ và một liên minh gồm những thương gia, những người thuộc phe bảo hoàng và những người Girondin đã loại bỏ chính quyền cấp tiến và xử tử Chalier cùng 200 người theo ông (16.7. 1793). Hàng ngàn công nhân rời bỏ

thành phố, sống tại các vùng lân cận và chờ đợi đợt xoay vần sắp tới của Cách mạng.

Ủy ban An ninh Công cộng phái một đạo quân đến để lật đổ những nhà tư bản chiến thắng. Couthon, bị liệt cả hai chân, từ Clermont đến để dẫn đầu đạo quân. Ngày 9 tháng Mười ông tiến vào thành phố và tái lập sự cai trị của phe Jacobin. Couthon nghĩ một chính sách khoan dung là điều khôn ngoan trong một thành phố mà dân chúng lệ thuộc phần lớn vào việc các nhà máy và cửa hiệu được hoạt động liên tục, nhưng Ủy ban ở Paris nghĩ khác. Ngày 12 tháng Mười, thông qua Quốc ước hội nghị, họ gửi cho Couthon một chỉ thị do Robespierre soạn thảo, buộc phải trả thù mạnh mẽ cho Chalier và hai trăm người cấp tiến bị hành quyết. Trong đó có đoạn: “Thành phố Lyon phải bị huỷ diệt. Mọi ngôi nhà của kẻ giàu phải bị phá huỷ... Tên Lyon phải bị xóa khỏi danh sách các thành phố của nước Cộng hòa. Do đó địa điểm mà những ngôi nhà còn đứng vững sẽ mang tên *Ville Affranchisée* [Thành phố Giải phóng]. Một cột kỷ niệm sẽ được dựng lên trên đồng tàn tích của Lyon để làm chứng cho hậu thế về những tội ác của những tên bảo hoàng và sự trừng phạt chúng.”<sup>76</sup>

Couthon không thích thú với công việc được chỉ thị. Ông ra lệnh phá hủy một trong những căn nhà đắt tiền nhất và rồi bị đẩy đi làm những công việc phù hợp hơn ở Clermont-Ferrand. Collot d’Herbois thay thế ông ở Lyon (ngày 4 tháng Mười Một), chẳng bao lâu sau có thêm Fouché. Họ bắt đầu bằng một buổi lễ mang tính nhại theo tôn giáo để tưởng niệm Chalier như là “đấng Chúa cứu thế đã chết vì nhân dân”; dẫn đầu đám rước là một con lừa ăn mặc như một vị giám mục, đầu đội chiếc mũ tế còn đuôi kéo theo một cây thánh giá và một cuốn Kinh Thánh. Tại một quảng trường, kẻ tuần đạo được vinh danh bằng những bài tụng ca và một ngọn lửa mừng được đốt lên từ cuốn Kinh Thánh, một cuốn sách lễ, những chiếc bánh thánh và tượng gỗ của các vị thánh khác nhau.<sup>77</sup> Để thanh tẩy cho cách mạng Lyon, Collot và Fouché

lập ra một “Ủy ban lâm thời” gồm 20 người, và một toà án gồm bảy người để xét xử những kẻ tình nghi. Ủy ban công bố một bản tuyên ngôn các nguyên lý được gọi là “bản tuyên ngôn cộng sản đầu tiên” của thời hiện đại.<sup>78</sup> Nó đề nghị liên minh Cách mạng với “tầng lớp khổng lồ những người nghèo khổ”; nó tố cáo giới quý tộc và tư sản, và nói với các công nhân: “Các bạn bị áp bức; các bạn phải nghiền nát những kẻ áp bức các bạn!” Mọi sản phẩm từ đất đai Pháp phải thuộc về nước Pháp; mọi tài sản tư nhân phải được dùng để phục vụ cho nền Cộng hòa; và như là bước đầu tiên tiến đến công bằng xã hội, một khoản thuế 30.000 livre phải thu được từ bất cứ ai có thu nhập 10.000 mỗi năm. Người ta thu được những khoản tiền lớn từ việc bỏ tù các nhà quý tộc, các tu sĩ, cùng những người khác, và tịch thu tài sản của họ.

Bản tuyên ngôn này không được dân chúng Lyon hưởng ứng cho lắm, một thiểu số đáng kể ở đây đã nổi lên thành giai cấp trung lưu. Ngày 10 tháng Mười Một, một bức thư thỉnh nguyện do 10.000 phụ nữ ký tên xin dung thứ cho hàng ngàn đàn ông và đàn bà đang chen chúc trong các nhà tù. Các ủy viên lạnh lùng trả lời: “Các người hãy tự giam mình trong chỗ riêng tư của công việc nhà... Đừng để chúng tôi nhìn thấy thêm nước mắt khiến các người ô danh.”<sup>79</sup> Ngày 4 tháng Mười Hai, có lẽ để làm mọi chuyện sáng tỏ, 60 tù nhân do tòa án mới thành lập kết tội được dẫn đến một chỗ đồng trống bên kia sông Rhône, được xếp đứng giữa hai đường hào và được vùi chôn bằng những tràng đạn thường và đạn chùm của một hàng súng đại bác. Ngày hôm sau, tại cùng chỗ ấy, 209 tù nhân được buộc dính vào nhau cũng bị chết như rạ dưới những loạt súng tương tự; và ngày 7 tháng Mười Hai có thêm 200 người nữa. Sau đó, cuộc tàn sát được tiến hành ung dung hơn bằng máy chém, nhưng cũng rất nhanh chóng tới mức mùi hôi thối của các tử thi bắt đầu đầu độc không khí thành phố. Tháng Ba 1794, những vụ hành quyết ở Lyon đã đạt đến con số 1.667 – hai phần ba trong số này thuộc giai cấp

trung lưu hay thượng lưu.<sup>80</sup> Hàng trăm căn nhà sang trọng đã bị phá hủy một cách cẩn thận.<sup>81</sup>

Ngày 20.12. 1793, một phái đoàn công dân thành phố Lyon đã đến trước Quốc ước hội nghị để yêu cầu chấm dứt cuộc trả thù; nhưng Collot đã đến Paris trước họ và bảo vệ thành công chính sách của mình. Fouché, ở lại phụ trách Lyon, tiếp tục cuộc Khủng bố. Được biết rằng đã giành lại được Toulon, ông viết cho Collot: “Chúng ta chỉ có một cách để mừng chiến thắng. Tối nay chúng ta sẽ đưa 213 tên phản loạn ra hứng những tia lửa của sấm sét.”<sup>82</sup> Ngày 3.4.1794, Fouché được triệu hồi về để giải thích việc làm của mình trước Quốc ước hội nghị. Ông thoát khỏi bị trừng phạt, nhưng không bao giờ tha thứ cho Robespierre vì đã buộc tội ông là dã man; sẽ có ngày ông báo thù.

Ủy ban An ninh Công cộng dần nhận ra là cuộc Khủng bố ở tỉnh đã được thực hiện quá đà một cách tốn kém. Trong việc này Robespierre có ảnh hưởng ôn hòa; ông đứng đầu việc triệu hồi Carrier, Fréron, Tallien về và yêu cầu họ giải thích việc làm của mình. Cuộc Khủng bố ở tỉnh chấm dứt vào tháng Năm 1794, trong khi lại gia tăng cường độ ở Paris. Vào thời điểm chính Robespierre cũng trở thành nạn nhân (27–28.7.1794), nó đã lấy đi sinh mạng của 2.700 người ở Paris, 18.000 người trên toàn nước Pháp;<sup>83</sup> những người khác ước đoán con số lên đến 40.000 người.<sup>84</sup> Những người bị giam vì tình nghi lên đến 300.000. Do tài sản của những người bị hành quyết rơi vào tay nhà nước, đây là một cuộc Khủng bố có lợi.

### 3. Cuộc chiến chống tôn giáo

Giờ đây mối chia rẽ sâu sắc nhất nằm giữa những người trân trọng niềm tin tôn giáo như sự nâng đỡ cuối cùng của họ trong một thế giới mà nếu không có nó thì không thể hiểu được, vô nghĩa, và bi thảm, với những người đã dần nghĩ về tôn giáo như một thứ mê tín tốn kém và bị điều khiển, ngăn cản con đường đi đến với lý trí và tự do. Sự chia rẽ này sâu

sắc nhất ở Vendée – vùng ven biển của nước Pháp nằm giữa sông Loire và La Rochelle – nơi thời tiết khắc nghiệt, đất đai cằn cỗi và đầy sỏi đá, vòng sinh tử luân hồi bất tận đã khiến cho người dân hầu như miễn nhiễm đối với trí thông minh hóm hỉnh của Voltaire và những làn gió của Thời đại Khai minh. Những thị dân và nông dân chấp nhận Cách mạng; nhưng khi Quốc hội Lập hiến ban hành Hiến chương Giáo sĩ – tịch thu tài sản của Giáo hội, biến tất cả tu sĩ thành viên chức nhà nước và yêu cầu họ tuyên thệ trung thành với chế độ đã làm họ biến dạng – nông dân ủng hộ việc các giáo sĩ của họ từ chối tán thành. Lời kêu gọi thanh niên của họ tình nguyện, hoặc bị cưỡng bách, tòng quân đã châm lửa vào cuộc nổi loạn. Tại sao thanh niên phải đem mạng sống của mình ra bảo vệ một chính phủ vô thần chứ không phải là các linh mục, các bàn thờ và các vị thần hộ mạng trong gia đình?

Do đó, ngày 4.3. 1793, bạo loạn bùng nổ ở Vendée. Chín ngày sau nó đã lan ra khắp vùng. Ngày 1 tháng Năm, có 30.000 người nổi loạn có vũ trang. Nhiều nhà quý tộc có tư tưởng bảo hoàng tham gia cùng các nhà lãnh đạo ở miền quê biến các tân binh này thành những người lính có kỷ luật. Trước khi Quốc ước hội nghị nhận ra sức mạnh của họ, họ đã chiếm được Thouars, Fontenay, Saumur, Angers. Vào tháng Tám, Ủy ban An ninh Công cộng gửi đến Vendée một đạo quân dưới quyền của Tướng Kléber, với chỉ thị tiêu diệt các lực lượng nông dân và phá hủy tất cả những vùng nào ủng hộ họ. Kléber đánh bại đạo quân Công giáo ở Cholet ngày 17 tháng Mười, và nghiền nát họ ở Savenay ngày 23 tháng Mười Hai. Các ủy ban quân sự từ Paris được dựng lên ở Angers, Nantes, Rennes, và Tours, với lệnh giết tất cả những người dân Vendée nào mang vũ khí. Tại Angers hoặc gần đó, 463 người đã bị bắn trong vòng 20 ngày. Trước khi những người dân ở Vendée bị khuất phục bởi Thống chế Hoche (tháng Bảy 1796), nửa triệu người đã mất trong cuộc chiến tranh tôn giáo mới này.

Tại Paris, phần lớn dân chúng đã trở nên thờ ơ với tôn giáo. Về mặt này có một sự hòa hợp mong manh giữa nhóm Núi và phái Girondin; hai bên đã liên kết nhau để giảm bớt thế lực của giới tăng lữ và trong việc đặt ra một bộ lịch vô thần. Họ đã khuyến khích các tu sĩ kết hôn, thậm chí ra sắc lệnh trục xuất đối với bất cứ giám mục nào ngăn cản việc này. Dưới sự bảo hộ của Cách mạng, khoảng 2.000 giáo sĩ và 500 nữ tu đã kết hôn.<sup>85</sup>

Các đại diện công tác của Ủy ban thường xem việc loại bỏ Thiên Chúa giáo như một yếu tố đặc biệt trong quy trình của họ. Một người ra lệnh bỏ tù một linh mục cho đến khi ông này lấy vợ. Ở Nevers, Fouché ban hành những quy luật nghiêm ngặt đối với giáo sĩ: họ phải kết hôn, phải sống giản dị như những Sứ đồ, không được mang áo dòng hoặc cử hành những buổi lễ tôn giáo bên ngoài nhà thờ. Những tang lễ theo nghi thức Thiên Chúa giáo bị bãi bỏ và các nghĩa trang phải mang một tấm bảng nói với công chúng rằng “chết là yên giấc nghìn thu.” Ông đã thuyết phục một vị tổng giám mục và 30 linh mục quăng đi cái mũ chòm của họ và đội chiếc mũ đỏ của Cách mạng. Tại Moulins ông cưới ngựa dẫn đầu một đám rước trong đó ông đập gãy mọi cây thánh giá, hình Giêsu bị đóng đinh, và những hình tượng tôn giáo trên đường đi.<sup>86</sup> Tại Clermont-Ferrand, Couthon tuyên bố tôn giáo của Giêsu đã bị biến thành một trò lừa đảo tiền bạc. Bằng cách thuê một bác sĩ làm thí nghiệm trước công chúng, ông chứng tỏ rằng “máu của Chúa Giêsu” trong một chiếc lọ nhỏ chẳng qua chỉ là dầu thông pha phẩm màu. Ông chấm dứt việc nhà nước trả lương cho các linh mục, tịch thu những bình, lọ bằng vàng và bạc của các nhà thờ và thông báo rằng những nhà thờ nào không thể biến thành trường học được thì sẽ được ông cho phép kéo sập để xây nhà ở cho người nghèo. Ông công bố một nền thần học mới, theo đó Tự nhiên sẽ là Thượng đế và thiên đường là một xã hội không tưởng nơi trần gian, trong đó mọi người đều thiện hảo.<sup>87</sup>

Các nhà lãnh đạo của chiến dịch chống Thiên Chúa giáo là Hébert thuộc Hội đồng Thành phố Paris và Chaumette thuộc Công xã Paris. Được kích thích bởi thuật hùng biện của Chaumette và những bài báo của Hébert, ngày 16.10.1793, một đám đông *sansculottes* đã xâm chiếm Tu viện St. Denis, trút đổ các quan tài lưu giữ thi hài của các nhân vật hoàng gia Pháp và nấu chảy kim loại ra để sử dụng cho chiến tranh. Ngày 10 tháng Mười Một, Quốc ước hội nghị đồng ý cho các công xã ở Pháp được quyền chính thức từ chối Giáo hội Thiên Chúa. Ngày 10 tháng Mười Một, những người đàn ông và đàn bà từ các khu thợ thuyền và các sào huyệt ý thức hệ của Paris diễu hành qua các đường phố, bắt chước kiểu đám rước lễ và y phục tôn giáo. Họ tiến vào phòng họp của Quốc ước hội nghị và thuyết phục các đại biểu đến dự buổi lễ tối hôm ấy trong Thánh đường Notre-Dame – được đặt tên lại là Đền Lý trí. Tại đây người ta đã chuẩn bị một điện thờ mới, trong đó Cô Candeille, ca sĩ của rạp Opéra, mình khoác lá cờ tam tài, đầu đội mũ đỏ, đứng làm Nữ thần Tự do, được các quý bà thành khẩn chăm sóc và hát bản “Bài ca ngợi Tự do” được Marie-Joseph de Chénier sáng tác cho dịp này. Các tín đồ nhảy múa và ca hát trong gian giữa của thánh đường, trong khi ở các nhà nguyện bên cạnh, theo lời các phóng viên thù địch, những kẻ lợi dụng tự do đang cử hành các nghi lễ của ái tình.<sup>88</sup> Ngày 17 tháng Mười Một, Jean-Baptiste Gobel, Giám mục Paris, chịu thua trước yêu cầu của dân chúng, ra trước Quốc ước hội nghị long trọng tuyên bố từ chức và giao lại cho vị chủ tịch chiếc gậy phép và nhẫn giám mục và đội lên chiếc mũ đỏ của tự do<sup>89</sup>. Ngày 23 tháng Mười Một, Công xã ra lệnh đóng cửa tất cả các nhà thờ Thiên Chúa giáo ở Paris<sup>90</sup>.

Quốc ước hội nghị, sau khi nghĩ lại, tự hỏi liệu chính sách chống Thiên Chúa của họ có đi quá đà không. Hầu hết các đại biểu là những người theo thuyết bất khả tri, thuyết phiếm thần, hoặc vô thần, nhưng nhiều người trong bọn họ đặt vấn

đề về sự khôn ngoan của việc làm cho các tín đồ Công giáo tức giận. Các tín đồ này vẫn còn chiếm đa số và nhiều người sẵn sàng cầm vũ khí chống lại Cách mạng. Vài đại biểu như Robespierre và Carnot cảm thấy tôn giáo là sức mạnh duy nhất có thể ngăn được những biến động xã hội xảy ra liên tục nhằm chống lại những điều bất bình đẳng vốn đã bén rễ quá sâu trong tự nhiên để có thể dùng pháp luật loại bỏ. Robespierre tin Công giáo là một sự lợi dụng mê tín có tổ chức,<sup>91</sup> nhưng ông bác bỏ chủ nghĩa vô thần như là một sự giả định trơ tráo về tri thức không thể có. Ngày 8.5. 1793, ông buộc tội các *philosophe* là đạo đức giả vì đã khinh bỉ những người bình dân và cố tranh thủ để kiểm soát các khoản trợ cấp từ các ông vua. Ngày 21 tháng Mười Một, khi các buổi lễ hội chống Thiên Chúa giáo ở vào giai đoạn cao trào, ông nói với Quốc ước hội nghị:

Mọi triết gia và mọi cá nhân có thể tùy thích chấp nhận bất cứ ý kiến gì về chủ nghĩa vô thần. Bất cứ ai muốn biến ý kiến ấy thành một tội ác là điều vô lý, nhưng một người của công chúng hay một nhà lập pháp mà chấp nhận một hệ thống như vậy sẽ còn ngu xuẩn hơn đến trăm lần...

Chủ nghĩa vô thần mang tính quý tộc. Ý tưởng về một Đấng vĩ đại coi giữ những người vô tội bị áp bức và trừng phạt tội ác chủ yếu là ý tưởng của nhân dân. Đây là tình cảm của châu Âu và thế giới; nó là tình cảm của nhân dân Pháp. Khái niệm ấy không hề gắn liền với các linh mục, óc mê tín dị đoan hay những buổi lễ; nó chỉ gắn liền với ý tưởng về một Quyền năng không thể hiểu nổi, nỗi kinh hãi về những kẻ làm điều sai trái, chỗ nương tựa và niềm an ủi của đức hạnh.<sup>92</sup>

Ở đây Danton đồng ý với Robespierre: “Chúng ta không bao giờ có ý thủ tiêu triều đại của mê tín để dựng lên triều đại của chủ nghĩa vô thần... Tôi yêu cầu chấm dứt những trò giả dối chống tôn giáo trong Quốc ước hội nghị.”<sup>93</sup>

Ngày 6.12. 1793 Quốc ước hội nghị tái khẳng định quyền tự do thờ phụng và bảo đảm che chở cho những buổi lễ tôn giáo do các linh mục trung thành cử hành. Hébert phản đối rằng mình cũng bác bỏ chủ nghĩa vô thần, nhưng ông ta tham gia cùng các lực lượng có mục đích giảm bớt sự yêu mến của nhân dân đối với Robespierre. Giờ đây Robespierre xem ông ta như một kẻ thù quan trọng và chờ cơ hội để trừ khử.<sup>i</sup>

#### 4. Cách mạng ăn thịt những đứa con của nó

Sức mạnh của Hébert nằm ở đám đông *sansculottes*, vốn có thể tập hợp hàng ngũ thông qua các khu phố và báo chí cấp tiến để xâm chiếm Quốc ước hội nghị và phục hồi sự thống trị của Paris lên cả nước Pháp. Còn sức mạnh của Robespierre, trước đây dựa trên quần chúng, giờ nằm trong Ủy ban An ninh Công cộng vốn thống trị Quốc ước hội nghị thông qua những điều kiện thuận lợi về thông tin, quyết định, và hành động.

Tháng Mười Một 1793, danh tiếng của Ủy ban lên đến đỉnh điểm, một phần do tổng động viên thành công, nhưng đặc biệt do các chiến thắng quân sự trên nhiều mặt trận. Các tướng lĩnh mới-Jourdan, Kellermann, Kléber, Hoche, Pichegru – là những đứa con của Cách mạng, không bị cản trở bởi những quy luật, chiến thuật cũ hay những sự trung thành giờ đây đã phai nhạt. Họ có dưới tay mình một triệu con người vẫn chưa được vũ trang và huấn luyện đầy đủ nhưng lòng dũng cảm được kích động bởi ý nghĩ về những chuyện sẽ xảy ra cho họ và gia đình nếu như quân thù xuyên phá được chiến tuyến của Pháp. Họ đã bị chặn đứng ở Kaiserslautern, nhưng

---

i Hãy so sánh lời của John Morley, viết khoảng 1880: “Cuộc đấu tranh giữa một bên là Hébert, Chaumette và Công xã Paris, và bên kia là Ủy ban An ninh Công cộng và Robespierre, là hình thức cụ thể của mối mâu thuẫn sâu xa nhất trước xã hội hiện đại: Sự đoàn kết xã hội có thể tồn tại mà không cần đến niềm tin vào một Đấng Tối cao sao? Chaumette trả lời “Được”, và Robespierre trả lời “Không”. Robespierre đi theo Rousseau, còn Chaumette theo Diderot.”<sup>94</sup> (Durant).

đã phục hồi và chiếm được Landau và Speyer. Họ đã đẩy lùi quân Tây Ban Nha về bên kia rặng Pyrénées và, với sự trợ giúp của chàng Napoléon trẻ tuổi, họ đã chiếm lại Toulon.

Từ ngày 26 tháng Tám, một lực lượng gồm binh lính các nước Anh, Tây Ban Nha và Napoli, được một hạm đội Anh - Tây Ban Nha bảo vệ và được tiếp tay bởi những người bảo thủ ở địa phương, đã chiếm lấy cảng và kho vũ khí nằm ở một vị trí chiến lược trên Địa Trung Hải này. Suốt ba tháng, một đạo quân cách mạng đã bao vây lấy cảng mà không đạt được kết quả gì. Một mũi đất, Eguillette, chia tách hải cảng và nhìn xuống kho vũ khí. Chiếm được mũi này sẽ làm chủ được tình thế; nhưng người Anh đã phong tỏa vùng đất dẫn đến mũi này bằng một pháo đài được trang bị hùng hậu tới mức người ta gọi nó là Tiểu Gibraltar. Bonaparte, 24 tuổi, lập tức nhận ra là nếu có thể buộc hạm đội của kẻ địch rời hải cảng, đơn vị đồn trú, do không được tiếp tế từ ngoài biển, sẽ phải bỏ rơi thị trấn. Bằng cách cương quyết và mạo hiểm thăm dò trận địa, chàng tìm thấy trong rừng rậm một nơi tương đối an toàn để pháo binh của chàng có thể bắn vào pháo đài. Khi đại bác của chàng đã phá hủy các bức tường, một tiểu đoàn lính Pháp tràn vào pháo đài, tiêu diệt những kẻ cố thủ, tịch thu hoặc thay thế những khẩu súng của nó. Chúng được dùng để tấn công hạm đội của địch. Lord Hood hạ lệnh cho đơn vị đồn trú bỏ thành phố và hạm đội của ông ta rút đi. Ngày 19.12. 1793, Quân đội Pháp thu hồi Toulon lại cho nước Pháp. Augustin Robespierre, đại diện địa phương của Ủy ban, viết cho người anh của mình khen ngợi “công trạng siêu việt” của viên đại úy pháo binh trẻ. Một thiên anh hùng ca mới bắt đầu.

Các chiến thắng này, cùng với các chiến thắng của Kléber ở Vendée, giúp Ủy ban rảnh tay để đối phó với các vấn đề nội bộ. Có một điều được cho là “âm mưu của nước ngoài” nhằm ám sát các lãnh đạo Cách mạng, nhưng không có bằng chứng thuyết phục nào được tìm thấy. Nạn hối lộ tràn lan trong việc sản xuất và phân phối các hàng cung cấp cho quân đội. “Tại Tập đoàn

quân miền Nam<sup>i</sup> [lô hàng cung cấp] thiếu mất 30.000 chiếc quần – một sự thiếu hụt tai tiếng nhất.”<sup>95</sup> Việc đầu cơ giúp cho những kẻ thao túng thị trường nâng giá hàng hóa. Một bảng giá tối đa của chính phủ đã được lập ra để quy định giá của các sản phẩm quan trọng, nhưng giới sản xuất kêu ca là họ không thể giữ đúng theo các giá này nếu tiền lương không bị kiểm soát theo cách tương tự. Lạm phát bị chặn lại một thời gian, nhưng các nông dân, nhà sản xuất, và thương gia giảm bớt mức sản xuất, nạn thất nghiệp gia tăng trong khi giá cả leo thang. Do các nguồn cung cấp giảm, các bà nội trợ phải xếp hàng hết chỗ này đến chỗ khác để mua bánh mì, sữa, thịt, bơ, dầu, xà phòng, nến, và củi. Những dòng người xếp hàng hình thành ngay từ nửa đêm; đàn ông và đàn bà nằm ở cửa hoặc trên vỉa hè trong khi chờ tiệm mở cửa và hàng người nhích lên. Đó đây các cô gái giang hồ bị đói chào bán các mặt hàng của mình dọc theo hàng người.<sup>96</sup> Trong nhiều trường hợp những nhóm người dùng vũ lực chiếm lấy các cửa hàng và ra đi với các chiến lợi phẩm trên tay. Các dịch vụ công ích trong thành phố sụp đổ; tội ác hoành hành; cảnh sát vắng bóng; rác rưởi không ai thu gom vương vãi khắp đường phố và bốc mùi hôi thối. Tình trạng tương tự cũng xảy ra ở Rouen, Lyon, Marseilles, Bordeaux...

Lập luận rằng Ủy ban đã quản lý kém cỏi nền kinh tế và những kẻ trục lợi đã nắm lấy con thuyền quốc gia, những người *sansculottes* ở Paris, vốn là chỗ dựa chính của Robespierre, đã chuyển sự hậu thuẫn của họ sang Hébert và Chaumette và say sưa lắng nghe những đề nghị quốc hữu hoá tất cả tài sản, tất cả của cải, hoặc ít nhất cũng tất cả đất đai. Một thủ lĩnh khu phố đề nghị cứu chữa nền kinh tế nguy ngập bằng cách giết sạch những người giàu.<sup>97</sup> Đến 1794, giới công nhân có lời ta thán chung rằng giới tư sản đã bỏ đi cùng với Cách mạng.

---

<sup>i</sup> *Armée du Midi*, được thành lập vào ngày 13.4. 1792.

Gần cuối năm 1793, những thách thức mới đối với Ủy ban đến từ một nhà lãnh đạo cách mạng hùng mạnh và một ký giả lỗi lạc. Mặc dù bên ngoài giả vờ hung dữ, trong lòng Danton cũng có một nét tử tế đã làm ông chùn bước trước việc hành quyết Hoàng hậu và tính chất hung bạo của thời kỳ Khủng bố. Từ Arcis trở về, ông nhận định rằng sau khi trục xuất quân xâm lược ra khỏi đất Pháp và hành quyết những kẻ thù tích cực nhất của Cách mạng, chẳng còn mấy lý do để tiếp tục cuộc khủng bố hay chiến tranh. Khi Anh đề nghị hòa bình, ông khuyên nên chấp nhận. Robespierre từ chối và tăng cường khủng bố hơn nữa với lý do là chính phủ hãy còn bị bao vây bởi sự phản bội, âm mưu, và tham nhũng. Camille Desmoulins, có thời từng là thư ký của Danton và là một người bạn ngưỡng mộ ông này từ lâu, và, cũng như Danton, đang vui hưởng một cuộc hôn nhân hạnh phúc, đã biến tờ báo *Le Vieux Cordelier* của ông thành người phát ngôn của “Những người khoan dung”, hoặc người hiếu hòa, và kêu gọi chấm dứt thời kỳ Khủng bố.

Tự do không phải là nữ thần trong vở nhạc kịch, cũng không phải là chiếc mũ đỏ, hoặc một chiếc sơ mi và những manh áo tả tơi bẩn thỉu. Tự do là hạnh phúc, lý trí, bình đẳng, công lý, bản Tuyên ngôn Nhân quyền, bản Hiến pháp cao cả của các ngài [hãy còn ngủ đông].

Các ngài có muốn tôi thừa nhận tự do này, phủ phục dưới chân nó và đổ hết máu mình ra vì nó không? Vậy hãy mở những cánh cửa nhà tù thả 200.000 công dân mà các ngài gọi là những kẻ tình nghi... Đừng nghĩ rằng một biện pháp như vậy sẽ gây tai họa cho công chúng. Trái lại, nó sẽ là biện pháp mang tính cách mạng nhất mà các ngài có thể chấp nhận. Các ngài sẽ trừ khử mọi kẻ thù của mình bằng máy chém chẳng? Nhưng đã từng có sự điên loạn nào khủng khiếp hơn chưa? Các ngài có thể giết một kẻ thù trên đoạn đầu đài mà không tạo ra hai kẻ thù khác trong số thân nhân và bạn bè của anh ta không?

Tôi có một ý kiến rất khác với những người cho rằng cần giữ nguyên sự Khủng bố làm ưu tiên hàng đầu. Tôi tin tự do sẽ được bảo đảm, và châu Âu được chinh phục, ngay khi các ngài có một Ủy ban Khoan dung.<sup>98</sup>

Robespierre, người trước đây hãy còn thân thiện với Desmoulins, phát hoảng với lời kêu gọi mở cửa các nhà tù. Những tên quý tộc, thầy tu, đầu cơ, và những tên tư sản đang ngày càng no béo ấy – một khi được thả ra liệu chúng có tiếp tục các kế hoạch khai thác hoặc hủy hoại nền Cộng hòa một cách tự tin, thậm chí còn hơn trước nữa không? Ông tin chắc là mối lo sợ bị bắt, bị buộc tội nhanh chóng, và một cái chết ghê khiếp là sức mạnh duy nhất khiến những kẻ thù của Cách mạng không dám âm mưu lật đổ nó. Ông nghi ngờ lòng nhân từ bất ngờ của Danton là một mưu mẹo nhằm cứu khỏi máy chém một số cộng sự mới bị bắt gần đây vì những hoạt động phi pháp và để bảo vệ chính Danton khỏi phơi bày những mối quan hệ với những người này. Vài người trong bọn họ – như Fabre d'Églantine và François Chabot – đã bị xét xử ngày 17.1.1794 và bị tuyên có tội. Robespierre kết luận rằng Danton và Desmoulins đang có ý muốn cách chức và chấm dứt Ủy ban. Ông kết luận rằng mình sẽ không bao giờ được an toàn chừng nào những người bạn cũ này còn sống.

Ông khiến cho các kẻ thù của mình chia rẽ và về phe của người này để chống đối người kia; ông khuyến khích Danton và Desmoulins tấn công Hébert, và hoan nghênh sự giúp đỡ của họ trong việc chống đối cuộc chiến chống tôn giáo. Hébert phản công bằng cách ủng hộ những cuộc dấy loạn của thị dân chống lại giá cả và sự khan hiếm thực phẩm. Ông buộc tội cả chính phủ và Những người khoan dung. Ngày 4.3.1794, ông tố cáo đích danh Robespierre và ngày 11 tháng Ba, những người ủng hộ ông ở Câu lạc bộ Cordeliers công khai đe dọa khởi nghĩa. Đa số những người trong Ủy ban đồng ý với Robespierre là thời cơ hành động đã tới. Hébert, Cloots, và nhiều người khác bị bắt và bị xét xử vì tội có

hành động bất lương trong việc phân phối thực phẩm cho dân chúng. Đây là một lời cáo buộc tể nhị, vì nó khiến cho những người *sansculottes* nghi ngờ các nhà lãnh đạo mới của họ; và trước khi họ kịp quyết định nổi loạn, những người này đã bị buộc tội và nhanh chóng bị đưa lên máy chém (ngày 24 tháng Ba). Hébert suy sụp và khóc. Cloots, với vẻ bình thản tiêu biểu của người Đức trong lúc chờ đến lượt mình chết, đã kêu gọi đám đông: “Các bạn, đừng lẫn lộn tôi với những tên vô lại này.”<sup>99</sup>

Danton hẳn đã nhận ra mình bị sử dụng như một công cụ chống lại Hébert, và giờ đây chẳng còn mấy giá trị đối với Ủy ban. Mặc dù vậy, ông tiếp tục làm cho Ủy ban xa lánh khi kêu gọi khoan dung và hòa bình – những chính sách buộc các thành viên bác bỏ chính sách Khủng bố, cái chính sách giúp họ duy trì sự tồn tại, và chiến tranh, vốn là cái cơ biện minh cho sự độc tài của họ. Ông thúc giục chấm dứt việc chém giết. Ông nói, “Chúng ta hãy để lại điều gì đó cho cái máy chém của công luận”. Ông thậm chí còn vạch ra những dự án giáo dục và cải cách tư pháp. Và ông vẫn tỏ ra thách thức. Vài người bảo ông rằng Robespierre đang dự tính bắt ông. Ông trả lời: “Nếu tôi nghĩ hẳn ta thậm chí chỉ có ý tưởng ấy, tôi sẽ ăn tươi trái tim của hẳn.”<sup>100</sup> Trong tình huống hầu như là “tình trạng tự nhiên”<sup>i</sup> mà thời kỳ Khủng bố đã đẩy nước Pháp vào đó, nhiều người cảm thấy họ phải ăn thịt hay bị ăn thịt. Các bạn bè thúc giục ông nên ra tay trước và tấn công Ủy ban trước Quốc ước hội nghị. Nhưng ý chí và dũng khí của ông đã quá mệt mỏi để có thể noi theo lời kêu gọi lịch sử là cần có can đảm của ông. Ông bị kiệt sức vì đã chống đỡ những đợt

---

i Tình trạng tự nhiên (*état de nature*) này được Rousseau mô tả trong *Discours sur l'origine et les fondements de l'inégalité parmi les hommes* như lối sống của con người trước khi họ thiết lập quyền tư hữu và nhà nước để bảo vệ quyền tư hữu ấy cùng các đặc quyền khác. Ở đây, Durant muốn nói tới tình cảnh trong đó quyền sở hữu của chính quyền cách mạng đè bẹp quyền tư hữu của công dân.

sóng của Cách mạng qua suốt bốn năm và giờ đây để cho làn sóng ngầm dội từ bờ ra cuốn phăng đi mà không chống cự. “Tôi thà bị chém còn hơn là chém những người khác” – ông nói (điều này không phải luôn đúng); “và, ngoài ra, tôi ngán ngấm con người quá rồi.”<sup>101</sup>

Có vẻ như Billaud-Varenne là người dẫn đầu đưa ra đề nghị nên xử Danton. Nhiều thành viên của Ủy ban đồng ý với ông ta rằng chấp nhận chiến dịch của Những người Khoan dung là giao nộp Cách mạng cho thù trong giặc ngoài. Trong một thời gian Robespierre cảm thấy do dự khi kết luận rằng cuộc đời của Danton nên được rút ngắn một cách chóng vánh. Ông tin tưởng như các ủy viên khác là bàn tay của Danton đã dính một ít tiền từ công quỹ, nhưng ông nhìn nhận những công sức mà Danton đã đóng góp cho Cách mạng và sợ rằng một bản án tử hình dành cho một trong những nhân vật vĩ đại nhất sẽ dẫn đến việc các khu phố và Vệ binh Quốc gia nổi loạn.

Trong lúc Robespierre do dự, Danton có đến thăm ông ta hai hoặc ba lần, không phải để biện hộ cho chuyện tiền bạc mà để chuyển hóa con người yêu nước ử rữ sang chính sách chấm dứt cuộc Khủng bố và tìm kiếm hòa bình. Robespierre vẫn khẳng khái và càng tỏ ra thù địch hơn. Ông giúp Saint-Just (người Danton thường chế giễu) chuẩn bị vụ kiện chống lại đối thủ vĩ đại nhất của mình. Ngày 30 tháng Ba, ông tham gia Ủy ban An ninh Công cộng và Ủy ban An ninh Tổng quát trong quyết tâm đạt được từ Tòa án Cách mạng một bản án tử hình cho Danton, Desmoulins, và 12 người mà sau này bị buộc tội biến thủ. Một người bạn của “thần Titan”<sup>i</sup> vụt chạy đến chỗ ông để báo tin và giục ông nên rời Paris về ẩn trốn ở các tỉnh. Ông từ chối. Sáng hôm sau cảnh sát bắt ông và

---

i Titan: Trong thần thoại Hy Lạp, những thần Titan là một nhóm các vị thần khổng lồ đầy sức mạnh, con của các thần Uranus và Gaea, thuộc một gia đình các vị thần nguyên thủy. Titan là một trong nhiều biệt danh của Danton. Thomas Carlyle, trong *The French Revolution*, cũng gọi ông là “Titan lực lưỡng”.

Desmoulins, người đang sống ở tầng trên. Bị giam ở nhà tù Conciergerie, ông nhận xét: “Vào một ngày như thế này ta đã thành lập nên Tòa án Cách mạng... Xin Thượng đế và con người hãy tha thứ cho nó... Trong những cuộc cách mạng, quyền hành nằm trong tay những tên vô lại vĩ đại nhất.”<sup>102</sup>

Ngày 1 tháng Tư, Louis Legendre, người vừa mới được bổ nhiệm làm đại diện công tác, đề nghị với các đại biểu nên đưa Danton từ nhà giam đến để tự biện hộ trước Quốc ước hội nghị. Robespierre chặn ông ta lại bằng cái nhìn trừng trừng đe dọa. “Danton”, ông ta kêu lên, “không thể có đặc quyền... Chúng ta sẽ thấy hôm nay liệu Quốc ước hội nghị có thể phá đổ một thần tượng giả tạo đã mục rữa từ lâu hay không.”<sup>103</sup> Rồi Saint-Just đọc bản cáo trạng đã chuẩn bị sẵn. Các đại biểu, người nào cũng lo lắng cho sự an toàn của chính mình, ra lệnh lập tức đưa Danton và Desmoulins đến phiên toà.

Ngày 2 tháng Tư, họ được dẫn tới trước Tòa án. Có lẽ để làm xáo trộn các vấn đề, họ được ghép vào chung một loạt với những người bao gồm Fabre d'Églantine, những kẻ “âm mưu” hay biến thủ khác, và – trong sự ngạc nhiên của mọi người lẫn của chính đương sự – Hérault de Séchelles, thành viên khéo léo ngọt ngào của Ủy ban, giờ đây bị buộc tội liên kết với những người theo phe Hébert và âm mưu của nước ngoài. Danton tự biện hộ một cách mạnh mẽ và với sự dí dỏm châm biếm, tạo nên một ấn tượng đối với bồi thẩm đoàn và công chúng dự khán<sup>104</sup> tới mức Fouquier-Tinville gửi cho Ủy ban một lời yêu cầu khẩn khoản xin ban hành một sắc lệnh buộc bên biện hộ phải im tiếng. Ủy ban giúp đỡ bằng cách gửi cho Quốc ước hội nghị một lời cáo buộc là những người theo phe Danton và Desmoulins đang, theo như họ biết, đang âm mưu giải cứu hai ông này bằng vũ lực; dựa trên cơ sở này, Quốc ước hội nghị tuyên bố đặt hai người ra ngoài vòng pháp luật – điều này có nghĩa là, do ở ngoài [sự bảo vệ của] pháp luật, giờ đây họ có thể bị giết mà không cần đến các thủ tục pháp lý cần thiết. Nhận được

sắc lệnh này, các bồi thẩm thông báo là họ đã nhận được chứng cứ cần thiết và sẵn sàng đưa ra phán quyết sau cùng. Các tù nhân được đưa lại về buồng giam; khán giả được giải tán. Ngày 5 tháng Tư, lời phán quyết nhất trí được thông báo: tử hình tất cả các bị cáo. Nghe được điều này, Danton tiên đoán: “Chỉ không đầy vài tháng nữa nhân dân sẽ xé các kẻ thù của ta ra từng mảnh.”<sup>105</sup> Và nữa: “Hỡi tên Robespierre dê tiện! Đoạn đầu đài cũng đang đòi mạng ngươi. Ngươi sẽ đi theo ta.”<sup>106</sup> Từ trong buồng giam, Desmoulins viết cho vợ: “Lucile yêu dấu của anh! Anh được sinh ra để làm những vần thơ và bảo vệ những người bất hạnh... Em yêu, hãy chăm sóc đứa bé của em; hãy sống vì Horace của anh; nói với nó về anh... Đôi bàn tay bị trói của anh ôm hôn em.”<sup>107</sup>

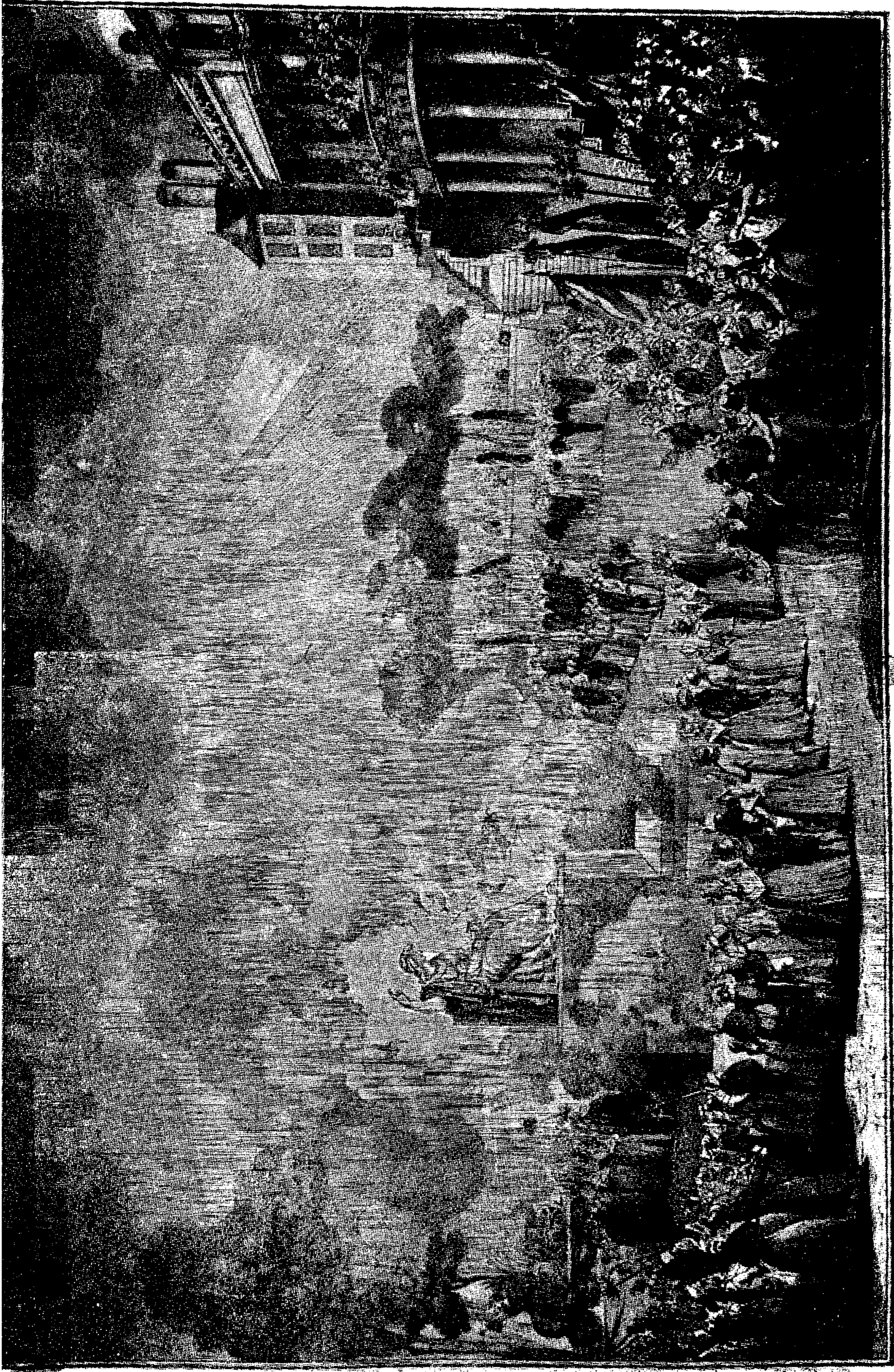
Vào buổi chiều ngày 5 tháng Tư, các tội nhân được đưa tới Quảng trường Cách mạng. Trên đường đi Danton lại tiên tri: “Ta để lại tất cả trong một mớ hỗn độn khủng khiếp. Không một ai trong bọn chúng có được một ý niệm về chính quyền. Robespierre sẽ đi theo ta; hắn sẽ bị ta kéo ngã xuống. A ha, làm một ngư dân nghèo còn tốt hơn là can dự vào việc cai trị con người.”<sup>108</sup> Trên đoạn đầu đài Desmoulins, lòng can đảm đã gần đến chỗ sụp đổ, xếp thứ ba trong hàng tử tội, Danton xếp sau cùng. Ông cũng nghĩ đến người vợ trẻ của mình và thầm thì vài tiếng với nàng, rồi tự chặn mình lại: “Nào, Danton, không được yếu đuối.” Khi đến gần lưỡi dao, ông bảo đao phủ: “Hãy giơ chiếc đầu của ta cho nhân dân cùng thấy. Nó xứng đáng được vậy.”<sup>109</sup> Năm ấy ông 34 tuổi, Desmoulins cũng vậy; nhưng họ đã sống nhiều cuộc đời kể từ cái ngày tháng Bảy khi Camille [Desmoulins] kêu gọi dân Paris chiếm lấy ngục Bastille. Tám ngày sau khi họ chết, Lucile Desmoulins cùng với người vợ góa của Hébert và Chaumette theo họ bước lên máy chém.

Bảng danh sách dường như rõ ràng, tất cả những nhóm người thách thức Ủy ban An ninh Công cộng đã bị tiêu diệt hoặc đàn áp. Những người Girondin đã bị chết

hay phân tán; những *sansculottes* đã bị chia rẽ và buộc im tiếng; các câu lạc bộ – ngoại trừ của phe Jacobin – đã bị đóng cửa; báo chí và sân khấu bị đặt dưới sự kiểm duyệt nghiêm ngặt; Quốc ước hội nghị, bị đe dọa, giao mọi quyết định quan trọng lại cho Ủy ban. Dưới sự giám hộ ấy và sự hướng dẫn của các ủy ban khác của mình, Quốc ước hội nghị đã thông qua các luật lệ chống lại những kẻ tích trữ và đầu cơ, tuyên bố một nền giáo dục tiểu học phổ cập và miễn phí, bãi bỏ chế độ nô lệ tại các thuộc địa Pháp, thiết lập một nhà nước phúc lợi với bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp, giúp đỡ y tế cho người nghèo, và cứu tế cho người già. Các biện pháp này phần lớn bị cản trở bởi chiến tranh và tình hình rối loạn, nhưng chúng vẫn tồn tại như những ý tưởng để tạo cảm hứng cho các thế hệ tiếp theo.

Robespierre, bàn tay nhuốm đỏ máu nhưng tự do, giờ đây chuyên chú phục hồi Thượng đế cho nước Pháp. Cố gắng thay thế Thiên Chúa giáo bằng chủ nghĩa duy lý đã khiến cả nước chống lại Cách mạng. Ở Paris, các tín đồ Công giáo nổi loạn chống việc đóng cửa nhà thờ và việc quấy nhiễu các tu sĩ. Ngày càng có đông người thuộc các giai cấp thấp và trung lưu đi dự lễ ngày Chủ nhật. Trong một bài diễn văn hùng hồn (7.5. 1794), Robespierre biện luận rằng đã tới lúc hợp nhất Cách mạng với ông tổ tinh thần của nó là Rousseau (là người mà di hài đã được đưa vào Panthéon ngày 14 tháng Tư); nhà nước nên hậu thuẫn cho một tôn giáo thuần khiết và giản dị – chủ yếu như tôn giáo của vị Cha sở Savoia trong cuốn *Émile* – dựa trên niềm tin vào Thượng đế và một kiếp sau, và rao giảng một nền đạo đức xã hội và dân sự như là nền tảng cần thiết cho chế độ cộng hòa. Quốc ước hội nghị đồng ý, hy vọng việc này sẽ an ủi những người ngoan đạo và làm dịu bớt cuộc Khủng bố; và ngày 4 tháng Sáu, họ bầu Robespierre làm chủ tịch.

Trong cương vị chính thức này, ngày 8.6. 1794 ông chủ tọa một “Lễ hội Đấng Tối cao” trước 100.000 đàn ông, đàn bà, và



VUE DU JARDIN NATIONAL ET DES DÉCORATIONS,

*Le jour de la fête célébrée en l'Honneur de l'Être Suprême le Decadi 20 Prairial l'an 2 de la République Française*

Hình 18: Lễ hội Đấng tối cao (nghệ nhân vô danh, 1794)

trẻ con tụ tập ở Champs de Mars. Dẫn đầu đám rước dài của các đại biểu hoài nghi, con người Bất khả hủy hoại bước đi với những cành hoa và bông lúa mì trong tay cùng tiếng nhạc và dàn đồng ca phụ họa. Một cỗ xe lớn do những con bò kéo đi chở theo những bó ngô vàng; theo sau chiếc xe là các chàng trai và cô gái chần cừ tượng trưng cho Thiên nhiên (vào lúc tâm trạng vui vẻ) như một hình ảnh và tiếng nói của Thượng đế. Trên một trong những chiếc chậu trang trí cho Champ-de-Mars, David, họa sĩ hàng đầu của thời đại, đã tạc vào gỗ một bức tượng Chủ nghĩa Vô thần được chống đỡ bởi các bức tượng tượng trưng cho sự Truy lạc, đầu đội vương miện tượng trưng cho sự Diên rồ; bên trên quần tượng này ông dựng lên tượng thần Thông thái chiến thắng tất cả. Robespierre, hiện thân của đức hạnh, gắn một ngọn đuốc vào pho tượng Vô thần, nhưng một cơn gió gở đã thổi ngọn lửa sang thần Thông thái. Một biểu ngữ cao thượng tổng quát tuyên bố: “Dân tộc Pháp thừa nhận Đấng Tối cao và sự bất tử của linh hồn.”<sup>110</sup> Những buổi lễ tương tự được cử hành trên khắp nước Pháp. Robespierre lấy làm sung sướng, nhưng Billaud-Varenne bảo ông: “Anh bắt đầu làm tôi chán với Đấng Tối cao của anh đấy.”

Hai ngày sau Robespierre xúi Quốc ước hội nghị ban hành một sắc lệnh đáng ngạc nhiên tăng cường hoạt động Khủng bố, như thể để trả lời và thách thức Danton cũng như ông đã khiển trách Hébert bằng Lễ hội. Đạo luật ngày 22 Prairial [Thảo nguyệt] (10.6. 1794) áp dụng án tử hình cho tội ủng hộ chế độ quân chủ hay vu khống chế độ cộng hòa; xúc phạm luân lý; rao truyền tin tức thất thiệt; ăn cắp tài sản công; trục lợi hoặc biến thủ; cản trở việc vận chuyển lương thực; can thiệp bằng bất cứ hình thức nào vào việc theo đuổi chiến tranh. Ngoài ra sắc lệnh còn cho phép các tòa án quyết định về việc bị cáo được phép có luật sư hay không, ai được ra làm nhân chứng, khi nào chấm dứt việc thu thập chứng cứ.<sup>111</sup> “Về phần tôi”, một vị bồi thẩm nói, “tôi luôn luôn tin chắc.

Trong một cuộc cách mạng, bất cứ ai xuất hiện trước Tòa án này phải bị buộc tội.”<sup>112</sup>

Một số lý do được đưa ra để bào chữa cho việc tăng cường khủng bố này. Ngày 21 tháng Năm, Collot d’Herbois bị mưu sát; ngày 23 tháng Năm, một thanh niên bị bắt trong một âm mưu có vẻ như nhằm ám sát Robespierre. Việc tin vào một âm mưu của nước ngoài nhằm giết các lãnh đạo của Cách mạng đã khiến Quốc ước hội nghị ban hành sắc lệnh, theo đó tất cả các tù binh chiến tranh người Anh hay Hannover sẽ không được tha tội chết. Các nhà tù ở Paris đang giam giữ khoảng tám ngàn người tình nghi có thể nổi loạn hay đào thoát; phải làm cho họ sợ hãi không dám manh động.

Thế là bắt đầu thời kỳ “Đại Khủng bố” kéo dài từ 10 tháng Sáu đến 27.7.1794. Trong không đầy bảy tuần lễ ấy đã có 1.376 đàn ông và đàn bà bị đưa lên máy chém – tăng 155 người so với 61 tuần từ tháng Ba năm 1793 đến 10.6.1794.<sup>113</sup> Fouquier-Tinville nhận xét những chiếc đầu rơi “như ngôi từ mái nhà rơi xuống.”<sup>114</sup> Dân chúng không còn đi xem những buổi hành quyết vì chúng quá nhàm; họ thấy tốt hơn nên ở nhà và canh chừng từng lời nói của mình. Đời sống xã hội gần như ngưng lại; các quán rượu và nhà thổ hầu như trống rỗng. Ngay cả Quốc ước hội nghị cũng bị rút lại còn như bộ xương; trong số 750 đại biểu ban đầu giờ chỉ còn 117 người tham dự và nhiều người trong số này đã bỏ phiếu trắng để khỏi tự làm hại mình. Thậm chí các thành viên của Ủy ban cũng sống trong mối lo sợ có thể rơi đầu dưới lưỡi rìu của nhóm tam đầu chế – Robespierre, Couthon, và Saint-Just.

Có lẽ chính chiến tranh đã khiến cho những cá nhân thế lực phải phục tùng một sự tập trung quyền hành thật khó chịu. Vào tháng Tư 1794, Vương tước Sachsen-Coburg dẫn một đạo quân khác tiến vào nước Pháp và bất cứ thất bại nào của quân Pháp phòng thủ cũng dẫn đến cảnh rối loạn vì lo sợ ở Paris. Cuộc phong tỏa của Anh đang cố ngăn không cho lương thực Mỹ đến được đất Pháp và chỉ nhờ có chiến thắng

của một đoàn tàu hộ tống Pháp trước một hạm đội Anh (ngày 1 tháng Sáu), những tàu hàng quý báu này mới đến được Brest. Rồi một đạo quân Pháp đẩy lùi được những kẻ xâm lược ở gần Charleroi (ngày 25 tháng Sáu) và ngày hôm sau Saint-Just đưa một lực lượng Pháp đến chiến thắng quyết định ở Fleurus. Coburg rút khỏi đất Pháp, và ngày 27 tháng Bảy, Jourdan và Pichegru vượt qua biên giới để thiết lập chính quyền Pháp tại Antwerpen và Lidje.

Việc đẩy lùi thắng lợi cuộc xâm lăng của vị vương tước này có lẽ đã góp phần vào việc lật đổ Robespierre. Các kẻ thù ngày càng tăng của ông có thể cảm thấy quốc gia và Quân đội có thể vượt qua được cơn chấn động của một cuộc xung đột chí tử diễn ra công khai ở ngay trung tâm chính phủ. Ủy ban An ninh Tổng quát bất đồng với Ủy ban An ninh Công cộng về quyền hoạch định chính sách, và trong nội bộ Ủy ban An ninh Công cộng, Billaud-Varenne, Collot d'Herbois, và Carnot tham gia vào cuộc chống đối Robespierre và Saint-Just ngày càng mạnh. Cảm thấy sự thù địch của họ, Robespierre né tránh những cuộc họp của Ủy ban từ ngày 1 đến ngày 23 tháng Bảy, hy vọng điều này sẽ làm dịu cơn phẫn uất của họ đối với sự lãnh đạo của ông; nhưng điều đó chỉ làm cho họ có thêm cơ hội để tìm cách lật đổ ông. Ngoài ra, chiến thuật của ông đã vấp ngã: ngày 23 tháng Bảy, ông đã biến những người ủng hộ mình trước đây thành kẻ thù khi nhượng bộ những vụ kiện cáo của các thương gia và ký một sắc lệnh quy định mức lương tối đa cho người lao động. Thật ra, do đồng tiền mất giá, sắc lệnh đã giảm một số mức lương xuống chỉ còn một nửa so với trước đây.<sup>115</sup>

Chính những tay khủng bố từ các tỉnh quay về – Fouché, Fréron, Tallien, Carrier – đã quyết định rằng mạng sống của họ tùy thuộc vào việc loại bỏ Robespierre. Chính ông ta đã triệu họ về Paris và yêu cầu họ giải thích các công việc của mình. “Nào, Fouché, hãy nói cho chúng tôi biết”, ông hỏi, “ai đã bảo anh nói với dân chúng là không có Thượng đế?”<sup>116</sup>

Tại Câu lạc bộ Jacobin ông đề nghị Fouché trả lời thẩm vấn về những việc đã làm ở Toulon và Lyon, nếu không sẽ bị gạch tên khỏi Ủy ban. Fouché từ chối chịu một sự thẩm tra như vậy và trả đũa bằng cách lưu hành một danh sách những người mà, theo ông, nằm trong bảng phong thần mới của Robespierre chuẩn bị bước lên máy chém. Về phần Tallien, ông không cần bị xúi giục như vậy. Cô tình nhân quyến rũ của ông, Thérèse Cabarrus, đã bị bắt hôm 22 tháng Năm, được cho là theo lệnh của Robespierre. Theo lời đồn cô đã gửi cho Tallien một con dao găm. Tallien thề sẽ giải thoát cho cô bằng mọi giá.

Ngày 26 tháng Bảy, Robespierre đọc bài diễn văn cuối cùng trước Quốc ước hội nghị. Các đại biểu tỏ vẻ thù địch, vì nhiều người trong bọn họ đã phản ứng chống lại việc vội vàng hành quyết Danton và nhiều người hơn nữa trách Robespierre đã đưa Quốc ước hội nghị tới chỗ bất lực. Ông cố gắng đáp lại những lời buộc tội này:

Các công dân... Tôi cần cởi mở lòng mình và các bạn nên nghe sự thật... Tôi đã đến đây để xua tan những lỗi lầm tàn bạo. Tôi đã đến đây để dập tắt những lời nguyên bất hòa kinh khủng mà một số người muốn chất đầy ngôi đền tự do này...

Cái hệ thống khủng bố và vu khống ghê tởm này dựa trên cơ sở nào? Chúng ta phải tỏ ra khủng khiếp với ai?... Ai sợ chúng ta, những tên bạo chúa và bọn bất lương, hay là những người có thiện chí và những người yêu nước?... Có phải chúng ta đang đưa khủng bố vào Quốc ước hội nghị? Nhưng chúng ta là gì nếu không có Quốc ước hội nghị? – chúng ta, những người đã liều mạng sống của mình để bảo vệ Quốc ước hội nghị, những người tận hiến bản thân để duy trì nó trong khi những phe phái đáng ghê tởm âm mưu phá hoại nó cho mọi người thấy?... Những ngón đòn đầu tiên của bọn âm mưu định dành cho ai? Chính chúng ta là những người chúng muốn ám sát, chính chúng ta là những người chúng gọi là tai họa của

nước Pháp... Cách đây không lâu chúng tuyên chiến với một số thành viên của Ủy ban An ninh Công cộng. Cuối cùng chúng dường như nhắm đến việc hủy diệt một người... Chúng gọi tôi là bạo chúa... Chúng đặc biệt khao khát muốn chứng tỏ Tòa án cách mạng là một tòa án đẫm máu, do mình tôi tạo nên và thống trị một cách độc đoán với mục đích chặt đầu tất cả những người thiện chí...

Tôi không dám nêu tên [những người buộc tội này] ở đây và bây giờ. Tôi không đành lòng xé toang tấm mạng bao phủ điều bí mật sâu thẳm của các tội ác này. Nhưng tôi khẳng định điều này một cách chắc chắn: rằng trong số những tác giả của âm mưu này có những đặc viên của cái hệ thống mua chuộc đút lót do ngoại nhân sắp đặt nhằm tiêu diệt nền Cộng hòa... Những tên phản bội, ẩn nấp ở đây dưới bề ngoài giả tạo, sẽ buộc tội những người buộc tội chúng và sẽ gia tăng mọi mưu mẹo... để dập tắt sự thật. Đó là một phần của âm mưu.

Tôi sẽ kết luận rằng... sự chuyển chế ngự trị giữa chúng ta; nhưng như thế không có nghĩa rằng tôi phải giữ im lặng. Làm sao chúng ta có thể trách một người đang ở về phía của sự thật và biết phải chết cho tổ quốc mình như thế nào?"

Có một số sai lầm trong bài diễn văn lịch sử này – nhiều sai lầm đến mức đáng ngạc nhiên đối với một người cho đến trước lúc đó đã chọn những bước đi thận trọng giữa bao cạm bẫy của chính trị. Quyền lực làm người ta phát điên còn mạnh hơn việc làm cho người ta đòi bại; nó khiến người ta bớt lo xa và hành động vội vã hơn. Giọng điệu của bài diễn văn – việc quá kiêu căng tự phụ cho mình không những vô tội mà còn là “một người đang ở về phía của sự thật” – chỉ có thể được xem là khôn ngoan trong trường hợp của một Sôkrátês vốn đã phân nửa muốn bước vào cái chết. Thật không khôn ngoan khi khích động và làm cho những kẻ thù của ông giận dữ bằng cách dọa đặt vào nơi nguy hiểm – nghĩa là chỗ chết. Thật đại dốt khi khẳng định rằng Quốc ước hội nghị không sợ chính sách Khủng bố, khi họ biết rằng điều đó không đúng. Tệ hơn

cả, bằng cách từ chối nêu tên những người ông muốn buộc tội, ông đã làm gia tăng số lượng những đại biểu có thể xem mình như nạn nhân tương lai dưới cơn thịnh nộ của ông. Quốc ước hội nghị nghe lời kêu gọi của ông một cách lạnh lùng và bác bỏ đề nghị in nó ra. Tối hôm ấy Robespierre lập lại bài diễn văn của mình ở Câu lạc bộ Jacobin, được nhiều người hoan nghênh; và tại đây ông công khai tấn công Billaud-Varenne và Collot d'Herbois lúc đó đang có mặt. Từ câu lạc bộ họ đến các phòng của Ủy ban, nơi họ thấy Saint-Just đang viết điều mà anh ta liệu lĩnh bảo họ là bản cáo trạng dành cho họ.<sup>118</sup>



Hình 19: Saint-Just (Pierre-Paul Prud'hon, 1793)

Sáng hôm sau, ngày 27 tháng Bảy (ngày 9 Nhiệt nguyệt), Saint-Just đứng lên trình bản cáo trạng ấy cho một Quốc ước hội nghị đang u ám vì thù địch và căng thẳng vì sợ hãi. Robespierre ngồi ngay trước diễn đàn. Người tiếp tân tận tụy của ông, Duplay, cảnh báo ông nên sẵn sàng đón điều rắc rối, nhưng Robespierre tự tin trấn an người thầy bói: “Quốc ước hội nghị đang trung thực; mọi đám đông đều trung thực.”<sup>119</sup> Rủi thay, người chủ tọa ngày hôm ấy là một trong các kẻ thù không đội trời chung của ông – Collot d’Herbois. Khi Saint-Just bắt đầu đọc bản cáo trạng, Tallien, tin rằng trong đó sẽ có cả mình, lao lên bục, đẩy nhà hùng biện trẻ qua một bên và kêu lên: “Yêu cầu xé tấm màn ra!” Joseph Le Bas, trung thành với Saint-Just, cố giúp anh ta, nhưng những lời nói bị nhấn chìm trong hàng trăm giọng. Robespierre yêu cầu được phát biểu, nhưng chính ông cũng bị la ó ngồi xuống. Tallien giờ cao món vũ khí đã được gửi đến cho mình, tuyên bố: “Tôi đã tự vũ trang bằng một con dao găm; nó sẽ đâm thủng ngực anh ta nếu Quốc ước hội nghị không có can đảm ban hành bản cáo trạng chống anh ta.”<sup>120</sup>

Collot giao lại ghế chủ tọa cho Thuriot, vốn là một đồng minh của Danton. Robespierre tiến đến gần bục, miệng la hét. Thuriot rung chuông át lấy phần lớn những lời của Robespierre, nhưng vài lời vẫn vượt lên trên cảnh náo động: “Lần cuối cùng, thưa ngài Chủ tịch của bọn Sát nhân, ngài có cho phép tôi phát biểu không?” Quốc ước hội nghị la lên biểu lộ sự bất bình đối với hình thức xưng hô này và một đại biểu nói lên những lời chết người này: “Tôi yêu cầu bắt giữ Robespierre.” Augustin Robespierre nói lớn như một người La Mã: “Tôi cũng có tội như anh tôi; tôi chia sẻ những đức hạnh của anh ấy; yêu cầu ra lệnh bắt tôi cùng với anh ấy.”<sup>i</sup> Le Bas yêu cầu và nhận được cùng ân huệ. Sắc lệnh được

---

i Em trai của Maximilien Robespierre là Augustin Bon Joseph de Robespierre, thường gọi là Augustin Robespierre, hay Robespierre Trẻ (1763–1794), cũng là đại biểu ở Quốc ước hội nghị.

biểu quyết. Cảnh sát bắt giữ hai anh em Robespierre, Saint-Just, Le Bas, và Couthon, và nhanh chóng đưa về nhà ngục Luxembourg.

Fleuriot-Lescot, lúc ấy là Thị trưởng Paris, ra lệnh chuyển các tù nhân đến Toà Thị chính, tiếp đãi họ như những vị khách quý, và đặt họ dưới sự bảo vệ của mình. Những người lãnh đạo Công xã yêu cầu Hanriot, chỉ huy Vệ binh Quốc gia ở Paris, đưa binh sĩ và súng ống đến điện Tuileries để cầm giữ Quốc ước hội nghị cho đến khi họ bãi bỏ sắc lệnh bắt giữ; nhưng Hanriot quá say để thực hiện sứ mạng của mình. Các đại biểu bổ nhiệm Paul Barras huy động một lực lượng hiến binh đến Toà Thị chính để bắt lại các tù nhân. Viên Thị trưởng lại kêu gọi Hanriot nhưng ông này, do không thể tập hợp Vệ binh Quốc gia ở Paris, thay vào đó đã huy động một nhóm *sansculottes* ngẫu nhiên. Tuy nhiên, những người này giờ đây ít còn tình cảm đối với một người đã giảm bớt lương của họ, giết Hébert và Chaumette, Danton và Desmoulins. Ngoài ra, mưa bắt đầu rơi và họ tản mác dần để về với công việc hay về nhà. Barras và các hiến binh của ông dễ dàng làm chủ Tòa Thị chính. Nhìn thấy họ, Robespierre tìm cách tự tử, nhưng viên đạn bắn đi từ bàn tay run rẩy của ông chỉ đi xuyên qua má và làm vỡ quai hàm.<sup>121</sup> Le Bas, bình tĩnh hơn, bắn vỡ tung óc mình. Augustin Robespierre bị gãy một chân trong một cú nhảy thất bại từ cửa sổ. Couthon, đôi chân bị liệt, bị quăng xuống tầng dưới và bất lực nằm đấy cho tới khi hiến binh khiêng ông ta vào tù cùng hai anh em nhà Robespierre và Saint-Just.

Chiều hôm sau (28.7. 1794), bốn chiếc xe chở tử tội đưa bốn người này, cùng với Fleuriot, Hanriot (hãy còn say) và 16 người khác đến nơi mà ngày nay chúng ta chiêm ngưỡng [*pro tempore*]<sup>i</sup> dưới cái tên Place de la Concorde. Trên đường đi họ nghe những tiếng hô của bọn móc túi trong số người

i *Latinh*, tạm thời lúc này (cách viết khác: *pro tem*)

đứng xem, trong đó có câu “Đả đảo mức tối đa!”<sup>122</sup> Họ thấy một cử tọa ăn vận hợp thời trang đang chờ đợi mình: những cửa sổ nhìn xuống quảng trường đã được thuê với giá ngất trời; các quý bà ăn vận như đi dự lễ hội. Khi chiếc đầu của Robespierre được giơ cao cho đám đông nhìn, tiếng hò hét thỏa mãn nổi lên. Thêm một cái chết có thể cũng không có ý nghĩa nhiều, nhưng lần này, Paris cảm thấy nó có nghĩa rằng thời kỳ Khủng bố đã chấm dứt.

## **VI. Những người Nhiệt nguyệt [Thermidoriens]: 29.7.1794 – 26.10.1795**

Ngày 29 tháng Bảy, những người chiến thắng trong ngày 9 Thermidor [Nhiệt nguyệt] đưa 70 thành viên của Công xã Paris lên đoạn đầu đài; sau đó Công xã phải lệ thuộc vào Quốc ước hội nghị. Đạo luật chuyên chế ngày 22 Prairial [Thảo nguyệt] bị bãi bỏ (1 tháng Tám); những người chống đối Robespierre đang bị cầm tù được thả; một số những người ủng hộ ông này vào thế chỗ.<sup>123</sup> Tòa án Cách mạng được cải tổ để có được những vụ xét xử công bằng hơn. Fouquier-Tinville được triệu tập để biện hộ cho những việc làm của mình, tài khôn khéo đã giúp ông giữ được cái đầu cho đến ngày 7.5.1795. Hai Ủy ban An ninh Công cộng và An ninh Tổng quát vẫn còn tồn tại, nhưng móng vuốt của chúng đã bị cắt. Báo chí bảo thủ nở rộ; báo chí cấp tiến cực đoan chết rụi vì thiếu sự ủng hộ của công chúng. Tallien, Fouché, và Fréron nhận thấy họ chỉ có thể dự phần trong nhóm lãnh đạo mới nếu như Quốc ước hội nghị làm ngơ những việc làm của họ trong thời kỳ Khủng bố. Các câu lạc bộ Jacobin trên khắp nước Pháp bị đóng cửa (ngày 12 tháng Mười Một). Các đại biểu của nhóm Đồng bằng lâu nay bị dọa dẫm giờ chuyển sang cánh Hữu; nhóm Núi mất quyền hành; và ngày 8 tháng

---

i Ở đây có sự chơi chữ, Maximum (tối đa) gợi đến Maximilien (tên riêng của Robespierre).

Mười Hai những đại biểu Girondin còn sống sót được phục hồi địa vị. Giai cấp tư sản đã giành lại Cách mạng.

Sự nổi loạn của chính quyền đã cho phép tôn giáo sống lại. Ngoại trừ một thiểu số nhỏ đã nhận được nền giáo dục đại học và giới trung lưu lớp trên chịu ảnh hưởng của Thời đại Khai minh, phần lớn đàn ông Pháp và hầu như mọi đàn bà Pháp, đều thích các vị thánh và các buổi lễ theo lịch Công giáo hơn là những lễ hội không có gốc rễ và Đấng Tối cao không có hình thù của Robespierre. Ngày 15.2.1795, một hòa ước được ký kết với những người nổi loạn ở Vendée, bảo đảm cho họ quyền tự do thờ phụng; một tuần sau chủ trương này lan ra khắp nước Pháp; và chính phủ cam kết tách rời Giáo hội ra khỏi nhà nước.

Vấn đề khó hơn là làm sao để cùng lúc thỏa mãn được những kẻ thù truyền kiếp này: người sản xuất và người tiêu thụ. Những người sản xuất kêu gào đòi bãi bỏ việc áp đặt giá trần; còn những người tiêu thụ đòi chấm dứt mức lương tối đa. Quốc ước hội nghị, giờ đây được kiểm soát bởi những người tin tưởng nhiệt thành vào tự do kinh doanh, cạnh tranh, và thương mại, nghe những lời yêu cầu đối nghịch nhau, cuối cùng đã bãi bỏ chính sách giá – lương trần (24.12.1794). Giờ đây công nhân được tự do đi tìm việc làm có lương cao hơn, nông dân và nhà buôn được tự do định giá mọi thứ mà việc mua bán đối chác có thể chịu được. Lòng tham khiến giá cả các mặt hàng gia tăng vô tội vạ. Chính phủ phát hành các tín phiếu mới như một loại tiền giấy, nhưng giá trị của chúng bị mất còn nhanh hơn cả trước đây: một thùng bột mì 36 lít bán cho dân Paris trị giá 2 tín phiếu vào năm 1790, năm 1795 trị giá 225 tín phiếu; một đôi giày tăng từ 5 lên 200 tín phiếu; một tá trứng gà từ 67 lên 2.500 tín phiếu.<sup>124</sup>

Ngày 1.4.1795, những cuộc nổi loạn lại một lần nữa bùng lên tại nhiều nơi ở Paris vì giá bánh mì. Một đám đông không có vũ trang xông vào Quốc ước hội nghị, đòi cung cấp

thực phẩm và chấm dứt ngược đãi những người cấp tiến; nhiều đại biểu thuộc nhóm Núi đang tan rã ủng hộ họ. Quốc ước hội nghị hứa sẽ cứu tế ngay tức thì, nhưng gọi Vệ binh Quốc gia đến giải tán những người nổi loạn. Đêm ấy Quốc ước hội nghị ra sắc lệnh trục xuất các lãnh đạo cấp tiến – Billaud-Varenne, Collot d’Herbois, Barère, Vadier – sang Guyane. Barère và Vadier trốn thoát lệnh bắt; Billaud và Collot bị đày đi sống một cuộc đời vất vả ở Nam Mỹ. Tại nơi ấy, hai con người chống giáo sĩ bị lâm bệnh và được các bà phước chăm sóc. Collot từ trần. Billaud sống sót, lấy một nữ nô lệ da trắng lai đen làm vợ, trở thành một trại chủ thỏa mãn, và chết ở Haiti năm 1819.<sup>125</sup>

Sự chống đối của công chúng trở nên dữ dội. Nhiều tranh cổ động kêu gọi khởi nghĩa xuất hiện. Ngày 20 tháng Năm, một đám đông phụ nữ và đàn ông có vũ trang tràn vào Quốc ước hội nghị, kêu gào đòi bánh mì, đòi trả tự do cho những người cấp tiến bị bắt và cuối cùng đòi chính phủ thoái vị. Một đại biểu bị một phát súng lục giết chết; chiếc đầu bị chặt lìa của ông được bêu cao trên đầu một ngọn giáo, được trình lên vị Chủ tịch Quốc ước hội nghị là Boissy d’Anglas và được ông này chào một cách trang trọng; rồi binh lính và cơn mưa dầy lùi những người thỉnh nguyện về nhà. Ngày 22 tháng Năm, Tướng Pichegru bao vây khu ngoại ô St. Antoine của giai cấp thợ thuyền và buộc những người nổi loạn có vũ trang còn lại ra đầu hàng. Mười một đại biểu nhóm Núi bị bắt và bị buộc tội đồng lõa với cuộc nổi loạn. Hai người trốn thoát, bốn người tự tử chết, năm người, đang hấp hối vì những vết thương tự gây ra, được vội vã đưa đến máy chém. Một đại biểu bảo hoàng thúc giục nên bắt Carnot; một giọng nói phản đối, “Ông ta đã tổ chức các thắng lợi của chúng ta” và Carnot sống sót.

Giờ đây – tháng Năm và Sáu 1795 – một cuộc “Khủng bố trắng” xảy ra, trong đó những người Jacobin là nạn nhân và các quan tòa là những người “Ôn hòa” tư sản liên kết với các

nhóm tôn giáo: “Hội Chúa Giêsu”, “Hội Vua Jehu”<sup>i</sup>, “Hội Thái dương”. Tại Lyon (ngày 5 tháng Năm), 97 người trước đây theo phe khủng bố bị tàn sát trong tù; tại Aix-en-Provence (ngày 17 tháng Năm) 30 người nữa bị giết “với những thủ đoạn dã man tinh vi”; những hành vi tương tự xảy ra ở Arles, Avignon và Marseilles. Ở Tarascon (25 tháng Năm), khoảng hai trăm người mang mặt nạ chiếm lấy pháo đài, trói các tù nhân lại và quăng họ xuống sông Rhône. Ở Toulon, các công nhân nổi lên chống lại đợt Khủng bố mới. Isnard, một trong số những người Girondin được phục hồi, dẫn đầu binh lính chống lại và tàn sát họ (ngày 31 tháng Năm).<sup>126</sup> Thời kỳ khủng bố đã không chấm dứt, nó chỉ đổi kẻ chủ động.

Giai cấp tư sản chiến thắng không còn cần đến các đồng minh vô sản, vì nó đã giành được sự ủng hộ của các tướng lĩnh và các vị tướng này đang đạt được những chiến thắng làm nâng cao uy tín của họ ngay cả đối với những người *sansculottes*. Ngày 19.1.1795, Pichegru chiếm Amsterdam; Tổng trấn nguyên thủ Willem V chạy trốn sang Anh. Hà Lan, trong một thập kỷ, trở thành “Cộng hòa Batave” dưới sự giám hộ của Pháp. Các đạo quân khác của Pháp chiếm lại và trấn giữ tả ngạn sông Rhein. Các Đồng minh, bị đánh bại và hay tranh cãi nhau, rời bỏ nước Pháp và quay sang con mồi dễ hơn là Ba Lan. Nước Phổ, chăm chú vào việc ngăn nước Nga lấy đi bất cứ thứ gì từ Cuộc phân chia lần thứ ba (1795),<sup>ii</sup> đã gửi các sứ thần tới Paris và rồi tới Basel, để thương lượng một hòa ước riêng rẽ với Pháp. Quốc ước hội nghị có đủ lý do để tỏ ra khó tính, vì họ lo lắng hình dung ra một cảnh tượng hòa bình vốn sẽ mang về Paris hay nơi nào khác hàng ngàn binh sĩ đã

i Jehu (Giêhu): Vị vua thứ mười của Israel kể từ Jeroboam I (Giarópam), nổi tiếng vì đã tiêu diệt dòng dõi Ahab (Akháp) theo lời phán của đấng Yahweh. Triều đại của ông kéo dài từ năm 842 đến năm 815 trCN.

ii Cuộc phân chia lần thứ ba: Là cuộc phân chia cuối cùng (1795) trong một chuỗi những cuộc phân chia Khối thịnh vượng chung Ba Lan và Lithuania giữa Phổ, Đế quốc Áo, và Đế quốc Nga, đưa đến việc chấm dứt chủ quyền quốc gia của người Ba Lan - Lithuania cho đến năm 1918.

phần nào trở nên tàn bạo vì sống trên chiến lợi phẩm của các vùng đất bị chinh phục, giờ đây sẽ làm tăng thêm tội ác, bệnh tật, và cảnh rối loạn vào các thành phố đang kêu đòi việc làm và bánh mì. Và các tướng lĩnh hiếu động, vênh váo vì chiến thắng – Pichegru, Jourdan, Hoche, Moreau – liệu họ có cưỡng được sự quyến rũ cướp chính quyền thông qua một cuộc đảo chính quân sự không? Do đó Quốc ước hội nghị gửi tới Basel Hầu tước François de Barthélemy với chỉ thị phải kiên trì đòi cho nước Pháp quyền sở hữu miền tả ngạn sông Rhein. Nước Phổ phản đối rồi nhượng bộ. Sachsen, Hannover và Hessen-Kassel theo gương này; và ngày 22 tháng Sáu, Tây Ban Nha nhượng cho Pháp phần phía đông (Santo Domingo) của đảo La Española [*Pháp*, Hispaniola]. Chiến tranh với Áo và Anh vẫn tiếp diễn – chỉ đủ để giữ các chiến binh Pháp ở lại mặt trận.

Ngày 27 tháng Sáu, 3.600 người *émigré* được các tàu Anh đưa từ Portsmouth đổ bộ lên mũi Quiberon ở Bretagne và nhập vào các nhóm bảo hoàng “Chouan” trong một cố gắng hồi sinh cuộc nổi dậy ở Vendée. Trong một chiến dịch xuất sắc, Hoche đã đánh bại họ (ngày 21 tháng Bảy) và theo một đề nghị của Tallien, Quốc ước hội nghị ra lệnh xử tử 748 người *émigré* bị bắt sống.

Ngày 8.6.1795, Hoàng thái tử lên mười chết trong tù, không thể chứng minh được cái chết là do bị đối xử tồi tệ, mà có lẽ do bệnh tràng nhạc và thất vọng. Nhân dịp này, những người bảo hoàng công nhận người anh trong số hai anh em còn sống sót của Vua Louis XVI, tức *émigré* Bá tước Provence, làm Vua Louis XVIII, và thề sẽ đưa ông lên ngai vàng nước Pháp. Ngày 1.7.1795, vị hậu duệ bảo thủ của dòng họ Bourbon này tuyên bố nếu được phục hồi ông ta sẽ tái lập nguyên vẹn *Ancien Régime* [Chế độ cũ], với chế độ quân chủ tuyệt đối và các quyền phong kiến. Chính vì thế mới nảy sinh sự ủng hộ hợp nhất của các giới *sansculottes*, nông dân, và tư sản Pháp dành cho Napoléon qua hàng chục cuộc chiến tranh.

Tuy nhiên, nước Pháp đã mõi mệt với cách mạng và bắt đầu dung thứ cho những tình cảm bảo hoàng xuất hiện trên một số tờ báo, khách thính, và những gia đình giàu có: chỉ có một vị vua chính thống thông qua việc kế thừa và theo truyền thống mới có thể mang lại an ninh, và trật tự cho một dân tộc đang lo sợ và khổ sở sau ba năm đổ vỡ về chính trị và kinh tế, chia rẽ về tôn giáo, chiến tranh triền miên, và bấp bênh về công việc, thực phẩm lẫn cuộc sống. Một nửa miền nam nước Pháp, hoặc rộng hơn, cảm thấy vô cùng xa lạ với Paris và các chính trị gia ở đó. Tại Paris các hội đồng khu phố, từng có thời bị thống trị bởi những người *sansculottes*, giờ đây ngày càng bị giới doanh nhân kiểm soát và có vài hội đồng bị những người bảo hoàng chiếm giữ. Tại các rạp hát, những lời thoại nói về “những ngày tốt đẹp xưa” trước năm 1789 được hoan nghênh một cách công khai. Giới trẻ, với bản chất hay nổi loạn, bây giờ nổi loạn chống Cách mạng. Họ tự tổ chức thành những băng nhóm gọi là Jeunesse Dorée [Tuổi thanh xuân huy hoàng], Merveilleux [Những chàng trai phi thường], hay Muscadins [Những anh chàng bánh bao]; kiêu hãnh vì cách ăn diện sang trọng hoặc kỳ quặc, với mái tóc dài hoặc quăn tít, họ đi ngoài đường phố, tay cầm những chiếc dùi cui nguy hiểm và táo bạo tuyên bố những tình cảm bảo hoàng. Việc ủng hộ một chính phủ cách mạng đã trở nên quá lỗi thời tới mức khi một bản báo cáo hấp tấp được lưu hành loan tin Quốc ước hội nghị giải tán, tin tức đã được vui mừng đón nhận và một số người dân Paris nhảy múa ngoài đường phố.

Nhưng cơn hấp hối của Quốc ước hội nghị cũng mất nhiều thời gian. Tháng Sáu 1795, nó bắt đầu soạn thảo một bản hiến pháp mới, khác xa bản Hiến pháp năm 1793 vốn đầy tinh thần dân chủ và chưa bao giờ được áp dụng. Giờ đây nó chấp nhận một cơ quan lập pháp lưỡng viện, theo đó sẽ cần đến sự chấp thuận của một thượng viện bao gồm các đại biểu lớn tuổi hơn và có nhiều kinh nghiệm để có thể ban

hành các biện pháp đã được thông qua bởi một hạ viện có xu hướng sẵn sàng tiếp nhận các phong trào bình dân và các ý tưởng mới hơn. Dân chúng, Boissy d'Anglas bảo, không đủ khôn ngoan hay kiên định để quyết định chính sách của một quốc gia.<sup>127</sup> Như thế bản “Hiến pháp của Năm thứ III” này (tức là năm bắt đầu từ ngày 22.9. 1794) đã duyệt xét lại bản Tuyên ngôn Nhân quyền (1789) để kìm chế những ảo tưởng của dân chúng về đạo đức và quyền lực; nó bỏ qua lời tuyên bố rằng “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi” và giải thích rằng bình đẳng chỉ có nghĩa là “luật pháp giống nhau cho mọi người”. Bầu cử được tổ chức theo lối gián tiếp: các công dân có quyền bầu cử sẽ chọn đại biểu vào “cử tri đoàn” của tỉnh, các đại biểu này sẽ chọn các thành viên của cơ quan lập pháp quốc gia, bộ máy tư pháp, và các cơ quan hành chính. Những người có quyền ứng cử vào cử tri đoàn bị giới hạn rất nghiêm ngặt, chỉ dành cho những người có tài sản, đến nỗi chỉ có 30.000 người Pháp được quyền lựa chọn chính phủ quốc gia. Một đại biểu đề nghị nên áp dụng chính sách phổ thông đầu phiếu cho phụ nữ, nhưng bị bác bỏ bởi một câu hỏi của một đại biểu khác: “Đâu là người vợ tốt khi dám cho rằng nguyện vọng của chồng cô ta không phải là của chính cô ta?”<sup>128</sup> Việc nhà nước kiểm soát nền kinh tế bị bác bỏ vì không thực tiễn, làm tê cứng óc phát minh và tính táo bạo, và vì làm trì trệ sự phát triển thịnh vượng của quốc gia.

Hiến pháp này chứa đựng một số yếu tố tự do: nó khẳng định quyền tự do tôn giáo và, trong vòng “những giới hạn an toàn”, tự do báo chí (lúc ấy phần lớn bị kiểm soát bởi giai cấp trung lưu).<sup>i</sup> Ngoài ra, việc phê chuẩn bản hiến pháp sẽ được quyết định bởi một cuộc phổ thông đầu phiếu dành cho đàn ông trưởng thành, với một quy định gây ngạc nhiên: hai phần ba số đại biểu trong hai viện mới phải là các thành viên

---

i Từ *liberal*, như được dùng trong kinh tế và chính trị, có nghĩa là một nền kinh tế tự do với sự can thiệp tối thiểu của chính phủ (Durant).

của Quốc ước hội nghị hiện hữu, và nếu con số này không được chọn, các thành viên tái đắc cử phải đáp ứng con số 2/3 bằng cách kết nạp thêm các đại biểu hiện tại. Điều này, các đại biểu đang trong tình trạng bị lâm nguy biện luận, là cần thiết vì sự liên tục của kinh nghiệm và chính sách. Những người đi bầu tỏ ra ngoan ngoãn: trong tổng số 958.226 phiếu được đếm, có 941.853 phiếu chấp thuận bản hiến pháp mới; và trong số 263.131 phiếu bầu cho tỷ lệ 2/3 được yêu cầu, có 167.758 phiếu chấp thuận.<sup>129</sup> Ngày 23.9.1795 Quốc ước hội nghị biến bản hiến pháp mới trở thành luật của nước Pháp và chuẩn bị rút lui có trật tự.

Quốc ước hội nghị có thể tự nhận một số thành tựu, mặc dù có nhiều tháng rối loạn và thời kỳ Khủng bố, phải quy lụy các ủy ban của mình và phải thanh trừng một cách khiếp đảm các thành viên của chính mình theo lệnh của đám đông *sansculottes*. Nó đã duy trì một số quyền lực của luật pháp trong một thành phố mà luật pháp đã đánh mất hào quang và những cội rễ của mình. Nó đã củng cố quyền hành của giai cấp tư sản, nhưng đã cố hạn chế lòng tham của các thương gia để giữ cho một khối dân chúng bình dân náo loạn khỏi bị chết đói. Nó đã tổ chức và huấn luyện các đạo quân, đã bồi dưỡng được những vị tướng tận tụy và tài ba, đã đẩy lùi một liên minh hùng mạnh và đã đạt được một hòa ước vốn giúp phòng thủ nước Pháp bằng các biên giới tự nhiên của sông Rhein, hai dãy núi Alpes, Pyrénées, và các biển. Giữa các nỗ lực miệt mài này nó đã thiết lập nên hệ thống đo lường mét (thập phân), thành lập hoặc phục hồi Viện bảo tàng Lịch sử tự nhiên, Trường Bách khoa và Trường Y khoa; nó đã khánh thành Institut de France [Pháp quốc học viện].<sup>i</sup> Nó cảm thấy giờ đây, sau ba năm sống sót kỳ diệu, nó xứng đáng hưởng một cái chết bình yên và hai phần ba được phục sinh.

---

i Institut de France : Tập hợp bao gồm năm viện hàn lâm của Pháp: Viện Hàn lâm Pháp, Viện Hàn lâm bi ký và mỹ văn, Viện Hàn lâm khoa học, Viện Hàn lâm mỹ thuật, và Viện Hàn lâm luân lý và chính trị.

Nhưng đó là một cái chết đẫm máu, theo cách của thời bấy giờ. Những kẻ tài phiệt và những người bảo hoàng, sau khi chiếm được khu Lepeletière nằm chung quanh thị trường chứng khoán của Paris, đã nổi loạn chống lại cuộc phục sinh được luật pháp hóa. Những khu phố khác, vì những lý do khác nhau của riêng mình, đã tham gia cùng họ. Họ cùng nhau huy động cấp thời được một lực lượng 25.000 người, tiến về những vị trí có thể kiểm soát điện Tuileries, và do đó, kiểm soát được Quốc ước hội nghị (13 Vendémiaire - Bồ nguyệt) (5.10. 1795). Các đại biểu kinh hoàng bổ nhiệm Barras cấp thời tổ chức cuộc phòng vệ. Ông này giao cho chàng Bonaparte 26 tuổi, lúc này đang rảnh rỗi ở Paris, tập hợp người, quân nhu, và, trên tất cả, pháo binh. Người anh hùng của Toulon biết các khẩu đại bác đang nằm ở đâu, nên đã cử Murat và một lực lượng đi bảo vệ chúng. Chúng được mang tới cho chàng và được đặt tại các điểm nhìn xuống những kẻ nổi loạn đang tiến tới. Một lệnh giải tán được loan ra, nhưng bị coi thường. Napoléon ra lệnh cho pháo binh khai hoả; khoảng từ 200 đến 300 người bao vây bị giết; số còn lại bỏ chạy. Quốc ước hội nghị sống sót qua được cuộc thử thách cuối cùng của mình và Napoléon, cương quyết và tàn nhẫn, bắt đầu một cuộc đời hoạt động ngoạn mục nhất trong lịch sử hiện đại.

Ngày 26 tháng Mười, Quốc ước hội nghị tuyên bố tự giải tán và vào ngày 2.11. 1795, giai đoạn cuối của Cách mạng bắt đầu.

## Chương 5

### Chấp chính ban: 2.11.1795 – 9.11.1799

#### I. Chính phủ mới

Chính phủ mới gồm năm cơ quan. Thứ nhất, một Hội đồng 500 người [*Les Cinq Cents*], có quyền đề nghị và thảo luận các biện pháp, nhưng không được biến chúng thành đạo luật. Thứ hai, một Hội đồng 250 *Ancients* hay Nguyên lão, phải trên 40 tuổi và có gia đình; họ không được phép đề xướng các dự luật, nhưng được bác bỏ hoặc phê chuẩn thành luật các “nghị quyết” do Hội đồng 500 người gửi lên. Hai viện này tạo nên cơ quan Lập pháp [*Corps Législatif*], theo quy định hàng năm phải thay thế 1/3 số thành viên do các cử tri đoàn bầu lên. Cơ quan hành pháp của chính phủ là Chấp chính ban [*Directoire*], gồm năm thành viên, ít nhất 40 tuổi, được các Nguyên lão chọn ra trong số 50 cái tên do Hội đồng 500 người đệ trình và có nhiệm kỳ năm năm. Hàng năm, một trong số các vị Chấp chính được thay thế bằng cách chọn một thành viên mới. Độc lập với ba cơ quan này và với nhau là cơ quan tư pháp và ngân khố, được các cử tri đoàn của các tỉnh bầu chọn. Đây là một chính phủ của sự kiểm soát và quân bình, được thiết kế để bảo vệ giới tư sản chiến thắng trước giới bình dân ngang bướng.

Chấp chính ban, trụ sở đặt tại điện Luxembourg, chẳng bao lâu trở thành bộ phận chủ yếu của chính phủ. Nó kiểm soát Lục quân và Hải quân và quyết định chính sách đối ngoại; nó giám sát bộ trưởng của các bộ nội vụ, ngoại giao, hải quân và thuộc địa, chiến tranh, và tài chính. Do xu hướng hướng

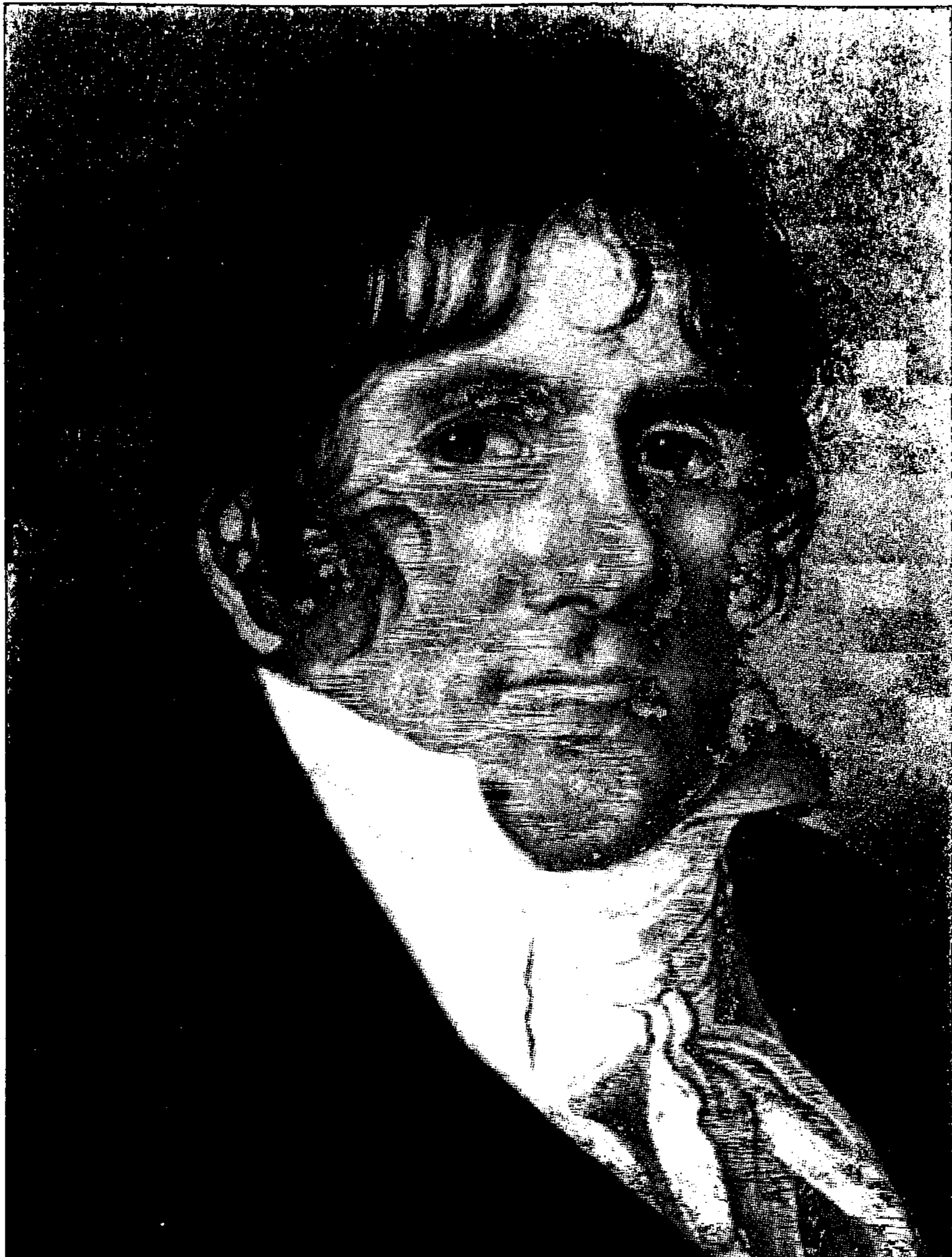
tâm tự nhiên, qua đó quyền hành chảy về giới lãnh đạo, Chấp chính ban trở thành một chế độ độc tài hầu như cũng độc lập giống Ủy ban An ninh Công cộng.

Năm người đầu tiên được chọn làm những vị quan chấp chính là Paul Barras, Louis-Marie de Larevellière-Lépaux, Jean-François Reubell, Charles Letourneur, và Lazare Carnot. Tất cả bọn họ là những kẻ giết vua, bốn người từng là Jacobin, một người – Barras – từng là tử tước; giờ đây họ tự điều chỉnh để thích nghi với một chế độ tư sản. Tất cả là những người có tài năng, nhưng, ngoại trừ Carnot, không nổi bật vì sự liêm chính. Nếu sống sót là phép thử nghiệm của giá trị, thì Barras là người có khả năng nhất, đầu tiên phục vụ Louis XVI, rồi Robespierre, và giúp cả hai đi đến chỗ chết; xoay xở để an toàn vượt qua cuộc khủng hoảng này đến cuộc khủng hoảng khác, qua hết tình nhân này đến tình nhân khác, mỗi lần như vậy lại tích góp của cải và quyền hành, ban cho Napoléon một đạo quân và một cô vợ, sống thọ hơn họ, và chết trong cảnh an nhàn, trong một Paris mà dòng họ Bourbon đã được phục hưng vào năm 74 tuổi (1829);<sup>1</sup> ông đã có chín cuộc đời<sup>i</sup> và đã bán đứng tất cả chúng.

Các vấn đề Chấp chính ban phải đối phó vào năm 1795 có thể, do tính đa dạng phong phú của chúng, biện minh cho một số thất bại của chính phủ họ. Dân chúng Paris luôn phải đối diện với cảnh thiếu thốn; cuộc phong tỏa của Anh liên kết với những xung đột bên trong nền kinh tế cản trở việc vận chuyển thực phẩm và hàng hóa. Nạn lạm phát làm đồng tiền mất giá; năm 1795 phải cần đến 5.000 tín phiếu để mua một món hàng mà năm 1790 chỉ tốn có 100 tín phiếu. Do Ngân khố phải trả lãi cho các phiếu nợ bằng tín phiếu theo giá trị danh nghĩa của chúng, nên những người sống bằng lợi tức đã đầu tư vào công trái nhà nước như một sự bảo đảm cho tuổi già tự thấy mình rơi vào hàng ngũ của những người

---

i Thành ngữ này (*have nine lives*) có nghĩa là “may mắn thoát được những tình huống hiểm nghèo”.



Hình 20: Paul Barras (họa sĩ khuyết danh)

nghèo nổi loạn.<sup>2</sup> Hàng ngàn người Pháp mua chứng khoán trong một cuộc chạy đua điên dại để tránh né nạn lạm phát. Khi giá lên cao tột đỉnh, các nhà đầu tư bán tổng hết chứng khoán của họ; một cuộc chạy đua điên cuồng để bán tháo làm sập giá cổ phần; người khờ khạo nhận thấy những khoản tiền tiết kiệm của họ đã bị một thiểu số khôn ngoan lấu lĩnh thu vét. Ngân khố, sau khi đã đánh mất lòng tin của công chúng, nhiều lần đối diện với cảnh phá sản, và năm 1795 đã tuyên bố phá sản. Một khoản vay bóp nặn từ những người giàu có đã dẫn đến việc các thương gia tăng giá và việc kinh doanh những mặt hàng xa xỉ bị phá sản; nạn thất nghiệp gia tăng; chiến tranh và lạm pháp vẫn tiếp diễn.

Giữa sự hỗn loạn và nghèo khó này, giấc mơ cộng sản mà Mably đã gọi lên năm 1748, Morelly năm 1755 và Linguet năm 1777<sup>i</sup> tiếp tục sưởi ấm trái tim của những người nghèo tuyệt vọng; và nó đã tìm thấy tiếng nói ở Jacques Roux vào năm 1793. Ngày 11.4. 1796, các khu vực thợ thuyền ở Paris dán đầy các bích chương đưa ra một “Phân tích về học thuyết của Babeuf”. Sau đây là một số điều mục:

1. Tự nhiên đã ban cho mỗi người quyền bình đẳng trong việc hưởng thụ mọi điều tốt đẹp...
3. Tự nhiên đã buộc mỗi người phải có bốn phân lao động; không ai có thể tránh né lao động mà không phạm tội lỗi...
7. Trong một xã hội tự do, không nên có người giàu hay người nghèo.
8. Người giàu mà không chia sẻ của thừa của mình cho người nghèo là kẻ thù của nhân dân...
10. Mục tiêu của Cách mạng là xóa bỏ sự bất bình đẳng và thiết lập hạnh phúc cho mọi người.
11. Cách mạng không phải là một cứu cánh, vì người giàu hấp thu hết mọi lợi ích, và ở trong thế độc quyền thống trị, trong khi người nghèo lao động như những nô lệ thật sự... và không là gì dưới con mắt của nhà nước.
12. Hiến pháp năm 1793 là bộ luật chân chính của nước Pháp... Quốc ước hội nghị đã bắn gục những người đòi thi hành nó... Hiến pháp năm 1793 phê chuẩn quyền bất khả chuyển nhượng của mỗi công dân trong việc thực hiện các quyền chính trị, quyền hội họp, quyền đòi hỏi điều họ tin là có ích, quyền tự trau dồi học vấn, và quyền không phải chết đói – những quyền mà bộ luật phản cách mạng [Hiến pháp] năm 1795 đã hoàn toàn và công khai vi phạm.<sup>3</sup>

François-Émile “Gracchus” Babeuf, sinh năm 1760, lần đầu bước vào lịch sử là năm 1785 với tư cách nhân viên của các

---

i Xem Phần X: *Rousseau and Revolution*. (Durant)

địa chủ đi thực thi các quyền phong kiến của họ đối với nông dân. Năm 1789 ông xoay chiều, soạn thảo một tài liệu phân phát cho mọi người, yêu cầu bãi bỏ các nghĩa vụ phong kiến. Năm 1794, ông định cư ở Paris, bảo vệ và rồi tấn công những người Nhiệt nguyệt, bị bắt, và rồi năm 1795 nổi lên như một người cộng sản nhiệt thành. Chẳng bao lâu sau ông thành lập *Société des Égaux* [Hội những người bình đẳng]. Ông tiếp nối bản “Phân tích” của mình bằng một tuyên bố gọi là “Luật Khởi nghĩa” được ký bởi “Ủy ban An ninh Công cộng Khởi nghĩa”. Một số điều khoản là như sau:

10. Hội đồng và Chấp chính ban, những cơ quan tiếm đoạt quyền hành của nhân dân, sẽ bị giải tán. Tất cả các thành viên sẽ bị nhân dân xét xử ngay tức thì...
  18. Tài sản công cũng như tư sẽ được đặt dưới sự canh giữ của nhân dân.
  19. Nhiệm vụ hoàn thành cuộc Cách mạng và đem lại tự do, bình đẳng, và Hiến pháp 1793 cho nền Cộng hòa, sẽ được giao cho một quốc hội, gồm một người ủng hộ dân chủ cho mỗi tỉnh, được bổ nhiệm bởi những người dân khởi nghĩa theo sự giới thiệu của Ủy ban Khởi nghĩa.
- Ủy ban An ninh Công cộng Khởi nghĩa sẽ vẫn còn thường trực cho đến khi cuộc Khởi nghĩa hoàn tất.<sup>4</sup>

Điều này có vẻ đáng ngại như một lời kêu gọi thiết lập một chế độ độc tài khác, một sự đổi chủ từ Robespierre sang người khác. Trong tờ báo *Tribune du Peuple* [Diễn đàn Nhân dân] của mình, Babeuf phóng lớn giấc mơ của ông:

Tất cả những gì sở hữu bởi những kẻ có phần nhiều hơn trong những lợi ích của xã hội đều bị xem như sự trộm cắp và cướp đoạt; do đó việc tước chúng khỏi tay của những kẻ này là công bằng. Người nào chứng tỏ rằng do sức mạnh của chính mình hấn có thể kiếm được hay làm bằng bốn người khác là kẻ âm mưu chống lại xã hội, vì hấn phá hủy sự cân bằng và... sự

bình đẳng quý báu. Việc giáo dục của xã hội phải tiến bộ tới chỗ loại bỏ trong lòng mọi người hy vọng trở nên giàu có hơn, hay thế lực hơn, hay nổi bật hơn nhờ sự khai sáng và tài năng của mình. Bất hòa thì tốt hơn cảnh hòa thuận khủng khiếp trong đó cái đói bóp nghẹt người ta. Chúng ta hãy quay lại cảnh hỗn mang và từ cảnh hỗn mang một trái đất mới mẻ được tái sinh sẽ xuất hiện.<sup>5</sup>

Một *agent provocateur* [kẻ khích động] báo cho Chấp chính ban rằng ngày càng có nhiều người vô sản Paris đọc các bích chương và tờ báo của Babeuf và rằng một cuộc nổi loạn có vũ trang đã được dự trù vào ngày 11.5.1796. Ngày 10 tháng Năm, một lệnh được ban hành nhằm bắt giam ông ta và các cộng sự chính: Filippo Buonarrotti, A. Darthé, M.-G. Vadier và J.-B. Drouet. Sau khi bị bỏ tù một năm, trong thời gian ấy nhiều cố gắng giải thoát họ đã thất bại, họ bị đưa ra xét xử ở Vendôme ngày 27.5.1797. Buonarrotti bị giam tù, Drouet trốn thoát. Babeuf và Darthé bị xử tử hình, cố tự vẫn, nhưng được vội vã đưa lên máy chém trước khi có thể chết. Dĩ nhiên, kế hoạch của họ thật không khả thi, thật ngây thơ đối với bản chất của con người, đến nỗi ngay cả những người vô sản ở Paris cũng không xem trọng. Ngoài ra, vào năm 1797, người nghèo cũng như người giàu ở Pháp đã tìm thấy một người anh hùng mới, con người mơ mộng và hành động quyền rũ nhất trong lịch sử chính trị của nhân loại.

## II. Chàng thanh niên Napoléon: 1769–1795

“Không có sự rèn luyện trí tuệ nào”, Lord Acton<sup>i</sup> nói, “có thể làm ta hăng hái hơn là nhìn hoạt động của trí óc Napoléon, một trí óc được biết đến một cách trọn vẹn nhất cũng như

---

i Lord Acton (1834–1902): Nhà luân lý và sử gia Anh có tư tưởng phóng khoáng, nổi tiếng với câu nói: “Quyền hành có xu hướng làm người ta suy đồi, và quyền hành tuyệt đối làm suy đồi một cách tuyệt đối.”

giàu năng lực nhất trong số các nhân vật lịch sử.”<sup>6</sup> Nhưng ngày nay, ai là người có thể cảm thấy mình đã biết một cách thật sự và hoàn toàn một con người – mặc dù đã có khoảng 200.000 cuốn sách lớn nhỏ viết về ông ta – người mà một trăm sử gia thông thái đã giới thiệu như bậc anh hùng đã đấu tranh để mang lại đoàn kết và luật pháp cho châu Âu, một trăm sử gia thông thái khác thì xem ông như một con yêu tinh đã rút hết máu của nước Pháp và tàn phá châu Âu, để thoả mãn cho một ý chí tham lam vô độ đối với quyền lực và chiến tranh. “Cách mạng Pháp”, Nietzsche nói, “đã làm cho Napoléon có thể ra đời; đó là lý lẽ biện minh của nó.”<sup>7</sup> Napoléon, khi trầm tư trước mộ của Rousseau, đã thầm thì: “Có lẽ sẽ tốt hơn nếu không ai trong hai chúng ta sinh ra đời.”<sup>8</sup>

Chàng ra đời ngày 15.8.1769 tại Ajaccio. Mười lăm năm trước, Genova [*Anh*, Genoa] đã bán đảo Corsica cho nước Pháp. Chỉ mới hai tháng trước một đạo quân Pháp đã xác nhận tính hợp lệ của việc mua bán này bằng cách đàn áp cuộc nổi dậy của Paoli. Lịch sử đã đổi hướng từ những chuyện vụn vặt như thế. Hai mươi năm sau, Napoléon viết cho Paoli: “Tôi ra đời vào lúc đất nước tôi đang hấp hối. Ba mươi ngàn quân Pháp đổ bộ lên bờ biển của chúng ta, nhấn chìm ngai vàng của tự do trong một bể máu. Đó là cảnh tượng đầy căm hờn đã xúc phạm đôi mắt trẻ thơ của tôi.”<sup>9</sup>

Corsica, Titus Livius [*Anh*, Livy]<sup>i</sup> nói: “là một hòn đảo gồ ghề, nhiều núi non, hầu như không thể ở được. Người dân cũng giống như xứ sở của họ, không thể cai trị được, như những con thú hoang.”<sup>10</sup> Việc tiếp xúc với nước Ý đã làm dịu bớt vài phần của tính hoang dã này, nhưng đất đai cằn cỗi, cuộc sống vất vả và hầu như còn nguyên thủy này, những mối

---

i Titus Livius (64/59 trCN – 17 CN): Một trong ba sử gia nổi tiếng nhất của La Mã, cùng với Sallustius và Tacitus. Bộ lịch sử Roma của ông, tựa đề là *Ab Urbe Condita* (Từ khi thành lập thành phố), đã trở thành tác phẩm kinh điển ngay lúc ông còn sống, và ảnh hưởng sâu sắc đến phong cách cũng như triết lý về sử ký đến tận thế kỷ XVIII.

tử thù của gia đình, sự phòng vệ mãnh liệt chống lại những kẻ xâm lược, đã khiến cho dân Corsica thời Paoli thích hợp với chiến tranh du kích hay tính táo bạo của một lính đánh thuê hơn là với những nhượng bộ khiến những bản năng hung dữ phải biến thành trật tự tầm thường nếu muốn kiến tạo nên văn minh. Phép lịch sự phát triển ở thủ đô, nhưng trong phần lớn thời gian Letizia Ramolino Buonaparte mang thai Napoléon, bà phải đi theo chồng từ trại này qua trại khác cùng Paoli, sống trong những lều hoặc lán trại trên núi và hít thở không khí chiến trận. Cậu con của bà dường như nhớ lại tất cả những điều ấy từ trong máu, vì cậu không bao giờ sung sướng bằng lúc chiến tranh. Trong tận cùng cậu vẫn là con người của xứ Corsica và, trong mọi thứ khác ngoại trừ thời đại và giáo dục, là một người Ý mà thời Phục hưng đã truyền lại cho Corsica. Khi chàng chinh phục Ý cho nước Pháp, dân chúng Ý sẵn sàng đón tiếp chàng; chàng là người Ý đang chinh phục nước Pháp.

Cha của chàng, Carlo Buonaparte, có thể lần ra dòng giống mình ngược về rất xa trong lịch sử của nước Ý, qua một dòng dõi đầy khí lực phần lớn sống ở Toscana [*Anh*, Tuscany], rồi ở Genova, rồi, trong thế kỷ XVI, di cư sang đảo Corsica. Gia đình chàng trân trọng huyết thống quý tộc của mình, vốn được chính phủ Pháp nhìn nhận. Tuy nhiên, chữ *de* bị bỏ đi, vì trong thời Cách mạng, một tước hiệu quý tộc là một bước đến gần máy chém. Carlo có tài thích nghi. Ông chiến đấu dưới quyền của Paoli để giành tự do cho Corsica. Khi phong trào này thất bại, ông làm hòa với người Pháp, phục vụ trong chính quyền Pháp-Corsica, bảo đảm cho hai con trai của ông được nhận vào các học viện ở Pháp và nằm trong số các đại biểu được giới quý tộc Corsica cử đến Hội nghị Quốc dân đại biểu. Napoléon kế thừa từ cha chàng đôi mắt xám, và có lẽ cả căn bệnh ung thư dạ dày chết người.<sup>11</sup>

Chàng giống mẹ nhiều hơn. “Tất cả các thành công của tôi, và bất cứ điều tốt đẹp nào mà tôi đã làm, đều nhờ ở mẹ tôi

và những nguyên tắc tuyệt vời của bà. Tôi không ngần ngại khẳng định rằng tương lai của đứa trẻ tùy thuộc vào mẹ nó.”<sup>12</sup> Chàng giống bà ở nghị lực, lòng can đảm, và tính quả quyết kiên cường, thậm chí ở lòng trung thành với dòng họ Bonaparte đang sinh sôi nảy nở nhanh chóng. Sinh năm 1750, Letizia Ramolino lấy chồng năm 14 tuổi và góa chồng năm 35. Từ năm 1764 đến 1784, bà sinh được 13 người con, sáu người bị chết lúc còn nhỏ, bà đã nuôi dạy những người còn lại với uy quyền nghiêm khắc, rạng rỡ với niềm kiêu hãnh của họ và đau khổ cùng nỗi thất bại của họ.

Napoléon là con thứ tư của bà và là người con thứ hai sống sót qua tuổi thơ. Con đầu lòng là Joseph Bonaparte (1768–1844), con người hòa nhã và theo thuyết hưởng lạc; được dựng làm vua xứ Napoli và rồi xứ Tây Ban Nha, ông anh cả này hy vọng mình sẽ là hoàng đế thứ nhì của nước Pháp. Sau Napoléon đến Lucien (1775–1840), người đã giúp ông nắm chính quyền Pháp năm 1799, trở thành kẻ thù sôi nổi của ông và sát cánh cùng ông trong “Một trăm ngày” anh hùng và phù du. Rồi đến Maria Anna Elisa (1777–1820), nữ đại công tước kiêu hãnh và tài năng của xứ Toscana, chống lại anh mình vào năm 1813 và đi trước ông về cõi vĩnh hằng. Rồi đến Louis (1778–1846), người đã cưới nàng Hortense de Beauharnais tốt bụng, trở thành vua Hà Lan và sinh ra Napoléon III. Rồi đến Pauline (1780–1825), xinh đẹp, gây nhiều tai tiếng do cuộc sống phóng đãng, cưới Vương tước Camillo Borghese, và [có vẻ] vẫn còn đang thiết triều, qua những đường cong mềm mại bằng cẩm thạch của Canova<sup>i</sup> tại nhà bảo tàng Galleria Borghese, như một trong những điều thú vị lâu bền ở Roma. “Pauline và tôi”, Napoléon nhớ lại, “là

---

i Tức Antonio Canova (1757 – 1822), điêu khắc gia Ý thuộc trường phái tân cổ điển, nổi tiếng với những bức tượng bằng đá cẩm thạch, và được xem như nghệ sĩ vĩ đại nhất của trường phái này. Ở đây tác giả muốn nói đến bức *La Venere vincitrice* (Nữ thần Venus chiến thắng) mà Pauline làm mẫu.

hai đứa con được Mẹ yêu nhất: vì Pauline là cô con gái xinh đẹp nhất và dễ thương nhất trong số các em gái của tôi, còn tôi là bởi vì một bản năng tự nhiên mách bảo với bà rằng tôi sẽ là người tạo lập nên sự vĩ đại của gia đình.”<sup>13</sup> Rồi đến Maria Carolina (1782–1839), cưới Joachim Murat và trở thành hoàng hậu của xứ Napoli. Cuối cùng là Jérôme (1784–1860), người dựng lên dòng họ Bonaparte ở Baltimore và nổi lên thành vua xứ Westfalen.



Hình 21: Tượng *La Venere vincitrice* (Nữ thần Venus chiến thắng)  
(Antonio Canova, 1807)

Năm 1779, Carlo Buonaparte xin được một đặc ân của chính phủ Pháp cho Napoléon ghi danh vào học Trường quân sự Brienne, cách Paris khoảng 145 km về phía đông nam. Đây là một sự kiện quan trọng trong đời cậu bé, vì nó chuẩn bị cho cậu một sự nghiệp quân sự, và – hầu như cho tới lúc cuối đời – suy nghĩ về cuộc đời và số phận bằng những thuật ngữ chiến tranh. Brienne trở thành một thử thách trong quá

trình hình thành của cậu bé lên mười, sống quá xa nhà trong một môi trường xa lạ và nghiêm ngặt. Các học viên khác không thể tha thứ cho lòng kiêu hãnh và tính khí của cậu, vốn dường như không cân xứng với dòng dõi quý tộc ít người biết đến của cậu. “Tôi vô cùng đau khổ vì bị các bạn học chế giễu, họ cười nhạo tôi như một tên ngoại quốc.” Nhà chính khách độc lập trẻ tuổi lui về với chính mình, với việc nghiên cứu, những cuốn sách, và những giấc mơ. Xu hướng lầm lì của chàng ngày càng tăng thêm. Chàng nói ít, không tin cậy ai, và tách mình ra khỏi một thế giới dường như được tạo ra để gây phiền nhiễu cho chàng. Có một ngoại lệ: chàng kết bạn với Louis-Antoine Fauvelet de Bourrienne, cũng là một sản phẩm của năm 1769. Họ bảo vệ nhau, đánh lộn nhau. Sau một thời gian dài xa cách, Bourrienne trở thành thư ký của chàng vào năm 1797, và vẫn còn thân cận với chàng đến năm 1805.

Cảnh cô đơn giúp cho chàng trai đảo Corsica xuất sắc trong việc học hành, làm thoả mãn lòng khao khát địa vị xuất chúng của chàng. Chàng trốn tránh môn Latinh như một cái gì đã chết; chàng không có mục đích sử dụng vẻ thanh nhã trong thơ của Vergilius [*Anh, Virgil*]<sup>i</sup> hay nét súc tích trong văn xuôi của Tacitus của thứ ngôn ngữ này. Chàng ít được dạy dỗ về văn chương hay nghệ thuật, vì các giáo sư phần lớn không biết đến những thứ quyến rũ này. Nhưng chàng rất ham thích môn toán. Đây là một môn học thích hợp với yêu cầu của chàng về tính chính xác và sáng sủa, một điều gì vượt xa thành kiến và lý lẽ, và hữu dụng thường xuyên cho một kỹ sư quân giới. Trong lĩnh vực này chàng dẫn đầu lớp. Chàng cũng ưa thích môn địa lý; những miền đất khác nhau là những địa hình cần được nghiên cứu, những dân tộc cần được cai trị; và chúng là chất liệu cho những giấc mơ. Môn lịch sử đối với

---

i Vergilius (70 - 19 trCN) được xem như một trong các nhà thơ vĩ đại nhất cổ La Mã. Tác phẩm của ông ảnh hưởng sâu rộng lên văn học Tây phương, kể cả đối với trường ca *Divina Commedia* (Thần khúc) của Dante.

chàng, cũng như với Carlyle, là một sự tôn thờ và bài kinh lần tràng hạt suy tôn các anh hùng, đặc biệt là những người đã chỉ đạo các quốc gia hay lập ra các đế quốc. Chàng yêu Plútarchos thậm chí còn hơn cả Eukleidēs [*Anh*, Euclid];<sup>i</sup> chàng hít thở tình cảm nồng nàn của những con người yêu nước cổ đại ấy, uống lấy máu của những trận đánh lịch sử ấy. “Không có gì là hiện đại trong anh cả”, Paoli bảo chàng; “anh hoàn toàn thuộc về Plútarchos.”<sup>14</sup> Có lẽ chàng đã hiểu được ý của Heine<sup>ii</sup> khi ông này nói rằng khi đọc Plútarchos, ông ta muốn nhảy lên lưng ngựa và phóng đi chinh phục Paris. Napoléon đã đạt được mục đích ấy thông qua Ý và Ai Cập, nhưng tấn công bên sườn là sở trường của chàng.

Sau năm năm ở Brienne, Bonaparte, giờ đây 15 tuổi, nằm trong số các sinh viên được chọn từ 12 trường quân sự của Pháp để theo học chương trình cao cấp tại École Militaire [Học viện Quân sự] Paris. Tháng Mười 1785, chàng được bổ nhiệm làm thiếu úy pháo binh tại Trung đoàn La Fère đồn trú tại Valence bên bờ sông Rhône. Mức lương tổng cộng của chàng tại đây vào khoảng 1.120 livre/năm.<sup>15</sup> Có vẻ như chàng đã trích một ít từ khoản lương này gửi về cho mẹ chàng để lo cho lũ con đang lớn. Vì cha của chàng đã mất hồi tháng Hai và Joseph chưa kiếm ra tiền, Napoléon trở thành lao động chính của gia đình. Vào những dịp nghỉ phép, chàng thường về thăm Corsica, đơn độc, chàng bảo, vì “mùi đất của nó”, vì “những vách đá dựng đứng, những dãy núi, và những vực sâu của nó.”<sup>16</sup>

Ở Valence, và ở Auxonne năm 1788, chàng đã khiến các sĩ quan đồng đội phải kính nể vì tiến bộ nhanh chóng của chàng trong các khoa học và nghệ thuật quân sự, sự lanh

---

i Nhà toán học lỗi lạc thời cổ Hy Lạp, sống vào thế kỷ III trCN. Ông được mệnh danh là “cha đẻ của hình học”.

ii Heine, Heinrich (1797 - 1856): Thi sĩ và nhà tiểu luận người Đức với tác phẩm nổi tiếng nhất là tập thơ *Das Buch der Lieder* (1827; Cuốn sách của những bài ca). Nhiều bài thơ của ông đã được các nhạc sĩ danh tiếng như Schubert, Schumann, Wagner, Brahms... phổ nhạc.

lợi trong học tập, phong phú trong các đề xuất thực tiễn và sẵn sàng chia sẻ trong công việc thể xác vất vả khi điều khiển pháo binh. Chàng nghiên cứu cẩn thận cuốn *Essai de tactique générale* [1772; Luận về sách lược tổng quát] và các tài liệu khác về chiến tranh của Jacques-Antoine-Hippolyte de Guibert, người tình hờ hững của Julie de Lespinasse. Napoléon không còn là kẻ bị ruồng bỏ. Chàng kết bạn, đi xem hát, nghe hòa nhạc, học khiêu vũ, và khám phá những vẻ quyến rũ của phụ nữ. Trong một dịp nghỉ phép ở Paris (22.1.1787), chàng cố ý dẫn mình vào một cuộc phiêu lưu không định trước với một cô gái giang hồ ngoài đường. “Đêm ấy”, chàng bảo đảm với chúng ta, “tôi biết mùi đàn bà lần đầu tiên.”<sup>17</sup> Tuy nhiên vẫn còn một số tâm trạng ủ rũ. Đôi lúc, một mình trong căn phòng giản dị của mình, chàng tự hỏi tại sao, theo cách suy luận thuần túy, chàng phải tiếp tục sống. “Vì sẽ có lúc tôi phải chết, nên có lẽ tốt hơn nếu tôi tự sát.”<sup>18</sup> Nhưng chàng không thể nghĩ ra cách [tự sát] nào dễ chịu.

Trong những lúc rảnh, chàng tìm được thời gian để tự học thêm về văn học và lịch sử. Phu nhân Rémusat, sau này là thị nữ của Joséphine, cho rằng chàng “dốt nát, ít đọc sách, và đọc một cách vội vàng”<sup>19</sup>; thế nhưng chúng ta thấy ở Valence và ở Auxonne chàng đọc những vở kịch của Corneille, Molière, Racine, và Voltaire,<sup>20</sup> nhớ một số đoạn, đọc lại bản dịch Plútarchos của Amyot và nghiên cứu các tác phẩm *Le Prince* [*Il Principe – Quân vương*] của Machiavelli, *Esprit des lois* [*Vạn pháp tinh lý*] của Montesquieu, *Histoire philosophique des deux Indes* [*Lịch sử triết học hai xứ Ấn*] của Raynal, *Histoire des Arabes* [*Lịch sử dân A Rập*] của Marigny, *Histoire du gouvernement de Venise* [*Lịch sử chính quyền Venezia*] của Houssaye, *Histoire d'Angleterre* [*Lịch sử Anh*] của Barrow, và nhiều cuốn nữa. Khi đọc chàng ghi chú và tóm tắt các tác phẩm quan trọng; 368 trang chép những ghi chú vào thời trẻ của chàng hiện vẫn còn.<sup>21</sup> Chàng thuộc về thời Phục hưng Ý trong tính cách và thời Khai minh Pháp

trong ý nghĩ. Nhưng nét lãng mạn trong người chàng cũng hưởng ứng lời văn say đắm của Rousseau và những bài thơ được cho là của “Ossian”<sup>i</sup> mà chàng thích thú “vì cùng một lý do làm tôi ham thích tiếng rì rào của những ngọn gió và những con sóng.”<sup>22</sup>

Chàng chào đón Cách mạng khi nó tràn đến và trải qua một kỳ nghỉ khác vào năm 1790 để vận động chế độ mới chấp nhận mình hoàn toàn. Năm 1791, chàng đệ trình lên Viện Hàn lâm Lyon – để tranh một giải thưởng do Raynal đưa ra – một luận văn về “Những sự thật hay tình cảm nào con người nên có để giúp cho hạnh phúc của họ?”<sup>ii</sup> Có lẽ dưới sức quyến rũ của nàng *Julie, ou La Nouvelle Héloïse* [Julie, hay nàng Héloïse mới] của Rousseau, khiến “đầu óc chàng quay cuồng”,<sup>23</sup> chàng sĩ quan quân đội trẻ trả lời: Hãy dạy cho họ rằng cuộc sống tốt nhất là một cuộc sống đơn giản, cha mẹ và con cái cày xới đất đai, vui hưởng thành quả của nó, xa khỏi ảnh hưởng kích động và đồi bại của thành phố. Tất cả những gì mà một người đàn ông cần cho hạnh phúc là cơm ăn áo mặc, một túp lều, và một người vợ. Hãy để anh ta làm việc, ăn uống, sinh con, và ngủ, và anh ta sẽ sung sướng hơn một ông hoàng. Đời sống và triết lý của những người Sparta là tốt nhất. “Đức hạnh cốt ở lòng can đảm và sức mạnh;... nghị lực là sinh khí của tâm hồn... Con người mạnh mẽ là tốt, chỉ có người yếu mới xấu.”<sup>24</sup> Ở đây chàng thanh niên Napoléon lặp lại Thrasýmachos<sup>25</sup> và báo trước Nietzsche<sup>iii</sup> vốn

---

i Người kể chuyện và được cho là tác giả của một tập sử thi do nhà thơ Scotland tên James Macpherson (1736 – 1796) công bố vào năm 1760.

ii Luận văn này về sau được gọi là *Discours de Lyon* được viết để trả lời câu hỏi đề tài mà Viện Hàn lâm này đưa ra: Quelles vérités et quels sentiments importe-t-il le plus d'inculquer aux hommes pour leur bonheur?

iii Thrasýmachos (khoảng 459 – 400 trCN) Một nhà ngụ biện cổ Hy Lạp được biết đến nhiều nhất qua tập *Politeia* (Cộng hòa) của Plátôn. Nietzsche (1844 – 1900): triết gia, học giả tiếng Latinh và Hy Lạp người Đức. Một trong các triết gia hiện đại có ảnh hưởng nhiều nhất.

là người đã đáp lại lời khen bằng cách dựng Napoléon thành một anh hùng của ý chí quyền lực.<sup>26</sup> Đang trình bày luận cứ của mình, chàng lạc đề qua việc cáo buộc chế độ quân chủ tuyệt đối, các đặc quyền dành cho giai cấp, và sự lừa dối của giới tăng lữ. Viện Hàn lâm Lyon bác bỏ bản luận văn vì quá non nớt.

Tháng Chín 1791, Napoléon lại về thăm quê hương. Chàng vui mừng với sắc lệnh của Quốc hội Lập hiến biến đảo Corsica thành một tỉnh của Pháp và ban cho nhân dân hòn đảo tất cả những đặc quyền của công dân Pháp. Rút lại lời nguyên trả thù cái quốc gia đã biến chàng thành người Pháp một cách mãnh liệt, chàng cảm thấy Cách mạng đang tạo ra một nước Pháp mới rực rỡ. Trong một cuộc đối thoại tưởng tượng – *Le Souper de Beaucaire* [Bữa ăn tối của Beaucaire] – do chàng bỏ tiền túi ra xuất bản vào mùa thu năm 1793, chàng bảo vệ cho Cách mạng như là “trận chiến một mất một còn giữa những người yêu nước và những kẻ chuyên chế của châu Âu”,<sup>27</sup> và thúc giục toàn thể những người bị áp bức gia nhập cuộc đấu tranh cho nhân quyền. Tuy nhiên, người anh hùng trước đây của chàng là Paoli cảm thấy tư cách thành viên của Corsica trong nước Pháp chỉ có thể chấp nhận được đối với ông nếu như ông được cho toàn quyền trên đảo, với tài chính do nước Pháp cung cấp, nhưng binh sĩ Pháp phải rút hết ra khỏi đảo. Napoléon thấy đề nghị này quá đáng. Chàng đoạn tuyệt với thần tượng của mình và chống đối các ứng viên của Paoli trong cuộc bầu cử hội đồng thành phố Ajaccio ngày 1.4. 1792. Paoli thắng và Napoléon quay về Pháp.

Tại Paris, ngày 20 tháng Sáu, chàng nhìn thấy dân chúng xâm chiếm điện Tuileries và lấy làm ngạc nhiên sao Đức vua không giải tán “những kẻ ăn thịt người” bằng một tràng đạn từ các vệ binh Thụy Sĩ của ông. Ngày 10 tháng Tám, chàng thấy đám đông *sansculottes* và *Fédéré* tổng gia đình nhà vua ra khỏi cung điện; chàng mô tả đám đông như “thứ cặn bã thấp kém nhất;... họ không hề nằm trong những giai cấp

lao động.”<sup>28</sup> Với thái độ ngày càng dè dặt, chàng tiếp tục ủng hộ Cách mạng, vì giờ đây là một sĩ quan trong Quân đội. Tháng Mười Hai 1793, như đã tường thuật, chàng nổi bật trong chiến công chiếm lại Toulon. Bản tuyên dương công trạng được gửi đến Robespierre và kết quả là Napoléon được bổ nhiệm làm thiếu tướng ở tuổi 24; nhưng nó cũng khiến chàng chia sẻ số phận bị bắt với ông ta vì là một *Robespierriste* [người ủng hộ Robespierre] (6.8. 1794) sau khi Robespierre bị lật đổ. Chàng bị giam ở Antibes, chuẩn bị đưa ra xét xử và có thể bị tử hình; nửa tháng sau chàng được thả nhưng không được giao nhiệm vụ và bị hạ bậc lương. Mùa xuân năm 1795 (như chàng kể lại cho chúng ta) chàng đi lang thang dọc sông Seine, nghĩ đến chuyện tự tử, thì một người bạn gặp được chàng và làm chàng hồi sinh với một món quà 30.000 franc.<sup>29</sup> Sau này Napoléon trả lại số tiền ấy gấp nhiều lần. Vào tháng Sáu, Boissy d’Anglas mô tả chàng như là “một anh chàng người Ý nhỏ bé, xanh xao, mảnh khảnh, và yếu đuối, nhưng có những quan niệm táo bạo lạ thường.”<sup>30</sup> Trong một thời gian chàng nghĩ đến việc đi Thổ Nhĩ Kỳ, tổ chức lại đạo quân của vị Hồi vương và cắt ra cho mình một vương quốc nào đó ở phương Đông. Trong một lúc tâm trạng thực tế hơn, chàng phác thảo cho Bộ Chiến tranh một kế hoạch để thực hiện chiến dịch đẩy người Áo ra khỏi đất Ý.

Rồi, trong một cơn ngẫu hứng của lịch sử khiến mở ra cánh cửa cho điều không thể tránh khỏi, Quốc ước hội nghị vốn đang bị phe bảo hoàng và những người khác bao vây (5.10. 1795) đã chỉ định cho Barras tổ chức việc phòng thủ. Ông quyết định dùng pháo binh để bảo vệ cơ quan này, nhưng lại không có sẵn chúng trong tay. Ông nhớ tới chiến công của Napoléon ở Toulon, cho người gọi chàng tới, giao cho chàng trọng trách tìm các khẩu pháo và sử dụng chúng. Mệnh lệnh được thi hành và Napoléon trở nên vừa nổi tiếng vừa tai tiếng. Khi Bộ Chiến tranh cần một vị chỉ huy can đảm

và dám nghĩ dám làm để cầm đầu Tập đoàn quân Ý,<sup>i</sup> Carnot (hay Barras<sup>31</sup>) đã bảo đảm cho Bonaparte (2.3. 1796) được bổ dụng. Bảy ngày sau vị tướng sung sướng cưới nàng Joséphine hãy còn xinh đẹp.

### III. Joséphine de Beauharnais

Nàng là một người *Créole*, nghĩa là một người gốc Pháp hay Tây Ban Nha sinh ra và lớn lên ở các thuộc địa nhiệt đới. Hòn đảo Martinique, trong vùng biển Caribe, đã thuộc Pháp được 128 năm khi Marie-Josèphe-Rose Tascher de la Pagerie sinh ra ở đây vào năm 1763 trong một gia đình Orléans lâu đời. Ông chú của nàng, Nam tước Tascher, lúc đó là thống đốc của cảng biển; cha nàng trước đây từng là thị đồng trong cung của Marie-Josèphe, vợ của Hoàng thái tử, mẹ của Louis XVI. Nàng được giáo dục tại nữ tu viện Dames de la Providence ở Fort-Royal (ngày nay là Fort-de-France), trung tâm của chính quyền thuộc địa. Chương trình học bấy giờ gồm có giáo lý vấn đáp, cách ứng xử, thuật viết văn, vẽ, thêu, khiêu vũ, và âm nhạc. Các bà xơ tin rằng những môn này sẽ giúp một thiếu nữ tiến xa hơn là tiếng Latinh hay Hy Lạp, lịch sử, và triết học; và Joséphine đã chứng tỏ điều này là đúng. Nàng đã trở thành một “món ngự thiện dành cho vua chúa”, như người ta từng nói về Phu nhân Pompadour.

Năm 16 tuổi, nàng được đưa về Pháp và gả cho Tử tước Alexandre de Beauharnais, lúc ấy mới 19 tuổi, nhưng đã có nhiều kinh nghiệm trong tình trường theo kiểu của giới quý tộc Pháp. Chẳng mấy chốc những chuyến vắng nhà lâu ngày và thường xuyên đã tố cáo những vụ ngoại tình của chàng, khiến cho nàng Joséphine nhạy cảm tin rằng Điều răn thứ sáu không dành cho các tầng lớp thượng lưu. Nàng hy sinh

---

<sup>i</sup> Lực lượng này (*Armée d'Italie*) tuy mang tên như thế nhưng lại là một tập đoàn quân của Pháp, được thành lập ngày 1.11. 1792, đóng ở biên giới Pháp-Ý và cũng hoạt động trên lãnh thổ Ý.

tận tụy lo cho hai đứa con- Eugène (1781-1824) và Hortense (1783-1837), chúng sau này sẽ tưởng thưởng nàng bằng lòng trung thành suốt đời.

Khi Cách mạng đến, vị Tử tước điều chỉnh quan điểm chính trị của mình sang ủng hộ chế độ mới và giữ được cái đầu trong năm năm. Nhưng đến thời kỳ Khủng bố, bất cứ một tước hiệu quý tộc nào cũng có thể là một lệnh bắt giam.



Hình 22: Joséphine trong lễ phục đăng quang  
(François Gérard, 1807-1808)

Năm 1794, cả Alexandre và Joséphine đều bị bắt và bị giam riêng rẽ; và ngày 24 tháng Bảy, chàng bị đưa lên máy chém. Trong khi chờ đợi một số phận tương tự, nàng chấp nhận những lời tán tỉnh say đắm của Tướng Lazare Hoche.<sup>32</sup> Nàng nằm trong số nhiều nhà quý tộc được thả sau khi Robespierre bị lật.

Bị lâm vào cảnh hầu như cơ cực do tài sản của chồng bị tịch thu, nhưng khao khát nuôi dạy những đứa con, Joséphine đã sử dụng nét quyến rũ của đôi mắt màu xanh sẫm và vẻ đẹp ẻo lả của mình để trở thành một người bạn của Tallien và một người tình của ngôi sao đang lên Barras.<sup>33</sup> Phần nhiều tài sản của Beauharnais bị tịch thu trước đây được phục hồi lại cho nàng, kể cả một cỗ xe thanh lịch và một bầy ngựa đen.<sup>34</sup> Giờ đây nàng chỉ đứng sau Bà Tallien trong tư cách nhân vật hàng đầu trong giới thượng lưu thuộc Chấp chính ban. Napoléon mô tả khách thính của nàng là “đặc sắc nhất Paris.”<sup>35</sup>

Chàng dự vài buổi dạ hội của nàng và lấy làm kinh ngạc bởi vẻ quyến rũ chín chắn, nét duyên dáng thoải mái của nàng và điều mà người cha ưa nuông chiều của nàng gọi là “tính tình cực kỳ ngọt ngào” của nàng.<sup>36</sup> Nàng không có ấn tượng gì đối với Bonaparte, người mà nàng xem như một thanh niên có màu da vàng bủng với vẻ “gầy còm và ốm đói” và có mức thu nhập tương xứng. Nàng cho con trai mình, giờ đây 14 tuổi, đến nài xin chàng giúp đỡ để thu hồi lại thanh gươm đã bị tịch thu của cha cậu. Eugène nhũn nhặn và khiếm tốn đến độ Napoléon lập tức đồng ý lo việc đó. Chàng làm được; Joséphine ghé thăm chàng để cảm ơn; và mời chàng đến dự bữa trưa vào ngày 29 tháng Mười. Chàng đến và bị chinh phục. Không lâu sau đó, vào khoảng tháng Mười Hai, nàng đồng ý cho chàng lên giường của mình,<sup>37</sup> nhưng họ không sẵn lòng lấy nhau. Ở đảo St. Helena, chàng hồi tưởng lại: “Barras đã giúp tôi một việc bằng cách khuyên tôi nên cưới Joséphine. Ông đoán chắc với tôi rằng nàng thuộc về cả hai xã hội cũ lẫn mới, và rằng việc này sẽ đem lại cho tôi thêm nhiều

sự ủng hộ; rằng căn nhà của nàng là nơi tốt nhất ở Paris, và sẽ rửa bỏ cho tôi cái tên mang âm hưởng Corsica; cuối cùng ông nói rằng qua cuộc hôn nhân này tôi sẽ trở thành Pháp hoàn toàn.”<sup>38</sup> Barras cho nàng những lời khuyên tương tự, vì những lý do hầy còn được tranh cãi.<sup>39</sup> Ông bảo nàng, đây là một người đàn ông có mọi dấu hiệu cho thấy anh ta sẽ tự tạo cho mình một địa vị cao trên thế giới. Napoléon không lấy làm nhụt chí vì những cuộc tình trước đây của nàng. “Mọi chuyện liên quan đến em đều làm anh vui thích”, sau này chàng sẽ viết cho nàng như thế, “ngay cả ký ức về lỗi lầm trong cách cư xử của em... Đức hạnh, đối với anh, gồm có những gì em đã làm.”<sup>40</sup>

Họ cưới nhau ngày 9.3. 1796 bằng một buổi lễ thuần túy dân sự; Tallien và Barras tham dự với tư cách nhân chứng; không có người bà con nào được mời. Để giảm nhẹ sự chênh lệch tuổi tác – chàng 27 còn nàng 33 – Napoléon đăng ký tuổi mình là 28, Joséphine viết tuổi mình là 29.<sup>41</sup> Họ qua đêm tân hôn tại nhà nàng. Chàng gặp phải một sự chống đối kiên cường từ Fortuné, chú chó cưng của nàng. “Chú cún ấy”, chàng kể lại với chúng ta, “đang chiếm hữu chiếc giường của Bà chủ... Tôi muốn chú ta rời đi, nhưng vô phương. Tôi được bảo phải nằm chung giường với chú ta, hay đi ngủ chỗ khác; tôi phải chấp nhận hay bỏ đi. Chú cún cưng ít dễ dãi hơn tôi”; vào lúc tệ hại nhất có thể con chó đã cắn vào chân chàng, vết thương nặng đến nỗi chàng phải mang vết sẹo rất lâu.<sup>42</sup>

Ngày 11 tháng Ba, bị xâu xé giữa niềm vui thích mới và lòng đam mê mạnh nhất là quyền lực và vinh quang, Napoléon ra đi để chỉ huy Tập đoàn quân Ý, ở một trong những chiến dịch hiển hách nhất lịch sử.

#### **IV. Cơ lốc Ý: 27.3.1796 – 5.12.1797**

Tình hình quân sự đã được đơn giản hoá bằng những hiệp ước ký với Nga và Tây Ban Nha, nhưng Áo từ chối hòa bình chừng nào Pháp còn chiếm giữ những miền đất đã chinh phục

ở Hà Lan và dọc theo sông Rhein. Anh tiếp tục cuộc chiến trên biển và cấp cho Áo một ngân khoản lên đến 600.000 bảng để tài trợ cho cuộc chiến trên bộ. Áo đã cai trị Lombardia kể từ năm 1713. Giờ đây nước này liên kết với Carlo Emanuele IV, vua của Sardegna và Piemonte, là người đang hy vọng lấy lại Savoia và Nizza vốn đã bị nước Pháp chiếm từ năm 1792.

Chấp chính ban, cụ thể vấn đề này do Carnot lãnh đạo, dự tính những cuộc hành quân năm 1796 như một cuộc tấn công ba mũi nhằm vào nước Áo. Một đạo quân Pháp do Jourdan chỉ huy sẽ tấn công quân Áo trên mặt trận phía đông bắc dọc theo hai sông Sambre và Meuse; một đạo quân khác dưới sự lãnh đạo của Moreau chỉ huy sẽ tiến đánh quân Áo dọc theo sông Moselle và sông Rhein; đạo quân thứ ba, dưới quyền Bonaparte, sẽ cố đuổi quân Áo và Sardegna ra khỏi nước Ý. Sau vài chiến thắng, Jourdan đụng độ với những lực lượng mạnh hơn của Quốc công Karl Ludwig, bị đánh bại ở Amberg và Würzburg, và rút về bờ tây sông Rhein. Moreau tiến vào Bayern [*Anh*, Bavaria] gần tới München [*Anh*, Munich], sau đó được biết viên Quốc công Karl đặc thắng có thể cắt đứt đường liên lạc của mình hoặc tấn công từ phía sau, nên đã rút lui về Alsace. Chấp chính ban, trong một hy vọng cuối cùng, quay sang Napoléon.

Đến Nice [tên Pháp của Nizza] ngày 27 tháng Ba, chàng thấy “Tập đoàn quân Ý” trong một tình trạng không thể nào đối đầu với các lực lượng của Áo và Sardegna đang phong tỏa cái hành lang hẹp dẫn vào nước Ý vốn nằm giữa Địa Trung Hải và rặng Alpes sừng sững. Binh lính của chàng gồm 43.000 người, những con người can đảm đã quen với chiến tranh trên núi, nhưng quần áo và giày trông thảm hại, ăn uống tẻ đến mức họ phải ăn trộm để sống;<sup>43</sup> Khó mà có tới 30.000 trong số họ có thể tham gia những chiến dịch vất vả. Kỵ binh thì quá ít và hầu như không có pháo binh. Các tướng lĩnh mà vị tư lệnh 27 tuổi này phải chỉ huy – Augereau, Masséna, Laharpe, và Sésurier – đều thâm niên trong quân ngũ hơn chàng. Họ bức tức vì việc bổ dụng chàng và quyết cho chàng

thấy kinh nghiệm dày dặn hơn của họ. Nhưng trong cuộc gặp gỡ đầu tiên, họ phải kinh sợ và nhanh chóng vâng lời vì tính chất sáng sủa đầy tự tin của chàng khi giải thích các kế hoạch và đưa ra các mệnh lệnh.

Chàng có thể buộc các tướng lĩnh của mình kính sợ, nhưng không thể tự giải thoát khỏi bùa mê mà Joséphine đã quàng lên chàng. Bốn ngày sau khi đến Nice chàng bỏ qua một bên những tấm bản đồ và sổ nhật lệnh, để viết cho nàng một bức thư nồng cháy của một chàng trai vừa mới khám phá được những tầng sâu của mối đam mê ấp ủ bên dưới những giấc mơ quyền lực của mình:

Nice, 31 tháng Ba, 1796

Không có ngày nào trôi qua mà anh không yêu em, không có đêm nào mà anh không ôm em trong tay. Anh không thể uống một tách trà mà không nguyện rửa cái tham vọng quân sự đã chia cách anh với linh hồn của đời anh. Dù anh có bận rộn với công việc, dẫn binh lính đi hành quân, hay kiểm tra các doanh trại, Joséphine đáng tôn thờ của anh vẫn tràn ngập hồn anh...

Tâm hồn anh buồn bã, con tim anh bị xiềng xích và anh hình dung ra những điều làm anh kinh hãi. Em không yêu anh như trước, em sẽ tìm nguồn an ủi ở nơi khác...

Tạm biệt, vợ của anh, người hành hạ anh, hạnh phúc của anh,... người anh yêu, người anh sợ, nguồn cảm xúc khiến anh dịu dàng như chính Thiên nhiên, và nguồn thôi thúc khiến anh kinh hoàng như tiếng sét. Anh không đòi em yêu anh mãi mãi, hoặc trung thành với anh, mà đơn giản là... kể cho anh nghe sự thật... Thiên nhiên đã tạo nên tâm hồn anh cương quyết và mạnh mẽ và dặt nên tâm hồn em bằng đăng ten và voan mịn màng... Tinh thần anh mãi mê với những kế hoạch rộng lớn, nhưng lòng anh hoàn toàn mê mải vì em...

Tạm biệt! A, nếu em yêu anh ít hơn thì có nghĩa là em không yêu anh chút nào. Lúc ấy anh thực sự là kẻ đáng thương.

BONAPARTE<sup>44</sup>

Chàng lại viết cho nàng vào ngày 3 và 7 tháng Tư, giữa lúc nhịp điệu chiến tranh ngày một gia tăng. Chàng nghiên cứu mọi thông tin có thể có được về các lực lượng của kẻ thù mà chàng phải đánh bại: một đạo quân Áo dưới quyền của Beaulieu ở Voltri gần Genova; một đạo quân khác do Argentaui chỉ huy ở Montenotte, xa hơn về phía tây; và một đạo quân Sardegna dưới quyền thống lĩnh của Colli ở Ceva, xa hơn về phía bắc. Beaulieu cho rằng các tuyến liên lạc sẽ thông báo cho ông ta biết trong trường hợp có đạo quân nào của ông cần được giúp đỡ khẩn cấp. Trên cơ sở ấy ông có thể mong đợi một cách hợp lý sẽ đẩy lùi cuộc tấn công của quân Pháp, vì các lực lượng của ông cộng lại gấp đôi số quân Pháp. Chiến lược của Napoléon là di chuyển càng nhiều binh sĩ của mình một cách bí mật và nhanh chóng càng tốt, để chạm trán với một trong các đạo quân phòng vệ của địch và áp đảo chúng trước khi một trong hai đạo quân còn lại có thể đến tiếp cứu. Kế hoạch bao gồm việc binh sĩ Pháp phải đi bộ nhanh chóng trên những con đường núi non và lởm chởm; nó đòi hỏi những chiến binh dày dạn và kiên quyết. Napoléon tìm cách khích động họ bằng một trong số những lời tuyên bố vốn là một phần không nhỏ trong những vũ khí của chàng:

HỒI BINH SĨ, các bạn đang đói khát và trần trụi. Chế độ Cộng hòa nợ các bạn rất nhiều, nhưng không có đủ phương tiện để trả nợ. Ta đến đây để lãnh đạo các bạn tiến vào những đồng bằng phì nhiêu nhất mà mặt trời từng thấy được. Những tỉnh thành giàu có, những thị trấn trù phú; tất cả sẽ do các bạn tùy ý sử dụng. Hỡi binh sĩ! Với viễn cảnh trước mắt như vậy, lẽ nào các bạn lại không có được lòng can đảm và kiên trì?<sup>42</sup>

Đó là một lời công khai kêu gọi cướp phá, nhưng có cách nào khác chàng có thể khiến những con người không được trả lương này chịu đựng những chặng đường hành quân dài dằng dặc và rồi đối diện với cái chết? Napoléon, như phần lớn những nhà cai trị và những nhà cách mạng, không bao giờ

cho phép đạo lý ngăn cản chiến thắng và chàng tin sự thành công sẽ biện minh cho các tội lỗi của mình. Tại sao nước Ý lại không đóng góp vào chi phí của việc giải phóng nó?

Mục đích đầu tiên trong chiến lược của chàng là đập tan đạo quân Sardegna và khiến cho Vua Sardegna phải rút về Torino [*Anh*, Turin], thủ phủ miền Piemonte của ông ta. Một loạt những cuộc giao chiến thắng lợi và mang tính quyết định – Montenotte (11 tháng Tư), Millesimo (13 tháng Tư), Dego (15 tháng Tư), và Mondovì (22 tháng Tư) – làm tiêu tan các lực lượng Sardegna và buộc Carlo Emanuele phải ký ở Cherasco (28 tháng Tư) một hiệp ước đình chiến, nhượng Savoia và Nizza cho nước Pháp, và trong thực tế, rút ra khỏi cuộc chiến tranh. Trong các trận đánh này vị chỉ huy trẻ tuổi đã gây ấn tượng cho thuộc cấp của chàng với nhận thức nhanh nhạy và sắc sảo về các diễn tiến, nhu cầu và cơ hội, với các mệnh lệnh rõ ràng và kiên quyết của chàng, tính logic và sự thành công của các chiến thuật bổ sung cho sự tiên liệu của chiến lược thường là tấn công kẻ thù từ mạn sườn hay phía sau. Các tướng lĩnh già hơn học vâng lời chàng với lòng tin tưởng vào tầm nhìn và óc phán đoán của chàng; các sĩ quan trẻ hơn – Lannes, Junot, Murat, Marmont, Berthier – ngày càng tận tụy tới mức liên tiếp liều mạng vì chàng. Khi, sau các chiến thắng này, các binh sĩ sống sót kiệt sức lên tới đỉnh núi Zemolo – từ đó có thể nhìn thấy những đồng bằng rực nắng của xứ Lombardia – nhiều người trong số họ đã đột ngột cúi chào con người trẻ tuổi đã lãnh đạo họ một cách sáng chói đến như vậy.

Giờ đây họ không cần phải cướp bóc để sống. Bất cứ nơi nào Napoléon thiết lập nền cai trị của Pháp, chàng cũng đánh thuế lên những người giàu có và hàng giáo phẩm, và thuyết phục hay hạ lệnh cho các thị trấn phải đóng góp vào việc bồi dưỡng các binh sĩ chàng và giúp họ hành xử một cách có kỷ luật. Ngày 26 tháng Tư, ở Cherasco, chàng ngỏ lời trước đạo quân của mình trong một bài tán dương thông minh, cảnh báo họ không được cướp bóc:

HỒI BINH SĨ,

Trong vòng nửa tháng, các bạn đã đạt được sáu chiến thắng, tịch thu 21 ngọn cờ hiệu, 55 khẩu pháo, và chinh phục những phần đất trù phú nhất của Piemonte... Từ chỗ tay không, các bạn đã đáp ứng được mọi thứ cần thiết. Các bạn đã thắng những trận đánh mà không có đại bác, băng qua những con sông mà không có cầu, vượt qua những chặng đường hành quân gian khổ mà không có giày, hạ trại mà không có rượu mạnh và thường không có bánh mì... Tổ quốc biết ơn các bạn và nợ các bạn về sự phồn vinh của mình...

Nhưng, hỡi binh sĩ, cho đến nay những gì các bạn làm được thì chẳng là gì cả nếu so với những gì hãy còn phải làm. Torino hoặc Milano vẫn chưa thuộc về các bạn... Có ai trong số các bạn thiếu can đảm không? Có ai thích quay về qua những đỉnh của rặng Apennines và rặng Alpes và kiên nhẫn chịu đựng sự nhục nhã của một người lính dê hèn? Không, không có ai như thế trong số những nhà chinh phục Montenotte, hoặc Dego, hoặc Mondovì. Tất cả các bạn đang bừng bừng ý chí mở rộng vinh quang của dân tộc Pháp...

Hỡi các bạn, ta đang hứa với các bạn cuộc chinh phục này, nhưng có một điều kiện mà các bạn phải thề sẽ thi hành. Đó là tôn trọng các dân tộc mà các bạn giải phóng và kèm chế hành động cướp bóc kinh khủng mà một số kẻ vô lại phạm phải do bị các kẻ thù của chúng ta khích động. Nếu không làm vậy, các bạn sẽ không phải là những nhà giải phóng mà là những tai họa của họ... Những chiến thắng, lòng can đảm, thành công của các bạn, máu của những người anh em của các bạn đã chết trên chiến trường – tất cả sẽ bị đánh mất, thậm chí cả danh dự và vinh quang. Về phần ta và các tướng lĩnh đang được các bạn tin cậy, chúng ta sẽ phải đổ mắt khi chỉ huy một đạo quân vô kỷ luật và không biết kìm chế... Bất cứ ai có hành động cướp bóc sẽ bị bắn bỏ không thương tiếc.

Hỡi các dân tộc của nước Ý, đạo quân Pháp đến đây để phá vỡ xiềng xích cho các người. Các người có thể tiếp đón họ với

lòng tin cậy. Tài sản, tôn giáo, và phong tục của các người sẽ được tôn trọng... Chúng tôi không có hận thù ngoại trừ đối với những kẻ bạo ngược đang áp bức các người.

BONAPARTE

Có nhiều vụ cướp bóc trong chiến dịch đầu tiên này; sẽ vẫn còn một số vụ nữa mặc dù lời yêu cầu và đe dọa này. Napoléon cho bắn vài kẻ cướp bóc và tha thứ cho những kẻ khác. “Những kẻ đáng thương này”, chàng nói, “đáng tha thứ; họ đã khát khao miền đất hứa này từ ba năm nay,... và giờ đây khi bước vào họ muốn được hưởng thụ nó.”<sup>46</sup> Chàng dỗ dành họ bằng cách để họ chia sẻ những khoản đóng góp và lương thực mà chàng giành được từ những thị trấn được “giải phóng”.

Giữa tất cả những sự náo động của các đợt hành quân, các trận đánh, và hoạt động ngoại giao này, hầu như hàng giờ chàng nghĩ đến người vợ mà mình đã rời bỏ quá sớm sau đêm tân hôn. Giờ đây khi nàng có thể vượt qua rặng Cévennes một cách an toàn, chàng nài xin nàng hãy đến với mình trong một bức thư đề ngày 17 tháng Tư. “Em hãy đến nhanh”, chàng viết ngày 24 tháng Tư, “anh báo cho em biết, nếu còn nấn ná lâu nữa, em sẽ thấy anh rất tệ. Những nỗi mệt nhọc và sự thiếu vắng em – hai cái đó cộng lại làm anh không chịu nổi... Em hãy khoác lấy đôi cánh và bay đến đây... Một nụ hôn lên tim em, một nụ hôn nữa xuống dưới một chút, một nụ hôn khác xuống dưới nữa, thấp xuống dưới nữa!”<sup>47</sup>

Nàng có chung thủy không? Vốn đã quen với những lạc thú của mình, liệu nàng có thể bằng lòng bao tháng trời với những lời nịnh hót qua thư từ? Cùng tháng Tư ấy một sĩ quan đẹp trai là Hippolyte Charles, 24 tuổi, đã tìm được cách đến với nàng. Vào tháng Năm, nàng mời Talleyrand đến gặp anh ta. “Anh sẽ điên lên vì anh ta. Các Bà Récamier, Tallien, và Hamelin như hồn xiêu phách lạc vì anh ta.”<sup>48</sup> Nàng say mê

anh ta tới nổi khi Bonaparte cử Murat đến gặp nàng để đưa tiền bạc cùng những lời dăn dò để đến Ý với chàng, nàng trì hoãn với lý do bị ốm và để cho Murat báo với sếp mình là nàng có dấu hiệu mang thai. Napoléon viết cho nàng ngày 13 tháng Năm: “Vậy thì đúng rồi, em đang có thai! Murat... bảo em không cảm thấy khoẻ và cho rằng thật không cần trọng nếu em phải chịu một chuyến đi xa đến như vậy. Thế là hãy còn lâu lắm anh mới có được niềm vui ôm chặt em trong vòng tay!... Có thể nào anh sẽ không có được niềm vui được nhìn thấy em với chiếc bụng bầu nho nhỏ?”<sup>49</sup> Chàng vui mừng quá sớm; nàng sẽ không bao giờ sinh con cho chàng.

Trong khi ấy chàng dẫn quân lính qua hàng chục trận đánh để đến nơi hằng mong ước của xứ Lombardia – thành phố văn hóa và giàu có Milano. Tại Lodi, trên bờ tây sông Adda, lực lượng chủ yếu của chàng đuổi kịp quân chủ lực của Áo do Beaulieu chỉ huy. Beaulieu tháo lui, băng qua con sông trên một chiếc cầu gỗ dài 200 mét và rồi đặt pháo binh vào một vị trí có thể ngăn quân Pháp vượt sông theo cùng lối đó. Napoléon ra lệnh cho kỵ binh chạy về hướng bắc cho đến khi có thể tìm được một chỗ cạn để băng qua con sông và rồi quay ngược xuống phía nam để tấn công quân Áo từ phía sau. Cho bộ binh ẩn náu sau những bức tường và những ngôi nhà trong thị trấn, chàng tích cực tham gia trận đánh bằng cách chia hỏa lực pháo binh vào những khẩu súng của quân Áo đang khống chế cây cầu. Khi kỵ binh của chàng bất thành liền xuất hiện ở bờ đông và đột kích quân Áo, chàng ra lệnh cho quân ném lựu đạn dẫn đường băng qua cầu. Họ cố gắng, nhưng bị pháo binh Áo chặn lại. Napoléon lao lên và gia nhập cùng Lannes và Berthier dẫn đầu họ. Quân Áo bị đánh tan tác (10.5. 1796), hai ngàn lính bị bắt làm tù binh. Beaulieu rút lui về Mantua và đội quân Pháp, sau một ngày nghỉ ngơi, tiến về Milano. Chính từ chiến công này mà binh lính Pháp, xúc động trước hành động táo bạo nhưng truyền cảm của Bonaparte khi phơi mình ra trước làn đạn của quân thù, đã

tặng cho chàng danh hiệu trù mền “Le Petit Caporal” – Anh Cai đội nhỏ bé.

Không lâu sau chiến thắng này chàng nhận được từ Chấp chính ban một đề nghị thật xúc phạm tới mức chàng có cơ phải chịu nhiều rủi ro khi trả lời. Năm con người [ở Chấp chính ban] ấy, vốn đang khoái trá với những lễ lạt mà Paris tổ chức để đón mừng tin chiến thắng của Napoléon, báo cho chàng (ngày 7 tháng Năm) rằng đạo quân của chàng giờ đây sẽ được chia làm hai phần; một phần sẽ được đặt dưới quyền chỉ huy của Tướng François-Étienne Kellermann (con trai của người chiến thắng trận Valmy) và chịu trách nhiệm bảo vệ quân Pháp ở bắc nước Ý khỏi bị quân Áo tấn công; đạo quân thứ hai, dưới quyền Bonaparte, sẽ tiến xuống miền nam và đưa Lãnh thổ của Giáo hoàng và vương quốc Napoli vào vòng kiểm soát của Pháp. Napoléon xem đây không những là một sự tổn thương về mặt cá nhân mà thậm chí còn hơn nữa, một sai lầm quan trọng về mặt chiến lược: Một cuộc tấn công vào chế độ của Giáo hoàng không những làm bùng lên ngọn lửa của các tín đồ Công giáo trên toàn châu Âu, kể cả ở Pháp, chống lại Cách mạng, mà nước Áo Công giáo cũng đang chuẩn bị đưa một lực lượng hùng hậu dưới quyền chỉ huy của vị thống chế giàu kinh nghiệm, Bá tước Dagobert von Wurmser, để đẩy lùi chàng về lại Pháp. Chàng trả lời rằng Tập đoàn quân Ý cần đến sức mạnh hợp nhất và đã bổ sung của nó để duy trì những thắng lợi thu được; rằng nó chỉ có thể được chỉ huy một cách thành công bằng một bộ tư lệnh duy nhất; rằng do đó chàng sẽ nhường chức vụ của mình lại cho Tướng Kellermann và xin từ chức.

Chấp chính ban nhận được bức thư này cùng với những báo cáo về các thành công mới nhất của Napoléon về quân sự và ngoại giao. Về phần vị tướng trẻ - kiêu hãnh vì chiến thắng và cảm thấy các chính trị gia xa xôi nọ không ở trong vị thế tốt như chàng để thương lượng các hiệp ước phù hợp với những tiềm lực của kẻ thù và tình trạng của quân đội Pháp –

chàng đã tự cho mình quyền quyết định hòa bình cũng như chiến tranh và định đoạt cái giá mà mỗi thành phố hay bang của nước Ý phải trả để được hưởng sự che chở, hơn là phải gánh chịu sự tham lam, của các binh sĩ của chàng. Do đó, sau khi khải hoàn tiến vào Milano (15.5. 1796), chàng dàn xếp những vụ hưu chiến với Công tước xứ Parma, Công tước xứ Modena, và Vua Napoli, qua đó bảo đảm cho họ tình trạng hòa bình với nước Pháp và sự bảo hộ chống lại Áo, quy định các khoản cống nạp mà mỗi công quốc phải đóng để được hưởng mối quan hệ thân thiện và nhân từ này. Họ trả những khoản tiền rất đau đớn và chịu đựng trong cảnh bất lực buồn rầu trước việc các kiệt tác nghệ thuật trong các phòng trưng bày, dinh thự, và công viên của họ bị cướp mất.

Milano chào đón chàng. Trong gần một thế kỷ thành phố này đã mong mỏi được tự do khỏi ách thống trị của Áo và vị thống lĩnh trẻ này tỏ ra độ lượng một cách bất thường so với một nhà chinh phục. Chàng hợp với cách cư xử và nói năng của người Ý, đánh giá cao phụ nữ, âm nhạc và nghệ thuật nước Ý; họ không nhận ra ngay là chàng say sưa tán thưởng nghệ thuật Ý tới mức nào. Bất luận thế nào, trừ khoảng thời gian một tháng hay chừng đó, chàng không phải là người Ý sao? Hiển nhiên là chàng đã tụ tập quanh mình các nghệ sĩ, thi sĩ, sử gia, triết gia, khoa học gia, và trò chuyện thân mật với họ. Trong một thời gian chàng dường như là Lodovico Sforza<sup>i</sup> và Leonardo da Vinci<sup>ii</sup> tái sinh và nhập làm một. Còn gì quyến rũ hơn bức thư chàng gửi cho nhà thiên văn Barnaba Oriani?

---

i Ludovico Maria Sforza (1452–1508): Công tước Milano từ năm 1494 đến 1499, nổi tiếng là người bảo trợ cho Leonardo da Vinci và các nghệ sĩ khác.

ii Leonardo da Vinci (1452–1519): Nhà thông thái người Ý với mối quan tâm trải rộng nhiều lĩnh vực, như phát minh, hội họa, điêu khắc, kiến trúc, khoa học, âm nhạc, toán, cơ khí, văn học, giải phẫu, địa lý, thiên văn, thực vật, lịch sử, và bản đồ; và được công nhận rộng rãi là một trong các họa sĩ vĩ đại nhất của nhân loại.

Những con người thông thái ở Milano không quen được hưởng sự nể trọng mà họ xứng đáng. Ẩn mình trong các phòng thí nghiệm, họ cảm thấy hạnh phúc nếu như các ông vua và các linh mục không làm hại gì đến họ. Giờ đây không còn như vậy. Ở Ý tư tưởng đã được tự do. Không còn Pháp đình tôn giáo, không còn cảnh bắt khoan dung, không còn sự chuyên chế. Tôi mời tất cả các nhà thông thái gặp nhau và nói cho tôi biết những phương pháp nào nên được chấp nhận, hay những nhu cầu nào cần được chu cấp, để đem lại cho khoa học và nghệ thuật một cuộc sống mới... Xin vui lòng thể hiện những tình cảm này của tôi đối với các nhà trí thức xuất chúng ở Milano.<sup>50</sup>

Napoléon kết hợp Milano và các thành phố khác thành nước Cộng hòa Lombardia, các công dân ở đây sẽ cùng người dân Pháp hưởng tự do, bình đẳng, bác ái, và thuế má. Trong một tuyên bố gửi các công dân mới (19.5. 1796), chàng giải thích vì đạo quân giải phóng đã phải trả một giá cao để đem lại tự do cho Lombardia, những người được giải phóng nên đóng góp một khoản tiền 20 triệu franc để bồi dưỡng cho binh lính của chàng. Đây chắc chắn là một khoản đóng góp nhỏ đối với một đất nước trù phú như vậy. Ngoài ra, thuế “sẽ được đánh trên người giàu... và những hội đoàn của giáo hội” để miễn cho người nghèo.<sup>51</sup> Tiếp theo mệnh lệnh của ngày hôm trước và không được công khai lắm là “một nhân viên sẽ đi theo đạo quân Pháp tại Ý để tìm ra và chuyển về nước Cộng hòa tất cả các tác phẩm nghệ thuật, khoa học, văn bản, tại các thành phố bị chinh phục.”<sup>52</sup> Người Ý chỉ có thể trả thù bằng một trò chơi chữ: “*Non tutti Francesi sono ladroni, ma **buona parte***” (Không phải tất cả người Pháp là bọn trộm cướp, nhưng phần lớn là như thế.) Tuy nhiên, Napoléon đang noi theo tấm gương do Quốc ước hội nghị và Chấp chính ban nêu ra.

Việc cướp đoạt các tác phẩm nghệ thuật của các xứ bị chinh phục hay được giải phóng này ít có tiền lệ; nó làm khắp nơi tức giận ngoại trừ nước Pháp, và làm gương cho những chiến binh sau này. Phần lớn các chiến lợi phẩm được gửi

về Chấp chính ban, được họ đón nhận với niềm vui thích, và được đưa đến Louvre, nơi mà bức *Mona Lisa*, mặc dù bị cưỡng đoạt, vẫn không bao giờ mất đi nụ cười. Napoléon chỉ giữ một ít các khoản kiếm được ở Ý cho riêng mình;<sup>53</sup> một phần trong đó được dùng để đầu tư vào những vụ hối lộ khôn ngoan, phần lớn dùng để thưởng cho các binh sĩ nhằm giảm bớt nhiệt tình cướp bóc của họ.

Sau khi đã tích cóp cho cô dâu, chàng nài nữ nàng hãy đến với mình (18 tháng Năm): “Milano... không thể làm gì khác hơn là khiến em vui thích, vì đây là miền đất rất xinh đẹp. Về phần anh, anh sẽ điên lên vì vui mừng... Anh đang muốn nhìn thấy em mang con như thế nào đến chết đi được... *Addio, mio dolce amor*<sup>i</sup>... Em hãy nhanh chóng đến đây để thưởng thức âm nhạc du dương và ngắm nhìn nước Ý xinh đẹp.”<sup>54</sup> Trong khi bức thư đang trên đường đi thì chàng quay lại với công việc đẩy lùi quân Áo ra khỏi nước Ý. Ngày 20 tháng Năm, chàng lại có mặt với binh lính của mình. Biết chẳng bao lâu nữa họ sẽ phải đối mặt với nhiều chương ngại và nhiều đạo quân, chàng gửi đến họ một lời tuyên bố hùng hồn khác:

### HỒI BINH SĨ!

Các bạn đã lao tới như một dòng nước lũ từ những đỉnh cao của rặng Apennines; các bạn đã đánh đổ và xua tan bất cứ lực lượng nào chống lại bước hành quân của các bạn... Sông Po, sông Ticino, sông Adda không thể ngăn bước tiến của các bạn lấy một ngày... Vâng, hỡi binh sĩ, các bạn đã làm được nhiều thứ, nhưng phải chăng không còn gì cho các bạn làm?... Không! Tôi đã thấy các bạn gia nhập quân ngũ, một đợt nghỉ ngơi uể oải làm các bạn mỗi mệt. Mỗi ngày vinh quang của các bạn mất đi cũng là sự mất mát đối với hạnh phúc của các bạn. Hãy tiến lên! Chúng ta vẫn còn những chặng đường hành quân phải đi, những kẻ thù phải vượt qua, những vinh quang phải đạt được, những điều bất công phải báo thù...

---

i Ý, Tạm biệt, tình yêu ngọt ngào của anh.

Đừng để dân chúng phải bị xáo trộn bởi bước tiến của chúng ta; chúng ta là bạn của mọi dân tộc... Các bạn sẽ có được niềm vinh quang bất tử vì đã thay đổi bộ mặt của phần đất xinh đẹp nhất châu Âu. Nước Pháp tự do... sẽ mang lại cho châu Âu một nền hòa bình vẻ vang... Khi ấy các bạn sẽ trở về nhà và đồng bào của các bạn, khi nhận ra các bạn giữa đám đông, sẽ bảo: “Anh ấy từng ở trong Tập đoàn quân Ý.”<sup>55</sup>

Ngày 27 tháng Năm, họ tiếp tục tiến quân xuyên Lombardia. Bất chấp việc Brescia là thuộc lãnh thổ của Venezia [*Anh*, Venice], Napoléon chiếm lấy vùng này và đặt nó làm trung tâm đầu tiên của chiến dịch mới. Khi Venezia gửi các phái viên đến để phản đối, Bonaparte, trong một lần giả vờ lên cơn thịnh nộ, đã làm họ hoảng sợ khi hỏi họ tại sao Venezia lại cho phép người Áo sử dụng các thị trấn và đường sá của mình. Các phái viên xin lỗi và đồng ý để chàng sử dụng lãnh thổ của Venezia theo cách tương tự.<sup>56</sup> Một cuộc hành quân thần tốc đưa quân Pháp đến Peschiera; chi đội quân Áo đồn trú tại đây bỏ chạy; Napoléon ra lệnh củng cố pháo đài chiến lược này để bảo vệ cho việc liên lạc, và thẳng tiến đến Mantua, nơi tàn quân của ba đạo quân của Beaulieu đang đồn trú sau những công sự phòng thủ tưởng như không thể nào hạ được. Napoléon để một phần lực lượng bao vây thành. Một phần khác được đưa xuống miền nam để đẩy lùi quân Anh khỏi Livorno [*Anh*, Leghorn]. Chiến dịch thắng lợi và một cuộc nổi dậy của dân chúng chẳng bao lâu sau đã buộc họ phải rời khỏi Corsica. Murat chỉ đơn giản đuổi viên công sứ Áo khỏi Genova và kết hợp thành lũy Địa Trung Hải ấy thành nước Cộng hòa Liguria dưới quyền kiểm soát của người Pháp. Nước Ý hiếm khi nhìn thấy quá nhiều thay đổi quyền lực trong một thời gian quá ngắn ngủi như vậy.

Napoléon quay về Milano chờ Joséphine. Nàng đến vào ngày 13 tháng Sáu và người hùng chiến thắng ôm hôn kẻ chinh phục mình. Ngày hôm sau thành phố vinh danh nàng bằng một buổi trình diễn đặc biệt ở nhà hát La Scala, tiếp theo

là một buổi khiêu vũ, tại đây toàn thể các nhân sĩ địa phương được giới thiệu với nàng. Sau ba ngày ngất ngây hạnh phúc, vị tướng phải trở về với quân sĩ của mình ở Marmirolo, từ đây chàng gửi cho nàng một bài tụng ca nói lên lòng tôn sùng của tuổi trẻ:

Từ khi chúng ta chia tay nhau lúc nào anh cũng buồn. Anh không biết đến hạnh phúc trừ những lúc bên em... Những nét quyến rũ của Joséphine vô song của anh đã nhóm lên một ngọn lửa không ngừng bùng cháy trong tim anh, qua các giác quan anh. Khi nào anh mới thoát khỏi tâm trạng lo âu và trách nhiệm, được tự do ở mãi bên em, không còn phải làm gì ngoài việc yêu em... ?

Cách đây mấy ngày anh nghĩ anh yêu em, nhưng đến lúc gặp em anh thấy yêu em gấp ngàn lần...

A ha, anh xin em, hãy cho anh thấy những khuyết điểm của em. Hãy bớt xinh đẹp, bớt duyên dáng, bớt âu yếm, bớt dịu dàng. Và trên hết, đừng bao giờ ghen tuông, đừng bao giờ khóc. Nước mắt của em khiến anh mất cả lý trí, khiến máu anh rục rứa...

Hãy đến với anh nhanh lên, để cho ít nhất trước khi chết chúng ta có thể nói: “Chúng ta đã có những giờ vui sướng bên nhau.”... <sup>57</sup>

Nàng vâng lời mặc cho mối nguy hiểm trên đường đi từ những lính bắn tỉa của quân thù, đuổi kịp chàng ở Brescia và theo chàng đến Verona. Tại đây một binh sĩ liên lạc mang tin báo cho chàng biết là một đạo quân Áo mới nguyên đang tiến vào Ý dưới sự chỉ huy của Bá tước von Wurmser, người vừa mới đây đã đẩy lùi quân Pháp khỏi Mannheim. Theo tính toán thì đạo quân này đông gấp ba lần các lực lượng của Napoléon. Dự kiến được tai họa, chàng gửi Joséphine về lại Peschiera và bố trí để đưa nàng từ đó về Firenze [*Anh*, Florence]. Trong lúc ấy chàng ra lệnh cho các chi đội mà trước đây chàng để lại Mantua từ bỏ việc bao vây và đi theo một con đường vòng an toàn đến nhập vào đạo quân chính của chàng. Họ đến kịp lúc để tham dự trận Castiglione (5.8.1796). Wurmser, do không ngờ tới một cuộc tấn công sớm như vậy, nên dẫn các

sư đoàn của mình đi về hướng nam theo một tuyến rất mỏng. Napoléon đột kích vào đám quân Áo không được chuẩn bị, khiến họ hoảng loạn bỏ chạy, và bắt được 15.000 tù binh. Wurmser rút lui về Rovereto; quân Pháp đuổi theo và đánh bại ông ta tại đây và rồi tại Bassano. Vị tướng già không còn chút nhuệ khí cùng tàn quân tháo chạy về tìm chỗ trú ẩn sau những bức tường thành với lỗ châu mai ở Mantua. Napoléon để vài trung đoàn cầm chân ông ta ở đây.

Nhưng giờ đây 60.000 quân Áo bổ sung dưới quyền của Nam tước Alvinczy từ rặng Alpes tràn xuống để đối đầu Bonaparte với 45.000 quân còn lại. Chàng gặp họ ở Arcole, nhưng họ đang ở bên kia sông Adige và chỉ có thể đến đó bằng cách băng qua một cây cầu dưới làn đạn. Một lần nữa, như ở Lodi trên sông Adda, Napoléon nằm trong số những người lính đầu tiên băng qua cầu.<sup>i</sup> “Khi tôi đang ở trong cảnh náo loạn cuồng nhiệt của trận đánh”, sau này chàng kể lại, “sĩ quan phụ tá của tôi, Đại tá Muiron, đã lao ra, dùng thân mình để che cho tôi và nhận lấy một viên đạn vốn được nhắm vào tôi. Anh ấy gục ngã dưới chân tôi.”<sup>58</sup> Trong trận đánh ba ngày sau đó (15 đến 17.11. 1796), quân Áo, sau khi chiến đấu một cách gan dạ, đã phải rút lui có trật tự. Alvinczy tổ chức lại quân ở Rivoli, nhưng tại đây họ lại bị đánh bại và Alvinczy, sau khi mất 30.000 quân, dẫn những binh sĩ còn sống sót quay về Áo. Về phần Wurmser, do mất hy vọng được giải cứu, và thương xót các binh lính đang phải chết đói, đã đầu hàng (2.2. 1797), và cuộc chinh phục xứ Lombardia của người Pháp hoàn tất.

Không bao giờ thoả mãn, Napoléon chuyển hướng và quay các lực lượng của mình về phương nam, nhằm đến lãnh thổ của Giáo hoàng và lễ độ yêu cầu Giáo hoàng Pius VI giao lại

---

i Bức tranh nổi tiếng của Gros vẽ vị chỉ huy trẻ tuổi – đôi mắt toé lửa, mái tóc bông bênh theo gió, một tay cầm cờ hiệu, tay kia cầm gươm – đang vượt qua chiếc cầu ở Arcole được vẽ không lâu sau đấy ở Milano và đã trở thành kiệt tác tại Phòng triển lãm Paris năm 1801 (Durant).



Hình 23: Napoléon Bonaparte trên cầu tại Arcole  
(Antoine Jean-Gros, khoảng 1796–1797)

cho chàng Bologna, Ferrara, Ravenna, Ancona, và các lãnh thổ phụ thuộc. Bằng hiệp ước Tolentino (19.2.1797), Giáo hoàng giao nộp các thành bang này và trả một khoản tiền “bồi thường” 15 triệu franc để trang trải các chiến phí của quân đội Pháp. Rồi, sau khi đã làm chủ toàn thể miền bắc nước Ý ngoại trừ Piemonte và Venezia, Napoléon tổ chức lại quân đội, bổ sung một số trung đoàn được thành lập ở Ý và một

sư đoàn mới từ Pháp dưới quyền của Tướng Bernadotte, dẫn đầu 75.000 quân vượt rặng Alpes qua lớp tuyết sâu đến gần một mét và đề nghị tấn công thẳng vào Wien, thủ phủ đế quốc của chiến dịch tấn công vào Cách mạng Pháp.

Hoàng đế Franz II đưa 40.000 quân chống cự lại dưới sự chỉ huy của Quốc công Karl Ludwig, người vừa mới đạt được những chiến thắng dọc theo sông Rhein. Kinh ngạc bởi báo cáo về số lượng quân Pháp đang tiến đến và kính nể tiếng tăm của Napoléon, Karl chấp nhận chiến thuật rút lui. Bonaparte đuổi theo cho tới khi chỉ còn cách thủ đô Áo gần 100 km. Dù có giao chiến hay không chàng cũng có thể chiếm được thành phố, rồi nhàn nhã ngâm nga những khúc nhạc với Haydn đã già hay Beethoven còn trẻ. Nhưng trong trường hợp ấy chính quyền sẽ rơi lại vào tay Hungary, chiến tranh sẽ kéo dài cả về không gian lẫn thời gian và với mùa đông đang đến, quân đội Pháp sẽ thấy mình ở trong một lãnh thổ xa lạ và thù địch, có nguy cơ bị tấn công vào mạn sườn bất cứ lúc nào. Trong một lúc khiếm tốn hiểm hoi và với một sự thận trọng có thể sẽ giúp ích cho chàng nhiều sau này, Napoléon gửi cho vị Quốc công lời mời thương lượng về một cuộc ngừng bắn. Quốc công từ chối. Napoléon đánh bại nặng nề các lực lượng của ông ta ở Neumarkt và Umzmarkt. Karl đồng ý đàm phán. Ngày 18.4. 1797, tại Leoben các vị chỉ huy trẻ ký kết một hòa ước sơ bộ, cần phải được các chính phủ của họ phê chuẩn.

Con đường tiến tới việc phê chuẩn bị ngăn trở bởi việc Áo từ chối giao nộp – và việc Napoléon cương quyết giữ – những lãnh thổ chàng chinh phục được ở Lombardia. Một sự cố bề ngoài có vẻ không quan trọng giúp chàng có được vận may tình cờ thoát khỏi ngõ cụt này. Chàng đã chiếm đóng nhiều thành phố thuộc về Venezia; trong đó có vài nơi đã bùng phát những cuộc nổi dậy chống lại các đơn vị đồn trú của Pháp. Buộc tội Thượng viện Venezia đã xúi giục những vụ nổi loạn này, Napoléon truất phế họ và thay vào đó là một hội đồng thành phố dưới quyền kiểm soát của người Pháp và tước đi các lãnh thổ trong đất liền. Khi đã đến lúc biến các hiệp định

sơ bộ ở Leoben thành hòa ước Campoformio (17.10. 1797), Napoléon đề nghị cho Áo được tự do sáp nhập Venezia vào đế quốc của mình để đổi lấy việc nhượng lại Lombardia và Bỉ, công nhận các quyền của Pháp tại vùng tả ngạn sông Rhein. Hầu như toàn thể châu Âu, trong khi quên đi hàng ngàn hiệp ước, đã phản ứng với nỗi kinh sợ trước lòng nhân đức về mặt ngoại giao này đối với tài sản của người khác.

Tuy nhiên, vị Machiavelli<sup>i</sup> mới nhấn mạnh việc giữ lại cho nước Pháp các hòn đảo thuộc quyền của Venezia trong biển Adriatic – Corfu, Zante, Cephalonia. “Những hòn đảo này”, Napoléon viết cho Chấp chính ban vào ngày 16.8. 1797, “còn quan trọng đối với chúng ta hơn toàn phần còn lại của nước Ý gộp lại. Chúng mang tính sống còn đối với sự phong phú và thịnh vượng của nền thương mại chúng ta. Nếu cần phải thật sự tiêu diệt nước Anh, chúng ta phải nắm cho được Ai Cập. Đế quốc Ottoman khổng lồ đang hấp hối từng ngày buộc chúng ta phải dự kiến trước các biến cố và có những bước đi sớm sửa để duy trì nền thương mại của chúng ta tại phương Đông.”<sup>59</sup> [Có vẻ như] các vị đại sứ bạc đầu cũng không có gì nhiều để dạy cho chàng thanh niên 28 tuổi này.

Với vẻ bình thản của một nhà ngoại giao lão luyện, chàng tổ chức lại những vùng đất chinh phục thành Cộng hòa Cisalpine với Milano là trung tâm và Cộng hòa Liguria tập trung quanh Genova, cả hai được cai trị bởi các chế độ dân chủ bản địa dưới sự bảo hộ và sức mạnh của Pháp. Rồi, sau khi đã phục thù và đảo ngược cuộc chinh phục xứ Gaul của La Mã dưới thời Ceasar,<sup>ii</sup> Anh Cai đội nhỏ bé, to lớn với

---

i Machiavelli, Niccolò (1469 – 1527): Nhà triết học chính trị và chính khách Ý thời Phục hưng thường được xem như người sáng lập khoa học chính trị hiện đại. Tác phẩm được biết đến nhiều nhất của ông, *Il Principe* (Quân vương), khiến ông nổi tiếng là kẻ vô thần và bất cần đạo lý.

ii Ceasar, Julius (100 trCN – 44 trCN): Tướng lĩnh, chính khách, và sử gia La Mã. Là một trong những người có ảnh hưởng lớn nhất trong lịch sử thế giới. Ông đóng một vai trò then chốt trong sự chuyển đổi Cộng hòa La Mã thành Đế chế La Mã. Xem: Will Durant, *Story of Civilization*, Part III: *Cesar and Christ*.

vinh quang và chiến lợi phẩm, quay về Paris để xin cho các hiệp ước của mình được phê chuẩn bởi một Chấp chính ban mà chàng đã giúp lập nên.

## **V. Cuộc đảo chính ngày 18 Fructidor: 4.9.1797**

Đây không còn là Paris mà chàng đã biết trong những ngày mà quyền cai trị thuộc về đám đông hồi năm 1792 và 1793. Kể từ khi Robespierre bị lật đổ vào năm 1794, thủ đô đã bắt chước miền quê trong một cơn phản ứng ngày một mạnh mẽ – về tôn giáo và chính trị – chống lại Cách mạng. Đạo Công giáo do các giáo sĩ không tuyên thệ lãnh đạo đã lấy lại sự kiểm soát đối với một dân tộc đã đánh mất niềm tin với việc thay thế những hy vọng và niềm an ủi siêu nhiên, lễ ban phước, nghi lễ và ngày lễ hội tôn giáo, bằng những hình thức trần tục. Ngày *décadi*, hay ngày nghỉ vào cuối tuần lễ mười ngày, ngày càng bị phớt lờ; ngày Chủ nhật Thiên Chúa giáo được tôn trọng một cách hiển nhiên và được mọi người ưa chuộng. Nước Pháp đã bỏ phiếu cho Thượng đế.

Và cho một ông vua nữa. Trong những ngôi nhà cũng như khách thính, trên báo chí cũng như ngoài đường phố, thậm chí trong những cuộc họp khu phố có thời từng do những *sansculottes* thống trị, những người đàn ông cũng như đàn bà bày tỏ lòng luyến tiếc đối với vị vua *bonhomme* [nhân từ, tốt bụng] Louis XVI, tìm những cái cớ để biện minh cho lỗi lầm của dòng họ Bourbon, và hỏi liệu có một chính quyền nào khác hơn một chế độ quân chủ chuyên chế có thể mang lại trật tự, an toàn, thịnh vượng, và hòa bình, thoát khỏi cảnh hỗn loạn, tội ác, suy đồi, và chiến tranh đang tàn phá nước Pháp? Những người *émigré* trở về tụ tập đông đúc tới mức có người hóm hỉnh gọi khu phố mà họ thường lui tới ở Paris là Tiểu Koblenz (theo tên nơi cư trú của những nhà quý tộc lưu vong ở Đức); và tại đây người ta có thể nghe được những triết lý ủng hộ quân chủ đang được Bonald và Maistre thuyết

giảng ở nước ngoài. Các hội đồng bầu cử, đại đa số thuộc giới tư sản, đang cử đến Hội đồng Nguyên lão và Hội đồng Năm trăm người ngày càng nhiều đại biểu sẵn sàng ve vãn hoàng gia nếu được các nhân vật này đề nghị một sự bảo đảm về tài sản. Đến năm 1797, những người ủng hộ chế độ quân chủ đã đủ mạnh để bầu Hầu tước Barthélemy vào Chấp chính ban. Lazare Carnot, một thành viên của Chấp chính ban từ 1795, đã quay sang cánh Hữu để phản ứng lại sự tuyên truyền của Babeuf, và với cặp mắt hài lòng nhìn tôn giáo như một thứ thuốc chừa ngừa chống lại chủ nghĩa cộng sản.

Các thành viên của Chấp chính ban kiên định với chế độ Cộng hòa – Barras, Larevellière-Lépaux, và Reubell – cảm thấy nhiệm kỳ và sinh mạng của họ bị lâm nguy bởi phong trào hướng về chế độ quân chủ, và quyết định đánh liều tất cả trong một *coup d'état* [cuộc đảo chính] để loại trừ các nhà lãnh đạo của các Hội đồng lẫn Chấp chính ban. Họ tìm sự ủng hộ của dân chúng từ những người Jacobin cấp tiến, vốn đang lẫn trốn trong cảnh tối tăm đầy cay đắng trong thời kỳ phục sinh của phe bảo thủ. Họ tìm sự hậu thuẫn quân sự bằng cách khẩn khoản yêu cầu Napoléon gửi từ Ý về cho họ một vị tướng có khả năng tổ chức quân lính ở Paris thành một lực lượng để bảo vệ nền cộng hoà. Chàng sẵn lòng giúp đỡ họ. Một sự phục hồi dòng họ Bourbon sẽ cản trở các kế hoạch của chàng. Con đường phải được giữ cho rộng mở để tạo điều kiện cho sự vươn lên quyền lực chính trị của riêng chàng, và thời gian hãy chưa chín muồi cho bước liều ấy. Chàng gửi cho họ con người cứng cỏi Pierre Augereau, một chiến binh kỳ cựu của nhiều chiến dịch. Augereau tuyển một phần trong số binh sĩ của Hoche và với các binh sĩ này, ngày 18 Fructidor [Quả nguyệt] ông xâm chiếm các viện lập pháp, bắt giữ 53 đại biểu, nhiều nhân viên bảo hoàng, và hai thành viên Chấp chính ban Barthélemy và Carnot. Carnot trốn thoát sang Thụy Sĩ; phần lớn những người khác bị phát vãng sang xứ Guyane ở Nam Mỹ, sống cuộc đời khổ ải và héo mòn. Trong

những cuộc bầu cử năm 1797 những người cấp tiến chiếm quyền kiểm soát các Hội đồng. Họ bổ sung Merlin xứ Douai<sup>i</sup> và Jean-Baptiste Treilhard vào bộ “tam hùng,” và ban cho Chấp chính ban đã được chỉnh lý này quyền hành hầu như tuyệt đối.<sup>60</sup>

Khi Napoléon về đến Paris ngày 5.12. 1797, chàng thấy một thời kỳ Khủng bố mới đang hoành hành, nhằm đến tất cả những người có khuynh hướng bảo thủ, và thay thế cái máy chém bằng xứ Guyane. Tuy nhiên, mọi tầng lớp đều đoàn kết lại để ca tụng vị tướng trẻ bất khả chiến bại đã đem về cho nước Pháp một nửa nước Ý. Hiện thời chàng đi qua một bên cái nhìn nghiêm nghị của vị chỉ huy. Chàng ăn mặc giản dị, và làm vui lòng nhiều giới khác nhau: những người bảo thủ vì tán dương trật tự; những người Jacobin vì tỏ vẻ đã nâng nước Ý từ thân phận chư hầu lên cảnh tự do; giới trí thức vì đã viết rằng “những cuộc chinh phục thật sự, những cuộc chinh phục duy nhất không để lại sự tiếc nuối, là những cuộc chinh phục sự đốt nát.”<sup>61</sup> Ngày 10 tháng Mười Hai, các giới chức trong chính phủ vinh danh chàng bằng một buổi lễ chào mừng chính thức. Phu nhân Staël có mặt ở đấy, và “Hồi ký” của bà ghi lại cảnh tượng:<sup>ii</sup>

Chấp chính ban tổ chức một buổi tiếp tân trọng thể dành cho Tướng Bonaparte mà trên vài phương diện đánh dấu một thời kỳ trong lịch sử của cuộc Cách mạng. Họ chọn sân của cung điện Luxembourg để tổ chức buổi lễ, vì không có hội trường nào đủ rộng để chứa hết đám đông bị lôi cuốn tới; khán

---

i Merlin xứ Douai (Philippe-Antoine Merlin, 1754-1838): Chính trị gia và luật gia Pháp, thành viên của Quốc hội lập hiến, Quốc ước hội nghị, và Chấp chính ban, được gọi là Merlin xứ Douai để phân biệt với Merlin xứ Thionville.

ii Bản *Memoirs* (tiếng Anh) mà Durant sử dụng có lẽ dịch từ nhiều tác phẩm của bà. Riêng đoạn văn được trích kể đó là từ cuốn *Considérations sur les principaux événements de la Révolution française, depuis son origine jusques et compris le 8 juillet 1815*, xuất bản năm 1818 sau khi bà mất.

giả chiếm hết mọi cửa sổ và leo lên cả mái nhà. Năm vị Chấp chính quan, trong y phục La Mã, ngồi trên một sân khấu ở giữa sân. Gần bên họ là các đại biểu của Hội đồng Nguyên lão, Hội đồng Năm trăm người, và Pháp quốc Học viện...

Bonaparte đến, ăn vận rất giản dị, theo sau là các *aides-de-camp* hay sĩ quan phụ tá; tất cả bọn họ đều cao hơn ông ta, nhưng khom người xuống trong sự kính trọng mà họ dành cho ông ta. Giới tinh hoa của nước Pháp, tụ tập ở đó, bao phủ vị tướng chiến thắng bằng hàng tràng vỗ tay hoan hô. Ông là hy vọng của mọi người, cộng hòa hay bảo hoàng; tất cả nhìn thấy hiện tại và tương lai như đang nằm trong đôi bàn tay mạnh mẽ của ông.<sup>62</sup>

Trong dịp này chàng trao cho các vị thành viên của Chấp chính ban bản hòa ước Campoformio. Nó được chính thức phê chuẩn, và trong một thời gian Napoléon có thể nghỉ ngơi trên các chiến thắng ngoại giao cũng như quân sự của mình.

Sau khi tham dự một buổi tiệc hoành tráng được tổ chức để tôn vinh chàng bởi con người bất khả hủy diệt Talleyrand (lúc ấy là Bộ trưởng Ngoại giao), chàng lui về nhà mình ở đường Chantierine. Tại đây chàng thư giãn cùng Joséphine và những đứa con của nàng, và trong một thời gian lẩn tránh rất kỹ cặp mắt của công chúng khiến những người ngưỡng mộ chỉ trích tính khiêm tốn của chàng và những kẻ gièm pha vui mừng vì sự lu mờ của chàng. Tuy nhiên chàng chú trọng đến việc đi thăm Pháp quốc Học viện. Chàng nói chuyện về toán học với Lagrange, về thiên văn với Laplace, về chính quyền với Sieyès, về văn học với Marie-Joseph de Chénier, và về nghệ thuật với David. Có lẽ chàng đã nghĩ đến một cuộc tấn công vào Ai Cập, và đem theo với chàng những thứ trang hoàng gồm các học giả và nhà khoa học.

Chấp chính ban nhận thấy có điều gì khả nghi trong thái độ khiêm tốn vốn không phải là bản tính của chàng. Người thanh niên này, khi ở Ý và Áo đã hành xử như chính mình

là chính phủ— có thể nào anh ta sẽ hành xử tương tự như vậy ở Paris? Hy vọng có thể bắt chàng phải bận rộn ở một khoảng cách xa, họ đề nghị chàng chỉ huy một lực lượng gồm 50.000 binh sĩ và thủy thủ vốn đang tụ tập ở Brest để chuẩn bị cho một cuộc xâm lăng nước Anh. Napoléon nghiên cứu kế hoạch, bác bỏ nó, và cảnh báo Cháp chính ban trong một bức thư đề ngày 23.2. 1798:

Chúng ta nên từ bỏ bất cứ ý định thật sự nào nhằm xâm lăng nước Anh, và tự bằng lòng với vẻ giả vờ bề ngoài của nó, trong khi dành sự chú tâm và các nguồn lực cho sông Rhein [*Rhin* trong tiếng Pháp]... Chúng ta không nên giữ một đạo quân lớn cách xa nước Đức... Hoặc chúng ta có thể thực hiện một cuộc viễn chinh về phương Đông, và đe dọa nền thương mại của [Anh với] Ấn Độ.<sup>63</sup>

Đó là giấc mơ của chàng. Thậm chí giữa những chiến dịch ở Ý, chàng đã suy ngẫm về những khả năng của một cuộc đột nhập vào phương Đông: Trong sự tan rã êm đềm của vương quốc Ottoman, một tinh thần táo bạo, với những con người can đảm và đói khát, có thể tạo nên một sự nghiệp, có thể lập nên một đế quốc. Nước Anh thống trị các đại dương, nhưng việc nắm giữ Địa Trung Hải của họ có thể bị tháo gỡ bằng cách chiếm lấy Malta; quyền kiểm soát Ấn Độ của họ có thể bị làm suy yếu bằng cách chiếm lấy Ai Cập. Trong vùng đất ấy, nơi giá nhân công rẻ mạt, thiên tài và những đồng franc có thể xây dựng nên một hạm đội, lòng can đảm và trí tưởng tượng có thể gióng buồm trên mặt biển xa xôi ấy để đến Ấn Độ, chiếm lấy cái thuộc địa giàu có nhất trong hệ thống thuộc địa của người Anh. Năm 1803 Napoléon thú nhận với Phu nhân Rémusat:

Tôi không biết điều gì đã xảy ra cho mình nếu như tôi không có được ý nghĩ sung sướng là đi đến Ai Cập. Khi bước xuống thuyền, tôi không biết gì ngoài việc có lẽ tôi đang nói lời vĩnh biệt với nước Pháp; nhưng tôi hầu như chắc chắn rằng tổ quốc

sẽ gọi tôi về. Sự quyến rũ của cuộc chinh phục phương Đông đã lôi kéo mọi ý nghĩ của tôi ra khỏi châu Âu hơn là tôi tưởng.<sup>64</sup>

Chấp chính ban tán đồng các đề nghị của chàng, một phần vì họ nghĩ sẽ được an toàn hơn nếu chàng ở xa. Talleyrand bày tỏ sự đồng tình vì những lý do hầy còn gây tranh cãi. Tình nhân của ông là Bà Grand cho rằng ông làm thế để “giúp những người bạn Anh của mình” – có lẽ bằng cách chuyển hướng cả đạo quân đang đe dọa xâm lăng Anh sang Ai Cập.<sup>65</sup> Chấp chính ban trì hoãn chấp thuận vì cuộc viễn chinh sẽ rất tốn kém, sẽ làm tiêu hao nhân lực và vật lực vốn cần cho việc bảo vệ đất nước chống lại Anh và Áo, và có thể đẩy Thổ Nhĩ Kỳ (vị hoàng đế biếng nhác đang cai trị Ai Cập) vào một liên minh mới chống lại nước Pháp. Nhưng bước tiến thần tốc của đạo quân Pháp ở Ý – việc chinh phục Lãnh thổ của Giáo hoàng và vương quốc Napoli – đã mang lại những chiến lợi phẩm béo bở cho Chấp chính ban; và vào tháng Tư 1798, với sự tán đồng của Napoléon, một đạo quân khác của Pháp đã xâm lăng Thụy Sĩ, dựng nên nước Cộng hòa Helvétique, đòi được những “khoản bồi thường” và gửi tiền về Paris. Giờ đây giấc mơ Ai Cập có thể có nguồn tài trợ.

Napoléon lập tức bắt đầu đưa ra những mệnh lệnh chi tiết để xây dựng một hạm đội mới. Mười ba tàu chiến tuyến,<sup>i</sup> bảy tàu chiến lớn, 35 tàu chiến khác, 130 tàu vận tải, 16.000 thủy thủ, 38.000 bộ binh (phần lớn từ Tập đoàn quân Ý), cùng các thiết bị và vật tư cần thiết, và một tủ sách 287 cuốn sẽ tập trung ở Toulon, Genova, Ajaccio, hay Civitavecchia; và các nhà khoa học, các học giả, và nghệ sĩ sung sướng nhận lời mời tham dự điều hứa hẹn sẽ là một kết hợp phiêu lưu và khảo cứu lý thú, mang tầm vóc lịch sử. Trong số họ có nhà toán học Gaspard Monge, nhà vật lý Joseph Fourier, nhà hoá học Claude Louis Berthollet, nhà sinh vật học Geoffroy

---

i Tàu chiến tuyến (ship of the line): loại tàu chiến rất lớn, trang bị hoá lực hùng hậu ở hai bên mạn tàu, được chế tạo từ thế kỷ XVII cho đến giữa thế kỷ XIX.

Saint-Hilaire; và Tallien, sau khi đã dâng vợ mình cho Barras, cũng có được chuyến đi cùng các nhà thông thái. Họ ghi nhận với niềm kiêu hãnh là giờ đây Napoléon ký tên vào các bức thư của mình là “Bonaparte, Thành viên Pháp quốc Học viện và Tổng Tư lệnh”.<sup>66</sup> Bourrienne, người đã về làm thư ký cho Napoléon ở Campoformio vào năm 1797, tháp tùng chàng trong chuyến đi này và tường thuật chi tiết số phận của nó. Joséphine cũng muốn đi theo; Napoléon cho nàng tháp tùng đến Toulon, nhưng cấm nàng lên tàu. Tuy nhiên, chàng đem theo con trai nàng là Eugène de Beauharnais, cậu này đã khiến Napoléon cảm mến vì tính khiêm tốn và năng lực, cũng như vì lòng trung thành tận tụy của mình. Joséphine than khóc vì phải chia xa với cả hai người, tự hỏi liệu nàng còn có thể gặp lại con hay chồng của mình không. Từ Toulon nàng đi đến Plombières để xin “nước cầu tự”, vì giờ đây nàng cũng như Napoléon đang mong mỏi có một đứa con.

Ngày 19.5. 1798, hạm đội chính giống buổi từ Toulon để đưa câu chuyện tình lãng mạn thời Trung cổ vào lịch sử hiện đại.

## **VI. Giấc mộng Đông phương: 19.5.1798 – 8.10.1799**

Mục đích của hạm đội đã được giữ kín tới mức gần như toàn thể 54.000 người ra khơi mà không biết mình đi đâu. Trong một tuyên bố tiêu biểu gửi đến “Tập đoàn quân Phương Đông” mới, Napoléon chỉ gọi nó là một “cánh của Tập đoàn quân Anh” và yêu cầu các thủy thủ và chiến binh hãy tin cậy nơi chàng, dù chàng chưa thể xác định nhiệm vụ của họ. Sự bí mật nhằm vào một số mục đích: Chính phủ Anh có vẻ như đang bị đánh lừa tới chỗ cho rằng hạm đội đang tìm đường đi qua [eo biển] Gibraltar để tham gia vào cuộc xâm lược Anh. Các tàu của Nelson canh gác lỏng lẻo trên biển Địa Trung Hải và đoàn tàu của Pháp tránh thoát được chúng.

Ngày 9 tháng Sáu, hạm đội trông thấy Malta. Chấp chính ban đã hối lộ cho vị thống lĩnh và các chức sắc khác của Dòng

Hiệp sĩ xứ Malta<sup>i</sup> để họ chỉ kháng cự lấy lệ;<sup>67</sup> nhờ thế quân Pháp chiếm được pháo đài vốn được xem như bất khả xâm phạm và chỉ tổn thất có ba binh sĩ. Napoléon lần nữa tại đây một tuần để tái tổ chức bộ máy hành chính của đảo này theo kiểu Pháp. Tại đây Alfred de Vigny, thi sĩ tương lai nhưng lúc bấy giờ mới là một cậu bé hai tuổi, được giới thiệu với nhà chinh phục, được chàng nâng lên và hôn cậu; “khi cần thận đặt tôi xuống sàn tàu, ông đã có thêm một nô lệ.”<sup>68</sup> Tuy nhiên, con người như thần thánh này đã bị say sóng hầu như trong suốt cuộc hành trình đến Eskendria [*Anh*, Alexandria]. Trong thời gian đó chàng nghiên cứu kinh Koran.

Hạm đội đến Eskendria ngày 1.7.1798. Hải cảng được bảo vệ bởi một đơn vị đồn trú, và một cuộc đổ bộ nơi đây sẽ hao tổn; thế nhưng cần phải lên bờ sớm và có trật tự nếu không muốn bị hạm đội của Nelson đánh úp. Sóng vỗ chung quanh rất dữ dội và đầy đe dọa, nhưng đích thân Napoléon dẫn đầu một đoàn quân 5.000 người đổ bộ lên một bãi biển không được bảo vệ. Không có kỵ binh hoặc pháo binh yểm trợ, họ tiến lên trong đêm tối, tấn công đơn vị đồn trú và chiến thắng với cái giá 200 người thương vong, chiếm lấy thành phố và bảo vệ cho các tàu chiến có thể đặt binh sĩ và vũ khí của họ lên đất Ai Cập.

Vũ trang bằng chiến thắng này và một ít tiếng A Rập, Napoléon thuyết phục các lãnh đạo địa phương ngồi xuống bàn bạc với chàng. Chàng làm họ thích thú và rồi gây ấn tượng cho họ bằng kiến thức của mình về kinh Koran và việc chàng sử dụng thông minh các câu văn và ý tưởng trong cuốn kinh này. Chàng cam kết bản thân cũng như quân đội của chàng sẽ tôn trọng tôn giáo, luật pháp, và tài sản của họ. Chàng hứa – nếu họ giúp chàng nhân công và đồ tiếp tế – sẽ lấy lại cho họ những vùng đất bị chiếm bởi những người lính đánh thuê mamlūk [*Anh*, Mameluke] đã từng trở thành

---

i Dòng tu từ thời Trung cổ “Y viện Thánh John của Jerusalem” có tên này do đã đóng tại Malta từ 1530. (Durant)

chủ nhân của Ai Cập dưới những triều đại lười nhác. Những người A Rập đồng ý một nửa, và ngày 7 tháng Bảy, Napoléon ra lệnh cho đạo quân còn hoang mang của mình băng qua 240 km sa mạc để đến Al-Qāhirah [*Anh*, Cairo].

Họ chưa bao giờ trải qua cái nóng, cái khát, mặt cát chói lòa, bọ côn trùng dai dẳng, hay bệnh lỵ làm mất sức như vậy. Bonaparte trấn an phần nào những lời than phiền của họ bằng cách im lặng chia sẻ những nỗi khổ nhọc cùng họ. Ngày 10 tháng Bảy, họ đến sông en-Nīl [*Anh*, Nile], uống nước đầy bụng thỏa thích và làm cho cơ thể khoan khoái tươi tỉnh lại. Sau năm ngày đi bộ nữa, tiền quân của họ trông thấy gần làng Shubra Khit [*Anh*, Kobrakit] một đạo quân gồm 3.000 lính mamlūk: “Một đội quân lộng lẫy trên lưng ngựa” (Napoléon nhớ lại), “tất cả lấp lánh vàng và bạc, vũ trang bằng những khẩu súng trường và súng lục tốt nhất của London và những thanh gươm tốt nhất của phương Đông, cưỡi trên lưng những con tuấn mã có lẽ tốt nhất của Lục địa.”<sup>69</sup> Ngay sau đó đội kỵ binh mamlūk tấn công vào phòng tuyến của quân Pháp từ phía trước và bên mạn sườn, chỉ để gục ngã dưới làn đạn hoả mai và đạn pháo của quân Pháp. Bị tổn thương về thể xác lẫn lòng kiêu hãnh, quân mamlūk quay lưng bỏ chạy.

Ngày 20 tháng Bảy, vẫn còn cách Al-Qāhirah gần 30 km, những người chiến thắng nhìn thấy các kim tự tháp. Chiều tối hôm ấy Napoléon được tin một đạo quân 6.000 kỵ binh mamlūk dưới quyền chỉ huy của 23 lãnh đạo địa phương, đã tụ tập ở Imbaba [hoặc Embabeh], sẵn sàng thách thức những kẻ xâm lược ngoại giáo. Chiều hôm sau họ dốc toàn lực lượng tấn công quân Pháp trong trận đánh quyết định giữa các kim tự tháp. Tại đây, nếu chúng ta có thể tin được trí nhớ của Napoléon, chàng đã bảo các binh sĩ: “Bốn mươi thế kỷ đang nhìn xuống các bạn.”<sup>70</sup> Một lần nữa quân Pháp đáp trả cuộc tấn công dữ dội bằng đại bác, đạn súng hoả mai và lựu lê trên đầu súng. Bảy mươi lính Pháp tử trận, so với 1.500 quân mamlūk. Nhiều người trong số những kẻ bại trận

trong lúc vội vã chạy trốn đã nhảy xuống sông en-Nīl và chết đuối. Ngày 22 tháng Bảy, nhà cầm quyền Thổ Nhĩ Kỳ ở Al-Qāhirah gửi cho Napoléon chìa khóa của thành phố, tượng trưng cho hành động đầu hàng. Ngày 23 tháng Bảy, chàng tiến vào thủ đô đẹp như tranh mà không gặp phải dấu hiệu chống đối nào.

Từ trung tâm này chàng ban hành những mệnh lệnh liên quan đến việc cai trị Ai Cập bởi các *divan* (ủy ban) người Ả Rập nhưng dưới quyền kiểm soát của chàng. Chàng ngăn ngừa việc các binh sĩ của mình cướp phá và bảo vệ các quyền tư hữu hiện hành, nhưng duy trì và giành lấy các khoản thuế mà thông thường các nhà chinh phục mamlūk đã thu, để chu cấp cho đạo quân của mình. Chàng ngồi xuống với các nhà lãnh đạo bản xứ, thuyết giảng về sự tôn trọng các nghi lễ và nghệ thuật Hồi giáo, công nhận Allah là thượng đế có một và duy nhất và yêu cầu các tín đồ Hồi giáo giúp đỡ để đem lại một sự thịnh vượng mới cho Ai Cập. Chàng triệu tập các nhà khoa học của mình lại để phác họa các phương pháp loại trừ các bệnh dịch, du nhập các công nghệ mới, cải thiện nền giáo dục và tư pháp Ai Cập, thiết lập các dịch vụ bưu chính và vận chuyển, sửa chữa các kênh đào, kiểm soát việc dẫn thủy nhập điền và nối liền sông en-Nīl với Hồng Hải [Biển Đỏ]. Vào tháng Bảy 1799, chàng tổ chức các nhà bác học địa phương và Pháp thành một Học viện Ai Cập và xây dựng những công trình rộng rãi để làm trụ sở của Viện ở Al-Qāhirah. Chính các học giả này đã soạn thảo bộ sách gồm 24 tập dày cộm có tên là *Description de l'Égypte* [1809–1828; Mô tả Ai Cập], được chính phủ Pháp tài trợ và xuất bản. Một trong số các vị này mà chúng ta chỉ được biết tên là Bouchard<sup>i</sup> vào năm 1799 đã tìm thấy tại một thị trấn cách Eskendria gần

---

i Nay người ta đã biết đó là Pierre-François Bouchard (1771–1822), sĩ quan công binh trong lực lượng Pháp. Ông tìm được tảng đá này ở một nơi thuộc ngoại vi thành phố cảng Rashid (còn viết là Rasid) vốn được gọi là Rosette theo tiếng Pháp hoặc Rosetta theo tiếng Ý.

50 km Tảng đá Rosetta trên đó có khắc chữ, bằng hai ngôn ngữ và ba kiểu chữ viết (chữ tượng hình, chữ Ai Cập thông dụng xưa, và chữ Hy Lạp). Tảng đá này đã giúp Thomas Young bắt đầu (1814) và Jean-François Champollion thiết lập (1821) một phương pháp dịch các văn bản bằng chữ tượng hình, từ đó mở ra cho châu Âu “hiện đại” nền văn minh phức tạp và già dặn một cách đáng kinh ngạc của Ai Cập cổ đại. Đây là kết quả chủ yếu – và có ý nghĩa duy nhất – của cuộc viễn chinh của Napoléon.

Trong một thời gian chàng được phép tận hưởng niềm kiêu hãnh của cuộc chinh phục và điều thú vị của việc cai trị. Về sau khi hồi tưởng lại chàng nói với Phu nhân Rémusat:

Thời gian ở Ai Cập là quãng thời gian thú vị nhất trong đời tôi.... Ở Ai Cập tôi thấy mình không bị trói buộc bởi những điều câu thúc chán ngắt của văn minh. Tôi mơ đủ mọi thứ, và tôi nhận thấy làm sao mà tất cả những gì tôi mơ mộng có thể được thực hiện. Tôi tạo ra một tôn giáo. Tôi tự hình dung ra mình đang trên đường đi đến châu Á, cưỡi trên lưng một con voi, với một tấm khăn xếp trên đầu, và trong tay là một cuốn kinh Koran mới mà tôi sẽ viết lại theo những ý tưởng của riêng mình.... Lẽ ra tôi đã tấn công vào quyền lực của người Anh ở Ấn Độ, và tái tạo các mối quan hệ của tôi với châu Âu cũ bằng cuộc chinh phục của tôi.... Số phận đã quyết định chống lại giấc mơ của tôi.<sup>71</sup>

Đòn đầu tiên của số phận là tin tức do một sĩ quan hầu cận, Andoche Junot, mang tới, cho biết Joséphine đã có một nhân tình ở Paris. Con người mơ mộng vĩ đại, với tất cả sự lỗi lạc của trí tuệ, đã xao lãng không xét đến chuyện sẽ khó biết bao cho một loài cây nòng nân miền nhiệt đới như Joséphine phải trải qua nhiều tháng trời mà không có ai biết thưởng thức thật sự nhan sắc quyến rũ của nàng. Trong vài ngày chàng than khóc và nổi cơn thịnh nộ. Rồi vào ngày 26.7. 1798 chàng gửi cho anh mình là Joseph một bức thư chán nản:

Em có thể quay về Pháp trong hai tháng.... Có quá nhiều thứ ở nhà làm em lo lắng.... Tình bạn của anh rất có ý nghĩa đối với em; nếu phải mất nó, và thấy anh phản bội em, em sẽ là một kẻ yếm thế hoàn toàn....

Em muốn anh dàn xếp để có một chỗ ở miền quê sẵn sàng khi em trở về, ở Bourgogne hay gần Paris. Em định trải qua mùa đông ở đó, và không gặp một ai. Em phát ốm với những trò giao tiếp của xã hội. Em cần sự cô đơn, sự cách ly. Cảm xúc của em đã khô cạn, và em chán ngấy phải xuất hiện trước công chúng. Em mệt mỏi với vinh quang ở tuổi hai mươi chín; nó đã mất đi vẻ quyến rũ; và em không còn gì ngoài lòng ích kỷ....

Tạm biệt, người bạn có một không hai của em... Cho em gửi lời thăm vợ anh và Jérôme.

Chàng tìm thấy đôi chút giải khuây bằng cách nhận một phụ nữ trẻ người Pháp làm nhân tình. Cô này theo chồng là một sĩ quan sang Ai Cập. Pauline Fourès đã không thể cưỡng lại được mối quan tâm mà Napoléon dành cho vẻ đẹp vui tươi của nàng. Nàng đáp lại những nụ cười của chàng và không chống cự quyết liệt khi chàng dọn đường cho mình bằng cách cử chàng Fourès đi công cán ở Paris. Khi người chồng biết được lý do của sự biệt đãi dành cho mình, chàng quay lại Al-Qāhirah và ly dị Pauline. Napoléon cũng nghĩ đến chuyện ly dị, và thích thú với ý tưởng sẽ cưới Pauline và sinh ra một người nối dõi; nhưng chàng đã tính lại mà không cần đến những giọt nước mắt của Joséphine. Pauline được an ủi bằng một món quà hậu hĩnh và sống tiếp đến 69 năm sau chuyện bất hạnh.

Một tuần sau lời tiết lộ của Junot, một tai họa lớn đã cầm tù Tập đoàn quân Phương Đông trong chiến thắng của mình. Khi để hạm đội lại Eskendria, Napoléon (theo lời của Napoléon) đã ra lệnh cho Phó Đô đốc François-Paul Brueys dỡ hết tất cả vật dụng dùng cho quân đội xuống và rồi giương buồm càng sớm càng tốt chạy đến đảo Corfu do Pháp

kiểm soát; mọi biện pháp phải được thực hiện để tránh bị quân Anh đánh chặn. Thời tiết xấu đã trì hoãn cuộc khởi hành của Brueys; trong khi chờ đợi ông ta thả neo đội tàu ở vịnh Abu Qīr [*Anh*, Aboukir] kế bên. Tại đây, vào ngày 31.7.1798, Nelson đã phát hiện ra ông và tấn công ngay. Các lực lượng đối nghịch dường như ngang bằng: quân Anh với 14 tàu chiến tuyến và một tàu hai buồm, quân Pháp với 13 tàu chiến tuyến và bốn chiến thuyền. Nhưng thủy thủ Pháp đang nhớ nhà tới mức nổi loạn và không được huấn luyện đầy đủ; thủy thủ Anh đã biến biển cả thành căn nhà thứ hai của mình. Giờ đây kỷ luật vượt trội, tài đi biển và lòng can đảm đã hoàn toàn chiến thắng. Trận đánh kéo dài đến tận rạng sáng ngày 1 tháng Tám. Lúc 10 giờ đêm ngày 31 tháng Bảy, chiếc tàu đô đốc với 120 cỗ súng của Brueys nổ tung, giết chết hầu hết người trên tàu, kể cả vị Phó Đô đốc 45 tuổi. Chỉ có hai chiếc tàu Pháp thoát khỏi bị bắt. Tổng cộng quân Pháp chết trên 1.750 người, 1.500 người bị thương; phía Anh có 218 người chết, 672 bị thương (kể cả Nelson). Trận này và trận Trafalgar (1805) là những cố gắng cuối cùng của nước Pháp thời Napoléon muốn thử thách quyền thống trị biển cả của nước Anh.

Khi những tin tức kinh hoàng về sự thảm bại này đến với Bonaparte ở Al-Qāhirah, chàng nhận ra cuộc chinh phục Ai Cập của mình đã trở nên vô nghĩa. Những kẻ phiêu lưu mệt mỏi dưới quyền của chàng giờ bị cắt đứt con đường tiếp tế từ Pháp, cả trên bộ lẫn dưới biển, và sẽ sớm bị phó mặc cho sự định đoạt của một dân tộc thù địch và một môi trường xa lạ. Vị tư lệnh trẻ xứng đáng được khen ngợi khi trong cảnh đau buồn của bản thân chàng vẫn có thì giờ để an ủi người góa phụ của vị Phó Đô đốc của chàng:

Al-Qāhirah [*Le Caire* trong tiếng Pháp], 19.8. 1798

Chồng của Bà đã bị giết bởi một quả đạn đại bác khi đang chiến đấu trên con tàu của mình. Ông đã chết một cách vinh quang và không đau đớn, như mọi chiến binh mong được chết như vậy.

Nỗi đau buồn của Bà làm tôi xúc động đến tận xương tủy. Thật đáng sợ khi ta phải chia xa người ta yêu mến.... Nếu không có lý do gì để sống thì tốt hơn là nên chết. Nhưng khi nghĩ lại, và khi áp chặt những đứa con vào lòng, bản năng của Bà sống dậy qua những giọt nước mắt và sự âu yếm dịu dàng, và Bà thấy cần phải sống vì những đứa con của mình. Vâng, thưa Bà, Bà sẽ khóc với chúng, Bà sẽ nuôi dưỡng chúng khi còn thơ, Bà sẽ dạy dỗ chúng vào tuổi niên thiếu, Bà sẽ nói với chúng về người cha của chúng và về nỗi buồn của Bà, về tình yêu của chúng và của nền Cộng hòa. Và một khi đã nối kết linh hồn của Bà với cuộc đời một lần nữa thông qua tình mẫu tử, xin Bà hãy tin cậy nơi tình bạn của tôi, và mối quan tâm sâu sắc mà tôi sẽ luôn có đối với người vợ của bạn tôi. Xin Bà yên trí là có những con người... có thể biến đau thương thành hy vọng vì họ cảm nhận được một cách sâu sắc những nỗi phiền muộn của con tim.<sup>72</sup>

Những khó khăn chồng chất. Hầu như mỗi ngày đều có những cuộc tấn công vào các khu định cư Pháp do quân A Rập, Thổ, hay mamlūk không chịu khuất phục những người chủ mới. Ngày 16 tháng Mười, dân chúng tại chính Al-Qāhirah cũng bùng lên làm loạn. Quân Pháp trấn áp họ với nhuệ khí suy sụp ít nhiều. Và Napoléon, trong một thời gian cũng bỏ đi vai trò một nhà chinh phục tử tế, ra lệnh xử tử tất cả những tên phiến loạn có vũ trang.<sup>73</sup>

Nghe tin Thổ Nhĩ Kỳ đang chuẩn bị một đạo quân để tiến vào chiếm lại Ai Cập, chàng quyết định đáp lại sự thử thách bằng cách dẫn đầu 13.000 quân tiến vào Syria. Họ khởi hành ngày 10.2. 1799, chiếm được El'Arish, và băng qua sa mạc Sinai. Bức thư của Napoléon đề ngày 27 tháng Hai mô tả một vài khía cạnh của thử thách ấy: cái nóng, cái khát, “nước đen đen, thường khi không có giọt nào; bọn anh phải ăn thịt chó, khỉ, và lạc đà.” May thay, ở Gaza, sau một trận đánh khốc liệt, họ tìm thấy một nền nông nghiệp phát triển và những vườn cây ăn trái tuyệt vời.

Tại Yāfā [*Anh*, Jaffa] (ngày 3 tháng Ba), họ bị chặn đứng bởi một thành phố có tường thành bao bọc, những người dân thù địch, và một thành lũy được bảo vệ bởi 2.700 quân Thổ kiên cường. Napoléon cử một phái viên đến gặp họ để đưa ra các đề nghị, nhưng bị bác bỏ. Ngày 7 tháng Ba, công binh Pháp phá thủng một chỗ trên tường thành; quân Pháp tràn vào, tàn sát những người dân chống cự và cướp phá thị trấn. Napoléon cử Eugène de Beauhamais đi tái lập trật tự. Cậu này cho những ai muốn đầu hàng một lối thoát an toàn; các binh lính trong thành, để cứu cho thị trấn khỏi bị tàn phá thêm nữa, đã giao nộp vũ khí của họ, và được giải đến trước Napoléon như những tù binh. Chàng giơ hai tay lên một cách thất vọng. “Ta phải làm gì với bọn chúng đây?” – chàng hỏi. Chàng không thể dẫn theo 2.700 tù binh trên đường hành quân; vì quân sĩ của chàng cũng đã phải làm đủ mọi cách mới có được cái ăn cái uống cho chính họ. Chàng không thể dành ra một số quân đủ đông để canh giữ những người Thổ này và đưa họ về giam ở Al-Qāhirah. Nếu thả họ ra, sẽ không có gì ngăn họ quay lại chống quân Pháp. Napoléon triệu tập một hội đồng gồm các sĩ quan và hỏi họ nên xét xử thế nào. Họ quyết định phương án tốt nhất là giết các tù binh. Khoảng 300 người được tha; 2.441 người (trong đó có thường dân thuộc đủ độ tuổi, cả nam lẫn nữ) bị bắn, hoặc đâm bằng lưỡi lê để tiết kiệm đạn.<sup>74</sup>

Những kẻ xâm lược tiếp tục tiến bước và ngày 18 tháng Ba họ đến thị trấn Akkā [*Anh*, Acre] được phòng thủ kiên cố. Cuộc kháng cự của người Thổ do Cezzar Ahmet Paşa<sup>i</sup> chỉ huy, với sự giúp đỡ của Antoine de Phélippeaux – bạn học của Napoléon ở Brienne. Quân Pháp bao vây mà không có pháo binh vốn đã được gửi đến cho họ từ Eskendria bằng đường biển. Một hạm đội nhỏ của Anh dưới quyền Sir William

---

i Paşa (hoặc Pasha): một tước vị cao thường được ban cho cấp tướng lĩnh hay tổng trấn trong Đế quốc Ottoman. Vị Paşa nói trên được gọi theo tiếng Pháp là Djezzar và tiếng Anh là al-Jazzar.

Sidney Smith đã bắt giữ các vũ khí này, giao lại chúng cho quân trong thành và tiếp tế thức ăn và vật dụng cho quân đồn trú trong thời gian bị bao vây. Ngày 20 tháng Năm, sau hai tháng nỗ lực và chịu nhiều thất bại nặng nề, Napoléon hạ lệnh rút lui về Ai Cập. “Phélippeaux”, chàng than thở, “đã khiến ta thúc thủ trước Akkā. Nếu không vì hấn ta đã là bá chủ của vùng đất cửa ngõ dẫn đến phương Đông. Lẽ ra ta đã tiến vào Kostantiniyye [*Constantinople* trong tiếng Anh và Pháp], và phục hồi Đế quốc La Mã Đông phương.”<sup>75</sup> Năm 1803, không dự kiến được năm 1812, ông nói với Phu nhân Rémusat: “Trí tưởng tượng của tôi đã chết ở Akkā. Tôi sẽ không bao giờ cho phép nó gây trở ngại cho tôi nữa.”<sup>76</sup>

Cuộc trở về dọc theo bờ biển là một chuỗi những ngày bi thảm, với những chuyến đi bộ đôi khi kéo dài tới 11 giờ mới tới chỗ có giếng nước, chỉ để tìm thấy một thứ nước hầu như không thể uống được, đầu độc cơ thể và khó làm vơi đi cơn khát. Gánh nặng những người bị thương hay bị bệnh dịch càng làm cho chuyến đi chậm lại. Napoléon yêu cầu các bác sĩ cấp cho những người bị bệnh không thể chữa được những liều nha phiến chết người; họ từ chối và chàng rút lại lời gợi ý của mình.<sup>77</sup> Chàng ra lệnh biến những con ngựa đang cưỡi thành ngựa thồ chở các thương bệnh binh và làm gương cho các sĩ quan bằng cách đi bộ.<sup>78</sup> Ngày 14 tháng Sáu, sau một chặng đường dài gần 500 km từ Akkā trong 26 ngày, đạo quân kiệt sức ca khúc khải hoàn tiến vào Al-Qāhirah, trưng ra 17 lá cờ hiệu của quân thù và 16 sĩ quan Thổ Nhĩ Kỳ bắt được như bằng chứng cho thấy cuộc viễn chinh đã thành công một cách đáng tự hào.

Ngày 11 tháng Bảy, một trăm chiếc thuyền đổ xuống Abu Qīr một đạo quân Thổ với nhiệm vụ đẩy lùi quân Pháp ra khỏi Ai Cập. Napoléon tiến về phương bắc cùng những binh sĩ tinh nhuệ nhất, đánh cho quân Thổ tan tác (25 tháng Bảy) tới mức nhiều người trong bọn họ lao xuống biển chết để khỏi đối mặt với kỵ binh Pháp đang ào ạt xông tới.

Qua những tờ báo Anh do Sidney Smith gửi đến, Napoléon kinh ngạc khi biết một Đế nhị Liên minh các Cường quốc đã đẩy lùi quân Pháp ra khỏi nước Đức và đã chiếm lại hầu hết nước Ý từ Alpes cho đến Calabria.<sup>79</sup> Toàn bộ công trình xây bằng các chiến thắng của chàng đã sụp đổ trong một chuỗi thất bại từ sông Rhein và sông Po đến Abu Qīr và Akkā. Và giờ đây, trong thế bại trận nhục nhã, chàng thấy chính mình và các chiến đoàn đã bị tiêu hao nhiều, bị mắc kẹt trong một ngõ cụt thù địch không lối thoát, nơi chỉ cần một ít thời gian nữa cũng đủ để tiêu diệt họ.

Vào giữa tháng Bảy chàng nhận được một mệnh lệnh từ Chấp chính ban gửi ngày 26 tháng Năm yêu cầu chàng về Paris ngay.<sup>80</sup> Chàng quyết định bằng cách này hay cách khác phải trở về Pháp, mặc cho quân Anh đang vây quanh; để vạch ra một con đường đi đến quyền lực; và để sa thải những nhà lãnh đạo vụng về lóng ngóng đã khiến cho toàn thể những thành tựu chàng tạo dựng được ở Ý tiêu tan nhanh chóng. Trở lại Al-Qāhirah, chàng sắp xếp mọi công việc quân sự và hành chính, và bổ nhiệm chàng Kléber đầy do dự làm tư lệnh đám tàn quân tơi tả của giấc mơ Ai Cập. Ngân quỹ của đạo quân trống rỗng và đang mắc nợ sáu triệu franc; tiền lương còn nợ của binh lính là bốn triệu franc. Số lượng và tinh thần của họ sa sút từng ngày, trong khi những vị chủ nhà bất đắc dĩ của họ ngày một mạnh mẽ và chờ đợi với lòng kiên nhẫn âm thầm một cơ hội khác để vùng dậy. Bất cứ lúc nào các chính phủ Anh và Thổ Nhĩ Kỳ cũng có thể gửi đến Ai Cập một lực lượng mà, cùng với sự giúp đỡ của dân bản xứ, không chóng thì chầy sẽ buộc quân Pháp phải đầu hàng vô vọng. Napoléon biết tất cả những điều này và chỉ có thể bào chữa cho việc ra đi của chàng bằng lý do là người ta đang cần chàng ở Paris và chàng đã được lệnh trở về. Khi nói lời chào tạm biệt với các binh sĩ (chàng đã hứa thưởng cho mỗi người sáu hectare đất sau khi chiến thắng trở về) chàng long trọng tuyên bố: “Nếu tôi có may mắn về tới nước Pháp, sự cai trị

của những kẻ hay lắm nhảm [*bavard*] ấy sẽ bị kết thúc,”<sup>81</sup> và quân cứu viện sẽ đến với các nhà chinh phục bị giam hãm này. Điều đó không bao giờ đến.

Hai tàu chiến – *Muiron* và *Carrère* – đã thoát khỏi cuộc tàn sát ở Abu Qīr. Napoléon hạ lệnh chuẩn bị chúng sẵn sàng cho một cố gắng trở về Pháp. Ngày 23.8. 1799, chàng cùng với Bourrienne, Berthollet, và Monge, lên chiếc *Muiron*; các Tướng Lannes, Murat, Denon và những người khác theo sau trên chiếc *Carrère*.<sup>82</sup> Với sự cho phép của sương mù và vị thần May mắn vĩ đại, họ đã thoát khỏi mọi cặp mắt và những chiếc tàu thám thính của hạm đội Nelson. Họ không thể dừng lại ở Malta, vì quân Anh chiến thắng đã chiếm thành lũy này ngày 9 tháng Hai. Ngày 9 tháng Mười, những con tàu buồm neo ở ngoài khơi Fréjus, Napoléon và đám tùy tùng được đưa vào bờ ở St. Raphaël bằng xuồng. Giờ đây là lúc *aut Caesar aut nullus* – hoặc là Ceasar hoặc không là gì cả.

## **VII. Thời suy tàn của Chấp chính ban: 4.9.1797 – 9.11.1799**

Những thành công của các tập đoàn quân Pháp – lên đến đỉnh điểm với sự quy phục của Phổ ở Basel năm 1795, của Áo ở Campoformio năm 1797, của Napoli và Thụy Sĩ năm 1798 – đã làm chính phủ Pháp mềm yếu tới mức hầu như uể oải theo kiểu Đông phương. Hai viện của Cơ quan Lập pháp đệ trình lên Chấp chính ban và năm thành viên của Chấp chính ban thừa nhận quyền lãnh đạo của Barras, Reubell, và Larevellière. Những người này dường như đã làm theo phương châm tương truyền của Giáo hoàng Leo X: “Vì Chúa đã ban cho chúng ta chức vụ này, chúng ta hãy vui hưởng nó.” Sung sướng với vẻ yên ổn bề ngoài của một thời đại tương đối hòa bình và được kinh nghiệm dạy cho biết rằng các chức vụ trong chính phủ đặc biệt không an toàn trong những cuộc cách mạng, họ lo thu vén để phòng lúc thất thế.

Khi nước Anh trong thế bị cô lập đề nghị hòa bình vào tháng Bảy 1797, người ta kể rằng việc này đã có thể dàn xếp được bằng cách trả cho Barras và Reubell 500.000 bảng Anh; và có vẻ như người ta đã nhận được một món hối lộ 400.000 bảng của Bồ Đào Nha để nước này có được hòa bình vào tháng Tám năm ấy.<sup>83</sup> Reubell là người tham lam và Barras cần một mức thu nhập linh hoạt để có thể giữ cho Bà Tallien và những người cộng sự của ông có được tâm trạng vui vẻ và để bảo trì căn hộ xa xỉ của ông ta ở điện Luxembourg.<sup>84</sup> Talleyrand, trong cương vị bộ trưởng ngoại giao, ít khi bỏ lỡ cơ hội bắt Cách mạng phải trang trải cho những sở thích quý tộc của mình. Barras tính toán những khoản tiền trà nước của Talleyrand thường vượt quá 100.000 livre mỗi năm!<sup>81</sup> Tháng Mười 1797, ba ủy viên Mỹ đến Paris để giải quyết vụ tranh cãi về việc những tàu buôn của Mỹ bị tàu lòng<sup>i</sup> của Pháp bắt giữ. Theo Tổng thống Mỹ John Adams, họ được cho biết vụ việc có thể được thỏa thuận bằng một khoản vay trị giá 32 triệu florin cho Chấp chính ban và một khoản đãi thêm cho cá nhân Talleyrand là 50.000 bảng.<sup>86</sup>

Bộ tam đầu chế cầm quyền phải đương đầu với quá nhiều vấn đề nên phần lớn các lỗi lầm của họ có thể được tha thứ – ít nhất là một buổi tối thư giãn bên cạnh nụ cười của các người đẹp. Họ tránh một sự sụp đổ của quốc khố bằng cách thu những loại thuế truyền thống kiên quyết hơn, phục hồi những thứ thuế đã bị bãi bỏ như phí cầu đường, và áp đặt những thứ thuế mới – như thuế môn bài và tem thư, cửa sổ<sup>ii</sup> và cửa lớn. Họ đứng đầu một quốc gia bị xâu xé về cả thể xác lẫn tinh thần, tại địa phương và trong giai cấp, bởi những mục đích xung đột nhau: những nhà quý tộc và tài phiệt,

---

i Tàu lòng (*Pháp*, corsair; *Anh*, privateer): Tàu của tư nhân được chính phủ giao nhiệm vụ chuyên đi bắt tàu buôn của nước đối địch.

ii Thuế cửa sổ: Một loại thuế bất động sản, căn cứ trên số lượng cửa sổ của mỗi căn nhà, được áp dụng ở Anh, Pháp, và Scotland vào thế kỷ XVIII và XIX.

những người Công giáo ở Vendée, những người Jacobin vô thần, những người theo chủ nghĩa xã hội của Babeuf, những thương gia đòi được tự do, một khối quần chúng mơ được bình đẳng và sống cận kề cảnh chết đói. May mắn là những mùa gặt bội thu của hai năm 1796 và 1798 đã cắt ngắn hàng người thất nghiệp chờ được cứu tế.

Chiến thắng của các thành viên “tự do” đối với các thành viên bảo hoàng của Chấp chính ban vào năm 1797 là nhờ sự ủng hộ của những người cấp tiến. Để trả công phần nào cho họ, bộ ba chiến thắng kiểm duyệt báo chí và sân khấu đang nghiêng về giới tư sản, gian lận trong các cuộc bầu cử, bắt người không cần báo trước và phục hồi chính sách đàn áp tôn giáo của Hébert. Việc giáo dục giới trẻ không còn nằm trong tay các bà phước, mà được giao cho các nhà giáo thế tục; họ được lệnh tránh đề cập đến tất cả những gì là siêu nhiên trong các bài giảng của mình.<sup>87</sup> Trong 12 tháng từ 1797 đến 1798, tổng cộng có 1.448 linh mục bị trục xuất khỏi Pháp, 8.235 bị trục xuất khỏi Bỉ. Trong số 193 tu sĩ bị trục xuất trên chiếc tàu *Décade*, hai năm sau chỉ 39 người còn sống.<sup>88</sup>

Trong khi xung đột nội bộ tràn lan, mối nguy hiểm bên ngoài cũng gia tăng. Tại Bỉ, Hà Lan, và miền Rheinland, sự tham lam của Chấp chính ban đã biến những người bạn mới thành những kẻ thù mới. Thuế má thì cao, thanh niên chống lại việc cưỡng bách tòng quân, những khoản cho vay bắt buộc làm những người có thể lực tức giận, việc tước đoạt vàng, bạc, và các nghệ phẩm của các nhà thờ làm cho giới tăng lữ lẫn dân chúng oán ghét. Trong ba năm, Chấp chính ban đã thu về từ những xứ này và Ý hai tỉ livre.<sup>89</sup> Sau khi Bonaparte đi Ai Cập, “Chấp chính ban tiếp tục một chính sách chinh phục, hay đúng hơn là cướp bóc; chiếm đóng các lãnh thổ vì tiền, cướp phá nhân dân, moi các khoản “bồi thường chiến phí” từ các chính quyền địa phương, khiến nước Pháp bị ghét cay ghét đắng.”<sup>90</sup> “Chế độ Cộng hòa Pháp”, người ủng hộ chế độ quân chủ là Mallet du Pan nói, “đang bóc ăn châu Âu từng

lá một, như cụm đầu của hoa atisô. Nó làm cách mạng cho các quốc gia để bóc lột chúng và nó bóc lột chúng để có thể tồn tại.”<sup>91</sup> Chiến tranh đã tỏ ra có lợi, hòa bình sẽ là cảnh phá sản. Nghi ngờ con thuyền quốc gia đang đi vào nơi bão tố, Talleyrand xin từ chức bộ trưởng (20.7. 1798) và về hưu để tận hưởng những khoản lợi lộc tích cóp được.<sup>92</sup>

Napoléon đã đưa ra một ví dụ lý thú về việc làm thế nào gây chiến để được trả tiền và những cuộc hành quân táo bạo của chàng chịu trách nhiệm một phần cho những tai họa quân sự xảy đến cho nước Pháp vào lúc suy tàn của Chấp chính ban. Chàng đã khuất phục một cách quá nhanh chóng và hời hợt để đưa nước Ý vào sự bảo hộ của nước Pháp và đã để lại những miền đất do chàng chinh phục được vào tay những người cấp dưới vốn thiếu sự khôn ngoan vớ vẩn và tài ngoại giao khéo léo của chàng. Chàng đã tính toán quá lạc quan vào sự sẵn lòng của những nước cộng hòa mới ở Ý muốn cống nạp cho nước Pháp để khỏi bị lệ thuộc nước Áo. Chàng đã đánh giá thấp sức mạnh của Anh trong việc chống lại sự chiếm đóng của Pháp ở Malta và Ai Cập. Nước Thổ bị lẳng nhục còn chống lại lời mời của các kẻ thù cũ, Áo và Nga, bao lâu nữa trước khi tham gia cùng họ để bắt những anh cách mạng mới phát lên này tòng phục? Việc chia cắt Ba Lan còn khiến Nga, Phổ, và Áo bận rộn bao lâu nữa với phía đông trước khi phục hồi quyền hành thần thánh của các ông vua ở phía tây?

Hầu như mọi quân vương của châu Âu đều canh chờ một cơ hội để tái tục cuộc tấn công vào nước Pháp. Họ nhìn thấy nó khi Napoléon đưa 35.000 binh sĩ thiện chiến nhất của Pháp đi Ai Cập; họ nắm lấy nó khi đạo quân ấy dường như đã bị giam hãm một cách an toàn bởi chiến thắng của Nelson ở Abu Qīr. Nga hoàng Pavel I chấp nhận lời đề cử làm đại thống lĩnh của Dòng Hiệp sĩ Malta và cam kết đẩy lùi quân Pháp ra khỏi hòn đảo then chốt ấy. Ông đề nghị viện trợ cho Ferdinando IV để chiếm lại Napoli. Ông mơ tìm được

những hải cảng thân thiện cho tàu của Nga ở Napoli, Malta, và Eskendria, và qua đó biến nước Nga thành một cường quốc trên Địa Trung Hải. Ngày 29.12. 1798, ông ký một thỏa ước liên minh với Anh. Khi Hoàng đế Franz II cho phép một đạo quân của Nga tự do đi qua lãnh thổ Áo để đến sông Rhein, Pháp liền tuyên chiến với Áo (12.3. 1799). Ngay sau đó Áo liên kết với Nga, Thổ, Napoli, Bồ Đào Nha, và Anh thành Đệ nhị Liên minh chống Pháp.

Tính chất kém cỏi của Chấp chính ban được thể hiện trong cuộc xung đột này vốn do chính họ khiêu khích nên và đã có thể thấy trước được. Họ chuẩn bị một cách muộn màng, thất bại trong việc cung cấp tài lực cho cuộc chiến và vụng về trong công tác cưỡng bách tòng quân. Họ gọi 200.000 người nhập ngũ, nhưng chỉ thấy có 143.000 người đủ điều kiện; trong số đó chỉ có 97.000 người vâng lệnh tập trung; hàng ngàn người trong số này đã đào ngũ trên đường đi, đến nỗi chỉ còn 74.000 người đến được trung đoàn của mình. Tại đây họ nhìn thấy cảnh thiếu thốn hỗn độn về quân phục, thiết bị, và vũ khí. Tinh thần đã có lần từng khiến cho các đạo quân của chế độ Cộng hòa phấn khởi đã biến mất khỏi những con người từng trải qua những năm tháng rối loạn trong nước và đã đánh mất ảo tưởng. Sự quyết tâm đến tàn nhẫn và kỷ luật mà Ủy ban An ninh Công cộng đã dùng để hoạch định và tiến hành chiến tranh năm 1793 không còn nơi Chấp chính ban lãnh đạo nước Pháp năm 1798.

Có vài thành công bước đầu nhưng không thực chất. Piemonte và Toscana bị chinh phục, chiếm đóng, và thu thuế. Chiến thắng của Vua Ferdinando IV trong việc đẩy lui quân Pháp ra khỏi Roma đã bị người Pháp triệt tiêu dưới sự chỉ huy của Jean-Étienne Championnet, khi vị tướng này tiến vào Roma ngày 15 tháng Mười Hai. Vua Ferdinando IV và triều đình của mình, cùng với Phu nhân Hamilton và 20 triệu đồng ducat, rút lui về Palermo dưới sự che chở của hạm đội của Nelson. Championnet chiếm Napoli và dựng lên nước Cộng

hòa Parthenopea dưới sự bảo hộ của Pháp. Vì chiến tranh vẫn tiếp tục, và những đơn vị mới gia nhập với các binh sĩ của Nga-Áo-Anh, các lực lượng Pháp thấy mình ở thế yếu, 170.000 chống lại 320.000. Các tướng lĩnh Pháp, dù có chiến công rực rỡ là những cuộc hành quân của Masséna ở Thụy Sĩ, nhưng cũng đã thiếu đi khả năng của Bonaparte trong việc khắc phục quân số đông hơn của địch bằng chiến lược, các chiến thuật, và kỷ luật tốt hơn. Jourdan bị đánh bại ở Stockach (25.3. 1799), rút lui về Strasbourg, và từ chức. Schérer bại trận ở Magnano (5 tháng Tư), tháo chạy trong cảnh tán loạn, mất gần hết đạo quân của mình, và trao quyền chỉ huy lại cho Moreau. Rồi một “gã quỷ quái” thật sự, Aleksandr Suvorov, đến với 18.000 lính Nga, dẫn họ và một số sư đoàn Áo thực hiện một chiến dịch tàn bạo giành khỏi tay người Pháp từng lãnh thổ một, những miền mà trước đây Napoléon đã chiếm được trong giai đoạn 1796–1797. Ông ta đặc thắng tiến vào Milano ngày 27 tháng Tư; Moreau rút lui về Genova; Cộng hòa Cisalpine của Napoléon bị chết yểu. Còn lại lẻ loi đầy nguy nan với đạo quân nhỏ trong tay ở Thụy Sĩ, Masséna bỏ rơi những thành quả chinh phục của mình ở đây và rút lui về sông Rhein.

Sau khi đã dễ dàng thu hồi xứ Lombardia lại cho Áo, Suvorov dẫn quân từ Milano đi đối đầu với một lực lượng của Pháp đến từ Napoli và Roma. Tại Trebbia (17–19.6. 1799) ông ta đánh cho tan tác đến nỗi chỉ còn một ít tàn quân tơi tả chạy về được tới Genova. Cộng hòa lâm vào cảnh chết non. Ferdinando lấy lại ngai vàng Napoli và thiết lập một triều đại khủng bố với hàng trăm người thuộc phái dân chủ bị hành hình. Joubert, được giao chỉ huy tất cả những lực lượng Pháp còn sót lại ở Ý, dẫn họ giao chiến với Suvorov ở Novi (15 tháng Tám). Ông liều mình một cách can đảm và bị giết vào lúc trận đánh bắt đầu. Quân Pháp chống cự dũng cảm, nhưng vô ích; mười hai ngàn người gục ngã trên chiến trường. Và nước Pháp, khi biết được tai họa khủng khiếp này, nhận ra

rằng các biên giới họ từng vất vả tạo dựng được đang sụp đổ và đoàn quân Nga của Suvorov có thể sớm có mặt trên đất Pháp. Trí tưởng tượng của dân chúng ở Alsace và Provence làm họ hình dung ra ông ta và quân lính của ông như những kẻ “man rợ khổng lồ”, như một làn sóng thủy triều của dân Slav đã man đổ vào các thị trấn làng mạc nước Pháp.

Quốc gia này, chỉ mới gần đây thôi còn kiêu hãnh vì sức mạnh và những chiến thắng của mình, giờ đây ở trong tình trạng hỗn loạn và sợ hãi giống như tình trạng năm 1792 dẫn tới những cuộc Tàn sát tháng Chín. Xứ Vendée lại nổi loạn; nước Bỉ nổi lên chống lại các chúa tể người Pháp; 45 trong tổng số 84 tỉnh của Pháp gần rơi vào cảnh tan vỡ hoàn toàn về mặt chính quyền và tinh thần. Các thanh niên vũ trang chống lại các viên chức được gửi đến để tuyển mộ họ; các viên chức thành phố và nhân viên thuế vụ bị giết; hàng trăm kẻ cướp khủng bố các nhà buôn và lữ khách trên những con đường thành thị cũng như thôn quê, tội phạm áp đảo cả hiến binh, mở cửa nhà giam, phóng thích tù nhân, và cộng thêm họ vào hàng ngũ của chúng; mỗi điền trang, tu viện, hay nhà ở đều khó tránh khỏi bị cướp phá; thời kỳ “Đại Khủng bố” năm 1794 đã quay lại. Quốc gia mong mỗi hy vọng vào những người họ đã gửi đến Paris; nhưng hai Hội đồng đã nhượng bộ Chấp chính ban và Chấp chính ban dường như chỉ là một chế độ quả đầu khác tiếm vị, cai trị bằng hối lộ, mảnh khoé, và vũ lực.

Tháng Năm 1799, Sieyès – người từng có thời làm cha xứ và cách đây mười năm đã khuấy động cuộc Cách mạng với câu hỏi “Đẳng cấp Thứ ba là gì?” và đã trả lời rằng nó là, và nên tự gọi mình là, quốc gia – bị lôi ra khỏi cảnh ẩn dật cản trở và được bầu vào Chấp chính ban; vì, với tư cách là người từng soạn thảo các bản hiến pháp, ông đã được đồng nhất với luật pháp và trật tự. Ông đồng ý phục vụ, với điều kiện Reubell phải từ chức; Reubell từ chức với một khoản tiền trợ cấp thôi việc an ủi là 100.000 franc.<sup>93</sup> Ngày 18 tháng Năm,

một thiểu số mạnh mẽ gồm những người Jacobin ở hai viện lập pháp đã buộc các thành viên của Chấp chính ban là Larevellière, Treilhard, và Merlin nhường chức của họ cho Louis-Jérôme Gohier, Jean-François Moulin, và Roger Ducos. Fouché được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Cảnh sát và Robert Lindet trở thành người đứng đầu Ngân khố; cả hai là những cuộc phục sinh từ Ủy ban An ninh Công cộng. Câu lạc bộ Jacobin ở Paris được mở lại và nghe những lời ngợi ca Robespierre và Babeuf.<sup>94</sup>

Ngày 28 tháng Sáu, cơ quan Lập pháp, dưới ảnh hưởng của phe Jacobin, áp đặt một khoản vay bắt buộc 100 triệu livre dưới hình thức đánh thuế từ 30% đến 75% lên các khoản thu nhập cao hơn một mức độ vừa phải. Các công dân giàu có thuê luật sư tìm những lỗ hổng trong luật pháp, và quan tâm lắng nghe những âm mưu lật đổ chính phủ. Ngày 12 tháng Bảy, phái Jacobin thông qua được bộ Luật về Con tin: mỗi công xã tại Pháp được lệnh lập danh sách gồm các công dân địa phương có liên quan đến giới quý tộc bị đặt ra ngoài vòng pháp luật và để mắt theo dõi họ. Nếu xảy ra một vụ trộm cướp, các con tin này sẽ bị phạt; nếu một người “yêu nước” (tức người trung thành với chế độ hiện hữu) bị giết, bốn con tin sẽ bị trục xuất. Nghị định này được các tầng lớp thượng lưu đón nhận với tiếng kêu kinh hãi và giới bình dân cũng không lấy làm vui mừng.

Sau một thập kỷ kích động, xung đột giai cấp, chiến tranh với nước ngoài, rối loạn về chính trị, với những toà án không có luật pháp, những vụ tổng tiền bạo ngược, những vụ hành quyết và những cuộc tàn sát, gần như toàn thể nước Pháp đã chán ngấy Cách mạng. Những ai buồn bã quay nhìn lại “những ngày xưa tốt đẹp” dưới thời Louis XVI đều cảm thấy chỉ có một ông vua mới có thể mang lại trật tự và sự lành mạnh về tinh thần cho nước Pháp. Những ai yêu mến Công giáo đều cầu nguyện cho đến lúc họ không còn bị những kẻ vô thần cai trị. Thậm chí một số người hoài nghi có học thức

vốn đã từng rũ bỏ mọi niềm tin vào cái siêu nhiên cũng đi tới chỗ nghi ngờ liệu một bộ luật đạo đức không được đức tin tôn giáo hậu thuẫn có thể cưỡng lại những đam mê được buông thả và những sự thôi thúc phản xã hội đã bén rễ trong những thế kỷ bất an, săn đuổi, và dã man được hay không; nhiều bậc cha mẹ vô tín ngưỡng đã gửi con cái vô nhà thờ để dự những buổi cầu nguyện, xưng tội, rước Bí tích thánh thể lần đầu, như những nguồn hy vọng cho đức khiêm tốn, kỷ luật gia đình, và sự bình an trong tâm hồn. Những người nông dân và chủ sở hữu tư sản có được đất đai nhờ Cách mạng và muốn giữ chúng, đã đi tới chỗ oán ghét chính phủ do thường đến đánh thuế lên các vụ mùa của họ hoặc bắt con trai họ nhập ngũ. Công nhân thành thị kêu la ầm ĩ để đòi bánh mì thậm chí còn tuyệt vọng hơn cả trước lúc ngục Bastille sụp đổ. Họ thấy các thương gia, chủ nhà máy, những người đầu cơ, chính trị gia, các quan Chấp chính sống trong cảnh xa hoa; cuối cùng họ coi Cách mạng chỉ là sự thay thế giới quý tộc bằng giới tư sản như những kẻ làm chủ và trục lợi nhà nước. Nhưng những ông chủ tư sản của họ cũng bất mãn. Đường sá không an toàn và không được bảo dưỡng khiến việc đi lại và thương mại trở nên vất vả và nguy hiểm; những món tiền cho vay cưỡng bách và thuế má nặng nề làm nản lòng nhà đầu tư và kinh doanh; ở Lyon mười ba trong số mười lăm ngàn cửa tiệm đã bị ngưng hoạt động do không có lãi, đẩy thêm hàng ngàn đàn ông và đàn bà vào đội quân thất nghiệp. Le Havre, Bordeaux, và Marseilles bị phá sản vì chiến tranh và hậu quả của chính sách phong tỏa của Anh. Khối thiếu số ngày càng giảm xưa nay vẫn còn nói về tự do cũng thấy khó mà liên kết điều này với Cách mạng, là thứ đã tiêu hủy quá nhiều tự do, thông qua quá nhiều bộ luật khủng khiếp, và đã đưa biết bao công dân nam lẫn nữ vào nhà ngục hay lên máy chém. Những người phụ nữ, ngoại trừ những vợ, tình nhân, hoặc con gái của những kẻ giàu cũ và giàu mới, lo lắng đi từ dãy người xếp hàng chờ mua sắm này sang dãy người khác, tự hỏi liệu hàng trong kho có cạn không, liệu

những người con, anh, em, hoặc chồng của họ ở mặt trận có trở về không, chiến tranh khi nào mới chấm dứt. Các binh lính vốn quen với cảnh bạo lực, trộm cướp và căm thù, chịu đựng không chỉ cảnh bại trận mà cả sự thiếu thốn và kém chất lượng của các hàng quân nhu, trở nên chua chát với những tiết lộ về tình trạng tham nhũng của những người chỉ huy, cấp dưỡng, hoặc tiếp tế quần áo cho họ. Khi trở về nhà hay đến Paris họ nhìn thấy cảnh bất lương tương tự trong xã hội, thương mại, công nghiệp, tài chính, và chính phủ. Tại sao họ phải chết vì một giấc mơ bị hoen ố như vậy? Ảo vọng về một thế giới mới xán lạn đã dần lùi xa và tan biến khi Cách mạng tiến tới.

Một số người cảm thấy phần chấn được ít lâu khi có tin rằng các nước Đồng minh đã tranh cãi, chia rẽ, và bị đẩy lùi ở Thụy Sĩ và Hà Lan; rằng Masséna đã giành lại được thế chủ động và đã cắt một đạo quân Nga ra làm đôi ở Zürich (26.8.1799), rằng những tên lính Slav kinh khủng đã rút lui, và Nga đã rời khỏi Liên minh. Người Pháp bắt đầu tự hỏi liệu có vị tướng lĩnh tài ba nào như Masséna, Moreau, Bernadotte, hay xuất sắc nhất, như Bonaparte, một khi đã an toàn trở về từ Ai Cập, có thể dẫn đầu một đoàn quân tiến vào Paris, lật đổ các chính khách và đem lại cho nước Pháp trật tự và an ninh, thậm chí với cái giá của tự do? Phần lớn người dân Pháp đã đi đến kết luận là chỉ có một chính phủ trung ương tập quyền dưới một nhà lãnh đạo độc đoán mới có thể chấm dứt cảnh hỗn loạn của cách mạng và ban cho quốc gia trật tự và an ninh của cuộc sống văn minh.

## **VIII. Napoléon nắm quyền:**

### **Ngày 18 Brumaire (9.11.1799)**

Sieyès đồng ý. Nghiên cứu các đồng sự trong Chấp chính ban, ông không thấy ai trong bọn họ – kể cả con người xảo quyết Barras – có trong mình tập hợp những đức tính về trí tuệ,

tầm nhìn, và ý chí cần thiết để đưa nước Pháp đến chỗ lành mạnh và đoàn kết. Ông đang thai nghén một bản hiến pháp, nhưng muốn có một tướng lĩnh để giúp ông cho nó ra đời và phục vụ như cánh tay đắc lực của ông. Ông đã nghĩ đến Joubert, nhưng giờ Joubert đã chết. Ông cho mời Moreau và đã hầu như thuyết phục được ông này làm “người trên lưng ngựa” [tướng lĩnh cứu tinh trong cơn khủng hoảng chính trị]; nhưng khi họ biết Napoléon đang từ Ai Cập trở về, Moreau nói với Sieyès: “Đó là người ngài cần; ông ta có thể làm vụ đảo chính của ngài tốt hơn tôi nhiều.”<sup>95</sup> Sieyès suy nghĩ; Napoléon có thể là người ông đang cần, nhưng liệu anh ta có chấp nhận Sieyès và bản hiến pháp mới như những kẻ chỉ đạo cho anh ta không?

Ngày 13 tháng Mười, các quan Chấp chính thông báo với lưỡng viện rằng Bonaparte đã đổ bộ gần Fréjus; các đại biểu đứng dậy hoan hô. Trong suốt ba ngày đêm dân chúng Paris hoan nghênh tin tức bằng cách uống mừng trong các quán rượu và ca hát ngoài đường phố. Tại các thị trấn nằm trên đường từ bãi biển lên thủ đô, dân chúng và những người chủ của họ quay sang chào mừng con người dường như đối với họ là biểu tượng và sự bảo đảm của chiến thắng; họ chưa kịp nghe về sự thất bại ở Ai Cập. Tại nhiều trung tâm, theo tường thuật của tờ *Moniteur*, “đám đông nhiều tới mức dòng giao thông hầu như không nhích tới được.”<sup>96</sup> Ở Lyon, một vở kịch được dàn dựng để vinh danh chàng, và một nhà diễn thuyết bảo chàng, “Hãy đi chiến đấu với kẻ thù, đánh bại nó, và chúng tôi sẽ tôn ông làm vua.”<sup>97</sup> Nhưng vị tướng nhỏ bé, im lặng và ủ rũ, đang suy nghĩ sẽ đối xử như thế nào với Joséphine.

Khi đến Paris (16 tháng Mười), chàng đến thẳng ngôi nhà chàng mua trên con đường đã được đặt tên lại để tôn vinh chàng, Rue de la Victoire [Đường Chiến thắng]. Chàng hy vọng sẽ thấy người vợ tệ bạc của mình ở đó, và gạt nàng ra khỏi cuộc đời mình. Nàng không ở đó, vì hai lý do. Thứ nhất, vào ngày 21.4. 1799, trong khi chàng vây hãm Akkā, nàng đã

mua một điền trang 120 hecta, Malmaison, cách Paris khoảng 16 km về phía hạ lưu sông Seine. Barras đã ứng trước cho nàng 50.000 franc để trả đợt đầu trong số tiền mua 300.000 franc; và Đại úy Hippolyte Charles là vị khách đầu tiên của nàng trong toà lâu đài rộng rãi.<sup>98</sup> Thứ hai, nàng và con gái đã rời Paris bốn ngày trước để đi Lyon trong hy vọng gặp chàng trên đường. Khi Joséphine và Hortense biết được rằng chàng đã chọn một con đường khác, họ quay lại, và dù bị say xe, họ đi ngược con đường cũ dài 320 km về lại Paris. Trong lúc đó người cha chồng già nua của nàng, Hầu tước Beauharnais, đến gặp Napoléon để biện hộ cho nàng: “Dù cô ấy có lỗi thế nào đi nữa, hãy quên đi; đừng gieo nổi ô nhục lên cái đầu bạc của tôi và lên một gia đình vẫn coi trọng anh.”<sup>99</sup> Anh em của Bonaparte thúc giục chàng nên ly dị vợ, vì gia đình chàng vẫn bức bối trước ảnh hưởng của nàng đối với chàng; nhưng Barras cảnh báo chàng rằng một vụ tai tiếng công khai sẽ làm tổn thương sự nghiệp chính trị của chàng.

Khi hai mẹ con đã kiệt sức về đến số 3 đường Chiến thắng (18 tháng Mười), Eugène gặp họ nơi đầu cầu thang và báo trước là họ sẽ phải đón nhận một trận lôi đình. Để cho cậu chăm sóc em gái, Joséphine leo lên cầu thang và gõ cửa phòng của Napoléon. Chàng trả lời rằng đã quyết định không bao giờ gặp nàng nữa. Nàng khuy xuống cầu thang và khóc cho đến khi Eugène và Hortense đỡ nàng dậy và đưa nàng quay lại để cùng cầu xin thứ lỗi. Sau này Napoléon kể lại: “Tôi bối rối sâu sắc. Tôi không chịu được tiếng khóc của hai đứa trẻ. Tôi tự hỏi, liệu có nên biến chúng thành nạn nhân của những lỗi lầm của mẹ chúng? Tôi bước ra, nắm lấy tay của Eugène và kéo nó lại phía tôi. Rồi Hortense đến... với mẹ nó.... Phải nói gì đây? Người ta không thể có tình người mà không thừa hưởng sự yếu đuối của con người.”<sup>100</sup>

Trong những ngày suy nghĩ ủ ê ấy chàng né tránh cặp mắt của công chúng; chàng biết rằng một con người của công chúng không nên tỏ ra quá công khai. Lúc ở nhà cũng

như khi ra ngoài chàng mặc đồ dân sự để xua tan những lời đồn đại là quân đội đang tính nắm lấy chính quyền. Chàng đến thăm hai nơi: một là đến tỏ lòng tôn kính đối với Bà Helvétius<sup>i</sup> đã tám mươi tuổi ở Auteuil; nơi kia là Pháp quốc Học viện. Tại đây chàng nói về cuộc viễn chinh Ai Cập như đã được thực hiện phần lớn vì lợi ích của khoa học; Berthollet và Monge ủng hộ chàng; Laplace, Lagrange, Cabanis và nhiều người khác lắng nghe chàng như một khoa học gia và một triết gia.<sup>101</sup> Tại cuộc họp mặt này chàng gặp Sieyès và chinh phục ông này bằng một nhận xét: “Chúng ta không có chính phủ bởi vì chúng ta không có hiến pháp, hay ít ra không có bản [hiến pháp] chúng ta cần; thiên tài của ông hẳn sẽ cho chúng ta một bản.”<sup>102</sup>

Chẳng bao lâu sau căn nhà của chàng trở thành một nơi thương thảo bí mật. Chàng tiếp những người khách thuộc cánh Tả cũng như cánh Hữu. Chàng hứa với những người Jacobin sẽ duy trì chế độ cộng hòa và bảo vệ những quyền lợi của quần chúng bình dân; nhưng sau đó chàng cũng tuyên bố thẳng thắn: “Tôi đã tiếp những phái viên của dòng họ Bourbon.”<sup>103</sup> Tuy nhiên, chàng tự tách mình ra khỏi mọi phe phái, đặc biệt là quân đội. Tướng Bernadotte, người cũng có hiểu biết nào đó về việc lãnh đạo chính phủ, khuyên chàng nên đứng ngoài chính trị và hài lòng với một chức vụ chỉ huy quân sự khác. Napoléon thấy thoả mãn hơn khi lắng nghe những nhân vật dân sự như Sieyès, ông này khuyên chàng nên tiếp quản chính phủ và ban hành một bản hiến pháp mới. Điều này đòi hỏi phải lạm dụng hoặc vi phạm một hai điều luật; nhưng Hội đồng Nguyên lão, lo lắng vì sự trỗi dậy của phe Jacobin, sẽ nhắm mắt làm ngơ trước một sự bất hợp pháp nho nhỏ; và Hội đồng Năm trăm người, dù có thiếu số Jacobin hùng mạnh, mới đây đã bầu Lucien Bonaparte làm

---

i Bà Helvétius (1722 –1800) là vợ của triết gia Helvétius, và chủ nhân của một khách thính rất nổi tiếng ở Pháp vào Thời đại Khai minh trong hơn 50 năm.

chủ tịch. Trong số năm người của Chấp chính ban, Sieyès và Ducos ủng hộ Napoléon; Talleyrand đảm trách việc thuyết phục Barras nên về hưu với vòng nguyệt quế và bổng lộc phi pháp; Gohier, Chủ tịch Chấp chính ban, đang phần nào si mê Joséphine và có thể bị nụ cười của nàng khiến cho bất động.<sup>104</sup> Một số chủ nhà băng hầu như chắc chắn cho thấy sự bảo đảm của những đồng franc thân thiện.<sup>105</sup>

Trong tuần lễ đầu của tháng Mười Một có một lời đồn lan khắp Paris rằng phe Jacobin đang chuẩn bị một cuộc nổi dậy của quần chúng. Phu nhân Staël xem tin đồn này nghiêm trọng đến mức bà chuẩn bị một cuộc di tản nhanh chóng nếu bạo động nổ ra.<sup>106</sup> Ngày 9 tháng Mười Một (từ nay về sau là ngày 18 Brumaire – Vụ nguyệt– nổi tiếng) Hội đồng Nguyên lão, sử dụng các quyền hiến định của mình, ra lệnh cho cả chính họ và Hội đồng Năm trăm người, ngày hôm sau phải chuyển các cuộc họp của họ đến cung điện của hoàng gia ở vùng ngoại ô St. Cloud. Lạm dụng các quyền hiến định, họ bổ nhiệm Bonaparte làm tư lệnh đơn vị đồn trú Paris và yêu cầu chàng lập tức đến gặp các vị Nguyên lão ở Tuileries và tuyên thệ. Chàng đến, có 60 sĩ quan hộ tống, và cam kết bằng những lời lẽ đủ ý nghĩa chung chung để cho phép sau này có thể diễn đạt rộng rãi: “Chúng ta cần một chế độ cộng hòa đặt nền tảng trên tự do, bình đẳng, và những nguyên lý thiêng liêng của quốc gia. Chúng ta sẽ có nó, tôi xin thề!”<sup>107</sup>

Từ trong hội trường bước ra, chàng nói với các binh lính đang tụ họp: “Quân đội đã hợp nhất với ta và ta đã hợp nhất với cơ quan Lập pháp!” Vào lúc ấy một gã mang tên Bottot, thư ký của Barras, mang tới cho Napoléon một thông điệp của vị Chấp chính quan một thời đầy thế lực, xin được cấp thông hành an toàn để rời khỏi Paris. Trong giọng điệu mà chàng hy vọng mọi binh lính cũng như dân sự đều nghe, Napoléon áp đảo gã Bottot tội nghiệp bằng một câu hô ngữ hầu như là bản án tử cho Chấp chính ban: “Các người đã làm gì với nước Pháp mà ta đã để lại cho các người trong

vẻ huy hoàng chói lọi? Ta để lại cho các người hòa bình, và [giờ đây] ta thấy chiến tranh; ta để lại cho các người những chiến thắng, và ta thấy toàn cảnh thất trận! Ta để lại cho các người hàng triệu đồng từ nước Ý, và ta thấy cảnh cướp bóc và nghèo khổ khắp nơi. Các người đã làm gì với hàng trăm ngàn sinh mạng người Pháp mà ta đã biết, các chiến hữu của ta trong vinh quang? Họ đã chết.”

Các thính giả của Napoléon không biết chàng đã mượn những dòng này từ một luật sư Jacobin ở Grenoble; họ cảm nhận ấn tượng sâu sắc của chúng và trân trọng chúng lâu bền trong ký ức như một lời biện minh cho cuộc đảo chính theo sau đó. Rồi, sợ rằng những lời của mình có thể đẩy Barras về phía đối kháng, chàng gọi Bottot ra một bên và bảo đảm với anh ta rằng những tình cảm cá nhân của chàng đối với vị Chấp chính quan vẫn không thay đổi.<sup>108</sup> Chàng lên ngựa, duyệt qua đội binh và quay về với Joséphine, người hãy còn run lên vì đã thành công như một diễn giả.

Ngày 10 tháng Mười Một, Tướng Lefebvre dẫn 500 quân của đạo quân đồn trú tại Paris đến St. Cloud và đóng binh gần hoàng cung. Napoléon và một số sĩ quan thân cận đi theo; phía sau là Sieyès, Ducos, Talleyrand, Bourrienne. Họ quan sát Hội đồng Nguyên lão đang nhóm họp trong Phòng Thần Mars và Hội đồng Năm trăm người trong Nhà Cam<sup>i</sup> kế bên. Ngay khi Lucien Bonaparte hô lệnh im lặng để bắt đầu cuộc họp của Hội đồng Năm trăm người, chàng gặp phải những lời chống đối về sự hiện diện của binh lính chung quanh cung điện. Những tiếng kêu vang lên: “Đả đảo chế độ độc tài! Đả đảo những tên độc tài! Ở đây chúng ta là những người tự do; lưỡi lê không đe dọa được chúng ta!” Một lời đề nghị được đưa ra, rằng mỗi đại biểu phải bước lên diễn đàn và hô to lời

---

i Nhà cam (Orangerie): Căn phòng hay một toà nhà tại các dinh thự sang trọng ở châu Âu từ thế kỷ XVII – XIX dùng để bảo vệ cây cam hoặc các loại cây ăn quả khác vào mùa đông, tương tự như nhà kính (greenhouse).

thề bảo vệ hiến pháp. Việc bỏ thăm diễn ra rất trật tự và kéo dài thông thả đến tận bốn giờ chiều.

Các Nguyên lão cũng đứng đỉnh thời gian, với lý do họ phải chờ Năm trăm người đệ trình các đề nghị. Napoléon đang bọc dục trong căn phòng gần bên, e rằng nếu không có hành động mang tính quyết định sớm, mục đích của mình có thể thất bại. Đi giữa Berthier và Bourienne, chàng tiến lên diễn đàn của các Nguyên lão và cố khích động những ông già này ra tay hành động. Nhưng chàng, vốn tỏ ra hùng biện rất giỏi trong những lời tuyên bố và rất dứt khoát trong những cuộc trò chuyện, đã bị ngập ngừng vì các cảm xúc và ý tưởng để có thể ứng khẩu một bài diễn văn mạch lạc trước một cơ quan lập pháp. Chàng phát biểu một cách đột ngột, sôi nổi, gần như không có mạch lạc:

Các ngài đang ngồi trên ngọn núi lửa!... Hãy cho tôi được phép nói một cách thẳng thừng như một người lính... Tôi đang yên ổn ở Paris thì các ngài gọi tôi đến để thi hành mệnh lệnh của các ngài... Tôi đã tập hợp các chiến hữu, bay đến cứu nguy cho các ngài... Dân chúng trút lên đầu tôi những lời vu khống; họ nói đến Caesar, đến Cromwell,<sup>i</sup> đến chính phủ quân sự.... Thời gian rất cấp bách; các ngài cần có ngay có những biện pháp dứt khoát.... Chế độ cộng hòa không có chính phủ; chỉ còn lại Hội đồng Nguyên lão. Hãy để nó đưa ra các biện pháp, hãy để nó phát biểu. Tôi sẽ là người thực hiện hành động cho các ngài. Chúng ta hãy cứu vãn tự do! Chúng ta hãy cứu vãn bình đẳng!<sup>109</sup>

Một đại biểu ngắt lời chàng: “Thế còn hiến pháp?” Napoléon trả lời một cách giận dữ: “Hiến pháp? Chính các ngài đã hủy hoại nó; các ngài đã vi phạm nó ngày 18 Fructidor [Quả

---

i Cromwell, Oliver (1599–1658): Nhà quân sự, chính trị, và tôn giáo Anh quốc, từng đưa đội quân của Nghị viện Anh đến chiến thắng trong cuộc Nội chiến Anh (1642–1649) và kêu gọi xử tử Vua Charles I. Là người đứng đầu Liên hiệp Anh, Ireland và Scotland (1653–1658), ông cai trị như một nhà độc tài.

nguyệt]; các ngài đã vi phạm nó ngày 22 Floréal [Hoa nguyệt]; các ngài đã vi phạm nó ngày 30 Prairial [Thảo nguyệt]. Nó đâu còn được ai tôn trọng.” Khi được yêu cầu nêu tên những người đứng sau cái được cho là âm mưu của phe Jacobin, chàng kể ra Barras và Moulin; được hỏi bằng chứng đâu, chàng đâm lúng túng và không thể nghĩ ra được điều gì có sức thuyết phục hơn là kêu gọi các binh lính đang đứng ở lối vào: “Các bạn, những đồng chí dũng cảm đi theo hộ tống ta, những lính ném lựu đạn can đảm... nếu bất cứ diễn giả nào, bị một tên nước ngoài xui khiến, dám la lên *Ngoài vòng pháp luật*, hãy để cho sấm sét của chiến tranh tiêu diệt hắn ngay lập tức.”<sup>110</sup> Những lời chất vấn và phản đối lẫn át diễn giả; lời chàng nói càng trở nên lộn xộn hơn; các phụ tá phải đến cứu và hộ tống chàng ra khỏi phòng.<sup>111</sup> Chàng có vẻ đã làm hỏng kế hoạch của mình.

Chàng quyết định thử một lần nữa và lần này đối diện trực tiếp với kẻ thù – Năm trăm người nhuộm màu Jacobin. Được hộ tống bởi bốn người lính ném lựu đạn, chàng tiến vào Nhà Cam. Các đại biểu tức giận vì cảnh phô trương lực lượng; nghị trường vang tiếng: “Đả đảo tên độc tài! Đả đảo tên bạo chúa! *Hors la loi* [Hãy đặt hắn ra ngoài vòng pháp luật!]”; đây là tiếng kêu đã vang lên trước sự sụp đổ và cái chết của Robespierre. Một bản kiến nghị đặt Napoléon ra ngoài vòng pháp luật được soạn ra. Lucien Bonaparte, Chủ tịch, từ chối đưa nó ra biểu quyết. Nhưng chức chủ tịch Hội đồng Năm trăm người cho một người bạn, chàng bước lên diễn đàn và phát biểu bênh vực anh mình. Các đại biểu khích động vây quanh Napoléon. “Có phải vì điều này mà anh chiến thắng?” một người hỏi. Những người khác áp sát chàng gần tới mức làm chàng suýt ngất xỉu; những người lính ném lựu đạn xông đến cứu và đưa chàng ra khỏi hội trường. Hồi tỉnh lại nhờ không khí ngoài trời, chàng nhảy lên một con ngựa và xuất hiện trước các binh lính đang kinh ngạc vì quần áo nhàu nát và mái tóc rối bời của chàng. “Hỡi binh sĩ, ta có trông cậy

ở các bạn được không?” – chàng hỏi. “Được,” nhiều người trả lời, nhưng những người khác do dự. Napoléon lại bối rối; ý đồ vĩ đại của chàng dường như lại tiêu tan.

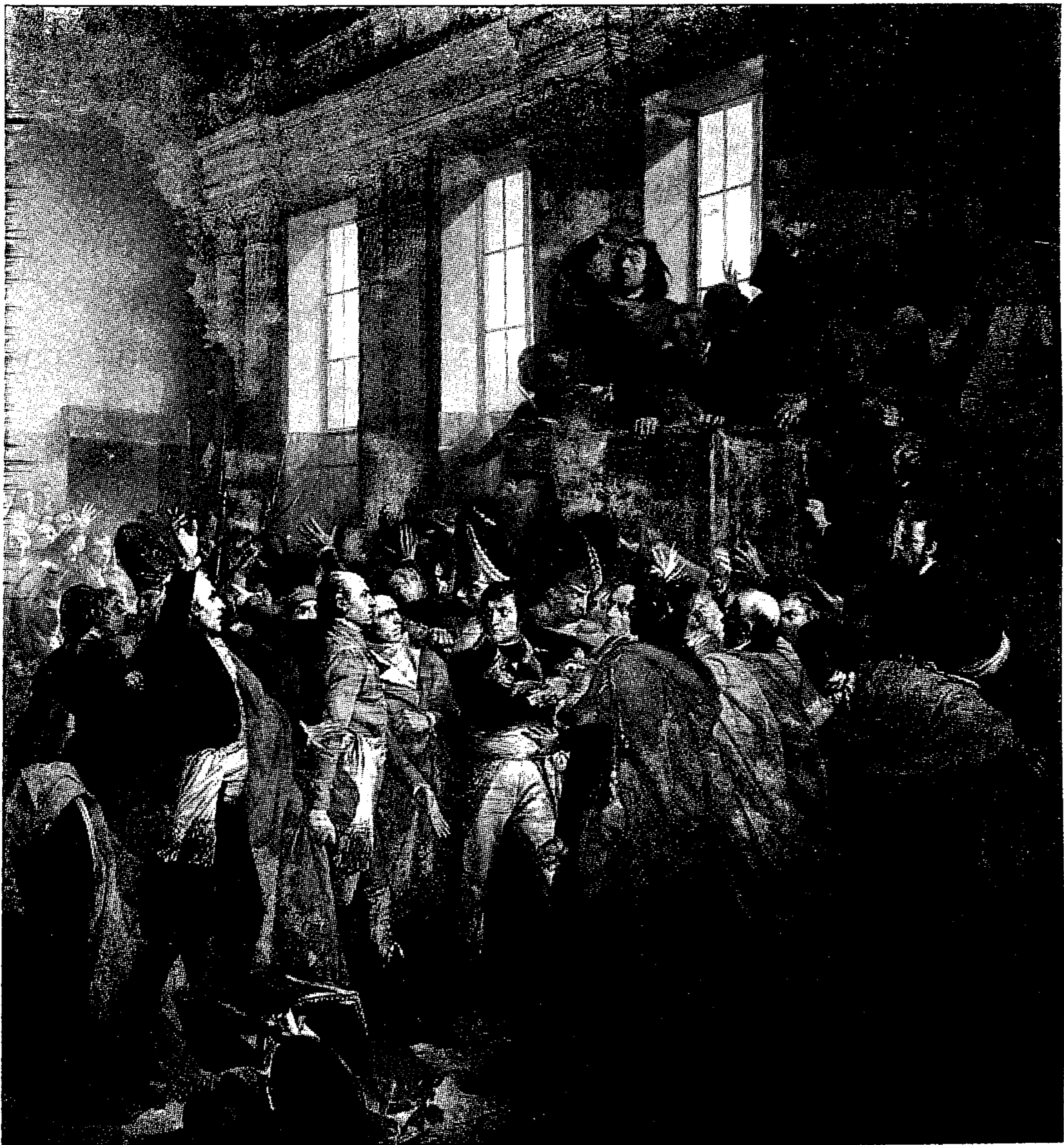
Chàng được em mình cứu thoát. Lucien, vội vã chạy ra từ Nhà Cam, nhảy phóc lên con ngựa gần nhất, phi đến bên Napoléon và nói với những người lính bảo vệ mất tổ chức bằng một giọng đầy quyền uy, hùng biện và bóp méo sự thật một cách đáng kể:

Với tư cách chủ tịch của Hội đồng Năm trăm người, ta tuyên bố với các anh rằng vào lúc này đại đa số Hội đồng đang bị kinh hãi vì một số đại diện vũ trang bằng dao găm nhỏ bao vây diễn đàn và dọa giết các đồng sự của mình.... ta tuyên bố rằng những kẻ cướp tảo tợn này, chắc chắn được bọn Anh trả tiền, đã nổi loạn chống lại Hội đồng Nguyên lão, và đã dám nói tới chuyện đặt ngoài vòng pháp luật vị tướng có trách nhiệm thực hiện sắc lệnh của các Nguyên lão... Ta giao phó cho các binh sĩ trách nhiệm giải thoát cho đa số các đại diện của họ. Hỡi các tướng lĩnh, sĩ quan, công dân, các người chỉ nên công nhận những ai tập hợp quanh ta là những nhà lập pháp cho nước Pháp. Về phần những kẻ cố ngồi lại trong Nhà Cam, hãy dùng vũ lực trục xuất chúng.<sup>112</sup>

Lucien giật lấy một thanh gươm, chìa vào ngực Napoléon và thề rằng nếu có khi nào ông anh mình tấn công vào tự do của dân Pháp, chàng sẽ tự tay giết chết anh ta.

Ngay sau đó Napoléon ra lệnh đánh trống, các binh lính xâm chiếm Nhà Cam và giải tán các đại biểu bất tuân. Murat và Lefebvre dẫn đường, la hét; các lính ném lựu đạn theo sau, kêu lên, “*Bravo! À bas les Jacobins! À bas les ‘93! C’est le passage du Rubicon!*” [Hoan hô! Đả đảo bọn Jacobin! Đả đảo bọn năm (17)93! Chúng ta đang vượt qua sông Rubicon!] Khi các đại biểu thấy những ngọn lửa lê tiến về phía mình, phần lớn bỏ chạy, một số thoát ra bằng cách nhảy qua cửa sổ; một số ít vây quanh Lucien. Nhà điều khiển chương trình đắc thắng tiến đến gặp các vị Nguyên lão và giải thích Hội

đồng Năm trăm người vừa trải qua một đợt thanh trừng để chữa cho lành bệnh. Các Nguyên lão, vui mừng vì sống sót, thông qua một sắc lệnh thay thế Chấp chính ban bằng ba vị “Tổng tài lâm thời” – Bonaparte, Sieyès, và Ducos. Khoảng một trăm người trong Hội đồng Năm trăm được tổ chức lại thành một hội đồng thứ hai. Cả hai hội đồng ngừng họp cho đến 20.2.1800, để cho các vị Tổng tài viết một bản hiến pháp mới và cai trị nước Pháp. “Ngày mai”, Napoléon nói với Bourienne, “chúng ta sẽ ngủ ở điện Luxembourg.”<sup>113</sup>



Hình 24: Tướng Bonaparte ở Hội đồng Năm trăm người  
(François Bouchot, 1840)

## Chương 6

# Đời sống dưới thời Cách mạng 1789–1799

### I. Những giai cấp mới

Ở đây chúng ta hãy ngưng đôi cánh thời gian và nhìn vào một dân tộc mà lịch sử đang được cô đọng lại. Như quãng thời gian 20 năm từ lúc Ceasar vượt qua sông Rubicon đến khi Augustus lên ngôi (49–29 trCN), 26 năm từ lúc đánh chiếm ngục Bastille đến lần thoái vị sau cùng của Napoléon (1789–1815) cũng đầy những biến cố đáng ghi nhớ trong khi nhiều thế kỷ rơi vào những thời kỳ ít náo động và ít tái tạo diện mạo lịch sử hơn. Tuy nhiên, dưới những chấn động của chính quyền, dòng chảy của các thể chế, và những sự tán dương đối với thiên tài, các yếu tố và vẻ phong nhã của văn minh vẫn tiếp tục: sản xuất và phân phối thực phẩm và hàng hoá, tìm kiếm và chuyển giao kiến thức, rèn luyện bản năng và tính khí, những trao đổi tình cảm, những hoạt động làm nhẹ bớt cảnh làm việc vất vả và sự xung đột bằng nghệ thuật, văn chương, hoạt động từ thiện, thể thao và ca hát; những sự chuyển hóa của trí tưởng tượng, đức tin, và hy vọng. Và thực vậy, đây chẳng phải là thực tại và tính chất liên tục của lịch sử sao, mà bên cạnh chúng những náo động ngoài mặt của các chính phủ và các anh hùng chẳng phải chỉ là những diễn biến ngẫu nhiên và phù du của một giấc mơ sao?

**1. Giới nông dân.** Vào năm 1789, nhiều người trong số họ hãy còn là những người lao động công nhật hay lính canh, làm việc trên đất đai của người khác. Nhưng đến năm 1793

một nửa đất đai của nước Pháp là do nông dân sở hữu, đa số họ đã mua đám ruộng của mình với giá hời từ những tài sản bị sung công của Giáo hội; và tất cả, chỉ trừ một ít nông dân, đều thoát khỏi các nghĩa vụ phong kiến. Sự kích thích của quyền tư hữu đã biến người nông dân từ chỗ xem công việc đồng áng như một sự lao dịch chuyển sang tận tụy hết lòng với nó, mỗi ngày bổ sung vào khối thặng dư vốn giúp họ xây dựng nhà cửa và những thứ tiện nghi, nhà thờ và trường học – giá như họ có thể lo lót hoặc đánh lừa nhân viên thu thuế. Và thuế má có thể được đóng bằng những tờ tín phiếu – tiền giấy của chính phủ – theo giá trị bề mặt của chúng, trong khi các loại nông sản có thể bán với giá các tín phiếu nhân lên cả trăm lần để tương xứng với giá trị chỉ có trên danh nghĩa của chúng. Chưa bao giờ đất đai của nước Pháp được cày xới một cách nhiệt tình và mang lại kết quả đến như vậy.

Cuộc giải phóng tầng lớp đông đảo nhất trong một xã hội giờ đây không còn đẳng cấp là kết quả rõ ràng và lâu bền nhất của Cách mạng. Những người cung cấp khỏe khoản nhất đã trở thành những người bảo vệ Cách mạng mạnh mẽ nhất, vì Cách mạng đã ban cho họ đất đai mà nếu dòng họ Bourbon được phục hồi thì sẽ bị lấy đi mất. Cũng vì lý do này mà họ ủng hộ Napoléon và trong suốt mười lăm năm đã dâng cho ông một nửa số con trai của mình. Là những chủ đất kiêu hãnh, họ liên minh với giới tư sản về mặt chính trị và phục vụ trong suốt thế kỷ XIX, như một đối trọng mang tính chất bảo thủ qua bao cơn khủng hoảng của nhà nước.

Cam kết thực hiện sự bình đẳng về các quyền, Quốc ước hội nghị (1793) đã bãi bỏ chế độ con trưởng thừa kế và phán quyết rằng tài sản phải được để lại bằng chúc thư thành những phần bằng nhau cho mọi đứa con của người làm di chúc, kể cả con ngoài giá thú nhưng được người cha công nhận. Điều luật này đã mang lại những hệ quả quan trọng về mặt đạo đức lẫn kinh tế: do lo ngại phải khiến những kẻ thừa kế của mình lâm vào cảnh nghèo khó vì mỗi thế hệ phải

phân chia gia sản cho nhiều đứa con, người Pháp áp dụng những phương cách cũ của việc hạn chế nhân khẩu. Nông dân vẫn thịnh vượng, nhưng dân số Pháp gia tăng chậm chạp trong thế kỷ XIX – từ 28 triệu của năm 1800 lên 39 triệu vào năm 1914, trong khi dân số nước Đức tăng từ 21 lên 67 triệu.<sup>1</sup> Giàu có nhờ đất đai, người nông dân Pháp chậm di chuyển đến các thành thị và cơ xưởng. Do đó Pháp chủ yếu vẫn còn là nước nông nghiệp, trong khi Anh và Đức phát triển công nghiệp và kỹ thuật, vượt trội trong chiến tranh, và thống trị châu Âu.

**2. Giới vô sản.** Cảnh nghèo khó vẫn còn và nghiêm trọng nhất nơi những nông dân không có đất, những thợ mỏ, công nhân, và thợ thủ công ở các thành thị. Công nhân đào bới trong lòng đất để tìm các kim loại và khoáng chất dùng cho công nghiệp và chiến tranh; chất diêm tiêu cần thiết cho thuốc súng, và than ngày càng thay thế cho gỗ làm nguồn tạo ra năng lượng cho động cơ. Các thành thị sáng sủa và sinh động vào ban ngày, tăm tối và lặng lẽ vào ban đêm, cho đến 1793, khi các công xã lắp đặt đèn đường ở Paris. Thợ thủ công làm việc trong những xưởng thắp bằng nến, chủ hiệu bày hàng, và người bán hàng rong đi mời chào hàng hóa của họ. Tại trung tâm thị trấn là một ngôi chợ ngoài trời; gần chỗ cao nhất là một lâu đài và một nhà thờ; vùng ngoại ô có một hoặc hai nhà máy. Các phường hội đã bị bãi bỏ năm 1791, và Quốc hội tuyên bố từ nay mỗi người “được tự do kinh doanh hoặc theo đuổi một nghề nghiệp, nghệ thuật, hay công việc, tùy ý”.<sup>2</sup> Bộ luật “Le Chapel” (1791) cấm công nhân liên kết để đấu tranh về kinh tế; lệnh cấm này có hiệu lực đến tận năm 1884. Đình công bị cấm nhưng vẫn hay xảy ra.<sup>3</sup> Công nhân đấu tranh để giữ cho đồng lương của mình khỏi bị mất giá do đồng tiền bị lạm phát; tuy nhiên thông thường họ giữ được đồng lương của mình sánh ngang với giá cả gia tăng.<sup>4</sup> Sau khi Robespierre bị lật đổ, giới chủ nhân siết chặt kiểm soát và tình trạng của giới vô sản trở nên tệ hơn. Vào năm 1795,

tầng lớp *sansculottes* cũng nghèo khổ và ưu phiền y như thời trước Cách mạng. Đến năm 1799 họ đã mất niềm tin vào Cách mạng và năm 1800 họ phục tùng đường lối độc tài của Napoléon một cách đầy hy vọng.

**3. Giới tư sản.** Giới tư sản chiến thắng trong cuộc Cách mạng vì họ có nhiều tiền bạc và trí óc hơn giới quý tộc hoặc bình dân. Họ mua lại của nhà nước những phần sinh lợi nhất trong số tài sản của Giáo hội bị tịch thu. Của cải của họ không bị gắn chặt vào đất đai, mà có thể chuyển từ nơi này sang nơi khác, từ mục đích này sang mục đích khác, từ người này sang người khác và từ bất kỳ nơi đâu đến bất kỳ nhà lập pháp nào. Giới tư sản có thể trả lương cho binh lính, các chính phủ cũng như các đám đông khởi nghĩa. Họ đã có kinh nghiệm trong việc cai trị đất nước; họ biết cách thu thuế và gây ảnh hưởng đến ngân khố bằng các khoản cho vay của mình. Họ được giáo dục một cách thực tiễn hơn là giới quý tộc hay giới tăng lữ, và được trang bị tốt hơn để cai trị một xã hội trong đó tiền bạc là dòng máu lưu thông. Họ xem cảnh nghèo khó như hình phạt cho sự ngu dốt và xem cảnh giàu có của mình như phần thưởng chính đáng cho tính chuyên cần và óc thông minh. Họ không tin vào chính quyền của những người *sansculottes*; họ lên án sự gián đoạn của chính quyền do những cuộc nổi dậy của giới vô sản như một sự xác xược không thể chịu đựng nổi. Họ quyết tâm là khi âm thanh và cuồng nộ của Cách mạng lắng xuống, giai cấp tư sản sẽ là ông chủ của đất nước.

Ở Pháp, họ là một giai cấp tư sản thương mại hơn là tư sản công nghiệp. Không có chuyện thay thế những nông trại bằng những đồng cỏ thả súc vật như đã xảy ra tại Anh vào thời kỳ ấy khiến nông dân rời bỏ các cánh đồng của mình để lên thành phố tạo nên một lực lượng lao động rẻ tiền cho các nhà máy; và việc người Anh phong tỏa đã ngăn chặn hoạt động xuất khẩu của Pháp, vốn có thể duy trì các ngành công

nghiệp đang bành trướng. Do đó hệ thống cơ xưởng ở Pháp phát triển chậm hơn ở Anh. Có một số tổ chức tư bản quan trọng ở Paris, Lyon, Lille, Toulouse, v.v... nhưng phần lớn nền công nghiệp nước Pháp vẫn còn ở giai đoạn thủ công và công xưởng, thậm chí các nhà tư bản còn giao phó phần lớn công việc chân tay cho các gia đình ở nông thôn hay chỗ khác. Ngoài trừ những cơn xáo trộn độc đoán vào thời chiến và trong những lúc phe Jacobin ve vãn chủ nghĩa xã hội, chính phủ Cách mạng chấp nhận học thuyết Trọng nông về tự do kinh doanh như là hệ thống kinh tế phong phú và kích thích nhất. Các hòa ước ký với Phổ năm 1795 và Áo năm 1797 đã giải tỏa những giới hạn đối với nền kinh tế và chủ nghĩa tư bản Pháp, cũng như ở Anh và Mỹ, bước vào thế kỷ XIX với những phúc lành của một chính phủ cai trị ít nhất.

**4. Giới quý tộc.** Giới này đã đánh mất tất cả quyền lực về kinh tế hay chính trị. Đa số thành viên của họ vẫn còn là những *émigré*, sống ở nước ngoài bằng những nghề nhọc nhã; tài sản của họ đã bị tịch thu, lợi tức của họ đã chấm dứt. Trong số những nhà quý tộc còn ở lại hay trở về, nhiều người bị đưa lên máy chém, một số tham gia Cách mạng, số còn lại, cho đến năm 1794, vẫn lẩn trốn trong cảnh tăm tối bấp bênh và bị quấy rối liên tục trên các điền trang của họ. Dưới thời Chấp chính ban, những hạn chế này được nới lỏng; nhiều *émigré* trở về; một số lấy lại được phần nào tài sản; và vào năm 1797 có nhiều ý kiến lan truyền rằng chỉ có một chế độ quân chủ, được ủng hộ và kiểm soát bởi một lớp quý tộc biết thực hiện chức năng, mới có thể phục hồi trật tự và an ninh cho đời sống xã hội Pháp. Napoléon đồng ý với họ, nhưng theo cách riêng của chàng và vào lúc thuận lợi cho chàng.

**5. Tôn giáo.** Tôn giáo ở Pháp, vào lúc Cách mạng đi gần đến hồi kết, đã học cách xoay xở mà không có sự giúp đỡ của nhà nước. Các giáo dân Tin Lành, lúc đó chiếm 5% dân số, có

được đầy đủ tư cách trước pháp luật; việc tự do thờ phụng có giới hạn mà Louis XVI đã dành cho họ năm 1787 được Hiến pháp 1791 ban cho đầy đủ. Một sắc lệnh ngày 28.9.1791 nói rộng tất cả quyền dân sự đến những người Do Thái ở Pháp và đặt họ vào vị trí bình đẳng về mặt pháp lý với mọi công dân khác.

Giới giáo sĩ Công giáo, trước đây là Đẳng cấp Thứ nhất, giờ phải chịu sự thù địch của một chính phủ chống tăng lữ do ảnh hưởng của Voltaire. Các giai cấp thượng lưu đã mất niềm tin vào những học thuyết của Giáo hội; các giai cấp trung lưu đã có được phần lớn tài sản đất đai của Giáo hội; đến năm 1793 tài sản của Giáo hội, từng được đánh giá lên đến 2,5 tỉ livre,<sup>5</sup> đã được bán cho các kẻ thù của giáo hội. Tại Ý, chế độ Giáo hoàng đã mất đi các lãnh địa và các lợi tức của mình, và Giáo hoàng Pius VI đã bị cầm tù. Hàng ngàn linh mục Pháp chạy trốn sang các nước khác và nhiều người trong số họ đang sống bằng của bố thí của Hội thánh Tin Lành.<sup>6</sup> Hàng trăm nhà thờ bị đóng cửa, hoặc kho báu trong đó bị tịch thu. Những chiếc chuông nhà thờ đã bị làm cho im tiếng hoặc nấu chảy. Voltaire và Diderot, Helvétius và Holbach có vẻ đã thắng trong cuộc chiến chống Giáo hội.

Chiến thắng không rõ ràng. Giáo hội đã mất đi tài sản và quyền lực chính trị, nhưng những gốc rễ quan trọng của nó vẫn còn nằm trong lòng trung thành của giới giáo sĩ và trong những nhu cầu và hy vọng của dân chúng. Nhiều đàn ông tại các thành phố lớn đã xa rời đức tin; thế nhưng gần như tất cả đã trở thành con chiên ngoan đạo trong một ngày vào dịp lễ Giáng sinh và Phục sinh; và ngay trong cao trào của Cách mạng (tháng Năm 1793), khi một linh mục mang Bánh thánh đã được làm phép thánh đi dọc một con đường ở Paris, tất cả những người nhìn thấy (một nhân chứng tận mắt kể lại) – “đàn ông, đàn bà, và trẻ con – đã kính cẩn quỳ sụp xuống.”<sup>7</sup> Ngay cả những người hoài nghi cũng cảm nhận được tính chất thôi miên của buổi lễ, vẻ đẹp vĩnh hằng của câu chuyện;

và họ có thể đã suy nghĩ về hành vi “đánh cuộc” của Pascal – rằng ta nên khôn ngoan mà tin tưởng đi, vì cuối cùng người tin tưởng sẽ không mất gì cả, những kẻ không tin tưởng mất hết mọi thứ, nếu họ bị chứng tỏ là sai.

Dưới thời Chấp chính ban, quốc gia Pháp bị chia rẽ giữa một dân tộc đang chậm chậm quay về với đức tin truyền thống của mình và một chính phủ quyết tâm thiết lập, bằng luật pháp và giáo dục, một nền văn minh thế tục thuần túy. Ngày 8.10. 1798, Chấp chính ban được thanh lọc và mới có xu hướng cấp tiến đã gửi cho mọi giáo viên tại các trường hàng tỉnh chỉ thị sau đây:

Quý vị phải loại bỏ ra khỏi chương trình giảng dạy của mình tất cả những gì liên quan đến các giáo điều hay nghi lễ của bất cứ tôn giáo hay giáo phái nào. Hẳn nhiên là Hiến pháp chấp nhận các tôn giáo, nhưng việc giảng dạy chúng không phải là một phần của giáo dục công cộng và sẽ không bao giờ là thế. Hiến pháp được xây dựng trên cơ sở của nền đạo đức phổ quát; và chính nền đạo đức của mọi thời đại, mọi nơi chốn, mọi tôn giáo – thứ luật pháp khắc trên những tấm bài vị của gia đình nhân loại – đó mới chính là linh hồn của lời giảng của quý vị, mục đích của lời giáo huấn của quý vị, và mối dây liên kết những nghiên cứu của quý vị, cũng như mối ràng buộc của xã hội.<sup>8</sup>

Rõ ràng đây là một trong những sự nghiệp khó khăn nhất của Cách mạng, cũng như nó là một trong những vấn đề khó khăn của thời đại chúng ta: xây dựng một trật tự xã hội dựa trên một hệ thống đạo đức độc lập với niềm tin tôn giáo. Napoléon sẽ thấy đề nghị này không khả thi; nước Mỹ vẫn cố bám chặt vào nó đến tận thời đại của chúng ta.

**6. Giáo dục.** Như thế nhà nước giành lấy quyền kiểm soát trường học từ tay Giáo hội, và phấn đấu biến chúng thành nơi nuôi dưỡng trí thông minh, đạo đức, và lòng yêu nước.

Ngày 21.4. 1792, Condorcet, với tư cách Chủ tịch Ủy ban Giáo dục công cộng, đã đệ trình lên Quốc hội Lập pháp một bản báo cáo lịch sử biện hộ cho việc tái tổ chức hệ thống giáo dục, để cho “sự tiến bộ không ngừng của công cuộc khai sáng có thể khai mở một nguồn vô tận sự giúp đỡ cho những nhu cầu của chúng ta, của những phương thuốc trị những căn bệnh của chúng ta, của những phương tiện giúp đạt đến hạnh phúc cá nhân và sự thịnh vượng chung.”<sup>9</sup> Chiến tranh làm trì hoãn việc thực hiện ý tưởng này, nhưng ngày 4.5. 1793, Condorcet lặp lại lời kêu gọi, mặc dù trên một cơ sở hẹp hơn: “Đất nước,” ông nói, “có quyền nuôi dưỡng những đứa con của nó; nó không thể phó thác lòng tin cậy này cho niềm kiêu hãnh gia đình hay những thành kiến của các cá nhân... Giáo dục [nên được] phổ biến và bình đẳng cho mọi người Pháp.... Chúng ta đóng dấu lên đó một tính cách vĩ đại, tương tự như bản chất của chính quyền và những học thuyết cao cả của nền cộng hòa của chúng ta.”<sup>10</sup> Lời phát biểu này dường như thay thế một hình thức truyền bá này bằng một hình thức khác – có tính dân tộc chủ nghĩa thay vì Công giáo; chủ nghĩa dân tộc sẽ trở thành tôn giáo chính thức. Ngày 28.10. 1793, Quốc ước hội nghị ra chỉ thị không bổ nhiệm bất cứ tu sĩ nào làm giáo viên trong các trường công lập. Ngày 19 tháng Mười Hai, cơ quan này tuyên bố mọi trường tiểu học đều miễn phí và mọi bé trai đều bị bắt buộc phải theo học các trường này. Các bé gái được mong đợi sẽ được giáo dục bởi mẹ chúng, hoặc theo học tại các nữ tu viện hay các gia sư.

Việc tổ chức lại các trường trung học phải chờ đến khi hòa bình. Mặc dù vậy, ngày 25.2. 1794, Quốc ước hội nghị bắt đầu thành lập các “Trường Trung tâm”, sau này sẽ trở thành các *lycée*, hay trường trung học cấp tỉnh. Các trường đặc biệt được mở cho các ngành hầm mỏ, công chánh, thiên văn, âm nhạc, nghệ thuật, và nghề thủ công; và vào ngày 28.9. 1794, *École Polytechnique* [Trường Bách khoa] bắt đầu sự nghiệp đầy uy tín của nó. Viện Hàn lâm Pháp bị giải tán

ngày 8.8. 1793 như là nơi trú ẩn của những kẻ phản động già nua, nhưng ngày 25.10. 1795 Quốc ước hội nghị khánh thành *Institut National de France* [Học viện Quốc gia Pháp], bao gồm nhiều viện hàn lâm khác nhau với mục đích khuyến khích và chinh đốn mọi ngành khoa học và nghệ thuật. Nơi đây tập hợp các nhà khoa học và học giả tiếp tục truyền thống tri thức của Thời đại Khai sáng và khiến cho cuộc đánh phá vào xứ Ai Cập của Napoléon có một ý nghĩa lâu bền.

**7. “Đăng cấp thứ tư”** – giới ký giả và báo chí – có thể đã có nhiều ảnh hưởng hơn các trường học trong việc hình thành tinh thần và tâm trạng của nước Pháp trong những năm sôi sục này. Người dân Paris – và dân Pháp nói chung, nhưng trong một chừng mực ít hơn – hàng ngày nuốt ngấu nghiến những tờ báo. Những tờ châm biếm phát đạt, châm chích các nhà chính trị và các chuyên gia khiến cho công chúng lấy làm thích thú. Cách mạng, trong bản Tuyên ngôn Nhân quyền, đã cam kết duy trì tự do báo chí; nó đã làm thế trong suốt thời kỳ cai trị của các Quốc hội và Quốc hội Lập hiến (1789–1791); nhưng khi sức nóng của sự xung đột bè phái gia tăng, mỗi bên đề cao chiến thắng của mình bằng cách hạn chế các ấn bản của kẻ thù; trong thực tế tự do báo chí đã chết cùng với việc hành quyết Đức vua (21.1. 1793). Ngày 18 tháng Ba, Quốc ước hội nghị ra sắc lệnh tử hình đối với “bất cứ ai đề nghị một bộ luật về ruộng đất, hay bất cứ bộ luật nào có tính cách phá vỡ quyền sở hữu đất đai, thương mại, hay công nghiệp”; và ngày 29 tháng Ba những kẻ thí quân đắc thắng thuyết phục Quốc ước hội nghị ban hành lệnh tử hình đối với “bất cứ ai bị buộc tội đã viết hoặc in những tác phẩm hay bài báo có thể khích động việc... tái lập hoàng gia, hay bất cứ quyền lực nào khác có hại cho chủ quyền của nhân dân.”<sup>11</sup> Trong một thời gian dài, Robespierre đã bảo vệ cho quyền tự do báo chí, nhưng sau khi đưa Hébert, Danton, và Desmoulins lên máy chém, ông đã kết liễu những tờ báo ủng hộ họ. Trong thời kỳ

Khủng bố, mọi tự do ngôn luận đều biến mất, ngay cả trong Quốc ước hội nghị. Chấp chính ban phục hồi quyền tự do báo chí năm 1796 nhưng bãi bỏ nó một năm sau đó, sau vụ đảo chính ngày 18 Fructidor [Quả nguyệt], và trục xuất các chủ bút của 42 tờ báo.<sup>12</sup> Tự do ngôn luận và báo chí không bị thủ tiêu bởi Napoléon; nó đã chết khi ông lên nắm quyền.<sup>13</sup>

## II. Nền đạo đức mới

### 1. Đạo đức và pháp luật

Sau khi đã vứt bỏ nền tảng tôn giáo của đạo đức – tình yêu và sự sợ hãi một đấng Thượng đế đang để mắt canh chừng, ghi nhận, thưởng phạt, và vâng theo những luật lệ và điều răn được cho là của Ngài – những bộ óc được giải phóng của nước Pháp cảm thấy mình không được che chở, ngoại trừ qua những âm hưởng luân lý của những tín điều họ đã bỏ rơi, chống lại những bản năng cổ xưa nhất, mạnh mẽ nhất, riêng tư nhất của họ, đã ăn sâu vào họ bởi những thế kỷ của thời nguyên thủy đói kém, tham lam, bất an, và xung đột. Để lại nền đạo đức Thiên Chúa giáo cho vợ và con gái, họ đi tìm ở chỗ này chỗ kia một khái niệm mới có thể dùng như một chiếc neo đạo đức trong một biển cả gồm những cá nhân hỗn loạn không sợ thứ gì ngoại trừ vũ lực. Họ hy vọng tìm thấy điều này trong *civisme* – ý thức công dân trong ý nghĩa chấp nhận những bốn phận cũng như những đặc quyền khi thuộc về một xã hội có tổ chức và mang tính bảo vệ; để đáp lại sự bảo vệ ấy và nhiều dịch vụ công cộng, cá nhân, trong mọi lựa chọn đạo đức, phải nhìn nhận điều tốt đẹp cho cộng đồng là luật lệ quan trọng hơn cả – *salus populi suprema lex*.<sup>i</sup> Đó là một cố gắng cao quý để xây dựng một nền đạo đức tự nhiên. Đi ngược dòng qua những thế kỷ Thiên Chúa giáo, các đại biểu triết gia – Mirabeau, Condorcet, Vergniaud, Roland,

---

<sup>i</sup> *Latinh*, An toàn của nhân dân là luật lệ cao nhất.

Saint-Just, Robespierre – đã khám phá trong lịch sử cổ thời hoặc trong truyền thuyết những gương mẫu mà họ đi tìm: Leōnídēs, Epameinondas, Aristeides, cha con Brutus, Cato, và Scipio;<sup>i</sup> đây là những người mà lòng yêu nước là bốn phận tối cao, khiến cho một người đàn ông có thể giết những đứa con hoặc cha mẹ của mình một cách chính đáng nếu ông ta nghĩ điều đó cần thiết cho lợi ích của đất nước.

Các nhà cách mạng trong đợt đầu khá tâm đầu ý hợp với nền đạo đức mới. Đợt thứ hai bắt đầu vào ngày 10.8. 1792: dân chúng Paris truất phế Louis XVI và nắm lấy quyền hành chuyên chế một cách vô trách nhiệm. Dưới Chế độ cũ một số nét vị tha của giới quý tộc, một số ảnh hưởng của chủ nghĩa nhân văn được các triết gia và các vị thánh rao giảng đã làm dịu bớt những xu hướng tự nhiên của con người như cướp bóc và tấn công lẫn nhau; nhưng giờ đây tiếp theo đó là một đám rước của quỷ, với những vụ Tàn sát tháng Chín, vụ hành hình Đức vua và Hoàng hậu, sự lan tràn của [chính sách] Khủng bố và máy chém trong xứ sở mà một nạn nhân, Bà Roland, đã mô tả như “một đồi Golgotha đầy cảnh tàn sát.”<sup>14</sup> Các nhà lãnh đạo Cách mạng trở thành những kẻ trục lợi chiến tranh, bắt những xứ được giải phóng phải trả tiền một cách tùy tiện để có nhân quyền; các đạo quân Pháp được

---

i Leōnídēs (mất năm 480 trCN): Vua Sparta, từng lãnh đạo liên minh Hy Lạp chống lại quân Ba Tư hùng mạnh. Ông mất trong trận Thermopylōn - trận đánh đã lưu danh ông vào cả lịch sử lẫn truyền thuyết.

Epameinondas (khoảng. 410 – 362 trCN): Chính khách và nhà chiến lược quân sự của Thēbai [*Anh*, Thebes] (một xứ phía tây bắc Athēnai [*Anh*, Athens]), nổi tiếng với việc phá vỡ sự thống trị về quân sự của Sparta và vĩnh viễn thay đổi cán cân quyền lực giữa các thị quốc Hy Lạp.

Aristeides (thế kỷ V trCN): Chính khách và tướng lĩnh Athēnai, người sáng lập ra Liên minh Dílos, về sau phát triển thành Đế quốc Athēnai.

Scipio, Publius Cornelius (mất năm 211 trCN): Tướng La Mã, quan Chấp chính tối cao năm 218 trCN. Từ năm 217 đến năm 211 trCN, ông và người anh em của mình là Gnaeus Cornelius Scipio Calvus (quan Chấp chính tối cao năm 222 trCN) là các quan thống đốc tỉnh và tư lệnh quân đội viễn chinh La Mã tại Tây Ban Nha.

dạy bảo phải sống dựa vào nguồn cung cấp của những xứ bị chinh phục; các kho tàng nghệ thuật của xứ được giải phóng hay bị đánh bại thuộc về nước Pháp chiến thắng. Trong khi đó các nhà lập pháp và các sĩ quan thông đồng với nhà thầu cung cấp để lừa gạt chính phủ và binh lính. Trong nền kinh tế *laissez-faire*,<sup>i</sup> những người sản xuất, phân phối và tiêu thụ dốc sức lừa đảo nhau, hoặc để tránh giá cả hay mức lương tối đa có thể cho phép. Dĩ nhiên những chuyện này và những trò ma quỷ tương tự đã có từ hàng ngàn năm trước Cách mạng; nhưng trong nỗ lực kiểm soát chúng, nền đạo đức mới của cái *civisme* [ý thức công dân] dường như cũng không có hiệu quả như nỗi sợ hãi các vị thần.

Do Cách mạng gia tăng tình trạng bất an của đời sống và tính bất ổn của luật pháp, sự căng thẳng ngày một tăng trong dân chúng đã tự thể hiện qua tội ác và họ tìm cách khuây khỏa trong trò đỏ đen. Những cuộc đo kiểm tay đôi vẫn tiếp tục, nhưng ít thường xuyên hơn trước. Trò cờ bạc bị cấm bởi các sắc lệnh năm 1791 và 1792, nhưng những ổ cờ bạc bí mật tăng lên nhiều và vào năm 1794 ở Paris có 3.000 sòng bạc.<sup>15</sup> Trong cảnh giàu sang của giới thượng lưu vào những năm dưới thời của Chấp chính ban, người ta đánh cược những số tiền lớn và nhiều gia đình đã bị tiêu tán bởi vòng quay của chiếc bánh xe đỏ đen. Năm 1796, Chấp chính ban bước vào cuộc chơi với việc phục hồi Xổ số Quốc gia. Trong một lá đơn thỉnh nguyện gửi cho Quốc ước hội nghị, khu phố Tuileries của Công xã Paris yêu cầu ban hành luật lệ dẹp bỏ tất cả các nhà chứa cờ bạc và nhà thổ. “Không có đạo đức”, họ biện luận, “thì không thể có luật pháp hay trật tự; không có an toàn cá nhân, thì sẽ không có tự do.”<sup>16</sup>

Các chính phủ Cách mạng đã cố gắng mang lại một hệ thống pháp lý mới cho một dân tộc dễ kích động, bạo liệt, không có điểm tựa về đạo đức cũng như pháp luật vì sự

---

i *Pháp*, chính sách kinh tế không can thiệp, để mặc tư nhân tự do kinh doanh.

suỵ tàn của đức tin và cái chết của Đức vua. Voltaire đã kêu gọi duyệt xét lại toàn bộ pháp luật của nước Pháp, một sự điều hòa để đưa đến thống nhất của 360 bộ luật của các tỉnh và quận thành một sách tóm tắt nhất quán cho toàn thể nước Pháp. Lời kêu gọi ấy đã không được lắng nghe giữa sự náo động của cách mạng; nó phải chờ Napoléon. Năm 1780, Viện Hàn lâm Châlons-sur-Marne đề nghị trao tặng giải thưởng cho luận văn nào tốt nhất về “Cách tốt nhất để giảm nhẹ sự nghiêm khắc của luật hình sự nước Pháp mà không gây nguy hại cho an ninh công cộng.”<sup>17</sup> Louis XVI trả lời bằng cách bãi bỏ biện pháp tra tấn (1780) và năm 1788 ông thông báo ý định xem xét lại toàn thể luật hình sự của Pháp để soạn thành một bộ luật quốc gia thống nhất; thêm vào đó, “chúng ta sẽ tìm mọi phương cách để giảm nhẹ tính nghiêm khắc của việc trừng phạt mà không gây tổn hại cho trật tự.” Các luật sư có khuynh hướng bảo thủ lúc bấy giờ đang thống trị các đại pháp viện Paris, Metz, và Besançon chống đối kế hoạch này và Đức vua, đang phải chiến đấu để giữ mạng sống của mình, đã đặt nó sang một bên.

Những *cahier* (bản điều trần) trình lên Quốc dân đại biểu năm 1789 kêu gọi nhiều cải cách về pháp lý: các vụ xét xử phải diễn ra công khai, bị cáo phải được quyền có tư vấn, các mật chỉ phải được bãi bỏ, thiết lập việc xét xử bởi bồi thẩm đoàn. Vào tháng Sáu, Đức vua thông báo chấm dứt việc dùng mật chỉ và các cải cách khác sẽ được Quốc hội lập hiến biến thành luật. Hệ thống bồi thẩm đoàn, vốn đã có từ thời Trung cổ ở Pháp, được phục hồi. Các nhà lập pháp giờ đây được miễn nhiệm đối với ảnh hưởng của giới tăng lữ và tỉnh táo với các nhu cầu kinh doanh, ngày 3.10. 1789 (nhiều thế kỷ sau thực tế trên), công bố rằng việc cho vay lấy lãi không phải là một tội. Hai luật năm 1794 trả tự do cho toàn thể nô lệ ở Pháp và tại các thuộc địa của nước này, cho người Da đen được hưởng các quyền của công dân Pháp. Trên cơ sở “một nhà nước tự do một cách tuyệt đối không thể cho phép bất cứ đoàn thể nào trong lòng nó”, những luật lệ

khác nhau trong các năm 1792–1794 đã cấm tất cả các hội ái hữu, viện hàn lâm, hội văn học, tổ chức tôn giáo, và hiệp hội kinh doanh. Điều khá lạ là các câu lạc bộ Jacobin được chừa ra, nhưng các nghiệp đoàn bị cấm. Cách mạng nhanh chóng thay thế vị quân vương chuyên chế bằng một nhà nước có quyền hành tuyệt đối.

Sự đa dạng của hệ thống pháp lý cũ, sự ban hành các luật mới, và sự phức tạp ngày càng gia tăng của các quan hệ kinh doanh tạo điều kiện thuận lợi cho sự tăng bội số lượng luật sư, những người giờ đây đã thay thế giới tăng lữ với tư cách là đẳng cấp thứ nhất. Từ lúc giải tán các đại pháp viện họ không còn được tổ chức một cách chính thức, nhưng kiến thức của họ về luật pháp với mọi lỗ hổng của nó, và về những thủ tục pháp lý với mọi mưu mẹo và cách trì hoãn chúng, đã tạo cho họ một quyền lực mà nhà nước – bản thân nó cũng là một tập đoàn luật sư – khó bề kiểm soát. Công dân bắt đầu phản đối lại những sự trì hoãn của pháp luật, những trò xảo quyết của giới luật sư biện hộ, và thủ tục pháp lý đắt đỏ khiến cho sự bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật trở nên xa vời.<sup>18</sup> Các quốc hội kế tiếp đã thử nhiều cách khác nhau để giảm bớt số lượng và quyền lực của các luật sư. Trong cơn giận dữ của các luật chống lại giới luật sư, họ đã ban hành những đạo luật cấm các công chứng viên hoạt động (23.9. 1791), đóng cửa mọi trường luật (15.9. 1793) và ra sắc lệnh (24.10. 1793): “Văn phòng của luật sư đại diện bị bãi bỏ, nhưng các bên [trong vụ kiện] có thể trao quyền cho những người được ủy nhiệm để đại diện cho họ.”<sup>19</sup> Các quy định này, vốn thường bị lách tránh, vẫn còn trong các sách luật cho đến khi Napoléon phục hồi vị thế cho các luật sư vào ngày 18.3. 1800.

Cách mạng đã đạt được tiến bộ hơn trong việc cải cách luật hình sự. Thủ tục được tiến hành công khai hơn; người ta đã chấm dứt (trong một thời gian) việc thẩm cung bí mật và tình trạng giấu tên của các nhân chứng. Các nhà tù không còn là công cụ hàng đầu để tra tấn; tại nhiều nhà tù các

tù nhân được phép mang theo sách và bàn ghế và trả tiền cho những bữa ăn đặt ở ngoài mang vào; những người bị nhốt vì tình nghi nhưng chưa bị kết tội có thể thăm viếng nhau, chơi các trò chơi,<sup>20</sup> và ít nhất cũng chơi trò ái tình. Chúng ta được nghe nói về một số chuyện yêu đương nồng ấm, như chuyện giữa tù nhân Joséphine de Beauharnais với tù nhân Tướng Hoche. Quốc ước hội nghị, cơ quan đã phán quyết hàng trăm bản án tử hình, thông báo tại phiên họp cuối cùng của họ (26.10. 1795) rằng: “Hình phạt tử hình sẽ được bãi bỏ trên khắp lãnh thổ Cộng hòa Pháp kể từ ngày tuyên bố hòa bình.”

Trong khi đó Cách mạng có thể khẳng định mình đã cải thiện phương pháp tử hình. Năm 1789, Bác sĩ Joseph-Ignace Guillotin, thành viên của Quốc dân đại biểu, đã đề nghị thay thế người thi hành xử giáo và xử trảm bằng một lưỡi dao nặng hoạt động cơ giới, khi rơi xuống sẽ cắt lìa đầu của tử tù trước khi hắn kịp cảm thấy đau đớn thể xác. Ý tưởng này không mới, nó đã được sử dụng ở Ý và Đức từ thế kỷ XIII.<sup>21</sup> Sau vài lần thí nghiệm lưỡi dao của vị bác sĩ với các tử thi, chiếc “máy guillotine” được dựng lên (25.4. 1792) tại Place de Grève (Quảng trường Grève) (ngày nay là Quảng trường Tòa Thị chính) rồi tại các nơi khác, và các vụ hành quyết gia tăng. Trong một thời gian chúng thu hút những đám đông lớn, một số người lấy làm vui thú, kể cả phụ nữ và trẻ em;<sup>22</sup> nhưng chẳng bao lâu chúng xảy ra quá thường xuyên nên trở thành chuyện tầm thường không đáng kể nữa. “Dân chúng”, một người đương thời kể lại, “cứ tiếp tục làm việc trong các xưởng của họ khi những chiếc xe chở tội nhân đi hành hình ngang qua, thậm chí không buồn ngẩng đầu lên.”<sup>23</sup> Những cái đầu cúi xuống sống lâu hơn cả.

## 2. Đạo đức về tình dục

Xen giữa những chuyến xe chở tử tội đi hành hình, giữa cảnh điêu tàn đổ nát, tình yêu và hoạt động tình dục vẫn tiếp tục tồn tại. Cách mạng đã không chú ý đến các bệnh viện, nhưng

ở đây, và trên các chiến trường cũng như trong những căn nhà ổ chuột, lòng từ thiện xoa dịu cơn đau và nỗi buồn, cái tốt chống lại cái xấu, và tình thương của cha mẹ sống lâu hơn tính độc lập của con cái. Nhiều đứa con trai tự hỏi tại sao cha mẹ chúng không hiểu được nhiệt tình cách mạng và những kiểu sống mới của chúng; một số vất bỏ những kèm chế đạo đức cũ và trở thành những kẻ hưởng lạc vô tư. Thói quan hệ tình dục bừa bãi nở rộ, bệnh da liễu lan tràn, số trẻ sơ sinh bị bỏ rơi tăng vọt, những trò trụy lạc lạng lẽ lan tràn.

Bá tước Donatien-Alphonse-François de Sade (1740–1814) xuất thân từ một gia đình thượng lưu miền Provence, vươn lên tới chức thống đốc các khu vực Bresse và Bugey, dường như số phận đã định sẵn cho ông cuộc sống của một nhà cai trị hàng tỉnh. Nhưng ông sôi sục và bị kích động bởi những hình ảnh và ham muốn tình dục, và tìm kiếm một triết lý biện minh cho nó. Sau một vụ quan hệ tình ái với bốn cô gái, ông bị tuyên án tử hình ở Aix-en-Provence (1772) vì “những tội đầu độc và kê gian”.<sup>24</sup> Ông trốn thoát, bị bắt, lại trốn thoát, tiếp tục những hành vi tội lỗi, trốn qua Ý, quay về Pháp, bị bắt ở Paris, bị tổng giam ở Vincennes (1778–1784), trong ngục Bastille, và ở Charenton (1789). Được thả ra vào năm 1790, ông ủng hộ Cách mạng; năm 1792 là thư ký của khu phố Des Piques.<sup>i</sup> Trong thời kỳ Khủng bố ông bị bắt do bị cho là một *émigré* trở về nước. Một năm sau ông được thả nhưng năm 1801, dưới triều Napoléon, ông bị bắt vì đã xuất bản *Justine* (1791) và *Juliette* (1792). Đây là hai tiểu thuyết về kinh nghiệm tình dục, bình thường và không bình thường. Tác giả thích trò không bình thường hơn và sử dụng văn tài xuất sắc của mình để bênh vực cho nó. Mọi ham muốn tình dục, ông biện luận, đều tự nhiên và nên được nuông chiều với một lương tâm trong sáng, ngay cả việc thụ hưởng lạc thú nhục dục

---

i Khu phố Des Piques (Căm hờn): Tên khu phố của Robespierre.

bằng cách gây ra đau đớn; và chính trong ý nghĩa này ông trở thành bất tử nhờ một thuật ngữ.<sup>i</sup> Ông trải qua những năm cuối đời trong nhiều nhà tù, viết những vở kịch khéo léo, và chết trong nhà thương điên ở Charenton.

Chúng ta nghe nói về tình dục đồng tính trong giới sinh viên đại học trong thời Cách mạng,<sup>25</sup> và có thể đoán chừng là chứng này cũng phổ biến trong các nhà tù. Các cô gái giang hồ và các nhà chứa đặc biệt có nhiều gần Palais-Royal, trong vườn của Điện Tuileries, đường St. Hilaire, và đường Petits Champs. Cũng có thể tìm thấy họ ở các rạp hát và rạp opera, thậm chí trong các hành lang của Quốc hội Lập pháp và Quốc ước hội nghị. Những tập sách mỏng được lưu hành, cung cấp địa chỉ và giá cả của các ngôi nhà và các cô gái. Ngày 24.4.1793, khu phố Temple đưa ra một chỉ thị: “Đại hội đồng,... mong muốn chấm dứt nỗi bất hạnh không lường trước xuất phát từ lối sống chơi bời phóng đảng trong đạo đức công cộng và từ tính tà dâm không đứng đắn của phụ nữ, nên xin đề cử các ủy viên,” vân vân.<sup>26</sup> Các khu phố khác đi theo chiến dịch này; các đội tuần tra tư nhân được thành lập, và một số người bất cẩn phạm lỗi bị bắt. Robespierre ủng hộ nỗ lực này, nhưng sau khi ông mất, tính siêng năng chăm chỉ của những người bảo vệ đã giảm đi, các cô gái xuất hiện trở lại và phát đạt dưới thời Chấp chính ban, khi những phụ nữ có kinh nghiệm tình dục rộng rãi trở thành những người lãnh đạo của thời trang và giao tế.

Điều tai hại có thể đã được giảm bớt nhờ việc kết hôn sớm ngày càng dễ dàng hơn. Không cần đến linh mục; sau ngày 20.9.1792, chỉ có hôn nhân dân sự mới hợp pháp; và điều này chỉ đòi hỏi một lời thề hứa với nhau được ký kết trước một viên chức dân sự. Trong những giai cấp thấp hơn có nhiều trường hợp trong đó một cặp sống chung với nhau không kết hôn mà không bị làm phiền. Con hoang có đầy; năm 1796 nước Pháp ghi nhận 44.000 trẻ bị bỏ rơi.<sup>27</sup> Từ 1789 đến 1839,

---

i Tên của ông (Sade) đã đẻ ra thuật ngữ *sadisme* [hoặc *sadism* trong tiếng Anh] nghĩa là “bạo dâm”.

24% các cô dâu tại một thị trấn tiêu biểu là Meulan mang bầu khi bước đến bàn thờ.<sup>28</sup> Giống như trong Chế độ cũ, hành vi ngoại tình của người chồng thường được tha thứ; những người đàn ông khá giả có thể có nhân tình, và thời Chấp chính ban những nhân tình này được phô bày công khai như những người vợ. Ly dị được hợp pháp hóa bằng một sắc lệnh ngày 20.9.1792; từ đó về sau việc này có thể đạt được với sự đồng thuận của hai người trước một viên chức thành phố.

Quyền hành của người cha đã giảm sút do sự phát triển tương đối của các quyền pháp lý của phụ nữ và còn giảm hơn nữa do thái độ tự khẳng định của tuổi trẻ được giải phóng. Anne Plumptre, từng du lịch ở Pháp năm 1802, kể lại lời một người làm vườn nói với bà:

Trong thời Cách mạng chúng tôi không dám rầy la con cái của mình nếu chúng có lỗi. Những người tự xưng là yêu nước xem việc dạy dỗ con cái như chống lại những nguyên lý cơ bản của tự do. Điều này khiến chúng ngỗ nghịch đến nỗi khi người cha hoặc mẹ đánh bạo trách mắng con mình, đứa trẻ thường bảo ông ta hãy lo việc của mình đi, và nói thêm, ‘Chúng ta tự do và bình đẳng; chế độ cộng hòa là người cha duy nhất của chúng tôi, và không có ai khác.’... Sẽ mất rất nhiều năm để giúp bọn trẻ biết suy nghĩ trở lại.<sup>29</sup>

Văn học khiêu dâm thì đầy dẫy và (theo một tờ báo đương thời) là thứ được ưa thích của độc giả trẻ.<sup>30</sup> Một số cha mẹ trước đây có tinh thần cấp tiến từ năm 1795 (giống như vào năm 1871) bắt đầu gửi con mình vào những trường do các linh mục điều hành, trong hy vọng cứu vãn chúng khỏi bị tiêm nhiễm sự buông lỏng chung của phong tục và đạo đức.<sup>31</sup> Trong một thời gian dường như gia đình bị xem như một tổn thất trong Cách mạng Pháp, nhưng sự phục hồi kỷ luật dưới thời Napoléon đã hoãn lại việc này cho đến khi cuộc Cách mạng Công nghiệp tấn công nó với sức mạnh chậm chạp hơn nhưng vững bền hơn và cơ bản hơn.

Phụ nữ đã có một địa vị cao trong thời Chế độ cũ qua vẻ duyên dáng và ảnh hưởng tế nhị trong cung cách của họ và bởi sự trau dồi trí tuệ của họ; nhưng những sự phát triển này phần lớn chỉ giới hạn trong giới quý tộc và giai cấp trung lưu lớp trên. Tuy nhiên, đến năm 1789, phụ nữ trong giới bình dân đã nổi lên rõ rệt trong chính trị; họ hầu như đã làm được cuộc Cách mạng khi kéo nhau tới Versailles để đưa Đức vua và Hoàng hậu về Paris như những tù nhân của một cộng đồng bùng vỡ với sức mạnh vừa mới được khám phá của mình.<sup>i</sup> Tháng Bảy 1790, Condorcet xuất bản một bài báo nhan đề là “Sur l’admission des femmes au droit de cité” [Về việc đón nhận phụ nữ vào các cơ quan quyền lực của thành phố]. Vào tháng Mười Hai, Bà Aëlders cố gắng thiết lập những câu lạc bộ dành cho việc giải phóng phụ nữ.<sup>32</sup> Phụ nữ phát biểu ý kiến của họ trong các hành lang của các Quốc hội, nhưng những nỗ lực nhằm tổ chức họ để đòi tăng tiến các quyền chính trị của họ đã bị chìm trong cơn khích động của chiến tranh, sự giận dữ của thời Khủng bố, và phản ứng bảo thủ sau tháng Thermidor [Nhiệt nguyệt]. Họ đã đạt được một số thành tựu: người vợ, cũng như người chồng, có thể kiện đòi ly dị, và cần có sự đồng ý của người mẹ cũng như người cha cho cuộc hôn nhân của những đứa con dưới tuổi thành niên của họ.<sup>33</sup> Dưới thời Chấp chính ban, phụ nữ mặc dầu không có quyền bỏ phiếu, đã trở thành một quyền lực mở trong chính trị, đề bạt các bộ trưởng và tướng lãnh, và kiêu hãnh phô trương tự do mới của họ trong phong tục, đạo đức, và trang phục. Napoléon, 26 tuổi, mô tả họ vào năm 1795 như sau:

Phụ nữ có ở khắp nơi, trong rạp hát, trên những lối đi dạo công cộng, trong các thư viện. Bạn thấy những phụ nữ rất xinh đẹp trong phòng làm việc của học giả. Trong tất cả những nơi trên trái đất, chỉ ở đây [Paris], những người phụ nữ mới xứng đáng với ảnh hưởng như thế, và thực vậy, đàn ông điên lên

---

i Truyền thuyết có lẽ đã phóng đại vai trò của Thérèse de Méricourt (1762-1817), một cô gái giang hồ hạng sang phóng túng (Durant).

vì họ, không nghĩ tới thứ gì khác, và chỉ sống vì họ và cho họ. Một người phụ nữ, để biết được nàng xứng đáng với điều gì và nàng có quyền lực gì, phải sống ở Paris sáu tháng.<sup>34</sup>

### III. Phong tục

Cũng giống như hầu hết mọi thứ khác, phong tục cảm nhận được chiều hướng dao động của quả lắc lên đến chỗ nổi loạn rồi quay về. Khi giới quý tộc bỏ chạy trước cơn bão san bằng tất cả, họ mang theo những tước hiệu cao quý, lối nói năng lịch sự, thứ ngôn ngữ thơm tho, vẻ hoa mỹ, thái độ thanh thản tự tin, và nét duyên dáng nhàn hạ. Chẳng mấy chốc tính chất ngọt ngào của khách thính, nét lịch thiệp của buổi khiêu vũ, và cách diễn tả hàn lâm trở thành dấu vết của giới quý tộc, điều này có thể khiến kẻ mang dấu vết ấy bị giam giữ như những kẻ thuộc tầng lớp cũ đã thoát được cơn hồng thủy.<sup>35</sup> Đến cuối năm 1792, toàn thể đàn ông Pháp đã trở thành *Citoyen* [nam công dân], toàn thể phụ nữ Pháp đã trở thành *Citoyenne* [nữ công dân], trong sự bình đẳng thận trọng. Không ai là *Monsieur* [Ông] hay *Madame* [Bà]; và chữ *vous* [ngôi thứ hai số nhiều] lịch sự khi nói với một người [số ít] được thay thế bằng những chữ thân mật dùng trong nhà hoặc ngoài đường phố là *tu* và *toi*. Tuy nhiên, ngay từ 1795, kiểu *tutoiement* [mày tao] này đã hết hợp thời và chữ *vous* lại thịnh hành, *Monsieur* và *Madame* lại thay thế *Citoyen* và *Citoyenne*.<sup>36</sup> Dưới thời Napoléon các tước hiệu quý tộc xuất hiện trở lại và đến năm 1810 chúng có nhiều hơn bao giờ hết.

Y phục thay đổi chậm hơn. Đàn ông khá giả từ lâu đã chấp nhận, và bây giờ từ chối vứt bỏ, bộ trang phục một thời của giới quý tộc với chiếc mũ ba góc, áo sơ-mi lụa, cà vạt với nơ bướm rủ xuống, áo gi-lê màu có thêu họa tiết, lễ phục với áo khoác dài tới đầu gối, quần ống túm dài quá gối ở nhiều mức độ khác nhau, vớ dài bằng lụa và giày mũi vuông có khoá. Năm 1793, Ủy ban An ninh Công cộng đã cố gắng “thay đổi quốc phục hiện thời cho phù hợp với những tập quán của

chế độ cộng hòa và tính chất của Cách mạng”;<sup>37</sup> nhưng chỉ có giai cấp trung lưu lớp dưới chấp nhận chiếc quần dài của thợ thuyền và những người giao hàng. Bản thân Robespierre vẫn tiếp tục ăn mặc như một lãnh chúa và không gì vượt qua được vẻ lộng lẫy của những bộ lễ phục của các vị Chấp chính quan do Barras quy định. Mãi đến năm 1830, chiếc quần dài mới chiến thắng được chiếc quần ống túm xuống tới đầu gối [*culottes*]. Chỉ có những người *sansculottes* mới đội chiếc mũ trùm màu đỏ của Cách mạng và chiếc áo khoác *carmagnole*.<sup>i</sup>

Y phục phụ nữ bị ảnh hưởng bởi niềm tin của Cách mạng là nó đang đi theo những bước chân của cộng hòa La Mã và xứ Hy Lạp thời Periklēs.<sup>ii</sup> Jacques-Louis David, người thống trị nghệ thuật nước Pháp từ năm 1789 đến 1815, lấy các anh hùng thời cổ làm đề tài cho các tác phẩm ban đầu của ông và cho họ ăn mặc theo lối cổ điển. Do đó sau khi con người đạo đức khắt khe Robespierre bị lật đổ, các phụ nữ hợp thời trang của Paris đã vứt bỏ những chiếc váy lót và áo sơ mi, và chọn trang phục chính của họ là một chiếc váy dài rủ xuống đơn giản, đủ mỏng để cho thấy những đường cong mềm mại quyến rũ bọn đàn ông không bao giờ biết thỏa mãn. Chỗ thắt eo được nâng cao lên bất thường, đỡ lấy bộ ngực; đường viền cổ áo đủ sâu để đưa ra một mẫu hình phong phú; và tay áo đủ ngắn để phô bày đôi cánh tay hấp dẫn. Những chiếc mũ được thay thế bằng dải buộc tóc và giày cao gót bằng giày đế bằng. Các bác sĩ đã báo cáo về cái chết của các phụ nữ ăn mặc vui vẻ thoải mái đã phơi thân thể, trong rạp hát hoặc trên lối đi dạo, trước nhiệt độ hạ thấp đột ngột của buổi tối Paris.<sup>38</sup>

---

i Từ *carmagnole* có hai nghĩa: Bài hát và điệu nhảy bình dân rất được các công nhân ở miền Nam nước Pháp ưa thích; và cũng chỉ một loại áo khoác ngắn mà các công nhân nhập cư từ Ý hay mặc. *Carmagnola* là một thị trấn ở Piemonte, Ý (Durant).

ii Periklēs (495 – 429 trCN): Chính khách, diễn giả và tướng lĩnh xuất chúng nhất và có nhiều ảnh hưởng nhất của Athênai vào thời đại hoàng kim của thị quốc này.

Trong khi ấy, những *Incroyables* và *Merveilleuses* – những cô cậu ăn mặc bánh bao diêm dúa – cố tìm cách lôi kéo sự chú ý của thiên hạ bằng vẻ ngoài lố lăng của mình. Một nhóm phụ nữ, khi xuất hiện trong y phục nam giới trước Hội đồng của Công xã Paris năm 1792, đã nhận được lời khiển trách nhẹ nhàng của Chaumette, vị Chủ tịch của Hội đồng: “Các cô là thứ phụ nữ thiếu suy nghĩ. Các cô muốn làm đàn ông, thế các cô không muốn bằng lòng với số phận hiện tại của mình? Các cô còn muốn gì nữa? Các cô thống trị những giác quan của chúng tôi; người làm luật lần kẻ xét xử đều ở dưới chân các cô, sự thống trị chuyên chế của các cô là sự thống trị mà sức mạnh của chúng tôi không thể chống lại, vì nó là sự chuyên chế của ái tình, và do đó là một tác phẩm của thiên nhiên. Nhân danh chính thiên nhiên này, xin các cô hãy ở lại nơi thiên nhiên đã an bài.”<sup>39</sup>

Tuy nhiên, phụ nữ tin chắc họ có thể làm tốt hơn thiên nhiên. Trong một quảng cáo trên tờ *Moniteur* ngày 15.8. 1792, Bà Broquin thông báo rằng bà vẫn còn “loại phấn nổi tiếng để nhuộm các mái tóc đỏ hoặc trắng thành màu hạt dẻ hoặc đen, chỉ với một lần dùng.”<sup>40</sup> Nếu cần thiết, mái tóc chưa ưng ý có thể phủ trong bột tóc giả mà trong nhiều trường hợp được làm từ những lợn tóc của các phụ nữ trẻ bị chặt đầu.<sup>41</sup> Vào năm 1796, những người đàn ông ở tầng lớp thượng lưu hoặc trung lưu để tóc dài và tết lại thành bím là chuyện thường tình.<sup>42</sup>

Trong hai năm đầu của Cách mạng, khối dân 800.000 người của Paris vẫn tiếp tục cuộc sống bình thường của họ và chỉ ngẫu nhiên để ý tới những gì xảy ra ở Quốc hội hoặc trong các nhà tù. Cuộc sống lúc ấy đủ dễ chịu đối với giới thượng lưu: các gia đình tiếp tục thăm viếng và mời nhau những bữa ăn, tham dự các buổi khiêu vũ, tiệc tùng, hòa nhạc, hoặc xem diễn kịch. Thậm chí trong khoảng thời gian dữ dội kéo dài từ các cuộc Tàn sát tháng Chín 1792 đến lúc Robespierre bị hạ bệ vào tháng Bảy 1794, khi có tới 2.800 vụ hành quyết ở Paris, đời sống của hầu hết những ai sống sót vẫn trôi đi theo một nhịp điệu bình thường của sự làm việc và

vui chơi, theo đuổi lạc thú xác thịt và tình phụ tử. Sébastien Mercier tường thuật vào năm 1794:

Những người nước ngoài đọc báo của chúng ta cứ tưởng chúng ta bị nhuộm đầy máu, ăn mặc rách rưới và sống cuộc đời khốn khổ. Hãy hình dung sự ngạc nhiên của họ khi họ đến đại lộ tráng lệ Champs Elysées, hai bên là những chiếc xe song mã bốn bánh và những phụ nữ quyến rũ, đầm thắm; và rồi... viễn cảnh kỳ diệu ấy kéo dài đến tận Tuileries và... những khu vườn lồng lầy, giờ đây còn sang trọng và được chăm chút cẩn thận hơn bao giờ hết!<sup>43</sup>

Có những trò thi đấu – trò chơi banh, quần vợt, cưỡi ngựa, đua ngựa, những cuộc thi điền kinh... Có những công viên giải trí như Vườn Tivoli, ở đó – như mười hai ngàn người khác vào một ngày vui vẻ – bạn có thể nghe đoán vận mệnh của mình, mua những món lật vặt trong các cửa hiệu, xem pháo hoa, những người làm xiếc đi dây, hoặc khí cầu bay lên, nghe hòa nhạc, hoặc đặt con bạn ngồi lên vòng quay ngựa gỗ để chơi trò *jeu de bagues* (bắt vòng). Bạn có thể ngồi tại một quán cà phê ngoài trời, hay dưới mái lều của tiệm Café de Foy, hay trong một quán cà phê cao cấp như Tortoni hay Frascati, hoặc theo các du khách vào các tụ điểm ban đêm như Caveau, Le Sauvage, hay Les Aveugles (nơi các nhạc sĩ mù trình diễn). Bạn có thể đến một câu lạc bộ để đọc sách báo, tán chuyện hay nghe tranh luận về chính trị. Bạn có thể tham gia một trong các lễ hội phức tạp và nhiều màu sắc do nhà nước tổ chức và được trang trí bởi các nghệ sĩ trứ danh như David. Nếu bạn muốn thử một điệu vũ mới – điệu valse – vừa mới du nhập từ Đức, bạn có thể tìm được một bạn nhảy tại một trong số 300 vũ trường công cộng ở Paris dưới thời Chấp chính ban.<sup>44</sup>

Giờ đây (1795), trong những năm Cách mạng lắng xuống, một số *émigré* được phép trở về; những nhà quý tộc lần trốn đánh bạo bước ra khỏi hang ổ, và giới tư sản phô bày sự giàu sang của mình qua những căn nhà và đồ nội thất đắt tiền, qua

những phụ nữ đeo đầy trang sức và những trò giải trí hoang toàng. Dân chúng Paris ra khỏi những căn hộ hay nhà tập thể để thưởng thức chút ánh nắng mặt trời hoặc không khí ban đêm của các khu vườn Tuileries hoặc Luxembourg, hay dọc theo đại lộ Champs-Élysées. Phụ nữ rạng rỡ trong những bộ y phục quyến rũ một cách táo bạo, những chiếc quạt được vẽ hình vốn nói nhiều hơn lời, những đôi giày được tạo hình một cách duyên dáng khiến đôi bàn chân bị che giấu thêm phần quyến rũ. “Tầng lớp thượng lưu” hồi sinh.

Nhưng một trăm gia đình hay khoảng đó vốn giờ đây tạo nên nó không phải là tầng lớp quý tộc dòng dõi hay những *philosophe* [triết gia] nổi tiếng trên thế giới vốn đã tỏa sáng trong các khách thính của những đêm thời tiền cách mạng; họ hầu hết là những kẻ *nouveaux-riches* [mới giàu lên], kiếm được đồng tiền từ đất đai của giáo hội, những hợp đồng với quân đội, những độc quyền buôn bán, mảnh khoé tài chính, hay những người bạn làm chính trị. Một số người sống sót rải rác từ những ngày dòng họ Bourbon còn thống trị đến nhà của Phu nhân Genlis hay các bà góa Condorcet và Helvétius; nhưng phần lớn các khách thính mở cửa sau cái chết của Robespierre (trừ nhóm khách thân thiết của Phu nhân Staël) không có tài trò chuyện một cách thông minh và thiếu vẻ thoải mái mà trong những thời đại trước vốn xuất phát từ cảnh giàu có lâu đời nhờ đất đai. Giờ đây khách thính hàng đầu nằm ở những căn phòng đầy đủ tiện nghi của quan Chấp chính Barras ở Cung điện Luxembourg, hoặc ở Lâu đài Grosbois của ông; và sự quyến rũ của nó không nằm ở trí thức của các triết gia mà nơi sắc đẹp và nụ cười của các Bà Tallien và Joséphine de Beauharnais.

Joséphine chưa lấy Bonaparte và Bà Tallien không còn là vợ của Tallien. Kết hôn với ông ta ngày 26.12. 1794 và trong một thời gian được tôn là “Notre Dame de Thermidor” [Đức bà Nhiệt nguyệt], sau đó bà đã bỏ kẻ Khủng bố đang lu mờ và trở thành tình nhân của Barras. Một vài ký giả chế nhạo

đạo đức của bà, nhưng đa số bọn họ đáp lại nụ cười của bà, vì vẻ đẹp của bà không có gì kiêu căng và bà nổi tiếng vì lòng tốt đối với đàn bà cũng như đàn ông. Nữ Công tước Abrantès sau này mô tả bà là “nàng Venus ở Capitoline,<sup>i</sup> nhưng thậm chí còn đáng yêu hơn tác phẩm của Pheidias;<sup>ii</sup> vì bạn nhận thấy nơi bà cũng cái vẻ hoàn mỹ trong dáng điệu ấy, cũng cái vẻ cân đối trong các cánh tay, bàn tay, và bàn chân ấy, toàn thể được nét mặt nhân từ làm cho sinh động hẳn lên.”<sup>45</sup> Một đức tính của Barras là tỏ ra rộng lượng với bà<sup>iii</sup> và với Joséphine, đánh giá cao vẻ đẹp của họ không phải chỉ thuần về phương diện dục tình, chia sẻ nó với hàng trăm đối thủ tiềm năng trong các buổi tiếp tân và chúc phúc cho việc Napoléon giành được Joséphine.

## IV. Âm nhạc và kịch nghệ

Âm nhạc phát triển ở mọi trình độ. Bạn có thể nghe những bài hát lại từ một ca sĩ đường phố để kiếm một đồng xu, hoặc tham gia vào một đám đông và đe dọa dân tư sản với bài “The Carmagnole” hoặc “Ça ira,” hoặc bạn có thể làm chấn động biên thùỵ với bài “La Marseillaise” mà Rouget de Lisle đã soạn tất cả, ngoại trừ cái tựa. Tại nhà hát Concert-Feydeau bạn có thể kinh ngạc với Dominique Garat, Caruso<sup>iv</sup> của thời đại mình, với giọng ca rung động tận cõi lòng và nổi

---

i Venus ở Capitoline: Tượng Venus bằng cẩm thạch, hơi lớn hơn người thường. Được tìm thấy trên đồi Viminal vào triều đại của Giáo hoàng Clemens X (1670–1676) trong những khu vườn thuộc dòng họ Stazi, Ý. Năm 1752, Giáo hoàng Benedictus XIV mua pho tượng này từ gia đình Stazi và tặng cho Viện bảo tàng Capitoline.

ii Pheidias hoặc Phidias (khoảng 480–430 trCN): Kiến trúc sư, họa sĩ và điêu khắc gia Hy Lạp. Pho tượng thần Zeus của ông trên núi Olympia là một trong bảy kỳ quan của thế giới cổ đại. Được xem như một trong những điêu khắc gia vĩ đại nhất Hy Lạp.

iii Năm 1805, bà Tallien kết hôn với Bá tước Caraman (sau là Vương tước Chimay) và mất năm 1835. (Durant)

iv Enrico Caruso (1873 – 1921): Ca sĩ opera người Ý hát giọng tenor, được hoan nghênh khắp Âu Mỹ.

tiếng khắp châu Âu với trình độ điêu luyện. Ở giữa thời kỳ Khủng bố vào năm 1793, Quốc ước hội nghị đã khánh thành Trường Quốc gia Âm nhạc và hai năm sau mở rộng nó thành Nhạc viện, cấp cho viện mỗi năm 240.000 livre để đào tạo miễn phí 600 học viên. Vào đêm Robespierre bị bắn, một người dân Paris có thể đã nghe *Armide*<sup>i</sup> ở rạp Opéra, hoặc *Paul et Virginie*<sup>ii</sup> ở rạp Opéra-Comique.<sup>46</sup>

Nhạc kịch [opera] nở rộ trong thời Cách mạng. Ngoài việc phổ nhạc câu chuyện tình thơ mộng của Bernardin de Saint-Pierre vào năm 1794, Jean-François Lesueur (1760–1837) còn đạt được một thành công khác trong cùng năm ấy với vở *Télémaque* của Fénelon; ông khuấy động cả nước Pháp với tiếng ồn và nổi kinh hoàng của vở *La Taverne* [Quán rượu], được trình diễn 700 lần. Ông tiếp tục sáng tác trong thời kỳ đang lên của Napoléon và sống đủ lâu để dạy cho Berlioz và Gounod. Trong một cuộc đời ngắn hơn nhiều, Étienne Méhul (1763–1817) đã viết trên 40 vở nhạc kịch cho nhà hát Opéra-Comique, trong khi hai hùng ca đồ sộ của ông – *Hymne à la raison* [1793; Bài ca ngợi lý trí] và *Chant du départ* [1794; Ca khúc khởi hành] – khiến ông trở thành thần tượng âm nhạc thời Cách mạng.<sup>iii</sup>

Nhà soạn nhạc vĩ đại nhất nước Pháp thời Cách mạng là

- 
- i *Armide*: Có hai vở opera tên *Armide*, một của Jean-Baptiste Lully (1632–1687), nhạc sĩ Pháp sinh ở Ý, và một của Christoph Willibald Gluck (1714–787), nhạc sĩ gốc người Đức, làm việc ở Ý, Áo, và Pháp.
  - ii *Paul et Virginie*: Vở opera của Jean-François Lesueur (1760 – 1837), lấy đề tài từ cuốn tiểu thuyết cùng tên của nhà văn Bernardin de Saint-Pierre.
  - iii Trong thời Cách mạng, từ *opéra-comique* không còn có nghĩa như một hài kịch bằng âm nhạc và được áp dụng cho bất cứ tác phẩm nhạc kịch, bi hoặc hài, có đối thoại bằng lời.<sup>47</sup> Do đó, Nhà hát Théâtre de l'Opéra-Comique có thể cạnh tranh với Viện Hàn lâm Âm nhạc trong việc trình diễn những vở nhạc kịch “đứng đắn”. Cũng vào thời gian này có vài nhạc sĩ như Méhul trong vở *Ariodant* (1799) đã kết hợp những đoạn nhạc được dàn nhạc lặp đi lặp lại với các tình huống hay nhân vật liên quan; từ đó bắt đầu nhạc chủ đề (leitmotif) (Durant).

Maria Luigi Carlo Salvatore Cherubini. Sinh ở Firenze năm 1760, “tôi bắt đầu học nhạc từ năm lên sáu và sáng tác năm lên chín.”<sup>48</sup> Đến năm 16 tuổi ông đã soạn ba bản Mass [Thánh lễ], một bản Magnificat [Kinh Ngợi khen], một bản Te Deum [thánh ca Tạ ơn Chúa], một bản oratorio [nhạc Kinh Thánh], và ba bản cantata [Thánh ca đoàn bản]. Năm 1777, Leopoldo, vị đại công tước rộng lượng xứ Toscana, ban cho ông một khoản trợ cấp để theo học với Giuseppe Sarti ở Bologna. Trong bốn năm Cherubini trở thành bậc thầy về soạn đối âm. Năm 1784, ông được mời đến London, nhưng không thể hiện được tốt lắm và năm 1786 chuyển đến Paris, là thành phố mà trừ vài quãng thời gian ngắn đã trở thành nhà ông cho đến lúc qua đời vào năm 1842. Trong vở nhạc kịch đầu tiên ở đây, *Démophon* (1788), ông đã từ bỏ phong cách vui vẻ vô tư lự của Napoli khi hạ thấp tầm quan trọng của câu chuyện và dàn nhạc so với các bản aria, và noi theo Gluck đi vào con đường “đại nhạc kịch” [grand opera], trong đó các bản aria đứng hàng thứ yếu nhường chỗ cho sự phát triển của chủ đề và âm nhạc dành cho hợp xướng và dàn nhạc. Các tác phẩm thành công nhất của ông trong thời Cách mạng là *Lodoïska* (1791) và *Médée* (1797). Với tác phẩm còn thành công vang dội hơn nữa, *Les deux journées* [Hai ngày], ông bắt đầu một sự nghiệp rắc rối dưới thời Napoléon. Chúng ta sẽ gặp lại ông ở phần viết về ngôi sao băng ấy.

\* \* \*

Có ba mươi nhà hát ở Paris dưới thời Cách mạng và hầu như tất cả đều đông nghịt hằng đêm, ngay cả vào thời kỳ Khủng bố. Các diễn viên được Cách mạng giải phóng khỏi những hạn chế từ lâu đã ràng buộc họ bởi Giáo hội; họ có thể cười vào những hình phạt rút phép thông công và việc trục xuất thi hài họ ra khỏi các nghĩa trang Thiên Chúa giáo. Nhưng họ phải lệ thuộc (1790–1795) vào một sự kiểm duyệt tỉnh táo

hơn: Quốc ước hội nghị yêu cầu không vở hài kịch nào được có những nhân vật hay tình cảm quý tộc; nhà hát bị biến thành một công cụ tuyên truyền của chính quyền. Hài kịch sa xuống trình độ thấp hơn và các vở bi kịch mới tuân thủ các luật đơn nhất<sup>i</sup> cổ điển cũng như đường lối cách mạng.

Như thường lệ các diễn viên hàng đầu nổi tiếng hơn các chính khách và vài người, như François-Joseph Talma, còn được yêu mến hơn rất nhiều. Cha ông là một người hầu sau đó trở thành nha sĩ, đến London, làm ăn phát đạt và gửi con trai về Pháp để được giáo dục chu đáo. Sau khi tốt nghiệp, François quay lại làm phụ tá cho cha mình. Ông học tiếng Anh, đọc Shakespeare, xem trình diễn kịch của ông này và gia nhập một nhóm diễn viên Pháp đi diễn ở Anh. Trở về Pháp, ông được nhận vào nhà hát La Comédie Française và trình diễn lần đầu vào năm 1787 với vai Seide trong vở *Mahomet* của Voltaire. Dáng người rất cân đối, nét mặt cổ điển nổi bật, mái tóc rậm màu đen và đôi mắt đen sáng lóng lánh đã giúp ông thăng tiến, nhưng lập trường ủng hộ Cách mạng đã khiến phần lớn đồng nghiệp trong nhà hát xa lánh ông, vì họ sống nhờ ân sủng của Nhà Vua.

Năm 1785, Talma nhìn thấy bức *Le Serment des Horaces* [Lời thề của các chàng trai nhà Horatius] của David. Ông lấy làm ấn tượng không những vì sức mạnh kịch tính của bức tranh, mà còn bởi sự trung thành một cách cẩn thận với y phục cổ điển của họa sĩ. Ông quyết định đưa sự xác thực này vào trang phục của mình trên sân khấu. Ông làm các đồng nghiệp sửng sốt khi xuất hiện trong chiếc áo tunic của người La Mã và dép xăng đan, tay và chân để trần, để đóng vai Proculus trong vở *Brutus* của Voltaire.

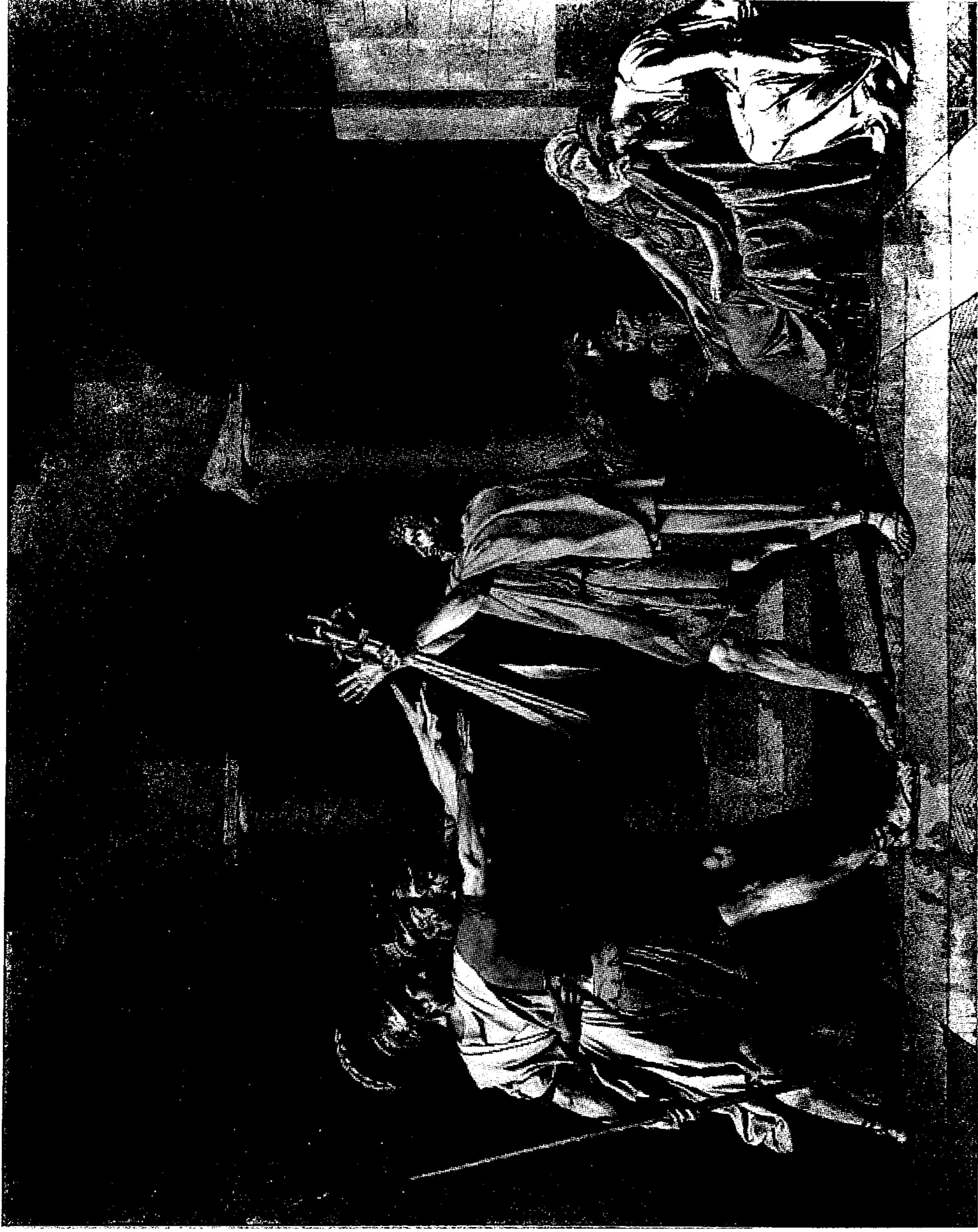
Ông trở thành bạn của David và hấp thu phần nào lòng

---

i luật đơn nhất: ba nguyên tắc kịch nghệ do Aristotélès đề xuất, gồm đơn nhất hành động (kịch chỉ nên có một mạch truyện chính), đơn nhất thời gian (diễn biến chỉ nên xảy ra trong vòng 24 giờ), và đơn nhất không gian (diễn biến nên xảy ra ở chỉ một nơi chốn cụ thể).

niệt thành cách mạng của ông này. Khi diễn trong vở *Charles IX* của Marie-Joseph de Chénier (4.11. 1789), ông đã đưa cảm xúc đó vào những đoạn chống chế độ quân chủ – mô tả Đức vua trẻ hạ lệnh tiến hành vụ Tàn sát đêm trước ngày lễ Thánh Barthélemy – khiến phần lớn khán giả và nhiều đồng nghiệp phải sửng sốt, vì họ vẫn còn cảm thấy ít nhiều trung thành với Louis XVI. Khi Cách mạng nóng dần lên, cuộc xung đột giữa hai phe “Đỏ” và “Đen” trong nhà hát và trong khán giả trở nên mãnh liệt – dẫn đến những vụ song đấu – tới mức Talma, Bà Vestris (nữ diễn viên bi kịch hàng đầu) và các diễn viên khác rời bỏ nhà hát chịu nhiều đặc ân của hoàng gia La Comédie Française này và thành lập đoàn kịch riêng của họ tại Nhà hát Théâtre de la République Française gần Palais Royal. Tại đây Talma cải thiện nghệ thuật của mình bằng cách nghiên cứu lịch sử, cá tính, y phục của mỗi người và mỗi thời đại trong vốn tiết mục biểu diễn của mình. Ông tập kiểm soát nét mặt của mình cho phù hợp với mọi thay đổi trong tình cảm hay tư tưởng; ông giảm bớt chất giọng hùng hồn trong cách nói và sự biểu hiện có vẻ sân khấu trong cảm xúc. Cuối cùng ông được công nhận là bậc thầy trong nghệ thuật diễn xuất của mình.

Năm 1793, nhà hát trước đây của ông, được đổi tên lại thành Théâtre de la Nation, dựng vở *L'Ami des lois* [Người bạn của pháp luật], một vở kịch đầy cảnh châm biếm và chế giễu các nhà lãnh đạo Cách mạng. Trong đêm 3– 4 tháng Chín, cả đoàn bị bắt. Đoàn kịch của Talma cũng bị kiểm duyệt nghiêm ngặt: các vở kịch của Racine bị cấm; các hài kịch của Molière bị cắt xén và thay đổi nhiều chỗ; các tước hiệu quý tộc – ngay cả các từ *Monsieur* và *Madame* – cũng bị xóa bỏ trong những vở kịch đã được phép diễn; và một sự thanh lọc tương tự cũng được yêu cầu đối với mọi nhà hát ở Pháp.<sup>49</sup> Sau khi Robespierre bị lật đổ, các diễn viên bị bắt được thả ra. Ngày 31.5. 1799, khi Cách mạng đến gần hồi kết cục, hai đoàn hát cũ và mới được sáp nhập vào La Comédie Française, đặt trụ sở tại Le Théâtre Français ở gần Palais Royal, nơi ngày nay họ vẫn còn sống và phát đạt hơn.



Hình 25: Tranh “Lời thề của các chàng trai nhà Horatius” (Jacques-Louis David, 1784)

## V. Các nghệ sĩ tạo hình

Nghệ thuật thời Cách mạng chịu ảnh hưởng của ba yếu tố bên ngoài: việc phế truất và di tản của giới quý tộc; những cuộc khai quật các cổ vật ở Ercolano [*Anh*, Herculaneum] và Pompei (1738 và các năm kế tiếp); và việc Napoléon cướp đoạt các nghệ phẩm của Ý. Việc di tản đã làm nước Pháp mất đi một phần lớn giai cấp có đủ tiền và óc thẩm mỹ để mua các tác phẩm nghệ thuật; và đôi khi người nghệ sĩ, như Bà Vigée-Lebrun, đã đi theo các *émigré*. Fragonard, mặc dù hoàn toàn phụ thuộc vào túi tiền của giai cấp nhàn rỗi kia, đã ủng hộ Cách mạng, và gần như chết đói. Các nghệ sĩ khác ủng hộ Cách mạng vì họ nhớ lại giới quý tộc đã đối xử với họ như người hầu hoặc kẻ làm thuê như thế nào và Viện Hàn lâm Mỹ thuật đã chỉ cho phép các hội viên của mình trưng bày tại các Phòng triển lãm của mình ra sao. Năm 1791, Quốc hội Lập pháp mở cửa Viện Hàn lâm cho bất cứ nghệ sĩ nào có đủ trình độ, trong nước hay ngoài nước, cạnh tranh. Quốc ước hội nghị xóa bỏ hoàn toàn Viện Hàn lâm vì xem đây là một thiết chế chủ yếu cho giới quý tộc; năm 1795 Chấp chính ban thay thế nó bằng một Viện Hàn lâm Mỹ thuật mới và đặt trụ sở tại Louvre. Cung điện này đã được biến thành một viện bảo tàng công cộng (1792); tại đây các nghệ sĩ Pháp được phép nghiên cứu và sao chép các tác phẩm của Raffaello, Giorgione, Correggio, Leonardo, Veronese, v.v... thậm chí cả những con ngựa của Vương cung thánh đường San Marco.<sup>i</sup> Chưa bao giờ những món hàng ăn cướp lại được sử dụng một cách đáng khen đến như vậy. Năm 1793, Quốc ước hội nghị phục hồi lại sự ủng hộ của chính phủ đối với Giải thưởng Roma và với Viện Hàn lâm Pháp ở Roma. Dần dần giai cấp trung lưu đang trỗi dậy thay thế cho giới quý tộc để trở thành khách

---

i Bộ tứ mã bằng đồng có từ thời cổ đại, được đặt trên ban công cổng chính của Vương cung thánh đường San Marco tại Venezia vào khoảng năm 1254, bị Napoléon đưa về Paris năm 1797 nhưng đến năm 1815 được trả lại cho Venezia.

hàng của nghệ thuật; Phòng Triển lãm năm 1795 đông đảo những người thưởng ngoạn, tràn ngập tới 535 bức tranh. Giá cả các tác phẩm tăng lên.

Điều lạ lùng là Cách mạng đã không mang lại phong trào cấp tiến nào về nghệ thuật. Trái lại, cảm hứng cho chủ nghĩa tân cổ điển do cuộc khai quật các tác phẩm điêu khắc và kiến trúc gần Napoli và do những bài viết của Winckelmann (1755 và những năm sau đó) và Lessing (1766), đã kích thích sự phục hồi phong cách cổ điển, với tất cả những ý nghĩa quý tộc bao hàm của nó, và phản ứng này đủ mạnh để đương đầu với các ảnh hưởng dân chủ và lãng mạn của Cách mạng. Các nghệ sĩ tạo hình của cái thời đại muốn san bằng mọi thứ này (ngoại trừ Prud'hon<sup>i</sup>) chấp nhận về mặt lý thuyết lẫn thực hành mọi quy chuẩn quý tộc và cổ điển về trật tự, kỷ luật, hình thể, trí tuệ, lý trí, và luận lý như những cách thức bảo vệ chống lại cảm xúc, đam mê, nhiệt tình, sự phóng túng, rối loạn, và tình cảm. Nghệ thuật Pháp dưới thời Louis XIV đã tuân theo những quy luật cũ của Quintilianus và Vitruvius, của Corneille và Boileau; nhưng dưới thời Louis XV và Louis XVI nó đã được thư giãn với những nét hoa mỹ và vui nhộn của phong cách rococo. Với Rousseau chủ trương bảo vệ cảm xúc và Diderot đề cao tình cảm, dường như chủ nghĩa Lãng mạn đang ở trong tầm tay. Nó đã ở trong chính trị và văn học, nhưng không có trong nghệ thuật.

Năm 1774, Joseph-Marie Vien, phấn khởi vì những báo cáo về các cuộc khai quật ở Ercolano và Pompei, đã lên đường đi Ý, mang theo người học trò của mình là Jacques-Louis David. Chàng thanh niên, như đã được chuẩn bị cho Cách mạng, nguyện sẽ không bao giờ bị quyến rũ bởi thứ nghệ thuật quý tộc, bảo thủ của thời cổ đại kinh điển.<sup>50</sup> Nhưng có điều gì đó mang tính mệnh lệnh trong người chàng đã đáp ứng lại vẻ hùng vĩ của hình thể, tính logic trong xây dựng,

---

i Prud'hon, Pierre-Paul (1758–1823): Họa sĩ lãng mạn Pháp, nổi tiếng với những bức tranh mang tính biểu tượng.

sức mạnh và vẻ thuần khiết của đường nét, trong nghệ thuật của Hy Lạp và La Mã. Trong một thời gian chàng chống lại thông điệp đầy nam tính của nó, rồi dần dà chịu thua nó và mang nó về Paris với mình. Nó hòa hợp với quan điểm không chấp nhận Thiên Chúa giáo và sự lý tưởng hóa nền Cộng hòa La Mã, những Cato và Scipio; nó thậm chí còn phù hợp với những chiếc áo dài Hy Lạp của Bà Tallien. Giờ đây dường như đã tới lúc để qua một bên niềm cảm hứng vươn lên trời cao của nghệ thuật Gothic, những điều bất ngờ trẻ trung của nghệ thuật baroque, những chi tiết tô điểm rườm rà của nghệ thuật rococo, những hình ảnh khỏa thân hồng hào của Boucher, những chiếc váy lót phấp phới của Fragonard. Giờ đây đường nét cổ điển và luận lý, lý trí lạnh lùng, sự kiềm chế cảm xúc có tính cách quý tộc, hình dáng khắc kỷ phải là những mục đích của nghệ thuật và những nguyên lý cơ bản của một nước Pháp cách mạng lãng mạn, dân chủ, giàu cảm xúc và đầy sắc màu.

David, người sẽ thống trị nghệ thuật Pháp dưới các thời Cách mạng và Đế chính, sinh tại Paris năm 1748 trong một gia đình tư sản phát đạt vốn không để cho chàng phải bị thiếu thốn thứ gì. Năm 16 tuổi chàng nhập học tại Viện Hàn lâm Mỹ thuật, dưới sự hướng dẫn của Vien, dự thi Giải thưởng Roma hai lần, thất bại hai lần, đã khóa kín cửa phòng và cố nhịn đói đến chết. Một thi sĩ lảng giềng nhớ chàng, đi tìm chàng, tìm được chàng và cố sức thuyết phục chàng ăn uống trở lại. David lại dự tranh vào năm 1774 và đoạt giải thưởng với một bức tranh vẽ theo phong cách rococo, *Érasistrate découvrant la cause de la maladie d'Antiochius* [Érasistrate khám phá nguyên nhân bệnh của Antiochius]. Tại Roma chàng bị quyến rũ bởi Raffaello, rồi để ông này qua một bên vì tâm trạng và đường nét quá mềm mại, quá nữ tính. Chàng tìm thấy dưỡng chất mạnh mẽ hơn nơi Leonardo, một sự kiềm chế tư tưởng và hình dáng một cách trang nghiêm nơi Poussin. Từ các bức tượng Đức Mẹ thời Phục hưng chàng

bước sang những nhân vật thời cổ đại trong triết học, huyền thoại, và chiến tranh, và tại thủ đô của Thiên Chúa giáo chàng đã bỏ rơi đức tin Thiên Chúa.

Chàng quay về Paris năm 1780, cưới một cô vợ giàu có và trình lên các Phòng trưng bày của Viện Hàn lâm một chuỗi các đề tài cổ điển – *Belisarius*, *Andromache*, và một số bức chân dung. Năm 1784, chàng đi Roma để vẽ một bức tranh do Louis XVI đặt hàng trước một hậu cảnh La Mã – *Le Serment des Horaces*. Khi chàng triển lãm nó ở Roma, một họa sĩ già người Ý, Pompeo Batoni, bảo chàng, “*Tu ed io soli, siamo pittori; pel rimanente si puo gettarlo nel fiume*” (Chỉ có anh và ta mới là họa sĩ; về phần bọn còn lại, chúng có thể nhảy xuống sông).<sup>51</sup> Trở về Paris, chàng đệ trình tác phẩm của mình lên Phòng Trưng bày 1785. Ở đây, trong bộ sử mang tính huyền thoại của Livius,<sup>52</sup> David tìm thấy tinh thần yêu nước vốn là tôn giáo thật sự của Roma cổ: Ba anh em nhà Horatius đọc lời thề nguyện chấm dứt cuộc chiến tranh giữa Roma và Alba Longa (thế kỷ VII trCN) bằng một trận đấu sinh tử với ba anh em của thị tộc Curiatius. David thể hiện các anh em nhà Horatius đang tuyên thệ và nhận những thanh gươm từ tay cha của họ, trong khi những người em gái của họ than khóc; một trong các cô này đã đính hôn với một trong các anh em Curiatius. Người Pháp, vốn đã biết câu chuyện này qua vở kịch *Horace* của Corneille, đã nắm bắt được tâm trạng yêu nước mãnh liệt của bức tranh, vốn đặt quốc gia lên trên cá nhân, thậm chí trên gia đình. Một vị Vua thành thật hết lòng với sự nghiệp cải cách và một thành phố đang sôi nổi với cách mạng đã cùng đoàn kết lại hoan nghênh họa sĩ, và các đối thủ của chàng phải công nhận tài khéo léo qua đó chàng thể hiện lòng can đảm anh hùng, sự hy sinh của người cha, và nỗi đau buồn của người phụ nữ. Thành công của *Le Serment des Horaces* là một trong những thành công trọn vẹn và có ý nghĩa nhất trong các cuốn biên niên sử nghệ thuật, vì nó có nghĩa là sự thắng lợi của phong cách cổ điển.

Được khuyến khích trong cách lựa chọn chủ đề cũng như phương pháp thể hiện, David quay sang Hy Lạp và trưng bày bức *La Mort de Socrate* [1787; Cái chết của Sōkrátēs]. Sir Joshua Reynolds, khi nhìn thấy bức tranh đã phải kêu lên đây là “nỗ lực vĩ đại nhất của nghệ thuật kể từ Michelangelo và Raffaello; lẽ ra nó đã làm tăng thêm danh tiếng của Athênai vào thời Periklēs.”<sup>58</sup> Hai năm sau David quay sang truyền thuyết Roma với bức *Les licteurs rapportent à Brutus les corps de ses fils* (Các vệ sĩ mang về cho Brutus thi thể của các con); đây là câu chuyện của Livius kể về vị Tổng tài La Mã (509 trCN) đã xử tử hai con trai của mình vì âm mưu tái lập chế độ quân chủ. Bức tranh đã được đặt vẽ từ trước khi ngục Bastille sụp đổ, bề ngoài có vẻ như không dính gì đến cuộc nổi dậy đang treo lơ lửng. Vị Bộ trưởng Nghệ thuật của Đức vua cấm triển lãm bức tranh, nhưng sự la ó của công chúng đã khiến nó được nhận vào Phòng Trưng bày 1789. Các đám đông đến xem hoan hô bức tranh như là một phần của Cách mạng và David thấy mình như người phát ngôn của thời đại.

Sau đó ông hiến mình cho Cách mạng trong một cuộc hôn nhân hiếm hoi giữa chính trị và nghệ thuật. Ông chấp nhận những nguyên lý của nó, minh họa các biến cố của nó, tổ chức và trang hoàng những lễ lạt của nó, và tưởng niệm các liệt sĩ của nó. Khi vị đại biểu có khuynh hướng cấp tiến Lepeletier de Saint-Fargeau bị ám sát bởi một tên bảo hoàng (20.1. 1793), David dốc sức để tưởng niệm cảnh tượng ấy. Trong vòng hai tháng ông giới thiệu bức tranh với Quốc ước hội nghị và cơ quan này treo nó lên bức tường phòng họp của mình. Khi Marat bị giết (13.7. 1793), một đám đông những người than khóc tiến vào hành lang Quốc ước hội nghị; ngay sau đó một giọng nói từ đám đông kêu lên: “David, ông ở đâu? Ông đã truyền lại cho hậu thế cảnh Lepeletier chết vì đất nước mình, giờ ông còn phải vẽ một bức tranh khác.” David đứng dậy và nói, “Tôi sẽ vẽ.” Ông giới thiệu bức tranh đã hoàn thành cho Quốc ước hội nghị ngày 11 tháng Mười. Bức tranh cho thấy

một nửa người Marat chìm trong bồn tắm, đầu ngả ra sau không còn sinh khí, một bàn tay nắm chặt bản thảo, một cánh tay buông thõng xuống sàn nhà. Một khối gỗ đặt bên bồn tắm mang dòng chữ kiêu hãnh “Tặng Marat, David”. Đó là một bước xa rời phong cách đặc trưng của David; lòng nhiệt thành cách mạng đã thay thế chủ nghĩa tân cổ điển bằng chủ nghĩa hiện thực. Ngoài ra, bức này và bức *Lepeletier* đã thoát khỏi tiền lệ cổ điển chủ nghĩa bằng cách dùng các sự kiện gần đây làm đề tài; chúng khiến cho nghệ thuật trở thành một kẻ tham gia vào cuộc Cách mạng.

Vào năm 1794, David đã trở nên quá nổi bật về mặt chính trị khiến ông được bầu vào Ủy ban An ninh Tổng quát. Ông đi theo đường lối lãnh đạo của Robespierre và chuẩn bị các đám rước và Lễ hội Đấng Tối cao. Sau khi Robespierre sụp đổ, David bị bắt vì là một trong những người ủng hộ ông ta. Ở tù ba tháng, ông được thả ra nhờ những lời cầu xin của học trò. Ông rút lui về với đời sống riêng tư tại xưởng vẽ của mình và lại chứng tỏ tài năng lỗi lạc với một bức toàn cảnh bậc thầy, *Les Sabines* [Những phụ nữ Sabina]. Ngày 10 tháng Mười Một, Napoléon nắm quyền, và David, 51 tuổi, bắt đầu một sự nghiệp mới và đặc thắng.

## VI. Khoa học và triết học

Các cuộc cách mạng không ưu đãi khoa học thuần túy, nhưng chúng khuyến khích khoa học ứng dụng để đáp ứng những nhu cầu của một xã hội phải chiến đấu cho tự do của nó. Do đó Lavoisier, nhà tài chính – hóa học, đã giúp cho hai cuộc cách mạng của Pháp và Mỹ bằng cách cải thiện chất lượng và việc sản xuất thuốc súng; Berthollet và các nhà hóa học khác, được sự phong tỏa của Anh kích thích, đã tìm ra những chất thay thế cho sản phẩm nhập khẩu như đường, soda, và bột chà. Lavoisier bị đưa lên máy chém như một kẻ trục lợi (1794),<sup>54</sup> nhưng một năm sau chính quyền

Cách mạng bác bỏ việc này, và tôn vinh ông. Quốc ước hội nghị bảo vệ các nhà khoa học làm việc tại các tiểu ban của mình và chấp thuận kế hoạch của họ về một hệ thống đo lường mét; Chấp chính ban dành cho các nhà khoa học địa vị cao sang trong Pháp quốc Học viện mới; Lagrange, Laplace, Adrien-Marie Legendre, Delambre, Berthollet, Lamarck, Cuvier – những tên tuổi hầy còn tỏa sáng trong lịch sử khoa học – nằm trong số các thành viên đầu tiên của tổ chức này. Trong một thời gian, khoa học đã thay thế tôn giáo để trở thành yếu tố chủ yếu của giáo dục; việc trở lại của dòng họ Bourbon đã làm gián đoạn phong trào này, nhưng khi dòng họ này sụp đổ (1830) khoa học lại được tán dương trong nền “triết học thực chứng” của Auguste Comte.

Lagrange và Legendre đã để lại những dấu ấn lâu bền trong toán học. Lagrange lập thành công thức “phép tính biến phân” mà các phương trình của nó hầy còn là một phần của khoa cơ học. Legendre nghiên cứu các phép tích phân e-líp từ năm 1786 đến năm 1827, khi ông xuất bản các kết quả của mình trong tập *Traité des fonctions* [Chuyên luận về các hàm số]. Gaspard Monge, con một người bán rong, đã phát minh ra hình học họa pháp – một phương pháp thể hiện các vật thể ba chiều trên một mặt phẳng hai chiều; ông tổ chức việc tái chế đồng và thiếc trên cả nước, viết một bài văn nổi tiếng về nghệ thuật cao quý của việc chế tạo đại bác và phục vụ chính quyền Cách mạng và Napoléon qua một sự nghiệp lâu dài với tư cách một nhà toán học và hành chính. Laplace khuấy động giới trí thức châu Âu với công trình *Exposition du systeme du monde* [1796; Trình bày hệ thống vũ trụ], phát biểu một cách hệ thống một giả thuyết về tinh vân và cố giải thích vũ trụ hoàn toàn như một bộ máy. Khi Napoléon hỏi “Ai tạo ra toàn thể bộ máy này?”, Laplace trả lời, “Tôi không cần giả thuyết ấy.” Lavoisier, người sáng lập nên môn hóa học hiện đại, đã phục vụ với tư cách chủ tịch của ủy ban đã lập nên hệ thống mét (1790). Berthollet đã giúp cho sự tiến bộ



Hình 26: Tượng Lavoisier của Jacques-Léonard Maillet ở Louvre

của cả hóa học lý thuyết lẫn thực hành, giúp Lavoisier lập nên một phép đặt thuật ngữ mới cho hoá học và giúp cho đất nước đang lâm chiến của mình bằng phương pháp biến đổi quặng ra sắt và sắt ra thép. Xavier Bichat đi tiên phong trong khoa nghiên cứu mô bằng các cuộc nghiên cứu mô của ông trên kính hiển vi. Năm 1797 ông bắt đầu một loạt bài giảng nổi tiếng về sinh lý học và giải phẫu học. Ông tóm tắt các phát hiện của mình trong cuốn *Anatomie générale* [1801; Giải phẫu học tổng quát]. Năm 1799, lúc mới 28 tuổi, ông được bổ dụng làm bác sĩ tại bệnh viện Hôtel-Dieu. Ông đang bắt tay vào nghiên cứu các thay đổi hữu cơ do bệnh tật sinh ra thì một cú té ngã kết thúc đời ông (1802) vào tuổi 31.

\* \* \*

Pierre Cabanis có thể được xem như một sự chuyển tiếp sang triết học, vì mặc dù đương thời biết đến ông chủ yếu như một bác sĩ, hậu thế lại đi đến chỗ nghĩ về ông như một triết gia. Năm 1791, ông chăm sóc cơn bệnh cuối cùng của Mirabeau đang hấp hối. Ông giảng tại Trường Y khoa về vệ sinh, về y khoa pháp lý, và lịch sử y khoa. Trong một thời gian ông là người đứng đầu tất cả các bệnh viện ở Paris. Ông là một trong số nhiều con người xuất chúng đã thâm yêu người góa phụ lúc nào cũng đáng yêu của triết gia Helvétius. Tại những buổi họp mặt của bà, ông gặp Diderot, Alembert, Holbach, Condorcet, Condillac, Franklin, và Jefferson. Là một sinh viên y khoa, ông đặc biệt bị lôi cuốn bởi Condillac, người lúc ấy đang thống trị sân khấu triết học Pháp với học thuyết cho rằng mọi tri thức đều đến từ các cảm giác. Những điều ngụ ý có tính duy vật của thuyết duy cảm này hấp dẫn Cabanis; chúng rất phù hợp với những sự tương quan mà ông đã nhận thấy giữa các quá trình hoạt động của tinh thần và thể xác. Ông thậm chí làm cho các nhà tư tưởng tiến bộ đương thời phải sửng sốt khi nói: “Để hình thành một ý tưởng đúng đắn về những quá trình vận hành nhằm đưa đến kết quả là

tư tưởng, cần phải nhìn bộ óc như một cơ quan đặc biệt mà chức năng đặc thù là sản xuất ra tư tưởng, cũng như dạ dày và ruột có chức năng đặc biệt là thực hiện việc tiêu hoá, hay gan với chức năng lọc mật, vân vân.”<sup>55</sup>

Tuy nhiên Cabanis thay đổi sự phân tích của Condillac bằng cách cho rằng một cảm giác đi vào một cơ quan vốn đã được hình thành phần nửa lúc sinh ra, sau đó được đúc nặn bởi từng kinh nghiệm và mang theo quá khứ của nó trong các tế bào và ký ức để tạo nên một phần của cái tính cách đang thay đổi, kể cả các cảm giác bên trong, các phản xạ, bản năng, xúc động, và ham muốn (cũng như Kant vừa mới làm thế trong cuốn *Critik der reinen Vernunft* - *Phê phán lý tính thuần túy*). Tổng khối tâm sinh lý được sinh ra như thế sẽ định hình mọi cảm giác mà nó nhận được theo cơ cấu và mục đích của nó. Trong ý nghĩa này Cabanis đồng ý với Kant rằng tinh thần không phải là một *tabula rasa* [bạch bản] vô vọng, trên đó các cảm giác được in lên; nó là một tổ chức có chức năng biến đổi các cảm giác thành các tri giác, tư tưởng, và hành động. Tuy nhiên (Cabanis nhấn mạnh), cái tinh thần mà Kant rất tôn kính không phải là một thực thể có thể tách rời khỏi bộ máy sinh lý gồm các mô và dây thần kinh.

Hệ thống trông có vẻ duy vật chủ nghĩa này được trình bày chi tiết trong tập đầu tiên (1796) trong số 12 tập khóa luận mà Cabanis xuất bản chung vào năm 1802 với tựa đề *Rapports du physique et du moral de l'homme* [Những mối liên hệ giữa thể xác và tinh thần của con người]. Chúng cho thấy một tinh thần (hay bộ óc) mạnh mẽ, hăng hái hoạt động đối với một lĩnh vực nghiên cứu và đáng quan tâm ngày càng mở rộng. Luận văn đầu tiên hầu như là một công trình điều tra tâm lý học về phương diện sinh lý, nghiên cứu những yếu tố tương quan thuộc hệ thần kinh của các trạng thái tinh thần. Tập thứ ba phân tích cái “vô thức”: các ký ức chúng ta thu thập được (hay là những sự ghi khắc vào hệ thần kinh) có thể bao gồm cả những cảm giác bên trong và bên ngoài để

sinh ra những giấc mơ, hoặc có thể ảnh hưởng một cách vô thức đến các ý tưởng của chúng ta ngay cả trong những lúc ở trong trạng thái tỉnh táo nhất. Tập bốn cho rằng tinh thần già đi với cơ thể, nên những ý tưởng và tính cách của cùng một người vào những năm bảy mươi tuổi có thể hoàn toàn khác với những năm của tuổi đôi mươi. Tập năm là một cuộc thảo luận mang tính gợi ý về việc những chất tiết ra từ các tuyến – đặc biệt là sinh dục – có thể ảnh hưởng đến tình cảm và tư tưởng của chúng ta như thế nào. Tập luận văn thứ mười cho rằng con người đã tiến hóa qua những sự biến đổi hay đột biến ngẫu nhiên mà sau đó trở thành di truyền.

Trong một cuốn sách của Cabanis với nhan đề *Lettres sur les causes premières* [1824; Những bức thư về các nguyên nhân đầu tiên], được xuất bản 16 năm sau khi ông mất, có vẻ như ông đã rút lại chủ nghĩa duy vật của mình và công nhận một Nguyên nhân đầu tiên được phú cho trí thông minh và ý chí.<sup>56</sup> Nhà duy vật có thể nhắc chúng ta rằng vị bác sĩ phẫu thuật vĩ đại đã cảnh báo chúng ta về tác động của một cơ thể đang già đi đối với cái tinh thần kết hợp cùng nó. Nhà hoài nghi có thể giả định rằng điều bí ẩn của ý thức đã đưa Cabanis đến chỗ nghi ngờ rằng chủ nghĩa duy vật đã đơn giản hóa một thực tại rất phức tạp và gài gổ. Bất luận thế nào cũng là điều tốt khi một triết gia thỉnh thoảng nên tự nhắc nhở rằng mình chỉ là một hạt bụi nhỏ đang lên mặt phán về cái vô tận.

Có hai người đã sống từ thời của các *philosophe* để trực tiếp thấy được cuộc Cách mạng từng được mong đợi một cách nhiệt thành như thế. Khi Tu viện trưởng Raynal, người nổi tiếng từ năm 1770 với bộ *Histoire philosophique... des deux Indes* [Lịch sử triết học... của hai xứ Ấn] nhìn thấy *lumières* [ánh sáng] của thời Khai minh bị lu mờ bởi những sự thái quá của dân chúng, ngày 31.5. 1791 ông gửi cho Quốc hội Lập hiến một bức thư phản đối và mang tính tiên tri: “Tôi đã dám nói với các ông vua về bốn phạm của họ từ lâu; hôm nay hãy để tôi nói với dân chúng về những lỗi lầm của họ.”

Ông cảnh báo rằng sự chuyên chế của đám đông có thể cũng độc ác và bất công như sự độc tài của các ông vua. Ông bảo vệ cho quyền của giới giáo sĩ được giảng đạo, với điều kiện là những người chống đối tôn giáo hay giới tu sĩ cũng được tự do phát biểu tư tưởng của họ. Ông cũng lên án cả việc chính phủ tài trợ cho bất cứ tôn giáo nào (lúc ấy nhà nước đang trả lương cho các linh mục) lẫn việc đám đông có chủ trương chống giáo sĩ tấn công các linh mục. Robespierre đã thuyết phục được Quốc hội đang giận dữ tha cho vị triết gia 78 tuổi này khỏi bị bắt, nhưng tài sản của Raynal bị tịch thu, và ông chết trong cảnh nghèo túng và ảo tưởng bị tan vỡ (1796).

Constantin Chasseboeuf de Volney sống qua thời Cách mạng và ông biết mọi nhân vật nổi tiếng ở Paris từ Holbach tới Napoléon. Sau những năm du hành sang Ai Cập và Syria, ông được bầu vào Hội nghị Quốc dân đại biểu và phục vụ trong Quốc hội Lập hiến cho đến khi cơ quan này giải thể vào năm 1791. Trong năm ấy ông xuất bản những tiếng vọng triết học từ những chuyến du lịch của mình trong tác phẩm *Les Ruines, ou Méditations sur les révolutions des empires* [Những phế tích, hay trầm tư về những cuộc cách mạng của các đế quốc]. Điều gì đã khiến cho các nền văn minh cổ sụp đổ? Volney trả lời rằng chúng đã suy tàn do sự dốt nát mà các tôn giáo siêu nhiên liên kết với các chính quyền đem lại cho dân chúng họ và do những khó khăn trong việc chuyển giao tri thức từ thế hệ này sang thế hệ khác. Giờ đây, khi các tín ngưỡng hoang đường đã mất đi ảnh hưởng và nghề in đã giúp cho việc bảo tồn kiến thức và lưu truyền văn minh trở nên dễ dàng, con người có thể hy vọng xây dựng những nền văn hóa lâu bền trên một tập hợp các chuẩn mực đạo đức mà trong đó kiến thức, vốn ngày càng phát triển và lan rộng, có thể nói rộng sự kiểm soát của con người đối với những xu hướng phi xã hội của hần và thúc đẩy sự hợp tác và đoàn kết. Ông bị bắt năm 1793 vì theo phái Girondin và bị giam chín tháng. Khi được thả, ông đi tàu qua Mỹ, được George

Washington đón chào, bị Tổng thống Adams tố cáo là một gián điệp của Pháp (1798) và hồi hải lên đường về Pháp. Dưới thời Napoléon ông phục vụ như một thượng nghị sĩ, chống đối việc thay đổi từ chế độ Tổng tài sang Đế chính và lui về với cảnh ẩn dật của một học giả đến khi Louis XVIII cử ông làm một thượng nghị sĩ năm 1814. Ông mất năm 1820, sau khi đã góp phần lật đổ và rồi phục hồi dòng họ Bourbon.

## VII. Sách và tác giả

Mặc cho cái máy chém, các nhà xuất bản vẫn trân trọng ghi nhớ cái phù du, thi sĩ vẫn gieo vần và ngâm nga, diễn giả vẫn hùng hồn diễn thuyết, kịch tác gia pha lẫn lịch sử với tình yêu, sử gia xét lại quá khứ, triết gia trừng phạt hiện tại và hai nữ tác giả cạnh tranh với đàn ông về chiều sâu của cảm xúc, lòng can đảm chính trị, và năng lực của trí tuệ. Một trong hai người này, Bà Roland, chúng ta đã gặp trong tù và trên máy chém.

Gia đình Didot, nổi tiếng nhất trong các nhà xuất bản ở Pháp, tiếp tục cải thiện việc đúc các kiểu chữ và đóng sách. François Didot đã thiết lập nên xí nghiệp in ấn và hệ thống cửa hàng sách ở Paris năm 1713; con trai ông là François-Ambroise và Pierre-François thực hiện những thí nghiệm về kỹ thuật in bằng máy và phát hành một tuyển tập các tác giả kinh điển Pháp do Louis XVI đặt hàng. Con của François-Ambroise là Pierre tung ra các ấn bản về các tác giả Vergilius (1798), Horatius (1799), và Racine (1801), tuyệt vời tới mức những khách hàng giàu sang có thể thưởng thức chúng mà không cần đọc. Firmin Didot (1764–1836), một người con khác của François-Ambroise, nổi tiếng nhờ tạo ra một kiểu chữ mới và được cho là đã phát minh ra kỹ thuật in bằng bản in đúc (stereotyping); và năm 1884 công ty của Firmin Didot đã phát hành ấn bản lỏng lẻo cho tác phẩm của Paul Lacroix *Directoire, Consulat, et Empire* [Chấp chính, Tổng tài, và Đế chính] mà nhiều chương có liên quan với tập sách này đã được sử dụng; ví dụ, xem trong đó chúng ta biết là trong suốt

thời kỳ Cách mạng các tác phẩm của Voltaire và Rousseau đã được bán ra hàng trăm ngàn bản. Một nghị định của Quốc ước hội nghị (19.7. 1793) bảo đảm cho tác giả được hưởng tác quyền đến 10 năm sau khi mất.<sup>57</sup>

Hai thi sĩ nổi tiếng nhất của thập kỷ Cách mạng khởi đầu rất khác biệt nhau về hình thức và phong cách, nhưng kết thúc dưới cùng một lưỡi dao vào năm 1794. Philippe-François Fabre d'Églantine sáng tác những bài thơ đẹp đẽ và những vở kịch thành công. Ông trở thành Chủ tịch của Câu lạc bộ Cordeliers, thư ký của Danton và đại biểu tại Quốc ước hội nghị, nơi ông bỏ phiếu thuận trục xuất những người thuộc phe Girondin và chặt đầu Đức vua. Được bổ nhiệm vào ủy ban soạn thảo một bộ lịch mới, ông đã nghĩ ra phần lớn những cái tên đẹp đẽ gọi lên các mùa cho các tháng trong năm. Ngày 12.1.1794, ông bị bắt vì các tội tham ô, giả mạo, và thông đồng với các tay chân nước ngoài cũng như những kẻ buôn bán đầu cơ trục lợi. Tại phiên tòa xét xử, ông hát lên khúc ba-lát quynh rữ của mình: "*Il pleut, il pleut, bergère; rentre tes blancs moutons*" (Mưa rồi, mưa rồi, hỡi cô bé chăn cừu, hãy đưa những chú cừu trắng của cô về chuồng); nhưng các viên bồi thẩm không có lỗi tai thưởng thức các bài thơ đồng quê. Trên đường đến chỗ máy chém (5.4.1794), ông phân phát những bài thơ của mình cho dân chúng.

André-Marie de Chénier là một thi sĩ xuất sắc hơn với đạo đức tốt hơn, nhưng số phận cũng không tốt hơn. Sinh tại Kostantiniyye [*Anh*, Constantinople] năm 1762 với cha là người Pháp và mẹ là người Hy Lạp, ông chia sẻ tình yêu văn học của mình ra giữa thi ca Hy Lạp và triết học Pháp. Ông học ở Navarre, đến Paris năm 1784, làm bạn với David và Lavoisier, và chấp nhận Cách mạng một cách dè dặt. Ông chống đối bản Hiến chương giáo sĩ, vốn trói buộc nhà nước với Giáo hội Công giáo; ông khuyên Quốc hội nên tách rời hoàn toàn Giáo hội khỏi nhà nước và mọi tín ngưỡng đều được hoàn toàn tự do thờ phụng. Ông cáo buộc những vụ Tàn sát tháng Chín; khen ngợi việc Charlotte Corday giết Marat và viết thay Louis

XVI một bức thư gửi đến Quốc ước hội nghị đòi được quyền yêu cầu dân chúng cho ý kiến về bản án tử hình; việc này khiến ông bị những người Jacobin đang cầm quyền nghi ngờ. Bị bỏ tù như một người thuộc phe Girondin, ông yêu một tù nhân xinh đẹp, Cô Coigny, và gửi cho nàng bài thơ “La Jeune Captive” [Thiếu nữ trong tù] mà Lamartine tuyên bố là “tiếng thở dài du dương nhất từng phát ra từ ngục tối”.<sup>58</sup> Bị đưa ra xét xử, ông từ chối biện hộ cho mình và đi vào cõi chết như sự cứu rỗi khỏi một thời đại dã man và bạo ngược. Sinh thời ông chỉ công bố có hai bài thơ, nhưng 25 năm sau vụ hành hình ông, các bạn bè đã cho ra đời một tuyển tập thơ của ông, giúp ông chiếm được địa vị như của nhà thơ Keats<sup>i</sup> trong văn học Pháp. Chắc hẳn đó là lời than vãn của ông cũng như của nàng khi ông thể hiện trong đoạn cuối của “Thiếu nữ trong tù”:

*O mort, tu peux attendre, éloigne, éloigne-toi;  
Va consoler les coeurs que la honte, l'effroi,  
Le pâle désespoir dévore.  
Pour moi Pâles encore a des asiles verts,  
Les amours des baisers, les Muses des concerts;  
Je ne veux pas mourir encore.*

Hỡi Thần Chết, cần chi phải vội! – Hãy lánh xa! Hãy lánh xa!  
Hãy đi an ủi những con tim bị nỗi hổ thẹn, kinh sợ,  
Nỗi tuyệt vọng xanh xao dày vò  
Đối với ta, nữ thần Pâles<sup>ii</sup> còn có những nơi nương náu  
xanh mơn  
Tình yêu còn có những nụ hôn, và Nàng Thơ còn có những  
bài ca;  
Ta chưa muốn chết.<sup>59</sup>

---

i Keats, John (1795 –1821): Nhà thơ lãng mạn trữ tình Anh, người cùng thời với Percy Bysshe Shelley, Lord Byron, một đại diện tiêu biểu của trường phái lãng mạn Anh thế kỷ XIX.

ii *Pâles*: Nữ thần của các mục đồng trong tôn giáo của người cổ La Mã.

Em trai của André, Joseph de Chénier (1764–1811), là một nhà soạn kịch thành công; ông gợi lại vụ náo động khi Talma đóng vai Charles IX. Ông viết lời cho bản nhạc hùng tráng “Chant du départ” [Ca khúc khởi hành] và bài “Hymne à la liberté” [Bài ca ngợi tự do], được hát trong Lễ hội Lý trí. Với tài dịch khéo léo ông đã giới thiệu với nước Pháp bài thơ *Elegy Written in a Country Churchyard* [Bi ca viết trong một nghĩa địa thôn quê] của Gray.<sup>i</sup> Được bầu vào Quốc ước hội nghị, trong một ý nghĩa nào đó ông đã trở thành thi sĩ chính thức của Cách mạng. Về sau ông được Viện Hàn lâm ủy thác soạn



Hình 27: André Chénier – chân dung lần cuối trong tù  
(Joseph-Benoît Suvée, 1794)

---

i Thomas Gray (1716 –1771): Thi sĩ, học giả cổ điển, và giáo sư người Anh tại Trường Đại học Cambridge. Bài thơ trên của ông được xuất bản năm 1751, được xem “có lẽ là bài thơ nổi tiếng nhất và được yêu thích nhất trong tiếng Anh đến tận ngày nay”.

một *Tableau historique de l'état et du progrès de la littérature française depuis 1789* [Bức tranh lịch sử về tình trạng và sự tiến triển của văn học Pháp từ năm 1789]. Ông mất trước khi hoàn thành bộ sách; mặc dù vậy đây là một hồ sơ bao quát các cây bút một thời nổi tiếng và ngày nay đã bị quên lãng phần lớn, thậm chí bởi những người Pháp có học thức. Những người bất tử chết không lâu sau cái chết.

Bị chính trị chỉ huy và nhấn chìm trong thời Quốc ước hội nghị, văn học phục hồi dưới thời Chấp chính ban. Hàng trăm hội văn học được thành lập, các câu lạc bộ đọc sách nở rộ, công chúng đọc sách gia tăng. Phần lớn họ hài lòng với những cuốn tiểu thuyết; chuyện tình hư cấu lãng mạn và thơ ca bắt đầu chiếm chỗ của bi kịch cổ điển. Những bài thơ của Ossian do Macpherson công bố và được dịch sang tiếng Pháp đã được đông đảo người đọc tán thưởng, từ các cô hầu phòng cho đến Napoléon.

## **VIII. Phu nhân Staël và Cách mạng**

Nổi bật giữa những người thợ dệt chữ bởi sức mạnh của tiếng nói và tính cách là một người phụ nữ, giữa những tiểu thuyết thành công và một chuỗi những người tình, đã từng chấp nhận Cách mạng, lên án đám quần chúng bình dân và chính sách Khủng bố, chống lại từng bước đi của Napoléon và sống đến lúc thắng lợi trong khi ông ta [Napoléon] tiêu tụy héo hon trong cảnh sống cũng như chết. Germaine Necker có diễm phúc sinh ra trong cảnh giàu sang và nổi tiếng: Cha nàng, một triệu phú từ rất sớm, đã trở thành bộ trưởng tài chính của Pháp; mẹ nàng, đã có thời được Edward Gibbon theo đuổi, tập trung trong khách thính của mình các thiên tài trứ danh của Paris và còn hơn nữa, để phục vụ, một cách không chủ ý hoặc miễn cưỡng, cho việc dạy dỗ đứa con của bà.

Nàng sinh tại Paris ngày 22.4. 1766. Phu nhân Necker, khẳng khái đòi làm vị sư phó chính của nàng, đã nhồi nhét

cho nàng một hỗn hợp dễ bùng nổ gồm lịch sử, văn học, triết học, Racine, Richardson, Calvin, và Rousseau. Germaine run rẩy với tính đa cảm hợp thời trang khi thấy Clarissa Harlowe<sup>i</sup> tiến gần đến một số phận còn tệ hơn là cái chết và với nhiệt tình trẻ trung trước tiếng gọi tự do của Rousseau, nhưng nàng tỏ ra dị ứng một cách đau đớn đối với học thuyết Calvin, chống lại môn thần học và sự rèn luyện trí óc được khẳng định áp đặt lên nàng hàng ngày. Càng ngày nàng càng né tránh người mẹ đau yếu, ham thống trị và yêu người cha đạo đức nhưng rộng lượng và chu cấp mọi thứ cho nàng. Đây là mối liên hệ duy nhất mà nàng duy trì với lòng trung thành bền vững; nó khiến cho những sự gấn bó khác mang tính hơi hợt và bấp bênh. “Số phận của chúng tôi”, nàng viết, “lẽ ra đã kết hợp chúng tôi mãi mãi nếu định mệnh tạo ra chúng tôi cùng lứa tuổi.”<sup>60</sup> Trong khi ấy, để trộn lẫn các cảm xúc của nàng với khả năng trí tuệ, từ tuổi dậy thì trở đi nàng được phép tham dự những buổi gặp gỡ thường kỳ của các nhân vật tài trí do mẹ nàng tổ chức; tại đây nàng khiến cho các học giả uyên thâm vui lòng với tài hiểu biết và đối đáp nhanh nhẹn. Lúc 17 tuổi, nàng đã trở thành ngôi sao của khách thính.

Giờ đây phát sinh vấn đề tìm cho nàng một người chồng có thể xứng với trí tuệ và của cải tương lai của nàng. Cha mẹ nàng đề nghị William Pitt, ngôi sao đang lên của nền chính trị Anh; Germaine bác bỏ ý tưởng này với cùng lý do đã khiến mẹ nàng chống lại Gibbon<sup>ii</sup> – không có đủ năng ở Anh và các phụ nữ bên ấy xinh đẹp nhưng không được lắng nghe. Nam tước Eric Magnus Staël von Holstein, đang phá sản, xin cầu hôn. Gia đình Necker giữ một khoảng cách an toàn cho đến khi chàng trở thành đại sứ Thụy Điển ở Pháp. Việc này đã đến

---

i *Clarissa*: Nữ nhân vật trong cuốn truyện lãng mạn cùng tên của tác giả người Anh Samuel Richardson, xuất bản năm 1748.

ii Gibbon, Edward (1737 –1794): Sử gia và là một thành viên của Nghị viện Anh. Tác phẩm quan trọng nhất của ông là bộ *The History of the Decline and Fall of the Roman Empire* (Lịch sử về sự suy tàn và sụp đổ của Đế quốc La Mã).

và Germaine đồng ý lấy chàng vì nàng mong đợi sẽ được độc lập hơn khi làm vợ so với thời làm con gái. Ngày 14.1. 1786 nàng trở thành Phu nhân Nam tước Staël-Holstein; nàng 20, còn Nam tước 37. Chúng ta được bảo đảm rằng “nàng không biết gì về tình yêu xác thật cho đến khi lấy chồng”;<sup>61</sup> nhưng nàng là người học trò nhanh trí trong mọi chuyện. Nữ Bá tước Boufflers, người chủ tọa đám cưới, mô tả cô dâu “bị làm hư hỏng quá mức bởi sự ngưỡng mộ đối với trí thông minh của cô ta đến mức sẽ khó khiến cô ta nhận ra những khuyết điểm của mình. Cô ta tỏ vẻ hống hách và kiên quyết quá mức, và một thái độ tự tin mà tôi chưa bao giờ thấy nơi những người cùng tuổi với cô ta.”<sup>62</sup> Nàng không đẹp, với vóc dáng cũng như tính khí đàn ông của mình; nhưng cặp mắt đen láy của nàng lấp lánh sinh động, và trong khi trò chuyện nàng không có đối thủ.

Nàng đến sống tại tòa Đại sứ Thụy Điển trên đường Le Bac và không bao lâu sau đã mở một khách thính của riêng mình; nhưng vì mẹ nàng hay đau yếu nên nàng cũng phụ trách luôn khách thính tại căn hộ bên trên nhà băng của cha nàng. Necker đã bị thôi chức bộ trưởng tài chính vào năm 1781, nhưng được triệu lại nhiệm sở vào năm 1788 để giúp đối phó với mối đe dọa của Cách mạng. Giờ đây, mặc dù có nhiều triệu bạc, ông vẫn là mẫu người lý tưởng của Paris, và Germaine, say sưa ủng hộ ông bằng cái lưỡi và ngòi bút, cũng có một số lý do để kiêu hãnh. Bên cạnh việc ngoại tình, chính trị trở thành niềm vui của nàng.

Theo lời khuyên của Necker, Louis triệu tập hội nghị Quốc dân đại biểu; mặc dù Necker chống đối, ông vẫn yêu cầu ba đẳng cấp ngồi riêng rẽ, duy trì sự phân biệt giai cấp. Ngày 12.7. 1789, ông thả hồi Necker lần thứ hai và ra lệnh cho ông này phải rời nước Pháp ngay tức thì. Necker và vợ đến Bỉ. Germaine đi theo họ, điên lên vì phẫn nộ. Staël, quên mất bốn phận chính thức của mình, đi theo nàng và gia tài của nàng. Ngày 14 tháng Bảy, dân chúng Paris tràn vào ngục Bastille và đe

dọa nền quân chủ. Vị Vua kinh hoàng gửi một phái viên đuổi kịp Necker, gọi ông về lại Paris và nhiệm sở của mình. Necker đến. Dân chúng hoan nghênh ông. Germaine lao về Paris và từ đấy về sau, cho đến tận những cuộc Tàn sát tháng Chín, hàng ngày cảm nhận được luồng gió nóng của Cách mạng.

Kết hợp những giai đoạn đầu của Cách mạng với cha mình, và quan điểm chính trị với thu nhập của mình, nàng ủng hộ Quốc dân đại biểu, nhưng biện hộ cho một cơ cấu lập pháp với lưỡng viện quốc hội trong một chế độ quân chủ lập hiến để bảo đảm cho chính phủ đại nghị, những quyền tự do dân sự và bảo vệ quyền tư hữu. Khi cuộc Cách mạng tiếp diễn, nàng đã dùng tất cả ảnh hưởng của mình để làm dịu bớt những người Jacobin và khuyến khích những người Girondin.



Hình 28: Phu nhân Staël (François Pascal Simon Gérard, khoảng 1810)

Tuy nhiên, nàng vượt xa những người Jacobin trong quan điểm triết học đạo đức. Gần như mọi người đàn ông nàng gặp đều nghĩ rằng vì hôn nhân của họ là những sự kết hợp do của cải chứ không phải trái tim, nên việc cho phép họ có một hoặc hai cô nhân tình để đem lại sự sôi nổi và lãng mạn cũng là điều hợp lý. Nhưng họ cũng cho rằng những đặc quyền như vậy không thể được dành cho cả người vợ, vì sự không chung thủy của nàng có thể gây nên những tình trạng không rõ ràng tai hại trong việc kế thừa gia sản. Germaine không chịu được luận cứ này, vì trong trường hợp của nàng – là con một – tài sản hiện tại cũng như tương lai hầu như hoàn toàn là của nàng. Nàng kết luận mình có thể tự do đi tìm những quan hệ lãng mạn, dù cho có chia sẻ giường của người khác.

Chẳng bao lâu nàng đã đánh mất lòng tôn trọng đối với chồng, một người quá phức tạp để có thể có chút thú vị và quá kém cỏi để không lâm vào cảnh nợ nần. Nàng không phản đối việc ông có nhân tình là Quý cô Clairon, nhưng ông ta tiêu hết khoản thu nhập chính thức của mình cho bà diễn viên đã bảy mươi tuổi ấy, bỏ bê công việc của một đại sứ, đánh bạc và bị thua, và liên tục gánh những món nợ mà vợ và cha vợ của ông ta phải miễn cưỡng thanh toán. Do đó nàng đi con đường riêng của mình qua một chuỗi những người tình vì, như nàng sẽ nói trong cuốn *Delphine*, “Giữa Chúa và ái tình tôi không công nhận một người trung gian nào ngoại trừ lương tâm của tôi”; và lương tâm có thể điều khiển được. Một trong những kẻ đồng lõa đầu tiên của nàng là Talleyrand, cựu tổng giám mục Autun, là người đồng ý với nàng về tính linh động của những lời thề hứa. Sau ông ta là Bá tước Jacques-Antoine de Guibert, mới gần đây là *le beau idéal* [người tình lý tưởng] của Julie de Lespinasse.<sup>i</sup> Tuy nhiên, ông mất

---

i Julie de Lespinasse (1732 – 1776): Chủ nhân một khách thính nổi tiếng ở Paris vào Thời đại Khai minh. Ngày nay được biết đến nhiều vì những bức thư cảm động gửi đến hai người tình (xuất bản năm 1809) trong chuyện tình bi thảm giữa nàng với hai người đàn ông này.

năm 1790 ở tuổi 47. Một năm trước đó nàng đã tạo một mối quan hệ sâu đậm và lâu bền hơn với Louis de Narbonne-Lara. Ông này là một người con ngoài giá thú và bản thân ông đến năm 33 tuổi cũng là cha của nhiều đứa con hoang; nhưng ông rất đẹp trai, có dáng vẻ ung dung thư thái và duyên dáng mà một thanh niên không phải con nhà nòi khó có thể học được. Do di truyền về mặt xã hội, ông hoàn toàn ủng hộ giai cấp quý tộc chống lại giới tư sản “hãnh tiến”, nhưng Germaine đã thuyết phục ông nghe theo ý tưởng của nàng về một chế độ quân chủ lập hiến, trong đó tầng lớp giàu có sẽ chia sẻ quyền hành với giới quý tộc và nhà vua. Nếu chúng ta có thể tin được nàng, Narbonne đã “thay đổi số phận của chàng vì tôi. Chàng cắt đứt các quan hệ và dành trọn đời mình cho tôi. Tóm lại, chàng làm tôi tin rằng... chàng sẽ hạnh phúc khi có được con tim của tôi, nhưng nếu phải đánh mất nó một cách vô phương cứu chữa chàng sẽ không thể sống được.”<sup>63</sup>

Ngày 4.9. 1790, do thấy các chính sách tự do của mình bị các quý tộc vây quanh Đức vua cản trở, Necker từ chức và cùng vợ lui về với một cuộc sống tạm thời yên tĩnh tại lâu đài của ông ở Coppet. Germaine đến với họ vào tháng Mười, nhưng chẳng bao lâu đắm mết bởi sự yên tĩnh của Thụy Sĩ và vội vã trở về nơi mà nàng gọi một cách ví von là cái “cổng rãnh thú vị ở đường Le Bac”.<sup>64</sup> Tại đây khách thính của nàng sinh động với tiếng nói của La Fayette, Condorcet, Brissot, Barnave, Talleyrand, Narbonne, và của chính nàng. Nàng không thích khởi xướng những cuộc đàm luận quá trí tuệ; nàng mong đóng một vai trò trong chính trị. Nàng tự cho phép mình mơ đến việc dẫn dắt nước Pháp từ Công giáo sang đạo Tin Lành, nhưng hy vọng, thông qua cái tổ gồm các nhân sĩ của nàng, đem Cách mạng về với một sự an nghỉ bình yên trong khuôn khổ chế độ quân chủ lập hiến. Với sự giúp đỡ của La Fayette và Barnave, nàng vận động cho Narbonne được bổ làm Bộ trưởng Chiến tranh (6.12. 1791). Marie Antoinette miễn cưỡng ủng hộ việc bổ nhiệm.

“Thật vinh quang cho Phu nhân Staël”, bà nhận xét; “thật là vui cho bà ấy vì có toàn thể quân đội để sử dụng tùy ý!”<sup>65</sup>

Narbonne bước đi quá nhanh. Ngày 24.2. 1792, ông trình cho Louis XVI một giác thư khuyên nhà vua cắt quan hệ với giới quý tộc và đặt niềm tin cùng sự ủng hộ vào một lớp tư sản giàu có đã cam kết duy trì luật pháp và trật tự và một chế độ quân chủ giới hạn. Những bộ trưởng khác tức giận phản đối; Louis thuận theo họ và bãi chức Narbonne. Ngôi nhà trên cát của Germaine sụp đổ; và để xát thêm muối vào vết thương của nàng, Bà Roland, đối thủ của nàng, thông qua Brissot, vận động thành công cho chồng bà ta được bổ làm bộ trưởng nội vụ.

Germaine sống ở Paris suốt phần lớn cái năm kinh khủng 1792. Ngày 20.6. 1792, nàng chứng kiến (dù chỉ qua con sông Seine) cảnh đám đông tràn vào điện Tuileries; cung cách đối xử thô bạo của họ khiến nàng phải kinh hãi. “Những câu chửi thề và la hét đáng sợ, cử chỉ đe dọa, những vũ khí giết người của họ tạo nên một cảnh tượng kinh hãi có thể làm tiêu tan mãi mãi lòng tôn trọng mà nhân loại gọi lên.”<sup>66</sup> Nhưng cái *journée* (tên gọi mà người Pháp dần dần dùng cho một cuộc nổi dậy của dân chúng) hôm ấy là một buổi tập dượt dễ thương, được chiếc mũ nôi màu đỏ của Cách mạng đội trên đầu Đức vua tôn vinh và làm cho người ngoại di. Tuy nhiên, ngày 10 tháng Tám, nàng chứng kiến, từ chỗ nhìn rõ và an toàn của mình, cảnh xâm chiếm đẫm máu điện Tuileries bởi một đám dân chúng không chịu ngưng lại cho đến khi Đức vua và Hoàng hậu chạy trốn đến tìm sự bảo vệ tạm thời của Quốc hội Lập pháp. Những kẻ nổi loạn chiến thắng bắt đầu bắt tất cả những nhà quý tộc có sẵn; Germaine đã sử dụng một cách hào phóng gia tài của nàng để bảo vệ những người bạn có tước hiệu của nàng. Nàng giấu Narbonne vào những chỗ kín đáo trong tòa Đại sứ Thụy Điển. Nàng kiên cường chống lại và cuối cùng làm chệch hướng một đội tuần tra đang truy lùng; và đến ngày 20 tháng Tám Narbonne đã an toàn ở Anh.

Rồi đến ngày 2 tháng Chín còn tồi tệ hơn nữa, khi những người *sansculottes* mà người ta sợ đến phát khiếp đưa các nhà quý tộc và những người ủng hộ họ bị bắt ra khỏi nhà giam và tàn sát họ khi họ vừa xuất hiện. Phu nhân Staël chỉ thoát khỏi số phận ấy một cách sít sao. Sau khi giúp các người bạn ra khỏi Paris và nước Pháp, chính nàng cũng lên đường, vào cái ngày 2 tháng Chín sáng chói ấy, trên một chiếc xe lộng lẫy với sáu con ngựa và những người hầu mặc chế phục, hướng về cổng thành. Nàng cố tình phô trương phong cách và huy hiệu của một bà đại sứ với hy vọng nhận được một sự đối xử theo cung cách ngoại giao lịch sự. Hầu như vừa mới khởi hành cỗ xe đã bị chặn lại bởi “một đám các bà già, như mới từ địa ngục lên”. Những người công nhân vạm vỡ ra lệnh cho các xà ích đưa xe về tổng hành dinh của khu phố; từ đó một viên hiến binh dẫn họ qua những đám đông thù nghịch đến Toà Thị chính. Tại đây “Tôi bước ra khỏi xe, vây quanh bởi một đám đông vũ trang và đi qua một hàng rào các mũi giáo. Khi tôi bước lên cầu thang cũng tua tủa giáo mác, một người đàn ông chĩa mũi giáo của anh ta vào ngực tôi. Viên cảnh sát của tôi dùng thanh gươm của mình gạt nó ra. Nếu lúc ấy tôi chỉ cần sẩy chân là coi như đời tôi kết thúc.”<sup>67</sup> Tại trụ sở của Công xã nàng tìm được một người bạn và người này bảo đảm cho nàng được thả ra. Ông ta hộ tống nàng đến tòa Đại sứ, và trao một giấy thông hành cho phép nàng sáng hôm sau an toàn ra khỏi Paris để đi tiếp con đường dài về đến Coppet. Đó là ngày cái đầu của Phu nhân Vương tước Lamballe, đặt trên một mũi giáo, được diễu hành dưới cửa sổ của căn phòng nơi Hoàng hậu bị giam.

Germaine về được trong vòng tay của cha mẹ ngày 7.9. 1792. Vào tháng Mười, nghe tin rục rịch cách mạng ở Genève, họ di chuyển về hướng đông đến Rolle, gần Lausanne hơn. Ngày 20.11. 1792, người mẹ 26 tuổi hạ sinh một cậu con trai, Albert, mà nàng đã mang theo mình trong suốt những cuộc phiêu lưu với tử thần. Đứa bé có lẽ là con của Narbonne,

nhưng chồng của nàng được thuyết phục, hoặc giả bộ tin, rằng ông ta là người cha. Tại Rolle và rồi tại Coppet, nàng cung cấp nơi ẩn náu qua đường cho một số người đàn ông lẫn đàn bà, có tước hiệu hay không có, chạy trốn trước cơn Khủng bố đang tràn tới. “Cả nàng lẫn cha nàng đều không quan tâm đến dư luận khi đứng trước cảnh bất hạnh.”<sup>68</sup>

Khi nghe Narbonne ngỏ ý muốn rời khỏi nơi nương náu ở Anh để về Pháp làm chứng bảo vệ cho Louis XVI, Germaine không thể chịu đựng ý nghĩ chàng đang liều với mạng sống của mình. Nàng phải đi Anh và khuyên chàng từ bỏ ý định ấy. Nàng lên đường đi xuyên qua nước Pháp, băng qua biển Manche và gặp Narbonne ở Juniper Hall, tại Mickelham gần London ngày 21.1. 1793 – ngày Louis bị chém đầu. Người tình cũ của nàng quá phiền muộn vì tin tức ấy nên không thể đón mừng nàng. Dòng dõi quý tộc của chàng đã tự nó khẳng định và tình yêu của chàng đối với cô nhân tình đã mất đi sự nồng nàn trong nỗi đau buồn vì Đức vua. Talleyrand từ London gần đó thường đến thăm họ và giúp họ lên tinh thần với tính khôi hài của mình. Fanny Burney<sup>i</sup> cũng đến gia nhập cùng họ và tường thuật (theo sự tóm tắt của Macaulay)<sup>ii</sup> “rằng nàng chưa bao giờ được nghe những cuộc trò chuyện như vậy. Tài hùng biện sinh động nhất, sự quan sát sắc sảo nhất, óc thông minh lạnh lợi nhất, vẻ duyên dáng lịch sự nhất, tất cả được kết hợp lại làm cho nàng bị mê hoặc.” Nàng không muốn tin những lời ngòi lê đôi mách rằng Narbonne và Germaine đang sống trong cảnh ngoại tình. Nàng viết cho cha mình, vị sử gia âm nhạc nổi tiếng:

---

i Frances Burney (1752–1840), còn gọi là Fanny Burney, và sau khi kết hôn có tên là Bà d'Arblay, là một nữ tiểu thuyết gia và kịch gia người Anh.

ii Macaulay, Thomas Babington (1800–1859): Chính trị gia, nhà tiểu luận, thi sĩ, sử gia Anh. Nổi tiếng với bộ *The History of England from the Accession of James II* (Lịch sử Anh từ khi James II đăng quang) gồm 5 tập (1849–1861).

Sự thân mật này... hoàn toàn mới mẻ đối với con và con tin chắc rằng đó là một sự vu khống trắng trợn. Cô ta yêu anh ta một cách thậm chí âu yếm, nhưng rất công khai, rất giản dị, không có vẻ gì giả tạo và hiển nhiên không hề làm dáng... Cô ta rất đơn sơ giản dị, anh ta rất đẹp trai. Khả năng thiên phú về mặt trí tuệ của cô ta hẳn là nét quyến rũ duy nhất đối với anh ta... Con nghĩ cha không thể trải qua một ngày với họ mà không thấy rằng mối quan hệ của họ là một tình bạn thuần khiết nhưng cao quý.<sup>69</sup>

Khi Fanny được biết chắc cặp đôi lỗi lạc này đang sống trong cảnh tội lỗi không biết xấu hổ, nàng buồn phiền từ bỏ những cuộc viếng thăm Juniper Hall.

Nhóm nhỏ này cũng bị những *émigré* lẫn tránh, vì bị buộc tội đã ủng hộ Cách mạng quá lâu. Ngày 25.5.1793 Germaine vượt biển đến Ostend, rồi, vì vẫn còn là vợ của Đại sứ Thụy Điển, nàng tìm đường đến Bern một cách an toàn. Tại đây nàng gặp anh chồng ít gặp của mình và cùng anh ta về Coppet. Từ đây nàng cho phát hành *Réflexions sur le procès de la Reine par une femme* [Những ý nghĩ về việc xét xử Hoàng hậu của một phụ nữ], một lời kêu gọi nhiệt thành xin tha thứ cho Marie Antoinette. Nhưng Hoàng hậu cũng bị chặt đầu ngày 16.10.1793.

Bà Necker mất ngày 15.5.1794. Chồng bà thương tiếc bà với một tình cảm sâu sắc mà chỉ một sự kết hợp lâu dài mới đem lại được. Germaine, không đau buồn lắm, chuyển đến lâu đài Mézerey, gần Lausanne, để lập một khách thính mới và để quên đi tất cả trong vòng tay của Bá tước Ribbing. Narbonne đến trễ, thấy mình bị thế chỗ và quay về với một cô nhân tình cũ. Vào khoảng thời gian mùa thu năm 1794 một chàng thanh niên Thụy Sĩ gần 27 tuổi, cao lớn, tóc đỏ, mặt đầy tàn nhang tên Benjamin Constant gặp Germaine ở Nyon và bắt đầu với nàng một quan hệ lâu dài đầy sóng gió về văn học và tình yêu.

Trong khi ấy Robespierre đã sụp đổ; những người có khuynh hướng ôn hòa lên cầm quyền; giờ đây nàng có thể quay về Paris. Nàng về đây vào tháng Năm 1795, làm hòa với chồng, và phục hồi khách thính của mình ở tòa Đại sứ Thụy Điển. Tại đây nàng quy tụ các nhà lãnh đạo mới của cái Quốc ước hội nghị đang hấp hối- Barras, Tallien, Boissy d'Anglas, và các kiện tướng trong văn học như Marie-Joseph de Chénier. Nàng say sưa lao vào chính trị đến nỗi một đại biểu tố cáo nàng tại phòng họp của Quốc ước hội nghị là đang âm mưu với phe bảo hoàng trong khi cầm sừng chồng mình. Ủy ban An ninh Công cộng mới ra lệnh cho nàng rời nước Pháp. Ngày 1.1.1796 nàng trở lại Coppet. Tại đây, ở giữa Constant và sách vở, nàng viết một bài khảo luận u ám, *De l'influence des passions* (Về ảnh hưởng của những mối đam mê), ướm dẫm Rousseau và cảm xúc, lặp lại *Die Leiden des jungen Werthers* [*Nỗi đau của chàng Werther*]<sup>i</sup> và tán dương việc tự tử. Các bạn của nàng ở Paris đăng những bài điểm sách với lời ngợi ca nồng nhiệt. Chấp chính ban thông báo là nàng có thể đến Pháp, nhưng phải cách Paris ít nhất 30 km. Nàng và Constant ở trong một tu viện cũ tại Hérivaux. Mùa xuân năm 1797, nàng được phép sum họp với chồng tại Paris. Tại đây, ngày 8 tháng Sáu, nàng hạ sinh một bé gái tên Albertine, không biết cha là ai. Ở giữa những sự rối rắm này, nàng đã đạt được, thông qua Barras, việc gọi Talleyrand từ chốn lưu đày trở về và việc bổ nhiệm ông làm bộ trưởng ngoại giao (18.7.1797). Năm 1798, Nam tước Staël mất chức đại sứ. Ông chia tay Germaine một cách thân mật, để đổi lại một khoản trợ cấp và lui về sống tại một căn hộ ở nơi ngày nay là Quảng trường Concorde, nơi chúng ta sẽ thấy ông hấp hối vào năm 1802.

---

i Tiểu thuyết lãng mạn mang tính tự truyện, xuất bản năm 1774, của văn hào Đức Johann Wolfgang von Goethe (1749–1832).

Ngày 6.12.1796, tại một buổi tiếp tân do Talleyrand tổ chức để mừng ngày trở về của nhà chinh phục nước Ý, nàng gặp Napoléon lần đầu tiên. Chàng nói với nàng vài lời khen ngợi cha nàng. Lần đầu tiên trong đời nàng không có sẵn câu trả lời; “Tôi hơi bối rối, trước hết vì lòng ngưỡng mộ, rồi với nỗi sợ hãi.”<sup>70</sup> Nàng hỏi chàng một câu ngốc nghếch: “Ai là người phụ nữ vĩ đại nhất, còn sống hoặc đã chết?” Chàng trả lời nàng bằng một câu tinh quái: “Đó là người đã sinh con nhiều nhất.”<sup>71</sup> Bốn ngày sau nàng gặp lại chàng khi chàng nhận những lời hoan hô của các quan Chấp chính tại sân điện Luxembourg. Nàng không hiểu được vẻ pha trộn giữa sự khiêm tốn và lòng kiêu hãnh của chàng; nàng cảm thấy, đây chính là người đang mang theo mình số phận của nước Pháp. Nàng mong mỏi được chàng giải bày tâm sự, chia sẻ với chàng những kế hoạch vĩ đại, có lẽ gộp được chàng vào trong số những chiến thắng của nàng. Nàng sung sướng như một người tình bí mật khi vào ngày 10.11. 1799, Lucien Bonaparte báo với nàng là Napoléon xuất hiện đắc thắng tại St. Cloud, và được cử làm Đệ nhất Tổng tài – do đó, trong thực tế, là người cai trị nước Pháp. Nàng cảm thấy một thời đại của sự hỗn loạn và những lý tưởng bị lu mờ đã chấm dứt và một thời đại khác của những anh hùng và vinh quang đã lộ dạng.

## IX. Một vài cảm nghĩ

Sau khi đã kể lại lịch sử của cuộc Cách mạng Pháp một cách khách quan trong chừng mực tuổi già cho phép, ta vẫn còn phải đối diện, trong cùng những giới hạn ấy, với những câu hỏi mà triết học sẽ hỏi: Cách mạng sẽ được biện minh bằng các nguyên nhân hay kết quả của nó? Nó có để lại lợi ích nào có ý nghĩa cho dân tộc Pháp hay cho nhân loại? Những lợi ích của nó liệu có thể đạt được mà không cần đến cái giá phải trả cho sự hỗn loạn và đau khổ? Hồ sơ của nó có gọi lên kết

luận gì về những cuộc cách mạng nói chung? Nó có soi sáng được chút gì trong bản chất của con người? Ở đây chúng ta chỉ nói về những cuộc cách mạng chính trị – những thay đổi nhanh chóng và mãnh liệt của chính quyền về mặt nhân sự và chính sách. Một sự phát triển mà không có tính mãnh liệt chúng ta sẽ gọi là một cuộc tiến hóa; một sự thay đổi nhanh chóng và mãnh liệt hay bất hợp pháp về nhân sự mà không có thay đổi về hình thức chính quyền sẽ là một cuộc đảo chính; mọi sự chống đối công khai đối với chính quyền hiện hữu là một cuộc nổi loạn.

Một cách tóm tắt, những nguyên nhân của cuộc Cách mạng Pháp là: (1) Sự nổi dậy của các đại pháp viện, làm suy yếu quyền hành của đức vua và lòng trung thành của giới quý tộc áo choàng; (2) tham vọng của Philippe d'Orléans muốn thay thế Louis XVI trên ngai vàng; (3) sự nổi dậy của giới tư sản chống lại cung cách vô trách nhiệm về mặt tài chính của nhà nước, sự can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế, sự giàu sang bất hợp tác của Giáo hội trước cảnh phá sản của đất nước, những đặc quyền về thuế khoá, xã hội, và bổ nhiệm của giới quý tộc; (4) sự nổi dậy của nông dân chống lại các nghĩa vụ phong kiến và các khế ước, các loại thuế đóng cho nhà nước, và các thứ thuế thập phân đóng cho Giáo hội; (5) sự nổi dậy của quần chúng bình dân Paris chống lại sự áp bức giai cấp, sự bất lực của luật pháp, sự khan hiếm trong nền kinh tế, giá cả tăng cao, và các mối đe dọa về quân sự. Giới tư sản và Philippe d'Orléans cung cấp tiền để trả cho việc tuyên truyền của các tờ báo và các diễn giả, việc kiểm soát đám đông, việc tổ chức lại Đảng cấp Thứ ba trong một Quốc hội vốn tuyên bố một hiến pháp mang tính cách mạng. Những người dân thường cung cấp lòng can đảm, bắp thịt, máu, và bạo lực làm Đức vua kinh sợ phải chấp nhận Quốc hội cũng như bản hiến pháp, và giới quý tộc và Giáo hội từ bỏ các nghĩa vụ phong kiến và thuế thập phân. Có lẽ chúng ta cũng nên thêm vào đây một nguyên nhân thứ yếu là bản tính nhân đạo và do

dự của một vị vua không muốn có cảnh đổ máu.

Những thành quả của cuộc Cách mạng Pháp thì quá nhiều, quá phức tạp, thuộc nhiều loại và lâu bền, khiến ta phải viết một bộ lịch sử của thế kỷ XIX để thừa nhận giá trị của chúng.

1. *Những thành quả chính trị* thì hiển nhiên: việc thay thế chế độ phong kiến bằng một giới nông dân tự do và phần nào có tài sản, các tòa án phong kiến bằng tòa án dân sự; chế độ quân chủ chuyên chế bằng một chế độ dân chủ giới hạn bởi tài sản; một giới quý tộc mang tước hiệu bằng một giới tư sản thương mại như là giai cấp thống trị và cai trị. Cùng với chế độ dân chủ đã có – ít nhất trong ngôn từ và hy vọng – sự bình đẳng trước pháp luật về cơ hội, tự do phát biểu, thờ phụng, và báo chí. Các tự do này đã sớm bị giảm bớt bởi sự bất bình đẳng tự nhiên của con người về năng lực, và sự bất bình đẳng thuộc về môi trường của họ như nhà cửa, trường học, và của cải. Những sự giải phóng về chính trị, kinh tế, và pháp lý này hầu như cũng đáng chú ý như việc mở rộng chúng tới miền bắc nước Ý, miền Rheinland, Bỉ, và Hà Lan bởi các đạo quân của Cách mạng. Cũng trong những miền này hệ thống phong kiến đã bị quét sạch và không quay lại khi Napoléon sụp đổ. Trong ý nghĩa này những người đi chinh phục cũng là những người giải phóng, họ đã làm như nhấc món quà tặng của mình bằng những trò bóc lột.

Cách mạng đã hoàn thành việc thống nhất các tỉnh bán độc lập – với những lãnh địa và thuế cầu đường, cùng những khác biệt về nguồn gốc, truyền thống, tiền bạc, và luật lệ của chúng – thành một nước Pháp trung ương tập quyền với một quân đội quốc gia và một hệ thống luật pháp quốc gia. Sự thay đổi này, như Tocqueville đã chỉ ra, đã diễn ra dưới triều đại Bourbon; có thể nó cũng sẽ hoàn tất mà không cần đến Cách mạng, bằng cách hợp nhất ảnh hưởng của nền thương

mai trên cả nước vốn ngày càng không để ý đến các biên giới hàng tỉnh – giống như một nền kinh tế quốc gia ở Mỹ đã khiến cho các “quyền của các tiểu bang” bị xói mòn do một chính phủ liên bang bị buộc phải mạnh mẽ.

Theo cách thức tương tự, việc giải phóng giới nông dân và sự trỗi dậy của giới tư sản về mặt uy thế kinh tế và quyền lực chính trị có lẽ cũng sẽ đến mà không có Cách mạng, dù chậm hơn. Cách mạng dưới thời Quốc hội (1789–1791) được biện minh mạnh mẽ bởi những kết quả lâu bền của nó, nhưng Cách mạng dưới các chính phủ trong giai đoạn 1792–1795 là một khúc nhạc chuyển tiếp đã man đầy giết chóc, khủng bố, và sụp đổ về mặt tinh thần, không thể nào được biện minh hoàn toàn bằng những âm mưu và những cuộc tấn công của ngoại bang. Khi vào năm 1830, một cuộc cách mạng khác kết thúc bằng việc dựng lên một chế độ quân chủ lập hiến, kết quả cũng gần giống như những gì đạt được vào năm 1791.

Cái lợi do Cách mạng đem lại trong việc thống nhất nước Pháp thành một quốc gia cũng ngang bằng với sự phát triển của chủ nghĩa quốc gia như một nguồn gốc mới của sự thù địch giữa các nhóm. Trong những tầng lớp có giáo dục, thế kỷ XVIII có xu hướng gây ra ở khắp nơi một sự suy yếu của những sự khác biệt giữa các quốc gia về văn hoá, y phục, và ngôn ngữ; bản thân các đạo quân cũng mang tính quốc tế rộng rãi trong các cấp chỉ huy cũng như binh lính. Cách mạng đã thay thế những chiến binh nói nhiều ngôn ngữ này bằng những người lính nghĩa vụ của quốc gia, quốc gia đã thế chỗ cho triều đại để trở thành đối tượng của lòng trung thành và nguồn gốc của chiến tranh. Một tình cảm “huynh đệ chi binh” giữa các tướng lĩnh đã kế tục giai cấp quý tộc của các sĩ quan; sức mạnh của các binh sĩ yêu nước đã chiến thắng những người lính không có tinh thần của các chế độ cũ. Khi Quân đội Pháp triển khai kỷ luật và niềm kiêu hãnh của chính mình, nó trở thành nguồn trật tự duy nhất trong một tình trạng hỗn

loạn, chỗ trú duy nhất tránh khỏi cảnh bát nháo gây ra bởi sự bất lực của chính quyền và phong trào nổi dậy của dân chúng.

Chắc chắn Cách mạng đã đẩy mạnh tự do ở Pháp và còn vươn ra khỏi biên giới nước này nữa. Trong một thời gian nó nói rộng sự tự do mới cho đến tận các thuộc địa của Pháp và giải phóng nô lệ tại những nơi này. Nhưng tự do cá nhân cũng chứa đựng sự báo ứng của chính nó; nó có khuynh hướng tăng lên cho đến khi vượt quá những sự kìm chế cần thiết cho trật tự xã hội và sự sống còn của tập thể; tự do không giới hạn là sự hỗn loạn hoàn toàn. Ngoài ra, loại khả năng cần thiết cho một cuộc cách mạng hoàn toàn khác với loại cần thiết để xây dựng một trật tự mới: Loại thứ nhất được thúc đẩy bởi lòng oán hận, đam mê, can đảm, và bất tuân luật pháp; trong khi loại thứ hai cần có lòng kiên nhẫn, lý trí, óc phán đoán thực tế, và tinh thần tôn trọng luật pháp. Vì luật pháp mới không được củng cố bởi truyền thống và tập quán, chúng thường dựa vào sức mạnh để được thừa nhận và ủng hộ. Các tông đồ của tự do trở thành, hay nhường chỗ cho, những người thực thi quyền hành; và không còn những nhà lãnh đạo của các đám đông phá hoại, mà là những nhà chỉ huy của những người xây dựng được một nhà nước quân sự bảo vệ và giám sát. Sẽ là điều may mắn nếu cách mạng có thể tránh được hoặc rút ngắn được giai đoạn độc tài và bảo tồn những cái lợi của tự do cho hậu thế.

**2. Những thành quả kinh tế** của Cách mạng là quyền tư hữu của nông dân và chủ nghĩa tư bản, mỗi thứ lại sinh ra những hệ quả bất tận cho chính nó. Kết hợp với quyền tư hữu, các nông dân trở thành một lực lượng bảo thủ hùng mạnh, vô hiệu hóa xu hướng xã hội chủ nghĩa của giới vô sản không có của cải, và đóng vai trò như một chiếc neo ngầm giúp cho sự ổn định của một nhà nước – và qua một thế

kỷ – đang rối loạn vì những cơn dư chấn của Cách mạng. Được bảo vệ ở nông thôn như thế, nên chủ nghĩa tư bản đã phát triển ở các thành thị; tiền bạc lưu động thay thế cho tài sản bằng đất đai trở thành một quyền lực kinh tế và chính trị; hoạt động kinh doanh tự do thoát khỏi sự kiểm soát của chính phủ. Các nhà kinh tế theo thuyết Trọng nông đã thắng trong cuộc chiến giành quyền quyết định giá cả, lương bổng, sản phẩm, những thành công, và thất bại bằng sự cạnh tranh trên “thị trường” – cuộc chơi của các lực lượng kinh tế không bị pháp luật cản trở. Hàng hoá lưu chuyển từ tỉnh này sang tỉnh khác mà không bị quấy nhiễu hay gây chậm trễ vì những loại thuế cầu đường trong nội bộ mỗi tỉnh. Giá trị tài sản trong ngành công nghiệp gia tăng và ngày càng tập trung vào những người giàu nhất.

Cách mạng – hay pháp luật – luôn tìm cách phân phối lại khối tài sản tập trung này, và rồi sự bất bình đẳng về năng lực hoặc đặc quyền lại tập trung chúng. Những năng lực khác nhau của các cá nhân đòi hỏi và cần thiết phải có những phần thưởng không thể như nhau. Mọi ưu thế tự nhiên sinh ra những lợi thế về môi trường hay cơ hội. Cách mạng cố giảm bớt những sự bất bình đẳng giả tạo này, nhưng chẳng bao lâu chúng lại được tái lập và sớm nhất là dưới những chế độ tự do. Tự do và bình đẳng là hai kẻ thù: Con người càng được hưởng nhiều tự do, họ càng được tự do hơn trong việc gặt hái những kết quả của những ưu thế tự nhiên hay thuộc về môi trường của họ; do đó sự bất bình đẳng nảy nở nhiều dưới những chính phủ ưu đãi chính sách tự do kinh doanh và khuyến khích các quyền tư hữu. Bình đẳng là một thể thăng bằng không ổn định mà bất cứ sự khác biệt nào về mặt di truyền, sức khỏe, trí thông minh, hay cá tính cũng sẽ sớm chấm dứt nó. Phần lớn các cuộc cách mạng đều nhận ra rằng chúng chỉ có thể ngăn chặn tình trạng bất bình đẳng bằng cách giới hạn tự do, như ở những xứ sở độc tài. Trong

nước Pháp dân chủ, bất bình đẳng được tự do phát triển. Về tính bác ái, nó đã bị máy chém giết chết, và rốt cuộc đã trở thành một sự thoả thuận về việc mặc quần dài.

3. *Những thành quả văn hóa* của Cách mạng vẫn còn ảnh hưởng đến đời sống của chúng ta. Nó tuyên bố tự do phát biểu, tự do báo chí, và tự do hội họp. Nó đã giảm thiểu một cách nghiêm trọng những quyền này và Napoléon, dưới áp lực của chiến tranh, đã chấm dứt chúng, nhưng nguyên lý của nó vẫn còn tồn tại và đã tham gia nhiều trận chiến trong suốt thế kỷ XIX để trở thành một thông lệ hoặc một yêu sách được chấp nhận trong những nền dân chủ của thế kỷ XX. Cách mạng đã trù tính và bắt đầu thực hiện một hệ thống trường học trên cả nước. Nó khuyến khích khoa học như một thế giới quan thay thế cho thần học. Năm 1791, chính quyền Cách mạng bổ nhiệm một ủy ban do Lagrange đứng đầu nhằm sáng chế ra một hệ thống trọng lượng và đo lường mới cho một nước Pháp mới thống nhất. Kết quả là hệ thống mét được chính thức chấp nhận vào năm 1792 và được luật hóa vào năm 1799. Hệ thống này phải chiến đấu tìm cho mình con đường đi qua các tỉnh và phải đến năm 1840 mới đạt được chiến thắng hoàn toàn. Ngày nay nó đang chật vật thay thế cho hệ thống thập nhị phân của Anh.

Cách mạng bắt đầu chia tách Giáo hội và nhà nước, nhưng việc này tỏ ra khó khăn trong một nước Pháp tràn ngập tín đồ Công giáo và từ lâu đã lệ thuộc vào Giáo hội trong việc giáo dục đạo đức cho dân chúng. Việc chia tách đến tận năm 1905 mới hoàn thành và ngày nay lại bị suy yếu dưới áp lực của một huyền thoại về cứu nhân độ thế. Sau khi cố ly dị [với nền đạo đức cũ], Cách mạng đã đấu tranh để quảng bá một nền đạo đức tự nhiên; chúng ta đã thấy việc này thất bại. Về một khía cạnh, lịch sử nước Pháp vào thế kỷ XIX là một nỗ lực chần động kéo dài và có tính định kỳ nhằm phục hồi từ sự sụp đổ về mặt đạo đức của thời Cách mạng. Thế kỷ XX tiến

gần đến chỗ kết thúc mà chưa tìm được một thứ gì tự nhiên để thay thế cho tôn giáo trong việc thuyết phục con vật người sống cho có đạo đức.

Cách mạng đã để lại một số bài học cho bộ môn triết lý chính trị. Nó khiến cho một thiểu số ngày càng đông nhận ra rằng bản chất con người giống nhau ở mọi giai cấp; rằng các nhà cách mạng, một khi được đưa lên nắm quyền, cũng hành xử như những người đi trước họ, và trong một số trường hợp còn tàn bạo hơn; hãy so sánh Robespierre với Louis XVI. Cảm thấy trong người mình những cội rễ mạnh mẽ của tính hoang dã không ngừng thôi thúc chống lại sự hạn chế của văn minh, con người trở nên hoài nghi đối với những điều khẳng định của Cách mạng, thôi mong đợi những viên cảnh sát liêm chính và những thượng nghị sĩ thánh thiện, và học được rằng một cuộc cách mạng chỉ có thể đạt được những gì mà quá trình tiến hóa đã chuẩn bị và bản chất con người cho phép.

Mặc dù có những khiếm khuyết – và có lẽ bởi vì những thái quá của nó – Cách mạng đã để lại một ấn tượng mạnh mẽ trên ký ức, cảm xúc, khát vọng, văn học, và nghệ thuật của nước Pháp và các quốc gia khác từ Nga đến Brazil. Thậm chí đến năm 1848, nhiều người già còn kể lại cho con cháu nghe về những anh hùng và những sự khủng khiếp của thời kỳ đầy khích động ấy, về câu hỏi táo bạo, nhấn tâm ấy đối với mọi giá trị truyền thống. Không phải là điều kỳ diệu sao, khi thấy những điều tưởng tượng và lòng đam mê đã được khuấy động như chưa hề có, và khi những ảo tưởng luôn trở lại với những trạng thái hạnh phúc hơn, đã thúc đẩy đàn ông cũng như đàn bà lặp lại những nỗ lực để thực hiện những giấc mơ cao thượng của cái thập kỷ lịch sử ấy? Những câu chuyện về sự tàn bạo của nó đã khiến người ta bi quan và đánh mất mọi niềm tin; sẽ có những Schopenhauer và Leopardi, những Byron và Musset, một Schubert và một Keats trong thế hệ kế tiếp. Nhưng cũng

sẽ có những tinh thần đầy hy vọng và mạnh mẽ – như Hugo, Balzac, Gautier, Delacroix, Berlioz, Blake, Shelley, Schiller, Beethoven – vốn sẽ tham gia mạnh mẽ vào cuộc nổi dậy theo trào lưu Lãng mạn của cảm xúc, tưởng tượng, và ham muốn chống lại sự thận trọng, truyền thống, cấm đoán, và kìm chế. Trong 26 năm, nước Pháp sẽ kinh ngạc và dao động dưới sức quyến rũ của Cách mạng và Napoléon – câu chuyện lãng mạn vĩ đại nhất và con người lãng mạn vĩ đại nhất; và phân nửa thế giới sẽ kinh sợ hay được truyền cảm hứng bởi biến cố ấy – một phần tư thế kỷ, trong đó một quốc gia đau khổ và đầy hứng khởi đã chạm tới những đỉnh cao và vực sâu như lịch sử hiếm khi biết được trước đó, và chưa bao giờ biết được từ đó.

## Chú thích

### Chương 1

1. *New Cambridge Modern History* (NCMH), VIII, 714
2. Lefebvre, Georges, *French Revolution*, I, 41
3. Aulard, Alphonse, *Christianity and the French Revolution*, 36–37.
4. *Ibid.*, 29.
5. Taine, Hippolyte, *French Revolution*, I, 147, 158.
6. Morley, John, *Biographical Studies*, 411.
7. Lefebvre, *French Revolution*, I, 42.
8. Sieyes, E.-J., *What Is the Third Estate?* 51
9. Taine, *French Revolution*, III, 318.
10. Pierre Gaxotte trong Greenlaw, R. W., *Economic Origins of the French Revolution*, 43.
11. Xem Durant, *Rousseau and Revolution*, 71–77.
12. Roland, Mme., *Private Memoirs*.
13. Taine, *The Ancient Regime*, 317.
14. C. E. Labrousse trong Greenlaw, 62; Lefebvre, *Etudes sur la Revolution française*, 229, 239.
15. La Bruyère, Jean de,

*Characters*, XII, 128, 318.

16. A. Aulard trong Greenlaw, 25.
17. Lefebvre, *Etudes*, 351, 435.
18. Michelet, Jules, *French Revolution*, I, 185; Taine, *French Revolution*, I, 3.
19. NCMH, VIII, 660.
20. Young, Arthur, *Travels in France*, 197.
21. Campan, Jeanne-Louise, *Memoirs of the Private Life of Marie Antoinette*, II, 216.
22. Tocqueville, Alexis de, *Ancient Regime*, 190–191.

### Chương 2

1. Michelet, *French Revolution*, I, 84.
2. Rude, George, *Robespierre*, 123.
3. Morley, *Biographical Studies*, 287.
4. Michelet, I, 498.
5. *Encyclopaedia Britannica*, XIX, 392b.
6. Lefebvre, *Études*, 145.
7. Aulard, *French Revolution*, I, 230.
8. *Ibid.*, 309, 359; Lefebvre, *Etudes*, 145.
9. Durant, *Rousseau and Revolution*, 951–954.
10. Brinton, Crane, *The Jacobins*, 15.

11. Mathiez, Albert, *French Revolution*, 44.
12. *Ibid.*
13. Mirabeau, diễn văn ngày 9.7. 1789.
14. Mathiez, 46.
15. EB, III, 264d; Gramont, Sanche de, *Epitaph for Kings*, 378.
16. Taine, *French Revolution*, I, 42.
17. Campan, *Memoirs*, II, 59.
18. *Ibid.*, 66.
19. Gramont, Sanche de, *Epitaph for Kings*, 384.
20. Gottschalk, L. R., *Jean-Paul Marat*, 6–8.
21. *Ibid.*, 4.
22. MacLaurin, C., *Post Mortem*, 200.
23. Taine, *French Revolution*, III, 122.
24. Gottschalk, 117–118.
25. *Ibid.*, 15.
26. 23.
27. Taine, *French Revolution*, III, 129.
28. Morris, Gouverneur, *Diary and Letters*, I, 143.
29. Taine, I, 73.
30. *Ibid.*, 70–71; Mathiez, *French Revolution*, 50–51.
31. Robinson, James Harvey, *Readings in European History*, 435.
32. Mathiez, 53
33. Robinson, 438.
34. *Ibid.*, 440.
35. Trong Taine, II, 5
36. Michelet, *French Revolution*, 253; Mathiez, 63.
37. Campan, II, 78.
38. Michelet, 258.
39. Taine, I, 105.
40. Herold, J. C., *Mistress to an Age*, 92; EB, XXI, 634.
41. Mathiez, 98.
42. Phillips, C. S., *The Church in France*, I, 9
43. *Ibid.*, 14; Taine, I, 180.
44. *Ibid.*, 182.
45. Carlyle, *French Revolution*, Book VIII, Ch. 11–12.
46. Michelet, 411.
47. Mathiez, 68.
48. Campan, II, 128; Segur, *Marie Antoinette*, 225.
49. Taine, I, 96.
50. *Ibid.*, 106.
51. Campan, II, 126n.
52. Carlyle, *French Revolution*, I, 397.
53. Segur, 230.
54. Vallentin, Antonina, *Mirabeau*, 490–491.
55. Michelet, 567–568.
56. Vallentin, 512–517.
57. Michelet, 568.
58. *Ibid.*, 569.
59. Segur, 237.
60. Rude, George, *The Crowd in the French Revolution*, 89.
61. Acton, J. E., Lord, *The French Revolution*, 199.

### Chương 3

1. Bertaut, Jules, *Napoleon in*

- His Own Words*, 58, 63.
2. Alexandre de Lameth in Robinson, *Readings*, 452.
3. Mathiez, *French Revolution*, 134.
4. Brinton, *The Jacobins*, 39, 183, 251.
5. Rude, *Robespierre*, 88.
6. Taine, *French Revolution*, II, 54–67.
7. Lefebvre, *French Revolution*, I, 217.
8. Roland, Mme., *Private Memoirs*, 273.
9. *Ibid.*, 55.
10. 345.
11. 357.
12. Lanfrey, Pierre, *History of Napoleon*, I, 292.
13. Mathiez, 140–141.
14. Lefebvre, *French Revolution*, I, 217.
15. Aulard, *The French Revolution*, 366.
16. Robinson, *Readings*, 456.
17. Acton, *French Revolution*, 232.
18. Gottschalk, Jean-Paul *Marat*, 96.
19. Taine, II, 182.
20. Lefebvre, *French Revolution*, I, 238.
21. Taine, II, 179–186; Ségur, 273–276.
22. Sorel, Georges, *Reflections on Violence*, 194.
23. Lefebvre, *Études*, 77–82; *French Revolution*, I, 239n.
24. Belloc, Hilaire, *Danton*, 380.
25. Musset, Alfred de, *Confessions of a Child of the Century*, 21–23.
26. Belloc, 198.
27. Mathiez, 174.
28. *Ibid.*, 184–189; Aulard, *Christianity and the French Revolution*, 86–90; Lefebvre, *French Revolution*, I, 244.
29. Aulard, *French Revolution*, II, 141.
30. Le Bon, Gustave, *The Psychology of the Revolution*, 170.
31. Mathiez, 170.
32. Taine, II, 211; Lefebvre, 242.
33. Gottschalk, *Marat*, 120.
34. Carlyle, *French Revolution*, II, 174.
35. Madelin, Louis, *French Revolution*, 285.
36. *Ibid.*; Mathiez, 180.
37. Taine, II, 221.
38. *Ibid.*, 226.
39. 227.
40. Morris, G., *Diary*, 583; Mathiez, 81.
41. Taine, II, 228.
42. Lefebvre, *French Revolution*, I, 243.
43. Taine, II, 229.
44. Le Bon, *The Psychology of the Revolution*, 188.
45. Taine, II, 214n.
46. *Ibid.*, 218.
47. Le Bon, 98.
48. Mathiez, 183; Carlyle, II, 199.

49. Belloc, *Danton*, 342.
50. Taine, II, 214.
51. *Ibid.*, 212n.
52. Mathiez, 222.
53. Brandes, Georg, *Main Currents in Nineteenth Century Literature*, II, 50.

#### Chương 4

1. Mathiez, *French Revolution*, 195; Taine, *French Revolution*, II, 232n; Fay, B., *Louis XVI*, 388; Aulard, *French Revolution*, III, 109–111.
2. Lefebvre, *French Revolution*, I, 244.
3. Taine, II, 279.
4. *Ibid.*, 276–282.
5. Mathiez, 211.
6. Taine, III, 155.
7. Morley, 296.
8. Mathiez, 239ff.
9. *Ibid.*, 275.
10. Robinson, *Readings*, 460.
11. Mathiez, 256.
12. Robiquel, Jean, *Daily Life in the French Revolution*, 91.
13. Gramont, *Epitaph for Kings*, 423.
14. Mathiez, 262.
15. Taine, II, 283.
16. Madelin, *French Revolution*, 320.
17. Gramont, 426; Rude, *Robespierre*, 170.
18. Hugo, Victor, *Ninety-three*, 160.
19. Robiquel, *Daily Life in the French Revolution*, 9.
20. Taine, III, 361.
21. E. g., Lenotre, G., *The Tribunal of the Terror*, 119 và đối diện tr. 22.
22. Aulard, *French Revolution*, III,
23. Taine, III, 135.
24. Gottschalk, *Marat*, 159 ff.; Loomis, Stanley, *Paris in the Terror*, 104–105.
25. Lefebvre, *French Revolution*, II, 50.
26. Mathiez, 387 ff.
27. Taine, III, 388 ff.
28. Mathiez, 319.
29. *Ibid.*, 322.
30. 324.
31. Carlyle, II, 332.
32. Loomis, 14, 128.
33. In Gottschalk, 92.
34. *Ibid.*, 168.
35. 136.
36. 170.
37. Mathiez, 344; MacLaurin, *Post Mortem*, 206.
38. Mathiez, 344.
39. Loomis, 138, 143.
40. Mathiez, 343.
41. Loomis, 149.
42. Belloc, *Danton*, 234.
43. Palmer, R. R., *Twelve Who Died*, 55.
44. Morley, 324.
45. Palmer, 58, 160.
46. Taine, III, 313.
47. Palmer, 110.
48. Lefebvre, *Études*, 139.
49. Taine, II, 51.

50. Lefebvre, *French Revolution*, II, 111, 282.
51. *Ibid.*, 283 ff.
52. Rude, *Robespierre*, 55.
53. Palmer, 58.
54. Trong Kropotkin, Peter, *The Great French Revolution*, 502 ff.
55. Palmer, 52; Mathiez, 366.
56. Palmer, 47.
57. Mathiez, 403.
58. Segur, 293.
59. *Ibid.*, 304.
60. 309.
61. Lenotre, 151.
62. Lamartine, Alphonse de, *Histoire des Girondins*, III, 36–37.
63. Roland, Mme., *Private Memoirs*, 105.
64. *Ibid.*, 114.
65. 288.
66. Carlyle, II, 356.
67. Madelin, *French Revolution*, 377; Taine, III, 207, 297.
68. Madelin, 374.
69. Taine, III, 209–210.
70. *Ibid.*, 299; Madelin, 375; Mathiez, 402.
71. Taine, III, 211.
72. Madelin, 376.
73. Palmer, 150.
74. Zweig, Stefan, *Joseph Fouché*, xv.
75. *Ibid.*, 37.
76. Palmer, 156.
77. Zweig, 57.
78. *Ibid.*, 167; Palmer, 167.
79. *Ibid.*, 169.
80. 180.
81. Taine, III, 39.
82. Palmer, 175.
83. Rude, *Robespierre*, 8; NCMH, IX, 280.
84. Lefebvre, *French Revolution*, II, 120.
85. Lea, H. C., *History of the Inquisition in Spain*, I, 593.
86. Zweig, *Fouché*, 39 ff.
87. Palmer, 142 ff.
88. Taine, III, 175; Madelin, 389; Mathiez, 412; Carlyle, II, 371; Becker, Carl, *Heavenly City of the 18th Century Philosophers*, 156.
89. Lefebvre, *French Revolution*, II, 119.
90. *Ibid.*, 78.
91. Palmer, 143.
92. Morley, 319; bản dịch được chỉnh chút ít.
93. *Ibid.*, 321.
94. 311.
95. Carlyle, II, 229.
96. Taine, III, 380–381.
97. Soboul, Albert, *The Parisian Sansculottes and the French Revolution*, 28.
98. Robinson, *Readings*, 467.
99. Lefebvre, *French Revolution*, II, 88; Madelin, 395.
100. Morley, 332.
101. Madelin, 395.
102. *Ibid.*, 397; Taine, III, 142.
103. Madelin, 397.
104. Lenotre, *The Tribunal of*

*the Terror*, 137.  
 105. *Ibid.*, 138.  
 106. Madelin, 398.  
 107. Brockway & Winer, *Second Treasury of the World's Great Letters*, 273.  
 108. Morley, 333.  
 109. Madelin, 399.  
 110. Morley, 338.  
 111. Aulard, *French Revolution*, II, 286; Lefebvre, *French Revolution*, II, 124; Palmer, 365.  
 112. Taine, III, 299.  
 113. Lefebvre, II, 125.  
 114. Mathiez, 499.  
 115. Rude, *Robespierre*, 9; Soboul trong Kafker & Laux, *The French Revolution: Conflicting Interpretations*, 293.  
 116. Madelin, 408.  
 117. Stephens, H. Morse, *Principal Speeches... of the French Revolution*, II, 143–163.  
 118. Madelin, 420.  
 119. Belloc, Danton, 330.  
 120. Madelin, 422.  
 121. Mathiez, 508; Lefebvre, *French Revolution*, II, 135; Palmer, 379.  
 122. Mathiez, 509.  
 123. *Ibid.*, 510.  
 124. Robiquel, *Daily Life in the French Revolution*, 202.  
 125. Palmer, 389.  
 126. Aulard, III, 247–248.  
 127. Lefebvre, II, 161.

128. Aulard, III, 291.

129. *Ibid.*, 319.

## Chương 5

1. Madelin, 489; Lefebvre, *French Revolution*, II, 173.
2. Lacroix, Paul, *Directoire, Consulat et Empire*, 120.
3. Aulard, IV, 40.
4. *Ibid.*, 41.
5. 42.
6. Acton, *French Revolution*, 5.
7. Nietzsche, *Will to Power*, 877.
8. Nguồn bị mất.
9. Napoleon, thư đề ngày 12.6. 1789, trong *Letters*, 33.
10. Trong Lanfrey, I, 4.
11. Chuquet trong Bourguignon, Jean, *Napoleon Bonaparte*, I, 4.
12. Kircheisen, F. M., *Memoirs of Napoleon I*, 11.
13. *Ibid.*, 10.
14. Las Cases, *Memoirs of Napoleon*, mục May 29, 1816, Trong Taine, *The Modern Regime*, I, 200.
15. Bourguignon, I, 22.
16. Kircheisen, 11.
17. *Ibid.*, 24; Bourguignon, I, 23.
18. Kircheisen, 18.
19. Rémusat, Mme. de, *Memoirs*, 10.
20. *Ibid.*, 102–103.
21. Rose, J. Holland, *The*

- Personality of Napoleon*, 17.
22. Rémusat, 102.
23. Bourguignon, I, 28.
24. Rose, 57.
25. Plato, *The Republic*, các đoạn 338–344.
26. Nietzsche, *Beyond Good and Evil*, 201 và 53.
27. Mistler, Jean, ed., *Napoléon et l'Empire*, I, 36.
28. Kircheisen, 34–35.
29. *Ibid.*, 41.
30. Taine, *Modern Regime*, I, 2n.
31. Lefebvre, *French Revolution*, II, 185.
32. Mossiker, Frances, *Napoleon and Josephine*, 65–66.
33. *Ibid.*, 72; Mistler, I, 49.
34. G. Lenotre in Bourguignon, I, 91.
35. Mossiker, 89.
36. *Ibid.*, 49.
37. 86–90.
38. Kircheisen, 47.
39. Lanfrey, I, 58; Mossiker, 92–95.
40. Mossiker, 34.
41. G. Lenotre in Bourguignon, I, 91.
42. *Ibid.*, 93.
43. J. Godechot in Bourguignon, I, 96.
44. Napoleon, *Letters*, 45.
45. Bourrienne, *Memoirs of Napoleon Bonaparte*, I, 24.
46. Lanfrey, I, 71.
47. Mossiker, 23.
48. *Ibid.*, 119.
49. 28.
50. Napoleon, *Letters*, 51.
51. Lanfrey, I, 87.
52. *Ibid.*; Bourguignon, I, 108; Mistler, I, 270.
53. Lanfrey, I, 84.
54. Mossiker, 29.
55. Bourguignon, I, 112.
56. *EB*, IX, 920d.
57. Mossiker, 128.
58. Kircheisen, 71.
59. Napoleon, *Letters*, 62.
60. Vandal, Albert, *L'Avènement de Bonaparte*, I, 13–15.
61. Staël, Mme. de, *Memoirs*, in Bourguignon, I, 137.
62. *Ibid.*, 138.
63. Napoleon, *Letters*, 72.
64. Rémusat, *Memoirs*, 99.
65. Lefebvre, *French Revolution*, II, 219.
66. Talleyrand, *Memoirs*, I, 332.
67. CMH, VIII, 598.
68. Bourguignon, 148.
69. Kircheisen, 75.
70. Herold, J. C., ed., *The Mind of Napoleon*, 51.
71. Rémusat, *Memoirs*, 99, được sắp xếp lại chút ít.
72. Napoleon, *Letters*, 75.
73. *Ibid.*, Oct. 23, 1798.
74. Herold, *Bonaparte in Egypt*, 276; CMH, VIII, 609.
75. Kircheisen, 42.
76. Rémusat, 99.

77. Kircheisen, 91.
78. Bourrienne, I, 212.
79. Las Cases, III, 200.
80. Mistler, I, 73; Méneval, *Memoirs*, I, 25–34; Madelin, *French Revolution*, 605.
81. Bourguignon, I, 172.
82. Méneval, I, 24; Mistler, I, 74.
83. *CMH*, VIII, 494.
84. Vandal, *Avènement*, 10.
85. Madelin, *Talleyrand*, 61.
86. *CMH*, VIII, 493.
87. Madelin, *French Revolution*, 559.
88. Taine, *French Revolution*, III, 455.
89. *Ibid.*, 469.
90. Vandal, I, 70.
91. Taine, III, 467n.
92. Talleyrand, *Memoirs*, I, 207.
93. Madelin, 584.
94. Taine, III, 426–427.
95. Vandal, I, 233.
96. Aulard, IV, 139.
97. Fournier, *Napoleon the First*, I, 182.
98. Mossiker, 190–191.
99. *Ibid.*, 202.
100. Bourrienne, II, 12n.; Vandal, I, 245; Mosiker, 205.
101. Aulard, IV, 139.
102. Madelin, *French Revolution*, 611.
103. Vandal, I, 274.
104. *Ibid.*, 297–298.

105. Mistler, I, 76.
106. Lefebvre, *French Revolution*, II, 255.
107. Vandal, I, 314.
108. *Ibid.*, 316–317.
109. 368.
110. 370.
111. Bourrienne, I, 272.
112. Vandal, I, 386.
113. Bourrienne, I, 284.

## Chương 6

1. *EB*, IX, 755; X, 343; *NCMH*, VIII, 714.
2. Barnes, H. E., *Economic History of the Western World*, 351.
3. Lefebvre, *French Revolution*, I, 114.
4. Palmer, R. R., *Twelve Who Died*, 240.
5. Mathiez, 267.
6. Macaulay, T. B., *Critical, Historical, and Miscellaneous Essays*, II, 70.
7. Taine, *French Revolution*, II, 291.
8. Aulard, *French Revolution*, IV, 108.
9. Lefebvre, *French Revolution*, II, 287.
10. Taine, III, 84.
11. Aulard, II, 282.
12. *Ibid.*, III, 373, 387, 391.
13. *Ibid.*, 392; Lacroix, *Directoire, Consulat et Empire*, 298.
14. Roland, Mme., *Memoirs*, 105.

15. Lacroix, 123; Carlyle, *French Revolution*, 382; Palmer, 65.
16. Trong Soboul, *The Parisian Sansculottes in the French Revolution*, 244.
17. CMH, VIII, 744.
18. *Ibid.*, 750.
19. 752.
20. Robiquel, *Daily Life in the French Revolution*, 149 ff.
21. EB, X, 1019d.
22. Le Bon, G., *Psychology of Revolution*, 217.
23. Robiquel, 126.
24. EB, XIX, 868c.
25. Palmer, 65.
26. Robiquel, 74.
27. Soboul, 246; Madelin, *French Revolution*, 553.
28. Marcel Lachiver trong *London Times Literary Supplement*, March 3, 1972, tr. 243.
29. Taine, III, 82n.
30. Madelin, *French Revolution*, 554.
31. Taine, *Modern Regime*, I, 175.
32. Aulard, I, 232.
33. Lefebvre, *French Revolution*, II, 267.
34. Herold, ed., *The Mind of Napoleon*, 13.
35. Taine, *French Revolution*, III, 346.
36. Aulard, III, 241; Soboul, 229.
37. Taine, *French Revolution*, III, 88n.
38. Lacroix, *Directoire, Consulat et Empire*, 81, 34.
39. Robiquel, 54.
40. *Ibid.*, 89.
41. Lacroix, 70.
42. *Ibid.*, 80.
43. Robiquel, 88.
44. Madelin, *French Revolution*, 546.
45. Junot, Mme., *Memoirs*, I, 144.
46. Madelin, 428.
47. Láng, P. H., *Music in Western Civilization*, 787.
48. *Grove's Dictionary of Music and Musicians*, I, 614.
49. Mantzius, K., *History of Theatrical Art*, VI, 153 f.
50. Hauser, A., *The Social History of Art*, II, 635.
51. Muther, R., *History of Modern Painting*, 1, 103.
52. Livy, *History of Rome*, I, 24.
53. Turner & Baker, *Stories of the French Artists*, 291.
54. Durant, *Age of Voltaire*, 536.
55. Brett, G. S., *History of Psychology*, 460.
56. Uberweg, F., *History of Philosophy*, Morris dịch, II, 339.
57. CMH, VIII, 724.
58. Lamartine, *History of the Girondists*, III, 418.
59. Van Laun, H., *History of French Literature*, III, 166.
60. Stevens, Abel, Mme. de

- Staël*, I, 54.
61. Herold, J. C., *Mistress to an Age*, 30.
62. *Ibid.*, 62.
63. 95.
64. 103.
65. 108.
66. 113–114.
67. 117.
68. Pierre Lacroix in  
Stevens, I, 145.
69. Herold, *Mistress to an Age*,  
125.
70. In Bourguignon, I, 137.
71. Herold, 181.

## Thư mục tham khảo

- Acton, J. E., Lord. (1910). *The French revolution*. London, Anh: Macmillan & Co.
- Adamson, R. (1969). *Fichte*. N.Y., Mỹ: Freeport.
- Altamira, R. (1955). *A history of Spain*. N.J., Mỹ: Princeton.
- Altamira, R. (1930). *History of Spanish civilization*. London, Anh: Constable
- Arnold, M. (n.d.) *Essays in criticism*, First And Second Series. New York, Mỹ: A. L. Burt.
- Aulard, A. (1910). *The French revolution*, 4v. New York, Mỹ: Scribner
- Aulard, A. (1927). *Christianity and the French revolution*. Boston, Mỹ: Little, Brown and Company.
- Austen, J. (1964). *The complete novels*. New York, Mỹ: Modern Library.
- Austen, J. (1949). *Pride and prejudice & Sense and sensibility*. New York, Mỹ: Modern Library.
- Balcarres, Lord. (1909). *Evolution of Italian sculpture*. London, Anh: John Murray.
- Baldick, R. (biên tập). (1961). *The memoirs of Chateaubriand*. New York, Mỹ: Hamish Hamilton.
- Barnes, H. E. (1942). *An economic history of the Western world*. New York, Mỹ: Harcourt, Brace and Co.
- Bateson, F. W. (1954). *Wordsworth: A re-interpretation*. London, Anh: Longmans.
- Beard, C. (1927). *Introduction to the English historians*. New York, Mỹ: Macmillan.
- Becker, C. (1951). *The heavenly city of the eighteenth century philosophers*. New Haven, Mỹ: Yale University Press.
- Beethoven, L. V. (1961), *Letters*. (E. Anderson dịch), 3v. New York, Mỹ: Macmillan.
- Bell, E. T. (1937). *Men of mathematics*. New York, Mỹ: Simon and Schuster.
- Belloc, H. (1899). *Danton*. New York, Mỹ: Charles Scribner's Sons.

- Benn, A. W. (1906). *History of English rationalism in the nineteenth century*, 2v. London, Anh: Longmans.
- Bentham, J. (1948). *A fragment on government*. Oxford, Anh: Basil Blackwell.
- Bentham, J. (1948). *An introduction to the principles of morals and legislation*. New York, Mỹ: Hafner.
- Bernal, J. D. (1957). *Science in history*. London, Anh: Watts.
- Berry, A. (1909). *A short history of astronomy*. New York, Mỹ: Charles Scribner's Sons.
- Bertaut, J. (1916). *Napoleon in his own words*. (H. E. Law & C. L. Rhodes dịch). Chicago, Mỹ: A. C. McClurg & Co.
- Bertrand, H. G. (1952). *Napoleon at St. Helena*. New York, Mỹ: Doubleday.
- Blake, W. (1954). *Poems and prophecies*. New York, Mỹ: Dutton.
- Blake, W. (1947). *Selected Poems*. London, Anh: Westhouse.
- Boas, G. (1925). *French philosophers of the romantic period*. Baltimore, Mỹ: The Johns Hopkins Press.
- Borrow, G. (1908). *The Bible in Spain*. London, Anh: John Murray.
- Bourguignon, J. (1936). *Napoléon Bonaparte*, 2v. Paris: Éditions Nationales.
- Bourrienne, L.-A. F. de. (1890) *Memoirs Of Napoleon Bonaparte*, 4v. New York, Mỹ: Charles Scribner's Sons.
- Bowen, M. (1936). *Patriotic lady: Emma, Lady Hamilton*. New York, Mỹ: Appleton-Century.
- Brandes, G. (1905). *Main currents in nineteenth century literature*, 6v. New York, Mỹ: Macmillan.
- Brandes, G. (1924). *Wolfgang Goethe*, 2v. (A. Porterfield dịch). New York, Mỹ: Nicholas L. Brown.
- Breed, L. (1926). *The opinions and reflections of Napoleon*. Boston, Mỹ: Four Seas Co..
- Brett, G. S. (1953). *History of psychology*. London, Anh: Allen & Unwin.
- Brinton, C. (1930). *The Jacobins*. New York, Mỹ: Macmillan.
- Brion, M. (1962). *Daily life in the Vienna of Mozart and Schubert*. New York, Mỹ: Macmillan:.
- Brockway, W., & Weinstock, H. (1939). *Men of music*. New York, Mỹ: Simon & Schuster.
- Brockway, W., & Winer, B. (1941). *A second treasury*

- of the world's great letters.*  
New York, Mỹ: Simon and Schuster,.
- Bruckner, A. (1908). *A literary history of Russia.* (H. Havelock dịch). New York, Mỹ: Charles Scribner's Sons.
- Burke, T. (1941). *English night life.* London, Anh: Batsford.
- Byron, G. G. (1858). *The poetical works of Lord Byron: Complete in one volume.* New York, Mỹ: Leavitt & Allen.
- Caird, E. (1911). *Hegel.* Edinburgh, Anh: W. Blackwood and Sons.  
Cambridge University Press.  
(1918). *Cambridge modern history (CMH), vols. 8 & 9.* Cambridge, Anh.
- Cameron, K. N. (1950). *The young Shelley.* New York, Mỹ: Macmillan.
- Campan, J.-L. (1917). *Memoirs of the private life of Marie Antoinette,* 2v. New York, Mỹ: Brentano.
- Canova, A. (1876-1878). *The works of Antonio Canova in sculpture and modelling: With descriptions from the Italian of the Countess Albrizzi and a biographical memoir by Count Cicognara,* 2v. Boston, Mỹ: James R. Osgood and Company.
- Canton, G. (1902). *Napoléon antimilitariste.* Paris, Pháp: Félix Alcan.
- Carlyle, T. (1900-1901). *Critical and miscellaneous essays,* 5v. New York, Mỹ: Charles Scribner's Sons.
- Carlyle, T. (1900). *The French Revolution,* 2v. New York, Mỹ: A. L. Burt.
- Castiglione, A. (1941). *A history of medicine.* (E. B. Krumbhaar dịch). New York, Mỹ: Alfred A. Knopf.
- Caulaincourt, A. de. (1935). *With Napoleon in Russia.* New York, Mỹ: W. Morrow and Company.
- Cerf, L. (biên tập). (1931). *Letters of Napoleon to Josephine.* (H. W. Bunn dịch). New York, Mỹ: Brentano.
- Chateaubriand, F.-R. (1926) *Atala and René.* New York, Mỹ: Oxford University Press,.
- Chateaubriand, F.-R. (1884). *The genius of Christianity.* (C. I. White dịch). Baltimore, Mỹ: John Murphy.
- Chateaubriand, F.-R. de (1968). *Mémoires d'outre-tombe.* Paris, Pháp: Jean de Bonnot.
- Clark, B. H. (1928). *Great short biographies of the world.* New York, Mỹ: R. M. McBride & Company.
- Cole, G. D. H. (1925). *Robert Owen.* Boston, Mỹ: Little,

- Brown & Co.
- Coleridge, S. T. (1908). *Biographia Literaria*. Boston, Mỹ: E.P. Dutton & Co.
- Coleridge, S. T. (1965). *The Annotated Ancient Mariner*. New York, Mỹ: C.N. Potter.
- Colles, H. C. (biên tập). (1927). *Grove's dictionary of music and musicians*, 5v. New York, Mỹ: Oxford University Press.
- Colmer, J. (1959). *Coleridge critic of society*. New York, Mỹ: Oxford University Press.
- Comte Emmanuel de Las Cases. (1883). *Memoirs of the emperor Napoleon*, 4v. New York, Mỹ: A. C. Armstrong.
- Constant, B. (1959) *Adolphe; and, The red note-book*. New York, Mỹ: Hamish Hamilton.
- Constant, B. (1945). *Journal intime*. Monaco: Éditions du Rocher.
- Corti, E. C. (1928). *Rise of the house of Rothschild*. (Brian & Beatrix Lunn dịch). New York, Mỹ: Cosmopolitan Book.
- Crawley, C. W. (chủ biên). (1965). *The new Cambridge modern history*, vol. 9: *War and peace in an age of upheaval, 1793–1830*. Cambridge, Anh: Cambridge University Press.
- Cronin, V. (1972). *Napoleon Bonaparte*. New York, Mỹ: William Morrow.
- Delderfield, R. F. (1967). *The retreat from Moscow*. New York, Mỹ: Atheneum.
- Dicey, A. V. (1905). *Law and Public Opinion in England during the 19th Century*. London, Anh: Macmillan.
- Dowden, E. (1887). *Life of Shelley*, 2v. London, Anh: Kegan Paul, Trench & Co.
- Dubnow, S. M. (1916). *History of the Jews in Russia and Poland*, 3v. (I. Friedlaender dịch). Philadelphia, Mỹ: The Jewish Publication Society of America.
- Eckermann, J. P. (1935). *Conversations with Goethe*. (J. Oxenford dịch). London, Anh: J. M. Dent & Sons.
- Edwards, P. (chủ biên). (1967). *Encyclopedia of philosophy*, 8v. New York, Mỹ: Pearson College Div.
- Emerson, R. W. (1892). *Representative Men*. Philadelphia, Mỹ: David McKay.
- Encyclopaedia Britannica* (EB) 24v. (1970). Chicago, Mỹ.
- Encyclopaedia Britannica*, 24v. (1929). New York, Mỹ.
- Faguet, E. (1887). *Dix-neuvième siècle: Études littéraires*. Paris: Boivin.

- Faguet, E. (1900). *Dix-septième siècle: Études et portraits littéraires*. Paris: Boivin.
- Fain, A. (1834). *Memoirs of the invasion of France by the Allied Armies (1814)*. London, Anh: H. Colburn.
- Faÿ, B. (1967). *Louis XVI*. Chicago, Mỹ: Henry Regnery Company.
- Fiala, V. (1957). *Russian painting of the 18<sup>th</sup> and 19<sup>th</sup> centuries*. (Jean Layton dịch). Praha, Tiệp Khắc: Artia.
- Fichte, J. G. (1968). *Addresses to the German nation*. New York, Mỹ: Harper & Row.
- Fichte, J. G. (1970). *The science of knowledge*. (P. Heath & J. Lachs dịch). New York, Mỹ: Meredith.
- Fichte, J. G. (1925). *The vocation of man*. (W. Smith dịch). Chicago, Mỹ: Open Court.
- Findlay, J. N. (1962). *Hegel: A re-examination*. New York, Mỹ: Collier.
- Finkelstein, L. (chủ biên). (1949). *The Jews: Their history, culture and religion*, 2v. New York, Mỹ: Harper.
- Fisher, H. A. L. (1903). *Studies in Napoleonic statesmanship: Germany*. Oxford, Anh: Calderon Press.
- Florinsky, M. T. (1955). *Russia: A history and an interpretation*, 2v. New York, Mỹ: Macmillan.
- Ford, B. (biên tập). (1963). *Pelican guide to English literature*, Vol. 5: *From Blake to Byron*. Baltimore, Mỹ: Penguin Books.
- Fouché, J. (1825) *The memoirs of Joseph Fouché, duke of Otranto*, 2v. London, Anh: Printed for Charles Knight.
- Fournier, A. (1926). *Napoleon the first*. (M. B. Corwin & A. D. Bissell dịch). New York, Mỹ: Henry Holt and Company.
- Francke, K. (1901). *A history of German literature as determined by social forces*. New York, Mỹ: Henry Holt and Company.
- Friedrich, C. J. (biên tập). (1954). *The philosophy of Georg Wilhelm Hegel*. New York, Mỹ: Modern Library,.
- Fruman, N. (1971). *Coleridge, The Damaged Archangel*. New York, Mỹ: George Braziller.
- Garrison, F. (1929). *An introduction to the history of medicine*. Philadelphia, Mỹ: W.B. Saunders.
- Geyl, P. (1965). *Napoleon: For and against*. Baltimore, Mỹ: Penguin.

- Gibbon, E. (1880). *History of the decline and fall of the Roman empire*. New York, Mỹ: Nottingham Society.
- Gilbert, O. P. (1923). *The Prince de Ligne*. (J. McCabe dịch). New York, Mỹ: McDevitt Wilson.
- Godwin, W. (1842). *Enquiry concerning political justice*, 2v. London, Anh: J. Watson.
- Gooch, G. P. (1966). *Germany and the French revolution*. New York, Mỹ: Russell and Russell.
- Gooch, G. P. (1952). *History and historians in the nineteenth century* (in lần 2). London, Anh: Longmans, Green & Co.
- Goodwin, E. H. (chủ biên). (1965). *The new Cambridge modern history*, vol. 8: *The American and French revolutions, 1763-93*. Cambridge, Anh: Cambridge University Press.
- Goodrich, F. B. (1857). *The court of Napoleon*. New York, Mỹ: Derby & Jackson.
- Gottschalk, L. R. (1927). *Jean-Paul Marat*. New York, Mỹ: Greenberg.
- Gourgaud, G. (1944). *Journal de Sainte-Hélène, 1815-1818*, 2v. Paris: Ernest Flammarion.
- Graetz, H. (1919). *Popular history of the Jews*, 8v. (A. B. Rhine dịch). New York, Mỹ: Hebrew Publishing Company.
- Gramont, S. de. (1968). *Epitaph for kings*. New York, Mỹ: Putnam.
- Green, J. R. (1898). *Short history of the English people*, 3v. London, Anh: Macmillan,.
- Greenlaw, R. W. (1958). *Economic origins of the French revolution*. Boston, Mỹ: D. C. Heath.
- Grout, D. J. (1954). *A short history of opera*. New York, Mỹ: Columbia University Press.
- Guérard, A. L. (1914). *French civilization in the nineteenth century*. London, Anh: T. Fisher Unwin.
- Guiccioli, T. (1869). *My recollections of Lord Byron*. (H. E. H. Jerningham dịch). London, Anh: Richard Bentley.
- Guillemin, H. (1969). *Napoléon tel quel*. Paris, Pháp: Éditions de Trevisé.
- Halévy, E. (1924). *History of the English people in 1815*. Harmondsworth, Anh: Penguin Books.
- Hancock, A. E. (1967). *The French revolution and the English poets*. Port Washington, N.Y., Mỹ:

- Kennikat Press.
- Hauser, A. (1952). *The social history of art*, 2v. New York, Mỹ: Alfred A. Knopf.
- Hawkins, J. (1961). *The life of Samuel Johnson*. New York, Mỹ: Macmillan.
- Hazlitt, W. (1964). *Lectures on the English poets and the spirit of the age*. London, Anh: Dent.
- Hegel, G. W. F. (1900). *Philosophy of history*. (J. Sibree dịch). New York, Mỹ: Colonial Press.
- Hegel, G. W. F. (1952). *Philosophy of right*. Trong R. M. Hutchins (biên tập). *Great Books of the Western World*, Vol. 46. Chicago, Mỹ: William Benton.
- Heilbroner, R. L. (1953). *The worldly philosophers*. New York, Mỹ: Simon and Schuster.
- Helvétius, C.-A. (1807). *De L'esprit, or Essays on the mind*. (W. Mudford dịch). London, Anh: M. Jones.
- Herold, J. C. (1962). *Bonaparte in Egypt*. New York, Mỹ: Harper and Row.
- Herold, J. C. (biên tập). (1965). *The mind of Napoleon*. New York, Mỹ: Columbia University Press.
- Herold, J. C. (1958). *Mistress to an age: A life of Madame de Staël*. Indianapolis, Mỹ: Bobbs-Merrill Co.
- Hirsch, E. D., Jr. (1960). *Wordsworth and Schelling*. New Haven, Mỹ: Yale University Press.
- Hirsh, D. (1969). *The world of Turner*. New York, Mỹ: Time-Life Books.
- Hobsbawm, E. J. (1969). *Industry and empire: The Pelican economic history of Britain*, vol 3. Baltimore, Mỹ: Penguin.
- Hoffding, H. (1955). *History of modern philosophy*, 2v. New York, Mỹ: Dover.
- Horn, F. W. (1884). *History of the literature of the Scandinavian North from the most ancient times to the present*. (R. B. Anderson dịch). Chicago, Mỹ: S. C. Griggs.
- Horne, R. H. (biên tập). (1844). *The history of Napoleon*, 2v. London, Anh: R. Tyas.
- Hotson L. (biên tập). (1930). *Lost letters to Harriet*. London, Anh: Faber & Faber Limited.
- Houssaye, H. (1905). *La première Restauration. Le retour de l'île d'Elbe. Les cent jours*. Paris, Pháp: Perrin.
- Houssaye, H. (1918). *1815: La seconde abdication- La terreur blanche*. Paris, Pháp: Perrin.

- Houssaye, H. (1905). *1815: Waterloo*. (S. R. Willis dịch). Kansas City, Mỹ: F. Hudson Publishing Co.
- Howarth, D. (1969). *Trafalgar*. New York, Mỹ: Atheneum.
- Howarth, D. (1968). *Waterloo: Day of battle*. New York, Mỹ: Atheneum.
- Hugo, V. (1906). *Ninety-three*. Trong *Hugo's Works* (vol. VII). New York, Mỹ: Century Co.
- Humboldt, A. von (1849-1858). *Cosmos: A sketch of a physical description of the universe*, 5v. (C.E. Otté & W. S. Dallas dịch). London, Anh: Longman, Brown, Green & Longmans: John Murray.
- Hutt, M. (1972). *Napoleon*. Englewood Cliffs, Mỹ: Prentice-Hall.
- Johnson, E. G. (biên tập). (1900). *The private memoirs of Madame Roland*. Chicago, Mỹ: A. C. McClurg.
- Jones, F. L. (biên tập). (1964). *The letters of Percy Bysshe Shelley*, 2v. Oxford, Anh: Oxford University Press.
- Junot, L. (1901). *Memoirs of the emperor Napoleon*, 3v. Washington, Mỹ & London, Anh: Walter Dunne.
- Kafker, F. A., & Laux, J. M. (biên tập). (1968). *The French revolution: Conflicting interpretations*. New York, Mỹ: Random House.
- Kaufman, W. (1965). *Hegel: Reinterpretation, texts and commentary*. New York, Mỹ: Doubleday.
- Kerst, F. (1964). *Beethoven, the man and the artist, as revealed in his own words*. (H. E. Krehbiel dịch). New York, Mỹ: Dover.
- Kircheisen, F. M. (biên tập). (1929). *Memoirs of Napoleon I, Compiled from his own writings*. (F. Collins dịch). New York, Mỹ: Duffield & Company.
- Kornilov, A. (1924). *Modern Russian history*. (A. S. Kaun dịch). New York, Mỹ: A.A. Knopf.
- Kropotkin, P. A. (1909). *The great French revolution*. (N. F. Dryhurst dịch). New York, Mỹ: Vanguard Printings.
- Kropotkin, P. A. (1919). *Ideals and realities in Russian literature*. New York, Mỹ: A.A. Knopf.
- Kropotkin, P. A. (1908). *Modern science and anarchism*. New York, Mỹ: Mother Earth Publishing Association.
- La Bruyère, J. de. (1929). *The Characters of Jean de la Bruyère*. (H. van Laun dịch).

- New York, Mỹ: Brentano.
- Lacroix, P. (1884). *Directoire, consulat et empire*. Paris, Pháp: Firmin-Didot.
- Lamartine, A. de. (1913). *History of the Girondists*, 3v. (H. T. Ryde dịch). London, Anh: G. Bell & Sons.
- Lanfrey, P. (1886). *History of Napoleon*, 4v. London, Anh: Macmillan.
- Lang, P. H. (1941). *Music in Western civilization*. New York, Mỹ: W. W. Norton.
- Lanson, G. (1912). *Histoire de la littérature française (bản in thứ 12)*. Paris, Pháp: Hachette.
- Lea, H. C. (1906-1907). *History of the Inquisition in Spain*, 4v. New York, Mỹ: Macmillan.
- Le Bon, G. (1913). *The psychology of revolution*. (B. Miall dịch). New York, Mỹ: T.F. Unwin.
- Lecky, W. E. (1883-1890). *History of England in the eighteenth century*, 8v. London, Anh: Longmans, Green and Co.
- Lefebvre, G. (1963). *Études sur la révolution française*. Paris, Pháp: PUF.
- Lefebvre, G. (1962). *The French revolution*. (E. M. Evanson dịch). London, Anh: Rouledge & Kegan Paul.
- Lefebvre, G. (1969). *Napoleon*, 2v. New York, Mỹ: Columbia University Press.
- Lemaitre, J. (không niên đại). *Chateaubriand*. Paris, Pháp: Calmann-Lévy.
- Lenôtre, G. (1909). *The tribunal of the Terror*. (F. Lees dịch). Philadelphia, Mỹ: J. B. Lippincott.
- Lévy, A. (1894). *The private life of Napoleon*, 2v. (S. L. Simeon dịch). New York, Mỹ: Charles Scribner's Sons.
- Lewes, G. (1902). *Life of Goethe*, 2v. Trong *The works of J. W. von Goethe*, 14v. New York, Mỹ.
- Locy, W. A. (1915). *Biology and its makers*. New York, Mỹ: H. Holt and company.
- Longford, E. (1969). *Wellington: The years of the sword*. New York, Mỹ: Harper & Row.
- Loomis, S. (1964). *Paris in the terror*. Philadelphia & New York, Mỹ: J. B. Lippincott.
- Lowes, J. L. (1927). *The road to Xanadu*. Boston & New York, Mỹ: Houghton Mifflin.
- Macaulay, T. B. (1886). *Critical, historical, and miscellaneous essays*, 6v. New York, Mỹ: Sheldon & Co.
- Maclaurin, C. (1922). *Post mortem*. New York, Mỹ: George H. Doran.

- Madame de Staël. (1845). *Considérations sur les principaux événements de la révolution française*. Paris, Pháp: Charpentier.
- Madame de Staël. (1969). *Corinne, or Italy*. (I. Hill dịch). New York, Mỹ: T. Crowell.
- Madame de Staël. (1813). *The influence of literature upon society*. (dịch giả khuyết danh). Boston, Mỹ: W. Wells hợp tác với T.B. Wait & Co.
- Madame de Staël. (1861). *Germany*, 2v. New York, Mỹ: H. W. Derby.
- Madame de Staël. (1968). *Ten years' exile*. Fontwell, Anh: Centaur Press.
- Madelin, L. (1967). *The Consulate and the empire*, 2v. (E. F. Buckley dịch) New York, Mỹ: AMS Press.
- Madelin, L. (1930). *The French revolution*. London, Anh: William Heinemann.
- Madelin, L. (1948). *Talleyrand*. London, Anh: Rolls Book Co.
- Maine de Biran, M.-F. (1970). *The influence of habit on the faculty of thinking*. (M. D. Boehm dịch). Westport, Mỹ: Greenwood Press.
- Maistre, J.-M. de. (1922). *Les Soirées de Saint-Petersbourg*, 2v. Paris, Pháp: Gamier.
- Maistre, J.-M. de. (1965). *The works of Joseph de Maistre*, (J. Lively dịch). New York, Mỹ: Macmillan.
- Malthus, T. R. (1826). *An essay on the principle of population, 1798 and 1803*. London, Anh: John Murray.
- Mantzius, K. (1937). *History of theatrical art*, 6v. (L. von Cossel dịch). New York, Mỹ: Peter Smith.
- Marchand, L. A. (1957). *Byron*, 3v. New York, Mỹ: Alfred A. Knopf.
- Margoliouth, H. M. (1951). *William Blake*. Oxford, Anh: Oxford University Press.
- Markun, L. (1930). *Mrs. Grundy: A history of four centuries of morals*. New York, Mỹ: D. Appleton & Co.
- Marquis de Segur. (1928). *Marie Antoinette*. (Mary Carolina Watt dịch) New York, Mỹ: Dutton.
- Martineau, G. (1969). *Napoleon's St. Helena*. New York, Mỹ: Rand McNally.
- Marx, K., & Engels, F. (1939). *Revolution in Spain*. New York, Mỹ: Lawrence & Wishart.
- Masson, F. (1911). *Napoleon and his coronation*. (F. Cobb dịch). Philadelphia, Mỹ: J. B. Lippincott.
- Masson, F. (1894). *Napoleon at home*, 2v. (J. E. Matthew

- dịch). London, Anh: H. Grevel & Co và Philadelphia, Mỹ: J. B. Lippincott.
- Mathiez, A. (1964). *The French revolution*. (C. A. Philips dịch). New York, Mỹ: Grosset & Dunlap.
- Mathiez, A. (1931). *After Robespierre: The Thermidorian reaction*. (C. A. Philips dịch). New York, Mỹ: A.A. Knopf.
- Maurois, A. (1930). *Byron*. (H. Miles dịch). New York, Mỹ: D. Appleton & Co.
- Mayne, E. C. (1929). *Life and letters of Anna Isabella, Lady Noel Byron*. London, Anh: Dawsons.
- Mccabe, J. (1916). *Crises in the history of the papacy*. New York, Mỹ: G. P. Putnam's sons.
- Méneval, C.-F. de. (1910). *Memoirs of Napoleon Bonaparte, the court of the first empire*, 3v. New York, Mỹ: P. F. Collier & Son.
- Michelet, J. (1847). *History of the French revolution*. (C. Cocks dịch). London, Anh: H.G. Bohn.
- Mill, J. S. (1962). *On Bentham and Coleridge*. New York, Mỹ: Harper and Row.
- Mistler, J. (chủ biên). (1968). *Napoléon et l'empire*, 2v. Paris, Pháp: Hachette.
- Modern Library. (1940). *The complete poems of Keats and Shelley*. New York, Mỹ: Modern Library
- Monroe, P. (1928). *A text-book in the history of education*. New York, Mỹ: Macmillan.
- Moore, F. J. (1918). *History of chemistry*. New York, Mỹ: McGraw-Hill.
- Moorman, M. (1968). *William Wordsworth: The early years*. Oxford, Anh: Oxford University Press.
- Moorman, M. (1968). *William Wordsworth: The later years*. Oxford, Anh: Calderon Press.
- Morley, J. (1923). *Biographical Studies*. London, Anh: Macmillan.
- Morris, A. C. (1889). *The diary and letters of Gouverneur Morris*, 2v. London, Anh: Kegan Paul, Trench & Co.
- Mossiker, F. (1964). *Napoleon and Josephine*. New York, Mỹ: Simon & Schuster.
- Musset, A. de. (1910). *Confessions of a child of the century*. New York, Mỹ: Current Literature Publishing Company.
- Muther, R. (1907). *The history of modern painting*, 4v. London, Anh: J. M. Dent; New York, Mỹ: E. P. Dutton.
- Nicholson, H. (1949). *Benjamin Constant*. Garden City, Mỹ:

- Doubleday.
- Nietzsche, F. (1909). *Beyond good and evil*. (H. Zimmern dịch). London, Anh: T. N. Foulis.
- Nietzsche, F. (1914). *The will to power*. 2v. (A. M. Ludovici dịch). London, Anh: T. N. Foulis.
- Noli, F. S. (1947) *Beethoven and the French revolution*. New York, Mỹ: International Universities Press.
- O'meara, B. (1822). *Napoleon in exile, or A voice from St. Helena*, 2v. Philadelphia, Mỹ: H. C. Carey & I. Lea.
- Ortzen, L. (1974). *Imperial Venus: The story of Pauline Bonaparte Borghese*. New York, Mỹ: Stein & Day.
- Osborn, H. F. (1922) *From The Greeks to Darwin*. New York, Mỹ: Macmillan.
- Owen, R. (1966). *A new view of society and other writings*. New York, Mỹ: E. P. Dutton & Co.
- Owen, W. J. (1969). *Wordsworth & Coleridge lyrical ballads 1798*. London, Anh: Oxford University Press.
- Paine, T. (1898). *The age of reason*. New York, Mỹ: The Truth Seeker Co.
- Paine, T. (1963). *The rights of man*. London, Anh: J. M. Dent.
- Palmer, A. (1972). *Metternich*. London, Anh: Weidenfeld & Nicolson.
- Palmer, A. (1967). *Napoleon in Russia*. New York, Mỹ: Simon and Schuster.
- Palmer, R. R. (1970). *Twelve who ruled*. Princeton, Mỹ: Princeton University Press.
- Pascal, R. (1957). *The German novel*. Manchester, Anh: Manchester University Press.
- Paulsen, F. (1908). *German education*. (T. Lorenz dịch). New York, Mỹ: Charles Scribners Sons.
- Petersen, H. (biên tập). (1954). *A treasury of the world's great speeches*. New York, Mỹ: Grolier.
- Phillips, C. S. (1929). *The church in France, 1789-1848*. London, Anh: A. R. Mowbray & Co.
- Pinoteau, H. (biên tập). (1969). *Le sacre de S. M. l'empereur Napoléon*. Paris, Palais-Royal.
- Plumb, J. H. (1957). *The first four Georges*. New York, Mỹ: Macmillan.
- Pope, D. (1972). *The great gamble: Nelson at Copenhagen*. New York, Mỹ: Simon & Schuster.
- Quennell, M., & Quennell, C.

- (1933). *History of everyday things in england: The rise of industrialism 1733-1851*. New York, Mỹ: Charles Scribners Sons.
- Rawson, G. (1960). *Nelson's letters*. London, Anh: J. M. Dent
- Réau, L. (1922). *L'art Russe*. Paris, Pháp: H. Laurens.
- Reddaway, W. F. (chủ biên). (1950). *The Cambridge history of Poland*, 2v. Cambridge, Anh: Cambridge University Press.
- Rémusat, P. de. (biên tập). (1880). *Memoirs of Madame de Rémusat, 1802-1808*. (F. C. Hoey & J. Lillie dịch). New York, Mỹ: D. Appleton & Co.
- Robinson, J. H. (1906). *Readings in European history, vol 2*. Boston, Mỹ: Ginn & Co.
- Robiquel, J. (1965). *Daily life in the French revolution*. New York, Mỹ: Macmillan.
- Rogers, J. E. T. (1890). *Six centuries of work and wages*. New York, Mỹ: Humboldt.
- Rose, J. H. (1912). *The personality of Napoleon*. New York, Mỹ: G. P. Putnam's sons.
- Rosebery, A. P. P. (1930). *Napoleon: The last phase*. New York, Mỹ: Jonathan Cape & Harrison Smith.
- Rosebery, A. P. P. (1908). *Pitt*. London, Anh: Macmillan.
- Rosebury, T. (1971) *Microbes And Morals*. New York, Mỹ: Viking Press.
- Ross, E. A. (1906). *Social control*. New York, Mỹ: Macmillan.
- Rudé, G. (1959). *The crowd in the French revolution*. Oxford, Anh: Oxford University Press,.
- Rudé, G. (1964). *The crowd in history*. New York, Mỹ: Wiley.
- Rudé, G. (1967). *Robespierre*. Englewood Cliffs, Mỹ: Prentice-Hall.
- Russell, A. G. (1912). *The engravings of William Blake*. Boston, Mỹ: Houghton Mifflin.
- Russell, B. (1957). *Understanding history and other essays*. New York, Mỹ: Philosophical Library.
- Sadler, T. (biên tập). (1869). *Diary, reminiscences, and correspondence of Henry Crabb Robinson*. London, Anh: Macmillan.
- Sainte-Beuve, C.-A. (1889). *Chateaubriand et son groupe littéraire sous l'empire*, 2v. Paris, Pháp: Calmann-Lévy.

- Sainte-Beuve, C.-A. (1891). *Monday Chats*. (W. Matthews dịch). Chicago, Mỹ: S. C. Griggs & Co..
- Sainte-Beuve, C.-A. (1868). *Portraits of celebrated women*. (H. W. Preston dịch). Boston, Mỹ: Roberts Brothers.
- Schelling, F. (1942). *The ages of the world*. (F. de Wolfe Bolman Jr. dịch). New York, Mỹ: Columbia University Press.
- Schelling, F. (1936). *Of human freedom*. (J. Gutmann dịch). Chicago, Mỹ: Open Court.
- Schopenhauer, A. (1883). *The world as will and idea*, 3v. (R. B. Haldane & J. Kemp dịch). London, Anh: Trübner & Co.
- Scott, W. (1899). *The heart of Midlothian*. Trong *The Waverley novels*, 22v. New York: John W. Lovell.
- Scott, W. (1907). *The poems of Sir Walter Scott from the latest Edinburgh edition*. New York, Mỹ: A. L. Burt.
- Sedgwick, W. T., & Tyler, H. W. (1917). *Short history of science*. New York, Mỹ: Macmillan.
- Seeley, J. R. (1879). *Life and times of Stein*, 2v. Boston, Mỹ: Roberts brothers.
- Sieyès, E.-J. (1964). *What is the Third Estate?* (M. Blondel dịch). New York, Mỹ: Praeger.
- Sigerist, H. E. (1933). *The great doctors*. New York, Mỹ: W.W. Norton & Co.
- Soboul, A. (1964). *The Parisian sans-culottes and the French revolution*. (G. Lewis dịch). Oxford, Anh: Clarendon Press.
- Sorel, A. (1971). *Europe and the French revolution*, vol. 1. (A. Cobban & J. W. Hunt dịch). Garden City, Mỹ: Anchor Books.
- Sorel, G. (1914). *Reflections on violence*. (T. E. Hulme dịch). New York, Mỹ: B. W. Huebsch.
- Southey, R. (1868). *Life of Nelson*. London, Anh: Bell & Daldy.
- Stace, W. T. (1955). *The philosophy of Hegel*. New York, Mỹ: Dover.
- Stacton, D. (1966). *The Bonapartes*. New York, Mỹ: Simon & Schuster.
- Stauffer, D. A. (1951). *Selected poetry and prose of Coleridge*. New York: Random House.
- Stendhal. (1958). *The charterhouse of Parma*. Baltimore, Mỹ: Penguin Classics.
- Stephens, H. M. (1892). *Principal speeches of the statesmen and orators of*

- the French revolution*, 2v. Oxford, Anh: Calderon Press.
- Stephens, H. M. (1895). *The story of Portugal*. New York, Mỹ: G.P. Putnam's Sons.
- Stevens, A. (1881). *Madame de Staël*, 2v. New York, Mỹ: Harper & Brothers.
- Strakhovsky, L. (1947). *Alexander I of Russia*. New York, Mỹ: W.W. Norton.
- Stranahan, C. H. (1907). *A history of French painting*. New York, Mỹ: C. Scribner's Sons.
- Sullivan, J. W. N. (1927). *Beethoven: His spiritual development*. New York, Mỹ: A. A. Knopf.
- Taine, H. (1891). *The ancient regime*. (J. Durand dịch). New York, Mỹ: Henry Holt.
- Taine, H. (1931). *The French revolution*, 3v. (J. Durand dịch). New York, Mỹ: Peter Smith.
- Taine, H. (1890). *The modern regime*, vol. 1. (J. Durand dịch). New York, Mỹ: Henry Holt.
- Taine, H. (1882). *Les philosophes classiques du XIXe siècle en France*. Paris, Pháp: Hachette.
- Talleyrand-Périgord, C.-M. de. (1895). *Memoirs*, 5v. (R. L. de Beaufort & A. Hall dịch). Boston, Mỹ: Napoleon Society.
- Thackeray, W. M. (1900). *The works of William Makepeace Thackeray*, vol. 7: *English humourists. Four Georges*. Boston, Mỹ: Dana Estes.
- Thackeray, W. M. (1900). *The works of William Makepeace Thackeray*, vols. 20-21: *Roundabout papers*. Boston, Mỹ: Dana Estes.
- Thayer, A. W. (1960). *The life of Ludwig van Beethoven*, 3v. (H. E. Krehbiel dịch). London, Anh: Centaur Press.
- Thiers, L.-A. (1893). *History of the Consulate and the empire of France under Napoleon*, 12v. (D. F. Campbell & J. Stebbing dịch). Philadelphia, Mỹ: J. B. Lippincott.
- Thompson, J. M. (dịch & biên tập). (1954). *Napoleon's letters*. New York, Mỹ: E. P. Dutton & Co.
- Thornton, J. C. (biên tập). (1934). *Table talk from Ben Jonson to Leigh Hunt*. London, Anh: J. M. Dent.
- Tocqueville, A. de. (1955). *The old regime and the French revolution*. (S. Gilbert dịch). Garden City, Mỹ: Doubleday.
- Traill, H. D., & Mann, J. S. (biên tập). (1902-1904) *Social England*, 6v. London, Anh: Cassell & Co.

- Treitschke, H. von. (1915). *History of Germany in the nineteenth century*, vol. 1. (E. Paul & Cedar Paul dịch). New York, Mỹ: McBride, Nast & Co.
- Trevelyan, G. M. (1947). *English social history*. London, Anh: Longmans, Green & Co.
- Turner, P. M., & Baker, C. H. C. (1910). *Stories of the French artists*. New York, Mỹ: Duffield.
- Überweg, F. (1872-1874). *History of philosophy*, 2v. (G. S. Morris DỊCH). New York, Mỹ: C. Scribner & Co.
- Vallentin, A. (1948). *Mirabeau*. (E. W. Dickes dịch). New York, Mỹ: Viking Press.
- Vandal, A. (1903-1907). *L'avènement de Napoleon*, 2v. Paris, Pháp: Plon-Nourrit.
- Vandal, A. (1891- 1896). *Napoleon et Alexandre Ier*, 3v. Paris, Pháp: Plon-Nourrit.
- Van Doren, D. (1929). *The lost art: Letters of seven famous women*. New York, Mỹ: Coward-McCann.
- Van Laun, H. (1876-1877). *History of French literature*, 3v. London, Anh: Smith, Elder & Co.
- Wairy, L. C. (1907). *Memoirs of Constant, First valet de chambre of the Emperor, on the private life of Napoleon, his family and his court*. (E. G. Martin dịch). New York, Mỹ: Century Co.
- Watson, J. S. (1960). *The reign of George III, 1760-1815*. Oxford, Anh: Clarendon Press.
- Weidman, F. (1968). *Hegel: An illustrated biography*. (J. Neugroschel dịch). New York, Mỹ: Pegasus.
- White, R. J. (1953). *Political tracts of Wordsworth, Coleridge, and Shelley*. Cambridge, Anh: Cambridge University Press.
- Wiener, L. (1902). *Anthology of Russian literature*, 2v. New York, Mỹ & London, Anh: G.P. Putnam's Sons.
- Williams, H. S. (1904). *History of science*, 5v. New York, Mỹ: Harper & Brothers.
- Wilson, P. W. (1934). *William Pitt, the Younger*. New York, Mỹ: Doubleday, Doran & Co.
- Wingfield-Stratford, E. (1948). *History of British civilization*. London, Anh: Routledge & Kegan Paul.
- Winwar, F. (1938). *Farewell the banner*. New York, Mỹ: Doubleday, Doran & Co.
- Wolf, A. (1939). *History of*

- science, technology and philosophy in the eighteenth century.* New York, Mỹ: Macmillan.
- Wollstonecraft, M. (1890). *A vindication of the rights of woman.* New York, Mỹ: Scribner and Welford.
- Woods, G. B., Watt, H. A., & Anderson, G. K. (1936). *The literature of England*, 2v. Chicago, Mỹ: Scott, Foresman & Co.
- Wordsworth, D. (1971). *Journals of Dorothy Wordsworth.* Oxford, Anh: Calderon Press,.
- Wordsworth, W. (1890). *The complete poetical works of William Wordsworth.* New York, Mỹ: A. L. Burt.
- Wright, R. (1956). *Prose of the romantic period, 1780-1830.* Harmondsworth, Anh: Penguin Books.
- Young, A. (1906). *Travels in France during the years 1787, 1788, and 1789.* London, Anh: G. Bell and sons.
- Zweig, S. (1930). *Joseph Fouché.* (C. Paul & E. Paul dịch). New York, Mỹ: The Viking Press.